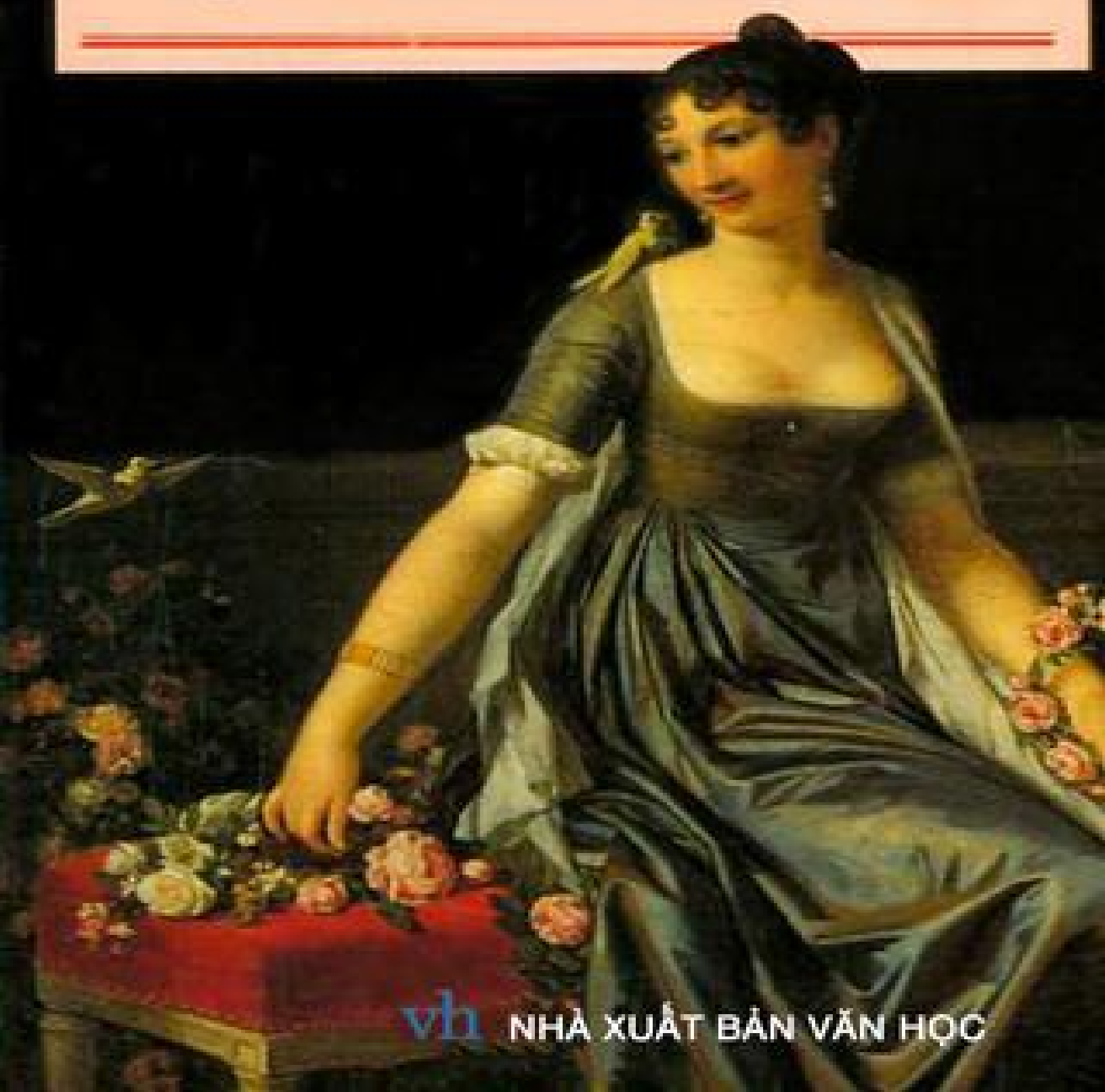


STENDHAL

Qu viện thành **Parme** 



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Tu Viện Thành Parme

Stendhal

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>



Table of Contents

[LỜI GIỚI THIỆU](#)

[THAY KẾT LUẬN](#)

[LỜI TÁC GIẢ](#)

[CHƯƠNG I MILAN NĂM 1796](#)

[CHƯƠNG II](#)

[CHƯƠNG III](#)

[CHƯƠNG IV](#)

[CHƯƠNG V](#)

[CHƯƠNG VI](#)

[CHƯƠNG VII](#)

[CHƯƠNG VIII](#)

[CHƯƠNG IX](#)

[CHƯƠNG X](#)

[CHƯƠNG XI](#)

[CHƯƠNG XII](#)

[CHƯƠNG XIII](#)

[CHƯƠNG XIV](#)

[CHƯƠNG XV](#)

[CHƯƠNG XVI](#)

[CHƯƠNG XVII](#)

[CHƯƠNG XVIII](#)

[CHƯƠNG XIX](#)

[CHƯƠNG XX](#)

[CHƯƠNG XXI](#)

[CHƯƠNG XXII](#)

[CHƯƠNG XXIII](#)

[CHƯƠNG XXIV](#)

[CHƯƠNG XXV](#)

[CHƯƠNG XXVI](#)

[CHƯƠNG XXVII](#)

[CHƯƠNG XXVIII](#)

LỜI GIỚI THIỆU



STENDHAL

Có những cuốn sách đi vào trong con người chúng ta như một ông khách lăm nhà, vào rồi ra không dấu vết. Lại có những cuốn ta đọc lần đầu không thấy hay mấy, nhưng vẫn cảm thấy có một cái gì khiến chúng ta không đành dứt bỏ, rồi đến một lúc nào đó tìm đọc lại mới thấy sâu sắc, nhất là khi mình đã hiểu biết việc đời chút ít thì càng đọc càng khám phá ra những khía cạnh mới, tuyệt vời... và mình ân hận như đã mất bao nhiêu năm chậm hiểu một người bạn khó tìm thấy trên đời.

Tu Viện Thành Parme thuộc loại này.

Nói về *Tu Viện Thành Parme*, nhà văn Paul Morand (1888 - 1976) viết: “Những tác phẩm lớn ngao du trong con người chúng ta, có khi chúng lần lượt biến thành nhiều sách khác nhau, trong lúc chúng ta cũng hóa nên nhiều người, chúng ta đọc *Stendhal* lúc cuối đời không như đọc ông trong tuổi đầu xuân. Tôi đã phát hiện nhiều “Tu viện” như thế đó, những “Tu viện” ấy đã đi vô định năm mươi năm trong tôi và có lẽ cũng chưa làm trọn cuộc chu du của nó!”

Không những đối với một đời người, mà đối với nhiều thế hệ. *Tu Viện Thành Parme* cũng làm một cuộc hành trình tương tự. Cũng như mấy tiểu thuyết khác của *Stendhal*, buổi mới ra đời, *Tu Viện Thành Parme* không được hưởng một số phận tốt đẹp lắm, nó không làm chấn động dư luận, nhưng rồi thời gian và cuộc sống đã công bằng đem lại cho tác giả ánh hào quang thích đáng. Một phần vì *Stendhal* không viết theo thời thượng, phần khác vì sự phân tích con người rất sâu dưới vỏ ngôn ngữ mộc mạc, hầu như khô khan ở trên cái tầm tiếp thu thông thường của độc giả, ai dù thông minh, tinh tế và chịu khó đi vào chất nội dung mới thấy lý thú.

Stendhal thường nghĩ rằng tác phẩm của mình phải mấy chục năm sau người ta mới đánh giá đúng và ham đọc. Thật ra, không phải đợi lâu đến thế. Đối với những ai ý chí lớn, những ai có dụng ý khác đời thì tri kỷ quả có hiếm, nhưng không phải là không có, *Tu Viện Thành Parme* phát hành đầu tháng từ năm 1839, thì tháng 9, ngày 25, đã có một bài bình luận của Balzac, dài 72 trang, Balzac tuy sinh sau 16 năm nhưng lúc bấy giờ đã lẫy lừng danh tiếng với ba bốn chục

tác phẩm và những kiệt tác như Eugénie Grandet (1833), Le Père Goriot (1834) ... Balzac nức nở khen *Tu Viện Thành Parme* và viết một cách kiêu hãnh: “Tu viện chỉ có thể tìm độc giả trong số một nghìn hay nghìn rưỡi người đứng đầu châu Âu. Bởi vậy tất cả những điều tôi sắp nói ra đây là để gửi đến những người trong sạch và cao quý ở nước nào cũng có, như những thiếu số không ai biết đến...”.

Bản thân *Stendhal*^[1] cũng đã đề ở cuốn sách, bằng tiếng Anh. “Để cho một thiếu số hạnh phúc” (To the happy few). Thiếu số ấy ngày nay phải tính bằng triệu và chục triệu ở khắp thế giới, chứ không phải một đôi nghìn. Thế hệ trước đọc, rồi thế hệ sau đọc, và người ta đọc đi đọc lại. “Những cuốn sách người ta đang đọc thuộc về hiện tại, những cuốn sách người ta đọc lại thuộc về tương lai” (A. Dumas). Hai cuốn tiểu thuyết chỉ có hai từ trọn vẹn thôi của *Stendhal* vừa thuộc về hiện tại, vừa thuộc về tương lai.

Stendhal rất yêu nước Ý, nước Ý với thiên nhiên tươi sáng, con người sống hồn nhiên, phóng khoáng với tấm lòng say sưa, nồng nhiệt, nước Ý với nền hội họa, âm nhạc, kiến trúc và điêu khắc truyền thống đã một thời lên đến tuyệt đỉnh trong văn hóa nhân loại, *Stendhal* đã mở lòng với âm nhạc, với tình yêu ở Ý, đã chiến đấu ở Ý, đã tham gia cùng những người Carbonari để đấu tranh cho độc lập, tự do và thống nhất của nước Ý, nghiên cứu về hội họa Ý. Lấy Ý làm sân khấu của *Tu Viện Thành Parme*, ông đã trả món nợ lòng cho nước Ý và bản thân.

Một tập biên niên sử (Xem phụ lục ở sau bản dịch) ông tìm thấy ở Rome đã gợi ý cho ông viết. *Stendhal* chỉ lấy trong đó các chủ đề: Một phụ nữ tài sắc tuyệt vời đã làm nên sự nghiệp cho người mình yêu nhờ dựa vào ân sủng của một nhân vật quyền quý say mê mình. Một câu chuyện thô tục, cũ rích đến ba trăm năm, *Stendhal* đã tái tạo theo định nghĩa của ông về chủ nghĩa lãng mạn: “Nghệ thuật lãng mạn là nghệ thuật trình bày với các dân tộc những tác phẩm có khả năng gây hứng thú cho họ nhiều nhất trong hiện tình những tập quán và tư tưởng của họ”. Thiên tài của *Stendhal* đã biến hóa cuốn tàn thư kia thành “một bức họa mười sáu chiều dài, sáu sáu chiều cao, thực hiện với một sự tinh vi Hà Lan” (Balzac).

Thật vậy, *Tu Viện Thành Parme* là một bộ tiểu thuyết rộng lớn và sâu sắc trong năm trăm trang; một tiểu thuyết về tình yêu và về chính trị, hai chủ đề quấn quýt nhau, lồng vào nhau một cách hữu cơ, một tiểu thuyết vừa hiện thực vừa lãng mạn, một bài thơ ca ngợi người đẹp, nghĩa là con người biết muốn, biết say, sống hồn nhiên không giả dối, thông minh, yêu tự do, hào hiệp, nhân ái, hình thức dễ ưa và cảnh đẹp, nhưng cũng là một bài thơ châm biếm đối với chuyên chế, bạo quyền, ti tiểu, và sự giả dối, sự đầu cơ tín ngưỡng có hệ thống của giáo hội, một tiểu thuyết tâm lý, tâm lý của người yêu đương say đắm, tâm lý của những bạo chúa bảo vệ tính mạng và uy quyền của mình, tâm lý của người hợm mình mà ngu dại, tâm lý của những nịnh thần đam mê danh lợi... Cũng là một thứ tự truyện, không phải tự truyện kể sự việc và diễn biến trong cuộc đời tác giả lần lượt theo thời gian, mà tự truyện của con người tư tưởng, con người tâm hồn, con người tính chất, con người ước mơ và mất hy vọng ở trong *Stendhal*. Bộ tam vị: Fabrice, Gina, Mosca là cái nhất thể của *Stendhal*, ở trong một nhân vật đó đều có một phần *Stendhal*: Gina là ý muốn, là sự thông minh, là ước mơ sắc đẹp và tài hoa, ước mơ sự lỗi lạc xuất chúng có khả năng điều khiển người chỉ bằng bản lĩnh của mình, Fabrice là sự sụp đổ về lý tưởng, cũng là sự sụp đổ của tính hồn nhiên, lòng ham muốn sống, chỉ đuổi bắt hạnh phúc, yêu đương. Mosca là người “chính khách sâu sắc, khuynh đảo châu Âu mà thâm tâm viên lãnh sự tội nghiệp ở Civitavecchia kia muốn đạt tới” (Paul Morand) và cùng đồng thời là một chính khách mất lý tưởng, chưa xác định được một quan niệm về tổ chức xã hội thích đáng.

Muốn hiểu rõ tác phẩm cuối đời có tính chất tự tổng kết này phải hiểu cuộc sống bên trong của *Stendhal*.

Stendhal lớn lên trong lúc nước Pháp sôi sục không khí cách mạng: 6 tuổi, Quốc dân đại hội họp, ngục Bastille, biểu tượng của chuyên chế, bị dân chúng đánh chiếm (1789), rồi tiếp theo đó là dồn dập những sự kiện lớn trên cao trào cách mạng: Viện Khoán ước, cách mạng nhất, được thành lập, trận chiến thắng đầu tiên của quân đội cộng hòa đánh lui quân đội “trừng

phạt” của Châu Âu (Valmy 1793), hai cái đều vương, hậu bản nước hại dân rơi, luật tịch biên gia sản bọn xuất cảnh và bọn tôn giáo phản động được ban bố, cuộc bạo loạn phản cách mạng Vendée dẹp yên, quân đội cộng hòa dưới sự chỉ huy của Bonaparte vượt biên giới sang Ý đánh bọn đô hộ Áo, chiến thắng giòng già, giải phóng phần lớn đất nước Ý và thành lập nước cộng hòa Bắc Ý (1796-1797). Trong trận viễn chinh Ý lần thứ hai, Henri Beyle lúc đó chưa có bút danh *Stendhal* đã nghiêm nhiên là một thiếu úy kỵ binh 17 tuổi trong quân đội cộng hòa (1800). Anh đóng ở Milan, phát hiện được nền âm nhạc Ý khi nghe vở Opéra: Cuộc kết hôn bí mật (*Il matrimonio segreto*) của Domenico Cimarosa và yêu say mê nhưng yêu thầm một phụ nữ Ý: Angela Pietragrua.

Stendhal thuộc thế hệ con người mới của thời đại, mà chính ông đã định nghĩa: “Một con người đã biết các cuộc khởi nghĩa cách mạng và âm mưu đảo chính của tướng Male, một con người đã tham gia chiến dịch Nga”. Ông khác với những “con búp bê cứ hiện ra ở các phòng chờ của lâu đài Versailles và điều hành trong các phòng khách Paris trước năm 1789” (*Stendhal*) đã đành, ông cũng không thuộc thế hệ thanh niên “suốt mười năm mơ tuyết Moskva và mặt trời Kim tự tháp”, bỗng một sớm “nhìn đất, nhìn trời, nhìn phố phường, nhìn đường sá, thấy tất cả đều trống hoang, chỉ có tiếng chuông nhà thờ văng vẳng từ xa” (Alfred de Musset 1810 - 1857, tâm sự của một người con thế kỷ). Từ khi Bonaparte lên cầm quyền, *Stendhal* cũng thấy giai cấp tư sản Pháp đi vào con đường phản bội nhân dân, nhưng vốn là người Jacobins nghĩa là người mang hai đặc tính yên nước và chống đối giáo quyền, ông còn hăng hái, vì để chế vãn bảo vệ vinh quang cho nước Pháp, trung hòa giáo hội và duy trì một số thành quả của cách mạng. Với nền Quân chủ Phục hưng (1814-1830), nước Pháp bị nhục mạ giữa châu Âu, nước Ý tổ quốc thứ hai của ông bị chia cắt và thống trị một lần nữa, những bóng ma “búp bê” xưa kia hiện về hỏi, đòi, xin xỏ, giáo quyền lại đắc thế hơn xưa và ăn trên ngồi trốc trong xã hội là bọn quý tộc róm đời và bọn tư sản hãnh tiến, chúng cấu kết đồng thời mâu thuẫn với nhau. Tình hình ấy, *Stendhal* không chịu được.

Elizarova, một chuyên gia văn học Pháp của Liên Xô, nhận định rằng *Stendhal* thấy trong xã hội chỉ có hai loại người: Những người tâm hồn thấp hèn và những người tâm hồn cao quý, có khi ông gọi những người này là những người “chết”, những người kia là những người “sống”. Ông cho là trong xã hội Quân chủ Phục hưng và trong xã hội thời Quân chủ tư sản (từ 1830) nhan nhản những con buôn và những đầy tớ, không có chỗ cho sự lớn lao, “sự lớn lao không cần thiết nữa”. *Stendhal* khẳng định cái lớn sinh ra từ sự say mê và chủ nghĩa anh hùng, về quan niệm này, ông là môn đệ của phái Ánh sáng thế kỷ XVIII. Diderot đã viết: “Chỉ những say mê, những say mê lớn mới có thể nâng tâm hồn lên để làm những việc vĩ đại. Không có nó thì không có gì cao quý trong đạo đức cũng như trong giá trị xã hội”.

Stendhal cũng quan niệm văn học nghệ thuật với tư tưởng đó. Ông viết: “Để làm một nhà văn, cần phải có tinh thần dũng cảm chẳng kém gì để làm một người lính”. Năm 1823, viết Racine và Shakespeare, ông muốn “chống sự ngưng trệ và thối rữa của chủ nghĩa cổ điển, chống bọn ngu dốt và sính chữ đang kìm hãm nghệ thuật” (Elizarova). Ông mỉa mai: “Cái nguyên lý vĩ đại của thế kỷ chúng ta, cái nguyên lý bóp nghẹt nghệ sĩ là cái muốn như tất cả mọi người khác”, - chúng ta hiểu ý ông muốn nói sự dập khuôn trong chủ nghĩa con buôn, chủ nghĩa thực dụng và chủ nghĩa tầm thường. Mười sáu năm sau, trong lời phi lộ với bạn đọc *Tu Viện Thành Parme*, ông lại viết: “Ích gì mà gán cho họ (người Ý chúng tôi chứ) cái đạo cao đức cả, cái mỹ miều duyên dáng của người Pháp, những người yêu tiền bạc hơn tất cả trên đời và chẳng bao giờ phạm tội vì thù hận hay vì yêu thương”.

Vì ở xã hội Pháp không có cái lớn, cái đẹp, cái hùng nữa, chỉ có cái hào nhoáng nên *Stendhal* không có đất dụng võ, đã hoạt động ở Ý. Nước Ý sống dưới áp lực của Metternich và bọn tiểu vương chư hầu của đế quốc Áo, nó bị chia năm xẻ bảy. Nó đau thương nhưng nó chống lại bằng phong trào những người Carbonari (nghĩa đen: Những người đốt than, vì những người cách mạng này trú ẩn trong rừng), ở đây, chủ nghĩa yêu nước còn đang nồng nhiệt, còn đưa con người vào những hoạt động lớn lao, *Stendhal* đổi cái tên bí mật Enrico Vixmara, có khi thì Domenico để hoạt động. Vixmara bị coi là một người Carbonari nguy hiểm và bị kết án treo cổ

- án xử vắng mặt. Tuy không bao giờ bọn chức trách Áo phát hiện được sự cải tên đó, *Stendhal* cũng bị nghi ngờ và theo dõi ráo riết. Năm 1830, khi được triều đình Louis Phillipe cử làm lãnh sự Pháp ở Trieste, Hoàng đế Áo đã không chuẩn y cho ông thụ nhậm.

Đối với xã hội Pháp thời Quân chủ Phục hưng, ông có những thành kiến không lay chuyển, mặc dù sự vật có những diễn biến tiến bộ. Thế mà *Stendhal* là người căm ghét quân quyền chuyên chế và giáo hội! Trong khi đó, Balzac bảo hoàng và mộ đạo lại nói về những đối thủ triệt để nhất của mình, những anh hùng cộng hòa ở đường phố Tu viện Sainte Marie, những người thực sự đại diện cho quảng đại nhân dân thời đó (1830-1836) với một lòng ngưỡng mộ không che giấu (Marx: Thư gửi cô Harkness). Bởi vì *Stendhal* là một trí thức xa rời quần chúng. Trong tự truyện về buổi thiếu thời, nhan đề: Cuộc đời Henri Beyle (1836) ông đã viết: “Tôi yêu nhân dân, tôi ghét những kẻ áp bức họ, nhưng ví thử phải sống với họ thì tôi coi như phải chịu một cực hình không giờ phút nào ngơi”.

Stendhal đấu tranh nhiều cho tự do, nhất là tự do của nhân dân Ý. Nhưng hình như đó không hẳn là mục đích sống của ông, mà chỉ là một phương tiện để cụ thể hóa cái quan niệm sống riêng biệt của mình, để thực hiện cái nghệ thuật sống riêng biệt mà người ta mệnh danh là “chủ nghĩa Bayle”. Muốn sống cho ra sống theo kiểu Bayle, còn nhiều “đấu trường” khác, mà tình yêu và hưởng thụ nghệ thuật không phải là những đấu trường kém sôi nổi nhất. Bởi vậy, sự bền bỉ và chuyên tâm vì tự do ở ông không phải là ghê gớm lắm, không được như ở những chiến sĩ cách mạng chính cống, ông đấu tranh vì tự do, đấu tranh chính trị, ông đã chớm thấy chủ nghĩa đại nghị hiện ra và bắt đầu mĩa mai nó, nhưng ông vẫn chưa xác định được cái chính thể, cái chế độ tốt nhất ở một quốc gia mới: Trong *Tu Viện Thành Parme*, ông tỏ ra căm ghét chuyên chế, đồng thời phỉ nhổ bọn tự do giả hiệu, đầu cơ. Chỉ bằng một câu đề từ ở tập thứ hai, ông tỏ bày thái độ ấy rất rõ ràng và không quên ghép vào đối tượng cười cợt cái chủ nghĩa đại nghị đã diễn ra ở Mỹ và đương nhóm lên ở Pháp: “Bởi những tiếng hò hét liên miên, chính phủ cộng hòa kia ngăn trở chúng ta hưởng thụ chế độ vương quyền tốt đẹp nhất này”. Ông cũng đã nhìn thấy hiện tượng sùng bái vị thần dollar ở bên kia Đại Tây Dương.

Những con người cách mạng của *Stendhal* dừng lại ở hình tượng Ferrante Palla (*Tu Viện Thành Parme*) nửa hiện thực, nửa lãng mạn. Nhưng Palla cũng đã hoài nghi như chính *Stendhal*: “Làm sao thiết lập chế độ cộng hòa trong khi không có những con người cộng hòa?” Chính khách mơ ước là bá tước Mosca thi hành cải cách thế nào không rõ, chỉ thấy ở cuối Tu viện đã đạt kết quả hủy bỏ chuyên chế và tự mình cũng làm giàu: “Các nhà tù công quốc Parme trống rỗng, bá tước Mosca giàu không kể xiết, Ernest V được thần dân sùng bái...” (Chương 28). Vào thời gian cuối đời *Stendhal*, một phong trào mới đã sôi ngấm trong xã hội Pháp, George Sand, Victor Hugo, cả Balzac nữa cũng cảm thấy, nhưng *Stendhal* thì chưa, mặc dù ông khinh ghét tư sản. Phong trào ấy đã đưa đến Tuyên ngôn của đảng Cộng sản (năm 1947) cuộc khởi nghĩa 1848, và trên hai mươi năm sau, bùng nổ bằng Công xã Paris (1870), *Stendhal* đã bước lên qua chủ nghĩa do tư sản, nhưng vẫn chưa bước tới chủ nghĩa xã hội.

Stendhal lấy Milan rồi sau và chủ yếu là công quốc Parme làm đối tượng. Vốn là một viên chức ngoại giao và đã bị tình nghi ở Ý, ông tránh rắc rối và nguy hiểm bằng cách chọn một triều đình cầu an, ít về việc. Đứng đầu triều đình lúc bấy giờ là nữ quận vương Marie Louise, nguyên là vợ Napoléon I, và là con gái hoàng đế Áo Francis II. Napoléon có vợ trước là Joséphine de Beauharnais, vì không con nên ly dị để cưới Marie Louise. Sau khi Napoléon sụp đổ, Marie Louise được cho trị vì ở công quốc Parme. Các sử gia đều nhất trí nói mục ta không quan tâm đến việc triều đình bằng việc quyến rũ các bậc công khanh trẻ đẹp trong triều. Trong cuốn tiểu thuyết, *Stendhal* đã “phế truất” Marie Louise và đặt lên ngôi quận vương một nhân vật tưởng tượng, thuộc dòng họ Farnèse đã tuyệt tự gần một thế kỷ trước. Tuy nhiên, hiện tượng chuyên chế, nỗi sợ hãi những người cách mạng, cảnh xúc xiểm mưu toan ở triều đình được mô tả trong tiểu thuyết lại là tình trạng phổ biến ở công quốc Modène kia. Chắc ai cũng hiểu mọi sự trá tráo về thời gian và không gian này *Stendhal* ra để tránh công pháp ngoại giao.

Nhân vật chính của *Tu Viện Thành Parme*: Fabrice Del Dongo. Anh là một thanh niên có tâm hồn lãng mạn và đầy nhiệt tình. Xuất thân từ một gia đình quý tộc bảo hoàng cực đoan và phản động nhưng anh lại có một lý tưởng sống khác hẳn cha và anh của mình. Fabrice say mê những chiến công hiển hách. Những ấn tượng mạnh mẽ từ thời thơ ấu về người hùng Napoléon Bonaparte khiến anh thần tượng hóa nhân vật ấy về tư tưởng cũng như hành động. Nhưng khi Fabrice ôm ấp hoài bão to lớn của mình đi vào cuộc đời thì gặp ngay hiện thực cay đắng đánh tan hoài bão. Anh buộc phải xét lại mỗi hy vọng, ước mơ của mình. *Stendhal* đã mô tả xuất sắc cảnh thất bại không cứu vãn nổi của Napoléon ở các chương II, III, IV trong tác phẩm. Mới đọc ta tưởng như đó chỉ là những chi tiết phụ, đáng coi như những minh chứng lịch sử để dẫn chuyện chứ không giữ vai trò gì đáng kể trong quá trình phát triển của sự vật, thậm chí ta còn có cảm giác như thừa. Nhưng thật ra, miêu tả trận Waterloo lịch sử theo kiểu cách riêng biệt ấy, *Stendhal* đã có một dụng ý sâu xa, nó đặt móng cho toàn bộ sự phát triển tinh thần của tác phẩm *Tu Viện Thành Parme*. Bằng sự quan sát sắc sảo, tinh tế, với cách thể hiện rất chân thực, *Stendhal* đã gây xúc động cho người đọc không phải bằng cảnh chém giết cuồng loạn, mà bằng cái nền âm đậm điển hình của trận đánh lịch sử.

Balzac đã đánh giá rất cao đoạn miêu tả này: “Tôi phải ghen lên, thèm thuồng khi đọc đoạn viết tuyệt diệu và trung thực về trận đánh đó. Tôi ước ao có được đoạn văn như thế để tả cảnh đời quân nhân. Đoạn miêu tả đã làm tôi say mê, buồn bã, hưng phấn và trở nên tuyệt vọng”.

Lev Tolstoy (1891 - 1895) cũng nói “Nếu tôi không đọc đoạn văn miêu tả về trận đánh Waterloo trong *Tu Viện Thành Parme* của *Stendhal* thì chắc là tôi không thể nào viết thành công cũng theo kiểu ấy, những cảnh chiến trận trong Chiến Tranh Và Hòa Bình”.

Stendhal có cách nhìn vào hiện thực sâu sắc, độc đáo và một kỹ năng phản ánh điêu luyện. Ông như một họa sĩ có tài, biết chọn bố cục từ những góc nhìn mới lạ và chọn màu sắc thích đáng nhất cho bức tranh của mình. Đây là một trận đánh lịch sử, nên Fabrice con người trẻ trung đầy nhiệt tình, khát khao những chiến công lớn, luôn lý tưởng hóa Napoléon đã được *Stendhal* đặt trong hoàn cảnh thử thách nhất để cho tâm lý nhân vật phát triển mạnh mẽ nhất.

Fabrice bắt đầu nhận thức cuộc đời bằng ý thức là chủ nghĩa anh hùng chỉ có thể thực hiện trên chiến trường, nhưng lòng khao khát đó của anh không được thỏa mãn. Với mơ ước đạt vinh quang bởi những chiến công lừng lẫy, sự nghiệp lớn lao, kiêu hãnh của con người lãng mạn và hình ảnh lý tưởng của Napoléon đã dần dần từng bước tan vỡ với quá trình diễn biến của trận Waterloo. Fabrice chưa kịp tham gia trận đánh đã bị nghi ngờ là gián điệp và bị tổng giam. Đó là cái đòn đầu tiên mà hiện thực trần trụi nện vào đầu óc lãng mạn của một anh tư sản măng sữa sinh ra trong chiếc nôi phong kiến quý tộc.

Chưa vào cuộc, anh đã gặp cái xác người lính xám ngắt, bầm thối, chân bị lột mất giày. Rồi trận đánh mà anh tưởng là oai hùng đã diễn ra dưới mắt anh như một trò đùa, nhưng ghê tởm bởi có nhiều người chết. Đến cuộc rút chạy mới thấm hại hết nỗi, mạnh ai nấy chạy. Cả một đoàn mấy nghìn người chỉ nơm nớp lo quân Cozak đuổi đến. Loạn hàng ngũ, vô kỷ luật, hỗn loạn hỗn quan. “Đạo quân vĩ đại” mà thế ư? Bản thân chủ nghĩa lãng mạn và toàn bộ cái hỗn loạn của thực tế làm đảo lộn lý trí và tâm hồn anh, khiến anh không sao lý giải nổi. Hình ảnh Fabrice chênh choáng trên yên, mặc cho ngựa đưa đi vô định trên chiến trường là biểu tượng của việc lý tưởng anh đã chao đảo, trở nên mơ hồ, mất thăng bằng và không ổn định nữa trước khi sụp đổ. Ngay vết thương anh mang trên mình khi trở về Ý cũng không phải do kẻ thù của Napoléon gây ra. Thậm chí anh không biết “cái mình nhìn thấy có phải là một trận đánh không? Và “trận đánh đó có phải là trận Waterloo không”. Sự đổ vỡ quá lớn lao khiến “Fabrice trở thành như không phải chính mình nữa”. Tác giả đã nhận xét: “Lúc đó người anh hùng của chúng ta chẳng mấy anh hùng” (Chương III).

Bước ngoặt lịch sử của xã hội Pháp sau trận Waterloo đẩy Fabrice từ chủ nghĩa lãng mạn sang chủ nghĩa hoài nghi, bằng việc xét lại lý tưởng của mình ngay vào lúc bắt đầu nhận thức về cuộc đời.

Fabrice là con người của một thế hệ, tồn tại làm nhân chứng cho cái bất lực của chủ nghĩa lãng mạn hiệp sĩ và tất cả cái hờn hĩnh vô của bọn tư sản trước năm 1804, khi lịch sử đã thay đổi, không còn khả năng tạo nên những mẫu người hùng nữa. *Stendhal* đã trở thành người xác nhận những dấu hiệu “thối nát tất nhiên” của giai cấp tư sản, ngay từ khi nó còn nằm trong nôi của giai cấp phong kiến lạc hậu, đó là chủ nghĩa cá nhân của bọn trưởng giả. Tính kiên định vươn tới tính cách người hùng của anh trưởng giả ở thừa ban đầu, sau năm 1789 đã bị xói mòn, lung lay. Tuy nó chưa thực sự chịu nhận là bất lực, song để thay thế cho cái vẻ đắc thắng tham lam, thô bạo, nó kiệt sức nhanh chóng đến mức nhu nhược trong hành động, bởi cuộc sống đã cưỡng bức dục vọng của nó một cách dữ dội.

Hình ảnh Fabrice sau trận Waterloo thảm hại: Mồ chôn nền chính trị của Napoléon, chính là lời tự luận sám hối của chủ nghĩa lãng mạn khi phải thừa nhận cái kết cục bế tắc kia.

Mặt khác, chủ nghĩa lãng mạn chính trị của Fabrice cũng bộc lộ, khi anh đánh giá Napoléon như một anh hùng có sứ mệnh giải phóng nước Ý khỏi ách xâm lược của Áo! “Tôi thấy hình ảnh lớn lao của tổ chức Ý đứng lên từ dưới bùn nhơ mà bọn Đức chìm nó, đưa hai cánh tay bầm giập, một nửa vẫn còn mang xiềng xích lên vì vua của nó và là người giải phóng nó” và khi anh nguyện: “Ta sẽ ra đi ta sẽ chết hoặc sẽ thắng cùng với con người được thiên mệnh chỉ định, con người sẵn lòng sửa nhạc cho chúng ta, nốt nhạc mà những tên dê tiện nhất, nô bộc nhất châu Âu ném vào mặt chúng ta”.

Đây chính là điển hình của một thời đại, khi Napoléon chưa trở thành một tên xâm lược và những lực lượng tiến bộ toàn châu Âu đón ông ta như đón sứ giả đi giải phóng những người nô lệ khỏi vòng áp bức. Chính Ludwig van Beethoven, nhạc sĩ thiên tài Đức, khi viết giao hưởng số 3 cũng đã nghĩ như Fabrice nên lúc đầu ông định đặt cho bản “giao hưởng Anh hùng” là “Giao hưởng Bonaparte”. Nhưng Beethoven và nhiều người khác đã sớm tỉnh ngộ.

Mãi đến năm 1815, Fabrice vẫn còn chưa nhìn thấy rõ chân tướng Napoléon. Nói cho đúng, tâm hồn và lý trí của anh trưởng giả thì làm sao nhận thức điều ấy được, khi họ đã bắt đầu bằng sự khâm phục, và con người kia cũng không có hành động gì làm tổn thương đến cá nhân họ, buộc họ phải mở mắt? Fabrice chỉ mới hoài nghi vào đúng thời điểm cáo chung của nền đế chế độc tài đó mà thôi. Ta có thể coi Fabrice như đại diện của giai cấp phong kiến tiến bộ, tiến bộ nhưng vẫn mang theo cái phức tạp khôn cùng của giai cấp xuất thân.

Không phải vô cớ mà *Stendhal*, con người viết rất cô đọng, lại dành cho Waterloo một vị trí như vậy, trong khi trên hình thức, nó không phải là mắt xích quan trọng của câu chuyện. Bản chất giai cấp của Fabrice quyết định thái độ từ nhiệt tình sôi nổi chuyển sang chán ngán, sụp đổ ước vọng, là sự khẳng định cái bất lực, tắt lụi hy vọng của cả một thế hệ, không những chỉ ở tính cách cá nhân, mà còn ở sự nghiệp lớn lao chung này. Cái mộng giải phóng dân tộc theo cách nhìn của Fabrice cũng “vô” theo sự mơ hồ chính trị. *Stendhal* đã viết: “Lượng máu chảy khỏi người Fabrice cũng cuốn luôn theo phần phiêu lưu lãng mạn trong tình tình anh”

Ta biết *Stendhal* chỉ mĩa mai thôi, vì sau trận Waterloo, chưa bao giờ Fabrice nhận thức được con đường giải phóng của dân tộc Ý. Ngược lại mọi hành động, mọi suy nghĩ của anh vẫn tuân theo chiếc gậy chỉ huy của chủ nghĩa lãng mạn và tệ hờn trước, những hành động lãng mạn phiêu lưu bây giờ chỉ diễn ra vì thích thú cá nhân chứ chẳng còn chút màu sắc cao quý “vì đại nghĩa” gì! Càng về sau ta càng cảm thấy chán ngán với con người Fabrice, ta ác cảm với con người mà nghị lực dần dần tàn lụi tiêu tan. Nhưng lòng ta cũng thấy buồn ngùi thương hại cho một con người mất lý tưởng, đang lao vào những đam mê linh cảm chật hẹp. Từ đây Fabrice dần chuyển sang cuộc sống của những công tử vô công rồi nghề chỉ gây phiền nhiễu cho mọi người.

Có thể nói *Stendhal* không cố biến Fabrice thành con người mẫu mực để làm gương cho cả một thế hệ, như ban đầu ta có lúc nhầm tưởng. Đó lại chính là sự thành công của tác giả, của phương pháp hiện thực nói chung, nó đưa con người sống đến cho ta xem, buộc người ta cảm

nghĩ, đối chiếu môi trường và thời đại mà lý giải nó và tự chọn con đường của mình, chứ không mặc áo cho những công thức đạo đức hoặc những ý niệm chủ quan mà bảo đó là nhân vật.

Nhiều người cho rằng, kể từ sau trận Waterloo, hình ảnh Fabrice Del Dongo có phản chiếu thi hiệu người đọc đương thời, hành động của anh ta có tính cách đua đòi nhân vật giang hồ kiếm mã một cách đáng thương. Đứng về tính cách con người mà xét, Fabrice cũng theo đuổi những phụ nữ dễ dãi, càng thấy hứng thú khi họ được vây giữ chu đáo, anh cũng lao vào những cuộc quyết đấu danh dự vô lối rồi bị truy nã, phải mai danh ẩn tích, cũng bị giam vào ngục thất, một tháp đài kiên cố cao vợi vợi, rồi trốn ra một cách mạo hiểm trước mũi lính canh, cũng yêu thầm nhớ trộm rồi mê cuồng cô gái Clélia, còn viên tướng coi ngục, qua sự ngăn cách của những cửa kín tường cao...

Không có gì đáng lấy làm lạ! Khi lý tưởng lớn không giữ được, thì người thanh niên bản chất hăng say ấy tất chỉ còn luẩn quẩn với những mảnh tình vụn và những hành động rỏm. Những lúc chúng ta cảm thấy lý tưởng hình như đang sống lại trong Fabrice, thì chẳng qua là gương gao, thấp thoáng mà thôi. Mặc dù *Stendhal* đã ban cho Fabrice một tính “cổ sơ” hồn nhiên, khả ái hòa đều với tính lãng mạn, nhưng hình ảnh nhân vật chính đó của tác phẩm vẫn chỉ là một con người mang đầy tâm lý trưởng giả trong giai đoạn bế tắc và thoái hóa. Chủ nghĩa cá nhân của anh trưởng giả đã biến ngọn lửa cách mạng thành đốm lửa ma trời le lói, mờ nhạt, lạnh lẽo, chỉ còn đủ sáng để soi rọi tâm linh mình. Sự cô đơn và cuộc sống tủn mủn bị tháo rời khỏi mối liên hệ hữu cơ với nhân dân, che tầm mắt Fabrice, không cho anh nhìn vào vũ trụ bao la nữa và tâm hồn anh cũng bị nhào nặn một cách vừa lố bịch, vừa tội nghiệp trước thực tại. Anh ta thường đau xót vì bản thân mà dường như quên đồng loại. Còn như anh có nói đến nỗi đau khổ, cay cực của nhân dân thì đều hoặc thần nhiên, hoặc gương gao, sáo rỗng trong sự giả tạo đến lố bịch.

Mặt khác, thực trạng xã hội Pháp tác động khiến cho *Stendhal* thể hiện cuộc đời như một đấu trường, trong đó tầng lớp trưởng giả tìm kiếm lý tưởng sống một cách vừa lãng mạn, vừa tuyệt vọng, vừa hoài nghi. Triết lý trưởng giả tù túng và đầy mâu thuẫn trước sau vẫn thể hiện ở tính bi đát trong hành động vươn tới lý tưởng. Cho nên ngay cả những hành động “anh hùng” của họ cũng chỉ là những việc giải khuây của một tâm hồn tuyệt vọng. Tính liêu lĩnh, điên cuồng xô lên như những đợt sóng, nhưng lại tan biến đi mau chóng trong cái tủn mủn cá nhân chủ nghĩa.

Đặc biệt ở đây, cái “tôi” bị tàn phá bằng cô đơn dễ dàng thỏa mãn một cách mù quáng với lạc thú và sự ve vuốt, dù cho bởi bất cứ bàn tay nào. Nó không còn cái vẻ kiêu hãnh của bọn trưởng giả lúc vừa mới nhẩy lên vũ đài chính trị nữa. Từ chỗ từ chối ngay một cuộc sống phong lưu, nhàn rỗi, vô tích sự, của bọn công tử bột theo đề nghị của Mosca, Fabrice vẫn đi đến chỗ sống đúng như thể mặc dù có địa vị cao trong giáo hội. Từ chỗ “bay” đi chiến đấu vì đại nghĩa, anh sa xuống gần đến cảnh tiếp nhận rất thông minh các bài học phục tùng, phỉnh nịnh, dối người, xuyên tạc Chúa của bọn cha cố, từ chỗ khiến ngựa một cách khó nhọc để khỏi giẫm phải những người lính địch chết hoặc ngắc ngoải ở chiến trường, anh đã đi đến chỗ nghe lọt tai bài học của ông bá tước lố đời: “Giết quỷ dữ vẫn tốt hơn là để cho quỷ dữ giết mình” (Chương X) và không lâu sau đó đã thực hiện châm ngôn ấy.

Việc lý giải các hành động của Fabrice trong toàn bộ tác phẩm đã thể hiện quan điểm cơ bản của *Stendhal* khẳng định rằng sự đối diện giữa nhiệt tình và say mê cá nhân với những điều kiện xã hội là vấn đề quan trọng nhất. Thông thường, ông cho nhiệt tình và lý tưởng dẫn dắt con người bước vào đời hoạt động. Song dần dần, thực tế của cuộc sống cứ bào mòn ta bằng đủ mọi cách, con người trải bao thể nghiệm, bao nỗi cô đơn và vô nghĩa, để cuối cùng chỉ còn tìm kiếm một mảnh hạnh phúc cá nhân sàng lọc qua bàn tay của chuyên chế (*Stendhal* nghĩ về cuộc sống ở một xã hội suy đồi, tất nhiên). *Stendhal* xác định phẩm cách và hành động tất yếu chuyển theo một nguyên lý logic. Nỗi dằn vò của dục vọng và nhiệt tình mà ông lý giải không những có khả năng hài hòa với lý trí mà trở thành thước đo trí thức. Nó còn đủ tính năng động thúc đẩy các khả năng bí ẩn nhất của con người chịu đựng, thích ứng hay phá vỡ mối tương

quan đối với xã hội.

Cả một quá trình hoạt động khi Fabrice gắn chặt với triều đình Parme chỉ có thể cuốn hút người đọc theo dõi cốt truyện bởi tính ly kỳ của nó, mà không gây ấn tượng mạnh mẽ về sự mới lạ của tính cách con người như ở giai đoạn đầu nữa. Nó như một món ăn quen thuộc làm ta khỏi đói, nhưng không để lại vị gì, không khiến ta nhớ mãi về sau. Tính lãng mạn phiêu lưu và mạo hiểm về sau này không làm cho ta yêu thương Fabrice hơn hay kính trọng hơn, mà trái lại đôi khi làm ta khó chịu, ghét nữa là khác.

Bên cạnh Fabrice, một nhân vật chói lọi khác là Gina Del Dongo, người cô không có quan hệ huyết thống của anh. Có thể nói đây mới là nhân vật chính của tác phẩm, nhân vật sống nhất, trong khi Fabrice có dáng là một biểu tượng thôi. Đó là một phụ nữ có tâm hồn phong phú lạ lùng. Nàng là hiện thân sự suy tư đa dạng lắt léo của chính *Stendhal* trước những tác động liên tục của hoàn cảnh xã hội đang xoay chuyển, ngã nghiêng đối với tâm lý con người.

Cũng giống như nhân vật nữ khác mà *Stendhal* sáng tạo, Gina không sống buông xuôi, tùy thuộc cảnh ngộ. Nàng luôn mang nặng ý thức lý giải cuộc đời. Cái lạ lùng ở con người nàng không phải chỉ là những hành động bất ngờ và táo bạo, mà còn là sự tự mổ xẻ tâm hồn. Thật không quá lời nếu ta ví nàng như một nhạc trưởng điều khiển bản giao hưởng *Tu Viện Thành Parme*. Vầng mặt nàng thì toàn bộ mỗi dây liên hệ trong tác phẩm lập tức mủn ra. Gina biến sức sống sôi nổi, nồng nhiệt và những tình cảm đắm say của mình thành một chất keo nối dính mọi sự kiện trong tác phẩm với nhau thành một tổng thể hoàn chỉnh, đầy sinh khí và chuyển động. Nàng ở đâu thì làm dậy lên ở đó một sức sống sôi động, một luồng không khí vui trẻ, thông minh. Đẹp người thì đáng là quý, nhưng cái quý nhất ở nàng là cái bản ngã độc đáo cuốn hút người thông minh trung thực, làm ngã lòng bọn ti tiểu tầm thường.

Toàn bộ cuộc đời Gina Del Dongo là tấm gương phản chiếu sự biến động ghê gớm của xã hội những năm đầu thế kỷ XIX và là một minh chứng cho sự hình thành bản tính con người trước những ảnh hưởng khách quan. Tiểu thư Gina Del Dongo sống hồn nhiên, sôi động, đầy ước mơ và là hiện thân của chủ nghĩa lãng mạn khao khát những điều đẹp đẽ và phi thường. Nàng không chấp nhận cái quan niệm hôn nhân tính toán vụ lợi của xã hội, đã khước từ “một nhân vật rất giàu, xuất thân đại thế phiệt”, và nàng đã “chơi ngông lấy bá tước Pietranera”, thiếu úy trong quân đội Napoléon, “nghèo từ đời cha đến đời con và không có đến năm mươi đồng lợi tức đồng niên, có thể nói cuộc hôn nhân này là hành động chống đối xã hội đầu tiên của Gina. Việc tự quyết về đời mình đã là một dấu hiệu Jacobins hóa vô ý thức. Cũng giống như Fabrice, qua tư tưởng và hành động khởi đầu cuộc đời Gina, ta thấy những tư tưởng tiến bộ của thời đại đã xâm nhập vào đời sống xã hội Ý khá mạnh mẽ và những lực lượng bảo thủ phản động không đủ sức ngăn chặn hết. Những luồng tư tưởng đó đã len lỏi vào từng gia đình, làm lung lay cơ chế xã hội cũ. Những tầng lớp trẻ đầy nhiệt tình, song sôi nổi và mang nặng nhiều hoài bão cao cả dễ dàng chấp nhận tư tưởng mới hơn tầng lớp già bảo thủ, đầy định kiến.

Ở đây, ở nước Ý bị chia sẻ và đô hộ, những tư tưởng cách mạng dân chủ và sự thần tượng hóa Napoléon của những người có đầu óc cấp tiến nhiều khi hòa trộn vào nhau không thể tách rời ra được. Đó là trạng thái tư tưởng của Gina, cùng là của *Stendhal*, tác giả và nhân vật của mình là người cùng một thế hệ, đâu phải tình cờ mà lúc quân đội Pháp tiến qua Ý, Gina cũng mười ba tuổi!

Sự nhận thức về cuộc đời của Gina Pietranera thuở ban đầu chỉ thể hiện bằng hành động lãng mạn, nó chưa có cơ sở chắc chắn của tư tưởng chính trị. Nhưng nó sẽ trở nên sâu sắc và chuyển sang có ý thức hơn. Không phải chỉ vì những năm tháng chung sống với bá tước Pietranera, mà chính vì đời sống chính trị xã hội Ý những năm đó đang chuyển sang cái giờ phút lựa chọn thể chế. Chỉ có điều là Gina được đặt trong một hoàn cảnh hợp lý để phát triển những tư tưởng tự do. Bản thân cuộc sống của nàng sau khi bá tước Pietranera mất là rất tự do, nó không bị ràng buộc bởi các nghĩa vụ khách quan. Cũng cần nhận thấy rằng việc thừa nhận những tư tưởng tự do của Gina cũng là điều buộc *Stendhal* phải lý giải rồi. Bởi vì đối với

xã hội trước mắt, chính sự thừa nhận này ở trong hệ thống những quan niệm phi tín ngưỡng, trái với đạo lý truyền thống.

Phải chăng ở đây, tuy chưa mạnh mẽ, *Stendhal* cũng đã tìm thấy tính cách của con người nổi loạn, khát khao đòi quyền sống theo những tư tưởng triết học của các nhà duy vật chủ nghĩa thế kỷ XVIII? Gina là cái di ảnh của Delphine (1802) và Corinne (1807) (nữ nhân vật của bà de Stael 1766-1817) hiếm có về trí tuệ lỗi lạc, về tâm hồn nồng nhiệt say đắm, về ý thức bình đẳng với nam giới và của những người chị tinh thần của *Stendhal* ở cuối thế kỷ Ánh sáng, bà Roland bà de Stael ... Hành động của Gina càng về sau càng khẳng định một cách lý giải chung, trong các tiểu thuyết của *Stendhal*, về cách thức chịu đựng những dằn vặt tâm hồn, trước sự thôi thúc không gì cưỡng lại nổi của những mối cảm nghiệm đầu tiên của con người với cuộc đời đầy rẫy giả dối, dẽ tiện, biến động trong bàn tay của chế độ chuyên chế và đồng tiền đến chóng mặt.

Quan hệ tư tưởng và tình cảm giữa Gina và Fabrice, trong dòng họ Del Dongo là sự tạo thành mắt xích liên kết bất nguồn sâu xa bởi chính chiều sâu của sự phân biệt tư tưởng xã hội. Những nét chung của hai con người đó là cùng có tâm hồn nồng nhiệt say mê, khao khát tự do cá nhân, đã sống theo bản ngã và sống hết bản ngã của mình. Sự đa dạng về tâm lý tồn tại, nhưng vẫn có một cơ sở chung thống nhất: Niềm sùng kính con người hùng của thời đại, là Napoléon.

Thông qua lịch sử ở trên, ta thấy mối quan hệ này cũng phản ánh thực trạng xã hội Ý buổi giao thời, lúc hệ tư tưởng phong kiến bảo hoàng cực đoan bị xô đẩy, biến chất và tự mâu thuẫn trước cuộc tấn công của những tư tưởng dân chủ. Nhưng nếu nhìn xa hơn thì thấy ở đây *Stendhal* vẫn thể hiện, dưới một góc độ khác, đời sống tinh thần của tầng lớp trưởng giả Pháp trong giai đoạn từ sau cuộc cách mạng tư sản 1789 cho đến quãng 1840 mà thôi.

Việc Gina Pietranera gửi gắm lòng mình vào những hành động của Fabrice, khi chàng quyết định đi theo Napoléon, là sự phát triển hợp lý bản chất con người nàng. Nàng kêu lên một tiếng lòng: “Cho phép cháu đi theo Người, cô đã hy sinh cho Người cái gì thân thương nhất của cô”. Bởi vì nàng biết hành động của Fabrice tuy non dại, khờ khạo, thiếu kinh nghiệm, nhưng phù hợp với những tư tưởng thầm kín của mình: “Cháu đi đây cô ạ, cháu đi theo hoàng đế, người cũng là vua nước Ý. Ngài quý mến chú bá tước nhà ta bao nhiêu” (chương II).

Ở đây cũng là bi kịch nội tâm của nhân vật mà *Stendhal* đã gửi gắm lòng mình; nỗi lòng con người bị dày vò liên miên, không ngừng một phút giây, tìm chỗ đứng trong xã hội chao đảo và đầy áp lực, bất công. Bao giờ cũng là câu hỏi thách thức với xã hội chuyên chế, đòi hỏi lý tưởng tự do dân chủ phải chiến thắng và ngọn lửa nhiệt tình được bùng cháy. Đồng thời cũng đòi hỏi hạnh phúc cá nhân được thỏa mãn, không bị ràng buộc vào những nguyên tắc đạo lý truyền thống của giai cấp thống trị.

So sánh giữa Gina và Fabrice, ta sẽ thấy có sự khác biệt. Fabrice sau trận Waterloo mới thấy được sự thật, còn Gina thì đã nhìn thấy ngay từ khi Fabrice chuẩn bị lên đường: “Còn như về sự thành công của Napoléon thì không có khả năng đâu, anh cháu tội nghiệp của cô ạ! Những Ngài đó biết cách giết ông ta!” (chương II).

Chính hiểu được như vậy cho nên hành động về sau của Gina ở triều đình Parme khác hẳn Fabrice, bởi có cái sâu sắc của người nhận thức ra thực chất vấn đề. Nàng chủ động như một người trực tiếp tổ chức chống đối xã hội. Tính lãng mạn chính trị trong con người Fabrice nặng nề hơn ở Gina rất nhiều, nên khi gặp thực tế khắc nghiệt nó bị lung lay, mất hướng và thụ động.

Cũng cần giải thích một cách hợp lý quan hệ giữa Gina và Fabrice sao cho ổn thỏa nhất, khi mà việc mổ xẻ tâm lý của *Stendhal* nhiều lúc đã cuốn hút người đọc vào những đam mê cá nhân. Việc Gina thừa nhận Fabrice đi theo Napoléon là chính đáng, hoàn toàn phù hợp với những tư tưởng thầm kín nhất của mình, thì sự thất bại của Fabrice là tổn thương tinh thần nặng nề nhất mà nàng phải gánh chịu. Nàng coi trách nhiệm cuơ mang Fabrice như một món

nợ tình thần đòi nàng phải trả, nó còn lớn hơn trách nhiệm về gia đình. Nàng hành động một cách tự nguyện và chính sự tự nguyện đó dường như trở thành ý nghĩa cuộc sống. Và khi người ta đã hiến cuộc đời cho mọi niềm tin, một lý tưởng thì người ta có thể hành động mãnh liệt và có trách nhiệm. Có cái gì ở đây cao cả hơn sự đam mê tầm thường.

Nhiều người cho rằng vì Gina yêu Fabrice nên đã hy sinh tất cả cho tình yêu. Thật ra thì không hoàn toàn như vậy; tình yêu của Gina là sự hòa hợp hữu cơ của thiên hướng tự nhiên và hiện thân lý tưởng của mình. Cho nên ở đây Gina không yêu chỉ riêng con người Fabrice mà qua Fabrice nàng say mê theo đuổi mục đích cuộc đời nàng. Trạng thái Gina yêu Fabrice có thể xem như một trạng thái “tự mê” một thứ chủ nghĩa “Marxist” vậy. Từ lúc Fabrice còn là một chú bé mười hai tuổi, bà cô hờ, người thiếu phụ hai mươi bảy tuổi đầy đủ tình yêu và danh vọng đó đã say chú. Là vì bà cảm thấy ở chú bé đó một “tôi” thứ hai có khả năng tiếp tục lối sống và thực hiện những hoài bão của mình. Hiện tượng tính thể hóa đã bắt đầu từ đó, và sau này có nhân tố gài gông trai tác động, nó đã chuyển không gián đoạn đến tình yêu thực sự, thì đó vẫn là logic.

Bởi trong niềm say mê của Gina có nhân tố phi ái tình rất sâu kín, cho nên khi Fabrice, tuy đan dứ với nhiều phụ nữ khác và không hề tỏ tình với Gina, nhưng còn tỏ ra thân mật, triu mến và tin cậy bà cô, thì Gina vẫn thấy có hạnh phúc. Chỉ đến khi anh yêu Clélia thực sự, xa rời Gina, đề phòng Gina, không trao đổi tâm sự với nàng nữa, Gina mới đau đớn tuyệt vọng. Nàng hiến dâng tất cả cho Fabrice, nhưng không phải cho con người Fabrice thông tục, mà cho chính cái bản ngã hết sức phức tạp của nàng. Đây là chất lãng mạn độc đáo ở con người Gina Del Dongo.

Trong khi chúng ta chán Fabrice, chúng ta lại ngày càng yêu Gina. Một lý tưởng đã hình thành trong nàng, nàng không hề để mất nó, như Fabrice, tuy có lúc phải để nó lắng xuống, vì những điều kiện xã hội đã trở thành quá ngang trái. Lý tưởng đó là một trong những nhân tố làm nên bản ngã của nàng. Còn có những nhân tố khác: Ý chí, nghị lực, tính nồng nhiệt, lòng hào hiệp vị tha, ý thức danh dự, tính kiêu hãnh tự trọng, sự ham thích sống vui, sống tự do độc lập. Nàng vẫn là một phụ nữ rất phụ nữ, ở chỗ cứ chợt nảy ra những ý định bất ngờ rồi khư khư bảo vệ nó, biết sử dụng sắc đẹp của mình, khi cần thì rất khôn khéo, giàu nhân ái, nhưng khi đã khinh và thù thì khinh và thù đều ghê gớm. Khi thất vọng sự đau đớn của nàng cũng sâu sắc như ở một phụ nữ đa sầu đa cảm nhất, điều khác là sau cơn khủng hoảng, nghị lực và ý chí của nàng lại vực nàng lên, và nàng hoạt động lại ngay.

Gina là nhân vật sống nhất, thực nhất trong *Tu Viện Thành Parme*, do đó cũng là điển hình nhất. Gina là một phụ nữ đầy chất lãng mạn, nhưng việc diễn tả Gina lại không lãng mạn. Người ta cảm thấy *Stendhal* để hết tâm trí vào việc sáng tạo nhân vật này. Người ta biết là có một sự kỳ thác cái “tôi” của tác giả với nhân vật của mình, nói cách khác, ở Gina, có phần tự thể hiện của tác giả.

Mosca và Rassi, một là bộ trưởng công an (về sau là thủ tướng) một là chánh án, hai người ở hai ngành anh em, hai người đều biết khai thác nhược điểm của ông hoàng chuyên chế Ernest IV để duy trì và nâng cao địa vị mình. Khi cần tiền, Mosca cũng biết làm giàu như kẻ khác, có lẽ còn làm giàu hơn cả Rassi. Xét cho cùng về phẩm chất đạo đức Mosca không hơn gì Rassi nhiều lắm. Cả hai đều không lý tưởng chính trị, đều làm chính trị vì mình, đều dùng thủ đoạn. Nhưng Mosca là một người quý phái có giáo dục, Rassi là một tên lưu manh bần tiện. Cả hai đều là sản phẩm của thời đại. Chỉ có khác là Mosca còn có chút lương tâm và coi trọng danh dự: Ông tránh nhất thiết những việc làm dè nặng lương tâm về sau, và bảo vệ đến cùng những người chủ mà mình phụng sự. Rassi là điển hình những quan tòa trong các chế độ phong kiến và tư sản, hăn bán lương tâm cho bọn thống trị, đem luật pháp làm dĩ với bất cứ ai có tiền. *Stendhal* đã đánh một đòn nặng vào bọn quan tòa trong Đỏ và Đen. Ở đây ngón đòn mới trông như đùa giỡn, nhưng có ma thuật hóa kiếp người ta, biến quan tư khấu, chánh án tòa án tối cao của công quốc ra con chó nằm rạp dưới chân quận vương và thủ tướng của ngài. Chân dung Rassi là một bức biếm họa tài tình, tất nhiên có cường điệu, có hài hước hóa như tất cả biếm họa.

Một nhà phê bình Pháp nói: “Những nhân vật nữ của *Stendhal* hoặc là cũng giống ông hoặc là thể hiện một kiểu phụ nữ rất khác mà ông yêu và muốn được họ yêu, điều đó đúng. Trong hai kiệt tác của ông đều có một cặp nhân vật nữ đóng vai trò quan trọng: Mathilde và de Rênal (Đỏ và Đen), Gina Del Dongo và Clélia Conti (*Tu Viện Thành Parme*). Mathilde và Gina là những phụ nữ giống ông, bà de Rênal và Clélia là những phụ nữ mà ông yêu và muốn được họ yêu.

Clélia đẹp, thông minh không kém bà công tước, đa cảm và rất trẻ như Julia Ranieri[2] chẳng? - Clélia dưới ngòi bút *Stendhal*, hiện ra dịu dàng ngoan ngoãn, chịu sức hút tự nhiên của chàng trai Fabrice, nhưng cứ tưởng tượng chỉ có lòng xót thương đối với người ngộ nạn, rất dè dặt và giữ gìn ý tứ trong sự giao thiệp, tuy chỉ là viễn giao, trên bề mặt trông rất nhu mì, có vẻ phục tùng lễ giáo, nhưng bên trong rất độc lập, tự chủ. “Trận chiến đấu” của Fabrice lần này thật gian lao, anh công tử đẹp trai quen chim gái hóa ra thận trọng, một phần vì cảnh ngộ, chủ yếu vì nét na của Clélia và vì anh yêu thực sự.

Clélia đấu tranh bản thân ráo riết, nhưng cảm tình cứ tăng dần. Clélia cũng ghen thầm, nhưng đồng thời lại thông cảm với bà công tước vì Fabrice quá đáng yêu. Nàng biết rằng bản tính mình hễ đã yêu thì chỉ yêu một người cho đến chết, còn Fabrice là một tay phong tình nức tiếng, nàng tin tưởng là ở tù, anh buồn chán, thấy có phụ nữ thì ve vãn giải buồn, một khi được tự do, anh sẽ trở lại con đường cũ, và “người bạn gái tội nghiệp của những ngày tù đành phôi pha kiếp sống thừa trong một nhà tu kín (...) riêng ôm mối hận chết người trót đã giải tỏ ruột gan” (chương XX). Nàng nghĩ thế, nhưng nàng vẫn cứ bị xô đẩy vào Fabrice như bởi một sức mạnh vô hình và vô địch. Fabrice không chịu trốn vì sợ xa nàng, điều đó càng khiến nàng yêu Fabrice, tuy vẫn bảo là anh điên cuồng dại dột và lấy làm thất vọng. Nàng biết nếu nàng trốn vào nhà tu kín thì nàng đạt một lần hai mục đích căn bản: Fabrice sẽ chịu vượt ngục, và cuộc hôn nhân cha nàng xếp đặt giữa nàng và người nàng không yêu sẽ bị hủy bỏ. Luận lý rõ ràng và sáng suốt như vậy, nhưng nàng vẫn cứ lần lữa không đi. “Tình có những lý mà lý không biết đến”. Có một chất nhựa bí mật gì gắn chân nàng tại chỗ. Đòi một đời yên ổn lấy vài ngày gần gũi, mà vô cùng nguy hiểm, nào có phải riêng Fabrice điên dại liều lĩnh? Đó là dấu hiệu của sự say mê, nói si tình càng đúng hơn. Và đó là tính cách những phụ nữ mà *Stendhal* muốn được họ yêu.

Fabrice không xứng đáng lắm với người con gái cao quý ấy, có chăng chỉ là tấm lòng yêu đương đắm đuối của một người yêu lần đầu, tuy đã từng trải trăng gió. Khi Clélia hoảng hốt xông vào buồng giam để báo có thuốc độc trong món ăn, chàng vờ như đã nhớ ăn, để cho nàng quá thương xót mà thuận cho mình “bẻ hoa”. Một hành động “thừa nhân chi nguy” rõ rệt, không kém Ernest IV mấy. Những người xung quanh Clélia tầm thường bao nhiêu, thì Clélia càng hiện lên cao quý, chung tình bấy nhiêu.

Cái hành lang chân dung của *Tu Viện Thành Parme* thật là phong phú, đa dạng, cha con quân vương, cha bao chúa, thâm hiểm mà có bản lĩnh, con nhu nhược và tầm thường. Bà vương phi cả đời chỉ biết có một giá trị: Danh hiệu quý tộc, càng cao càng đáng trọng. Vì có người ở trên như thế, cho nên có đức tổng giám mục Landriani đạo cao đức cả nhưng khiếp phục trước những chữ tên dài và kêu. Mụ hầu tước Raversi xứng đáng là đối thủ của nữ công tước, bố trí những âm mưu bá phát bá trúng rồi “ra vào một mực nói cười như không”, dù giận tím gan cũng không nghĩ là “thóa mạ địch thủ tức là đã trả thù”. Hai tướng Conti và Fontana sản phẩm của một tiểu quốc lệ thuộc, không có một giọt kiến thức mà ham địa vị, không biết chỉ huy, chỉ biết hò hét sai bảo lính dọn cỏ, vun bón hoa, bông súng chào, không biết phụng sự tổ quốc, chỉ biết nhanh khi được sai bảo, chạy càng nhanh hơn khi có giặc.

Có một điều lạ là những người bình dân trong *Tu Viện Thành Parme*, dù là người Ý, Pháp hay Bỉ, đều rất đáng mến: Chị bán hàng căng tin, anh hạ sĩ trên đường tháo chạy của “đạo quân vĩ đại”, mấy mẹ con chị chủ quán nuôi Fabrice bị thương, cô Chékina, hầu phòng của bà công tước. Từ anh đánh xe Ludovic có cả một quãng đời chung đụng với Fabrice và nữ công tước, mà trí thông minh và óc thực tế hơn hẳn Fabrice, đến anh nông dân gặp một thoáng trên đường đi... họ đều có một chất tâm hồn cao quý, một tấm lòng hào hiệp, một ý thức nhân nghĩa

đáng phục. Đọc *Tu Viện Thành Parme*, ta có thể xác định *Stendhal* thành thực khi nói “yêu nhân dân”.

Tu Viện Thành Parme ca ngợi lẫn phê phán.

Nó ca ngợi tình yêu và nhân cách. Có ba mối tình lớn, trong đó hai được chia xẻ. Mosca yêu Gina, Gina yêu Fabrice; Fabrice và Clélia yêu nhau, đều say đắm. *Stendhal* không thích sự mực thước trong tình cảm; như ở trên chúng tôi đã nói, ông cho nhiệt tình say đắm là động lực của mọi lớn lao. *Stendhal* thích kiểu tình yêu say đắm ấy. Trong sách *Luận về tình yêu*, ông xếp tình yêu say đắm (amour passion) lên trên ba kiểu khác: Yêu Ưa Thích, Yêu Xác Thịt, Yêu Khoe Khoang (amour gout, amour physique, amour de vanité). Chúng ta có thể theo dõi ở Mosca, Gina, Fabrice, Clélia hiện tượng “tính thể hóa” (cristallisation), một luật tâm lý do *Stendhal* phát hiện. Đó là trạng thái của người khác cho người yêu của mình muôn nghìn hoàn hảo, cũng như ở mỏ muối Salzburg, “một cánh trụi lá mùa đông được phủ những tinh thể lấp lánh, và 30 hạt kim cương chuyển động và sáng ngời”. Tình yêu đem lại những giờ phút hạnh phúc nhất cho con người. Bá tước Mosca, nữ công tước, Fabrice, Clélia đều có những giờ phút ấy; những dấu hiệu thắng lợi bước đầu, những nhớ mong, những phút chuyện trò, những đèn đáp... đều là những nguồn hạnh phúc. Cả những dẫn đo, những đau đớn vì tình yêu, cũng là nguồn hạnh phúc vì nó làm cho đời có ý nghĩa phong phú, nó cho ta niềm tự hào vì hy sinh. Những đau đớn dẫn vật vì ghen tuông hoặc là bị phụ tình quả là ghê gớm nhưng ở đây, tác giả cố ý làm cho nó trở thành những bi kịch lạc quan, hoặc là dụng ý diễn tả cho người đọc không thấy sợ tình yêu, trái lại càng xót xa với kẻ mang vết thương lòng. Mosca bắt gặp ánh mắt “lạ lùng” nữ công tước nhìn Fabrice thì nổi một cơn ghen kinh khủng, suýt phạm tội giết người. Nhưng rồi sau khi gạn hỏi cô hầu phòng của bà và điều tra được vụ Fabrice bắt nhân tình với Marietta, thì biển lặng sóng êm, và cũng là điều lạ lùng! Ông đâm ra quý mến người cháu của bà nữ công tước và tận tình giúp anh ta.

Bà Sanseverina một lần sụp đổ tinh thần vì coi như Fabrice chắc chết và mình thì bị nhục, một lần buồn bực héo hon vì Fabrice yêu Clélia, cả hai lần bà đều thu hút cảm tình của người đọc và có lẽ hơn một kẻ lần trước đã ao ước cho Fabrice thoát nạn, lần sau hẳn mơ làm Fabrice để báo đáp tấm lòng Gina.

Bà công tước cũng yêu Mosca song song với yêu Fabrice không biết có nên xếp mối tình này vào loại “Yêu Ưa Thích” trong bản phân loại của *Stendhal* hay không? Theo “bản đồ xứ yêu đương” của tiểu thư Madeleine de Scudéry ở thế kỷ XVII (Carte du Tendre) thì nó nằm ở vùng “Yêu Vì Mến” (Tendre sur estime). Ở đây tác giả *Tu viện thành Parme* đã làm cái việc mà nhà phê bình gọi là “bỏ qua mặt xấu” của sự vật.

Mặt khác, cũng cần chú ý là *Tu Viện Thành Parme* thể hiện tình yêu trong lĩnh vực tư duy mà im lặng hoặc nói rất ít về xác thịt. Không ai ngây thơ không biết trong tình yêu có yếu tố sinh lý; sinh lý bị cản trở càng hun đúc tình yêu, việc tác giả thể hiện tình yêu như thế có nghĩa là đã chất lọc tình yêu. Chỉ diễn tả đôi mắt mà thể hiện được sự say đắm của nhân vật, gây xúc động sâu sắc cho bạn đọc, quả là ông có biệt tài!

Ngoài tính nồng nhiệt và tình yêu, *Stendhal* mượn *Tu Viện Thành Parme* để ca ngợi những con người có nhân cách. Có nhân cách đối với *Stendhal* là có nghị lực, can đảm, có ý thức danh dự, có lòng hào hiệp. Những nhân vật được ông đề cao: Gina, Fabrice buổi đầu, Ferrante Palla, Clélia, Mosca đều như thế, Ludovic, chỉ hàng căng tin một phần như thế, cho đến tên bạo chúa Ernest IV cũng được ông khen ở mặt có bản lĩnh, dám quyết đoán.

Nhiều nhà văn Pháp từng ở Ý nói đến “bài thơ phong cảnh” trong cuốn tiểu thuyết này và khẳng định *Stendhal* tả phong cảnh Bắc Ý hết sức hấp dẫn, tuy có sắp xếp lại đôi chút theo ước mơ của mình, có khi không ngần ngại làm phép rời sơn đảo hải: Chẳng hạn dời dãy núi Alpes, đến gần Parme để cho Fabrice từ trong tháp cao nhìn thấy, hoặc trồng rừng trên bờ sông Pô vốn bằng phẳng trơn tru... Không có điều kiện kiểm tra về đẹp ấy, chúng ta cũng thấy cảnh vật

nước Ý hiện ra trong văn *Stendhal* như trong giấc mộng của một kẻ tương tư.

Tu viện thành Parme phê phán không kém ca ngợi. Tác giả thể hiện cái tiểu triều đình, hình ảnh của một chế độ chuyên chế này như một sân khấu hồi kịch, mọi quyền hành chức tước đều phân phối thông qua thần thể và chạy chọt, bán mua một cách tự nhiên thoải mái. Các mỹ nhân sủng ái của kẻ bề trên làm mưa làm gió. Mưu toan của một người đàn bà có thể làm cho một người bị kết án hai mươi năm cầm cố trong tháp cao vờ vờ, bởi một tội lỗi chẳng có nghĩa lý gì. Rồi hầu như liền ngay sau đó, sự vận động của một người đàn bà khác lại kéo kẻ đó ra khỏi tù, chiêu tuyết cho nó, lại đẩy nó nhảy thoăn thoắt lên địa vị tổng giám mục cai quản giáo hội toàn công quốc, tuy y chẳng có công trạng gì, thánh tính gì! Quận vương Ernest IV sợ thích khách như trẻ con sợ ngoáo ộp, trị vì bằng ngục tù, máy chém, thuốc độc, lật lọng. Quan chánh án tòa án tối cao để cho ông thủ tướng đá dít, và đổi bí mật quốc gia lấy tiền bạc và tước phong. Là linh mục cao cấp (Borda) mà tấn công vợ người không kết quả, bèn đến chồng tố cáo vợ ngoại tình. Là tổng giám mục mà cải trang vào xem hát, một điều cấm giới nghiêm ngặt của Giáo hội Thiên Chúa để nhìn trộm người yêu, gia công thuyết pháp cho thật hay để kéo người yêu đến nghe giảng, nhỏ ròn ròn những giọt nước mắt thương nhớ khiến cho con chiên tưởng là nước mắt từ bi, và làm đủ mọi cách để cho người yêu cầm lòng không đậu, phải vi phạm lời thề thiêng liêng trước Đức Mẹ, cuối cùng vì ích kỷ và bảo thủ, đã gửi một thiên thần lên thiên đường (Sandrino con Fabrice) và cùng hai mỹ nhân (một người yêu, một ân nhân) xuống... địa ngục và chắc là vị thánh tăng ấy được ở cái vòng khốc liệt nhất của Dante (1265-1321).

Stendhal có cách tố cáo của mình, độc đáo và không kém hiệu quả. Ông không nặng lời, lớn lối. Nóng giận, la lối nghĩa là còn thương, lạnh lùng mai mỉa mới thật là khinh ghét. Ông có vẻ như chấp nhận một hiện tượng phổ biến, một trạng thái tự nhiên và tất yếu, cùng lắm là ông mỉa mai. Đó là thái độ của Philinte, ở Molière (Kẻ Gét Đời). “Chịu thôi! Chúng là thế!”. Hề chuyên quyền thì đẻ ra đàn áp, thần thể, sủng ái, xiểm nịnh, chạy chọt mưu toan, húc báng lẫn nhau... Giáo hội là một tổ chức phong kiến hủ lậu, tệ hại, thối tha, giả dối nhất, lấy đức tin lừa người, địa ngục dọn người, biến trần gian thành thiên đường trên mặt đất để cho chính sách các đức cha ngang nhiên hướng các “quả cấm”.

Các bạn hãy thử đọc kỹ ở chương VI những bài học “vỡ lòng” mà bà cô và ông bá tước dạy cho ông cố đạo trẻ tuổi sắp tiến triều: Không được hưng phấn, không được thông minh, không bao giờ nói “Nhưng”. “Nhưng ta tha thứ một vụ nhân tình nhân gái, không tha thứ một hoài nghi đâu”. Đừng tỏ ra lỗi lạc, “khi đã làm giám mục rồi, hãy tỏ ra thông minh cũng chưa muộn”.

Người học trò ấy đã tỏ ra xuất sắc ngay trong buổi đầu bệ kiến quận vương. Khi quận vương hỏi ông ta có được dân chúng yêu mến không, Fabrice tâu ngay: “Tỏ ra yêu mến chúa thượng của mình thì cũng cầm bằng hôn láo, cái cần là một sự phục tùng mù quáng mà thôi”. (Chương VII). Rồi ông cố đạo trẻ tuổi tỏ ra là một cột chống của chiếc ngai vàng: “Những danh từ tự do, công lý, hạnh phúc của số đông, đều là phản phúc và tội lỗi (...). Cho dù là vì nghi kỵ, uy quyền của các bậc vương thượng do chúa dựng nên mà có được hai mươi hay ba mươi năm hạnh phúc như mỗi chúng ta cũng có thể mong hưởng, nhưng dù có năm mươi năm hay cả một thế kỷ hạnh phúc đi nữa, thì cũng có nghĩa lý gì đối với cực hình vĩnh cửu” (chương VII).

Rõ ràng tác giả xác định đạo Gia tô là chỗ dựa ý thức hệ phong kiến chống tư tưởng dân quyền tư sản. Vài mươi năm sau, khi giai cấp tư sản đã nắm trọn vẹn quyền thống trị ở châu Âu, thì đạo Gia tô trở thành công cụ của tư sản để trấn áp tư tưởng vô sản. Giáo hoàng Pius IX đã phát hành năm 1871 bức thông thư *Rerum novarum* để răn đe giai cấp vô sản sau cao trào công xã Paris: “Chúa đã sinh tư bản, Chúa cũng sinh công nhân: Mỗi người hãy bằng lòng với sứ mệnh Chúa đã giao phó... Một trăm năm sau (1971), tòa thánh Vatican lại ban bố những nghị định sửa đổi *Rerum novarum*, cố rêu rao một formule hợp tặc giữa công giáo và vô sản để “mưu cầu hòa bình và ấm no, mạnh khỏe, giảm bớt đau thương cho loài người” ở cõi đời này. Nghĩa là làm một con dê mềm để bảo vệ chủ nghĩa đế quốc chống ba dòng thác cách mạng.

Stendhal đã dùng hai phương pháp phê phán khác nhau, do đó tăng tính phong phú và đa dạng của cuốn truyện. Với giáo hội, ông diễn tả một cách khách quan và sử dụng những nhân vật ông có cảm tình: Borda, Landriani, Fabrice đâu có phải là người xấu? Họ chỉ làm những việc quen làm trong giáo hội mà thôi. Thậm chí ông cũng không mỉa mai! Cứ để độc giả tự hiểu. Với chính quyền chuyên chế, ông đã dùng những hình tượng phản diện sắc nét: Mù Raversi, Rassi, Ernest IV...

Stendhal vừa lãng mạn vừa hiện thực. Chiều hướng chung của *Tu Viện Thành Parme* là hiện thực; triều đình như thế, tôn giáo như thế, cuộc chạy đua địa vị là như thế, tình yêu đem lại những sung sướng và những dằn vặt như thế. Sự việc lại có nhiều yếu tố lãng mạn, yêu đương quay vòng, đấu gươm, rước đuốc cuồng bức, đầu độc, vượt ngục phiêu lưu, trốn tránh. Nhưng trong một sự kiện, khi đi vào chi tiết, *Stendhal* lại rất hiện thực, rất chính xác. Chẳng hạn việc trung úy Robert chuẩn bị dự bữa ăn với những phụ nữ sang trọng và xinh đẹp, cảnh chiến trường, cảnh rút lui của “Đạo quân Vĩ đại”, những biểu hiện cảm tình tiến dần lên yêu đương của Clélia...

Tu viện thành Parme tuyệt vời trong việc phân tích tâm lý - tâm lý những dục vọng, nhất là tình yêu và những diễn biến của nó. Hãy xem cơn bão lòng của bà Sanseverina, một người có ý chí ghê gớm và thông minh quái thế, một người bách chiến bách thắng, lại yêu say mê, đã tiến hành một cuộc đấu trí, đấu ý chí với nhà vua và tưởng thu được thắng lợi rực rỡ, dùng một cái, tên vua phản phúc đã ngầm bố trí làm đảo ngược tình hình. Người yêu chắc chết, mình nhục, người có uy quyền thứ hai trong nước và là người mình mến phục, vì óc “triều thần”, đã làm hỏng thắng lợi của mình! Xót thương, tự ái, khinh bỏ đã đánh gục con người đó. Nhưng nghị lực của bà quả thật ghê gớm! Thấy rằng tuyệt vọng, buông xuôi thì Fabrice nhất định chết, nữ công tước vùng dậy như một người đã lột xác: “Trong vài giờ nữa ta sẽ ra chiến trường, lúc đó phải hành động (...). Cho nên phải quyết định tại đây và ngay bây giờ” (Chương XVI). Gina không có “hành động cái thế” tuy vậy qua ngòi bút phân tích tâm lý của *Stendhal*, chúng ta vẫn cảm thấy nàng quả là một kỳ nữ ở nước Ý thời ấy.

Những băn khoăn và hy vọng khi chưa chắc chắn được yêu, những dằn vặt trong lòng vì nghi ngờ, vì ghen tuông, những tính toán thầm của tham vọng đều được mổ xẻ chính xác. Những cuộc đấu trí giữa nhân vật của *Stendhal* là những cuộc dò xét tâm lý lẫn nhau để đánh những đòn tâm lý dứt điểm.

Hình như *Stendhal* phân tích tâm lý sâu và đúng là vì ông tự theo dõi, hoặc phục hồi diễn biến tâm lý của mình trong những cảnh huống tương tự với nhân vật, như Talma (François Joseph Talma 1763-1826) ngồi trầm ngâm nghe lòng mình khóc con để đóng kịch. Paul Valéry nói: Ý thức của Bayle là một sân khấu và có con người diễn viên khá đậm trong tác giả đó”. Có lẽ vì thế mà *Stendhal* chỉ phân tích một số trạng thái tâm lý, chứ không đi tràn lan, trong khi nhiều nhà văn khác đã đi vào những tâm trạng xa lạ với họ nên hóa ra giả tạo và chán ngắt.

Stendhal viết: “Tiểu thuyết phải kể, đó là loại thú vui mà người ta đòi hỏi ở nó” (Dẫn theo Nelly Stéphane - Tạp chí châu Âu về *Stendhal*). Tiểu thuyết và tự truyện của *Stendhal* kể rất nhiều và kể súc tích. Marcel Proust dùng hai mươi trang giấy để nói một cái trở mình trên giường, *Stendhal*, với bốn trang đã thuật một cách đầy đủ, thuật có diễn tả việc nữ công tước đã khiến ông quận vương trẻ phục tài như thế nào, đến nỗi muốn cử mình làm thủ tướng, đã bắt ông đọc một bài thơ ngụ ngôn của La Fontaine như thế nào, đã khó nhọc thuyết phục bà thái phi bỏ dự định truy tìm kẻ giết vua chồng, cuối cùng ông hoàng trẻ phải hy sinh những tập hồ sơ để làm tổn của ông mười mấy vạn francs, những tập hồ sơ ấy có khả năng đưa bà công tước lên đoạn đầu đài. Bốn trang, lúc thì khoan thai, lúc thì hồi hộp lạ thường!

Trong *Tu Viện Thành Parme*, sự việc trước chẳng cho đoán ra sự việc sau. Các biến cố nối nhau một cách bất ngờ, không thể dự kiến, nhưng khi xảy ra xong, mới thấy rất logic và không thể khác. Chúng ta đi từ khám phá này đến khám phá khác. Nhà phê bình Charles de Broches, người chủ trương “ức đoán” chứ không khẳng định, còn cho rằng sự việc xảy ra cũng bất ngờ

đối với cả tác giả nữa. *Stendhal* viết theo cảm hứng, chứ không bố cục trước một cách chặt chẽ. “Ông thích thú luôn luôn đem đối chứng những nhân vật của mình, cũng như người ta cạo hai viên đá lửa để xem những tia gì bật ra” (ước đoán, quyển II).

Stendhal viết ngắn gọn, cô đọng, chính xác và cố ý khô khan, ông ghét lối viết bóng bẩy quanh co. Ông đi thẳng vào sự vật như ông đã nói. Ông viết: “Khi viết *Tu viện*, để cho nhuần giọng, mỗi buổi sáng tôi đọc hai ba trang *Dân luật*”. *Dân luật* của Napoléon là bộ sách được công nhận lời văn sáng sủa rõ ràng, giản dị nhất. Ông cho văn chương của Satobrian giả văn chương của những tay “bán thuốc dán”. Ông viết: Tôi làm đủ mọi cách để cho khô khan... Tôi lo ngại chỉ viết nên một tiếng thở dài trong khi tưởng đã ghi chép một sự thật”. Sự tự chủ, sự lạnh lùng và khô khan ở hình thức giúp người đọc lĩnh hội bằng trí tuệ một cách bình tĩnh, thấu đáo, do đó có thể tách rung động thẩm mỹ và rung động tình cảm ra. Bởi vậy, dù nói thế nào, phải có trí thức, phải có thói quen suy nghĩ, phải hiểu đời, mới thấy tiểu thuyết của *Stendhal* là hay.

Chúng tôi ghi một đoạn văn của *Stendhal* để thấy rõ chủ trương của ông về ngôn ngữ văn học:

“Một nhân vật khá giả mà cách ăn mặc ở khoảng giữa người thợ làm tóc và người diễn viên giải nghệ, một hôm nói với tôi: “Người mặc đẹp là người lúc ra khỏi phòng khách, không ai nhớ anh ta mặc như thế nào”, về tác phong, tôi dám nói là về văn phong nữa, cũng thế thôi. Văn hay nhất là văn làm cho người ta quên nó, chỉ để cho người ta thấy rõ ràng nhất những ý mà nó nói, nhưng phải có ý kia, đúng hay sai được. Ý làm cho lữ ngu bức bối vì chúng có cổ cũng không hiểu nổi, bởi tập quán thưởng thức văn học của chúng là ở hình thức văn chương mà thôi. Một nhân vật tỉnh nhỏ, ngày nay có uy quyền, thấy sách nào chứa đựng những ý tứ sáng tỏ, diễn đạt bằng lời văn giản dị, thì tuyên bố sách viết kém (...) Những từ mới làm cho hấn ta tỉnh người. Hấn khâm phục những câu loại này:

“Mùa đông ở trong trái tim ta - Tuyết rơi trong tâm hồn ta.”

(Hồi ký của một người du lịch 1838)

Tuy giản dị nhưng không đơn điệu; mỉa mai một cách kín đáo, lạnh lùng khi kể, đến lúc diễn tả cảnh đẹp hay hạnh phúc trong tình yêu, bút pháp của *Stendhal* trở nên trữ tình một cách thú vị. Nói tóm lại, một nhà văn tâm hồn sôi nổi, trí tuệ dồi dào, nhưng mực thước, tự chủ trong diễn đạt.

THAY KẾT LUẬN

“Tu viện là cả cuộc đời *Stendhal*, những kỷ niệm, những hoan lạc, những yêu đương, một quá khứ kỳ diệu không bao giờ tái hiện và cần phải kéo ra khỏi vòng quên lãng. Balzac đã thấy đúng khi nói: “Công trình lớn này chỉ có thể được ý thức và thực hiện bởi một người năm mươi tuổi”. “Nó là chúc thư của *Stendhal* trước khi ngã xuống...” (Paul Morand).

“Nên đọc Tu viện trong bản gốc, nguyên như khi nó chảy ra như một làn phún thạch từ khối óc và con tim của tác giả” (Henri Martineau).

Huỳnh Lý, Trần Tiến Bình cùng bạn đọc.

LỜI TÁC GIẢ

Tôi viết cuốn truyện này vào mùa đông 1830 và ở cách xa Paris ba trăm dặm, vì vậy không hề có ám chỉ gì đến những sự việc năm 1839.

Rất lâu trước năm 1830, vào thời các đạo quân của ta kéo đi khắp châu Âu, tình cờ có lần tôi được lĩnh phiếu trợ tại nhà một ông Chanoine^[3] ở Padua, một thành phố Ý đẹp mê hồn. Đứng ở đó lâu, tôi trở thành người bạn của ông chủ nhà.

Vào cuối năm 1830, lại có dịp đi qua Padua, tôi chạy ngay đến nhà ông Chanoine đôn hậu; biết ông đã qua đời, nhưng tôi muốn nhìn lại cái phòng khách mà ông và tôi đã thích thú ngồi với nhau biết bao buổi tối, những buổi tối lâu nay tôi hằng nuôi tiếc. Tôi gặp vợ chồng người cháu ông Chanoine, họ đón tiếp tôi như một người bạn cũ. Mấy người khách nữa kéo tới và đến khuya chúng tôi mới chia tay nhau. Người cháu ông Chanoine đã cho lấy ở quán cà phê Pedrocchi món kem trứng rượu vang^{[4][5]} tuyệt diệu. Chúng tôi thức khuya chủ yếu vì câu chuyện về công tước phu nhân Sanseverina mà một người khách nhắc đến, rồi ông chủ nhà vui lòng vì tôi mà kể lại trọn vẹn.

Tôi nói với những người bạn đó:

“Ở xứ tôi sắp đến, tôi sẽ không tìm thấy được mấy buổi tối như tối nay, tôi sẽ dùng những giờ dài thức suông để viết câu chuyện các bạn kể đây thành một cuốn truyện.”

“Nếu vậy người cháu nói, tôi sẽ biếu ông những tập niên giám của chú tôi. Ở mục Padua, chú tôi có ghi chép lại một số vụ mưu toan xúc xiểm ở triều đình, vào thời mà bà công tước làm mưa làm nắng tại đó. Nhưng ông cũng phải coi chừng! Câu chuyện này chẳng có tí nào tính chất luân lý, và vì ngày nay ở bên Pháp, các ông đang tự hào về sự trong sạch thánh kinh của mình, cho nên nó có thể khiến ông bị coi là kẻ sát nhân.”

Ngày nay tôi cho in cuốn truyện y nguyên như bản thảo năm 1830, không hề thay đổi tí gì, cái đó có thể có hai điều bất lợi:

Thứ nhất là bất lợi cho bạn đọc; nhân vật Ý có lẽ ít làm cho họ thích thú bằng nhân vật Pháp, tâm lý người xứ đó có khác nhiều với tâm lý người Pháp; người Ý thành thực, đôn hậu, chẳng e dè nói những gì họ nghĩ, ở họ bệnh khoe khoang chỉ diễn ra từng cơn thôi, và những lúc đó, nó trở nên một sự say mê và mang tên là Puntiglio^[6]. Sau hết, nghèo nàn đối với họ không phải là điều xấu hổ.

Thứ hai là bất lợi cho tác giả. Thú thật tôi đã mạnh dạn để cho các nhân vật mang nguyên những góc cạnh vẫn có trong tính tình họ, tuy nhiên tôi đã phê phán rất nghiêm minh nhiều hành vi của họ, điều này tôi dám lớn tiếng tuyên bố. Ích gì mà gán cho họ cái đạo cao đức cả, cái mỹ miều duyên dáng của người Pháp những người yêu tiền bạc hơn gì hết vì chẳng bao giờ phạm tội vì thù hận hay vì yêu thương? Nhưng người Ý trong truyện này hầu như trái hẳn lại. Vả chẳng, hình như hễ cứ đi hai trăm dặm lên phía bắc thì lại gặp một cảnh vật mới và có thể viết một cuốn tiểu thuyết mới. Đã từng quen biết, hơn thế quý mến nữ công tước Sanseverina, người cháu gái đáng mến của ông Chanoine bảo tôi đừng thay đổi gì hết trong các sự việc của bà công tước những sự việc đáng chê trách đó.

Ngày 23 tháng 1 năm 1839 *Stendhal* đã từ lâu mảnh đất thân thương này gọi bảo tôi viết về nó

Ariost (Thơ trào phúng IV)

CHƯƠNG I

MILAN NĂM 1796

Ngày 15 tháng 5 năm 1796, tướng Bonaparte[7] vào thành Milan, cầm đầu đạo quân non trẻ vừa vượt cầu Lodi và báo cho thế giới biết rằng César và Alexandre[8] đã có người kế thừa sau bao nhiêu thế kỷ. Những chiến công kỳ diệu lập nên nhờ lòng quả cảm và thiên tài, mà nước Ý được chứng kiến trong mấy tháng, đã đánh thức một dân tộc mê ngủ. Chỉ tám hôm trước khi quân Pháp đến, người Milan còn cho đó là một đám quân ô hợp, gồm những tên kẻ cướp quen chạy dài trước quân đội hoàng gia[9]. Dù không phải thế thì ít ra, đó là điều mà một tờ báo lớn bằng bàn tay, in trên giấy bản, nhai đi nhai lại mỗi tuần ba bận.

Thời Trung cổ, những người cộng hòa Lombards[10] cũng dũng cảm như người Pháp, cho nên kinh thành của họ hân hạnh được các hoàng đế Đức san bằng. Từ khi họ trở thành những thần dân trung thành thì công việc quan trọng nhất của họ là in thơ chúc tụng trên những chiếc khăn tay nhỏ nhắn bằng lụa hồng, mỗi khi có một tiểu thư con quý tộc hoặc hào phú sắp lấy chồng. Vài ba năm sau cái ngày trọng đại trong đời con gái đó, cô ả tìm một chàng trai hộ vệ đôi khi chàng trai hộ vệ do gia đình bên chồng chọn đó được ghi tên tuổi ở một vị trí tôn quý trong hôn ước. Những tục lệ ủy mị ấy khác xa những xúc động sâu sắc mà quân đội Pháp bất ngờ kéo đến đã gây nên. Chẳng mấy chốc đã nảy sinh những tập quán mới cháy bỏng.

Ngày 15 tháng 5 năm 1796 ấy, cả một dân tộc nhận thấy rằng tất cả những gì lâu nay họ tôn kính thực ra đều hết sức lố lăng và đôi khi còn bỉ ổi nữa. Trung đoàn Áo cuối cùng rút đi đánh dấu sự sụp đổ của những ý niệm xưa cũ. Xông pha vào chỗ hiểm nguy chết chóc từ nay trở thành điều thời thượng, sau hàng mấy thế kỷ sống với những cảm giác nhạt nhẽo, người ta thấy rằng muốn có hạnh phúc, phải yêu tổ quốc một cách chân thành và phải có những hành động anh dũng. Trước đây người ta chìm đắm trong đêm tối vì chế độ chuyên chế chặt chẽ thời Charles đệ ngũ và Philippe đệ nhị vẫn tiếp diễn, bây giờ người ta lật đổ tượng hai ông vua đó và ánh sáng bỗng chốc tỏa ra tràn trề. Năm mươi năm qua, Tư tưởng bách khoa[11] và tư tưởng Voltaire[12] càng nảy nở ở Pháp thì bọn tu sĩ càng thét vào tai nhân dân Milan don hậu rằng học chữ nghĩa hay học hỏi bất cứ cái gì cũng đều vô ích, cứ nạp tô đầy đủ cho cha xứ và thật thà kể cho cha nghe tất cả những tội lỗi nhỏ của mình, thì hầu như chắc chắn đã giành được một chỗ tốt chờ sẵn trên thiên đường. Để làm chùn hoàn toàn gân cốt của một dân tộc ngày xưa đến ghê gớm và ưa lý sự, nước Áo đã cho họ mua, với giá rẻ, cái đặc quyền miễn đi lính bổ sung cho quân đội Áo choàng.

Năm 1796 quân đội Milan gồm hai mươi bốn tiểu tốt mặc quân phục đỏ. Hai mươi bốn tên này hiệp đồng bảo vệ kinh thành cùng với bốn trung đoàn thủ pháo oai vệ người kinh Hungari[13]. Phong tục thì hết sức lỏng lẻo bê tha, mà tình cảm đắm say lại hiếm thấy, và chẳng ngoài sự khó chịu phải kể hết nỗi niềm cho cha xứ, nếu không, phải sợ cảnh khánh kiệt ở ngay từ cõi đời này! Nhân dân Milan còn mắc vào một số ràng buộc phong kiến không phải là không nhục nhã. Chẳng hạn vị thượng công tước, em họ hoàng đế và khâm mạng ngài cai trị tại Milan đã có sáng kiến làm lợi là buôn lúa mì. Do đó nông dân không được bán lúa trước khi Điện hạ đổ đầy kho vựa của ngài. Tháng 5 năm 1796, khi quân Pháp vào thành, có một họa sĩ trẻ tuổi đi theo. Họa sĩ ấy tên là Gros[14] tự bấy giờ nổi tiếng. Ông chuyên vẽ tiểu phẩm. Tính ông hơi hâm hấp. Ba hôm sau, ngồi ở đại tửu quán Servi hồi ấy được ưa chuộng và nghe kể những thành tích của ngài thượng công tước[15], ngài cũng còn là đại tá nữa, ông bóc tờ giấy vàng xấu xí liệt kê các thức kem lạnh dán trên tường, lật mặt sau vẽ chân dung ngài thượng công tước to béo cùng với một người lính Pháp đang xọc lê vào bụng ngài. Tuy nhiên máu không chảy ra mà thấy chảy ra không biết cơ man nào là lúa mì, một khối lượng lúa mì khó có thể tin được. Ở cái xứ chuyên chế giáo quyết ấy, người ta không hề biết khôi hài biếm cợt, cho nên bức tranh mà Gros để lại trên bàn cà phê được xem như một vật màu nhiệm từ trên trời ban xuống, người ta lấy khắc bản ngay trong đêm đó và ngày hôm sau bán được hai vạn bản in.

Cùng ngày đó, có bảng yết yêu cầu một món đầm phụ chiến tranh sáu triệu, để cung ứng cho những nhu cầu của đạo quân Pháp vừa đánh thắng sáu trận lớn, thu phục hai mươi tỉnh, chỉ thiếu giày, quần áo, mũ mà thôi.

Một khối lượng lớn thú vui và hạnh phúc đã tràn vào đất Lombards cùng với những người Pháp nghèo xơ nghèo xác đó, một khối lượng lớn đến nỗi chỉ có các cha cố và một số ít quý tộc nhận thấy khoản đầm phụ kia nặng và sau nó còn có tiếp những đóng góp khác. Những người lính Pháp ấy cười hát suốt ngày, tuổi họ dưới hăm lăm và tướng tổng chỉ huy của họ, mới hăm bảy, được coi là người cao tuổi nhất trong quân. Tính trẻ trung, vui vẻ, vô tư của họ giải đáp một cách khô hài những lời tiên báo cuồng điên của bọn tu sĩ, sáu tháng nay, từ trên lễ đàn thiêng liêng, chúng không ngớt loan báo bọn Pháp là “những tên quỷ dữ bị bắt buộc phải chặt đầu tất cả mọi người nếu không thì bị xử tử, bởi thế cho nên mỗi trung đoàn hành quân đều chở máy chém đi đầu”.

Ở nông thôn, người ta thường thấy qua các cửa lều, một người lính Pháp ru ngủ em bé con chị chủ nhà, hầu như mỗi tối, một tay trống nào đó trong đội quân nhạc đem vĩ cầm ra kéo, lại tạo nên một tối vũ hội tự phát. Những vũ điệu tập thể thường là khó và rắc rối, lính không biết, không tập cho phụ nữ địa phương được, cho nên chính các chị, các cô lại vẽ cho lũ thanh niên Pháp ấy các điệu Monférine, Sauteuse và nhiều điệu vũ khác của người Ý.

Người ta tìm hết cách gửi sĩ quan ở các nhà giàu vì họ rất cần được bồi dưỡng. Chẳng hạn trung úy Robert được cấp phiếu trọ tại nhà hầu tước phu nhân Del Dongo. Anh sĩ quan trẻ được trưng tuyến chứ không phải chuyên nghiệp ấy khá nhanh nhẹn. Bước chân vào lâu đài Del Dongo, gia tài anh ta gồm vẹn vẹn một đồng sáu francs vừa nhận ở Plaisance. Đánh qua cầu Lodi xong, anh lột được chiếc quần rất diện và mới tinh của một sĩ quan đẹp trai người Áo, chết vì đạn đại bác, chiếc quần kia đến với anh thật đúng lúc: Cầu vai sĩ quan của anh bằng len, tay áo da được khâu dính với vải lót, để cho các miếng vá vúi nương nhau, giữ lấy nhau. Có điều đáng buồn hơn nữa, đế giày của anh ta làm bằng những mảnh cũng thu nhặt ở chiến trường bên này cầu Lodi. Những đế trời cho ấy được ràng vào giày bằng mấy sợi dây buộc vòng qua phía trên thân giày, nom rõ mồn một. Bởi vậy, khi viên quản gia kính cẩn vào phòng trung úy Robert mời ngài vui lòng dùng bữa tối với hầu tước phu nhân, thì ngài trung úy bối rối đến phát điên. Còn hai tiếng đồng hồ nữa mới đến bữa ăn tai hại, ngài trung úy với anh cần vụ dùng cả hai tiếng ấy để cố khâu vá lại chiếc áo và lấy mực nhuộm thâm những sợi dây buộc giày khốn khó.

Giờ phút kinh hoàng rồi cũng đến.

“Đời tôi chưa bao giờ thấy lúng túng, khổ sở đến như vậy”, trung úy Robert thuật lại với tôi. “Các bà ấy tưởng tôi sẽ làm cho họ sợ hãi, ngược lại chính tôi run sợ hơn họ. Tôi cứ nhìn đôi giày và không biết làm thế nào để đi đứng cho ra vẻ”.

Anh ta còn nói:

“Hồi bấy giờ bà hầu tước Del Dongo đang độ lộng lẫy nhất. Anh đã từng nhìn thấy bà rồi, với đôi mắt đen đẹp và hiền dịu như mắt thiên thần, cùng với mái tóc xinh xắn màu vàng đậm làm nổi bật gương mặt trái xoan mê hồn. Hérodiade của Léonard de Vinci trông tưởng như chân dung bà hầu tước, ơn trời, tôi choáng lên về cái nhan sắc thần tiên ấy mà quên khuấy cách ăn mặc của tôi. Anh tính, hai năm ròng chỉ được nhìn thấy rất những thứ xấu xí, xác xơ trong vùng núi xứ Gênes mà! Tôi đánh bạo nói với nữ hầu tước vài câu bày tỏ niềm say mê của mình.

“Tuy nhiên tôi có đủ lương tri để không dừng lâu trong thể loại tán tụng. Trong khi lựa lời mà nói, tôi nhìn thấy trong buồng ăn toàn cấm thạch mười hai gia tộc và một bọn hầu phòng, với những sắc phục mà lúc bấy giờ tôi cho là sang trọng nhất đời. Anh cứ tưởng tượng xem cái bọn chết tiệt ấy chúng nó mang những đôi giày không những rất tốt, mà lại còn cài bằng khâu bạc nữa chứ! Tôi liếc dăm dăm vào bộ cánh của tôi, có lẽ cũng vào cả đôi giày nữa tôi cảm thấy nhói ở ngực. Chỉ cần quát một tiếng đủ làm cho chúng khiếp sợ. Nhưng làm như thế nào để

buộc chúng biết thân phận mà khỏi khiến cho các vị phu nhân đâm hoảng? Bởi vì bà hầu tước sợ thật! Muốn đỡ sợ, bà đã cho người đến đón cô em chồng ở tu viện ra, sau này bà nói với tôi hàng trăm lần cái điều đó, cô ấy là tiểu thư Gina Del Dongo, về sau trở thành bá tước Pietranera phu nhân kiều diễm, bà bá tước đó khi gia thế thịnh vượng thì vui vẻ, ân cần, dễ mến không bì được, khi gặp nghịch cảnh thì cũng dũng cảm, ung dung thanh thản không ai sánh kịp.

“Gina lúc bấy giờ hình như mới mười ba thôi mà y như một thiếu nữ mười tám, nhanh nhẩu, cởi mở, như anh biết. Cô chẳng dám ăn uống gì vì chỉ sợ bật cười về bộ cánh của tôi. Trái lại bà hầu tước thì không biết ngần nào lễ phép, lễ phép một cách gò bó. Bà nhìn thấy sự bức bối của tôi trong ánh mắt. Tóm lại có vẻ một thằng đờ đẫn, tôi là mục tiêu của mọi sự khinh bỉ, điều này người ta bảo người Pháp không quen cam chịu. Cuối cùng đầu óc tôi bừng lên một sáng kiến, như có trời cho. Tôi bắt đầu kể cho hai người phụ nữ ấy nghe nỗi nghèo nàn thiếu thốn của tôi, những tai ương chúng tôi phải chịu trong hai năm qua ở miền núi xứ Gênes, vì một bọn tướng lĩnh già nua, ngu muội đã chôn chân chúng tôi tại đó. Ở đấy họ phát cho chúng tôi những tín phiếu mà nhân dân địa phương không tiêu dùng, và mỗi ngày một lạng bánh mì. Tôi nói chưa đầy hai phút thì đã thấy bà hầu tước nhân hậu rơm rớm nước mắt, còn tiểu thư Gina thì trở nên nghiêm trang.

— Thế ư! Thừa ông trung úy, Gina nói, chỉ một lạng bánh thôi!

— Đúng thế, thừa tiểu thư. Đã vậy mỗi tuần lại thường mất đến ba bận cấp phát. Và vì những nông dân chứa trọ chúng tôi còn nghèo đói hơn cả chúng tôi, cho nên chúng tôi phải san sẻ chút ít cho họ.

“Khi ăn xong, tôi khoác tay bà hầu tước, đưa bà đến cửa phòng khách, rồi vội vã quay trở lại biểu người gia bộc phục vụ tôi trong bữa ăn đồng sáu francs duy nhất của tôi, đồng sáu francs trên đó tôi xây mơ dựng mộng không biết bao nhiêu mà kể. “Tám hôm sau, Robert nói tiếp, khi đã rõ ràng là người Pháp không chém đầu ai cả, thì hầu tước Del Dongo từ lâu đài Grianta trở về. Lâu đài này nằm trên bờ hồ Côme. Khi quân đội Pháp đến gần, hầu tước đã dũng cảm trốn vào đó, bỏ mặc cho bà vợ đến xinh đẹp và cô em gái của mình đương đầu với những may rủi của chiến tranh. Ông ta căm ghét chúng tôi cũng bằng với khiếp sợ, nghĩa là không cùng. Cái mặt to bạnh, nhợt nhạt và đại đạo của ông ta trông đến buồn cười khi ông ta nhăn nhó chào hỏi tôi.

“Sáng hôm sau ngày ông ta về, tôi được nhận ba mét dạ và hai trăm francs trích trên khoản đảm phụ sáu triệu ấy. Tôi thay lông đối cánh và trở thành kỹ sĩ của các bà lớn ấy, vì những cuộc khiêu vũ đã bắt đầu”.

Câu chuyện của trung úy Robert cũng là chuyện của mọi người Pháp. Người ta không chế nhạo cảnh nghèo khổ của các người lính trung hậu ấy, người ta chỉ thương hại họ rồi miễn họ.

Thời kỳ hạnh phúc bất ngờ, thời kỳ say sưa ấy chỉ trải qua hai năm ngắn ngủi. Rồi đó ai cũng ngông cuồng, ngông cuồng hết mực, khó mà diễn tả, khó mà làm cho người nghe ý niệm được. Nếu nói lên cái điều suy nghĩ sâu sắc và có tính chất lịch sử này thì may ra người ta hình dung được: Dân tộc ấy đã buồn chán một trăm năm nay.

Ngày xưa, ở triều đình những quận công Milan lừng danh thuộc các dòng họ Visconti và Sforce người ta quen sống với tính hưởng lạc tự nhiên của người phương Nam. Nhưng từ năm 1624, người Tây Ban Nha đã xâm chiếm xứ Milanais, và đó là những ông chủ lạng lẽ, đa nghi, kiêu kỳ, luôn luôn sợ nổi loạn. Từ đấy vui cười không cánh mà bay. Nhân dân học theo tập quán các ông chủ, chỉ nghĩ đến việc báo thù mỗi xúc phạm nhỏ nhất bằng một nhát dao găm, chứ không thích hưởng thụ những thú vui trước mắt. Bây giờ thì người Milan quên tuốt lo buồn, quên đến cả mực thước, chỉ biết vui quay cuồng, hồ hởi, hưởng lạc thú ở đời. Từ ngày 15 tháng 5 năm 1796, ngày quân Pháp vào thành Milan, cho đến tháng tư 1799, lúc đó bị trục xuất sau trận Cassano, trạng thái này được đẩy đến tột bậc, đến nỗi có những lão lái buôn già triệu phú,

những tên cho vay cắt cổ, những tay chưởng khế lão luyện cũng nhất thời quên ử rữ, quên cả làm tiền.

Bất quá, chỉ có thể kể mấy gia đình đại quý tộc đã lui về ẩn cư trong các tòa lâu đài của họ ở nông thôn là ra tuồng hờn dỗi trước niềm hân hoan chung và sự cởi mở của mọi tấm lòng. Cũng phải thừa nhận là các gia đình quý tộc giàu có ấy đã được chiếu cố trái với ý họ khi người ta phân bổ khoản đảm phụ cho quân đội Pháp.

Hầu tước Del Dongo thấy mọi người vui nhộn quá thì lấy làm bức bối, ông là một trong những người đầu tiên chuồn về lâu đài tráng lệ của mình, lâu đài Grianta, nằm trên bờ Côme nơi đã có lần chị em bà hầu tước đưa trung úy Robert đến chơi. Lâu đài ấy xây dựng trên một cao nguyên cao ba mươi sải tay đối với mặt hồ, từ đây có thể trông ra gần khắp cảnh hồ tuyệt mỹ. Đây là một vị trí có lẽ độc nhất trong thiên hạ. Lâu đài Grianta nguyên là một chiến lũy. Dòng họ Del Dongo xây dựng nó từ thế kỷ XV, ta đi mỗi bước, mỗi thấy bằng cứ trên những phiến cẩm thạch khắc gia huy dòng họ ấy. Người ta còn thấy tồn tại những cầu treo, những hào phòng thủ sâu, thực ra cạn nước từ bao giờ. Tuy vậy lâu đài có những tường thành dày trên một sải, cao trên mười lăm sải thì cũng khó bề đánh úp. Chính vì thế mà ông hầu tước đa nghi quý nó. Ở đây, ông có từ hăm lăm đến ba mươi gia bộc quanh mình những gia bộc mà ông cho là trung thành, chắc tại vì lúc nào ông cũng vừa sai bảo vừa chửi mắng được họ, cho nên ông đỡ lo sợ hơn ở Milan.

Hầu tước lo sợ không phải vô cớ, ông lo sợ vì ông trao đổi thư tín thường xuyên với một gián điệp mà quân Áo gài ở biên giới Thụy Sĩ, cách Grianta ba trăm dặm đường. Hai người chuyên giúp cho tù binh bị bắt ở chiến trường trốn đi, điều ấy các tướng lĩnh Pháp có thể sẽ coi là nghiêm trọng nếu họ biết.

Hầu tước để bà vợ trẻ của mình ở lại Milan. Bà cai quản việc nhà ở đó, bà được giao cho ứng phó các khoản trung thu đánh vào trang viên Del Dongo, như trong vùng quen gọi. Bà tìm cách làm cho người ta hạ mức xuống, bởi vậy phải đến gặp những người quý tộc có nhận chức vụ, cả đến đôi người không phải quý tộc mà có thế lực.

Lúc này trong gia đình xảy ra một sự kiện lớn. Trước đây hầu tước định xếp đặt cho cô em lấy một nhân vật rất giàu và xuất thân đại thế phiệt. Nhưng nhân vật ấy dùng phần. Vì vậy Gina vừa tiếp ông ta vừa phì cười, và sau đó ít lâu nàng chơi ngông lấy bá tước Pietranera. Nói cho đúng, bá tước là một người quý phái xứng đáng, rất đẹp trai, duy có nghèo từ đời cha chí đời con, và thất thế nhất là ông tin cuồng nhiệt những tư tưởng mới. Pietranera là thiếu úy trong quân đoàn người Ý, điều đó càng khiến cho hầu tước thêm thất vọng.

Sau hai năm cuồng nhiệt và sung sướng đó thì viện Đốc chính Paris[\[16\]](#) muốn làm ra vẻ những bá chủ đã vững ngôi, bộc lộ mối thù không đội trời chung đối với tất cả những gì vượt lên trên tầm thường, thấp kém. Các tướng lĩnh ngu xuẩn mà họ phái đến chỉ huy đạo quân ở Ý bị thua liên tiếp trong các trận giao tranh diễn ra ngay trên những đồng bằng vùng Vérone, nơi từng chứng kiến các chiến thắng D'Arcole và Lonato kỳ diệu. Quân Áo tiến đến gần Milan. Trung úy Robert, bây giờ là thiếu tá, bị thương ở trận Cassano, đến nghỉ lần cuối cùng tại nhà người bạn gái của mình, hầu tước phu nhân Del Dongo. Phút chia tay thật là buồn bã, Robert cùng đi với bá tước Pietranera, bá tước đi theo quân đội Pháp khi họ rút lui về Novi. Còn nữ bá tước xuân xanh mơn mớn, vì ông anh không giao phần gia tài của bà cho bà, cho nên ngồi trên một chiếc xe bò mà đi theo quân đội.

Thế là một thời kỳ phản động và hồi cự bắt đầu. Người Milan gọi giai đoạn này là thời mười ba tháng, vì quả vậy, hồng phúc của họ xui nên cái giai đoạn quay về ngu độn chỉ thu gọn trong mười ba tháng thôi, nghĩa là đến tận Marengo[\[17\]](#). Tất cả mọi thứ già cỗi, tím mộ, ủ dột trở về đứng đầu mọi ngành và nắm quyền bính xã hội. Chẳng bao lâu những kẻ trung thành với cự thuyết rêu rao trong các thôn xóm là Napoléon đã bị bọn kiêu binh Ai Cập treo cổ. “Nhu thể là đáng đời hẳn về nhiều phương diện”.

Trong số những kẻ xưa kia hèn mạt lui về trang ấp, nay trở về háo hức báo thù trả oán, thì hầu tước Del Dongo đặc biệt cuồng nhiệt. Vì cực đoan, dĩ nhiên ông phải trở nên thủ lĩnh của đảng, các ngài ấy cũng là người tử tế khi họ không sợ sệt, nhưng họ luôn luôn run sợ, cho nên đã tìm cách lung lạc viên tướng Áo, ông này là người khá tốt, song họ thuyết phục ông ta rằng nghiêm khắc mới là chính trị cao, cho nên ông đã bắt một trăm năm mươi nhà yêu nước, tinh hoa của đất nước Ý lúc bấy giờ. Không chậm trễ, người ta đày các nhà yêu nước ấy đến vùng Vindh Cattaro. Bị nhốt vào những hang ngầm, sự ẩm ướt, nhất là sự đói khát đã thanh toán nhanh chóng và chắc chắn những tên “bất lương” ấy.

Hầu tước Del Dongo nhận một chức vụ lớn. Keo kiệt một cách bản thủ, lại có lắm những đức tính cao quý khác, ông khoe công khai là ông không gửi một xu nhỏ nào cho cô em gái nữ bá tước Pietranera, vẫn cứ yêu chồng một cách say mê, nàng không muốn xa chồng và đành chia cảnh đói khát với chồng trên đất Pháp. Hầu tước phu nhân tốt bụng lấy làm thất vọng. Cuối cùng phu nhân đánh cắp vài hạt kim cương nhỏ trong hộp nữ trang của bà mà mỗi buổi tối ngài hầu tước đòi lại để cất dưới giường, trong một kết sắt. Lấy chồng, bà hầu tước mang về cho hầu tước tám mươi vạn francs hồi môn, để rồi nhận từ tay chồng mỗi tháng tám vạn francs tiền túi để chi tiêu về việc riêng. Thời gian mười ba tháng mà quân Pháp rời bỏ Milan, người phụ nữ rụt rè đó viện có này có khác để chỉ mặt toàn đồ đen.

Chúng tôi thú nhận đã noi gương nhiều tác giả nghiêm trang, bắt đầu câu chuyện về nhân vật chính của mình một năm trước khi người ấy sinh. Thật vậy, nhân vật chính yếu ấy là Fabrice Valserra, tiểu hầu Del Dongo như người Milan thường gọi. Chú bé chịu khó ra đời ngay đúng lúc quân Pháp bị đuổi đi. Tình cờ làm sao mà chú lại sinh vào cửa ngài hầu tước Del Dongo đại thể phiệt, làm con trai của con người có cái mặt to và tái nhợt, nụ cười giả dối và lòng căm thù đả đốn những tư tưởng mới, như các bạn đã biết.

Gia tư của nhà ấy đã được sang tên tất cho người trưởng nam, Ascanio Del Dongo, giống cha như đực. Hẳn vừa lên tám và Fabrice lên hai thì thành lĩnh tướng Bonaparte từ đỉnh Saint Bernard kéo xuống, cái ông tướng mà tất cả những người sang trọng đều tưởng bị treo cổ từ lâu. Ông tướng ấy vào thành Milan. Cũng lại là giờ phút hiếm có trong lịch sử nữa, các bạn hãy tưởng tượng xem cả một dân tộc say đắm ông như điên dại! Mấy hôm sau, ông thắng trận Marengo. Rồi thế nào nữa thì không cần phải nói. Người Milan say sưa hết chỗ nói. Nhưng lần này trong say sưa có ý đồ trả đũa. Người ta đã tập cho đám dân chúng chất phác ở đây biết thù hằn mà!

Ít lâu sau, những người yêu nước còn sống sót ở vịnh Cattaro trở về. Việc hồi hương của họ được tổ chức như một lễ quốc khánh. Gương mặt xanh xao, đôi mắt mở to ngơ ngác, tay chân khẳng khiu của họ trông quá ngược ngạo với niềm vui mừng sôi nổi khắp nơi. Họ về thì những gia đình có vết tích lại ra đi. Hầu tước Del Dongo là một trong những kẻ đầu tiên chạy trốn, ông ta trốn về lâu đài Grianta của mình. Gia trưởng các vọng tộc thì thù hằn và sợ hãi như vậy, còn vợ và con gái họ thì vẫn nhớ những thú vui khi quân Pháp đến lần trước, họ không đành rời bỏ Milan và luyến tiếc những buổi khiêu vũ biết bao vui vẻ. Liền ngay sau trận Marengo, các cuộc khiêu vũ được tổ chức lại ở Vũ viện.

Sau trận chiến thắng chỉ mấy hôm, vị tướng Pháp trông coi việc trị an ở Lombards nhận thấy tất cả những tá điền của bọn quý tộc cũng như tất cả những bà lão nông thôn đều chẳng còn nghĩ gì đến cái chiến công lạ lùng đó, cái chiến công đã thu phục mười ba thành trì trong một hôm và thay đổi vận mệnh nước Ý. Họ mãi băn khoăn về lời tiên tri của thánh Giovita, vị thánh đỡ đầu thứ nhất của thành phố Brescia. Tiếng nói thiêng liêng đó báo trước là sự thịnh vượng của người Pháp và của Napoléon sẽ chấm dứt đúng mười ba tuần lễ sau trận Marengo, Ta có thể lượng thứ phần nào cho hầu tước Del Dongo và tất cả bọn quý tộc bất hợp tác ở nông thôn vì họ thực sự tin lời tiên tri ấy và không đóng kịch tí nào. Cái bọn ấy cả đời không đọc hết bốn cuốn sách! Cuối thời hạn mười ba tuần kia, chúng công khai thu xếp hồi cư. Thế nhưng thời gian càng trôi qua càng ghi thêm nhiều chiến công mới của nước Pháp, về Paris, Napoléon

đã cứu cuộc cách mạng ở trong nước bằng những sắc lệnh khôn ngoan, cũng như ông đã cứu nó khỏi bị bọn nước ngoài bóp chết, bằng chiến thắng Marengo. Tức thời bọn quý tộc Lombards trốn trong các lâu đài của chúng thấy rằng trước kia chúng hiểu sai lời tiên tri của thánh đồ đầu thành Brescia, không phải mười ba tuần lễ, mà là mười ba tháng. Rồi mười ba tháng cũng trôi qua mà nước Pháp thì có vẻ như ngày càng cường thịnh.

Chúng ta hãy lướt nhanh trên quãng mười năm thịnh đạt và hạnh phúc từ 1800 đến 1810. Những năm đầu Fabrice sống ở lâu đài Grianta. Cùng với bọn trẻ nhà quê, chú bé đấm đá ra trò và bị đấm đá cũng gớm. Chú chả học hành gì cả, đến cả tập đọc cũng không, về sau người ta gửi chú đến trường của Dòng Tên tại Milan. Ông bố buộc người ta dạy chữ La tinh cho chú không phải cái thứ La tinh của các tác giả xa xưa cứ luôn luôn nói đến các nước cộng hòa, mà cái thứ La tinh trong một cuốn sách to đẹp, có hơn trăm tranh khắc của những nghệ sĩ thế kỷ XVI. Đó là gia phả của họ Valserra, hầu tước Del Dongo, viết bằng chữ La tinh, do Fabrice Del Dongo, tổng giám mục thành Parme xuất bản năm 1650. Họ Valserra hiển đạt chủ yếu là do vũ công, cho nên các tranh minh họa vô số trận chiến đấu, trong đó luôn luôn có một anh hùng mạnh tên họ Valserra vùng gươm đánh những miếng kiêu dũng. Chú bé Fabrice rất thích sách ấy. Yêu quý chiều chuộng chú, mẹ chú thỉnh thoảng xin phép đến Milan thăm chú. Nhưng ông chồng không bao giờ chi tiền cho bà đi, cho nên bà em chồng đáng mến, bà bá tước Pietranera vui lòng cho vay. Sau khi quân Pháp trở lại thì nữ bá tước trở thành một trong những mệnh phụ sắc sảo nhất giữa triều đình hoàng thân Eugène [\[18\]](#) phó vương.

Khi Fabrice đã làm lễ thụ thánh thể thứ nhất thì bà mẹ xin được phép ông hầu tước, vẫn đang lưu vong tự nguyện, cho chú bé thỉnh thoảng ra khỏi trường. Bà nhận thấy chú kháu khỉnh, không đến nỗi làm mất vẻ mỹ quan của phòng khách một người đàn bà được quý chuộng ngoài ra, dốt không xiết kể, chỉ tạm tạm biết viết thôi. Bá tước phụ nhân làm việc gì cũng rất nhiệt tình, bà hứa sẽ che chở cho ông hiệu trưởng nếu cháu bà tiến bộ vượt bậc và cuối năm được nhiều phần thưởng. Để tạo điều kiện cho cháu được khen thưởng, cứ chiều thứ bảy mỗi tuần, bà cho người đến lĩnh chú bé ra và nhiều khi đến thứ tư hoặc thứ năm mới trả về cho các thầy giáo.

Các cha cố Dòng Tên được hoàng thân phó vương yêu thương trìu mến. Nhưng luật lệ vương quốc Ý không chấp nhận họ, cho nên cha hiệu trưởng, vốn là người khôn khéo, cảm thấy tất cả cái lợi thế có thể khai thác trong việc giao thiệp với một người phụ nữ quyền uy vô thượng ở chốn cung đình. Cha tránh không phàn nàn gì về những ngày khiếm diện của Fabrice. Còn chú bé thì vẫn dốt nát hơn bao giờ hết, nhưng cuối năm nhận được năm phần thưởng đầu lớp. Thỏa mãn về khoản ấy, bá tước phụ nhân Pietranera lộng lẫy đến dự lễ phát phần thưởng ở nhà trường Dòng Tên. Cùng đi với bà có chồng bà, tư lệnh trưởng một sư đoàn cấm vệ quân, và năm sáu nhân vật cao cấp nhất ở triều đình phó vương. Cha hiệu trưởng được cấp trên ban khen.

Nữ bá tước mang cháu đi dự tất cả những ngày khánh tiết rực rỡ đánh dấu triều đại quá ngắn ngủi của hoàng thân Eugène đáng yêu. Bà dùng uy thế của bà vận động cho chú bé được tuyển phong sĩ quan kỵ binh và mười hai tuổi chú đã mặc bộ quân phục đồ. Nữ bá tước một hôm say sưa với dáng điệu tuấn nhã của Fabrice bèn xin cho chú làm thị đồng của hoàng thân, như thế có nghĩa là họ Del Dongo quy phục triều đại mới. Ngày hôm sau, bà lại phải tận dụng uy tín của mình để làm cho phó vương vui lòng bỏ qua điều thỉnh cầu ấy. Nói cho đúng thì chỉ cần xin bố Fabrice đồng ý là xong, nhưng cũng rõ ràng là ông ta sẽ bác khước và làm toáng lên. Hành động ngông cuồng đó của bà em làm cho ông hầu tước bất hợp tác rùng mình, ông kiểm soát bắt Fabrice trở về Grianta. Bá tước phụ nhân khinh bỉ người anh của mình hết chỗ nói. Bà cho ông ta là một thằng ngốc chán ngắt, một kẻ tàn ác nếu có điều kiện. Nhưng bởi say mê Fabrice, và sau mười năm không quan hệ với anh, bà viết thư cho hầu tước đòi trả cháu bà cho bà. Thư đi không có thư lại.

Cái lâu đài Grianta kiêu hùng ấy ngày xưa do những ông tổ hiếu chiến nhất của Fabrice xây dựng. Khi trở về đây, chú bé chẳng biết gì cả ngoài việc luyện tập gươm súng và cưỡi ngựa. Bá

tước Pietranera cũng say chú bé như vợ và thường cũng đã cho chú cưỡi ngựa đi dự các cuộc duyệt binh, diễu binh.

Fabrice về lâu đài Grianta mắt còn mọng đỏ vì đã khóc nhiều khi rời phòng khách của bà cô, chú chỉ được mẹ và các chị em chú say sưa ve vuốt. Còn ông bố thì mãi ngồi trong buồng kín với người con trưởng, tiểu hầu Ascanio. Bố con họ bận làm những bức thư mật mã được vinh dự gửi đi Viên. Họ chỉ ra mặt lúc cơm nước. Hầu tước cố ý nói đi nói lại cho mọi người nghe là ông ta phải tập cho người thừa kế làm sổ sách hợp thức về những hoa lợi của mỗi trang ấp của mình. Thực ra hầu tước rất giữ gìn quyền lực của mình cho nên có nói những điều ấy với con bao giờ đâu. Chẳng qua ông dùng con chuyển thành mật mã những bức thư dài mười lăm hai mươi trang mà mỗi tuần hai ba lần ông, cho đưa sang Thụy Sĩ, để cho người ta gửi về Viên. Hầu tước có tham vọng báo cáo cho các vương chủ chính thống của mình biết nội tình vương quốc Ý mà bản thân ông cũng chẳng nắm được chút nào. Tuy nhiên thư từ của ông rất được hoan nghênh, vì lẽ thế này: Hầu tước báo một tên tay sai tin cẩn của mình rình trên đường thiên lý, hề thấy một trung đoàn Pháp hay Ý nào hành quân đổi cứ điểm thì đếm quân số, rồi ông báo cáo về triều đình Viên, lúc kê báo ông đã cẩn thận rút bớt già dặn một phần tư. Những báo cáo buồn cười ấy có ưu điểm là “đính chính” những báo cáo trung thực hơn, và nó được người ta ưa thích. Bởi thế, trước khi Fabrice đến lâu đài, hầu tước đã được tặng thưởng một huân chương nổi tiếng. Và đó cũng là huân chương thứ năm trang trí bộ phẩm phục thị thần của ông. Nói cho đúng ông cũng phiền, vì không dám đóng bộ phẩm phục ấy đi ra khỏi buồng. Được cái là không bao giờ ông chịu đọc một bức điện nếu không chỉnh tề áo mão, ngù treo đủ năm huân chương. Nếu không làm thế, ông cho là bất kính.

Hầu tước phu nhân say sưa với phong thái tuần nhã của cậu con trai. Bà vẫn giữ thói quen mỗi năm hai ba lần viết thư cho tướng A... bá tước, danh vị hiện nay của trung úy Robert xưa kia. Bà nói dối những người mình yêu là ghê tởm, cho nên để nói về Fabrice với Robert, bà hỏi han con và lấy làm kinh hoàng về sự dốt nát của nó.

Bà tự nhủ: “Mình chẳng biết gì mà cũng thấy con dốt hướng hồ Robert. Robert thông thái như thế chắc phải cho việc giáo dục của nó hỏng bét, thế mà đời nay thì lại cần có tài trí”. Một đặc điểm nữa khiến bà không kém kinh ngạc là Fabrice tin một cách mù quáng tất cả những điều về tín ngưỡng mà các thầy Dòng Tên dạy cho nó. Sự cuồng tín của chú bé làm cho bà rùng mình mặc dù bà rất ngoan đạo. “Giá ông hầu tước mà tinh ý, dùng điều này làm phương tiện lung lạc thì ông ta sẽ chiếm đoạt lòng yêu thương của con mình mất”. Bà khóc rất nhiều và tình thương con của bà lại càng nồng nhiệt hơn.

Cuộc sống diễn ra rất buồn bã ở trong lâu đài có ba bốn mươi gia tộc đó. Bởi vậy cả ngày Fabrice cứ đi săn bắn hoặc là bơi thuyền trên mặt hồ. Chú kết thân khá nhanh với những người đánh xe và giữ ngựa. Tất cả đều say sưa ủng hộ người Pháp và chế giễu ra mặt những tên hầu phòng ngoan đạo phục vụ trực tiếp hầu tước hay người con trưởng. Đề mục châm biếm chủ yếu chĩa vào nhân vật trịnh trọng ấy là việc chúng học đòi các ông chủ, dùng phấn.

CHƯƠNG II

Khi màn đêm xuống che mờ đôi mắt biết tương lai, nhìn trời tôi ngẩng mặt nơi đây,

Chúa đã ghi chép rành rành nghiệp duyên và số kiếp của mỗi sinh linh.

Bởi khi nhìn xuống một con người, từ trên cao thăm.

Đôi khi Chúa động lòng, chỉ đường đi cho hần.

Và dùng làm văn tự các đầu tinh

Để báo trước cho chúng ta điều dữ, điều lành.

Nhưng loài người mang nặng đất đen và chết chóc coi thường văn bản kia, chẳng bao giờ chịu đọc.

Ronsard[\[19\]](#)

Ông hầu tước tỏ ra thù hằn hết mức mọi thứ ánh sáng trí tuệ: “Chính các lý thuyết đã làm mất nước Ý ta”, ông nói vậy. Ông lúng túng không biết cách nào dung hòa nỗi kinh tởm thiêng liêng của mình đối với học vấn và niềm mong muốn được thấy việc đào tạo con mình hoàn thành, việc đào tạo này đã bắt đầu có kết quả rực rỡ nhờ các cha Dòng Tên.

Để đỡ lo ngại, ông giao cho ông abbé[\[20\]](#) Blanès đôn hậu, cha xứ ở Grianta, tiếp tục dạy La tinh cho Fabrice. Muốn thế thì bản thân cha phải biết thứ tiếng ấy. Khốn nỗi, cha lại khinh nó! Vốn La tinh của cha vắn vắn đủ để đọc thuộc lòng các bài kinh trong buổi hành lễ và giảng nghĩa tàm tạm cho con chiên. Dù vậy nhân dân trong tổng vẫn kính phục cha, hơn nữa sợ cha. Trước sau cha vẫn luôn luôn nói rằng lời tiên tri của thánh Giovita sẽ thực hiện không phải trong thời gian mười ba tuần lễ, cũng không phải mười ba tháng. Khi cha nói với những người bạn tín cẩn, thì cha thêm rằng nếu thiên cơ có thể tiết lộ, thì cách giải thích con số mười ba đó có thể làm cho nhiều người kinh ngạc (1813).

Sự thật thì con người lương thiện và đạo đức như một người cổ sơ, lại thông minh đó, ông abbé Blanès, đêm hôm thức suốt trên gác chuông của mình, ông ta mê khoa chiêm tinh. Cả ngày ông tính toán vị trí và giao điểm của tinh tú, đến đêm, ông thức hầu trọn để theo dõi chúng ở trên trời. Vì nghèo, ông không có khí cụ gì ngoài một chiếc kính thiên lý mà ống kính làm bằng bìa. Một con người suốt đời chỉ lo khám phá ngày tháng diệt vong nhất định của các triều đại, ngày tháng bùng nổ của các cuộc cách mạng làm thay đổi bộ mặt quả đất, một con người như thế ai cũng đoán biết là tất phải coi thường việc học ngôn ngữ đến dường nào. Ông nói với Fabrice: “Ta có biết gì hơn về con ngựa từ khi họ dạy cho ta tiếng La tinh gọi con ngựa là equus?”

Nông dân kiêng nể linh mục Blanès như một đại pháp sư, nhờ ông miệt mài trên gác chuông khiến họ sợ, cho nên ông răn họ khỏi ăn cắp. Những bạn đồng nghiệp của ông làm cha xứ các địa phận lân cận ghét ông vì ganh tị ảnh hưởng của ông, hầu tước Del Dongo thì khinh ông ra mặt, bởi nghĩ rằng con người hèn hạ ấy mà thuyết lý như thế thì quá nhiều! Fabrice sùng bái ông để được lòng ông, nhiều khi chú bé bỏ cả buổi tối để cộng cộng, nhân nhân với những con số rất lớn. Rồi chú leo lên gác chuông, đó là một đặc ân mà linh mục chẳng ban cho ai ngoài chú ta. Ông quý mến Fabrice vì tính ngây thơ của chú. “Nếu cháu không trở thành giả dối”, ông nói với chú như vậy, “thì có lẽ cháu sẽ là một con người”.

Bạo gan và say sưa trong các trò chơi, mỗi năm hai ba lần Fabrice suýt chết đuối trong hồ. Chú là thủ lĩnh trong những cuộc viễn chinh lớn của lũ trẻ con nông dân vùng Grianta và Cadenabia. Bọn trẻ ấy kiếm đâu ra mấy chiếc chìa khóa nhỏ, chờ đêm xuống hần, cố mở khóa

những dây xích sắt buộc thuyền vào một hòn đá to hoặc một gốc cây ở cạnh bờ, cần biết là những người đánh cá trên hồ Côme dùng kỹ thuật riêng, đặt dây câu ngầm ở cách bờ rất xa. Đầu trên dây dính vào một mảnh ván nhỏ có kẹp bắc phao, một cần con rất dẻo được tra vào mảnh ván đó, cần này mang cái chuông nhỏ, chuông reo lên khi cá mắc câu giẫy giụa làm rung động dây câu.

Mục đích lớn lao của những cuộc viễn chinh ban đêm, mà Fabrice là chỉ huy, là đi thăm dò những dây câu ngầm trước khi các người đánh cá nghe chuông báo động. Chúng chọn những đêm giông gió và để đi vào cuộc phiêu lưu, chúng xuống thuyền một tiếng đồng hồ trước bình minh. Khi bước lên thuyền, các chú bé tưởng tượng lao vào những nguy hiểm không bờ bến và đó chính là khía cạnh đẹp đẽ trong hành vi của các chú và theo gương cha chú, lũ trẻ ấy kính cẩn đọc kinh cầu nguyện Ave Maria[\[21\]](#).

Nhiều bận, sau khi cầu nguyện, lúc sắp xô thuyền ra thì Fabrice chú ý đến một điềm trời: Đó là kết quả việc nghiên cứu thiên văn của ông abbé Blanès mà Fabrice rút ra được, tuy chú không tin những lời tiên đoán của ông bạn già. Theo trí tưởng tượng non trẻ của chú, cái điềm đó báo chắc thành công hoặc thất bại. Vì chú có tính quyết đoán hơn tất cả bọn, cho nên dần dần cả bọn cũng trở nên quên tin điềm trời, lúc sắp ra đi mà nhìn thấy một ông cố đạo trên bờ hoặc là một con quạ bay về phía tay trái của mình, thì chúng vội vã khóa xích lại và về nhà ngủ tiếp. Như vậy là cha xứ Blanès không truyền được cái môn học khá phức tạp của mình cho Fabrice, nhưng đã vô tình tiêm chủng cho chú một niềm tin tưởng không giới hạn vào những điềm trời báo trước tương lai.

Hầu tước cảm thấy nếu có một sự biến nào xảy đến cho việc trao đổi thư tín mật mã của ông thì ông sẽ bị bà em làm tình làm tội. Bởi vậy mỗi năm, vào lễ tiết nữ thánh Sainte Angela, cũng là lễ sinh nhật của nữ bá tước Pietranera, Fabrice được phép đi Milan chơi tám hôm. Để rồi suốt năm chú sống trong niềm hy vọng và nỗi luyện tiếc về tám ngày ấy. Trong dịp trọng đại phái con đi công cán chính trị đó, ông hầu tước cho chú bốn đồng écu và theo lệ thường không đưa gì hết cho bà vợ mang con đi. Tuy nhiên, tối hôm trước, một người nấu bếp, sáu gia bộc và một anh đánh xe đã đi Côme, cho nên mỗi ngày, bà hầu tước có một cỗ xe ngựa để sử dụng và một bàn tiệc mười hai chỗ ngồi.

Cái cảnh sống rồi đời như vậy rõ ràng là không vui thú gì, nhưng nó được cái lợi là làm giàu lên mãi những gia đình có thiện ý sống theo lối ấy. Ông hầu tước thu hai trăm nghìn francs lợi tức đồng niên mà tiêu không hết một phần tư số đó. Ông sống về hy vọng. Trong quãng mười ba năm từ 1800 đến 1813, ông luôn luôn tin và tin chắc là Napoléon sẽ bị lật đổ trong vòng sáu tháng. Hãy đoán xem nỗi hào hứng của ông khi đầu năm 1813, ông nghe tin những thảm họa ở sông Bérésina[\[22\]](#). Việc Paris thất thủ và Napoléon sụp đổ[\[23\]](#) suýt làm cho ông loạn óc, lúc ấy ông có những lời lẽ hết sức thóa mạ đối với vợ và em gái. Cuối cùng, sau mười bốn năm trông đợi, ông vui mừng không xiết, kể khi được thấy quân Áo trở về Milan. Theo mệnh lệnh từ Viên, viên tướng Áo tiếp hầu tước Del Dongo trân trọng gần như kính trọng, người ta vội vàng mời ông giữ một chức vụ hàng đầu trong chính quyền, và ông nhận chức như nhận một món ân trả nghĩa đền. Người con trưởng của ông được bổ dụng trung úy trong một trung đoàn loại ưu tú nhất của vương quốc, nhưng người em thì lại chẳng bao giờ chịu nhận chân tân binh quý tộc mà người ta định ban cho chú.

Hầu tước hưởng thụ cảnh đắc thế đó một cách kiêu căng hiếm có, nhưng vinh chỉ được mấy tháng rồi tiếp theo là nhục. Ông không hề có tài kinh luân và mười bốn năm sống ở nơi quê mùa giữa bọn tôi tớ, viên chương khế và ông thầy thuốc, cộng với tính cáu kỉnh của tuổi già đã đến, khiến cho ông thành một kẻ hoàn toàn bất tài bất lực. Thế mà ở đất nước Áo thì không thể nào giữ mãi một chức vụ quan trọng nếu không có loại tài năng mà cách cai trị ở cái vương quốc nghìn xưa này đòi hỏi, cách cai trị chậm chạp và rắc rối nhưng có nề nếp khá hợp lý. Những lầm lẫn của ngài hầu tước Del Dongo khiến bọn thuộc hạ báỉ phục, hơn nữa làm trở ngại công việc chung. Những lời lẽ bảo hoàng cực đoan của ông làm cho dân chúng bức tức, trong khi bề trên lại muốn cho họ mê ngủ và thờ ơ. Một hôm, hầu tước được cho biết là đức Hoàng đế

đã vui lòng chấp nhận việc từ chức của ông, đồng thời cử ông làm đệ nhị quản lý hoàng gia liên vương quốc Lombardo Vénitien.

Hầu tước lấy làm phần uất về nỗi bất công thậm tệ mà ông là nạn nhân, ông nhờ người bạn in một bức thư ngỏ, mặc dù ông hết sức ghét quyền tự do báo chí. Cuối cùng ông dâng thư lên hoàng đế tâu trình rằng các ông bộ trưởng đã phản ngài và chỉ là những tên Jacobins[24]. Làm xong những việc đó, ông buồn bã trở về lâu đài Grianta.

Rồi hầu tước cũng có được một niềm an ủi. Sau khi Napoléon sụp đổ, một số nhân vật có quyền thế ở Milan sai người đánh chết bá tước Prina ngoài đường phố, bá tước nguyên thủ tướng của quốc vương Ý, là một người tài đức bậc nhất. Bá tước Pietranera liều mình cứu thủ tướng, nhưng thủ tướng bị bọn sát nhân dùng cán ô giết chết sau năm tiếng đồng hồ liền bị hành hạ tàn nhẫn. Có một linh mục có thể cứu bá tước Prina nếu như y chịu mở cổng sắt nhà thờ San Giovanni, bọn sát nhân đã lôi bá tước đến đó, hơn thế, đã bỏ ông nằm trong rãnh nước giữa đường một lúc. Nhưng y đã cười chế nhạo và không mở cổng. Y là cha rửa tội cho hầu tước Del Dongo. Sáu tháng sau vụ này, hầu tước can thiệp xin cho linh mục thăng chức cao và hầu tước được đặc ý.

Hầu tước căm thù người em rể, bá tước Pietranera. Không có đến năm mươi[25] lợi tức, bá tước dầm sắng thoải mái, vui vẻ, lại dám trung thành với những tư tưởng mà ông suốt đời yêu quý, ông cũng ngạo mạn ca ngợi cái tư tưởng công lý không cần đến uy thế của ai, điều mà hầu tước cho là một thứ chủ nghĩa Jacobins nhục nhã.

Bá tước không chịu phục vụ trong quân đội Áo. Người ta nêu việc đó ra và mấy tháng sau cái chết của Prina, những nhân vật đã thuê tiền bọn sát nhân lại làm cho tướng Pietranera bị hạ ngục. Thấy vậy, nữ bá tước, vợ ông, lấy hộ chiếu và xin ngựa trạm đi Viên để tâu bày sự thật với hoàng đế. Bọn giết người đâm sợ và một tên trong bọn, có họ với bà Pietranera, vào giữa đêm, đúng một tiếng đồng hồ trước giờ phút bà định khởi hành, đã đến đưa cho bà lệnh phóng thích bá tước. Ngày hôm sau, viên tướng Áo cho mời bá tước Pietranera đến, tiếp ông một cách hết sức trân trọng và hứa hẹn với ông sẽ giải quyết phụ cấp hưu trí của ông theo cách có lợi nhất.

Tướng Bubna trung hậu, vốn là người thông minh và can đảm có vẻ xấu hổ về vụ ám sát Prina và việc bỏ tù bá tước.

Sau cơn bão tố tránh được nhờ tính cương nghị của nữ bá tước, hai vợ chồng sống đắp đổi trên khoản phụ cấp hưu trí mà họ được lĩnh khá sớm nhờ sự gửi gắm của tướng Bubna.

May sao là từ năm sáu năm nay, nữ bá tước chơi thân với một thanh niên rất giàu, cũng là bạn thân của bá tước. Người bạn đó để cho vợ chồng bá tước sử dụng những con ngựa kéo xe giống Anh đẹp nhất ở thành Milan, cùng với buồng lô ở nhà hát Scala và tòa lâu đài của anh ta ở thôn quê.

Nhưng bá tước có ý thức về lòng dũng cảm của mình lại có tâm hồn lớn lao, hào hiệp, ông dễ nổi nóng và khi nổi nóng thì nói năng sộc sộc. Một hôm đi săn bắn với một bọn thanh niên, một tên trong bọn trước đây chiến đấu dưới ngọn cờ đối lập, nổi lên đùa cợt về lòng dũng cảm của những quân nhân nước cộng hòa Bắc Ý[26] bá tước tát nó, tức thời một cuộc đấu danh dự xảy ra, và chỉ có một mình giữa bọn chúng, bá tước bị giết. Người ta dị nghị nhiều về cách đấu này, và bọn tham gia thấy cần phải du lịch sang Thụy Sĩ,

Cái thứ can đảm buồn cười có tên là nhẫn nhục, cái can đảm của một thằng ngu chịu để cho người ta treo cổ mà không phản kháng, cái thứ can đảm ấy không phải là môn sở trường của nữ bá tước.

Phần nộ về cái chết của chồng, bà muốn cho Limercati, chàng thanh niên giàu có ấy, bạn thân của chồng bà, cũng cao hứng đi sang Thụy Sĩ và lấy một phát súng vào ngực tên sát nhân, hoặc đánh hấn một tát tai.

Limercati cho rằng điều dự định kia quá đỗi lỗ bịch, còn bà bá tước thì nhận thấy ở bà lòng khinh bỉ đã giết chết sự yêu thương. Bà ân cần với Limercati bội phần hơn trước, bà muốn khơi dậy tình yêu trong lòng hắn, rồi sau đó bỏ mặc hắn tuyệt vọng. Để cho người Pháp hiểu cái kế hoạch phục thù này, tôi thấy cần nói ở Milan xa xôi, người ta hãy còn thất vọng vì tình. Bá tước phu nhân mặc tang phục bỏ xa tất cả những phụ nữ tranh đua với bà về nhan sắc, bà làm đắm làm duyên với những chàng trai có địa vị xã hội cao sang nhất. Một trong số đó, bá tước N, đắm ra say mê bà như điên đảo, ông thường nói dối với một thiếu phụ thông minh như nữ bá tước, Limercati có hơi nặng nề, hơi gồ một chút. Rồi nữ bá tước viết cho Limercati:

“Ông có muốn có một lần xử sự như một người thông minh không? Ông hãy cứ làm như không hề quen biết tôi.

Có lẽ có khinh bỉ ông đôi tí, tôi vẫn là người tôi tớ hèn mọn của ông.

Gina Pietranera”.

Đọc xong mảnh thư ấy, Limercati lui về một trong những lâu đài của hắn. Mỗi tình của hắn bốc lửa, hắn hóa rồ và đe sẽ tự sát, nhưng việc tự sát không xảy ra bao giờ ở những đất nước mà người ta tin là có địa ngục.

Về đến lâu đài, sáng hôm sau hắn viết cho nữ bá tước một bức thư xin kết hôn và dâng cho bà số lợi tức đồng niên hai trăm nghìn francs của hắn. Bà bảo chú đầy tớ của bá tước N đưa bức thư chưa mở đến trả hắn. Sau việc này, Limercati ở liền ba năm ở trang ấp, cứ hai tháng mới về Milan một lần, nhưng không bao giờ có can đảm lưu lại. Hắn than thở mãi về mối u tình của hắn và kể lể có chi tiết những ân huệ đã được bá tước phu nhân ban cho, khiến bạn bè chán ngắt. Lúc đầu hắn thường nói thêm rằng đi lại với bá tước N thì nữ bá tước chỉ có hư hỏng và mang tiếng mà thôi.

Thực ra thì bà bá tước Pietranera chẳng yêu thương gì bá tước N và đó là điều bà nói trắng ra với ông ta, khi đã biết chắc Limercati đau đớn, thất vọng. Bá tước vốn thạo đời, yêu cầu nữ bá tước đừng nói ra ngoài cái sự thật đáng buồn mà bà vừa cho ông ta biết. Ông nói thêm:

“Nếu phu nhân rộng lượng cứ tiếp tục tiếp tôi với tất cả những chiều cố bên ngoài đối với một tình nhân đương vị, thì có lẽ tôi sẽ kiếm được một chức vụ khả quan”.

Nghe lời tuyên bố oanh liệt đó, nữ bá tước đâm ngán những ngựa xe, buồng lô kịch viện của bá tước N.

Nhưng đã từ mười lăm năm nay, phu nhân quen sống cuộc đời sang trọng nhất. Bây giờ bà phải giải bài tính khó giải, nói cho đúng bất khả giải đáp này là sống ở Milan với số trợ cấp mười lăm nghìn francs. Bà rời bỏ tòa lâu đài của bà, thuê hai buồng ở tầng gác năm, cho nô bộc về tất, kể cả cô hầu phòng, và mượn một bà già nấu ăn thay thế. Sự hy sinh ấy thực ra không đến nỗi dửng cảm và cực nhọc như người Pháp chúng ta tưởng, ở Milan, nghèo nàn không phải là lỗ bịch xấu xa, do đó không trở thành nỗi bất hạnh ghê gớm nhất đối với những con người hay lo sợ. Bà bá tước sống được mấy tháng trong cảnh nghèo khó kiêu hãnh ấy. Thư của Limercati bay đến tới tấp, cả thư của bá tước N, ông này cũng xin lấy nữ bá tước. Nhưng hầu tước Del Dongo, bình thường keo kiệt một cách gớm ghiếc, đột nhiên nghĩ rằng bọn kẻ thù của ông có thể lấy làm đắc thắng về cảnh sống cùng khó của em gái ông. Ái chà! Một bà lớn dòng họ Del Dongo mà đến nước phải sống với khoản trợ cấp mà triều đình Viên trả cho những quả phụ các tướng tá của nó sao?

Hầu tước viết thư cho bà em báo là một gian phòng và một khoản trợ cấp phí xứng đáng với em gái ngài đang chờ ở lâu đài Grianta. Tâm hồn linh hoạt của nữ bá tước hào hứng chấp nhận lối sống mới mẻ này, hai mươi năm qua bà không sống ở tòa lâu đài cổ kính vươn lên nguy nga giữa những cây lặt cổ thụ trồng từ đời họ Sforce. Bà tự nhủ: “Ở đây ta sẽ tìm thấy sự yên tĩnh và ở tuổi ta, đó không phải là hạnh phúc hay sao? (Vì bà ba mươi một tuổi, bà tưởng đã đến lúc

về vườn). Trên cảnh hồ tuyết vời, nơi ta sinh trưởng, chung quy một cuộc sống sung sướng yên ổn đang chờ đón ta”.

Tôi không biết bà có nhầm không. Điều chắc chắn là con người nồng nhiệt vừa từ chối le làng hai gia tài vô lượng đó đã mang hạnh phúc lại cho lâu đài Grianta. Hai cô cháu gái của bà vui mừng khôn xiết. Còn hầu tước phu nhân vừa ôm hôn bà em chồng, vừa bảo: “Thế này là cô mang trả lại cho chị những ngày tươi đẹp của tuổi xanh xuân. Mới hôm qua, chị còn tưởng chị đã trăm tuổi”.

Nữ bá tước đi với Fabrice thăm lại tất cả những cảnh trí mê hồn ở quanh lâu đài Grianta, những cảnh trí được khách khứa đã vô cùng ca ngợi! Biệt thự Melzi ở phía bên kia hồ đối diện với tòa lâu đài và làm tiêu điểm cho nó, phía trên khu rừng thiêng Sfondrata và đồi đất buring bình chia cắt mặt hồ thành hai nhánh, nhánh Côme lá lướt và nhánh Lecco nghiêm nghị. Đây là những cảnh trí duyên dáng và kỳ diệu không kém cảnh vịnh Naples nổi tiếng đẹp nhất thế giới. Nữ bá tước say sưa tìm thấy những kỷ niệm tuổi sơ xuân và so sánh với những cảm giác hiện tại. Bà tự bảo: “Hồ Côme không bị vây bọc bởi những đám đất trồng trọt lớn như ở hồ Geneve, những đám đất rào kín và gieo trồng theo phương pháp tốt nhất, khiến ta phải nghĩ đến tiền bạc và kinh doanh, ở đây ta thấy lộ nhô những đồi cao thấp không đồng đều, phủ những lùm cây mọc tự nhiên, không có bàn tay người quấy phá và buộc làm cho ra lợi tức.

Mấy ngọn đồi kia hình dáng thật là đẹp, chúng đổ xô về hồ theo những triền khá lạ mắt, đứng giữa mấy đồi ấy ta có thể giữ tất cả những ảo ảnh do các bức tranh Tasse và Arioste đã gợi nên. Cái gì cũng cao quý và trù mển, cái gì cũng nói yêu thương, không có gì nhắc đến những xấu xa của xã hội văn minh.

Làng xóm lơ lửng ở lưng chừng đồi, khuất sau các cây to, và ở trên các ngọn cây, vời vọi các tháp chuông có kiểu kiến trúc xinh xắn dễ ưa. Nếu có vài đám đất nhỏ nào chiều ngang chỉ năm mươi bước, chen đây đó giữa những lùm cây lặt và cây anh đào hoang, thì cây cỏ ở đó mọc khỏe mạnh, thoải mái hơn những nơi khác, và trông rất vừa mắt. Trên đỉnh các ngọn đồi, có những am ẩn tu mà ai cũng muốn ở, nơi xa sau các ngọn đồi, ta sẽ ngạc nhiên nhìn thấy các đỉnh núi Alpes quanh năm phủ tuyết, mà vẻ nghiêm nghị lạnh lùng khiến người ta nhớ đến những tai ương trong cuộc sống đủ để tận hưởng những giây phút hiện tại thần nhất là tiếng chuông xa xăm từ một thôn nhỏ khuất trong cây cối vọng đến xáo động tâm hồn, tiếng chuông lướt trên mặt nước làm giảm nhẹ âm vang, thoảng như một nỗi buồn man mác, lại như một niềm nhần nhục lâng lâng, và có vẻ như thổ thề với ta “Năm tháng trôi đi, đừng có làm cao như thể trước cảnh hạnh phúc hiện tại, hãy lo mà hưởng nhanh lên!”.

Tiếng nói của những cảnh trí mê hồn không đâu sánh kịp đã đem trả cho nữ bá tước tấm lòng xuân tuổi mười sáu ngày xưa. Bà không thể hiểu làm sao đã bỏ qua bao năm tháng không thăm lại cảnh hồ. Bà tự hỏi phải chăng hạnh phúc chỉ tìm thấy ở tuổi bắt đầu về già? Bà mua một chiếc xuồng, Fabrice hầu tước phu nhân và bà tự tay trang điểm, bởi vì họ không có tiền mặt để tiêu vào bất cứ việc gì, mặc dù lối sống của gia đình cực kỳ sang trọng. Từ khi thất sủng hầu tước Del Dongo càng tăng cảnh sống quyền quý xa hoa. Chẳng hạn muốn lần chiếm mười bước đất về phía hồ, nơi có rừng cây tiêu huyền nổi tiếng ở kế cận làng Cadenabia, ông cho đắp một con đê mà dự toán lên đến tám mươi nghìn francs. Ở cuối đê có một nhà nguyện dựng theo kiểu vẽ của hầu tước Cagnola nổi tiếng, một nhà nguyện làm toàn bằng những phiến đá hoa cương rất to, trong nhà nguyện, nhà điêu khắc thời thượng Marchesi đã xây cho hầu tước một sinh phần trên đó có vô số điều khắc minh họa các chiến tích của tổ tiên ngài.

Người anh cả Fabrice, tiểu hầu Ascagne muốn được đi dạo chơi với các phu nhân. Nhưng bà cô cứ rảy nước lên đầu tóc rắc phấn và ngày nào cũng có một lời đùa bỡn về đạo mạo của hấn. Rốt cuộc rồi hấn đành rút lui để cho toán người vui vẻ đó đỡ phải nhìn thấy cái mặt to bự và nhọt nhọt của hấn giữa bọn họ, cái toán người khi có hấn thì chẳng dám làm gì sất. Họ nghĩ hấn là mật thám của cha hấn và cần phải vị nể cái ông bạo chúa nghiêm nghị, lúc nào cũng giận dữ từ khi bắt buộc phải từ chức.

Ascagne thề sẽ trả thù Fabrice.

Một cơn bão xảy đến đã gây nhiều nguy hiểm. Dù có rất ít tiền, họ cũng thù lao những bạn chèo thuyền một cách hào phóng để chúng đừng thốc mách với hầu tước, hầu tước đã bức nhiều rồi về việc họ dắt hai con gái ông đi theo. Họ lại gặp một cơn bão thứ hai. Trên mặt hồ xinh đẹp này, bão tố thường bất ngờ và dữ dội, những luồng gió mạnh đột ngột thổi ra từ hai hẻm núi đứng ngược chiều nhau và các luồng gió đó giằng co nhau trên mặt nước. Nữ bá tước muốn đổ bộ giữa bão tố và sấm sét, bà cho rằng được đứng trên một mỏm đá cô lập hẹp như một căn buồng thì bà sẽ được chứng kiến một cảnh tượng hiếm có, bà sẽ được sóng cuồng vây hãm và tấn công từ bốn mặt.... Nhưng từ thuyền nhảy ra, bà rơi tõm xuống nước. Fabrice nhảy theo cứu và cả hai bị sóng nước cuốn ra xa. Chết đuối hẳn không đẹp để gì, nhưng sự việc này đã làm cho buồn tẻ phải hằng đi mà lánh khỏi tòa lâu đài phong kiến kia.

Nữ bá tước say mê tính tình cổ sơ và khoa chiêm tinh của ông abbé Blanès. Tậu chiếc xuồng xong còn chút ít tiền, bà đem mua hủ họa một kính thiên lý nhỏ. Tối tối, cùng với hai cô cháu gái và Fabrice, bà lên ngự trên sân thượng một tháp cổ của tòa lâu đài. Fabrice là nhà thông thái trong bọn. Họ sống qua những giờ phút vui vẻ, xa cách bọn thám báo.

Phải công nhận là cũng có những hôm bá tước phu nhân chẳng chuyên văn với ai, chìm đắm trong mơ mộng bà đi lại thơ thẩn dưới hàng cây giẻ cao vút, bà đủ thông minh để thấy rằng không trao đổi tâm sự với người ta thì cũng tẻ. Hôm sau bà lại nói cười như trước. Duyên cớ gây nên những cảm giác đen tối cho tâm hồn ư hoạt động đó là những lời thở than của bà chị dâu:

— Có lẽ đâu - bà hầu tước kêu lên - có lẽ đâu ta lại để phôi pha chút xuân thừa trong tòa lâu đài buồn thảm này!

Trước khi nữ bá tước đến bà đâu có can đảm có những luyến tiếc kiểu ấy!

Mùa đông 1814 sang 1815, họ sống như vậy. Dù nghèo túng, bà bá tước cũng có hai lần về Milan. Để xem vở ba lê kỳ tuyệt của Vigano, trình diễn tại nhà hát Scala, hầu tước không cản trở vợ đi với em gái. Nữ bá tước đi cùng để lĩnh quỹ lương cấp tuất ít ỏi, và chính bà quả phụ nghèo xơ của viên tướng cộng hòa lại cho hầu tước phu nhân Del Dongo giàu nứt đổ vay mấy đồng bạc khổ. Những cuộc du ngoạn ấy rất vui thích, họ mời cơm mấy bạn cũ, họ cười đùa thực sự như trẻ con và khuây khỏa những nỗi cơ cực ở đời. Cảnh vui vẻ có tính cách, đầy nồng nhiệt và lắm những bất ngờ đó làm quên về u buồn mà con mắt của ông hầu tước và người trưởng nam gieo rắc ở Grianta. Mới mười sáu tuổi Fabrice đã có vẻ là ông chủ nhà lắm.

Ngày 7 tháng ba năm 1815, hai phu nhân vừa đi một vòng Milan thú vị về được hai hôm. Họ đi dạo trên con đường trồng tiêu huyền xinh đẹp, con đường vừa được đắp kéo dài theo mép bờ hồ. Một chiếc thuyền xuất hiện, từ phía Côme đi lại và làm những dấu hiệu lạ lùng. Một tên tay chân của hầu tước nhảy lên đề: “Napoléon vừa đổ bộ lên vịnh Juyăng.

Châu Âu thật thà lấy làm ngạc nhiên về sự biến đó, còn hầu tước Del Dongo thì không. Ông viết cho hoàng đế Áo một bức thư nồng nhiệt, nguyện hiến dâng tài đức và nhiều triệu bạc để phụng sự nhà vua và lặp lại rằng các bộ trưởng của hoàng đế là những người Jacobins thông đồng với bọn thủ lĩnh ở Paris.

Ngày 8 tháng ba, lúc sáu giờ hầu tước mang tất cả huân chương, phù hiệu lên người, rồi báo anh con trưởng đọc bản thảo một bức điện, bức điện chính trị thứ ba cho mình chép lại, ông thận trọng nắn nét chữ rất đẹp của mình để chép trên giấy có in chìm hình hoàng đế. Cũng trong lúc đó. Fabrice đến xin gặp bá tước Pietranera phu nhân. Anh nói:

— Cháu đi đây, cô ạ. Cháu đi theo Hoàng Đế[\[27\]](#), ngài cũng là vua nước Ý. Ngài quý mến chú bá tước nhà ta bao nhiêu! Cháu đi xuyên qua Thụy Sĩ. Đêm qua, ở Menaggio, bạn cháu Vasi người bán phong vũ biểu, đã cho cháu tờ hộ chiếu của anh ta. Bây giờ cô cho cháu ít đồng

Napoléon[28] vì cháu chỉ có hai đồng mà thôi. Tuy nhiên, nếu cần thì cháu đi bộ.

Bá tước phu nhân khóc vì mừng, cũng vì lo ngại.

— Lạy Chúa! Làm sao anh lại nảy ra cái ý ấy! Bà ta vừa kêu lên vừa nắm tay Fabrice.

Bà đứng lên lại túm áo lấy cái túi tiền đính ngọc trai cất giấu cẩn thận ở đấy, về của cải, bà chỉ có thể thôi.

— Cầm lấy- bà nói với Fabrice. Nhưng nhân danh Chúa, cô van anh đừng để cho bị giết đấy! Mất anh thì còn gì cho bà mẹ tội nghiệp của anh và cho cô? Còn như về sự thành công của Napoléon thì không có khả năng đâu, anh cháu tội nghiệp của cô à. Những ngài đó biết cách giết ông ta. Anh không nhớ cách đây tám hôm. Ở Milan, người ta kể đến hai mươi ba kế hoạch ám sát hoàng đế, cái nào cũng được trù liệu

Nữ bá tước nói về vận mệnh tương lai của Napoléon với Fabrice bằng một giọng hết sức xúc động. “Cho phép cháu đi theo Người, cô đã hy sinh cho Người cái gì thân thương nhất của cô”. Mất Fabrice ươn ướt, rồi anh khóc khi ôm hôn nữ bá tước, nhưng quyết định ra đi thì không lúc nào lung lay. Anh bỗng bật giải thích cho người bạn chí thiết đó những lý lẽ xui anh ra đi, những lý lẽ mà chúng tôi mạn phép cho bà buồn cười.

— Tối hôm qua, lúc sáu giờ kém bảy phút, hai bố con cháu đi chơi trên đường trồng cây tiêu huyền ở bờ hồ, phía trên nhà Sommariva, như cô đã biết, và đi về hướng Nam. Ở đây lần đầu tiên cháu nhìn thấy từ xa chiếc xuồng ở Côme đến, cái xuồng mang tin trọng đại kia ấy mà. Cháu nhìn chiếc xuồng, lúc ấy cháu không nghĩ gì đến hoàng đế, mà chỉ ước ao được đi lại đây đó như người ta. Bỗng nhiên cháu thấy trong người xúc động lạ thường. Xuồng cặp bờ, tên gián điệp thì thầm với cha cháu, mặt ông biến sắc, ông kéo chúng cháu ra để báo cái tin dữ dội. Cháu quay mặt ra hồ chỉ cốt để giấu những giọt lệ vui sướng trào lên đầy mắt. Bỗng nhiên từ trên cao tít tận trời xanh về phía bên phải, cháu thấy một con chim ưng, con chim biểu tượng của Napoléon, nó bay rất oai hùng về phía Thụy Sĩ, nghĩa là cũng về hướng Paris. Và cháu tức khắc tự nhủ: “Ta cũng sẽ vượt qua Thụy Sĩ nhanh như chim ưng, ta đến hiến dâng cho con người vĩ đại đó cánh tay yếu đuối của ta, nghĩa là không đáng bao nhiêu, nhưng chung quy là tất cả những gì ta có thể hiến dâng. Người đã muốn cho ta một tổ quốc và người đã yêu mến chú ta”. Khi nghĩ thế, và lúc hãy còn nhìn thấy con chim ưng, mắt cháu đã ráo hoảnh, không biết do một tác động lạ lùng nào. Và cái điều chứng tỏ ý trời là cháu quyết định ngay lúc đó không cân nhắc, và nghĩ ra ngay các phương tiện để đi đường. Trong nháy mắt, tất cả những sầu thảm đầu độc cuộc đời cháu, nhất là vào những chủ nhật như cô biết, đều tiêu tan như có một ngọn gió thiêng liêng thổi bay đi, cháu thấy hình ảnh lớn lao của tổ quốc Ý đứng dậy từ dưới bùn nhơ mà bọn Đức chìm nó[29], đưa hai cánh tay đã bầm dập, một nửa hãy còn mang xiềng xích, lên vì vua của nó và là người giải phóng nó. Và cháu tự bảo: “Còn ta, đưa con vô danh chưa được người mẹ khốn khổ kia biết đến, ta sẽ ra đi, ta sẽ chết hoặc sẽ thắng cùng với con người được thiên mệnh chỉ định, con người đã sẵn lòng rửa nhục cho chúng ta, nỗi nhục mà những tên dê tiện nhất, nô bộc nhất châu Âu ném vào mặt chúng ta.

“Cô biết - Anh dịch lại gần nữ bá tước, hạ giọng nói thêm và nhìn bà với đôi mắt rực lửa - Cô biết cây giẻ tơ mà mẹ cháu tự tay trồng, bên cạnh cái giếng lớn trong rừng, ở cách đây hai dặm, vào mùa đông cháu ra đời, trước khi hành động, cháu đến thăm nó. Mùa xuân đến chưa lâu, cháu tự nhủ, như vậy nếu cái cây có lá, đó là một điềm lành cho cháu. Cháu cũng vậy, cháu phải thoát ra khỏi tình trạng tê dại khiến mình mòn mỏi âu sầu trong cái lâu đài lạnh lùng buồn bã này. Cô có thấy những tường thành đen sì, cũ kỹ ngày nay là biểu tượng, ngày xưa là phương tiện của chuyên chế, cô có thấy những tường thành ấy rõ ràng là hình ảnh của mùa đông buồn thảm hay không? Chúng nó đối với cháu cũng như mùa đông đối với cây giẻ của cháu.

“Cô có tin không, cô Gina? Tối hôm qua, lúc bảy giờ rưỡi, cháu tới thăm cây giẻ, nó có lá, những lá con xinh xắn đã khá lớn! Cháu hôn chúng nhẹ nhàng, không làm cho chúng đau. Cháu kính cẩn xới đất quanh gốc cây thân thương. Tức thời cháu thấy trong người rung động một

niềm hưng phấn mới. Cháu vượt núi, cháu đến Menagio, cháu cần một hộ chiếu để sang Thụy Sĩ. Thời giờ nhanh vun vút, cháu đến cửa Vasi thì đã một giờ sáng. Cháu tưởng phải gõ cửa lâu hẵn mới thức giấc, không ngờ hẵn còn thức với ba thằng bạn. Cháu vừa mở miệng thì hẵn đã kêu: “Mày đi theo Napoléon chứ gì!” Và hẵn nhảy lên ôm cổ cháu. Mấy thằng kia cũng ôm hôn cháu sôi nổi. Một thằng than: “Sao tao lại có vợ nhỉ!”.

Bà Pietranera đâm ra nghĩ ngợi, bà thấy cần nêu vài trở ngại. Giá Fabrice có kinh nghiệm thì hẵn anh đã thấy những lý lẽ hay ho mà nữ bá tước vội vã nói, chính là không tin. Tuy thiếu kinh nghiệm, anh thừa quyết tâm, anh không thềm để tai nghe những lý lẽ ấy. Chung quy bà bà tước chỉ còn mỗi một cách là buộc anh phải thừa với mẹ. Fabrice thét lên một cách kiêu hùng:

— Để rồi mẹ cháu nói lại với chị và em gái cháu và rồi các người ấy sẽ vô tình làm lộ chuyện cháu chứ sao!

— Fabrice! Hãy ăn nói một cách lễ phép hơn về cái giới ấy, cái giới sẽ giúp anh thành đạt, - bá tước phu nhân nói và mỉm cười qua nước mắt, bởi vì chắc chắn bọn đàn ông sẽ không ưa anh, anh bỗng bật quá trước con mắt những kẻ tầm thường thông tục.

Bà hầu tước khóc khi nghe con mình có ý định lạ lùng ấy. Bà không cảm thấy tính cách anh hùng của hành động kia và làm hết cách để giữ con lại. Khi đã biết rõ là không gì giữ nó được trừ bốn bức tường của một nhà ngục, bà trao cho nó số tiền ít ỏi của bà, rồi bà nhớ ra còn chín mươi hạt kim cương nhỏ mới có từ tối hôm qua, trị giá khoảng mười nghìn trắng, những hạt kim cương ông hầu tước trao cho để đem đi nhận nhẫn ở Milan. Trong khi bà bá tước khâu giấu kim cương trong áo đi đường của Fabrice thì chị và em gái anh đến. Anh không nhận những đồng tiền vàng hiếm hoi của họ, hai chị em tỏ ra hết sức hào hứng, họ ôm hôn anh vui vẻ ồn ào quá, khiến anh cảm mấy viên kim cương đang chờ cất giấu lên và đòi lên đường ngay. Anh nói với chị và em gái anh:

— Chị và em vô tình làm lộ chuyện tôi mất. Thôi, tôi đã có nhiều tiền thế thì cần gì mang quần áo theo, ở đâu mà không mua sắm được!

Anh hôn những người thân yêu đó rồi đi ngay, không muốn cả đến thăm lại căn buồng của mình lần cuối. Sợ bọn cảnh sát kỵ mã đuổi theo, anh đi nhanh đến nỗi vừa tối thì đến Lugano. Ở Chusa, anh đã ở trong một thành phố Thụy Sĩ và không sợ bị bọn cảnh sát hành hung trên đường trường vắng vẻ nữa, bọn cảnh sát do cha anh muốn ấy. Từ nơi đó anh viết cho bố một bức thư hùng hồn. Hành động bỗng bột non dai của tuổi trẻ ấy đã khiến cho ông bố có cơ sở để giận dữ. Fabrice đi xe tram, vượt đèo Saint- Gothard. Cuộc hành trình diễn ra nhanh chóng và từ thị trấn Pontarlier, anh nhập cảnh đất Pháp.

Hoàng đế ở Paris. Ở đây bắt đầu những tai họa của Fabrice. Anh ra đi với quyết tâm vào bệ kiến hoàng đế, anh không bao giờ nghĩ là việc ấy khó. Ở Milan, anh trông thấy hoàng thân Eugène mỗi ngày hàng chục lần và cũng có thể hầu chuyện ngài nếu anh muốn. Ở Paris, sáng nào anh cũng đến sân điện Tuileries xem hoàng đế duyệt binh nhưng chẳng bao giờ anh có thể đến gần người. Người anh hùng của chúng ta tưởng rằng tất cả người Pháp đều xúc động sâu sắc về nỗi hiểm nghèo đe dọa tổ quốc. Ở bàn ăn khách sạn mà anh đến ở trọ, anh không giấu diếm gì lòng trung thành và những dự định của mình. Anh gặp những thanh niên hòa nhã đáng mến, hăng hái hơn cả anh nữa, và chỉ mấy hôm sau họ lấy ráo số tiền mặt của anh. Cũng may là vì khiêm tốn, anh không nói đến những hạt kim cương bà mẹ cho. Buổi tối nhậ nhệ âm ỉ với nhau, buổi sáng nhận thấy rõ ràng bị lấy cắp. Fabrice bèn mua hai con ngựa đẹp, mượn một anh lính cũ đang làm mã phu cho lão lái ngựa làm tùy bộc và thế là anh xông ra chiến trường lòng đầy khinh bỉ đối với bọn thanh niên Paris lém lỉnh. Anh chẳng biết gì về quân đội của hoàng đế, ngoài việc nó tập trung về mạn Maubeuge .

Vừa đến biên giới, Fabrice nhận thấy mình cứ ngồi trong nhà mà sưởi lửa thì thật là khó coi trong khi quân đội đã ngoại. Người tùy bộc của anh không thiếu lương tri, nhưng anh ta nói thế nào Fabrice cũng không nghe, đại dột chạy đến chen vào những trại cắm ở tận cùng biên giới,

trên con đường đi Bỉ. Anh vừa đến tiểu đoàn đầu tiên đóng ở cạnh đường thì bị binh sĩ nhìn xoi mói, họ nhìn cái tên thanh niên tư sản mà quần áo chẳng có vẻ gì là quân phục đó. Đêm xuống, gió thổi rất buốt, Fabrice đến gần một đám lửa trại xin được trả tiền để trú ngụ. Binh sĩ nhìn nhau lấy làm lạ, lạ nhất là cái việc xin trả tiền, nhưng họ tốt bụng dành cho anh một chỗ bên lửa, anh tùy bực làm cho anh một cái lều. Nhưng lát sau, một viên thượng sĩ của trung đoàn đi qua chỗ trú quân, binh lính đem nói lại với ông chuyện người lạ mặt nói tiếng Pháp không thạo. Viên thượng sĩ hỏi Fabrice, Fabrice nói về nhiệt tình của mình đối với hoàng đế, nhưng bằng một giọng lạ khả nghi, vì vậy viên thượng sĩ bảo anh ta cùng đi với ông đến vị đại tá đóng ở một trang trại gần đây. Người tùy bực của Fabrice dắt hai con ngựa đến. Lũ ngựa gây ấn tượng mạnh cho viên thượng sĩ, y đổi ý tức khắc và dò hỏi người tùy bực. Anh này nguyên là lính cũ, đoán ngay ra kế hoạch tác chiến của người đối thoại, bèn nói đến những chỗ dựa dẫm, những thần thể của chủ và nói thêm rằng hẳn người ta không cuỗm những con ngựa đẹp của ông chủ đi. Tức thì viên thượng sĩ gọi một người lính đến tóm cổ anh ta, một người khác được giao chăm sóc hai con ngựa và đáng nghiêm khắc, y ra lệnh cho Fabrice đi theo y không cần lý sự gì cả.

Viên thượng sĩ dẫn anh đi bộ giữa một dặm đường trong bóng tối càng có vẻ dày thêm bởi những lửa trại le lói ở khắp chân trời. Rồi y giao anh cho một viên sĩ quan cảnh sát, viên này trình trọng bảo anh đưa xem giấy tờ. Fabrice xuất trình hộ chiếu ghi anh là một người buôn phong vũ biểu mang hông theo người. Viên sĩ quan kêu lên:

— Chúng nó mới gốc chứ! Thế này thì quá lắm!

Y xét hỏi Fabrice và anh nói về hoàng đế và tự do với những danh từ hào hứng nhất. Nghe thấy thế viên sĩ quan cảnh sát cười lẫn cười lóc. Y hét:

— Ái chà! Mày chả khôn ngoan tí nào! Và bọn chúng quả đã làm quá đáng khi phái đến chúng tao những tên oắt con loại này!

Fabrice cố sức giải thích cho y biết quả anh không phải là người đi buôn phong vũ biểu, nhưng dù nói thế nào, viên sĩ quan cũng cứ gởi anh tới nhà ngục ở B, một thị trấn trong vùng. Anh đến đấy vào khoảng ba giờ sáng, giận dữ đến điên cuồng và suýt chết vì mỗi mết.

Lúc đầu kinh ngạc, sau đó điên tiết, Fabrice chẳng hiểu gì hết về những sự việc xảy đến với mình. Anh bị giam ba mươi ba ngày đêm dài đằng đẳng trong nhà lao khốn nạn đó. Anh viết thư lên viên chỉ huy quân khu, thư nọ tiếp thư kia và nhờ người vợ viên quản ngục chuyển. Chị này là một phụ tá Flamande khỏe mạnh, ba mươi sáu tuổi, không muốn cho một thanh niên bảnh trai như vậy, lại đền công mình hào phóng như vậy bị bắn, chị ném tuốt những thư ấy vào bếp lửa. Buổi tối, khi đêm đã khá khuya, chị hạ cố đến nghe lời than vãn của người tù, trước chị đã nói với chồng là hẳn có nhiều tiền cho nên viên quản ngục bật đèn xanh cho chị. Chị sử dụng quyền hạn đó và nhận được mấy đồng vàng, bởi vì viên thượng sĩ chỉ lấy ngựa, còn viên sĩ quan cảnh sát không tịch thu gì cả.

Một buổi chiều tháng sáu, Fabrice nghe tiếng đại bác giập giòn giã, nhưng khá xa. Chờ mãi mới có đánh chác đây! Tim anh nháy rộn rã. Anh lại nghe tiếng động ầm ầm từ ngoài phố dội đến. Quả vậy, có một cuộc hành quân lớn, ba sư đoàn kéo qua thành B. Vào mười một giờ đêm, khi chị quản ngục đến an ủi Fabrice, anh càng tỏ ra đáng yêu hơn thường nhật, rồi nắm hai tay chị, anh nói:

— Chị giúp tôi ra khỏi nơi đây đi. Tôi lấy danh dự thề với chị rằng tôi sẽ trở lại nhà lao này khi chiến tranh chấm dứt.

— Đừng nhảm nhí nữa! Anh có kê[\[30\]](#) chứ?

Không hiểu tiếng kê, Fabrice lo ngại ra mặt. Chị quản ngục thấy vậy cho là nước đã cạn, đành chỉ nói đến những đồng francs chứ không nói đến những đồng Napoléon vàng như chị dự

định. Chị bảo:

— Anh nghe đây. Nếu anh đưa tôi một trăm Francs thì tôi sẽ đặt một đồng Napoléon đôi lên mỗi con mắt của tên hạ sĩ đến thay phiên gác đêm. Hắn sẽ không thấy anh chuồn ra khỏi buồng giam. Nếu trung đoàn của hắn chuyển quân trong ngày hôm sau thì chắc chắn hắn sẽ nhận lời.

Giao ước được thỏa thuận mau chóng. Chị quản ngục lại còn vui lòng giấu Fabrice trong buồng mình để sáng hôm sau anh trốn đi cho dễ.

Hôm sau, trước bình minh, chị ta vô cùng cảm kích nói với Fabrice.

— Anh bạn nhỏ ơi, anh còn non trẻ quá, chớ làm cái nghề xấu xa ấy nữa. Anh hãy nghe tôi, đừng trở vào vành.

— Sao chứ? - Fabrice lặp lại ý của mình. Bảo vệ tổ quốc là phạm tội ác ư?

— Đủ rồi. Hãy luôn luôn nhớ là tôi đã cứu sống anh. Trường hợp của anh quá rõ ràng. Nếu không cứu, chắc chắn anh bị xử bắn. Nhưng anh đừng nói với ai, vì như thế sẽ báo hại vợ chồng chúng tôi mất chỗ làm ăn. Trước hết, chớ lặp lại cái chuyện bịa đặt tới về một anh quý phái người Milan cải trang thành người buôn phong vũ biểu, cái tích ấy khờ khạo quá. Này, nghe đây, tôi sẽ trao cho anh bộ quần áo của tên kỵ binh vừa chết trong ngục hôm kia. Anh phải hết sức tránh mở miệng nói năng gì. Tuy vậy, nếu một viên đội kỵ binh hoặc một sĩ quan xoay anh cách thế nào mà anh bắt buộc phải trả lời thì anh cứ nói là anh sốt ngã bên lề đường, được một nông dân làm phúc nhặt về và nuôi ốm lâu nay. Nếu họ chưa thỏa mãn thì nói thêm rằng anh đi tìm đoàn của anh. Vì giọng nói, có thể người ta bắt anh, lúc ấy nói anh sinh trưởng ở xứ Piémont và anh là một tân binh [\[31\]](#) ở lại trên đất Pháp từ năm ngoái ..". Sau ba mươi ba ngày lộn ruột, lần đầu tiên Fabrice hiểu điều bí ẩn trong mọi sự việc xảy đến cho mình. Người ta cho anh là gián điệp. Anh bàn luận với chị quản ngục, buổi sớm ấy chị tỏ ra hết sức âu yếm. Cuối cùng trong khi chị khâu hẹp bộ quần áo kỵ binh cho vừa người Fabrice, thì anh kể rõ chuyện anh cho chị nghe. Chị lấy làm ngạc nhiên. Chị tin Fabrice một lát. "Hắn ngây thơ quá! Lại rất xinh trai trong bộ quần áo kỵ binh."

Đã chừng nào tin anh, chị nói:

— Anh hăng hái muốn tham gia chiến đấu như thế thì sao khi tới Paris, không xin gia nhập một trung đoàn? Chỉ cần mời viên đội nào đó một bữa nhậu là xong.

Chị quản ngục còn khuyên bảo thêm nhiều điều bổ ích cho cách xử sự tương lai, và cuối cùng khi trời hửng sáng thì tiễn biệt anh sau khi bắt anh thề hàng trăm lần là dù đến bước nào, cũng đừng tiết lộ tên chị.

Fabrice ra đi hiên ngang, gươm kỵ binh cắp nách, nhưng vừa ra khỏi thị trấn, anh đâm ra băn khoăn. Anh tự bảo: "Thế này là ta mang quần áo và giấy hành trình của một kỵ binh chết trong ngục, mà hắn vào ngục là vì lấy trộm một con bò cái và mấy bộ đồ ăn bằng bạc! Như thế là ta kế thừa chân thân hắn... tuy không muốn, mà cũng không hay biết một tí gì trước! Coi chừng nhà ngục!... Điềm báo đã rõ ràng, ắt là ta phải chịu nhiều đau khổ về cảnh lao tù".

Chia tay với nữ ân nhân chưa được một tiếng đồng hồ thì trời bắt đầu đổ mưa, mưa to đến nỗi người lính kỵ đó không đi được vì lúng túng với đôi ủng thô kệch không phải đóng đế cho anh. Gặp một nông dân cưỡi con ngựa khổ, anh ra hiệu hỏi mua, chị quản lao đã dặn nói càng ít càng hay, vì giọng của anh khác lạ. Ngày hôm đó quân đội vừa thắng ở Ligny xong, đang kéo ùn ùn đến Bruxelles, trận Waterloo sắp diễn ra. Vào trưa, mưa rào vẫn không ngắt, Fabrice nghe thấy tiếng đại bác. Niềm vui sướng này làm quên hẵn những giờ phút tuyệt vọng ghê gớm gây nên bởi việc giam cầm oan uổng. Anh đi một mạch đến khuya, rồi vì đã bắt đầu biết khôn chút đỉnh, anh vào xin ngủ trọ ở nhà một nông dân cách khá xa đường cái. Người nông dân ấy khóc và bảo người ta đã lấy hết của y, Fabrice cho y một đồng écu [\[32\]](#), cho nên y tìm ra lúa mạch.

“Con ngựa ta chẳng đẹp đẽ gì, tuy nhiên cũng có thể có tay thượng sĩ nào đó lấy làm vừa ý”. Anh tự nhủ thế rồi đến chuồng ngựa ngủ ngay bên cạnh ngựa.

Hôm sau, một giờ trước khi trời sáng tỏ, Fabrice đã lên đường và con ngựa được mơn trớn vuốt ve đã chịu đi nước kiệu.

Vào khoảng năm giờ, Fabrice nghe tiếng đại bác nổ. Đây là tiếng pháo mở màn trận Waterloo.

CHƯƠNG III

Rồi Fabrice gặp những chị bán căng tin đi theo quân đội và lòng biết ơn vô hạn của anh đối với chị quản ngục thành B xui anh gọi chuyện với họ. Anh hướng vào một chị, hỏi trung đoàn 4, cái trung đoàn của anh ấy, hiện ở đâu.

— Chú đừng có vội vã đến như vậy thì tốt hơn, chú lính nhỏ của tôi ạ! Chị bán căng tin nói xúc động vì gương mặt trắng và đôi mắt đẹp của Fabrice, cổ tay chú chưa đủ khỏe để đánh đổ những nhát gươm ngày hôm nay đâu. Nếu chú có một khẩu súng thì chẳng nói làm gì, chú có thể nhả đạn ra như bất cứ đứa nào.

Lời khuyên ấy không làm vừa lòng Fabrice; nhưng thúc ngựa thế nào, anh cũng không đi nhanh hơn chị bán căng tin được. Từng lúc, tiếng đại bác nghe như nhích lại gần hơn và không cho họ nghe tiếng nói của nhau, Fabrice phấn khởi và sung sướng quá đã bắt chuyện lại. Mỗi lời nói của chị bán căng tin càng làm cho anh nhận rõ hạnh phúc của mình, càng tăng niềm vui sướng. Rốt cuộc, anh nói hết với người phụ nữ có vẻ tốt bụng đó, chỉ chừa tên thật của anh và việc vượt ngục mà thôi. Chị rất ngạc nhiên và không hiểu gì hết về những điều anh lính trẻ xinh trai ấy kể lể.

Cuối cùng, với vẻ đắc thắng, chị hét:

— Ta đã biết tổng rồi. Anh là một thanh niên tư sản mê mụ vợ của một đại úy nào đó trong trung đoàn 4 kỵ binh. Nhân tình của anh đã tặng anh bộ quân phục anh đang mặc, và anh chạy theo ả. Thật rõ ràng, rõ như có Chúa trên cao kia vậy, rõ là anh chưa hề làm lính. Tuy vậy vì anh là một chàng trai biết điều cho nên trung đoàn của anh ra trận, anh cũng phải có mặt, để khỏi mang tiếng là một tên khiếp nhược”.

Fabrice ừ tất, đó là cách duy nhất để nhận những lời khuyên bổ ích. ”Ta mù tịt về cách làm của người Pháp, chàng tự nhủ, cho nên nếu không có người hướng dẫn thì ta sẽ bị ném vào tù lần nữa, và mất ngựa như chơi!”.

Chị bán căng tin càng trở nên thân thiết hơn với Fabrice. Chị nói:

— Trước hết chú nhỏ phải nhận là chú chưa đến hăm mốt tuổi. Dù cho có tính tặn cùng năm tháng, bất quá chú cũng chỉ đến mười bảy thôi”.

— Đúng như vậy và Fabrice ngoan ngoãn xin chịu.

— Như vậy, chú cũng chưa phải là tân binh nữa! Anh đem xương cho người ta giần chỉ vì đôi mắt đẹp của bà đại úy kia mà thôi. Chao, bà ta cũng dễ tính đấy nhỉ! Nếu chú còn một ít cái thứ vàng vàng mà bà ấy trao thì việc đầu tiên cần làm là phải mua một con ngựa khác. Hãy xem con ngựa khổ của chú kia nó vểnh tai khi nghe tiếng đại bác nổ hơi gan. Ngựa này là ngựa nhà quê, nó sẽ làm chết chú khi ra trận. Làn khói trắng chú thấy đằng xa kia, ở trên cao, là những loạt súng trường đó, chú nhỏ ạ. Chú phải soạn sửa mà run đi, run ra trò khi nghe đạn rú. Tôi khuyên chú hãy ăn chút đỉnh gì khi còn có thì giờ.

Fabrice nghe theo lời khuyên ấy và đưa ra một đồng Napoléon, bảo chị hàng tính mà lấy.

— Trông chú mà thương hại! chị ta kêu - Một chú nhỏ tội nghiệp đến tiêu tiền cũng không biết cách! Chú đáng cho ta cầm luôn đồng vàng của chú rồi xua con Cocotte của ta sải nước kiêu lớn, con ngựa khổ kia đuổi cóc gì kịp! Ta bỏ chạy thì chú làm gì nào, hở ngốc? Phải biết rằng khi thằng cục đồ găm thì không bao giờ nên đưa vàng ra. Đây! Chị nói tiếp - đây mười tám Francs năm mươi cinquante, vì bữa ăn của chú phải trả một francs năm mươi. Bây giờ thì chúng tôi sắp có ngựa để bán lại đấy, nếu con vật bé nhỏ, chú trả mười Francs, và không bao giờ được ngã giá ngoài hai mươi Francs, dù gặp ngựa của bốn công tử Aymon[\[33\]](#) cũng thế”.

Fabrice ăn điểm tâm xong, chị bán hàng căng tin vẫn không ngớt mồm nói chuyện. Một người đàn bà vượt dòng lên đường ngắt lời chị:

— Ê này! Người đó hét lên gọi chị. - Đây Margot, đoàn 6 khinh binh của chị đóng ở bên phải đó.

— Ta phải rời chú, chú nhỏ ạ, chị hàng căng tin nói. Nói cho đúng, trông chú mà thương hại! Ta lại mến chú, mẹ kiếp! Chú chả biết cái gì ra cái gì, chúng sẽ thịt chú mất, đúng như Chúa trời là Chúa trời vậy! Đi đến đoàn 6 khinh binh với ta thôi, đi đi.

— Tôi cũng thấy là tôi ngu lắm, chẳng biết gì. Fabrice nói. - Nhưng tôi muốn chiến đấu và nhất định tôi phải đi đến đó, đến chỗ có làn khói trắng ấy.

— Cui con ngựa của chú nó vẩy tai kia kìa. Đến đó thì dù nó yếu đuối bao nhiêu, chú cũng không khiến được nó, nó sẽ phi nước đại, và nó đưa chú đến đâu thì chỉ có trời biết mà thôi. Chú có chịu nghe lời tôi không đã? Đây, khi chú đến giữa bọn lính nhỏ, chú nhặt ngay một khẩu súng và một túi dết, đến đứng bên cạnh những chú lính đó, rồi chú làm như họ, y như họ. Nhưng mà, lạ Chúa! Tôi đánh cuộc là đến cả xé một vỏ đạn chú cũng không biết cách làm nữa.

Fabrice rất tự ái, nhưng cũng phải thú nhận với người bạn gái mới mẻ kia là chị ta đoán đúng.

— Tội nghiệp thằng oắt! Hắn sẽ bị giết ngay. Đúng như vậy thôi, không phải chờ năm lần, bảy lượt gì đâu. Chị lấy giọng kẻ cả phàn. Nhất thiết chú phải đi với tôi.

— Nhưng tôi muốn chiến đấu.

— Chú cũng sẽ được chiến đấu. Chao ôi! Đoàn 6 khinh binh là một đơn vị lừng danh đấy, mà hôm nay thì ai lại không có phần!

— Thế nhưng đã sắp đến trung đoàn của chị chưa?

— Mười lăm phút nữa là cùng.

Fabrice tự bảo mình được chị bạn đôn hậu này đỡ đầu thì chẳng lo gì người ta cho mình là gián điệp do việc mình ngu dốt chẳng biết gì, và mình sẽ được chiến đấu. Lúc bấy giờ, tiếng đại bác gầm thét gấp bội, phát này liền với phát kia, “như một chuỗi hạt”, Fabrice nói.

— Người ta bắt đầu phân biệt được những loạt súng bộ binh, chị bán căng tin nói và quất con ngựa một roi, con ngựa nhỏ đang có vẻ hăng lên vì nghe tiếng súng.

Chị rẽ bên phải, đi vào một con đường nhánh đâm ngang qua đồng cỏ. Bùn sâu đến ba tấc, chiếc xe chở nhỏ suýt nằm lại đó. Fabrice bắt bánh xe. Ngựa anh quỵ hai lần. Rồi thì con đường bớt đầm nước và chỉ như một lối mòn trên cỏ. Đi chưa đầy năm trăm bước, con ngựa của Fabrice bỗng nhiên dừng hẳn lại. Một xác chết nằm ngang lối đi, khiến cho cả con ngựa lẫn người cưỡi kinh tởm.

Mặt Fabrice bình thường xanh trắng thì nay trở nên xanh lục. Chị bán căng tin, sau khi nhìn xác chết, nói như tự nói với mình:

— Ngủ này không ở sư đoàn ta.

Xong, ngẩng nhìn chàng anh hùng của chúng ta, chị bật cười:

— Ha! ha! chú nhỏ ơi! Chị hét - Cui ngon chưa kìa!

Fabrice thấy người lạnh như giá. Điều đập vào đầu óc anh mạnh nhất là hai bàn chân dơ bẩn

quá chừng của cái xác chết đã bị tước giày và tước hết mọi thứ, chỉ còn cái quần xấu xí loang lổ vết máu. Chị hàng nói:

— Xuống đi, xuống ngựa đi. Chú phải làm quen với những cái này.Ồ! Nó bị ở đầu.

Một viên đạn rúc vào bên cạnh mũi, thoát ra ở thái dương bên kia, đã khiến cho mặt nó méo mó một cách gớm guốc và một con mắt cứ mở thao láo.

— Xuống ngựa đi chứ. Chú bạn nhỏ! Và bắt tay hấn một cái xem hấn có bắt lại không nào.

Không ngần ngại mặc dù như sắp trút linh hồn. Fabrice nhảy xuống ngựa, cầm tay xác chết lắc mạnh. Rồi anh đứng sững sờ như chết, anh cảm thấy không còn đủ sức lên ngựa lại. Điều làm anh ghê rợn nhất là con mắt mở thao láo đó.

Anh cay đắng nghĩ: “Chị căng tin sẽ cho mình là một đứa hèn nhát”. Nhưng anh cảm thấy anh vẫn không thể cử động được, cử động sẽ ngã luôn. Giây phút thật kinh khủng Fabrice xuất ngất đi thực sự. Chị căng tin nhận thấy thế bèn lẹ làng nhảy khỏi xe và không nói gì, đưa vào cho anh một cốc rượu mạnh mà anh cầm uống cạn một hơi. Anh lại lên ngựa và tiếp tục đi, không nói một tiếng. Thỉnh thoảng chị căng tin liếc mắt trông anh. Cuối cùng chị nói:

— Đến ngày mai chú hãy đánh nhau. Hôm nay chú phải ở cạnh chị mới được. Chú đã thấy là chú cần phải học nghề lính rồi mà.

— Trái lại tôi muốn được chiến đấu ngay!

Fabrice kêu lên như vậy với vẻ mặt u uất, mà chị căng tin coi như một dấu hiệu tốt. Tiếng đại bác nhạt hơn và hình như dịch lại gần. Nó bắt đầu tạo nên như là cái phần trầm liên tục trong một cuộc hòa tấu, tiếng này tiếp liền tiếng kia không có khoảng cách nào và trên phần trầm tấu liên miên nghe như tiếng suối xa ấy, người ta phân biệt tiếng súng trường bắn từng loạt.

Đến lúc ấy, con đường luồn vào một lùm cây rừng. Chị bán hàng căng tin thấy ba bốn người lính cánh mình chạy hết sức nhanh về phía chị. Nhanh nhen, chị nhảy xuống và chạy trốn ở cách đường mười lăm hai mươi bước, nấp vào hố một gốc cây lớn mới đào. “Nào, ta thử xem ta có phải là đứa hèn nhát hay không chứ!” Fabrice tự nhủ. Anh dừng lại bên chiếc xe chị căng tin bỏ trống và rút gươm chờ. Bọn lính không để ý tới anh, cứ chạy dọc theo khu rừng, về phía bên trái con đường.

Chị căng tin trở về xe, vừa thở vừa nói một cách bình tĩnh:

— Lính bên mình đấy... Nếu con ngựa của anh tể được thì anh hãy chạy lên phía trước, đi hết khu rừng thử xem có ai trên đồng bằng không.

Không đợi bảo lần thứ hai, Fabrice bẻ một cành cây, tuốt hết lá, dang thẳng cánh quạt ngựa. Con ngựa khố tể lên một đoạn rồi trở lại với nước kiệu nhỏ quen thuộc. Chị hàng cho ngựa mình phi lên và thét bảo Fabrice.

— Thôi, dừng lại chứ, dừng lại!

Lát sau cả hai ra khỏi khu rừng. Đến mép đồng họ nghe tiếng ồn ào dữ dội, đại bác, súng trường nổ tứ phía, bên phải, bên trái, đằng sau. Lùm cây họ vừa ra khỏi mọc trên một mô đất cao hai ba thước, cho nên họ nhìn thấy khá rõ một góc chiến trường. Tuy nhiên không có ai cả trên đồng cỏ tiếp giáp khu rừng. Một hàng dài cây liễu dày và rậm rạp viền cánh đồng cỏ về phía bên kia, cách chỗ họ khoảng một nghìn bước. Một làn khói trắng lơ lửng trên hàng cây liễu, thỉnh thoảng lại cuốn lên trời. Chị căng tin lúng túng:

— Đố mà biết trung đoàn nào ở chỗ nào! Không nên vượt thẳng qua đồng cỏ. Nhân thể chú

em này - Chị nói với Fabrice - nếu chú gặp một lính địch, chú hãy thích nó với mũi gươm, chớ chém sả đấy nhé!

Lúc đó chị hàng trông thấy bốn tên lính chúng ta đã nói đến, chúng từ khu rừng chui ra đồng, về phía trái con đường. Một tên cưỡi ngựa.

— Chú em trúng tử rồi đấy, chị nói với Fabrice.

— Ê! này này! - Chị hét lên bảo tên cưỡi ngựa - hãy đến đây uống một cú rượu đã.

Bọn lính đến gần.

— Đoàn 6 khinh binh ở đâu?

— Đằng kia kìa, đi chừng năm phút thì tới, ở trước con sông đào dọc hàng liễu. Đại tá Macon vừa tử trận ở đó.

— Anh có muốn bán con ngựa kia năm Francs không?

— Năm Francs! Mẹ non đùa khá đấy, mẹ non ạ. Năm francs một con ngựa sĩ quan mà chỉ mười lăm phút nữa thôi, đây sẽ bán năm đồng Napoléon!

— Đưa đây một đồng Napoléon - Chị nói với Fabrice. Rồi lại bên tên lính cưỡi ngựa, chị bảo:

— Xuống ngay! Đồng Napoléon của anh đây.

Người lính xuống ngựa, Fabrice vui vẻ lên yên. Chị căng tin mở cái túi kỵ binh nhỏ trên lưng con ngựa cũ. Chị thét bảo bọn lính: - Giúp ta một tay đi chú, các chú kia! Thấy một phụ nữ vất vả, các chú cứ điềm nhiên đứng ngó như vậy à? Cái túi kỵ binh vừa chạm lưng, thì con ngựa mới tậu lông lên, khiến Fabrice, vốn là tay cưỡi ngựa cừ khôi, phải dùng hết sức mình mới ghìm nó được.

— Dấu hiệu tốt đó! Chị căng tin nói - anh ta chưa quen với cái túi đồ, nó cù anh ta.

Anh lính bán ngựa kêu:

— Một con ngựa nhà tướng đó! Đáng giá mười đồng Napoléon như chơi.

— Hai mươi francs đây này! Fabrice nói. Anh vui mừng khôn xiết khi cảm thấy có một con ngựa hăng dưới đùi mình.

Lúc bấy giờ, có một viên đạn đại bác bắn trúng hàng liễu, trúng theo chiều dọc, và Fabrice được nhìn thấy quang cảnh lạ mắt những cành con bay ra bốn hướng như vừa bị lưỡi hái quét qua. Người lính nói: “Ài chà! Thằng cục tiến đến gần đó!” Và hấn cầm tiền. Bấy giờ khoảng hai giờ.

Fabrice hãy còn ngây ngất với cảnh lạ vừa được xem, thì có một đoàn tướng kéo theo vài mươi kỵ binh phi ngựa qua góc cánh đồng cỏ rộng có Fabrice đứng ngoài biên. Ngựa chàng hí lên, lồng hai ba bận và giật giật mạnh dây cương. Fabrice nói: “Đã vậy thì, nào!”.

Con ngựa được buông cương phi vun vút lên, nhập vào đoàn tùy tùng của các vị tướng. Fabrice đếm được bốn cái mũ có viền. Mười lăm phút sau, nhờ anh kỵ binh đi bên chàng nói mấy tiếng, Fabrice biết là một trong các vị tướng đó là thống chế Ney^[34] nổi tiếng. Chàng cảm thấy tràn trề hạnh phúc, tuy nhiên chàng không đoán ra tướng nào là thống chế Ney chàng có thể đánh đổi bất cứ thứ gì để biết điều đó, nhưng chàng nhớ là không nên lên tiếng.

Đoàn người ngựa dừng lại để đi qua một hào rộng đầy nước do cơn mưa hôm qua. Dọc hào

có hàng cây to, đến hào là hết cánh đồng cỏ về phía trái, cánh đồng cỏ mà Fabrice vừa tới là mua được ngựa. Hầu hết đoàn kỵ binh xuống ngựa. Bờ cao rất dốc và trơn, nước trong hào thì ở cách dưới mặt đất hơn một mét. Fabrice vui sướng quá sinh dâng trí và nghĩ đến thống chế Ney, đến vinh quang nhiều hơn con ngựa, con ngựa thì lại háo hức, thích chạy nhảy, cho nên con ngựa đã nhảy ào xuống hào, làm nước bắn tung tóe lên rất cao. Một vị tướng bị ướt từ đầu đến chân la hét và văng tục: “Mẹ kiếp con lợn chết vằm kia!” Fabrice cảm thấy nhục hết sức vì lời mắng đó. Anh tự hỏi: “Mình có thể đòi đầu đền danh dự không nhỉ?” Trong khi chờ đợi, để chứng tỏ mình không đến nỗi quá vụng về như thế, anh chàng định cho ngựa leo lên bờ hào đối diện, nhưng bờ dốc quá và cao dễ đến thước rưỡi, hai thước, đành phải bỏ ý định ấy. Thế là anh cho ngựa lội ngược dòng, nước ngập gần đến đầu ngựa, và cuối cùng tìm được một bến uống nước của súc vật. Nhờ dốc ở đấy dịu đi, anh dễ dàng leo lên phía đồng cỏ ở bên kia rãnh nước. Là người đầu tiên lên bờ, anh kiêu hãnh cho ngựa đi bước kiệu dọc theo bờ hào, ở dưới thì bọn kỵ binh đang loay hoay bởi vì ở nhiều quãng nước sâu đến hơn thước rưỡi. Hai ba con ngựa đắm sợt, muốn bơi, gây nên cảnh bì bõm khủng khiếp. Một viên đội nhìn thấy cách xử trí của chú oắt con ít có vẻ lính tráng đó. Y kêu to:

— Đi ngược dòng thôi! Có bến nước ở phía trái đấy!

Lần lượt họ sang bờ được hết.

Trước đây lúc lên được bờ này, Fabrice thấy chỉ có các tướng ở đấy mà thôi. Tiếng đại bác nổ càng dày hơn. Khó khăn lắm anh mới nghe được tiếng nói của vị tướng bị anh tắm nước thét vào tai:

— Mà bắt con ngựa đó ở đâu vậy?

Fabrice cuống quá, trả lời bằng tiếng Ý;

— L'ho Còmeprato poco fa. (Tôi vừa mới mua tức thời).

— Mà nói gì? Vị tướng hét.

Nhưng Fabrice không trả lời được vì tiếng ồn ào bây giờ tăng lên dữ dội quá. Chúng ta phải thừa nhận rằng lúc đó người anh hùng của chúng ta chẳng mấy anh hùng. Tuy vậy, trong tâm trạng anh, lòng khiếp sợ chỉ đứng hàng thứ hai mà thôi, trước hết anh bức bối vì tiếng động làm đau tai nhức óc. Đoàn người ngựa lại phi nước đại, họ vượt qua một cánh đồng lớn vừa cày xong, rải rác nhiều xác người.

Bọn lính kỵ vui mừng hét lên: “Lũ áo đỏ! Lũ áo đỏ!”.

Lúc đầu Fabrice không hiểu. Cuối cùng anh để ý thấy quả nhiên hầu hết những xác đó mặc áo quần đỏ. Một điều khiến anh rung mình kinh tởm, nhiều người trong số áo đỏ bất hạnh đó hãy còn sống, họ kêu la, ý hẳn để cầu cứu mà không ai dừng lại cứu giúp họ cả, vốn rất từ tâm, anh hết sức khó nhọc giữ cho con ngựa không giẫm lên một tên áo đỏ nào. Đoàn người ngựa dừng lại trong khi Fabrice cứ phi lên, mắt đăm đăm nhìn một thương binh khốn khổ, chứ không quan tâm mấy đến bốn phận quân nhân của mình.

— Mà có đứng lại không oắt con? Viên đội kỵ binh thét. Lúc ấy Fabrice mới nhận thấy mình đã vượt lên trước các vị tướng hai mươi bước về phía bên phải, ngay hướng họ đang nhìn qua ống nhòm. Khi lui ngựa lại đứng sau các kỵ binh khác, anh thấy vị tướng to nhất đám đang nói chuyện với một vị khác cũng là tướng cách oai vệ, có thể nói gần như quả trách, ông ta văng tục. Fabrice không thể cưỡng được tính tò mò và bất chấp lời khuyên giữ mồm giữ miệng của chị bạn quản ngục, anh luyến một câu rất Pháp, rất đúng văn phạm, để nói với người kỵ binh bên cạnh:

— Vị tướng chỉ trích vị bên cạnh mình là ai vậy?

— Dào ôi! Đó là thống chế.

— Thống chế nào?

— Thống chế Ney, ngốc ạ! Ô hay! Lâu nay chú mày đánh đấm ở đâu vậy?

Fabrice không nghĩ đến việc giận dữ người mắng mình, mặc dù tính anh rất tự ái. Như chìm đắm trong sự thần phục ngây thơ của tuổi nhỏ, anh ngắm nhìn vị vương tước Moskova lưng danh, người dũng cảm trong những kẻ dũng cảm ấy.

Đột nhiên cả đoàn phi ngựa đi. Lát sau Fabrice nhìn thấy ở cách hai mươi bước về phía trước, một đám đất cày được xáo lật lên một cách kỳ lạ. Rãnh này xấp nước và đất ẩm ướt trên đầu luống nay lên tới tả thành những mảnh nhỏ ở độ cao quãng một thước hay hơn. Fabrice nhận nhìn lướt qua điều lạ đó rồi lại nghĩ về vị thống chế quang vinh. Bỗng anh nghe một tiếng đánh gọn ở bên mình, đó là tiếng hai kỵ binh ngã ngựa vì trúng đạn đại bác. Khi anh nhìn họ, thì họ đã bị đoàn bỏ lại sau cách vài mươi bước. Điều khiến anh kinh tởm là một con ngựa máu me đang giãy giụa trên đất cày, chân vướng vào chính ruột mình, nó muốn chạy theo các con khác, máu nó chảy trên bùn.

“Chao ôi! Thế là mình ra trận rồi đây. Anh tự bảo - Ta đã thấy lửa đạn thực sự! Anh đặc ý lặp lại - Bây giờ ta mới đúng là một quân nhân”. Lúc ấy, đoàn người ngựa phi nước đại và vị anh hùng của chúng ta hiểu là chính đạn đại bác đã làm cho đất bay vung tứ phía. Anh hoài công nhìn về phía đạn Pháp bắn tới, anh chỉ thấy làn khói trắng của khẩu đội bốc lên ở khoảng cách rất xa giữa tiếng rền đều đều và liên miên của đại bác, anh nghe thấy như có tiếng súng bắn gần hơn nhiều. Anh chịu, chẳng hiểu gì cả. Lúc bấy giờ, các tướng và đoàn tùy tùng đi xuống một con đường nhỏ đầy nước, thấp hơn mặt đồng một thước rưỡi.

Thống chế dừng lại và một lần nữa, đưa ống nhòm lên mắt. Lần này Fabrice được ngắm ông tha hồ. Anh thấy ông ta tóc vàng, rất vàng, da mặt đỏ. “Ở Ý không có gương mặt kiểu ấy” anh tự bảo. Rồi rầu rầu, anh nghĩ thêm: “Như mình, da xanh trắng quá và tóc hung hung, chẳng bao giờ mình được như thế”. Đối với anh, những lời ấy có nghĩa là: Chẳng bao giờ mình được là một anh hùng! Anh nhìn bọn lính kỵ tất cả đều có râu mép vàng, trừ một người.

Fabrice nhìn bọn lính kỵ, thì bọn lính kỵ cũng nhìn anh. Anh thấy xấu hổ và muốn khởi then, anh quay đầu về phía quân địch. Đó là những hàng dài những người mặc áo đỏ, tuy nhiên điều đó không lạ, cái lạ là trông họ quá bé nhỏ. Những dây dài đó, vốn là những trung đoàn hoặc sư đoàn, trông không cao hơn những hàng rào. Một hàng kỵ binh đó cho ngựa đi nước kiệu để dịch lại gần con đường thấp mà thống chế và đoàn tùy tùng vừa men theo từng bước, chân ngựa giậm giập trong bùn. Khói che không cho thấy gì về hướng đó đang đi tới, một đôi khi cho thấy có những người từ trong làn khói phi ngựa hiện ra.

Thình lình Fabrice thấy từ phía địch bốn người phi ngựa như bay tới. “Ái chà! Chúng ta bị tấn công rồi!” anh tự bảo. Rồi thấy có hai trong bốn người đó nói chuyện với thống chế. Một tướng trong đoàn của thống chế cùng với hai kỵ binh tùy tùng và bốn người vừa mới đến phi ngựa về phía địch. Qua khỏi một kênh nhỏ, Fabrice thấy mình đi cạnh một viên đội có vẻ dễ nói. Anh nghĩ thầm: “Mình phải chuyện trò với anh này, như thế có lẽ chúng sẽ hết ngắm nhìn mình”. Anh nghĩ ngợi lâu lắm, cuối cùng mới lên tiếng:

— Thưa ông, lần này là lần đầu tiên tôi dự trận, nhưng đây có phải là một trận đánh thật sự không?

— Hơi hơi như thế. Nhưng anh, anh là ai chứ?

— Tôi là em vợ một đại úy.

— Đại úy ấy tên gì?

Người anh hùng của chúng ta bí quá, anh không dự kiến câu hỏi đó. May thay, thống chế và đoàn người ngựa lại phi đi. “Mình phải nói cái tên nào cho đúng tên là người Pháp đây nhỉ?” anh tự hỏi. Mãi anh mới nhớ cái người chủ khách sạn anh trọ ở Paris, anh cho ngựa chạy lại gần ngựa viên đội và lấy hết gân cổ hét: “Đại úy Meunier!”

Viên đội nghe không rõ vì tiếng pháo rền vang, đáp: “À! Đại úy Teulier à? Thế thì ông ấy hy sinh rồi”. “Hay lắm! Fabrice thầm nói. Đại úy Teulier, mình phải làm mặt rầu rĩ mới xong!” Anh kêu “Ồ! Trời ơi!” Và anh làm ra mặt thiếu não.

Đoàn đã ra khỏi con đường thấp và đang đi qua một đám ruộng cỏ hẹp, họ phi cháy đất vì đạn đại bác lại bay tới, thống chế định đi tới một sư đoàn kỵ binh. Đoàn người ngựa đi giữa những xác chết và những người bị thương. Nhưng cảnh tượng này đã không gây xúc động mạnh cho Fabrice như trước nữa, anh có việc khác phải suy nghĩ.

Trong khi đoàn dừng lại, Fabrice nhìn thấy cỗ xe nhỏ của một chị bán căng tin, lòng trĩu mến đối với nghiệp phường đáng kính đó át tất cả, anh phóng ngựa đuổi theo.

— Trở lại đây, con bò kia! Viên đội hét.

“Hắn làm gì được ta ở đây chứ?” Fabrice nghĩ thầm và cứ phi ngựa đến chỗ chị bán hàng. Vừa thúc ngựa, anh vừa có ít nhiều hy vọng chị này là chị tốt bụng lúc ban sáng. Nhưng ngựa và xe thì giống nhau lắm, mà chủ xe thì khác, chị này, anh thấy có vẻ là một người ác. Khi đến tiếp xúc với chị, Fabrice nghe chị nói: “Tiếc là hắn đẹp trai quá đi chứ!”. Một cảnh tượng ghê rợn đang chờ đón anh lính mới, người ta cưa chân cho một anh lính giáp kỵ, một thanh niên cao lớn, đẹp đẽ. Fabrice nhắm mắt lại và uống liền bốn cốc rượu mạnh.

— Cái anh còi này tợn gớm! Chị bán hàng kêu.

Rượu mạnh khiến Fabrice sáng ý. “Ta phải mua chuộc cảm tình của những anh bạn kỵ binh trong đoàn mới được!”

Anh bảo chị bán hàng:

— Chị để nốt cho tôi chỗ rượu còn lại.

— Nhưng anh có biết rằng cái chỗ còn lại đó đáng giá mười francs một ngày như hôm nay không?

Khi Fabrice phi ngựa trở về với đoàn, viên đội nói:

— À! Anh mang chất cay về cho bọn tớ đấy à? Ra anh đào ngũ vì thế! Đưa xem!

Chai rượu chuyền tay. Anh lính cuối cùng dốc chai uống xong, tung nó lên trời và thét: “Cảm ơn anh bạn!”

Cả bọn nhìn anh ân cần. Những cái nhìn đó như cật gánh nặng nghìn cân trên ngực Fabrice, tim anh thuộc loại tinh chế, cần có cảm tình của xung quanh. Thế là những bạn đồng ngũ không ác cảm với anh nữa, giữa họ với anh đã có mối liên lạc! Fabrice thở phào khoan khoái, rồi giọng tự nhiên thoải mái, anh hỏi viên đội:

— Đại úy Teulier đã chết, vậy thì tôi có thể gặp chị tôi ở đây? Nói rõ được Teulier hay cho Meunier, Fabrice tưởng mình là một Machiavel nhỏ [\[35\]](#).

— Điều đó tối nay anh sẽ biết, viên đội đáp.

Đoàn người ngựa lại đi, để đến một số sư đoàn kỵ binh. Fabrice thấy mình đã say hẩn. Anh uống quá nhiều, nên hơi lảo đảo trên yên ngựa. Rất đúng lúc, anh nhớ lại một câu người đánh xe của mẹ anh thường nói: Khi mình đã quá chén thì mình phải nhìn thẳng giữa hai tai ngựa và cứ thấy người bên cạnh làm gì thì làm nấy.

Thống chế dừng lại khá lâu ở nhiều binh đoàn lính kỵ và ra lệnh cho họ tấn công. Nhưng trong khoảng một hay hai tiếng đồng hồ gì đó, Fabrice chẳng hay biết gì về những sự việc xảy ra quanh mình. Anh thấy quá mệt mỏi, mỗi khi con ngựa nhẩy một cái thì anh rơi phịch xuống yên như một cục chì.

Thình lình anh nghe tiếng viên đội thét bảo lính:

— Tụi bay không thấy Hoàng đế sao, hử đồ lợn?

Tức khắc đoàn tùy tùng hét xé tai: “Hoàng đế vạn tuế!” Ai cũng đoán tất Fabrice phải chống con mắt mà nhìn. Nhưng anh chỉ thấy mấy vị tướng phi ngựa, cũng có một đoàn lính hộ vệ đi theo. Những bờm dài lông thông mà bọn long kỵ binh đeo trên mũ không để cho anh nhận thấy các gương mặt. “Thế là ta không được chiêm ngưỡng hoàng đế trên chiến trường, do những cốc rượu mạnh chết tiệt kia!”. Ý nghĩ ấy làm anh tỉnh hẩn người lại.

Đoàn lại đi xuống một con đường đầy nước, ngựa muốn uống nước. Fabrice hỏi người đi bên cạnh:

— Hoàng đế có đi qua đây thật sao?

— Ấy! Sao không thật! Người mặc áo không thêu đó. Làm sao mà anh lại không trông thấy nhỉ? Người đồng đội ân cần trả lời. Fabrice rất muốn chạy theo đoàn hộ giả hoàng đế và nhập bọn với họ. Được thực sự chiến đấu đằng sau vị anh hùng đó thì hạnh phúc biết bao nhiêu! Anh sang Pháp cũng chỉ với mục đích kia”. Ta có toàn quyền làm việc đó - Anh tự nhủ. Bởi vì ta không có lý do gì để làm cái việc ta làm hiện nay ngoài ý muốn của con ngựa ta nó cứ việc phi lên để đi theo các vị tướng ấy”. Nhưng Fabrice quyết định ở lại vì những kỵ binh, bạn đồng đội mới của anh đối với anh có vẻ tử tế, anh bắt đầu cho mình là bạn thiết cốt của những người lính phóng ngựa bên cạnh anh từ mấy tiếng đồng hồ nay. Anh thấy giữa họ và anh có cái tình bạn cao quý như giữa các nhân vật của Tasse và Arioste^[36]. Nếu anh gia nhập đoàn hộ vệ hoàng đế, thì phải có một phen làm quen lại, cũng có lẽ họ không ưa anh, vì họ là long kỵ binh, còn anh mặc quân phục khinh kỵ binh như tất cả những ai hộ vệ thống chế. Cái cách bạn đồng đội nhìn anh bây giờ đây khiến cho anh cảm thấy vô cùng hạnh phúc, có gì khó nhất trên đời mà có thể làm cho các bạn, Fabrice cũng làm ngay! Tâm trí anh đang bay lượn trên mây. Anh thấy gì cũng thay đổi kể từ khi anh có bạn hữu. Có những câu hỏi cháy bỏng trong lòng, nhưng “ta còn hãy say rượu, ta phải nhớ lời dặn dò của chị quản lao”. Đi ra khỏi con đường trũng, anh nhận thấy đoàn hộ vệ không đi theo thống chế nữa. Vị tướng mà họ hộ vệ lúc này người cao lớn, mảnh mai, gương mặt không tình cảm, mắt dữ tợn.

Vị tướng ấy chẳng ai khác là bá tước A, tức trung úy Robert của ngày 15 tháng 5 năm 1796 xưa. Giá ông ta được thấy Fabrice Del Dongo, thì ông ta vui sướng biết chừng nào!

Đã từ lâu Fabrice không thấy đạn đại bác bắn tung đất lên thành từng mảnh đen nhỏ nữa. Đoàn đi đến phía sau một trung đoàn lính giáp kỵ, anh nghe rõ tiếng đạn súng trường đập vào áo giáp và nhìn thấy nhiều người ngã ngựa.

Mặt trời xuống rất thấp và sắp lặn khi đoàn người ngựa ra khỏi con đường trũng và leo lên một dốc nhỏ cao hơn thước để đi vào một đám đất cày ải. Fabrice nghe một tiếng lạ bên cạnh mình, anh quay đầu thấy bọn người đã ngã cùng với ngựa của họ.

Cả vị tướng cũng ngã nhưng ông đã đứng lên, mình đầy máu me. Fabrice nhìn mấy kỵ binh nằm dưới đất mà hãy còn giãy đành đạch mấy cái, người thứ tư hét: “Kéo tao ra với chứ!”.

Viên đội cùng hai ba người xuống ngựa để giúp vị tướng, ông ta tựa lên vai viên sĩ quan phụ tá, gồng bước mấy bước. Ông cố lánh xa con ngựa vì nó nằm giãy giụa dưới đất và đá chân một cách điên cuồng.

Viên đội tiến lại gần Fabrice. Lúc bấy giờ vị anh hùng của chúng ta nghe có tiếng nói ở đằng sau, gần sát bên tai: “Chỉ có con ngựa này còn phi lên được”.

Fabrice cảm thấy người ta nắm chân mình, họ nhắc chân anh đồng thời luồn tay qua nách mà nâng người anh lên, họ đưa anh lướt qua trên mông ngựa, rồi thả anh rơi ngã ngổ dưới đất.

Viên phụ tá nắm cương ngựa của Fabrice, nhờ có viên đội giúp, vị tướng lên ngựa và phóng đi ngay. Sáu kỵ binh còn lại cũng vội vã phi theo. Fabrice điên tiết đứng lên rồi vừa chạy đuổi theo họ vừa hét: *Ladri! Ladri* (trộm, trộm). Giữa chiến trường mà đuổi theo kẻ trộm thì cũng thật buồn cười.

Vị tướng, bá tước A, cùng với đoàn hộ vệ trong chốc lát đã khuất sau một rừng liễu. Giận sôi máu, Fabrice cũng đến bên rừng liễu ấy, và gặp ngay một con kênh đào sâu mà anh vượt qua. Đến bờ bên kia, anh lại trông thấy vị tướng và đoàn hộ vệ nhưng cách rất xa, anh chửi toáng lên. Họ lại đi khuất sau cây cối nữa: “Quân ăn trộm! Quân ăn trộm” anh hét lên lần này bằng tiếng Pháp. Thất vọng vì bị phản phúc kia hơn là vì mất ngựa, anh ngồi phịch xuống bên hồ, mệt mỏi, đói lả đi. Giá con ngựa đẹp của anh bị quân địch lấy thì anh có nghĩ đến làm gì! Nhưng bị phản, bị lừa bởi chính viên đội mà anh yêu quý và những kỵ binh mà anh coi như anh em, điều đó làm anh đau xé gan ruột. Không thể nào khuây khỏa trước nỗi phản phúc nhục nhã đó, anh tựa lưng vào một gốc liễu, khóc như mưa như gió. Anh rút rời và hủy bỏ từng cái những mơ ước về tình bạn hào hiệp và cao quý, như tình bạn giữa các anh hùng trong “Jérusalem giải phóng”. Chết có sao đâu nếu quanh ta có những con người dửng dưng và triu mến, những người bạn chiến đấu cao thượng họ siết chặt tay ta khi ta hắt ra hơi thở cuối cùng. Nhưng mà làm sao giữ được lòng nhiệt thành khi bị vây giữa những tên vô lại xấu xa như thế! Fabrice cũng cường điệu như bất cứ ai đương phần uất.

Xúc động một hồi, anh nhận thấy đạn đại bác bắt đầu bay đến tận nơi hàng cây anh ngồi nghĩ ngợi. Anh đứng lên, tìm hướng đi. Anh nhìn những đám ruộng cỏ chạy dọc theo con kênh đào lớn và hàng liễu rậm rạp, và như nhận ra cảnh quen. Có một binh đoàn lính bộ đang vượt qua hào để đi vào đồng cỏ, ở cách một phần tư dặm trước mặt anh. Fabrice nghĩ thầm: “chút nữa thì mình ngủ quên! Phải dừng để cho bị bắt làm tù binh”. Anh rảo bước rất nhanh. Đi tới được một đoạn, anh hết lo ngại, anh đã nhận ra quân phục, những trung đoàn mà anh lo sẽ chặn lối anh là những trung đoàn lính Pháp. Anh đi chệch về bên phải để gặp họ.

Sau cơn đau tinh thần vì bị lừa, bị cướp trắng tráo như vậy thì có một cơn đau khác mỗi lúc càng nhói thêm! Anh đói quá sức. Anh mừng rỡ biết bao sau khi đã đi, nói cho đúng đã chạy được mười phút thì thấy binh đoàn lính bộ ấy, họ cũng đi rất nhanh, đóng lại như để chiếm vị trí. Mấy phút sau, anh đã đứng giữa những người lính đầu tiên.

— Các bạn ạ, các bạn có thể bán cho tôi một mẫu bánh không?

— Ài chà! Lại có đứa coi chúng ta là những anh hàng bánh mì!

Câu nói ác đó và tiếng cười của cả bọn làm cho Fabrice khổ tâm quá. Chao ôi! Chiến tranh không phải là sự hứng khởi chung cao quý của những tâm hồn say đắm vinh quang hay sao? Nghe những tuyên ngôn của Napoléon, anh đã tưởng tượng ra như vậy! Anh ngồi xuống, đứng hơn, anh buông người ngã ngổ lên cỏ, mặt trở nên xanh nhợt. Anh lính đối đáp với anh đã dừng lại ở cách mười bước, để lấy khăn tay lau ố súng, hẵn thấy vậy bèn đi đến bên anh và vút cho anh một mẫu bánh, rồi thấy anh không nhặt, anh ta bẻ một miếng khác dút vào mồm anh. Fabrice mở mắt ra, ăn bánh, mà không đủ sức nói gì. Cuối cùng, khi anh đưa mắt tìm anh lính để trả tiền bánh, thì chỉ thấy có mỗi một mình anh, những người lính gần nhất bây giờ cũng đã ở cách xa trăm bước và đang đi. Anh đứng lên như cái máy và đi theo họ. Anh đi vào một khu

rùng. Anh mệt lắm người, đưa mắt tìm một chỗ thuận tiện để ngồi nghỉ. Nhưng anh vui sướng biết bao khi nhận ra con ngựa, rồi cái xe, cuối cùng là chị bán hàng căng tin lúc ban sáng! Chị chạy lại và đâm hoảng khi thấy vẻ mặt Fabrice.

— Đi tí nữa, chú em ạ! Chú bị thương ư? Còn con ngựa quý của chú đâu? Chị nói như vậy và dắt anh lại xe rồi đỡ cho anh lên xe. Vừa lên xong, người anh hùng của chúng ta lả ra mà ngủ, ngủ say sưa.

CHƯƠNG IV

Không gì đánh thức Fabrice nổi, kể cả những phát súng trường bắn rất gần cỗ xe, cũng như bước kiêu của con ngựa mà chị hàng căng tin thẳng tay quất đánh. Cả ngày tin rằng bên họ chiến thắng, đến lúc bất ngờ bị từng đám đông đặc kỵ binh Phổ tấn công, trung đoàn phải rút lui hay nói đúng, phải chạy trốn về đất Pháp.

Viên đại tá vừa thay chân Macon, một người trai trẻ ăn mặc rất lịch sự, cũng bị chém chết, viên thiếu tá tiểu đoàn trưởng lên chỉ huy thay ông là một ông già đầu bạc, ông cho trung đoàn dừng lại và thét bảo lính: “Mẹ kiếp! Thời cộng hòa, khi nào địch bức bách lắm, không thể dừng ta mới rút... các anh phải giữ từng tấc đất, phải tử chiến mới được, cái đất mà giờ đây bọn Phổ muốn xâm chiếm là đất tổ quê cha rồi đó!”.

Cỗ xe con dừng lại, Fabrice thức giấc đột ngột. Mặt trời lặn từ lâu, anh lấy làm lạ sao đã hầu như vào đêm. Binh lính chạy ngược chạy xuôi rất lộn xộn khiến anh vô cùng ngạc nhiên. Anh thấy họ có dáng như tiu nghỉu. Anh hỏi chị căng tin:

— Có cái gì thế chị?

— Chẳng gì cả. Chỉ có điều là chúng ta đi đứt rồi, chú em ạ. Kỵ binh Phổ đang bằm vằm chúng ta, có thể thôi. Ban đầu, cái anh tướng ngốc cứ tưởng là kỵ binh ta. Nào, nhanh tay đi, giúp ta chữa cái cần xe bị gãy cho con Cocotte chút. Mấy phát súng nổ ở cách mười bước. Fabrice đã tỉnh và khỏe ra, anh tự nhủ: “Phải nói là cả ngày hôm nay, ta chưa được đánh chác gì” Anh nói với chị căng tin: “Tôi phải chiến đấu mới được”.

— Yên trí. Chú sẽ được chiến đấu, chiến đấu đến ngán mà thôi! Ta hỏng bét rồi còn gì!

Chị gọi một hạ sĩ đang đi qua:

— Aubry, người anh em, thỉnh thoảng anh hãy trông chừng cái cỗ xe con này với nhé.

— Anh sắp đánh nhau ư? Fabrice hỏi Aubry,

— Không đâu, tớ sắp đi giày đẹp để khiêu vũ đây!

— Tôi theo anh.

— Tôi gửi chú kỵ binh nhỏ đó cho anh nhé! Chị căng tin hét lớn. Chú tư sản trẻ măng đó gan dạ đấy.

Hạ sĩ Aubry không nói gì, cứ đi. Tám chín anh lính chạy đến với anh. Anh đưa họ đến sau một cây sồi chung quanh có những bụi gai. Đến đó, cũng vẫn không nói không rằng, anh bố trí họ ở bìa rừng, trên một tuyến đất, người nọ cách người kia ít nhất là mười bước. Rồi lần đầu tiên, anh lên tiếng:

— Này, này tụi bay chớ có bắn trước khi có lệnh! Phải nhớ là tụi bay mỗi đứa chỉ còn ba phát đạn thôi đó.

Fabrice tự hỏi không biết cái gì đã xảy ra. Cuối cùng, chỉ còn anh với anh hạ sĩ, anh nói:

— Tôi không có súng.

— Câm mồm cái đã! Cứ tiến lên theo hướng kia, cách năm mươi bước ở phía trước rừng, mày sẽ tìm thấy một chú lính của trung đoàn trong số tội nghiệp vừa bị bắn chết, mày lấy súng và túi đạn của hắn. Nhớ đừng lột đồ đạc của một đứa bị thương, hãy tước súng đạn của một thằng chết, thực sự chết mới được. Và nhanh lên chứ không thì bị quân ta bắn đó. Fabrice chạy

đi rồi nhanh chân trở lại với một cây súng và một túi lính.

— Nạp đạn đi và nắp đậy sau cây kia, cần nhớ nhất là đừng bắn trước khi tao ra lệnh cho mày bắn... Trời đất quý thần ơi! - anh hạ sĩ bỏ dở câu nói để kêu lên, hẳn cũng không biết đến cả nạp đạn nữa kìa!...

Anh ta vừa giúp Fabrice vừa thuyết tiếp:

— Khi một kỵ binh địch phi ngựa đến để bắm chặt mày, mày cứ việc chạy quanh cái cây đó và chờ cho hắn đến sát miệng súng, cách mày ba bước, hãy lấy cò, phải chờ cho mũi lê của mày gần như chạm quân phục nó đã.

— Vứt cây mã tấu to tướng của mày ngay đi chứ còn chờ gì nữa - Anh hạ sĩ thét. Mẹ kiếp! Mày muốn cho nó báo mày ngã hay sao? Ngày nay họ giao cho chúng ta những thứ lính tráng như thế nào ấy! Anh ta vừa nói vừa tự tay giật cái mã tấu, giật dữ ném ra xa.

— Còn mày thì hãy lấy khăn lau viên đá súng của mày đi. Nhưng mà, mày đã bắn súng lần nào chưa?

— Tôi là một người săn bắn.

Anh hạ sĩ thở phào một cái, kêu:

— Ơn Trời! Cần nhất là chớ bắn trước khi được lệnh ta.

Thế rồi anh bỏ đi.

Fabrice vô cùng hớn hởi. Anh nghĩ thầm: “Thế là ta sắp được đánh nhau thực sự, được giết một tên địch đây! Sớm nay, chúng phóng đạn đại bác đến, mà mình thì chẳng làm gì sất, chỉ biết phơi thân cho chúng bắn, chết như chơi! Rõ là cái nghề lừa nhau! Anh tò mò trông nhìn tứ phía. lát sau, anh nghe bảy tám tiếng súng nổ rất gần. Nhưng không có lệnh bắn, anh cứ đứng im sau gốc cây. Lúc ấy đã vào đêm, Fabrice tưởng như mình đang rình gấu trên núi Tramezzina, mạn trên Grianta. Anh bỗng có một sáng kiến của kẻ đi săn. Anh lấy một liều đạn trong túi và bóc vỏ lấy viên đạn ra: “Nếu mình thấy nó, mình không được bắn hụt”. Anh nói thế rồi tọng viên đạn thứ hai này vào nòng súng. Anh nghe hai phát súng nổ ở sát bên gốc cây mình nắp, đồng thời một lính kỵ mặc quân phục xanh phóng qua trước mặt, đi từ bên phải sang bên trái. Anh tự nhủ: “Hắn không cách mình ba bước, nhưng mà ở tầm này, ta bắn cũng chắc ăn, “Anh day nòng súng theo tên lính kỵ, cuối cùng bắm cò. Tên lính kỵ ngã nhào cùng với con ngựa. Fabrice ngỡ mình đang đi săn, anh hí hửng lao đến bên con mồi vừa bị hạ. Anh suýt chạm cái người đang hấp hối đó thì hai tên kỵ binh Phổ khác nhanh không thể tưởng tượng phóng ngựa đến để chém sả anh. Fabrice chạy bán sống bán chết vào trốn trong rừng, để chạy thật nhanh, anh vứt súng. Bọn kỵ binh Phổ chỉ còn cách anh ba bước thì anh kịp chui vào một khu sồi mới trồng, thân cây chỉ bằng cánh tay. Nhưng cây con rất thẳng đó được trồng viền cánh rừng. Bọn lính kỵ bị cản lại một lát, rồi cũng vượt qua và đuổi theo Fabrice trong một khu rừng mới. Anh lại sắp ở vào tầm mã tấu của chúng thì vừa đến bảy tám gốc cây to và tránh vào đó. Thành linh anh thấy lửa tấp vào mặt, lửa của năm sáu phát súng nổ phía trước. Anh cúi đầu. Khi ngẩng lên anh thấy viên hạ sĩ đứng trước mặt. Anh ta hỏi:

— Mày có giết được thằng của mày không?

— Có, nhưng tôi mất súng.

— Súng thì chúng ta không thiếu. Mày khá đấy chứ a. Mặt mũi mày có vẻ thộn, nhưng mày đã tỏ ra xứng đáng hôm nay, còn bọn lính tồi kia thì đã bắn hụt hai thằng đuổi theo mày, dù chúng lao ngay đến phía họ. Tao thì tao không trông thấy chúng. Bây giờ thì phải chuồn ngay, chuồn nhanh, trung đoàn có lẽ ở cách chúng ta năm trăm thước, và lại có cái đồng cỏ nhỏ kia chúng

ta dễ bị bao vây ở đó lắm.

Viên hạ sĩ vừa nói vừa rảo bước đi nhanh, cùng với mười tên lính trong tiểu đội anh ta. Đi được vài trăm bước, vừa đến cánh đồng cỏ anh ta nói thì gặp một vị tướng bị thương do viên phụ tá và một gia bộc khiêng. Giọng yếu ớt, ông bảo viên hạ sĩ:

— Anh cắt cho ta bốn người, cần mang ta đến trạm quân y. Chân ta bị bắn gãy.

— Kệ xác nhà anh! Viên hạ sĩ đáp, kệ xác nhà anh và tụi tướng nhà anh. Hôm nay tụi các anh đều phản Hoàng Đế tất.

— Thế nào? Viên tướng giận dữ quát - Anh không tuân lệnh tôi à? Anh có biết tôi là bá tước B, tư lệnh sư đoàn anh hay không? v.v...

Ông ta còn lắm lời hơn nữa. Viên phụ tá xông đến bọn lính. Anh hạ sĩ đâm một nhát lê vào cánh tay y, rồi bước đi vùn vụt cùng với tốp lính, vừa đi vừa chửi rủa: “Ước gì chúng nó đều bị gãy tay gãy chân hết như mày! Một lũ bát nháo, tất cả đều bán mình cho bọn Bourbons và phản bội Hoàng Đế!”. Nghe lời tố giác ghê gớm đó, Fabrice rất đổi kinh ngạc.

Vào khoảng mười giờ đêm, tốp người ít ỏi đó đuổi kịp trung đoàn, lúc vừa đến một làng lớn có nhiều đường phố chật hẹp, Fabrice nhận thấy viên hạ sĩ Aubry tránh không trình báo với một sĩ quan nào. “Không có cách gì đi lên được!” Viên hạ sĩ thét. Tất cả những đường phố đó đều tắc nghẽn vì những lính bộ, lính kỵ, nhất là xe và pháo chen chúc. Đi được vài mươi bước phải dừng lại ai cũng nổi nóng, cũng vắng tục. Anh hạ sĩ thét:

— Lại một lũ phản bội nào chỉ huy đây! Nếu bọn đồ khôn, vòng bọc cái làng này thì chúng ta sẽ bị tóm như một lũ chó. Còn chúng bay thì theo tao.

Fabrice nhìn lại thấy chỉ còn sáu anh lính đi theo viên hạ sĩ. Qua một cái cửa lớn bỏ ngỏ, họ vào một sân sau rộng lớn. Họ đi lang thang trong vườn, mất phương hướng. Cuối cùng vượt qua hàng rào, họ tới một đám ruộng lớn gieo lúa mì đen. Họ theo hướng có tiếng ồn và tiếng là ó mà đi và chưa đầy nửa tiếng đồng hồ sau đó, họ đã trở lại con đường cái lớn sau khi đường đã xuyên qua khỏi làng kia. Hào ở hai bên đường đầy rẫy những súng ống vứt bỏ. Fabrice chọn lấy một khẩu. Đường thì rất rộng nhưng nghẽn vì xe cộ, vì người chạy trốn đến nổi trong nửa giờ họ chỉ tiến lên được năm trăm bước là cùng. Có người nói con đường ấy dẫn đến Charleroi. Khi đồng hồ làng đánh mười một tiếng, viên hạ sĩ bảo:

— Ta vượt qua đồng lầy nữa thôi!

Tốp của họ chỉ còn ba lính, viên hạ sĩ và Fabrice. Đến cách đường cái chừng một phần tư dặm một anh lính bảo:

— Tôi chịu thôi, không đi được nữa.

— Tôi cũng thế, - Một anh khác nói.

— Chuyện mới lạ nhỉ! Viên hạ sĩ bảo, chúng ta ai cũng đều vậy cả, nhưng chúng bay cứ làm theo tao bảo rồi sẽ thấy được việc cho coi!

Anh thấy năm sáu cái cây dọc một cái hố ở giữa cánh đồng lúa mênh mông. Anh bảo lính: “Đến mấy cái cây đó đi!” Khi đã đến, anh ta bảo:

— Chúng bay nằm xuống đó và nhớ đừng làm ồn. Nhưng trước khi ngủ, đưa nào còn bánh mì nhỉ?

— Tôi! Một anh lính nói.

— Đưa đây! Anh hạ sĩ phán một cách kẻ cả. Anh chia bánh ra làm năm phần và lấy cho mình miếng nhỏ nhất. Rồi vừa ăn, anh vừa nói:

— Độ mười lăm phút trước khi trời sáng, chúng ta sẽ bị bọn kỵ binh địch ập tới sau lưng, tất cả dừng để cho chúng băm chết. Một đứa lẻ loi mà bị lính kỵ đuổi theo những cánh đồng rộng này thì đi đứt, nhưng năm đứa thì lại có thể thoát được. Hãy theo tao, đoàn kết với nhau chặt chẽ, chỉ bắn thật gần, được vậy tao dám cả quyết là tối mai, tao sẽ đưa chúng mày đến Charleroi.

Một giờ trước khi trời sáng, viên hạ sĩ đánh thức họ dậy. Anh ta bắt họ nạp đạn lại. Tiếng ồn ào trên đường cái cứ vang lên suốt đêm bây giờ vẫn còn tiếp nối nghe như tiếng suối đổ từ xa. Fabrice khờ khạo nói với viên hạ sĩ:

— Nghe như một đàn cừu chạy trốn.

— Mày có cảm hòng đi không, oắt con? Viên hạ sĩ tức tối quát. Còn ba tên lính trong toán quân của anh thì nhìn Fabrice với vẻ giận dữ y như Fabrice vừa thóa mạ Chúa không bằng! Phải, nó đã thóa mạ dân tộc.

“Thế này thì quá lắm! - Fabrice nghĩ thầm, ta đã nhận thấy điều ấy ở triều đình phó vương Milan. Ủ! Thì họ có chạy trốn đâu! Không thể nói sự thật với lũ Pháp này khi sự thật chạm tính phô trương của họ. Còn cái bộ dữ tợn của họ thì ta có sá gì, ta cần phải làm cho họ hiểu điều đó”.

Họ vẫn đi cách dòng người đào tẩu đông nghịt trên đường cái đó năm trăm bước. Đi được chừng một dặm, họ vượt qua một con đường nhỏ tiếp giáp với đường cái, trên đó nhiều binh lính đang nằm ngủ. Fabrice bỏ ra bốn mươi francs mua một con ngựa khá tốt và chọn cẩn thận một thanh mã tấu to thẳng, trong số vút lĩnh kính hai bên đường. Anh nghĩ: “Người ta bảo phải đâm, thì cái này thích hợp nhất”. Đóng bộ như vậy xong, anh tể ngựa theo kịp ngay viên binh sĩ đã đi lên trước. Anh giậm chặt chân trên bàn đạp, đưa tay trái nắm vỏ gươm, nói với bốn người Pháp kia:

— Cái bọn chạy trốn trên đường cái kia giống như một bầy cừu... chúng chạy như những con cừu khiếp sợ...

Fabrice nhấn mạnh trên tiếng cừu bao nhiêu cũng vô hiệu, những người đồng hành không nhớ là trước đấy một giờ, họ đã phật ý vì tiếng cừu đó. Ở đây sự tương phản giữa hai tính cách Pháp và Ý bộc lộ: Rõ ràng là người Pháp sung sướng hơn, họ cứ để cho những biến cố trong cuộc đời trôi tuồn tuột và chẳng thêm nhớ thù ghi hận.

Sau khi nói về những con cừu, Fabrice lấy làm bằng lòng về mình lắm, điều ấy chẳng cần phải giấu diếm. Tốp người đó vừa đi vừa chuyện trò. Đi được hai dặm, viên hạ sĩ vẫn lấy làm lạ sao không thấy kỵ binh địch đến, anh ta bảo Fabrice:

— Mày là kỵ binh của chúng ta! Mày hãy phi ngựa đến cái trại trên mô đất kia, hỏi người nông dân chủ trại xem có bán cái ăn cho chúng ta không. Nói rõ chúng ta chỉ có năm mống. Nếu hấn do dự, mày đưa trước cho hấn năm francs trong số tiền riêng của mày. Và mày cứ yên lòng, chúng ta sẽ lấy lại đồng bạc sau khi ăn uống.

Fabrice nhìn viên hạ sĩ, thấy anh luôn luôn nghiêm trang, lại thực sự có một uy thế tinh thần. Anh tuân lệnh. Mọi việc xảy ra như viên tổng chỉ huy dự kiến, duy Fabrice khẩn khoản yêu cầu anh em không nên bức người nông dân đưa lại đồng năm francs anh đã trao. Anh nói:

— Tiền đó là của tôi, không phải tôi trả thay cho các anh đâu, mà tôi trả về khoản lúa anh ta cho ngựa tôi ăn.

Fabrice phát âm tiếng Pháp tồi quá khiến các bạn đường tưởng anh có giọng kẻ bề trên, họ bực lắm và từ đó họ chuẩn bị cho một cuộc đấu dành cho lúc cuối ngày. Họ thấy anh ta khác xa họ, thế là lấy làm khó chịu. Ngược lại Fabrice bắt đầu thấy rất mến họ. Họ lầm lụi đi đã hai tiếng đồng hồ, không chuyện vãn gì nữa, cho đến khi anh hạ sĩ nhìn lên đường cái, reo một cách mừng rỡ: “Trung đoàn ta đây rồi!”. Thế là họ đi lên đường cái. Nhưng hỡi ôi! Quanh lá cờ chim ưng, quân số chưa đến hai trăm người.

Chỉ trong chốc lát, Fabrice nhìn thấy chị hàng căng tin, chị đi bộ, mắt đỏ hoe, chốc chốc lại khóc. Anh đưa mắt tìm cỗ xe con và con Cócotte mà không thấy. Thấy anh đảo mắt trông tìm, chị kêu to: “Mất hết rồi, mất cặp rồi, mất cướp rồi!” Fabrice chẳng nói gì, xuống ngựa, nắm dây cương, bảo chị: “Chị lên ngựa đi”. Chị không đợi bảo lần thứ hai.

— Chú em thu ngắn bàn đạp lại cho ta đi! Chị nói.

Khi đã ngồi vững vàng trên lưng ngựa, chị bèn kể lể những tai biến xảy ra trong đêm. Câu chuyện dài như bất tận, anh không hiểu cái gì ra cái gì cả, nhưng nghe một cách háo hức vì quá mến chị bán hàng. Kể xong, chị nói thêm:

— Ấy thế mà cái bọn cướp giật tôi, đánh đập tôi, làm hư thân hoại thể tôi lại chính là người Pháp!

— Thế nào! Không phải là bọn địch à? Fabrice nói, vẻ ngây thơ làm cho gương mặt nghiêm trang, trắng trẻo của anh càng đáng yêu thêm.

— Chú ngu lắm, chú nhỏ ạ! Chị hàng mỉm cười qua nước mắt, đáp. Tuy vậy, chú rất dễ thương.

— Hẳn như thế đấy mà đã hạ gọn tên Phổ của hẳn đấy! Viên hạ sĩ nói xen vào. Trong sự xáo trộn chung, tình cờ làm sao anh ta lại đến phía bên kia con ngựa. Anh nói tiếp: Nhưng hẳn hợm mình!

Fabrice làm một cử động.

— Mà tên gì đấy? Viên hạ sĩ nói tiếp, vì nếu có thể báo cáo thì ta sẽ nêu tên mày.

— Tôi tên là Vasi! Fabrice đáp, vẻ mặt lạ lùng. Nghĩa là Boulot, anh vội nói chữa.

Boulot là tên người mang cái giấy hành trình mà chị quản ngục thị trấn B đã trao cho anh ta. Hôm trước anh vừa đi vừa nghiên cứu cái giấy ấy bởi vì anh đã bắt đầu suy nghĩ chút ít và không đến nỗi như trước, gặp gì cũng thấy lạ lùng. Ngoài giấy hành trình của anh ký binh Boulot, anh vẫn trân trọng giữ tờ giấy hộ chiếu Ý qua đó anh có thể nhận cái tên Vasi cao quý, người buôn hàn thử biểu. Khi anh hạ sĩ trách anh hợm mình, anh toan đáp: “Ta mà hợm mình ư? Ta, Fabrice Valserra tiểu hầu Del Dongo, đã chịu đội tên của một thằng cha Vasi, lái buôn hàn thử biểu mà bảo là hợm mình!”.

Anh suy nghĩ và tự nhủ: “Ta phải nhớ ta là Boulot không thì coi chừng tù ngục!”. Trong khi đó, viên hạ sĩ và chị hàng căng tin bàn tán nhiều về anh. Không gọi anh là chú nữa, chị hàng nói:

— Anh đừng cho tôi là tọc mạch. Tôi hỏi anh những điều kia nọ chỉ là để giúp ích cho anh thôi. Này, anh bảo thật đi nhé, anh là ai?

Fabrice không trả lời ngay, anh xét thấy không thể nào tìm được những người bạn tình như họ để nghe những lời khuyên bảo, mà anh thì rất cần những lời khuyên bảo. “Chúng ta sắp vào một căn cứ chiến đấu, vị trấn thủ muốn biết ta là ai, chắc chắn là ta sẽ bị tổng lao nếu qua những câu trả lời của ta, họ biết rằng tuy ta mặc quân phục trung đoàn 4 kỵ binh, nhưng ta lại không quen một ai trong đó!” Vì là thần dân nước Áo cho nên Fabrice biết rõ giá trị của một tờ

hộ chiếu. Những người trong tộc họ anh mặc dù quý tộc và ngoan đạo, mặc dù thuộc cánh chiến thắng, cũng đã nằm lần bảy lượt lao đao vì mảnh giấy hộ chiếu. Cho nên anh chẳng khó chịu chút nào về câu hỏi của chị bán hàng. Tuy nhiên, vì trả lời, anh phải tìm những tiếng Pháp rõ ràng nhất, chị bán hàng càng tin càng tò mò hơn và thấy cần phải khuyến khích anh nói:

— Hạ sĩ Aubry và tôi sẵn lòng bày vẽ cho anh cách xử sự.

— Tôi tin chắc là thế! Fabrice đáp. Tôi tên là Vasi người quê ở thành phố Gênes. Chị tôi nổi tiếng đẹp đã lấy một ông chồng đại úy. Vì tôi mới mười bảy, chị bảo tôi đến với chị để chị cho xem đất nước Pháp và để bày bảo cho tôi nên người. Không tìm thấy chị ở Paris, và biết rằng chị đi theo đạo quân này, tôi tìm đến, tôi sục sạo tìm kiếm chị khắp nơi mà không gặp. Bọn lính lấy làm lạ về giọng nói của tôi, đã báo cho người ta bắt tôi. Lúc đó tôi có tiền, tôi cho tên sen đầm, hẳn trao cho tôi một tờ hành trình, một bộ quân phục và hẳn bảo: “Hãy chuồn đi và thề với tao không bao giờ nói tên tao ra”.

— Hẳn tên gì? chị hàng hỏi.

— Tôi đã hứa với nó.

— Anh ấy không nói tên thằng ấy là phải. Hẳn là một thằng vô lại, mặc dù vậy, anh bạn cũng không được nói tên nó. Còn cái ông đại úy anh kể anh tên gì? Nếu chúng tôi biết tên ông ta, chúng tôi có thể tìm ra.

— Teulier, đại úy ở trung đoàn 4 kỵ binh. Vị anh hùng của chúng ta đáp.

Viên hạ sĩ khá tinh ý, nói:

— Thế là nghe giọng người nước ngoài của anh, bọn lính cho anh là một gián điệp chứ gì?

— Cái tiếng nhục nhã bôi nhọ người ta chính là tiếng đó! Fabrice hét lên, mắt nảy lửa. Tôi yêu Hoàng đế và người Pháp đến vậy mà chúng bảo tôi là gián điệp. Sự lăng mạ đó làm cho tôi bức tức nhất.

— Không phải lăng mạ đâu! Viên hạ sĩ trịnh trọng nói - Anh hiểu sai đó. Bọn lính hiểu lầm là lẽ tự nhiên thôi.

Thế rồi làm người thành thạo, anh ta giải thích là ở trong quân thì phải thuộc một đơn vị và mặc một loại quân phục nào đó, nếu không thế thì dĩ nhiên người ta cho mình là gián điệp. Quân thù tung nhiều gián điệp vào giữa chúng ta, trong cuộc chiến tranh này, mọi người đều phản bội, Fabrice được mở mắt, lần đầu anh nhận thấy tất cả những gì xảy đến với anh trong hai tháng qua là do lỗi ở anh. Chị hàng càng tin mỗi lúc một thêm tò mò. Chị nói:

— Nhưng chú em cần thuật tất cả với chúng ta.

Fabrice ngoan ngoãn vâng lời. Khi anh kể xong. Chị hàng trịnh trọng nói với anh hạ sĩ:

— Kể ra thì chú bé này vốn không phải là lính. Bây giờ chúng ta bị đánh bại, bị phản bội, chúng ta phải tiến hành một cuộc chiến đấu khốn nạn, ích gì mà chú ta thí mạng không công cho Chúa[37] vậy?

— Huống gì anh ta không biết đến cả nọp đạn nữa, nọp đạn qua mười hai thao tác hay nọp đạn tùy ý cũng đều mù tịt.

— Chính tôi đã nọp phát đạn hạ thằng Phổ đó! Fabrice kêu lên

— Hơn nữa chú ta giơ tiền ra cho mọi người xem! Chị hàng nói thêm - Rồi chúng ta ra thì chú ấy sẽ bị tước đoạt tất.

— Tên hạ sĩ quân kỵ binh đầu tiên mà anh ta gặp sẽ trưng tập anh để anh trả tiền rượu cho hắn, và có thể người ta sẽ tuyển mộ anh ta cho quân thù, bởi vì khắp thiên hạ làm phản. Thằng cha căng chú kiết đầu tiên nào gặp anh cũng sẽ ra lệnh cho anh theo hắn và anh sẽ đi theo. Tốt hơn hết là anh gia nhập trung đoàn ta.

— Không đâu, thưa ông hạ sĩ! Fabrice vội kêu lên. Đi ngựa tiện hơn, vả lại tôi không biết nạp đạn, còn khiến ngựa thì ông đã thấy ông làm rồi.

Fabrice lấy làm đặc ý về bài diễn văn đó, chúng tôi không thuật lại làm gì cuộc tranh luận giữa anh hạ sĩ và chị bán hàng về số phận tương lai của nhân vật chúng ta. Fabrice nhận thấy trong khi bàn cãi, họ lặp lại đến ba bốn lần những trường hợp xảy đến với anh, những sự nghi ngờ của binh lính, tên sen đầm đã bán cho anh tờ hành trình và bộ quân phục, cách anh chạy theo đoàn tùy tùng của thống chế hôm qua, việc anh được nhìn thấy Hoàng đế phi ngựa, còn ngựa ngã chết v.v...

Với tính tò mò cổ hữu của phụ nữ, chị hàng căng tin cứ trở đi trở lại mãi với việc người ta cướp con ngựa tốt mà chị đã giúp Fabrice mua.

— Chú cảm thấy người ta nắm chân chú, người ta nhẹ nhàng nhắc người chú ra sau, khỏi đuôi con ngựa rồi người ta đặt chú ngồi xuống đất!

Fabrice tự hỏi thẳm không biết tại sao chị ta lại cứ lặp đi lặp lại mãi cái điều mà cả ba đều thuộc rằm rập. Anh chưa biết đó là cách người bình dân ở Pháp thường làm để tìm ý kiến. Đột ngột chị hỏi:

— Chú có bao nhiêu tiền đó?

Fabrice luôn tin chị phụ nữ này cao thượng. Đó là mặt ưu việt của dân tộc Pháp. Anh không ngần ngại đáp:

— Có thể là ba mươi đồng Napoléon vàng tất cả và tám hay mười đồng écu gì đó, loại écu năm francs.

— Thế thì chú có thể đông đi một cách dễ dàng. Chú hãy rút ra khỏi đạo quân bại tẩu này. Chú cứ đi ra một bên thấy con đường đầu tiên nào hơi vắng vắng người về phía bên phải thì chú rẽ ngay. Thế rồi cứ thúc ngựa lánh xa quân đội xa mãi ra. Kiếm cách mua áo quần thường dân mà mặc. Khi đã đi được chín mươi dặm mà không gặp lính nữa thì đi xe trạm đến một thị trấn yên ổn mà nghỉ ngơi và tắm bồ bồng bít tết. Chớ bao giờ nói là chú đã ở trong quân đội, vì bọn sen đầm sẽ coi chú là lính đào ngũ và tóm cổ chú. Chú dễ thương dễ mến đấy, nhưng chưa đủ già dặn để đối đáp với sen đầm, cảnh sát. Khi chú đã trông áo thị dân rồi thì hãy xé tờ hành trình của chú ra làm trăm mảnh và lấy lại cái tên thật của chú là Vasi.

Chị quay lại hỏi viên hạ sĩ:

— Thế còn chú ấy phải nói chú ấy từ đâu đến cho có lý nhỉ?

— Từ Cambrai trên sông Escaut. Đó là một thị trấn rất nhỏ và yên ổn, nghe chưa? Ở đó có một nhà thờ lớn và Fénelon^[38].

— Ừ! Ừ! Phải rồi! Chị bán hàng nói - Đừng bao giờ nói chú đã ở mặt trận về, chớ hé răng về thị trấn B. cũng như về tên sen đầm đã bán cho chú cái giấy hành trình. Khi chú muốn trở vào Paris thì hãy đến Versailles cái đã, rồi cứ giả vờ như lang thang đi dạo mát mà vượt qua cửa ô Paris về phía ấy. Khâu giấu những đồng Napoléon vào trong quần mới được. Và nhớ là khi trả món gì, chú chỉ cần chìa ra vừa đủ số tiền để trả. Cái điều làm cho tôi phiền muộn là chú sẽ bị người ta chài, người ta phỉnh, người ta cuỗm hết. Cạn túi thì chú sẽ làm thế nào nhỉ? Cái thứ như chú thì còn biết xoay xở là gì...

Chị bán hàng quà tốt bụng còn nói nhiều nữa. Anh hạ sĩ tán thành bằng những cái gật đầu chứ còn biết làm sao mà chen ý kiến của mình vào cái dòng lời lẽ thao thao bất tuyệt ấy! Thành linh, đám đông che kín mặt đường rào bước đi nhanh, sau đó trong nháy mắt, họ vượt qua cái hào con ở bên trái con đường và phóng chạy. Họ hét vang bốn phía: “Lũ Cosaques đó [\[39\]](#) ! Lũ Cosaques đó!” Chị hàng căng tin thét:

— Trả con ngựa cho chú đấy!

— Đời nào tôi chịu thế! Fabrice nói! Phóng ngựa đi, chạy đi chị! Tôi tặng chị đấy. Chị muốn có tiền mua lại một cỗ xe nhỏ không? Thì tôi biếu chị một nửa số tiền của tôi đây.

— Tôi bảo chú bắt lại con ngựa của chú mà! Chị hàng thét lớn. Và chị sắp sửa tut xuống. Fabrice rút mã tấu hét: “Chị ngồi vững, nghe!” rồi lật mặt bằng đập hai ba cái vào mông ngựa, tức thời con ngựa phi nước đại chạy theo những người đi trốn.

Bây giờ người anh hùng của chúng ta mới nhìn lại mặt đường, trước kia ba bốn nghìn người chen chúc trên đó như những nông dân trong một đám rước lễ. Sau tiếng Cosaques thì không thấy còn ai cả, lũ chạy trốn đã vút lại nào mũ, nào gươm, nào súng và gì gì nữa... Fabrice lấy làm lạ, leo lên một cánh đồng ở bên phải, đồng này cao hơn mặt đường khoảng bảy tám thước. Anh nhìn con đường cái ở cả hai đầu và nhìn rộng ra khắp cả đồng bằng, vẫn không thấy dấu vết lũ Cosaques. Anh tự hỏi: “Cái bọn Pháp này kỳ thật!... Trước sau gì ta cũng cần rẽ bên phải, thì tốt nhất là rẽ ngay. Có lẽ bọn đó có lý do chính đáng để chạy trốn, mà ta không biết”.

Anh nhặt một khẩu súng, soát thấy đã nạp đạn, anh xáo trộn lại thuốc mồi, lau viên đá lửa, rồi chọn nhặt một túi thuốc đạn còn đầy đặn. Anh nhìn quanh bốn phía một lần nữa.

Rõ ràng là chỉ còn có mỗi một mình anh giữa đồng bằng trước đây đầy đặc những người, ở rất xa nơi cuối trời, anh còn thấy bọn bại binh vẫn cứ ba chân bốn cẳng chạy trốn không ngừng và bắt đầu lần lượt mất hút sau cây cối. “Quả thật là kỳ quặc!”. Anh nói thầm vậy. Và nhớ lại cái kể anh hạ sĩ đã dùng hôm qua, anh đến ngồi giữa một đám ruộng lúa. Anh không đi xa hơn vì còn mong gặp lại hai người bạn tốt, chị bán hàng căng tin và anh hạ sĩ Aubry. Ngồi trong lúa, Fabrice đếm lại tiền bạc thì thấy chỉ còn mười tám đồng Napoléon chứ không phải ba mươi đồng như anh nhớ, nhưng anh còn những viên kim cương nhỏ, mà anh đã nhét trong lần vải lót đôi giày kỵ binh buổi sớm hôm ngủ trong buồng chị quản lao ở B. Anh tìm hết cách cất giấu những đồng vàng trong khi nghĩ ngợi về chuyện mất mát đột ngột của mình. “Đây có phải là một điểm xấu không nhỉ?” Anh tự hỏi. Nhưng điều phiền muộn chính của anh là đã thực sự tham gia một trận đánh hay không? Anh nghĩ là có và giá được xác định như thế thì sẽ là người hạnh phúc nhất đời.

Tuy nhiên ta tham gia với cái tên của một thằng tù, ta mang tờ hành trình của một thằng tù trong túi áo, hơn nữa mặc áo sống của nó trên người! Cái đó là tai họa cho tương lai, ông abbé Blanès sẽ bảo thế nào nhỉ? Rồi cái thằng cha Boulot tội nghiệp đó lại chết trong tù nữa chứ! Tất cả những cái đó đều là điểm bất thường, số mệnh chắc chắn sẽ đưa ta vào tù!

Fabrice có thể đổi tất cả để biết tên kỵ binh Boulot có thật phạm tội hay không, cố lục ký ức, anh nhớ hình như chị quản lao thành B. có nói với anh rằng tên kỵ binh Boulot bị tóm không những vì mấy bộ đồ ăn bằng bạc, mà còn vì đã bắt trộm con bò sữa của một người nông dân, lại còn đánh đập anh ta thậm tệ. Fabrice tin chắc rằng một ngày kia, anh sẽ bị bỏ tù vì một tội trạng có phần nào dính dáng với tội trạng của Boulot. Anh nghĩ đến ông bạn Blanès, giá bỏ ra bao nhiêu để được hỏi ý kiến ông, anh cũng sẵn sàng! Rồi anh sực nhớ chưa viết thư cho bà cô từ khi rời Paris. “Cô Gina tội nghiệp!”. Anh than thầm như vậy và ứa nước mắt. Bỗng anh nghe có tiếng động khẽ bên mình, đó là một anh lính đang cởi bỏ cương hàm cho ba con ngựa ăn lúa, ba con ngựa có vẻ như sắp chết đói. Hắn nắm giữ cương phụ. Fabrice vụt nhô thẳng lên như con gà gô cất cánh. Tên lính hoảng sợ. Nhận thấy thế, vị anh hùng của chúng ta không cưỡng lại được cái thú thử đóng vai trò kỵ binh trong giây lát. Anh thét:

— Một trong ba con ngựa kia là của tao, mẹ kiếp! Nhưng mà tao sẵn lòng cho mày năm francs vì mày đã cất công giắt nó đến đây cho tao.

— Đẳng ấy coi tớ là rác đấy à? Tên lính đáp.

Fabrice đưa súng lên vai ngắm, chỉ cách nó sáu bước.

— Bỏ con ngựa ra không tao nổ!

Tên lính đeo súng sau lưng. Hắn lắc vai để lấy súng. Fabrice lao đến thét:

— Mày mà cựa một cái thì coi như chết rồi đó.

— Thế thì hãy đưa năm francs đây mà bắt một con ngựa. Tên lính tiu nghỉu nói vậy, sau khi nuối tiếc trông ra con đường tuyệt đối chẳng có một bóng người. Fabrice tay trái giương súng, tay phải ném cho hắn ba đồng năm francs.

— Xuống ngựa ngay không thì chết... Thắng cương cho con ngựa ô rồi cút đi với hai con kia... Tao sẽ bắn ngay nếu động đây.

Tên lính càu nhàu làm theo lời bảo. Fabrice lại bên con ngựa, vắt cương lên tay trái, mắt vẫn dăm dăm quan sát tên lính chậm chạp đi xa ra. Khi thấy nó cách mình năm mươi bước, anh le làng nhảy lên ngựa. Vừa ngồi lên yên, chân phải còn đang tìm bàn đạp thì đã nghe tiếng đạn réo sát bên mình! Đó là phát súng của tên lính. Điện tiết, anh phi ngựa đuổi theo, nó chạy thực mạng và lát sau Fabrice thấy hắn ngồi trên mình ngựa phi đi. Anh tự nói: “Thôi được, hắn đã ở ngoài tầm rồi .

Con ngựa anh vừa mua đẹp quá, nhưng có vẻ đói gần chết. Fabrice trở lại đường cái vẫn không có bóng người. Anh vượt qua đường, cho ngựa đi nước kiệu để tới một nếp trũng về bên trái mà anh hy vọng sẽ gặp lại chị hàng căng tin. Nhưng khi lên tới đầu dốc, anh thấy cách hơn một dặm đường, chỉ có một tên lính lẻ loi. Anh thở dài than: “Số mệnh đã định cho ta không gặp lại người đàn bà đôn hậu, nhân từ ấy nữa”. Anh đi đến một nông trại nhìn thấy ở xa, về bên phải con đường. Cứ ngồi trên lưng ngựa anh trả tiền trước mua lúa mạch cho ngựa ăn, con ngựa tội nghiệp đói quá gặm luôn cả máng. Một giờ sau, Fabrice lại cho ngựa kiệu trên đường cái, với hy vọng lỡ mờ được gặp lại chị hàng căng tin hoặc ít nữa là anh hạ sĩ Aubry.

Vừa đi vừa nhìn ra tứ phía, anh đến một con sông lầy lội có một chiếc cầu gỗ hẹp bắc ngang. Trước khi đến cầu, về bên phải đường cái, có một cái nhà lẻ loi mang bảng hiệu Bạch mã. “Ta ăn ở đây thôi”, Fabrice nghĩ thầm. Một sĩ quan kỵ binh cánh tay băng bó treo trước ngực đang ngồi trên lưng ngựa ở đầu cầu, vẻ mặt buồn bã. Cách ông mười bước, ba kỵ sĩ đứng dưới đất đang nhét thuốc lá vào tẩu.

Fabrice thầm nghĩ: Những người này có vẻ muốn mua lại con ngựa của ta rẻ hơn giá ta mua đây. Viên sĩ quan bị thương và ba người đi đất nhìn anh đi tới với dáng như chờ đợi. “Tốt hơn hết là ta không đi qua cái cầu mà đi dọc bờ của con sông, đó hẳn là con đường mà chị bán hàng căng tin khuyên ta đi để tránh rắc rối... Đúng như thế. Nhưng ta bỏ chạy thì ngày mai ta xấu hổ chịu sao nổi. Vả lại con ngựa ta chân khỏe lắm còn ngựa viên sĩ quan chùng như một mồi. Nếu ý muốn bốc ta xuống thì ta phóng ngựa chạy bay đi chứ”. Fabrice nghĩ thế rồi soạn sửa thể ngựa và cho đi từng bước hết sức ngắn.

Viên sĩ quan gọi, giọng bề trên: “Đi lên đi, anh kỵ binh kia”.

Fabrice tiến lên mấy bước rồi dừng lại, nói to:

— Ông muốn bắt ngựa tôi sao?

— Không đời nào. Cứ đi lên đi.

Fabrice nhìn lại viên sĩ quan, râu mép ông đã bạc và nét mặt trông vô cùng trung thực. Chiếc khăn treo cánh tay trái đầy máu me và bàn tay phải cũng buộc một mảnh vải dính máu. “Chắc là bọn đi đất sẽ chồm lên nắm cương ngựa của ta”.

Anh nghĩ thế nhưng đến khi nhìn gần thì thấy những người này cũng bị thương.

Viên sĩ quan mang cầu vai đại tá. Ông bảo:

— Vì danh dự, anh hãy đứng gác ở đây. Thấy có long kỵ, truy kỵ, hoặc khinh kỵ binh đi qua thì anh hãy nói với họ là đại tá Le Baron đang ở trong quán và ra lệnh cho họ đến gặp ông.

Viên đại tá già có vẻ đau buồn lắm, mới mở miệng ông ta đã chinh phục Fabrice. Anh đáp rất hợp lý:

— Thưa ông tôi còn non trẻ quá, e họ không nghe tôi. Cần có một tờ quân lệnh do ông viết.

Ông đại tá nhìn anh rất kỹ rồi nói:

— Chú bé nói có lý! Anh hãy viết lệnh đi. La Rose, anh còn bàn tay phải. Không nói gì, La Rose rút túi lấy ra một cuốn sổ tay nhỏ, viết mấy dòng rồi xé tờ giấy đưa cho Fabrice. Đại tá lặp lại cái lệnh với Fabrice và nói thêm là hai giờ sau, anh sẽ được một trong ba kỵ sĩ bị thương thay phiên gác cho đúng lệ. Xong, ông đi vào quán với những người tùy tùng. Fabrice nhìn họ bước đi, còn anh đứng im lìm ở đầu cầu vì xúc động bởi dáng đau buồn, lặng lẽ của họ. “Trông như những thần linh bị phù phép”, anh tự nhủ. Rồi anh mở quân lệnh ra đọc, thấy viết:

“Đại tá Le Baron, đạo 6 long kỵ binh, tư lệnh lữ đoàn 2 sư đoàn 1 kỵ binh trong quân đoàn 14, ra lệnh cho tất cả lính kỵ binh bất cứ là long kỵ binh, truy kỵ binh hay khinh kỵ binh phải tập hợp dưới quyền đại tá ở quán Bạch mã gần cầu, là nơi hành dinh của đại tá. Làm tại hành dinh, gần cầu Nữ Thánh, ngày mười chín tháng sáu năm 1815.

Viết thay đại tá La Baron bị thương ở cánh tay phải, và thừa lệnh đại tá.

Trung sĩ La Rose”.

Đứng gác ở đầu cầu vừa được nửa giờ, Fabrice trông thấy chín lính truy kỵ đi tới, trong đó sáu cưỡi ngựa, ba đi bộ. Anh đưa cho họ xem lệnh của đại tá.

Bốn tên cưỡi ngựa nói: “Chúng tôi sẽ trở lại” rồi cho ngựa đi nước kiệu lớn qua cầu. Fabrice bèn nói chuyện với hai tên kia. Trong khi họ tranh cãi hăng với nhau, ba tên đi bộ cũng vượt qua cầu. Cuối cùng một trong hai lính kỵ còn lại bảo cho xem lại tờ quân lệnh, rồi mang luôn nó đi và nói:

— Ta đem đến cho các bạn ta, thế nào họ cũng quay trở lại. Cứ ở đó mà đợi họ. Rồi hấn phóng ngựa chạy bay, bạn nó cũng theo nó. Tất cả những sự việc trên diễn ra trong chớp mắt.

Fabrice điên tiết gọi người lính bị thương đang thò đầu ra cửa sổ quán Bạch mã. Người đó đeo lon trung sĩ kỵ binh. Anh ta xuống và vừa đi đến gần vừa hét:

— Rút gươm ra chứ! Anh gác kia mà.

Fabrice làm theo lệnh, rồi nói:

— Chúng nó mang tờ quân lệnh đi rồi.

— Chúng đang tức tối vì trận đánh hôm qua, viên trung sĩ đáp, vẻ chán chường - Tôi sẽ cho anh một khẩu súng ngắn. Nếu người ta vi phạm lệnh nữa thì anh bắn chỉ thiên, tôi sẽ đến, không chừng chính đại tá cũng sẽ ra. Khi báo cáo quân lệnh bị lấy đi, Fabrice nhận thấy viên

trung sĩ đã có một cử chỉ ngạc nhiên. Anh hiểu rằng danh dự bản thân đã bị xúc phạm, và tự hứa sẽ không để cho bị lừa như thế nữa.

Được vũ trang bằng khẩu súng ngắn kỵ binh của viên trung sĩ, Fabrice hiên ngang đứng gác lại ở đầu cầu. Anh thấy bảy kỵ binh cưỡi ngựa đi tới. Anh ta đứng chặn đầu cầu từ trước. Anh truyền đạt mệnh lệnh của đại tá. Chúng có vẻ không bằng lòng. Tên táo bạo nhất tìm cách vượt qua cầu. Vừa sáng hôm qua, chị hàng quà bảo nên đâm chứ không nên chém. Fabrice nghe theo lời dạy khôn ngoan của người bạn gái đó, anh hạ mũi mã tấu và vờ như muốn đâm người vi phạm lệnh một nhát.

— Ái chà! Bọn lính kỵ la lớn - Cái thằng oắt con này muốn giết chúng ta. Làm như hôm qua chúng ta bị giết chưa đủ số! Cả bọn rút mã tấu xông vào Fabrice. Anh chắc chết. Nhưng anh nghĩ đến vẻ ngạc nhiên của viên trung sĩ và không muốn để bị khinh bỉ lần nữa. Vừa lùi trên cầu, anh vừa cố chĩa gươm đâm lại bọn kỵ mã. Sử dụng cây mã tấu đại kỵ quất thẳng, to, quá nặng đối với sức vóc anh, anh có vẻ mặt lạ lùng thế nào ấy, khiến bọn lính kỵ biết ngay đối thủ của mình. Bây giờ họ tìm cách không phải để đánh cho anh bị thương, mà để băm nát quần áo trên người anh. Vì vậy Fabrice nhận mấy nhát kiếm nhẹ trên hai cánh tay, về phía anh, luôn vùng gươm ráo riết đâm nhiều nhát tới trước. Rủi làm sao, một nhát đâm phải tay một tên, làm hắn bị thương. Tức giận vì bị một tên lính non choẹt đánh trúng, hắn ta trả lời bằng một nhát kiếm đâm thẳng cánh, tin vào phần trên đùi Fabrice. Sở dĩ miếng kiếm đó trúng đích là vì con ngựa của Fabrice không những chạy tránh cuộc xung đột, lại có vẻ thích thú và cứ muốn xông vào bọn tấn công. Bọn này thấy máu chảy dọc theo cánh tay phải Fabrice, đâm ngại là trò đùa nghịch của họ đã vượt giới hạn quá xa, bèn tấn chàng thanh niên vào thành cầu bên trái, rồi phóng ngựa chạy đi. Vừa rảnh tay Fabrice bắn phát súng chỉ thiên để báo với đại tá.

Khi súng nổ thì có bốn kỵ binh cưỡi ngựa, hai đi bộ, cùng một trung đoàn với mấy tên kia, đang tiến về phía cầu và còn cách vài trăm bước. Chúng chăm chú nhìn sự việc xảy ra trên cầu và tưởng Fabrice bắn vào bọn đồng ngũ của họ, bốn tên đi ngựa lao tới Fabrice, gươm trần vùng cao, một cuộc xung phong thực sự! Đại tá La Baron nghe súng, mở cửa ra và chạy lên cầu, vừa đúng lúc bọn kia phi ngựa tới. Tự ông ra lệnh bảo chúng dừng lại.

— Ở đây làm gì có đại tá! Một tên trong bọn thét và thúc ngựa tiến lên. Đại tá phần nộ bỏ dờ những lời khiển trách và dùng bàn tay phải bị thương nắm cương ngựa của tên đó. Ông thét:

— Dừng lại! Đồ lính tồi. Tao biết mày, mày ở đại đội của đại úy Henriet.

— Ừ! Đã vậy thì để chính đại úy ra lệnh cho ta.

Nó lại cười khanh khách, nói thêm:

— Đại úy Henriet bị giết hôm qua, còn lão thì xéo đi, tìm chỗ mà rụi!

Nó vừa nói vừa muốn vượt lên, khiến ông đại tá bị đẩy ngã xuống nền cầu. Fabrice đang ở trên cầu, cách hai bước, mặt quay về quán Bạch mã. Anh thúc ngựa lên và trong khi ức ngựa của tên hung thủ đẩy ngã ông đại tá tay vẫn nắm chặt dây cương, thì anh cầm phần đâm nó một nhát thẳng cánh. May sao ngựa của tên kỵ binh thấy mình bị kéo xuống đất, do tay ông đại tá nắm dây cương nên nhảy qua một bên, do cử động của con ngựa, lưỡi gươm đại kỵ dài lướt dọc áo gilê tên kỵ binh và bày ra trợn vện dưới mắt hắn. Nổi điên, tên kỵ binh quay lại chém một nhát cực mạnh làm Fabrice đứt tay áo, lưỡi gươm bám sâu vào cánh tay, anh ngã xuống.

Một trong hai tên kỵ binh không ngựa thấy hai người bảo vệ cầu đều ngã, bèn chớp cơ hội nhảy lên lưng ngựa Fabrice và phóng đi, định chiếm đoạt con ngựa.

Viên trung sĩ từ trong quán chạy ra thấy đại tá của mình ngã, tưởng ông bị trọng thương. Anh đuổi theo ngựa Fabrice đâm mũi kiếm của mình vào hông tên kỵ binh. Tên này đổ xuống. Những đứa khác thấy trên cầu chỉ còn viên trung sĩ đi đất, liền phi ngựa vượt qua cầu và chạy

đi nhanh chóng. Tên đi bộ chạy trốn về phía đông.

Viên trung sĩ đến bên cạnh những người bị thương. Fabrice đã đứng lên, anh ta không đau lắm nhưng mất nhiều máu. Ông đại tá đứng dậy chậm hơn, choáng vì ngã chứ không mang thương tích gì. Ông nói với viên trung sĩ:

— Ta chỉ đau vì vết thương cũ ở bàn tay.

Tên kỵ binh bị trung sĩ đâm chỉ còn ngắc ngoải. Đại tá kêu:

— Quỷ sứ bắt nó đi! Rồi ông nói với viên trung sĩ và hai người lính kỵ vừa mới chạy đến. Hãy sẵn sóc chú thanh niên bé bỏng này, ta đưa chú vào chỗ nguy hiểm không phải lúc. Tôi ở lại trên cầu để tự mình cố chặn những tên điên cuồng đó lại. Các anh hãy đưa chú bé về quán và băng bó cánh tay cho chú. Lấy một chiếc sơ mi của tôi mà băng”.

CHƯƠNG V

Tất cả sự biến đó xảy ra trong không đầy một phút. Những thương tích của Fabrice không có gì nghiêm trọng, người ta buộc cánh tay anh với những băng xé từ áo sơ mi của đại tá ra. Người ta muốn dọn cho anh một cái giường ở tầng gác một tại quán. Nhưng Fabrice nói với viên trung sĩ:

— Thế thì trong khi tôi ở đây, được nâng niu trên tầng một, con ngựa tôi ở trong tàu sẽ buồn chán vì lẻ loi và đi theo một ông chủ khác mất.

— Tân binh mà thế thì khá thật! Viên trung sĩ nói. Thế là các người tùy tùng của đại tá soạn một ổ rơm mới cho Fabrice nằm ở ngay cái máng buộc ngựa của anh.

Xong, vì Fabrice tỏ ra yếu sức quá viên trung sĩ mang cho anh một cốc rượu vang nóng và trao đổi đôi lời với anh. Mấy lời khen tặng chen lẫn trong cuộc chuyện trò đó đã khiến chàng thanh niên sung sướng như lên chín tầng mây.

Đến tờ mờ sáng hôm sau, Fabrice mới thức giấc dậy. Ngựa hí dài và làm huyền não kinh khủng, chuồng ngựa đầy những khói. Lúc đầu Fabrice không hiểu vì sao mà ồn ào như thế và cũng không nhớ mình đang ở đâu. Về sau, suýt ngạt thở vì khói, anh đoán là cái nhà quán cháy. Trong chớp mắt, anh đã ra khỏi chuồng và lên lưng ngựa. Anh ngẩng đầu, khói tuôn ùn ùn qua hai cửa sổ bên trên tàu ngựa, còn mái nhà thì bao phủ một lớp khói đen cuộn cuộn. Khoảng một trăm lính bại tẩu đã đến quán Bạch mã trong đêm. Tất cả đều la lối và nguyên rửa. Năm sáu đứa Fabrice được trông thấy gần như say mềm. Một tên định tóm anh, hét: Mày mang ngựa tao đi đâu đấy?

Fabrice cho ngựa chạy đi được một phần tư dặm thì ngoái cổ trông lại. Không ai đi theo anh cả, nhà quán đang bốc lửa. Anh nhận ra cái cầu, nghĩ đến vết thương, cảm thấy cánh tay bó chặt trong băng và rất nóng. “Còn ông đại tá già, ông ra sao rồi nhỉ? Ông đã cho chiếc áo để người ta băng bó mình!” Sáng hôm đó, Fabrice bình tĩnh lại. Lượng máu chảy khỏi người anh cũng cuốn luôn theo phần phiêu lưu lãng mạn trong tính tình anh.

Đi được một giờ anh cảm thấy yếu sức đi quá. Ái chà! Mình sắp ngất chẳng? Nếu mình ngất, người ta sẽ bắt mất con ngựa, không chừng còn lấy áo quần nghĩa là luôn cả cái gia tài của mình trong đó. Anh không còn sức khiến ngựa và đang cố lấy thăng bằng trên yên thì một anh nông dân trông thấy. Anh ta đang cuốc ruộng bên đường cái, nhìn thấy vẻ mặt tái nhợt của Fabrice, bèn chạy đến mời anh một cốc bia và một miếng bánh mì.

Người nông dân bảo: “Thấy anh xanh xao, tôi nghĩ là một thương binh trong trận kịch chiến!” Sự giúp đỡ ấy quả đúng lúc. Khi Fabrice bắt đầu nhai mẩu bánh đen thì cũng là lúc mắt anh bắt đầu nhúc nhối khi nhìn tới trước. Khỏe lại được một tí, anh cảm ơn người nông dân và hỏi: “Vùng này là vùng nào?” Người nông dân bảo cứ đi ba phần tư dặm nữa thì đến thị trấn Zonders, ở đấy anh sẽ được chăm sóc chu đáo. Fabrice đi bừa đến thị trấn ấy, mà tự mình cũng không hiểu mình làm gì, chỉ mỗi bước mỗi lo sao cho khỏi ngã ngựa. Anh thấy một cổng lớn rộng mở, anh đi vào, đó là quán Etrille. Liên đó, một người đàn bà đồ sộ chạy ra, đó là chị chủ quán. Giọng lạc đi vì thương hại, chị kêu cứu. Hai cô con gái đến giúp Fabrice xuống ngựa. Vừa xuống đất thì anh ngất lịm đi. Người ta mời một thầy thuốc giải phẫu đến, ông này chích máu cho anh.

Ngày hôm đó và những ngày sau, Fabrice chẳng biết người ta đã làm gì cho mình. Hầu như anh ngủ suốt. Nhất đêm ở đùi đe dọa sưng to.

Những khi tỉnh, Fabrice dặn bảo chăm sóc ngựa cho anh và lặp lại nhiều lần là anh sẽ chi tiền rộng rãi, khiến bà chủ quán và hai cô con gái phật lòng. Anh được chăm sóc vô cùng chu đáo mười lăm hôm và bắt đầu tỉnh người lại. Bỗng một tối, anh nhận thấy những phụ nữ trong

nhà có vẻ hết sức bối rối. Không lâu sau đó, một sĩ quan Đức vào buồng anh, người trong nhà đối đáp với hắn bằng một thứ tiếng mà anh không hiểu, tuy vậy anh cũng thấy rõ là họ nói về anh cho nên vờ ngủ. Lát sau, đoán rằng tên sĩ quan Đức đã đi rồi, anh gọi bà chủ và các cô gái hỏi:

— Có phải viên sĩ quan ấy đến ghi tên tôi vào một danh sách để bắt tôi bỏ tù hay không?

Bà chủ rưng rưng nước mắt bảo là đúng như vậy.

— Thế thì có tiền ở trong áo tôi đó! Fabrice vùng dậy nói.- Bà ạ, bà mua hộ tôi một bộ quần áo thị dân và nội đêm nay tôi sẽ rời nơi đây. Bà đã cứu sống tôi một lần khi đón nhận tôi trong lúc tôi sắp ngã chết giữa đường. Hãy cứu tôi lần nữa bằng cách giúp phương tiện cho tôi trở về với mẹ tôi.

Hai cô gái nghe nói thế khóc òa, họ lo sợ cho số phận của Fabrice. Vì họ nghe tiếng Pháp câu được câu chăng cho nên họ đi đến giường Fabrice để hỏi han thêm. Họ bàn luận với bà mẹ bằng tiếng flamand[40], nhưng cứ luôn luôn nhìn về phía anh với đôi mắt trĩu mến. Anh hiểu tầm tàm rằng việc anh bỏ trốn sẽ làm họ liên lụy nặng nề đấy, nhưng họ cũng cứ vui lòng phó mặc rủi may. Anh chấp tay lại, sôi nổi cảm ơn họ.

Một người Do Thái địa phương cung cấp cho anh đủ bộ sậu quần áo. Vào khoảng mười giờ đêm, hắn đem tới hai cô gái đo áo ngoài lên cái áo lính Fabrice thì thấy cần phải thu hẹp lại bao nhiêu. Tức thời họ bắt tay vào việc vì không còn thì giờ nữa. Fabrice chỉ mấy đồng Napoléon giấu trong áo, nhờ họ khâu vào quần áo mới mua. Cùng với quần áo có một đôi giày mới rất đẹp. Anh không ngần ngại nhờ các cô gái đôn hậu đó rạch đôi giày mới theo kiểu kỵ binh ở một chỗ mà anh chỉ, và cất giấu những hạt kim cương nhỏ vào làn vải lót.

Do hậu quả lạ lùng của việc mất máu và trạng thái suy yếu sau đó, Fabrice hầu như quên hết tiếng Pháp. Anh nói tiếng Ý với những người chủ nhà, họ lại nói với anh bằng một thứ thổ âm flamand, thành thử hai bên hiểu nhau hầu như chỉ qua những dấu hiệu. Khi hai cô thiếu nữ, họ tuyệt đối không vụ lợi, thấy kim cương, lòng mến phục của họ với Fabrice tăng lên không hạn độ, họ cho anh là một hoàng tử cải trang. Aniken, cô em và là người ngây thơ nhất, ôm anh hôn đại, không kiểu cách, về phần mình, Fabrice cũng thấy họ rất dễ ưa. Vào giữa đêm, khi thầy thuốc cho phép anh uống chút ít rượu vang để đủ sức đi đoạn đường dài sắp tới, anh gần như không muốn ra đi nữa. “Còn ở đâu hơn đây chứ!” Anh nói. Tuy nhiên vào lúc hai giờ sáng, anh mặc quần áo ở trong buồng.

Bước ra, anh được bà chủ cho biết con ngựa đã bị tên sĩ quan giắt đi, tên sĩ quan đã đến xét nhà mấy tiếng đồng hồ trước đây. Fabrice thét lên và văng tục:

— Lũ chó chết! Làm thế đối với một thương binh thì quá lắm.

Cái chàng người Ý trai trẻ đó chưa phải là một triết gia, nếu không anh hẳn phải nhớ chính anh tậu con ngựa đó như thế nào!

Aniken vừa khóc vừa nói cho anh biết người ta đã thuê cho anh một con ngựa khác. Cô muốn ở lại. Cảnh chia tay diễn ra trong tình quyến luyến vô hạn. Hai thanh niên cao lớn, có họ với chị chủ quán đỡ Fabrice lên yên. Dọc đường họ dìu đỡ anh ta, trong khi một người thứ ba đi trước mấy trăm bước quan sát xem có đoàn tuần tiểu khả nghi nào trên đường không. Đi được hai tiếng đồng hồ thì họ dừng lại ở nhà một người chị em họ của chị chủ quán ở Etrille. Fabrice nói thế nào hai anh thanh niên dìu dắt anh cũng không chịu rời bỏ anh, họ bảo là họ biết đường lối trong rừng rõ hơn ai hết.

“Nhưng sáng mai! Fabrice nói - khi người ta biết tôi đi trốn và thấy các anh vắng mặt thì thế nào các anh cũng bị rầy rà .

Họ lại tiếp tục đi. May sao, lúc trời sáng thì đã có sương mù dày đặc che lấp đồng bằng. Khoảng tám giờ, đoàn đi đến một thành phố nhỏ. Một thanh niên tách ra đi lên trước xem thử ngựa trạm có bị bắt trộm không. Người trạm trưởng đã nhanh tay làm tiêu biến những con ngựa trạm ấy và thay thế vào chuồng ngựa công mấy con ngựa khác tồi tệ. Hắn vào đầm lầy bắt hai con trong bầy ngựa hắn giấu ở đó và hai giờ sau, Fabrice lên một chiếc xe con hết sức xộc xệch được thắng hai ngựa trạm này. Phút chia tay đối với mấy chàng thanh niên họ hàng của chị chủ quán lâm ly tốt bậc. Họ nhất định không nhận tiền đền ơn, mặc dù Fabrice viện những lý do ân tình nhất. Họ chỉ một mực bảo: “Thưa ông, với tình trạng ông, ông cần tiền hơn chúng tôi”. Cuối cùng họ trở về với nhiều thư của Fabrice, đi đường xóc, anh đã hơi tỉnh người, cho nên cố ghi vào trong thư tất cả cảm tình của anh đối với mẹ con chị chủ quán. Anh cảm động chảy nước mắt, trong khi viết thư, và chắc chắn là bức thư gửi cho cô bé Aniken phải ướm át niềm yêu.

Hành trình còn lại không có gì lạ. Đến Amiens, anh thấy đau nhiều ở nhất kiếm đâm vào đùi, viên y sĩ nông thôn trước đây không nghĩ đến việc nói cho nên mặc dù, nhiều lần chích máu, vết thương vẫn sưng phù, Fabrice ở lại quán Amiens mười lăm hôm, do một gia đình nịnh hót và tham lam làm chủ. Trong lúc đó, quân đồng minh xâm chiếm đất Pháp. Còn Fabrice thì trở thành như không phải chính mình nữa, chỉ vì anh có những suy nghĩ sâu sắc về những sự việc xảy đến cho anh. Anh chỉ còn trẻ con ở một điểm: “Cái mà mình nhìn thấy có phải là một trận đánh không? Thứ nữa, trận đánh đó có phải là trận Waterloo không?” Lần đầu tiên trong đời anh biết cái thú đọc sách báo. Anh luôn hy vọng tìm thấy trong báo chí, trong các bài tường thuật chiến trận một đoạn văn tả cảnh nào giúp anh xác định được những nơi anh đã đi qua với thống chế Ney, và sau đó với một tướng khác.

Những ngày trú ở Amiens, hầu như ngày nào anh cũng cố viết thư cho những người bạn tốt của anh ở Etrille. Một khi bình phục, anh đi Paris ngay. Anh tìm thấy ở khách sạn cũ hai mươi bức thư của mẹ và cô anh van anh mau chóng trở về. Cái thư sau cùng của bà bá tước Pietranera có một cái gì bí mật khiến anh rất lo ngại và không còn những mơ mộng tình tứ. Tính anh là thế, chỉ cần một tiếng là đủ cho anh dễ dàng dự kiến những tai họa lớn nhất, sau đó thì trí tưởng tượng của anh lại vẽ vời những tai họa ấy với nghìn chi tiết ghê gớm.

Bá tước phu nhân viết: “Chớ ký tên vào những bức thư anh viết để báo tin sức khỏe. Khi về, chớ vội về ngay hồ Côme, hãy dừng lại ở Lugano, trên đất Thụy Sĩ”. Fabrice phải đổi tên Vasi mà đến thị trấn nhỏ đó, anh sẽ tìm gặp ở cái quán lớn nhất người bồi phòng của nữ bá tước, người này sẽ báo cho anh biết phải làm gì. Bà cô chấm dứt bức thư bằng mấy câu sau đây:

“Hãy tìm hết cách giấu cái việc ngông cuồng anh đã làm, và cần nhất là chớ giữ trên người một giấy tờ gì in hay viết tay. Ở Thụy Sĩ anh sẽ có những người bạn của Sainte Marguerite^[41] đi kèm. Nếu cô có đủ tiền, ở khách Balances và anh sẽ có được những chi tiết cô không thể viết ra giấy, nhưng mà anh cần biết trước khi bước chân lên đất nước nhà. Tôi van anh, không nên ở Paris thêm một ngày nào nữa, ở lại đó, anh sẽ bị bọn mật thám bên ta phát hiện mất”.

Trí tưởng tượng của Fabrice hình dung ra những điều lạ lùng nhất và anh không còn tìm thấy thú vui gì khác hơn là thử đoán xem cái việc ly kỳ cô anh nói đến đó là việc gì. Vượt sang đất nước Pháp, anh bị bắt hai lần, nhưng anh cũng biết cách thoát. Có sự phiền não đó là do anh mang giấy thông hành Ý và vì anh tự xưng là một người buôn hàn thử biểu, điều đó không khớp chút nào với gương mặt trẻ măng và cánh tay treo buộc của anh.

Rốt cuộc, đến Genève, Fabrice gặp người nhà của nữ bá tước, anh này nhân danh chủ mà nói cho anh biết anh bị tố giác với sở an ninh Milan là đã mang đến cho Napoléon những đề nghị của một tổ chức phiến loạn lớn đặt ở vương quốc Ý. Bức thư tố giác đó viết rằng nếu mục đích đi Pháp không phải thế thì cần gì đổi tên họ. Mẹ anh tìm cách chứng minh sự thật là:

“Anh không hề bước chân ra khỏi Thụy Sĩ. Anh bỏ đi đột ngột sau một cuộc cãi vã bất hòa với người anh cả.”

Nghe câu chuyện đó, Fabrice giương giương tự đắc. Anh tự nhủ: “Ta mà là sứ thần bên cạnh Hoàng đế Napoléon! Ta có vinh dự hầu chuyện với con người vĩ đại đó, ơn Chúa!” Anh sức nhớ ông tổ thứ bảy của mình, cháu nội người đã đến Milan theo de Sforce, ông tổ ấy đã có vinh dự bị những kẻ thù của quận công chặt đầu, chúng bắt gặp ông trong khi ông mang điều ước liên minh đến cho các tổng và tuyển mộ binh lính. Anh hình dung lại bức tranh minh họa sự kiện này, dính trong gia phả.

Hỏi người hầu phòng, Fabrice thấy anh ta cảm phần về một chi tiết mà rốt cuộc anh không giấu được, mặc dù bà bá tước năm lần bảy lượt dặn anh đừng cho Fabrice biết. Đó là việc chính người anh cả của Fabrice, Ascanio đã tố cáo em. Cái tin tàn nhẫn ấy khiến Fabrice như lên một cơn điên. Từ Genève đi Ý phải qua thành phố Lausanne, Fabrice muốn đi bộ và đi ngay nghĩa là phải vượt mười, mười hai dặm đường dù là trạm xe Genève – Lausanne chỉ hai tiếng nữa là khởi hành.

Trước khi rời Genève, Fabrice gây gổ với một thanh niên trong quán cà phê khổ địa phương anh cho là anh thanh niên kia nhìn anh với đôi mắt kì dị. Đúng như vậy, anh thanh niên Genève phớt lạnh chỉ nghĩ đến tiền kia, tưởng là anh điên. Bởi vì khi vào quán, Fabrice đã đảo con mắt giận dữ nhìn quanh rồi lóng ngóng làm đổ cốc cà phê lên quần. Trong cuộc gây gổ này, cử chỉ đầu tiên của Fabrice là một cử chỉ đặc sệt thế kỷ XVI. Rút dao găm xông đến để đâm anh kia chứ không nói đấu gươm, đấu súng gì cả. Trong cơn cuồng nộ, Fabrice quên hết những nguyên tắc danh dự đã học, và quay trở về với bản năng, nói cho đúng, với những thói cũ của tuổi thơ.

Người tâm phúc gặp ở Lugano càng làm cho anh tức giận hơn nữa bởi những chi tiết mới mà người ấy tiết lộ, ở Grianta, mọi người đều mến Fabrice, không ai phát giác anh và nếu không có thủ đoạn đáng yêu của người anh thì ai cũng vờ tin rằng anh đang ở Milan, bọn an ninh sẽ không bao giờ chú ý đến sự vắng mặt của anh.

Người của bà cô phái đến nói: “Chắc chắn là bọn thuế quan nắm được nhận dạng của công tử, nếu chúng ta theo đường cái mà đi thì đến biên giới vương quốc Lombardo Vénitien, cậu sẽ bị bắt thôi”.

Fabrice và bọn thủ hạ biết tất cả những đường cong nẻo tắt trong cụm núi nằm giữa Lugano và hồ Côme, họ cải trang thành những người đi săn, tức là những người buôn lậu và vì họ là ba người có vẻ mặt kiên quyết, cho nên những nhân viên thuế quan gặp họ chỉ còn nghĩ đến chào họ mà thôi, Fabrice xếp đặt thì giờ để đến lâu đài vào nửa đêm, vào giờ ấy bố anh và tất cả những kẻ hầu hạ dùng phần đều đi ngủ đã lâu. Anh leo xuống cái hồ sâu không khó nhọc gì và vào lâu đài qua một cửa sổ con ở tầng hầm. Mẹ anh và cô anh đợi anh ở đó và lát sau, chị anh và em anh cũng chạy đến. Vuốt ve âu yếm, và khóc lóc xúc động lần lượt diễn ra khá lâu, khi họ bắt đầu nói chuyện với nhau tỉnh táo thì những tia sáng đầu tiên của bình minh cũng đến nhắc cho những người tưởng mình khổ đó là thì giờ đi nhanh như bay biến.

— Cô hy vọng là anh cả không biết anh đã về! Bà Pietranera nói. - Cô không thèm nói gì với nó từ khi nó có hành động đẹp đẽ đó, cho nên nó lấy làm nhục lắm. Tối hôm qua, cô hạ cố nói chuyện với nó vì cô cần tìm cách giấu niềm vui mừng cuồng nhiệt của cô để cho nó khỏi nghi ngờ, rồi thấy nó đắc ý vì cái việc gọi là làm lạnh đó, cô lợi dụng sự vui mừng của nó để ép nó uống rượu vô tội vạ và chắc là nó không nghĩ đến việc rình mò mai phục, làm nốt cái nghề mật thám của nó.

— Cần giấu chú kỵ binh của chúng ta trong buồng cô! Bà hầu tước bảo - Chú không thể đi ngay đâu, vào lúc ban đầu này chúng ta không đủ tự chủ để tính toán, thế mà ta lại cần chọn cách tốt nhất để lừa cái sở an ninh Milan ghê gớm kia.

Người ta làm theo lời bà. Nhưng ngày hôm sau, hầu tước và trưởng nam của ông nhận thấy bà hầu tước cứ ở luôn trong phòng cô em chồng. Chúng tôi không dừng lại để diễn tả những cuộc bộc lộ tình cảm và những hoan hỷ của mấy con người sung sướng kia trong ngày hôm đó. Do có trí tưởng tượng nóng bỏng, người Ý bị dày vò hơn chúng ta bởi những nghi ngờ, những ý

tướng điên loạn, ngược lại cái vui sướng của họ nồng nhiệt hơn, lâu bền hơn. Ngày hôm đó, bà bá tước và bà hầu tước mất trí thực sự. Fabrice bị bắt buộc phải kể lại từ đầu tất cả những gì anh đã kể. Cuối cùng họ quyết định mang niềm vui mừng chung đến giấu ở Milan, bởi vì họ thấy khó lẩn tránh lâu hơn nữa sự kiểm soát của bố con ông hầu tước.

Đoàn đi chiếc xuồng mà gia đình thường dùng để đi Côme, nếu làm khác thì sẽ xảy ra trăm sự nghi ngờ. Nhưng đến bến Côme thì bà hầu tước sực nhớ bà đã để quên ở Grianta nhiều giấy tờ quan trọng bậc nhất, bà vội vàng cho bọn chèo thuyền trở về nơi đó, cho nên họ không thể nhận xét gì về cách hai bà lớn dùng thì giờ ở Côme. Vừa đến nơi, các phu nhân thuê hú họa một trong những chiếc xe đỗ chờ khách bên cạnh ngôi tháp cao thời Trung cổ đứng sừng sững ở cổng Milan. Họ lên đường tức khắc, người đánh xe không có thì giờ chuyện vãn với ai. Còn cách thành phố một phần tư dặm, các bà ấy gặp một người đi săn trẻ tuổi quen biết, người ấy có nhã ý làm kỵ sĩ cho các phu nhân cho đến cửa ô Milan, nơi anh nhằm đi tới trong khi săn bắn, vì các bà không có đàn ông đi hộ vệ.

Mọi việc diễn ra êm thấm, hai phu nhân nói chuyện vui vẻ với người bạn đường thanh niên cho đến một khúc ngoặt để vòng cái đồi thơ mộng và khu rừng San Giovanni, ở đây ba viên sen đầm cải trang xông tới nắm cương ngựa. “Chao ôi! Ông chồng tôi đã phản chúng ta!” bà hầu tước thét lớn rồi ngất đi. Một trung sĩ sen đầm đi sau tiến lên, bước lảo đảo đến bên cổ xe và nói với giọng của người ở quán ra:

— Tôi lấy làm tiếc phải thi hành nhiệm vụ. Tôi cần phải bắt ngài tướng quân Fabio Conti ạ.

Fabrice tưởng viên trung sĩ gọi anh là tướng để chế diễu anh. Anh đe thăm: “Rồi mày coi tao!” Anh nom chừng bọn sen đầm cải trang và rình cơ hội để nhảy xuống xe bằng đồng chạy trốn.

Nữ bá tước cười băng quơ rồi nói với viên trung sĩ:

— Này ông trung sĩ thân mến, ông tưởng chú bé mười sáu này là tướng Conti đó chẳng?

— Cô không phải con gái ông tướng là gì?

— Ông nhìn cha tôi kia! Bà bá tước nói và chỉ Fabrice.

Bọn sen đầm cười như điên dại.

Viên trung sĩ phật ý về tiếng cười cợt nói:

— Các người hãy đưa giấy thông hành tôi xem, không lý sự gì cả.

— Quý vị phu nhân đây chả bao giờ lấy giấy thông hành để đi Milan cả! Anh đánh xe mới, về thản nhiên và hiền triết.

— Các bà từ lâu đài Grianta của các bà đến. Bà lớn đây là bá tước Pietranera phu nhân, bà lớn kia là hầu tước Del Dongo phu nhân.

Viên trung sĩ tiu nghỉu đi ra phía trước đầu ngựa bàn bạc với lính của y. Cuộc hội đàm diễn ra được năm phút thì bà bá tước Pietranera yêu cầu các viên chức ấy để cho xe ngựa tiến lên mấy bước, đỗ dưới bóng cây, nắng gay gắt dù mới mười một giờ sáng. Fabrice chăm chú nhìn quanh tứ phía để tìm cách chạy trốn, sực thấy một thiếu nữ từ một lối mòn băng qua đồng đi ra con đường cái đầy bụi bặm. Thiếu nữ khoảng mười bốn mười lăm đang cầm khăn tay che miệng khóc thút thít. Cô đi tới giữa hai tên sen đầm mặc binh phục. Đi sau, cách ba bước là một người cao lớn, gầy guộc, cũng có hai sen đầm kèm hai bên, ông này lấy dáng hộ vệ của một quan quân trưởng đi trong đám rước. Viên trung sĩ bấy giờ ngấm rượu say mềm hỏi:

— Lũ bay tìm thấy họ ở đâu đó?

— Chạy trốn qua đồng, không có thông hành thông hiếc gì sắt.

Viên trung sĩ hoàn toàn loạn óc, y chỉ cần tóm có hai mà bây giờ có đến những năm tù nhân. Y đi tránh ra mấy bước, chỉ để một tên sen đầm giữ người tù đang làm oai và một tên khác ghìm ngựa. Fabrice vừa nháy xuống xe thì nữ bá tước bảo:

— Đừng đi, mọi việc sẽ dàn xếp ổn thỏa.

Một tên sen đầm lớn tiếng:

— Mặc! Nếu chúng không có thông hành thì cứ bắt lại.

Viên trung sĩ vẻ không được cương quyết như vậy. Tên tuổi bà bá tước Pietranera khiến y lo ngại, anh ta trước có biết tướng Pietranera nay vẫn chưa hay là ông đã quá cố. Anh nghĩ thầm: Trung tướng không phải là người dễ bỏ qua việc ta bắt ấu vơ ông.

Trong khi họ bàn bạc dai dẳng với nhau như vậy thì nữ bá tước bắt chuyện với cô thiếu nữ đứng dưới đường, trong bụi bặm, bên cạnh cỗ xe, bà lấy làm kinh dị vẻ đẹp của cô ta. Bà nói:

— Cô đứng giữa nắng sẽ mệt đấy, tiểu thư ạ. Bà lại hướng về tên sen đầm giữ ngựa, nói thêm: - Chú quyền giời giang kia chắc sẽ cho phép cô lên xe ngồi nghỉ tạm.

Đang đi lò dò quanh cỗ xe, Fabrice lại gần để giúp thiếu nữ leo lên xe. Được Fabrice nâng cánh tay, cô vừa bước lên bàn giậm thì con người bệ vệ ở sau xe hét, giọng cất cao để cho oai:

— Cứ ở dưới đường, đừng lên xe của người khác.

Fabrice không nghe thấy lệnh ấy, thiếu nữ không leo lên xe nữa, chỉ muốn lui xuống, còn Fabrice thì cứ tiếp tục đỡ cô, hóa nên cô ngã vào tay anh. Anh mỉm cười, thiếu nữ xấu hổ đỏ mặt. Cô nhào ra khỏi tay anh, bốn mắt nhìn nhau một lát. Fabrice nghĩ thầm: "Cô này mà làm bạn tù thì tuyệt! Cái trí tuệ dưới vầng trán kia coi mà sâu sắc! Chắc là nàng phải biết yêu."

Viên trung sĩ sấn lại, oai vệ:

— Trong các bà đây ai là Clélia Conti?

— Tôi, thiếu nữ đáp.

— Còn tôi. Ông có tuổi nói - Tôi là tướng Fabio Conti, thị thần của ngài điện hạ quận vương thành Parme. Tôi thấy một người như tôi mà bị lòng bắt như một tên cướp thì khiếm lễ quá.

— Hôm kia, lúc xuống thuyền ở bến Côme, không phải ông đã xua đuổi viên thanh tra cảnh sát hỏi giấy thông hành ông là gì? Vậy hôm nay ông ấy không cho ông đi dạo chơi!

— Lúc ấy thuyền tôi đã xô ra rồi, tôi vội, trời sắp nổi giông. Một người không vận binh phục từ trong bờ thét lên đòi tôi trở lại, tôi nói tên và tiếp tục đi.

— Và buổi sớm hôm nay, ông bỏ Côme trốn đi?

— Người như tôi không lấy giấy thông hành để đi từ Milan đến xem hồ. Sáng nay ở Côme, người ta nói với tôi rằng tôi sẽ bị bắt ở cổng Milan, tôi ra đi, đi bộ với con gái tôi, tôi hy vọng tìm thấy một chiếc xe chở tôi đến Milan, ở đó chắc chắn việc đầu tiên của tôi là đến thăm tướng trấn thủ để khiếu nại.

Viên trung sĩ thấy như được cất một gánh nặng:

— Thế thì tướng quân bị bắt rồi đó, và tôi sẽ đưa ông về Milan. Còn anh, anh là ai? Y hỏi Fabrice.

— Con tôi. Nữ bá tước nói- Ascagne, con trung tướng Pietranera.

— Không thông hành sao, thừa phu nhân? Viên trung sĩ hỏi, giọng đã dịu đi nhiều.

— Với tuổi ấy, nó chả bao giờ lấy giấy thông hành. Nó có đi một mình bao giờ, nó luôn luôn đi với tôi.

Trong lúc họ trao đổi lời lẽ thì tướng Conti càng bộc lộ sự bất bình vì bị mất thể thống với bọn sen đầm. Một tên nói:

— Thôi chớ nhiều lời. Ông bị bắt, thế là đủ. Chúng tôi đồng ý để cho ông thuê một con ngựa con một bác nhà quê nào đó, thế là phúc ba đời nhà ông rồi! Viên trung sĩ nói. - Nếu không, dù bụi bặm và nặng nề, và mặc cái chức thị thần Parme, ông vẫn cứ phải đi đất như thường giữa mấy con ngựa của chúng tôi.

Ông tướng nổi lên văng tục.

— Anh có cầm cái mõm đi không? Nào quân phục cấp tướng của anh đâu chứ? Cha căng chú kiết nào lại không tự xưng là tướng được?

Viên tướng càng thăm giận. Trong lúc đó thì công việc trong xe ổn thỏa hơn nhiều.

Bà bá tước khiến bảo bọn sen đầm như người nhà của bà. Bà vừa cho một tên trong bọn một đồng écu để đi kiếm rượu vang và nhất là nước trong ở một cái nhà nhỏ nhìn thấy cách vài trăm bước. Bà có đủ thì giờ để trấn tĩnh Fabrice, anh ta trước chỉ chực chạy trốn vào rừng cây trên đồi. "Tôi có những khẩu súng tốt mà!" Anh nói. Bà xin được ông tướng giận dữ cho phép con gái lên ngồi trên xe. Quan tướng vốn thích nói về mình và gia đình mình, bèn nhân cơ hội cho các bà biết con gái quan sinh năm 1803, ngày hăm bảy tháng mười, thì mới có mười hai tuổi, nhưng ai cũng tưởng mười bốn mười lăm tuổi bởi vì nó khôn quá.

"Một con ngựa quá tầm thường, đôi mắt nữ bá tước nói thế với hầu tước phu nhân."

Nhờ có bá tước phu nhân, mọi việc được dàn xếp ổn thỏa sau cuộc đàm thoại một tiếng đồng hồ. Một tên sen đầm bỗng thấy mình có việc cần phải vào làng lân cận, nên cho quan tướng mượn con ngựa, sau khi bá tước phu nhân bảo: "Trả cho anh mười francs." Chỉ có mỗi mình viên trung sĩ đi với quan tướng. Bốn tên kia ngồi quây quần dưới bóng cây, quanh bốn chai rượu vang to tướng mà tên sen đầm được phái đến cái nhà nhỏ kia mang về, có một bác nông dân theo giúp. Tiểu thư Clélia Conti được quan tướng thị thần cho phép ngồi trong xe của các phu nhân để trở về Milan, và thế là không ai nghĩ đến việc bắt bớ con tướng Pietranera bá tước don hậu. Sau những phút ban đầu dành cho xã giao và những bình luận về sự biến nhỏ vừa xảy ra. Clélia để ý thấy sắc thái sôi nổi trong những lời một bà lớn xinh đẹp đến thế nói với Fabrice. Bà hẳn không phải là mẹ anh ta. Cô để ý nhất đến những lời thường lặp lại về một cái gì dũng cảm, táo tợn, nguy hiểm mà anh vừa mới làm gần đây. Dù rất thông minh, cô Clélia non trẻ cũng không đoán ra đó là việc gì.

Cách Milan một dặm đường, Fabrice bảo anh cần đi thăm ông chú và từ giã các bà. Anh nói với Clélia:

— Vạn nhất tôi thoát nạn thì tôi sẽ đi xem những bức tranh đẹp của thành Parme, và lúc đó cô có hạ cổ nhớ đến cái tên Fabrice Del Dongo chẳng?

— Tốt lắm! Bà bá tước nói - Anh biết giấu tên họ khá đấy! Tiểu thư ạ, tiểu thư hãy chịu khó nhớ cái anh con trai bắt tội kia là con tôi và mang tên họ Pietranera chứ không phải Del Dongo.

Tối hôm đó, vào một giờ khuya khoắt, Fabrice qua cửa ô Renza mà vào thành Milan, cửa ô này đưa đến một nơi đi dạo được ưa chuộng. Việc phải hai tên người nhà sang Thụy Sĩ hầu như làm cạn những khoản tiền dành dụm ít ỏi của hai phu nhân, may sao Fabrice còn giữ được mấy đồng Napoléon và một hạt kim cương mà họ định đem bán.

Hai bà được người ta quý mến và các bà quen biết hết mọi người trong thành phố. Những nhân vật quan trọng nhất trong cánh thân Áo và ngoan đạo can thiệp cho Fabrice với nam tước Binder, giám đốc an ninh. Họ nói họ không quan niệm được vì sao người ta quan trọng hóa trò ngông của một thằng nhãi mười sáu tuổi bỏ nhà ra đi sau khi gây gổ với người anh cả.

Nam tước Binder là một người khôn ngoan và buồn bã. Ông dịu dàng đáp: "Cái nghề của tôi nó bắt cái gì cũng phải cho là quan trọng cả!" Thời ấy ông lo ổn định tổ chức an ninh khét tiếng của thành Milan và ngăn ngừa một cuộc cách mạng như cuộc cách mạng 1746 đã đuổi người Áo ra khỏi Gênes. Cái cơ quan an ninh Milan ấy lừng danh từ những hoạn nạn của các ông Pellico và Andryane nó không hẳn là tàn bạo, nó thi hành đúng mức và không thương xót những luật pháp nghiêm khắc. Hoàng đế Francois đệ nhị muốn người ta làm cho những bộ óc tưởng tượng táo bạo của người Ý phải khiếp.

Nam tước Binder nói đi nói lại với những người che chở cho Fabrice:

— Hãy cho tôi biết từng ngày một và có căn cứ tiểu hầu Del Dongo đã làm gì kể từ khi anh ta rời Grianta ra đi, ngày 8 tháng ba, cho đến khi anh ta tới thành phố này tối hôm qua và trốn trong một buồng ở nhà mẹ. Xong, tôi sẵn sàng coi anh ta như một thanh niên đáng mến nhất và nghịch ngợm nhất trong thành phố này. Nếu ngài không thể báo cho tôi biết hành trình của anh thanh niên kia trong những ngày anh rời Grianta, thì dù anh thuộc dòng dõi thế gia nào, dù tôi kính mến những bạn hữu của gia đình anh nhất, bốn phận tôi buộc tôi cứ phải bắt anh. Bốn phận tôi không phải là cứ giam giữ anh ta cho đến khi anh chứng minh được là anh không hề chuyển đến cho Napoléon những lời tâu bày gì của bọn bất mãn có thể có ở Lombards trong đám thần dân của Hoàng đế hay sao? Các ngài nên chú ý thêm rằng nếu Del Dongo thanh minh được điều ấy, anh vẫn còn cái tội đi ra nước ngoài không có hộ chiếu hợp pháp và đã mang tên giả và cố tình dùng hộ chiếu cấp cho một người thợ bình thường, nghĩa là một người ở tầng lớp hết sức thấp so với tầng lớp anh.

Lời tuyên bố hợp lý một cách tàn nhẫn đó được kèm theo tất cả những cử chỉ lễ phép và trang trọng của một ông trùm an ninh đối với vị trí xã hội cao sang của hầu tước phu nhân Del Dongo và những nhân vật quan trọng can thiệp cho bà.

Hầu tước phu nhân lấy làm thất vọng khi nghe câu trả lời của nam tước Binder. Bà khóc và kêu lên:

— Fabrice sẽ bị bắt và khi đã bị tù thì họa có trời biết chừng nào nó được tha ra! Cha nó sẽ từ bỏ nó!

Phu nhân và bà em chồng hội ý với vài bà bạn hữu thân tín, dù họ bảo thế nào, bà cũng cứ muốn cho con bà ra đi ngay tối hôm sau.

— Nhưng mà chị cũng thấy nam tước Binder biết Fabrice ở đây chứ! Nữ bá tước nói - Ông ấy không phải là người hiểm ác.

— Đúng, nhưng ông ta muốn được lòng hoàng đế Francois .

— Nếu ông thấy bỏ tù Fabrice mà được thăng quan tiến chức thì hẳn thằng bé đã ngồi tù rồi. Cho nó trốn đi tức là tỏ ra có lòng nghi ngờ làm bẽ mặt ông ta.

— Tôi lại nghĩ rằng khi ông ta thú nhận biết Fabrice ở đâu tức là ông bảo chúng ta cho nó trốn đi! Không, tôi không có thể sống được khi tôi còn có thể tự nhủ: Trong mấy phút nữa, có lẽ

con ta sẽ bị nhốt giữa bốn bức tường! Dù nam tước Binder có tham vọng gì đi nữa! Bà hầu tước nói thêm - Thì ông cũng thấy rằng tổ ý nể nang đối với một người có vị trí xã hội như ông nhà tôi là có lợi cho địa vị của ông ta. Cứ xem thái độ cởi mở của ông khi ông nói ông biết có thể bắt Fabrice ở đâu thì đủ rồi. Hơn thế nữa, nam tước đã chịu khó kể lễ chi tiết hai tội trạng mà Fabrice bị tố cáo bởi thằng anh chẳng đáng làm anh của nó. Ông giải thích là hai tội trạng ấy buộc người phạm phải vào tù. Như thế, không phải ông muốn bảo chúng ta nếu chúng ta thấy lưu vong biệt xứ là hơn thì tùy chúng ta chọn hay sao?

— Nếu chỉ chọn lưu vong! Nữ bá tước luôn luôn lặp lại - Thì suốt đời chúng ta không gặp lại nó.

Fabrice có mặt suốt cuộc hội ý cùng với một người bạn lâu năm của bà hầu tước, bây giờ là bồi thẩm của tòa án do nước Áo lập ra, anh rất tán thành việc trốn đi. Làm đúng như vậy, ngay tối hôm đó, anh trốn trong chiếc xe ngựa đưa mẹ anh và cô anh đến nhà hát Scala để ra khỏi tòa lâu đài. Không tin tên đánh xe, chỗ nên khi hắt theo thói quen dừng lại quán rượu như thường lệ, họ cho một tên người nhà tín cẩn coi ngựa, và Fabrice cải trang thành một nông dân, chui ra khỏi xe và rời thành phố. Sáng hôm sau, anh vượt biên giới cũng may mắn như vậy và mấy tiếng đồng hồ sau, anh đã yên vị trong một trang ấp của mẹ anh ở đất Piémont gần Novare, ngay tại Romagnano, nơi tướng Bayard^[42] bị giết.

Chắc ai cũng tưởng tượng được khi ngồi ở buồng lô nhà hát Scala hai phu nhân đã chú ý vở kịch như thế nào. Họ chỉ đến đó để hỏi ý kiến mấy người bạn trong phái tự do bởi vì việc lui tới của những người này ở lâu đài Del Dongo có thể gây nghi ngờ cho bọn an ninh mật vụ. Trong buồng lô, họ quyết định vận động một lần nữa với nam tước Binder. Dùng tiền bạc để mua chuộc không thành vẫn đề đối với vị pháp quan lương thiện ấy, vả lại các bà cũng nghèo lắm, các bà đã ép Fabrice mang theo tất cả số tiền bán kim cương còn lại, khi anh ra đi.

Tuy nhiên rất cần nghe tiếng nói cuối cùng của nam tước. Bạn bè của nữ bá tước nhắc đến một viên chanoine nào đó tên là Borda, một thanh niên đáng mến ngày xưa đã từng săn đón bà, săn đón một cách không đẹp đẽ lắm, không thành công, hẳn đã tổ giác với tướng Pietranera mỗi cảm tình của bà với Limercati và vì thế bị mời ra khỏi cửa như một người tồi. Ngày nay, ông chanoine đó tối nào cũng đánh bài với bà nam tước Binder cho nên cũng dĩ nhiên là bạn thân thiết của ông chồng. Bà bá tước quyết định làm cuộc vận động khó nhọc và đáng tởm là đến cầu cạnh viên chanoine ấy, sáng hôm sau, hãy còn rất sớm, bà đến nhà ông ta trước khi ông đi. Khi người giúp việc duy nhất của viên chanoine báo có bá tước Pietranera phu nhân, thì vị cố đạo xúc động đến nói không ra tiếng, ông cũng không kịp chỉnh đốn quần áo xộc xệch.

— Mời bà vào rồi anh đi đi, ông bảo, giọng ghen lại.

Bà bá tước vào, viên cố đạo quỳ xuống đất:

— Thằng điên cuồng khốn khổ này xin quỳ gối mà nhận mệnh lệnh của nữ bá tước.

Nữ bá tước sáng hôm đó ăn mặc xuềnh xoàng, giản dị để cho người ta đừng nhận ra, lại hóa nên hấp dẫn một cách lạ lùng, khó mà không mê được. Nỗi phiền muộn về sự lưu vong của Fabrice, cộng với niềm gương gạo phải tìm đến nhà một người đã phản mình đến như thế, khiến cho đôi mắt bà sáng lên một cách khó tưởng tượng.

— Tôi muốn cứ quỳ như thế này mà nhận lệnh của phu nhân, vì rõ ràng là phu nhân cần tôi giúp một việc gì đây, nếu không thì phu nhân chẳng hạ cố ngự đến cái nhà tồi tàn của thằng điên đại khốn khổ này, ngày xưa, cuống cuống lên vì say đắm, lại vì ghen tuông, hẳn đã xử sự với phu nhân như một tên hèn mạt, khi hẳn thấy không có hy vọng gì lọt vào đôi mắt xanh kia.

Những lời đó thành thật và càng đẹp vì viên chanoine bây giờ có quyền lực lớn. Nữ bá tước cảm động đến rơi lệ. Ngày xưa, nhục nhã và sợ hãi khiến bà giá lạnh, ngày nay động lòng và ít nhiều hy vọng thay vào. Từ trạng thái khổ sở đau đớn, trong chớp mắt bà hầu như đã bước

sang trạng thái hạnh phúc. Bà đưa tay cho viên chanoine, nói:

— Anh hôn tay tôi đi và hãy đứng lên. (Phải hiểu rằng ở Ý, gọi người ta bằng anh [\[43\]](#) là tỏ tình bạn chân thành tin cậy cũng như để tỏ một thứ tình cảm âu yếm hơn) Tôi đến xin anh ân xá cho thằng cháu Fabrice của tôi. Sự thật như thế này, tôi xin nói trọn vẹn, không che giấu tí nào, như nói với một người bạn lâu năm. Mười sáu tuổi rưỡi, hắn vừa làm một điều ngông cuồng hy hữu. Hồi đó chúng tôi đang ở lâu đài Giranta, trên hồ Côme. Một tối! Vào lúc bảy giờ, nhà một chiếc tàu ở hồ Côme, chúng tôi được tin Hoàng đế đã đổ bộ ở vịnh Juan. Sáng hôm sau, Fabrice đi Pháp sau khi xin lại được giấy thông hành của một người bạn bình dân của nó, anh buôn bán hàn thử biểu tên gọi là Vasi. Vì nó không có vẻ gì là một anh buôn bán hàn thử biểu, cho nên đi trên đất Pháp chưa được mười dặm đường thì nó đã bị bắt, vì dáng dấp tuấn tú của nó. Nó hăng say sôi nổi, nhưng lại diễn đạt niềm bông bột của mình bằng những tiếng Pháp ú ớ, cho nên bị tình nghi. Được ít lâu, nó trốn tù và tìm cách đến được thành phố Genève. Chúng tôi đã cho người đến đón nó ở Lugano...

— Nghĩa là Genève, viên chanoine mỉm cười bảo.

Bà bá tước kể nốt câu chuyện. Viên chanoine bông bột nói:

— Cái gì thế gian có thể làm, tôi sẽ làm vì phu nhân. Tôi hoàn toàn vâng chịu sự sai khiến của phu nhân. Tôi sẽ làm những điều táo bạo nguy hiểm. Thừa phu nhân, phu nhân bảo cho tôi biết tôi phải làm gì sau khi cái phòng khách khổ này đã vắng bóng dáng thần tiên, đánh dấu một kỷ nguyên lịch sử trong đời tôi.

— Phải đến nam tước Binder nói rằng ông yêu mến Fabrice từ khi nó mới sinh, rằng ông đã chứng kiến sự ra đời của nó khi ông đến chơi nơi chúng tôi, rằng nhân danh cái tình bạn mà nam tước ban cho ông, ông van xin nam tước dùng tất cả bọn thám tử của ông ấy để xác minh xem trước khi đi Thụy Sĩ, Fabrice có gặp gỡ cái bọn thuộc phái tự do mà ông ấy kiểm soát một lần nhỏ nào không. Nếu nam tước mà có những người tay chân ít nhiều miễn cưỡng, tất ông sẽ thấy đây chỉ là một trò đại dột của tuổi trẻ. Ông biết rằng trong gian phòng lịch sử của tôi ở điện Dugnani, có những bức tranh vẽ các trận đánh của Napoléon. Thằng cháu tôi tập đọc những lời chú giải các bức tranh ấy. Ông chồng đáng thương của tôi đã giải thích các trận đánh ấy cho nó từ khi nó lên năm. Chúng tôi chụp lên đầu nó cái mũ trận của chồng tôi và thằng bé kéo lê cây gươm lớn của ông. Ấy thế là một ngày kia, nghe tin vị thần thánh của chồng tôi. Hoàng đế, trở về Pháp, nó ra đi để theo ngài, như một đứa không suy nghĩ, nhưng rồi nó cũng không gặp được ngài. Ông hỏi nam tước của ông thử xem ông ấy định dùng hình phạt gì để trừng trị cái phút điên dại kia.

— Tôi quên một điều! Ông chanoine kêu lên - phu nhân sẽ thấy là tôi cũng xứng đáng với sự tha thứ của phu nhân lắm.

Viên chanoine vừa nói vừa tìm trong các tập giấy trên bàn:

— Đây, cái thư tố cáo của tên coltorto (giả dối) đó, phu nhân thấy chưa, ký tên: Ascanio Valserra Del Dongo, cái thư đầu mối của vụ này. Tôi lấy tối hôm qua ở buồng giấy sở an ninh và tôi đến kịch viện Scala với hy vọng gặp được một người nào thường vào buồng lô của phu nhân, để nhờ họ trao cho phu nhân. Bản sao của thư này đã ở Viên từ lâu. Đây là kẻ thù ta cần đối phó.

Ông chanoine cùng đọc lá thư với nữ bá tước và họ giao hẹn nội nhật hôm đó, ông ta trao cho bà một bản sao do một người tin cẩn chép. Bà bá tước trở về lâu đài Del Dongo lòng dạ phơi phới. Bà nói với bà hầu tước:

— Cái tên đều cáng ngày trước đó nay lịch sự đáo để, khó có ai bì. Tối hôm nay ở nhà hát Scala, khi đồng hồ nhà hát chỉ mười giờ bốn mươi lăm thì chúng ta cho mọi người về, chúng ta tắt hết đèn đóm, đóng cửa và đến mười một giờ thì ông chanoine sẽ đến báo cho chúng ta biết

ông ta đã làm được gì. Đó là cách ít rầy rà nhất cho ông ta.

Viên chanoie ấy rất khôn ngoan, ông chẳng để sai hẹn. Trong buổi gặp gỡ, ông tỏ ra hoàn toàn tốt bụng và cởi mở không dè dặt, điều chỉ thấy có ở những xứ mà tính khoe khoang không át tất cả mọi tình cảm. Việc ông ta tổ giắc bà bá tước với tướng Pietranera là niềm ân hận lớn trong đời ông và ngày nay ông đã tìm thấy cách thành toàn mối ân hận đó.

Lúc sáng, khi bá tước phu nhân ở nhà ông ra, ông cay đắng tự nhủ, vì đã lành bệnh tương tự đầu: “Ấy, giờ đây rõ là người ta bày trò yêu đương với cháu người ta. Kiêu kỳ là thế mà phải hạ mình đến cầu ta... Khi anh Pietranera ấy chết, nàng ghê tởm từ chối sự săn sóc của ta, mặc dù người tình cũ của nàng, đại tá Scotti đã trình bày khéo léo và nhã nhặn. Phu nhân Pietranera kiêu diễm mà chịu sống với 1.500 francs mỗi năm.” Viên chanoie vừa nện gót đi lại trong phòng vừa nói tiếp như vậy. - “Rồi thì lui về ở lâu đài Grianta với lão hầu tước Del Dongo, cái tên bỉ ổi ấy![\[44\]](#) Bây giờ thì mọi việc đã rõ. Cũng phải nhận rằng cái thằng Fabrice trẻ măng ấy quả là có duyên, người cao lớn cân đối, mặt mày tươi tỉnh... và hơn hết, một cái nhìn thế nào ấy, chất chứa những khoái cảm êm đềm... một vẻ mặt kiểu Corrège[\[45\]](#).” Ông chanoie nói thêm đầy chua chát.

Chênh lệch tuổi tác... không nhiều lắm... Fabrice sinh sau lúc quân Pháp đến, vào 98, có lẽ nàng thì hăm bảy hoặc hăm tám, đẹp tuyệt trần, không thể có người xinh hơn, muôn phần đáng mê. Trong cái xứ sản sinh nhiều người đẹp này, nàng ăn đứt tất, sánh với nàng Marini, nàng Gherardi, nàng Ruga, nàng Aresi, nàng Pietragrua ... nữ bá tước trội hơn cả... Họ sống hạnh phúc trên hồ Côme thơ mộng, khi chàng trai nảy ý theo Napoléon... ở đất Ý mình cũng còn có những người có tâm hồn đầy chữ, mặc dù người ta làm cách gì! Ôi! Tổ quốc thân yêu!... Không! Con người có quả tim cháy bỏng ghen tuông đó nói tiếp - Không thể giải thích cách khác sự nhẫn nhục chịu sống lay lắt ở nông thôn đó, với nỗi lợm phải nhìn hàng ngày, ở mỗi bữa ăn, cái khuôn mặt bần thủ của hầu tước Del Dongo cùng với dáng người vàng vọt của tiểu hầu Ascanio mai sau còn tệ hơn bố!... Ừ thì ta sẽ phục vụ nàng thành thực. Ít ra ta còn được cái thú nhìn nàng khỏi phải qua ống nhòm”.

Ông chanoie Borda giải thích khá rõ ràng vụ Fabrice cho hai phu nhân nghe. Thật ra, Binder rất sẵn lòng ủng hộ họ, ông lấy làm thích chí khi biết Fabrice đã trốn đi, ngừa trước những lệnh có thể từ Viên tới. Bởi vì tay Binder này không có quyền quyết định cái gì cả, ông đợi lệnh về vụ này cũng như tất cả các vụ khác. Mỗi ngày ông gửi về Viên bản sao chép tất cả những tin tức tình báo. Rồi ông đợi.

Trong lúc lưu vong, Fabrice cần phải:

1. Đi xem lễ hàng ngày, tìm một cha rửa tội thông minh, trung thành với vương quyền, và chỉ thú nhận trước cha rửa tội những tình cảm không chê trách vào đâu được.
2. Không đi lại giao thiệp với người nào được coi là có tri thức, và khi có giao thiệp phải nói đến việc chống đối, việc phiến loạn một cách ghê tởm, không bao giờ có thể chấp nhận.
3. Không ra mặt ở quán cà phê, không đọc báo nào khác ngoài những công báo ở Turin và Milan, nói chung tỏ ra chán ghét sách, không bao giờ đọc sách, nhất là không đọc sách nào in sau năm 1720, không có ngoại lệ, có chăng chỉ có đối với tiểu thuyết của Walter Scott là cùng.
4. Cuối cùng - Ông chanoie nói thêm với một chút ranh mãnh - Fabrice phải công khai chào chực một phụ nữ xinh đẹp nào đó ở địa phương, thuộc tầng lớp quý tộc, dĩ nhiên. Điều đó sẽ có tác dụng chứng tỏ là anh ta không có tâm hồn u ám và bất mãn của một tên phiến loạn trong trứng.

Trước khi đi ngủ, bà bá tước và bà hầu tước viết cho Fabrice hai bức thư vô tận trong đó họ giải thích tất cả những lời khuyên của ông chanoie Borda với một mối lo ngại đáng yêu.

Fabrice chẳng hề thích phiến loạn. Anh yêu mến Napoléon và là quý tộc cho nên tưởng mình sinh ra để được sung sướng hơn kẻ khác, và anh thấy bọn thị dân lố bịch. Từ ngày rời trường anh chưa bao giờ mở một cuốn sách ra, còn ở trường thì anh cũng chỉ đọc những sách do các cha Dòng Tên chọn. Anh đến ở trong một lâu đài tráng lệ, cách Romagnano một quãng. Đó là một công trình kiệt tác của nhà kiến trúc San Micheli [\[46\]](#) nổi tiếng, nhưng đã ba mươi năm rồi, không ăn ở, cho nên tất cả các phòng đều dột và không một cửa sổ nào khép được. Anh chiếm ngựa của người quản lý cưỡi suốt ngày chẳng câu nệ gì. Anh không nói, anh suy nghĩ. Lời khuyên kiếm một nhân tình trong gia đình bảo hoàng, anh thực hiện nguyên vẹn. Anh chọn làm cha rửa tội một viên cố đạo trẻ tuổi lắm mưu mẹo, có tham vọng lên giám mục như cha rửa tội của nhà ngục Spielberg. Nhưng anh đi bộ ba dặm đường và kín đáo đọc tờ Người lập hiến mà anh cho là tuyệt vời! “Tuyệt như Alfieri và Dante” [\[47\]](#). Anh thường reo lên như vậy! Fabrice có cái này giống với thanh niên Pháp là anh chăm cho con ngựa và tờ báo của anh cẩn thận hơn là đối với người nhân tình ngoan đạo. Tuy nhiên, tâm hồn ngây thơ và cương nghị ấy chưa nhiễm thói học đòi người khác và anh không kết bạn trong thị trấn Romagnano lớn ấy. Sự giản dị của anh bị cho là kiêu kỳ, người ta không biết nói thế nào về tính cách ấy. “Đây là một thứ nam, bất bình vì không được làm trưởng nam.” Cha xứ nói.

CHƯƠNG VI

Chúng tôi thành thật thừa nhận rằng lòng ghen tuông của ông chanoie Borda không phải hoàn toàn sai lạc. Ở Pháp về, Fabrice hiện ra trước mắt bà bá tước như một người khách phương xa khô ngô tuần tú, mà trước đây bà có quen biết nhiều. Nếu anh tỏ tình, hẳn bà đã yêu anh, chẳng phải là đối với việc làm của anh và con người anh, bà đã từng say sưa khâm phục, có thể nói là khâm phục không giới hạn hay sao? Tuy nhiên Fabrice ôm hôn bà nồng nhiệt với lòng biết ơn trong trắng, với thần tình trung hậu cho nên bà thấy tự tỏ mình nếu tìm trong ấy một tình cảm khác với tình con đối với mẹ. “Thật ra! Bà bá tước tự nhủ - Một vài người bạn từng biết ta ở triều đình hoàng thân Eugène cách đây sáu năm, có thể còn cho ta là xinh, hơn nữa đang độ tuổi xuân, nhưng đối với nó, ta là một phụ nữ đáng kính rồi và... đứng tuổi nếu phải nói mà không sợ xúc phạm lòng tự ái của ta”. Nữ bá tước tự lừa mình về giai đoạn hiện tại trong cuộc đời bà, nhưng không phải tự lừa theo lối của những phụ nữ tầm thường. Bà nói thêm: “Vả lại, ở tuổi nó, người thường nghĩ quá đáng về sự tàn phá của thời gian, một người từng trải việc đời hơn sẽ...”.

Nữ bá tước lúc ấy đang đi lại trong phòng khách, bà dừng lại trước một tấm gương và mỉm cười. Phải biết rằng từ mấy tháng nay lòng bà xao xuyến thực sự vì bị một nhân vật lạ lòng tấn công. Không lâu sau khi Fabrice đi Pháp, bà bá tước tuy không tự thú hoàn toàn, vẫn bắt đầu nghĩ nhiều đến anh và rơi vào một trạng thái phiền muộn sâu sắc. Tất cả những gì bà làm, bà đều thấy không lý thú, có thể mạnh dạn nói là nhạt nhẽo. Bà tự bảo Napoléon có thể dùng Fabrice làm sĩ quan phụ tá để được lòng nhân dân Ý, bà kêu khóc: “Ta mất nó rồi. Ta không được gặp lại nó nữa. Nó sẽ viết thư cho ta nhưng mà mười năm nữa ta còn là gì đối với nó?”.

Bà đi Milan trong trạng thái tâm hồn đó, bà hy vọng tìm thấy ở đây những tin tức trực tiếp về Napoléon và biết đâu không có những tin tức về Fabrice dội lại. Không tự thú nhận, nhưng con người hoạt động ấy bắt đầu thấy chán cuộc sống đơn điệu của mình ở nông thôn, bà nói: “Đó là tránh chết, chứ đâu phải là sống!” Ngày nào cũng bị nhìn những cái mặt phấn đỏ của ông anh, ông cháu Ascagne, của những tên hầu phòng của họ! Những cuộc du ngoạn trên hồ mà không có Fabrice thì ra thế nào! Niềm an ủi độc nhất của bà là ở tình thân của bà hầu tước. Tuy nhiên, bà hầu tước lớn tuổi hơn và chán đời, sự giao thân với bà ấy cũng bắt đầu giảm lý thú.

Cảnh ngộ của bá tước Pietranera phu nhân lạ lùng như thế đấy! Fabrice đi xa, bà không hy vọng gì ở tương lai. Lòng bà cần được an ủi và cần có cái mới. Đến Milan, bà đâm ra mê say nhà hát opéra thời thượng, bà đến ngồi một mình qua những giờ vắng vẻ ở nhà hát Scala, trong buồng lô của tướng Scotti, người bạn cũ. Những người bà tìm gặp để biết tin tức về Napoléon và quân đội của ông, bà thấy tầm thường và thô bạo. Về nhà, bà đàn không bài bản trên chiếc phong cầm cho đến ba giờ sáng. Một tối ở nhà hát Scala bà đến buồng lô của một bà bạn hỏi tin nước Pháp, thì người ta giới thiệu bá tước Mosca, bộ trưởng ở Parme. Đó là một người dễ mến, và người ấy nói về nước Pháp và Napoléon một cách khiến cho lòng bà có những lý do mới để tin tưởng hoặc lo ngại. Tối hôm sau nữ bá tước trở lại buồng lô ấy, con người thông minh kia lại đến và suốt buổi diễn, bà thích thú nói chuyện với ông. Từ ngày Fabrice ra đi, bà chưa có được một buổi tối nào sống động như tối đó. Cái người đàn ông làm vui lòng bà đó là bá tước Mosca Della Rovere Sorezana lúc bấy giờ là bộ trưởng chiến tranh, bộ trưởng công an và bộ trưởng tài chính của quận vương Parme lừng danh, là Ernest IV, nổi tiếng về những điều nghiêm khắc mà cánh tự do của Milan cho là tàn bạo. Mosca khoảng từ bốn mươi đến bốn mươi lăm, nét mặt cứng cõi không có chút nào oai vệ, vẻ người giản dị, vui vẻ thoát trông đã dễ ưa. Giá vương chủ của ông không kỳ quặc bắt ông rắc phấn lên tóc, coi như một đảm bảo về lòng trung thực chính trị, thì ông hẳn còn là một người đẹp trai. Vì ở Ý, người ta ít sợ xúc phạm tính phô trương, cho nên người ta chóng đi đến thân mật và dễ nói những điều riêng tư. Nếu thấy xúc phạm nhau thì có cách sửa chữa là không đi lại với nhau nữa. Lần thứ ba gặp nhau, bà Pietranera nói với bá tước Mosca:

— Này bá tước, sao ông lại dùng phấn? Ôi phấn! Một người như ông, dễ mến, còn trẻ, đã

tùng chiến đấu ở Tây Ban Nha với chúng tôi, mà lại dùng phần ư?

— Là vì tôi không ăn cướp cái gì ở đất Tây Ban Nha ấy mà ngày nay lại cứ phải sinh sống. Ngày ấy tôi chỉ say danh vọng, chỉ có lời khen tặng của tướng Pháp Gouvion Saint Cyr, người chỉ huy của chúng tôi, là đáng kể đối với tôi thôi. Khi Napoléon sụp đổ, tôi mới biết rằng trong khi tôi ăn của nhà đế phụng sự Hoàng đế thì ông bố giàu trí tưởng tượng của tôi cảm chắc tôi sẽ là tướng, cho nên xây trước cho tôi một dinh thự trong thành Parme. Năm 1813 tất cả gia tài của tôi gồm có một tòa lâu đài phải hoàn thành và một món phụ cấp.

— Món phụ cấp ba nghìn năm trăm francs như chồng tôi.

— Bá tước Pietranera là trung tướng. Với tôi, thiếu tá kỵ binh khổ, phụ cấp chỉ đến tám trăm francs thôi, mà cũng chỉ mới được trả kể từ khi tôi làm bộ trưởng tài chính.

Ở trong buồng lô, chỉ có chủ nhân là một bà tư tưởng thuộc loại tự do cấp tiến nhất, cuộc đàm thoại cứ tiếp diễn trung thực như vậy. Được hỏi về cuộc sống của mình ở Parme, bá tước nói:

— Ở Tây Ban Nha, dưới quyền chỉ huy của tướng Saint Cyr, tôi xông tên lưới đạn để được huân chương và chút ít vinh dự sau đó, ngày nay tôi ăn mặc như một anh kếp diễn trò để có một mức sống kiêu xa và mấy nghìn francs bổng lộc. Khi đã vào cuộc, không chịu nổi sự kiêu căng hỗn xược của bọn quan trên, tôi muốn leo lên một địa vị cao nhất. Tôi đã đạt. Nhưng mà những ngày hạnh phúc nhất của tôi là những ngày tôi thỉnh thoảng được về Milan. Tôi cho rằng ở đây quả tim đạo quân Ý của quý vị hãy còn đập.

Sự thành thực, sự phớt đời trong lời lẽ của vị bộ trưởng đó khi nói về một ông vua mà ai cũng kiêng sợ, kêu gọi tính hiếu kỳ của nữ bá tước. Nghe chức vụ của ông, trước bà tưởng sẽ tìm thấy một tay sínch chữ đầy vẻ quan trọng, không ngờ lại gặp một người lấy làm xấu hổ vì địa vị trọng yếu của mình. Mosca hứa sẽ cho bà biết tất cả những tin tức về nước Pháp mà ông có thể thu thập trong những tháng kế tiếp trận Waterloo, đó là một sự tiết lộ nghiêm trọng, vấn đề đối với nước Ý bây giờ là tồn tại hay không tồn tại, ở Milan ai cũng lên cơn sốt, sốt vì hy vọng hoặc vì lo sợ. Thế mà có một người ăn nói chẳng giữ gìn về một địa vị mà rất nhiều người muốn tranh giành, và là nguồn sống duy nhất của ông ta, giữa cảnh náo loạn chung, bá tước phu nhân tìm hỏi về con người đó.

Người ta cho phu nhân biết nhiều điều lạ lùng, kỳ quặc và khá hấp dẫn. Người ta nói: “Bá tước Mosca Della Rovere Sorezana sắp trở thành thủ tướng và là sủng thần công khai của Ranuce Emext IV, quận vương chuyên chế của công quốc Parme và là một trong những quận vương giàu nhất châu Âu. Giả ông ta chịu khó vờ trịnh trọng hơn một chút thì ông đã leo lên chức vụ tối cao đó rồi, người ta nói hoàng thân thường lên lớp ông về mặt đó.

“Thưa điện hạ! Ông ta ngang nhiên đáp - Cung cách của tôi thế nào thì có can thiệp gì đến điện hạ, nếu như tôi tiến hành tốt những công việc của ngài?”

Hạnh phúc của vị cận thần ấy. Người ta nói thêm - Thế mà cũng có gai nhọn ở dưới đấy! Phải lấy lòng một quận vương, tuy là người thông minh và biết phải chẳng đấy, nhưng từ khi lên ngôi tôn thì đâm ra hoang hốt, hay nghĩ vặt như một mẹ dĩ vậy!

Ernest IV chỉ can đảm ở chốn trận mạc. Trên chiến trường hàng vài chục lần ông ta dẫn một đoàn quân xông lên tiến công, như một tướng lĩnh dũng cảm. Từ khi phụ vương Ernest III băng hà, ngài trở về giang sơn của mình, ở đấy hại cho ngài thay! Uy quyền của ngài vô giới hạn, ngài nổi lên công kích điên cuồng cánh tự do và chủ nghĩa tự do. Rồi ngài tưởng tượng người ta thù ghét ngài, cuối cùng, trong một phút cáu kỉnh, ngài ra lệnh treo cổ hai nhân vật thuộc phái tự do, có lẽ chẳng phạm tội gì đáng kể, người xúi giục ngài là một thằng khốn nạn tên là Rassi, một thứ Bộ trưởng tư pháp.

Từ cái phút tai hại đó, cuộc đời của hoàng thân thay đổi. Người ta thấy ông day dứt vì những ngờ vực kỳ quái. Ông chưa đến năm mươi nhưng mà sự sợ hãi đã làm cho ông có thể nói là quắt lại, đến nỗi khi ông nói về những người Jacobins và dự định của ủy ban chỉ đạo của họ ở Paris, thì người ta thấy ông có dáng một ông lão tám mươi. Ông rơi trở lại những nỗi lo ngáo ộp thời thơ ấu. Viên sủng thần Rassi tư khấu (tức là chánh án tối cao) tác động ông được chỉ vì ông luôn sợ hãi, khi hắn thấy lo ngại về uy thế của hắn thì hắn vội vàng phát giác một âm mưu phiến loạn loại đen tối nhất và hoang đường nhất. Ba mươi chủ đại đột tùm đầu đọc một số báo Người lập hiến chẳng? Rassi tuyên bố đó là những kẻ âm mưu phiến loạn khét tiếng, niềm khùng khiếp của toàn xứ Lombardie. Vì ngục thành đó cao quá, người ta nói đến sáu mươi sải tay, cho nên từ xa đã nhìn thấy nó giữa đồng bằng, người ta thuật nhiều điều kinh tởm về nhà ngục ấy và hình thù của nó, khiến cho mọi người khiếp đảm nhìn nó thành ra mụ ác hậu của cái đồng bằng tăm tắp từ Milan đến Bologne.

Một khách đi đường khác nói với bá tước phu nhân: “Bà có tin được không? Ban đêm, Ernest IV run rẩy trên tầng lầu thứ ba ở cung điện của mình, do tám mươi cấm binh canh giữ, những tên lính này cứ mười lăm phút lại hét lên cả một câu cấm canh trọn vẹn. Tất cả cửa phòng đều có mười chốt trong và các buồng lân cận ở phía trên cũng như ở bên dưới đều đầy áp những lính tráng, thế mà nhà vua vẫn cứ sợ lũ Jacobins. Một tấm ván sàn cọt kẹt một tiếng, tức thì nhà vua chup ngay mấy khẩu súng ngắn, tưởng có một tên thuộc phái tự do núp dưới giường ngài. Liền đó tất cả chuông báo thức trong cung điện reo lên và một viên phụ tá chiến trường phi ngựa đến đánh thức bá tước Mosca. Vào cung điện, vị bộ trưởng công an ấy chẳng làm gì để phủ định cuộc mưu sát, trái lại, mang khí giới đầy đủ, chỉ đi một mình cùng với hoàng thân, ông soát xét tất cả các góc, xó, dòm dưới mọi giường, tóm lại tiến hành một loạt hành động buồn cười, xứng với một bà già. Giá những cách đề phòng ấy tiến hành ở cái thời đẹp đẽ mà hoàng thân chiến đấu và chẳng hạ sát ai bằng gì ngoài súng đạn, thì hẳn chính ngài cho là mất thể thống. Hoàng thân là một người thông minh, ngài lấy làm nhục về sự cẩn thận đó, ngay lúc tiến hành, ngài cũng có cảm tưởng những biện pháp đề phòng kia là lỗ bịch, buồn cười, nguồn gốc cái uy tín vô biên của bá tước Mosca là ở chỗ dùng hết tài khéo để tránh cho hoàng thân khỏi phải thẹn thuồng trước mặt ông. Đích thân Mosca, nhân danh là bộ trưởng công an đã khẩn khoản yêu cầu phải soát xét dưới giường tủ, người ta nói là còn lục cả các bao đàn contrebasses nữa. Và chính hoàng thân đã chống lại và chế diễu tính chu chi của ông bộ trưởng.

Bá tước Mosca nói: Đây là một sự đánh cuộc. Điện hạ hay nghĩ đến những bài thơ châm biếm mà bọn Jacobins sẽ ném lên đầu chúng tôi nếu chúng tôi để điện hạ bị ám sát. Chúng tôi không chỉ bảo vệ ngọc thể, chúng tôi còn bảo vệ danh dự chúng tôi. Tuy nhiên quận vương chỉ bị mắc lừa một nửa, bởi vì nếu có ai trong thành phố cao hứng nói rằng tối hôm qua hoàng cung đã thức một đêm trắng, thì quan án tối cao Rassi sẽ đưa con người đùa dai ấy đến ngục thành ngay, một khi đã ở trong cái lầu cao thoáng gió đó, như người Parme thường nói thì phải đợi một sự màu nhiệm nào xảy ra, người ta mới nhớ đến kẻ bị tù. Vì ngài là một quân nhân, và khi ở Tây Ban Nha, ngài đã hai mươi bận cầm súng ngắn tự giải cứu trong những trường hợp bất ngờ, cho nên điện hạ ưa bá tước Mossa hơn Rassi, một người mềm lụng và hèn hạ hơn nhiều.

Những tù nhân khốn nạn của ngục thành nói trên được giữ trong bí mật tuyệt đối và người ta kháo chuyện nhiều về họ. Những người tự do cho rằng theo một cái lệ mà Rassi đặt ra, những cai tù và cha rửa tội được lệnh giảng giải cho họ tin rằng đồ đồng mỗi tháng, có một người tù bị hành quyết. Ngày ấy, bọn tù được phép leo lên sân thượng cái tháp khổng lồ, cao sáu mươi sải để nhìn một đoàn người kéo đi, trong đó có một tên mặt thám đóng vai tù nhân bị giải đến pháp trường. Những chuyện đó và hàng chục chuyện cùng loại không kém chân thực khiến bá tước phu nhân rất chú ý, hôm sau bà hỏi tỉ mỉ bá tước Mosca và giấu cọt ông sôi nổi. Bà thấy bá tước dễ ưa và khẳng định với bá tước ông đúng là một quái vật không tự biết mình.

Một hôm, về quán trọ bá tước tự nhủ: Nữ bá tước Pietranera không chỉ là một phụ nữ mê

hồn, mà khi buổi tối ta ngồi với nàng ở buồng lô của nàng, ta còn quên được một vài sự việc trên đất Parme làm nhói lòng ta! “Mặc dù đáng người có vẻ dễ dãi, phong độ hào hoa, quan thượng thư này không có một tâm hồn kiểu Pháp, ông không biết quên những phiền muộn. Khi đầu giường ông có một cái gai, nhất thiết ông phải bẻ gai và châm nó vào tay chân rung động của mình cho đến lúc nó tù đi”. Tôi xin lỗi về cái câu dịch từ tiếng Ý đó.

Sáng hôm sau cái ngày bá tước khám phá ra điều đó, mặc dù đi Milan vì công việc, ông cũng thấy ngày quá dài, ông không thể ở yên một chỗ, ông đi hết nơi này đến nơi khác khiến cho mấy con ngựa kéo xe mệt lử. Vào khoảng sáu giờ chiều, ông cưỡi ngựa đi đến đường dạo mát, ông hy vọng gặp bá tước phu nhân Pietranera ở đấy. Không tìm thấy phu nhân, ông sức nhớ kịch viện Scala mở cửa lúc tám giờ. Ông đi vào đó, thấy không quá mười người trong gian phòng menh mông. Ông cảm thấy then then về sự có mặt của mình. “Đã già dặn bốn mươi lăm tuổi, ta đâu có thể liêu lĩnh làm những việc mà một cậu thiếu úy cũng lấy làm hổ then?” Cũng may là không ai ngờ cả! Ông lánh đi và cố giết thì giờ bằng cách dạo qua các phố xinh xắn chung quanh nhà hát, các phố ấy đầy những quán cà phê đông nghịt khách vào giờ đó, trước mỗi quán, một đám đông những kẻ tò mò chễm chệ trên ghế tựa đặt giữa đường, vừa ăn kem lạnh, vừa bình phẩm khách qua đường.

Bá tước là một khách qua đường đáng chú ý, cho nên ông hân hạnh được người ta nhận ra và kéo lại. Ba hay bốn lão trái gió, loại không thể từ khước vội vã, đã lợi dụng thời cơ để “yết kiến” vị bộ trưởng có uy quyền lớn. Hai người trong bọn đã đưa kiến nghị, người thứ ba tạm bằng lòng với những lời khuyên bảo dài dòng về đường lối chính trị của ông.

“Thông minh lắm thì không ngủ, quyền thế lắm thì không thể đi dạo chơi”. Bá tước nói thế. Ông trở lại nhà hát và nẩy sáng kiến thuê một buồng lô ở hàng thứ ba, từ buồng này có thể nhìn sâu vào buồng lô thứ hai mà không bị ai để ý, ở buồng lô đó ông hy vọng thấy nữ bá tước đến. Chờ đợi hai tiếng đồng hồ, gã si tình ấy không thấy quá lâu. Chắc chắn là sẽ không bị bắt chộp, ông ta sung sướng lao ngập người vào trò liêu lĩnh điên dại của mình. Ông tự bảo: Người ta giá phải chăng trước hết là vì không thể làm những trò trẻ con lý thú đó?

Cuối cùng bá tước phu nhân đến. Nâng ống nhòm lên, bá tước Mosca quan sát say sưa: Trẻ trung, lộng lẫy, nhẹ nhàng như con chim. Ông nghĩ thầm: “Nàng chưa đến hăm lăm. Kiêu diễm ở nàng chỉ là điều mê hơn thứ yếu, làm sao tìm thấy ở một nhân vật nào khác cái tâm hồn luôn luôn thành thực ấy, cái tâm hồn không bao giờ chịu hành động thần trọng tự cao trọn vẹn vào ấn tượng buổi đầu cái tâm hồn chỉ chực được lôi cuốn vào cái mới lạ? Bây giờ ta mới hiểu vì sao bá tước Nani đại gái như vậy”.

Khi nghĩ đến việc chinh phục cái hạnh phúc trước mặt, thì bá tước tìm ra những lý lẽ tuyệt diệu để mà si dại, nhưng đến khi xét lại tuổi tác của mình và những mối lo âu đôi khi rất buồn trong cuộc sống, ông không thấy có những lý lẽ vững vàng như thế nữa. “Một người khéo mà mất khôn vì sợ hãi đã ban cho ta một cuộc sống huy hoàng và nhiều tiền bạc để phò tá hãnh, nhưng nếu ngày mai, hãnh bãi chức tã thì ta trở lại già cả, nghèo nàn, nghĩa là bị khinh thường hắt hủi nhất đời, một nhân vật quý hóa quá đáng làm quà cho bá tước phu nhân!” Những ý nghĩ ấy đen tối quá, bá tước xua đuổi để trở về với bà Pietranera. Ông nhìn phu nhân không biết chán, và để nghĩ về nàng cho thoải mái, ông không xuống buồng lô của nàng. “Nàng đến với Nani chỉ để làm bề mặt thẳng Limercati ngu dần ấy mà thôi, người ta nói với mình như thế, vì thẳng này không chịu thích một nhát kiếm hoặc khiến người ta đâm một nhát dao vào tên đã giết chong nàng. Ta thì ta sẵn lòng đấu hai mươi bận vì nàng”, Bá tước sôi nổi kêu lên.

Ông luôn nhìn đồng hồ nhà hát, cái đồng hồ có những cây kim sáng rực nổi bật trên nền đen dùng để báo cho khán giả biết năm phút một lần cái lúc họ có thể đến buồng bạn. Bá tước nghĩ thầm: “Ta không thể ngồi quá nửa tiếng trong buồng nàng, vì ta mới quen nàng. Nếu ngồi lâu hơn, ta sẽ làm bìa cho công chúng và nhờ tuổi tác của ta, nhờ nhiều hơn nữa ở mái tóc rắc phấn chết tiệt của ta, ta sẽ có cái lốt hấp dẫn của một Cassandre[48]. Một ý nghĩ mới chợt đến buộc ông quyết định: “Nếu nàng rời bỏ buồng lô để đi thăm ai thì ta thiệt biết bao nhiêu vì ta đã quá

dè xén chính cái thú vui ấy”. Ông đứng lên để xuống buồng có nữ bá tước, bỗng nhiên ông thấy không buồn đi nữa. “Ài chà! Cái này mới hay đây! Ông kêu lên tự chế nhạo mình, và dừng lại ở thang gác. Ta bỗng đâm ra rụt rè e ngại! Đã hăm lăm năm nay có bao giờ như thế đâu?”.

Hầu như phải gắng gổ lắm, ông mới vào lô nữ bá tước được. Như một người tri ý, ông lợi dụng trạng thái đã diễn ra, không cố làm ra vẻ ung dung thoải mái, không mượn một câu chuyện lý thú để tỏ ra hóm hỉnh thông minh. Ông có gan giữ dáng mà rụt rè, ít nói, ông dùng sự thông minh của mình hé cho người ta thấy mình lúng túng, làm như vậy mà vẫn giữ cho không rơi vào lối bịch buồn cười. “Nếu nàng ác cảm thì ta đi dứt. Chao! Tóc đầy phấn như thế mà rụt rè, nếu không có phấn thì chẳng hoa râm là gì! Tuy nhiên, sự thực là như vậy, cho nên nó chỉ có thể lố lằng khi ta thêm thắt vào, hoặc ta phô trương”. Ở lâu đài Grianta, nữ bá tước đã nhiều phen gây cuộc đối diện với những mái tóc rắc phấn của ông anh, thằng cháu và mấy nhân vật đứng gần chán ngắt trong vùng, cho nên bà không chú ý mái tóc của anh si tình mới này.

Bà bá tước hóm hỉnh nhờ vậy mà không bật cười lúc bá tước Mosca đi vào, bà tỏ ra chỉ chú ý đến những tin tức về nước Pháp mà Mosca bao giờ cũng dành riêng cho bà khi vào buồng lô. Chắc là ông có bịa đặt. Khi thảo luận tin tức với bá tước, tối ấy bà Pietranera để ý đến ánh mắt của ông và nhận thấy là đẹp và ân cần niềm nở. Bà nói:

— Tôi tưởng tượng là Parme, giữa những tên nô bộc của bá tước, bá tước không để cho cái nhìn của ngài đơm vẻ dễ ưa như vậy, bởi vì nếu thế thì hồng tuốt còn gì, và bọn chúng sẽ có ít nhiều hy vọng không bị treo cổ.

Về bình dị hoàn toàn ở một con người được coi là nhà chính trị số một của nước Ý rất lạ lùng dưới con mắt bá tước phu nhân, bà lại còn cho là ông ta có duyên. Cuối cùng vì ông ăn nói hay và nồng nhiệt, bà không lấy làm phật ý về việc ông muốn đóng vai người hâm mộ mình trong một buổi tối, không hậu quả.

Đây là một bước tiến dài và rất nguy hiểm, ở Parme thì ông bộ trưởng không gặp người phụ nữ nào nhần tâm chối từ, ở đây cũng may bá tước phu nhân mới từ Grianta đến được mấy hôm, trí óc hãy còn đặc nổi chán chường trong cuộc sống nông thôn. Bà như đã quên bông đùa. Và tất cả những gì thuộc cảnh sống phong lưu bay bướm mà bà gặp lại như nhuộm một vẻ mới do đó trở thành thiêng liêng. Bà ở trạng thái chấp nhận tất, không hề thoáng có ý nghĩ chế nhạo một gã si tình đã bốn mươi lăm và nhút nhát. Giá lui đến tám hôm sau thì sự táo tợn của bá tước hẳn đã được đón nhận một cách khác hẳn.

Ở nhà hát Scala, đi thăm hỏi qua nhau trong các buồng lô, lệ thường người ta chỉ ngồi vài mươi phút, bá tước ngồi suốt buổi tối trong buồng mà ông có diễm phúc gặp bà Pietranera. “Người đàn bà này đem về cho ta tất những cuồng si của tuổi trẻ!” Ông nói. Nhưng ông cũng cảm thấy tất cả nỗi nguy hiểm. “Tính cách là trọng thần quyền uy vô thượng ở cách đây bốn mươi dặm có làm cho người ta tha thứ sự dai dột này không? Ở Parme ta buồn chán bao nhiêu!”. Tuy nhiên cứ hết khắc này đến khắc khác ông tự hứa sẽ đi ra.

— Thừa phu nhân! Ông cười nói với nữ bá tước —Tôi phải thú nhận là ở Parme, tôi chết buồn, chết chán, bởi vậy phải cho phép tôi say sưa những thú vui mà tôi tìm thấy trên đường. Cho nên, phu nhân cho phép tôi đóng vai si tình bên cạnh người trong một buổi tối, không hậu quả. Chao ôi! Trong vài hôm nữa tôi sẽ ở rất xa cái buồng lô đã giúp tôi quên hết mọi nỗi ưu tư, và chắc phu nhân sẽ nói cả phép lịch sự nữa.

Tâm hồn sau cuộc đi thăm quái đản ở buồng lô nhà hát Scala và sau nhiều biến cố nhỏ kể ra thì quá dài, bá tước Mosca thực sự yêu say đắm. Còn phu nhân Pietranera thì đã nghĩ rằng tuổi tác chẳng trở ngại gì nếu thấy người ta quả đáng yêu. Họ đang ở trạng thái ấy thì có tin gọi bá tước Mosca trở về Parme. Làm như nhà vua ở một mình đâm lo sợ! Phu nhân Pietranera trở về Grianta, trí tưởng tượng của bà không tỏ vẻ cho thẳng cảnh ấy nữa, bà thấy ở đấy vắng vẻ quá. Bà tự hỏi: “Ta quyến luyến người này rồi sao? Mosca viết thư mà không biết bịa gì, sự vắng mặt đã cắt cánh trí tuệ ông, thư ông dí dỏm, đọc thấy vui vui. Ông làm một việc là lạ mà bà tước

phu nhân cũng cho là hay, ông phái người đến bỏ thư ở các hòm thư tại Côme, Lecco và Varese hoặc một thị trấn xinh xắn nào khác ở vùng quanh hồ, để tránh những lời bình luận của hầu tước Del Dongo ngài vốn không ưa trả cước phí [49]. Bá tước làm thế vốn là mong người mang thư đi được mang thư phúc đáp trở về. Ông đạt nguyện vọng.

Rồi thì những ngày nhận thư là những ngày đáng ghi nhớ của nữ bá tước. Những người liên lạc đưa tới nào hoa, nào quả, và những quà nhỏ ít giá trị nhưng làm vui lòng bá tước phu nhân và người chị dâu. Nghĩ đến bá tước, bà cũng đồng thời nghĩ đến uy quyền lớn của ông, bà sinh tọc mạch, muốn biết tất cả những gì người ta nói về ông, chính những người phái tự do cũng phải thán phục tài năng ông.

Người ta nói xấu ông chủ yếu vì người ta coi ông là lãnh tụ của đảng bảo hoàng cực đoan ở triều đình Parme, mà đảng tự do thì người cầm đầu là một con mụ có lắm mưu mô, có khả năng làm tất, có khả năng thành công nữa, mụ hầu tước Raversi giàu sụ. Quận vương rất chú ý không để cho đảng không cầm quyền thất vọng, ông biết rằng bao giờ ông cũng là người chủ, dù lập một nội các gồm toàn những người lui tới ở phòng khách bà Raversi cũng thế thôi. Ở Grianza, người ta kể hàng nghìn chi tiết về những mưu đồ đó. Bá tước Mosca thì người ta diễn tả như một bộ trưởng tài năng nhất và là một con người quen hành động, ông vắng mặt thì nữ bá tước cũng quên đi nghĩ đến mái tóc phấn tuống trưng cho sự lạc hậu và buồn rầu, đó là chi tiết không có tác dụng gì một tục lệ ở triều đình mà nơi đó thì vai trò của ông rực rỡ. Nữ bá tước nói với bà hầu tước:

— Triều đình là một cái gì buồn cười nhưng vui đáo để, đó là một trò chơi lý thú, nhưng phải thừa nhận luật lệ của nó. Có đời nào người ta nghĩ đến việc phản đối luật lệ buồn cười của bài whist chứ? Tuy nhiên, một khi quen đánh rồi thì bắt được đối phương ôm cả bộ bài lên tay cũng thú đấy chứ.

Bá tước phu nhân thường nghĩ đến người đã viết bao nhiêu bức thư để ưa kia. Ngày nhận thư là một ngày thú vị, và lấy xuồng đi đến những khu cảnh đẹp trên hồ để đọc, ở Pliniana, Bélan hay trong rừng của dòng họ Sfondrata. Những thư ấy hình như ở ít nhiều làm phu nhân khuây khỏa về sự vắng mặt của Fabrice, ít ra là bà không thể không chịu cho bá tước say mê mình, chưa quá một tháng, bà đã nghĩ đến bá tước Mosca với một tình cảm triu mến. Về phần bá tước Mosca, ông gần như trung thực khi ông đề nghị với phu nhân được đánh đổi chức vị bộ trưởng lấy cuộc sống bên cạnh bà ở Milan hoặc một nơi nào khác. “Tôi có bốn trăm nghìn francs! Ông nói thêm - Thế là hai chúng ta có mười lăm nghìn francs lợi tức đồng niên”. Bà bá tước nghĩ thầm: “Mình sẽ có buồng lô, có ngựa, xe trở lại...”. Đó là những mơ mộng thú vị.

Những vẻ đẹp tuyệt vời trên hồ Côme lại cuốn hút bà Pietranera. Bà đến ngồi trên bờ mô tưởng cuộc sống huy hoàng kỳ lạ có thể trở lại với bà dù trông bên ngoài không thấy có khả năng ấy nữa. Bà thấy mình lại ở trên con đường dạo mát Corso ở Milan, sung sướng và vui nghịch như dưới thời phó vương. “Trời xuân hay ít nhất là cuộc đời linh hoạt sẽ bắt đầu trở lại với ta!”.

Một đôi khi trí tưởng tượng bốc lửa khiến nữ bá tước không nhìn thấy đôi điều, nhưng ở bà, không bao giờ có những ảo tưởng tự tạo do hèn nhát. Đó là một người đàn bà thành thật với mình trước hết. “Ta có hơi lớn tuổi nên chắc sẽ không làm cái gì ngông dại, đành vậy, nhưng mà lòng ham muốn bằng người, nó cũng tạo nên ảo tưởng như tình yêu, sẽ đầu độc cuộc sống của ta ở Milan! Sau khi chồng ta mất, cảnh nghèo khó thanh cao của ta được mọi người ca ngợi, cũng như việc ta từ chối hai cái gia tài lớn. Cái anh chàng bá tước Mosca tội nghiệp của ta không có nỗi đến một phần hai mươi cái sang giàu mà hai thằng gốc Limercati và Nani mang đặt dưới chân ta. Cái món trợ cấp quả phụ mỏng manh, chật vật lắm mới đòi được, kẻ hầu người hạ thả về, việc này có tiếng vang lớn, cái phòng nhỏ trên gác năm mà thu hút đến trước cổng những vài chục xe tứ mã, tất cả những cái ấy ngày xưa gây nên một cảnh tượng lạ lùng. Nhưng mà ngày nay thì dù khéo léo bao nhiêu, ta cũng không tránh khỏi những giờ phút bức mình nếu cũng chỉ với món trợ cấp quả phụ đó, ta trở về sống lại ở Milan trong cảnh sung túc

tầm thường của người thị dân bằng số lợi tức mười lăm nghìn francs còn lại cho Mosca sau khi từ chức. Một trở lực mạnh mẽ, mà tính đố kỵ của kẻ khác sẽ lợi dụng làm một vũ khí ghê gớm, là cái việc bá tước có vợ, mặc dù đã cách cư với vợ từ lâu. Vụ cách cư ấy ở Parme ai cũng biết, nhưng ở Milan là một tin mới, và người đời sẽ cho là tại ta. Cho nên, nhà hát Scala đẹp đẽ của ta, hồ Côme thần tiên của ta... vĩnh biệt! Đành vĩnh biệt!”.

Mặc dù thấy trước như vậy, nhưng giá bá tước phu nhân có chút ít của cải, hẳn bà đã chấp nhận sự từ chức của bá tước Mosca. Bà tưởng tuổi xuân đã vãn và bà sợ cảnh cung đình, về phần Mosca điều này ở phía bên này dãy núi Aples sẽ cho là thậm vô lý, bá tước Mosca mà được bà cho phép từ chức thì sẽ lấy làm sung sướng quá. Nếu không hẳn thế thì ít ra, đó là điều mà ông đã làm cho bà bạn của ông tin chắc. Trong tất cả những bức thư của ông, ông đều cầu xin một cách cuống cuống, ngày càng cuống cuống, một cuộc hội kiến ở Milan, ông được toại nguyện. Một hôm ở Milan, bá tước phu nhân nói với bá tước Mosca:

— Thề nguyện với anh rằng em yêu anh say đắm là dối trá, em sẽ sung sướng bao nhiêu nếu ngày nay quá ba mươi tuổi em cũng yêu được như ngày xưa thuở hăm hai! Nhưng em đã thấy sụp đổ bao nhiêu cái mà em tưởng là vĩnh cửu rồi! Đối với anh, em có một tấm lòng triu mến vô hạn, em tin cậy anh hoàn toàn, trong tất cả đàn ông, anh là người em quý nhất.

Bá tước phu nhân tưởng mình tuyệt đối thành thật, nhưng ở đoạn cuối lời tuyên bố, có một sự dối trá nho nhỏ. Nếu Fabrice muốn thì có lẽ anh đã vượt lên trên tất cả trong quả tim phu nhân. Trong con mắt của bá tước, Fabrice chỉ là một chú bé, ông đến Milan ba hôm sau khi anh nhỏ nòng nổi đó đi Navare, và ông vội vàng can thiệp cho anh ta với nam tước Binder. Bá tước nghĩ rằng lưu vong là một việc không tránh được.

Bá tước không đến Milan một mình. Trong xe ông còn có công tước Sanseverina Taxis, một ông già bé nhỏ, xinh xắn, sáu mươi tám tuổi, tóc hoa râm, rất lễ phép, rất sạch sẽ, giàu có thì vô hạn nhưng quý tộc thì chưa vừa. Chỉ mới từ đời ông nội ngài làm tổng quản lý lợi tức quốc gia Parme và tích lũy bạc triệu. Thân sinh ngài vận động được bổ nhiệm làm sứ thần của quận vương Parme ở triều đình nước X. Qua cuộc luận lý như sau: “Điện hạ cấp ba mươi nghìn francs cho sứ thần của ngài ở X, nhưng ông ấy lu mờ. Nếu điện hạ chiếu cố ban cho tôi chức vị ấy, tôi chỉ nhận sáu nghìn francs tuế bổng. Tiêu phí của tôi ở triều đình X sẽ không bao giờ dưới một trăm nghìn francs đồng niên và người quản gia của tôi sẽ nạp hai nghìn francs mỗi năm cho quỹ của bộ ngoại giao Parme. Với số tiền ấy, triều đình muốn cử ai làm tham tán sứ quán cũng được cả và tôi không đòi hỏi được biết gì về những bí mật ngoại giao, nếu có. Mục đích của tôi là làm cho cái gia huy của tôi bóng lộn lên, vì nó hãy còn mới quá, và tô vẽ nó bằng một trong những chức vị lớn trong nước”.

Vị công tước hiện nay là con của quan sứ thần đó, ông trốn vụng về tỏ ra có cảm tình với đảng tự do và từ hai năm nay ông rất khổ tâm về việc ấy. Thời Napoléon vì cứ khăng khăng ở nước ngoài, ông đã mất hai mươi ba triệu, thế mà từ khi trật tự ở châu Âu được khôi phục, ông cũng vẫn không được thưởng cái bằng nhất đẳng bội tinh gì đó đã từng tô điểm chân dung bố ông. Thiếu cái bằng ấy ông phiền muộn mỗi morn.

Ở Ý, khi đôi tình nhân đã đến bối cảnh thân mật theo sau tình yêu thì không có những trở ngại sĩ diện đối với nhau nữa. Cho nên rất hồn nhiên, Mosca nói với người phụ nữ mình say đắm:

— Tôi có hai hay ba kế hoạch xử trí để hiến cho em, cái nào cấu tạo cũng khá cả. Tôi chỉ mơ tưởng đến đó ba tháng nay:

Một là tôi xin từ chức và chúng ta sẽ sống như những thị dân bình thường ở Milan, ở Florence, ở Naples hay ở đâu tùy em. Chúng ta có mười lăm nghìn francs thực lợi đồng niên, không kể những ân huệ mà quận vương còn tiếp tục ban ít lâu nữa.

Hai là em hạ cố đến ở cái xứ mà tôi có ít nhiều thế lực, em mua một trang ấp, ấp Sacca chẳng

hạn, có nhà ở xinh xắn, giữa một khu rừng nằm trên bờ sông Pô, em có thể lấy văn tự bán ký xong trong vòng tám hôm. Hoàng thân sẽ mời em dự triều nghị. Tuy nhiên đến chỗ này ta thấy có một trở ngại rất lớn. Người ta sẽ tiếp nhận em sốt sắng ở triều đình, sẽ không có ai ho he gì trước mặt tôi, và lại vương phi đang cho là mình đau khổ và vì em, tôi đã giúp bà nhiều việc. Nhưng tôi nhắc em một trở ngại căn bản, quận vương hoàn toàn ngoan đạo mà số kiếp tôi xui nên tôi trót có vợ, điều này em cũng biết. Từ đó có cả một khối những bất tiện chi tiết. Em là quả phụ, đó là một danh vị đẹp cần đánh đổi với một danh vị khác, và đây là nội dung đề nghị thứ ba của tôi.

Ta có thể kiếm một đức ông chồng mới không bận bịu cho em. Nhưng trước hết, hẳn phải cao tuổi, bởi vì có lẽ đâu em không cho tôi nuôi cái hy vọng được kế vị hẳn? Cho nên tôi đã giao ước về vụ hôn nhân đặc biệt này với công tước Sanseverina Taxis, tất nhiên là chưa cho ông ấy biết tên của công tước phu nhân tương lai. Ông ta chỉ biết là bà đó sẽ làm cho ông ta trở thành sứ thần và sẽ cho ông cái bằng nhất đẳng, mà ngày xưa ông bố đã có, còn ông con ngày nay thì không có cho nên hóa ra người bất hạnh nhất trên đời. Ngoài cái đó ra thì ông công tước không đến nỗi ngốc lắm, ông may áo quần và đặt làm tóc giả tại Paris. Ông hoàn toàn không phải là một người có những dự tính hiểm ác, ông thực sự tin là danh dự vốn ở cái bằng bội tinh và ông biết xấu hổ vì của cải. Năm ngoái, ông ta đến đề nghị với tôi cho ông lập một bệnh viện để lấy cái bằng ấy. Tôi đã chế giễu ông ta, trái lại, ông ta không chế giễu tôi khi tôi đề nghị một cuộc hôn nhân. Điều kiện đầu tiên của tôi dĩ nhiên là không bao giờ ông được đặt chân trở lại thành phố Parme.

— Nhưng anh có biết cái điều anh đề nghị với em là quá vô đạo hay không? Nữ bá tước nói.

— Cũng chẳng vô đạo hơn những việc người ta làm ở triều đình chúng tôi và hai mươi triều đình khác. Chính quyền chuyên chế có cái tiện là làm cho cái gì cũng trở nên thiêng liêng đối với nhân dân, mà một sự lỗ bịch người ta không nhận thấy thì còn lỗ bịch vào đâu được? Đường lối chính trị của chúng tôi trong vòng hai mươi năm tới là kiêng sợ những người Jacobins, sợ ghê gớm! Mỗi năm chúng tôi mỗi lo họa 93^[50] sẽ xảy ra vào năm sau.

Tôi hy vọng em sẽ nghe những bài diễn văn tôi đọc vào những buổi tiếp tân lớn, về vấn đề đó! Hay lắm đấy! Tất cả những gì làm giảm đi chút ít mối lo sợ đó sẽ tuyệt vì đạo đức đối với những người quý tộc và những kẻ ngoan đạo. Mà ở Parme thì ai không quý tộc hoặc không ngoan đạo đều đã ở tù hoặc đang soạn hành lý để vào tù. Em hãy tin rằng cuộc hôn nhân này chỉ bị dị nghị khi tôi thất sủng mà thôi. Chúng ta xếp đặt thế nào quý hồ không lừa đảo ai, đó là điều thiết yếu, tôi nghĩ thế. Chúng ta lấy ân sủng của quận vương làm nghề nghiệp mà thôi để chuẩn y, là bà công tước tương lai phải xuất thân quý tộc.

Năm qua, chức vị của tôi, tính tất, đã đem lại cho tôi một trăm linh bảy nghìn francs, thu hoạch cho tôi tổng cộng thế là được một trăm hai mươi hai nghìn. Nào em hãy chọn đi: Hoặc là sống một cách vương giả dựa vào món tiền một trăm hai mươi hai nghìn francs để tiêu xài, một trăm hai mươi hai nghìn ở Parme thì cũng bằng bốn trăm nghìn ở Milan, nhưng phải chịu lấy một người mà em chỉ nhìn thấy mặt ở lễ cưới và mang cái tên khá khổ của người đó. Hoặc sống một cuộc đời thị dân bình dị với mười lăm nghìn francs ở Florence hay ở Naples, bởi vì tôi cũng đồng ý với em, người ta đã tôn quý em nhiều quá ở Milan, sự ham muốn sẽ dầy vò chúng ta và có lẽ sẽ làm chúng ta khổ sở bức bối. Tôi hy vọng cuộc sống phú quý ở Parme sẽ có đôi sắc thái mới lạ, cả đối với con mắt của em đã từng nhìn thấy triều đình hoàng thân Eugène. Biết nó rõ trước khi bỏ mà đi thì cũng hay. Đừng tưởng rằng tôi tìm cách lái sự lựa chọn của em, về phần tôi thì tôi đã chọn dứt khoát: Tôi thích sống ở tầng gác tư với em hơn là tiếp tục cảnh sống sang trọng này một mình.

Ngày nào đôi tình nhân cũng thảo luận về khả năng cuộc hôn nhân khác thường kia. Bá tước phu nhân gặp công tước Sanseverina Taxis ở vũ hội kịch viện Scala và thấy ông ta cũng dễ coi. Vào một trong những cuộc trao đổi cuối cùng, bá tước tóm tắt những đề nghị của mình như sau:

— Phải quyết định đi, nếu chúng ta muốn sống nốt cuộc đời của chúng ta một cách nhẹ nhõm và không già trước tuổi. Hoàng thân đã chuẩn y. Sanseverina là một nhân vật khả quan chứ không đến nỗi tồi. Ông ta có cái dinh thự đẹp nhất ở Parme và một gia tài không giới hạn. Ông sáu mươi tám tuổi và có một đam mê điên cuồng là cái băng bội tình nhất đẳng. Nhưng một vết lằn làm hỏng cuộc đời ông, đó là việc ngày xưa, ông đã mua một pho tượng Napoléon bán thân do Canova tạc, giá mười nghìn francs. Tội lỗi thứ hai của ông nó sẽ làm cho ông chết mất nếu em không cứu, là ông đã cho Ferrante Palla vay hai mươi lăm đồng Napoléon, Ferrante là một anh điên nhưng cũng hơi hơi là một thiên tài, mà chúng tôi đã tuyên án tử hình lâu nay, cũng may là tuyên án vắng mặt. Cái anh chàng Ferrante ấy đã làm hai trăm câu thơ trong cuộc đời mình, hai trăm câu không có thơ nào sánh kịp. Tôi sẽ đọc cho em nghe một hôm nào, tuyệt vời như Dante.

Hoàng thân sẽ phái Sanseverina đến triều đình X, ông ấy sẽ cưới em ngày ông lên đường và sang năm thứ hai cuộc hành trình mà ông gọi là sứ trình, ông sẽ nhận cái băng choàng nhất đẳng, không có nó ông không sống nổi. Em sẽ tìm thấy ở một người anh lớn chẳng khó chịu tí nào, ông sẽ ký trước tất cả những giấy tờ mà tôi muốn, vả lại em muốn thỉnh thoảng gặp ông ta hay không muốn gặp gì hết cũng tùy em. Ông ta cũng không thiết có mặt ở Parme, nơi ông nội ông ta trưng thầu thuế và bản thân ông bị vướng víu với tiếng đồn là thuộc phái tự do. Rassi, tên đao phủ của chúng tôi báo ông ta có mua báo Người lập hiến dài hạn, và điều vu khống ấy trong một thời gian dài là một trở ngại đáng kể, khiến hoàng thân không chấp thuận việc ông cử công tước làm đại sứ.

Sao lại bảo nhà viết sử có lỗi khi họ ghi lại trung thành những chi tiết nhỏ nhặt nhất mà người ta kể với họ? Phải đâu lỗi của họ nếu các nhân vật bị cám dỗ bởi những say đắm, mà thương hại thay, họ không dự phần! Và đã rơi vào những hành động phi đạo lý sâu sắc? Đúng là những việc như thế không xảy ra nữa ở một xứ mà đam mê duy nhất sống sót trong các đam mê là lòng ham tiền, phương tiện của phô trương.

Ba tháng sau những sự kiện thuật trên đây, công tước Sanseverina Taxi phu nhân làm cho triều đình Parme ngạc nhiên về tính ân cần dễ dãi và sự trong sáng cao đẹp ở trí tuệ của phu nhân. Nhà bà là chỗ hẹn lý thú nhất trong thành phố, không đâu so sánh nổi. Đó là điều mà bá tước Mosca đã hứa hẹn với quận vương. Hai phu nhân danh vị cao nhất ở triều đình giới thiệu công tước phu nhân với quận vương trị vì Ranuce Ernest IV và vương phi, quận vương và vương phi đã tiếp kiến phu nhân một cách rất trân trọng. Công tước phu nhân háo hức muốn gặp vị hoàng thân quyết định vận mệnh của người mình yêu, muốn làm vui lòng ngài và đã thành công quá mức. Bà gặp một người cao lớn nhưng hơi thô, tóc, râu mép và râu má dày rậm của ông, theo các triều thần thì có màu vàng óng ả, ở nơi khác, có lẽ sắc màu mờ nhạt của nó sẽ gợi lên cái danh từ xấu xa là râu đay. Giữa một khuôn mặt to bự, nhô thấp thấp một cái mũi quá nhỏ, như mũi phụ nữ. Tuy nhiên công tước phu nhân thấy là muốn nhận ra những nét xấu xí ấy phải tìm tòi phân tích chi tiết gương mặt của hoàng thân. Còn nói chung thì ông vẫn có vẻ là một người thông minh, cương nghị. Đáng diệu hoàng thân không phải là không oai, nhưng nhiều khi ông muốn áp đảo người đối diện, những lúc đó, chính ông trở nên lúng túng và hết đứng trên chân này lại đứng trên chân kia, luôn luôn đu đưa như một quả lắc. Tuy nhiên Ernest IV có một cái nhìn xoắn sâu và oai vệ. Đôi tay của ông cử động một cách cao nhã, lời nói của ông mực thước, cô đọng.

Mosca đã nói trước cho công tước phu nhân biết trong phòng khách của quận vương có một bức chân dung Louis XIV toàn thân và một cái bàn kiểu scagliola xứ Florence rất đẹp. Phu nhân thấy sự học đòi quá rõ. Hoàng thân tìm học cái nhìn của Louis XIV, lời nói cao nhã của Louis XIV và ngài tựa người vào cái bàn scagliola để có dáng điệu của Joseph II. Sau mấy lời chào hỏi công tước phu nhân, ngài ngồi xuống để cho phu nhân có thể dùng cái ghế đầu dành cho hạng mình. Ở triều đình đó, chỉ có những bà công tước, những bà nữ vương tước và những mệnh phu vợ các quan đại thần Tây Ban Nha là có quyền ngồi, những bà khác phải chờ quận vương hay vương phi bảo, để giữ sự cách biệt của vị thứ, bao giờ các bậc chí tôn này cũng chú ý để một thời gian ngắn trôi qua rồi mới mời những bà không phải công tước ngồi xuống. Công

tước phu nhân nhận thấy có đôi lúc hoàng thân học đòi Louis XIV có phần lộ liễu.

Ernest IV mặc một cái áo lễ đúng mốt, may tại Paris. Từ thành phố mà ngài ghét cay ghét đắng ấy, người ta gửi đến cho ngài mỗi tháng một áo lễ, một áo ngoài và một cái mũ. Nhưng ngày hôm tiếp công tước phu nhân, ngài xen trộn quần áo một cách kỳ quặc và mặc một cái quần chèn đỏ, một đôi bít tất tơ và một đôi giày không cổ lấy kiểu ở mấy chân dung vua Joseph II[51].

Hoàng thân tiếp bà Sanseverina niềm nở. Ngài nói với phu nhân những lời thông minh và tế nhị. Tuy nhiên bà vẫn nhận thấy rõ ngài giữ gìn mực thước.

— Em có biết vì sao không? – bá tước Mosca hỏi nữ công tước khi phu nhân bê kiến trở về - Là vì Milan là một thành phố lớn hơn và đẹp hơn Parme, ông sợ nếu tiếp em ân cần nồng nhiệt như tôi mong đợi và như ông đã cho tôi cái hy vọng ấy thì ra đáng một anh chàng tỉnh nhỏ đang mê hồn trước vẻ kiều diễm của một bà lớn từ thủ đô về. Ngoài ra, chắc chắn ông còn bận đọc về một đặc điểm mà tôi không dám nói với phu nhân; Hoàng thân không thấy bà nào ở triều đình ngài có thể địch được với phu nhân về nhan sắc. Tối hôm qua, trước khi đi ngủ, đó là đề mục trao đổi duy nhất với quan hầu phòng nhất đẳng Pernice, ông này vốn xử tốt với tôi. Tôi đoán trước sẽ có một cuộc cách mạng nhỏ trong nghi lễ. Kẻ thù lớn nhất của tôi trong triều đình là một tên ngu dốt, người ta gọi là tướng Conti. Em hãy tưởng tượng xem một tên gần bát sách có lẽ cả đời chỉ dự trăn một ngày thôi, nhưng lại căn cứ vào đó để bắt chước dáng đi lối đứng của vua Frédéric vĩ đại. Hơn thế, hắn định tái bản tính ân cần cao quý của tướng Lafayette, bởi hắn là lãnh tụ của đảng Tự do ở đây. (Có Chúa mới biết những người tự do thể nào!).

— Em có biết tướng Fabio Conti ấy, - nữ công tước nói - Em có trông thấy hắn ta ở gần Côme hắn cãi cọ với bọn sen đầm.

Phu nhân thuật lại một sự kiện nhỏ mà bạn đọc có lẽ còn nhớ.

— Một ngày kia, phu nhân sẽ biết trí tuệ của phu nhân có lĩnh hội hết những cái sâu sắc trong nghi lễ của chúng tôi không, chẳng hạn các tiểu thư chỉ được phép có mặt ở triều đình sau khi có chồng. Ấy, hoàng thân có một niềm tự hào yêu nước nóng bỏng về sự hơn hẳn của thành phố Parme đối với tất cả các thành phố khác, nóng bỏng đến nỗi tôi dám đánh cuộc là ngài sẽ tìm cách tiếp nhận vào cung đình cô bé Clélia Conti, con gái của Fabio Conti ấy. Cô bé đến xinh và tám hôm về trước còn được coi là con người đẹp nhất trong đất nước của hoàng thân.

— Tôi không biết! Bá tước nói tiếp - Những điều ghê tởm người ta công bố về quận vương có bay đến lâu đài Grianta hay không. Người ta diễn tả ông như một quái vật, một con yêu tinh. Trên thực tế thì Ernest IV đầy những đức tính tốt nhỏ và ta có thể nói thêm rằng nếu ông ta cũng có khả năng không thụ thương như Achille, thì ông sẽ là một vương chủ kiểu mẫu. Nhưng trong một cơn buồn chán và giận dữ, đồng thời cũng để phần nào bắt chước vua Louis XIV chặt đầu nhân vật kiệt xuất nào không biết của đám giặc Fronde[52], mà người ta tìm thấy sống yên ổn và ngang tàng trong một trang trại gần Versailles năm mươi năm sau cuộc loạn ấy, Ernest IV đã cho treo cổ hai nhân vật phái tự do một hôm nào đó. Hình như bọn đại dốt ấy tự hợp định kỳ để nói xấu hoàng thân và tha thiết cầu trời rắc ôn dịch xuống thành Parme để cho họ thoát ách tên bạo chúa. Tiếng bạo chúa được xác minh. Rassi gọi thế là phiến loạn. Hắn buộc quan tòa tuyên án tử hình và việc hành hình một trong hai người đó, bá tước L. diễn ra quá tàn nhẫn. Việc này xảy ra trước khi tôi đến.

“Từ cái giờ phút tai hại ấy! Bá tước hạ giọng nói tiếp - Hoàng thân thường lên những cơn hoảng hốt không xứng đáng với một người đàn ông, nhưng lại là nguồn ân sủng duy nhất đối với tôi. Không có sự sợ hãi chủ đạo ấy thì tài năng của tôi sẽ bị coi là quá cộc cằn, cứng nhắc đối với triều đình nhưng nhúc nhích kẻ ngu này. Phu nhân có tin nổi là hoàng thân dòm dưới các gầm giường trước khi lên ngủ hay không? Và ngài chi một triệu, một triệu ở Parme bằng bốn triệu ở

Milan để có một tổ chức an ninh mẫn cán. Công tước phu nhân a, tay trùm an ninh ghê gớm đó đang đứng trước mặt phu nhân. Bằng công cụ an ninh, tức là bằng sự sợ hãi, tôi trở thành bộ trưởng bộ chiến tranh và bộ trưởng bộ tài chính. Và vì bộ trưởng bộ chiến tranh và bộ trưởng của tôi trên danh nghĩa, tôi đã làm cho bá tước Zurla Contarini được nhận bộ ấy, ông ta làm việc như một con bò kéo cây u mê, ông có cái thú viết mỗi ngày tám mươi bức thư. Sáng nay tôi cũng vừa nhận được bức thư trên đó bá tước Contarini sung sướng tự tay mình ghi số 20.715”.

Công tước phu nhân Sanseverina được bệ kiến vương phi Calara Paolina, vì chồng có một nhân tình, một người đàn bà khá xinh đẹp, nữ hầu tước Balbi. Vương phi tự cho mình là người phụ nữ đau khổ nhất trần gian, có lẽ do đó mà bà hóa ra người đáng chán nhất. Nữ công tước đứng trước một phụ nữ cao lớn và rất gầy, chưa đầy ba mươi sáu mà có vẻ như kẻ năm mươi. Một gương mặt đều đặn và thanh tú, có cặp mắt to, tròn, cận thị làm hại chút ít, vẫn có thể coi là đẹp nếu vương phi không tự bỏ bê nhan sắc. Bà tiếp nữ công tước một cách rụt rè e lệ, sự rụt rè rõ rệt đến nỗi mấy triệu thần đối lập với bá tước dám nói vương phi có vẻ là người đến bệ kiến, còn công tước phu nhân lại là nữ vương chủ. Công tước phu nhân bị bất ngờ và khó xử không biết tìm đâu ra những câu, những tiếng để đặt mình ở một vị trí thấp hơn vị trí mà vương phi tự đặt vương phi vào. Bà phi tội nghiệp thực ra không kém thông minh, để cho bà tự tin và bình tĩnh, công tước phu nhân không biết cách nào khác hơn là mớm một cuộc bình luận về thực vật học và kéo dài nó ra. Vương phi quả là thông thạo về môn ấy, bà có những lồng kính đẹp với vô số cây cỏ nhiệt đới. Công tước phu nhân chỉ muốn gỡ một nước bí cho mình, không ngờ đã chinh phục vĩnh viễn vương phi Clara Paolina, lúc đầu vương phi rụt rè ngần ngại, về sau thì tự nhiên thoải mái đến nỗi bất chấp nghi lễ, phi kéo dài cuộc tiếp kiến lần đầu này đến một giờ mười lăm phút. Hôm sau công tước phu nhân sai mua một số thực vật phương xa xứ lạ và nghiêm nhiên tự nhận là một người say mê thực vật học.

Vương phi sống rất gần gũi với đức cha Landriani đáng kính, tổng giám mục thành Parme. Đó là một người thông thái, hơn thế một người thông minh, một người rất lịch sự, nhưng khi ông ngồi trên chiếc ghế màu đỏ sẫm (vị trí đặc quyền của ông) đối diện với vương phi, vây quanh có các phu nhân tiếp tân và hai phu nhân tùy tùng thì cảnh tượng thật lạ lùng. Ông cố đạo có mớ tóc dài trắng phau lại còn nhút nhát, ít lời hơn vương phi nữa, ngày nào họ cũng gặp nhau, thế mà tất cả những cuộc tiếp kiến đều bắt đầu bằng mười lăm phút dằng dặc trong im lặng. Đến nỗi một bà tùy tùng, nữ bá tước Alvizi đã trở thành hầu như một người sủng ái, bởi vì bà có cái thuật khuyến khích họ phá tan bầu không khí im lặng và nói chuyện với nhau.

Cuộc tiếp kiến cuối cùng là cuộc tiếp kiến của điện hạ đông cung thế tử. Thế tử cao lớn hơn cha và rụt rè hơn mẹ. Ngài đang tuổi mười sáu, ngài giỏi về khoáng sản học. Ngài đỏ bừng mặt khi thấy bà công tước bước vào và ngài mất phương hướng đến nỗi không nghĩ ra câu nào để nói với bà mệnh phụ diễm lệ ấy. Thế tử là một người rất đẹp trai, ngài sống hầu như trong rừng, với một chiếc búa trên tay. Khi công tước phu nhân đứng lên để chấm dứt cuộc tiếp kiến lặng lẽ này thì thế tử la lớn:

— Trời ơi! Phu nhân xinh quá!

Bà khách không cho như thế là thiếu trang nhã.

Vài ba năm trước khi bà công tước Sanseverina đến Parme, bà hầu tước Balbi, thiếu phụ hăm lăm tuổi, có thể được coi là mẫu người hoàn thiện nhất của vẻ đẹp Ý. Bây giờ thì cũng vẫn là đôi mắt đẹp nhất đời và những điều bộ duyên đáng nhất ấy, nhưng nhìn gần, làn da nữ hầu tước mang vô số những nếp nhăn nhúm nhỏ khiến cho phu nhân có vẻ như một bà già trẻ. Nhìn với khoảng cách nhất định chẳng hạn như khi bà ở trong buồng lô nhà hát, người ta thấy bà hãy còn là một người có nhan sắc, và dám bình dân cho là quận vương có khiếu thẩm mỹ cao. Tối nào ngài cũng đến nhà hầu tước phu nhân Balbi, nhưng thường chẳng mở miệng nói gì, còn người thiếu phụ tội nghiệp thấy hoàng thân chán ngán như vậy thì gầy mòn đi một cách dị thường. Hầu tước phu nhân tự cho là một người tinh tế vô song và luôn luôn có nụ cười ngụ ý,

bà có hàm răng đẹp tuyệt trần và vì không có óc phán đoán, bà cứ cười hú họa, mong cho người ta hiểu một cái gì khác những lời bà nói, qua một nụ cười có ý tứ. Bá tước Mosca nói rằng chính những nụ cười liên miên, nở ra trong khi bụng chỉ muốn ngáp dài, đã làm cho da mặt bà nhăn nheo tợn như vậy.

Bà Balbi xen vào mọi việc và nhà nước không tiến hành một vụ giao dịch nào một nghìn francs mà không có một kỷ niệm gì cho hầu tước phu nhân (tiếng kỷ niệm này là một tiếng lương thiện ở Parme). Người ta đồn bà có sáu triệu francs đặt lãi ở Anh, nhưng thực ra, gia sản mới mẻ của bà mới lên đến một triệu năm trăm nghìn thôi. Bá tước Mosca nhận bộ tài chính là để tránh những thủ đoạn tinh xảo của phu nhân và có được sự lệ thuộc của bà ta. Mỗi cảm xúc duy nhất của bà là sự lo sợ, trá hình thành tính keo kiệt bản thủ. Đôi lúc, bà nói với hoàng thân: "Tôi sẽ chết trên ổ rơm." Lời ấy làm cho hoàng thân rất bức bối. Công tước phu nhân để ý thấy trong phòng đợi lộng lẫy vàng son của dinh thự Balbi chỉ thấp có một cây nến mỡ bò cháy mỡ trên mặt bàn cẩm thạch quý giá, còn các cửa phòng khách thì đầy những vết tay đen đui của bọn kẻ hầu. Bà nói với ông bạn:

— Bà ấy tiếp tôi như đang mong đợi ở tôi một món thù lao năm mươi francs.

Sự thành công của công tước phu nhân có ít nhiều bị gián đoạn bởi cuộc tiếp kiến của người phụ nữ khôn khéo nhất ở triều đình, nữ hầu tước Raversi nổi tiếng, một người mưu toan xúc xiểm lãnh nghề, đứng đầu đảng đối lập với đảng của Mosca. Nữ hầu tước muốn lật đổ ông, càng muốn lật đổ mấy tháng gần đây, bởi vì bà ta là cháu công tước Sanseverina, bà sợ cái di sản sẽ bị sắc đẹp của tân công tước phu nhân gặm nhấm nặng.

"Con mụ Raversi không phải là một người đàn bà đáng coi thường!" Bá tước nói với người yêu. Tôi nghĩ cái gì mụ ấy cũng dám làm cho nên tôi cách cư với vợ tôi chỉ vì cô ả cứ khăng khăng bắt nhân tình với hiệp sĩ [\[53\]](#) Bentivoglio một nhân tình của con mụ ấy.

Nữ hầu tước Raversi là một người đàn bà cao lớn, tóc đen nhánh, dáng dấp như đàn ông, đáng ý những viên kim cương bà đeo từ sáng sớm và lớp phấn đỏ trát lên đôi má. Bà tự nhận trước là kẻ thù của công tước phu nhân và khi tiếp phu nhân tại nhà, bà tự đặt cho mình nhiệm vụ khai chiến. Qua những bức thư công tước Sanseverina viết từ X. Công tước tỏ ra mê tơi các chức vụ sứ thần, nhất là say sưa với hy vọng nhận bằng choàng bội tinh thượng đẳng, đến nỗi gia đình ông lo ngại ông để một phần gia tài cho bà vợ đang ngập người dưới những tặng phẩm mà ông gửi về. Bà Raversi dù xấu xí đúng cách vẫn có một nhân tình là bá tước Balbi, con người điển trai nhất tại triều, thường bà ấy muốn gì thì được nấy.

Công tước phu nhân có nếp sống hào hoa nhất. Lâu đài Sanseverina lâu nay vẫn là một lâu đài tráng lệ nhất của thành Parme, trong dịp nhận chức sứ thần và rấp ranh nhận bằng choàng nhất đẳng, công tước lại tiêu những số tiền kếch sù để sửa sang cho nó đẹp thêm, chính công tước phu nhân điều khiển công việc tu bổ.

Bá tước đoán đúng. Ít hôm sau cuộc bệ kiến của công tước phu nhân, tiểu thư Clélia Conti được tiến triều, người ta phong cho cô làm nữ chanoie.

Để giảm nhẹ miếng đòn mà cái ân huệ kia có vẻ đánh vào uy tín của bá tước, công tước phu nhân tổ chức lễ khánh thành cái vườn dinh thự và dùng sự ân cần săn sóc đầy ý vị, phu nhân đã đưa Clélia mà bà gọi là cô bạn nhỏ của mình ở hồ Côme, lên địa vị hoàng hậu của buổi hội. Những chữ cái đầu tiên của cô như tình cờ mà hiện lên trên các vật dụng pha lê quan trọng. Tuy hơi mơ màng một chút, cô bạn trẻ cũng rất dễ mến trong cách cô nói về sự việc nhỏ xảy ra gần hồ Côme và lòng biết ơn nóng hổi của cô. Người ta bảo cô rất ngoan đạo và ưa vắng vẻ. Bá tước Mosca nói: "Tôi cuộc rằng cô bé đủ thông minh để biết xấu hổ về ông bố mình". Công tước phu nhân biến cô thiếu nữ ấy thành một người bạn, bà cảm thấy ưa thích cô, bà không muốn tỏ ra ghen tị và rủ cô tham gia tất cả những cuộc vui của mình, chung quy đường lối xử thế của phu nhân là tìm cách giảm nhẹ mọi hằn thù đối với bá tước.

Cuộc đời rất tươi đẹp đối với công tước phu nhân. Bà cảm thấy vui thích giữa cảnh sống cung đình mà bao táp luôn luôn đáng sợ. Bà tưởng như đang bắt đầu lại cuộc đời. Bà quyền luyến bá tước một cách âu yếm và bá tước thì sướng như điên trong hạnh phúc. Cái vị trí dễ chịu này đã tạo ra cho ông một sự bình tĩnh tự tin tuyệt đối trước những quyền lợi thuộc tham vọng riêng của mình. Vì thế công tước phu nhân đến đây chưa quá hai tháng, bá tước đã nhận sắc phong và những vinh dự thủ tướng, vinh dự này hầu ngang với những vinh dự dành cho hoàng thân.

Bá tước hoàn toàn làm chủ ý chí của hoàng thân, những người Parme được thấy một bằng chứng khiến họ giật mình.

Cách thành phố mười phút đường về mé đông nam, đứng sừng sững cái vòng thành nổi tiếng biết bao trên đất nước V, với ngôi tháp cao ba mươi lăm sải nhìn thấy từ xa. Tháp ấy theo kiểu lăng Adrien ở Rome do những người dòng họ Farnèse cháu của Paul III xây dựng vào đầu thế kỷ XVI. Tháp to, dày đến nỗi trên sân thượng đỉnh tháp người ta đã xây dựng một tòa lâu đài cho quan trấn thủ thành và một nhà lao mới, lấy tên là tháp Farnèse. Cái nhà lao xây dựng để đón trưởng nam của quận vương Ranuce Ernest II, cái ông hoàng đã trở thành nhân tình sủng ái của bà kế mẫu, cái nhà lao ấy được cho là đẹp và lạ lùng nhất nước. Công tước phu nhân hiểu kỳ đã đến viếng cảnh. Ngày ấy trời oi nồng, nhưng lên trên cao, phu nhân thấy có gió mát, lấy làm thích thú và ở lại mấy tiếng đồng hồ liền. Người ta vội vàng mở các cửa buồng trên tháp Farnèse.

Công tước phu nhân gặp trên sân thượng tháp lớn một anh tù đáng thương thuộc cánh tự do, anh này đang đến đó hưởng thụ nửa giờ phép đi dạo mà người ta ban cho tù ba ngày một lần. Chưa tập được tính kín đáo cần thiết ở một triều đình chuyên chế, khi trở về Parme phu nhân nói về cái người ấy và cuộc đời của hắn, mà hắn đã kể cho bà nghe. Cánh của nữ hầu tước Raversi bèn đọc ngay câu chuyện của bà công tước và kể đi kể lại ở nhiều nơi, rất mong nó làm cho hoàng thân chột dạ. Cũng đúng là Ernest IV thường nói điều cốt yếu là phải đập mạnh vào trí tưởng tượng của người ta. “Mãi mãi là một tù lớn! Ngài nói- Và ghê gớm, ở Ý ở các nơi khác”. Do đó, suốt đời ngài không ân xá bao giờ.

Đi thăm tòa thành về được tám hôm, công tước phu nhân nhận được một bức thư truyền giảm tội danh do quận vương và bộ trưởng ký, trong đó tên người được hưởng đặc ân để trống. Người tù mà phu nhân điền tên sẽ được trả lại tài sản và được phép sang Mỹ sống những ngày còn lại trên đời. Phu nhân viết tên anh tù đã nói chuyện với phu nhân. Khốn thay! Người ấy hầu như là một tên bất lương, một đứa khiếm nhược, chính vì những điều khai thú của nó trước kia mà anh Ferrante Palla nổi tiếng bị kết án tử hình.

Việc ân xá lạ lùng này đã đưa phu nhân Sanseverina lên một vị trí vô cùng lý thú. Bá tước Mosca sướng điên người, thời kỳ này là một thời kỳ rực rỡ nhất trong đời bá tước, một thời kỳ có ảnh hưởng quyết định đối với vận mệnh Fabrice. Anh chàng này thì vẫn ở Romagnano, gần Novare, lo xưng tội, lo săn bắn, không đọc cuốn sách nào, bận sẵn đón một phụ nữ quý tộc, đúng theo những điều khoản của huấn thị. Công tước phu nhân thì vẫn hơi bức về điểm ràng buộc cuối cùng ấy. Một dấu hiệu khác cũng không hay cho bá tước tí nào là phu nhân tuy hết sức thành thực với bá tước về tất cả mọi vấn đề trên đời, và nói lớn trước mặt bá tước những ý nghĩ thầm của mình, thế mà riêng khi nói về Fabrice với ông thì không bao giờ không chọn tiếng, xếp lời trước đã. Một hôm bá tước nói:

— Nếu phu nhân thích vậy thì tôi sẽ viết thư cho ông anh quý hóa của phu nhân ở hồ Côme và nếu tôi và các bạn tôi ở X chịu khó nhọc một chút, chúng tôi sẽ buộc được ông hầu tước Del Dongo đó xin ân xá cho người cháu dễ thương của phu nhân. Nếu đúng như vậy tôi đâu có dám nghi ngờ nếu đúng là Fabrice ít nhiều có hơn bọn thanh niên cưỡi ngựa anglais đi dạo trên các đường phố Milan thì anh ta sẽ sống như thế nào nhỉ, khi mới mười tám tuổi, anh ta không làm gì và có triển vọng chẳng có gì làm suốt đời? Nếu thượng đế ban cho anh một ham muốn say sưa về một cái gì đó, dù chỉ là thú câu cá đi chăng nữa, tôi cũng vui lòng tôn trọng. Nhưng anh

sẽ làm gì ở Milan sau khi được ân xá? Anh sẽ cưới một con ngựa mua từ bên Anh, vào một giờ nào đó rồi vào giờ khác vì không biết làm gì, anh sẽ đến nhà một ả nhân tình mà anh không yêu bằng con ngựa của anh... tuy nhiên, nếu phu nhân ra lệnh, tôi sẽ cố tạo lối sống ấy cho cháu phu nhân.

— Em muốn hẳn là sĩ quan, nữ công tước nói.

— Em định khuyên một vị vua chúa giao một chức vụ, vào lúc nào đó sẽ trở thành quan trọng cho một thanh niên có khả năng hưng phấn, lại đã tỏ rõ sự hưng phấn của mình đối với Napoléon đến mức xông đến Waterloo để theo ông ta ư? Em hãy nghĩ đến tình cảnh của tất cả bọn chúng tôi, nếu ở Waterloo, Napoléon chiến thắng! Lúc ấy chúng ta không có những người tự do để lo ngại, đành thế, nhưng vua chúa các cựu triều chỉ có thể tiếp tục trị vì nếu chịu cưới con gái các vị thống chế của hoàng đế. Vậy, nếu Fabrice theo nghiệp võ thì tiền đồ của Fabrice sẽ như con sóc trong lồng quay, chạy nhảy nhiều mà không đi tới được bước nào. Anh ta sẽ phiền muộn bị những sĩ quan bình dân trung niên thời nay, nghĩa là có lẽ trong vòng năm mươi năm tới, khi chúng ta đang còn sợ sệt và tôn giáo chưa được phục hồi, là không có khả năng hưng phấn và kém thông minh.

Tôi đã nghĩ đến một điều, nhưng điều này thoát tiên sẽ làm em giầy nẩy và sẽ làm tôi khó nhọc không biết bao nhiêu, khó nhọc không phải chỉ trong một hôm, một việc liều lĩnh tôi muốn làm vì em. Nhưng em hãy nói, nếu em biết, có việc điên cuồng liều lĩnh nào mà tôi không làm để được thưởng một nụ cười.

— Cái gì vậy? Nữ công tước hỏi.

— Thế này đây! Chúng ta đã từng có ở Parme ba vị tổng giám mục thuộc dòng họ phu nhân: Ascagne Del Dongo người đã viết văn, năm 16... bao nhiêu đó, Fabrice năm 1699 và một vị Ascagne thứ hai, năm 1740. Nếu Fabrice muốn làm cố đạo và khiến người ta chú ý bằng những đức tính bậc nhất, thì tôi sẽ đẩy nó lên chức giám mục ở một nơi nào đó, rồi tổng giám mục tại đây, nếu ảnh hưởng của tôi còn lâu dài, tất nhiên. Có thể phản bác có cơ sở là tôi có làm bộ trưởng đủ lâu dài để thực hiện cái kế hoạch đẹp để đòi hỏi một thời gian nhiều năm đó không? Quân vương có thể chết, ngài cũng có thể thiếu tế nhị bãi chức tôi. Dầu sao đó là cách duy nhất nhờ đó tôi có thể làm cho Fabrice một cái gì xứng đáng với phu nhân.

Hai bên còn tranh luận nhiều, sáng kiến của bá tước, công tước phu nhân chẳng thích tí nào. Bà nói với bá tước:

— Anh hãy chứng minh lại cho em thấy rằng không thể có tương lai nào khác đối với Fabrice.

Bá tước chứng minh. Rồi ông nói thêm:

— Em tiếc bộ quân phục rực rỡ, nhưng tôi biết làm thế nào!

Công tước phu nhân đòi một tháng để suy nghĩ. Sau đó bà thở dài phục tùng quan điểm đứng đắn của quan thương thư. Ông lặp lại: Hoặc cưới một con ngựa anglais với dáng kênh kiệu trong một thành phố lớn nào đó hoặc nhận một chức nghiệp không phụ dòng dõi của mình, ngoài hai con đường đó, tôi không thấy con đường nào ở giữa. Khốn thay một người quý phái không thể làm thầy thuốc, cũng không thể làm thầy kiện, thế mà thời đại lại thuộc về lũ thầy kiện thầy cò!

Phu nhân hãy nhớ! Bá tước nói tiếp, là phu nhân có khả năng tạo cho người cháu của phu nhân, tại các đường phố Milan, cái kiếp sống hưởng thụ của những thanh niên giàu có nhất cùng lứa tuổi.

Khi anh ấy được ân xá, phu nhân cho anh ta mười lăm, hai mươi, ba mươi nghìn francs, cũng

chẳng sao, cả phu nhân lẫn tôi đều không có ý định chặt bóp dành dụm gì mà!

Bà công tước ưa vinh quang, bà không muốn cho Fabrice chỉ là một gã xài của tầm thường, bà trở lại với kế hoạch của người yêu.

— Hãy lưu ý! Bá tước nói. Là tôi không định làm cho Fabrice trở thành một cổ đạo gương mẫu như em thấy nhan nhản. Không! Anh ấy phải là một nhà quyền quý, một vương tôn công tử trước hết. Nếu anh ta thích đốt thì anh ta cứ việc đốt nát hoàn toàn, sẽ không vì thế mà anh ta không trở nên giám mục rồi tổng giám mục, nếu hoàng thân còn coi tôi là một người có ích.

Nếu đề nghị của tôi! Bá tước nói thêm, mà được lệnh của phu nhân hạ cố chuyển thành sắc lệnh bất di dịch thì không nên để cho Parme nhìn thấy cái người được chúng ta che chở lại ở một địa vị thấp hèn. Nếu ngày nay anh ta chỉ là linh mục tầm thường thì địa vị sau này của anh ta sẽ khiến cho người ta khó chịu. Cho nên anh ta chỉ nên đến Parme với bất tất tím [\[54\]](#) và một dàn giá khả quan. Như vậy mọi người sẽ đoán cháu phu nhân tất phải trở thành giám mục và sẽ không ai lấy làm chối sau này.

Phu nhân hãy nghe tôi, gửi Fabrice đi học thần học và sống ba năm ở Naples. Trong lúc học viện thần học nghĩ anh ta có thể đi thăm Paris hay Luân Đôn tùy thích, nhưng không được đến Parme.

Câu này như dội một gáo nước lên người nữ công tước.

Bà Sanseverina phái một liên lạc viên đến Fabrice và hẹn gặp ở Plaisance. Có cần nói là người liên lạc ấy mang tất cả những phương tiện tài chính và những giấy thông hành cần thiết?

Fabrice đến Plaisance như cơn lốc. Anh chạy đi đón nữ công tước và ôm hôn bà một cách bông bột khiến bà cảm động ứa nước mắt. Bà thấy nhẹ nhõm vì không có mặt bá tước, từ khi hai người yêu nhau, đây là lần đầu tiên phu nhân có cảm giác đó.

Fabrice cảm động khôn xiết về những kế hoạch nữ công tước đã xây dựng vì anh rồi sau đó thì đâm ra buồn phiền. Từ trước đến nay anh vẫn hy vọng là vụ Waterloo dàn xếp xong, anh sẽ vào quân đội. Điều khiến bà công tước chú ý nhiều làm cho hình ảnh Fabrice cao đẹp hơn bao nhiêu trước con mắt lãng mạn của bà, là anh chàng khăng khăng từ chối lối sống nhàn tản, lối sống “dạo quán cà phê” trong một thành phố lớn.

— Anh hãy tưởng tượng đi trên con đường dạo mát yêu chuộng ở Florence hay ở Naples với những con ngựa anglais thuần chủng, nữ bá tước nói. Buổi tối, một cỗ xe ngựa, một phòng khách xinh đẹp ...

Nữ công tước diễn tả say sưa cuộc sống hạnh phúc dung tục đó và thấy Fabrice từ chối một cách cao đạo. Bà nghĩ thầm: “Đúng là một anh hùng!”.

— Sống êm ái như vậy mười năm để được gì? Fabrice nói. Rồi sẽ như thế nào? Sẽ là một thanh niên đứng tuổi phải nhường bậc trên thêm cho một chú nhóc đẹp trai nào đó, chú bắt đầu trình diện thiên hạ cũng trên lưng một con ngựa anglais, chứ gì?

Thoạt đầu, Fabrice gạt phăng cái kế hoạch vào nhà thờ, anh nói đến việc đi New York làm công dân và quân nhân nước cộng hòa Mỹ. Bà công tước nói:

— Anh sai lầm to! Anh sẽ không tìm được chiến tranh ở đó, và anh cũng sẽ rơi vào cuộc sống “dạo quán cà phê”, lại không trang nhã, không đàn hát, không yêu đương như ở ta. Hãy nghe cô, cảnh sống ở Mỹ đối với cô cũng như đối với anh, đều buồn tẻ.

Bà giải thích cho Fabrice hiện tượng sùng bái vị thần đôla ở Mỹ và sự kính trọng phải có đối với người thợ thủ công thành phố, họ quyết định tất cả bằng lá phiếu của họ. Cô và cháu trở lại

kế hoạch vào Nhà Thờ.

— Trước khi phản ứng, hãy cố hiểu bá tước đòi hỏi ở anh cái gì, không cần, tuyệt nhiên không cần phải làm một ông cố đạo đáng thương, ít nhiều gương mẫu, ít nhiều đạo đức như ông abbé Blanès. Hãy hình dung lại các tổng giám mục ông của anh. Hãy đọc những lời ghi chép về cuộc đời của họ, trong bản phụ lục gia phả. Đối với tên tuổi của anh thì trước hết phải sống như một bậc công hầu mới hợp lý, phải cao nhã, hào hoa, phải là kẻ bảo vệ công lý, phải như người được chỉ định sẵn để đứng đầu giới... và suốt đời chỉ làm một việc bất lương nhưng bất lương mà thật có ích lợi.

— Thế là tất cả mơ ước của cháu đều cuốn theo dòng nước! Fabrice nói và thở dài não ruột. Một sự hy sinh quá đau đớn. Cháu thú thật là cháu đã không nghiệm ra cái tình trạng kinh tởm bông bột và thông minh từ nay ngự trị ở các vua chúa chuyên chế, dù rằng người ta bông bột và thông minh để phụng sự họ.

— Anh phải biết rằng một lời tuyên ngôn, một háo hức của con tim có thể đẩy người bông bột vào đảng phái đối lập với đảng phái suốt đời hấn phục vụ.

— Cháu mà bông bột! Họ vu cáo cháu một điều kỳ quặc thật! Đến yêu đương cháu cũng không biết nữa là!

— Thế ư? Công tước phu nhân buột miệng.

— Khi cháu sẵn đón một phụ nữ, dù cho phụ nữ ấy thuộc dòng dõi các và ngoan đạo, cháu cũng chỉ nghĩ đến họ khi nào cháu trông thấy họ mà thôi.

Lời thú nhận ấy gây một cảm giác lạ lùng cho bà công tước. Fabrice nói thêm:

— Cháu xin cô một tháng để từ biệt phu nhân C ở Novare và việc này khó hơn, để từ bỏ những mộng ảo của cả đời cháu. Cháu sẽ viết thư cho mẹ cháu, bà tốt lắm, chắc sẽ đến thăm cháu ở Belgirate, trên bờ hồ Majeur thuộc đất Piémontaise. Và ngày thứ ba mươi một kể từ ngày hôm nay, cháu sẽ lên đến Parme.

— Ấy chớ! Đừng đến Parme! Nữ công tước thét. Bà không muốn bá tước Mosca thấy bà nói chuyện với Fabrice.

Lần sau hai người gặp nhau ở Plaisance. Lần này công tước phu nhân không bình tĩnh: Giông tố đã nổi ở triều đình, cánh nữ hầu tước Raversi hầu như đại thắng lợi, tướng Fabio Conti, thủ lĩnh cái mà ở Parme người ta gọi là đảng tự do, có khả năng thay thế bá tước Mosca. Trừ cái tên của người đối thủ ngày càng được hoàng thân sủng ái, còn thì nữ công tước nói tất với Fabrice. Bà lại tranh luận lần nữa về tiền đồ mà Fabrice có thể đạt tới, dù đang có triển vọng mất sự che chở vô cùng hiệu lực của bá tước, Fabrice kêu to:

— Cháu sẽ sống ba năm ở viện thần học Naples. Nhưng vì trước hết cháu phải là một công tử và cô không bắt cháu sống cảnh khắc khổ của một học viện chủng viện đức hạnh, cho nên việc lưu trú ở Naples đó không làm cháu sợ hãi chút nào, sống ở đấy cũng sẽ không thua gì ở Romagnano. Xã hội trưởng giả ở nơi này bắt đầu thấy cháu có vẻ Jacobins. Trong lúc lưu vong, cháu nhận thấy cháu không biết gì cả, không biết cả đến chữ La tinh đến chính tả. Cháu từng có dự định học lại ở Novare, cháu sẵn lòng học thần học ở Naples. Đó là một khóa học phức tạp.

Công tước phu nhân rất bằng lòng, bà nói:

— Nếu ông bá tước và cô bị đuổi đi, chúng tôi sẽ đến thăm anh tại Naples. Nhưng anh đã đồng ý mang bít tất tím trong khi chưa có gì thay đổi, thì bá tước vốn là người rất hiểu biết nước Ý hiện nay, bá tước cậy tôi trao anh một ý kiến: Người ta dạy gì, anh tin hay không tin mặc, nhưng đừng bao giờ cãi lại. Hãy tưởng tượng người ta dạy cho anh luật đánh bài whist mà

xem! Anh có cái gì về luật đó không nào? Tôi có nói với bá tước là anh có đức tin và ông cho thế là tốt, điều ấy có ích ở cõi đời này và ở cõi đời kia. Tuy nhiên, nếu anh đã tin thì đừng để rơi vào thói tâm thường nói về Voltaire, Diderot, Raynal một cách ghê tởm, cũng như về những anh người Pháp mất trí đã báo trước chế độ lương thiện. Những tên đó, anh cần ít nhất, mà khi phải nói đến thì hãy mĩa mai một cách lạnh lùng, đó là những người bị bác bỏ từ lâu rồi, sự công kích của họ không còn hiệu lực gì nữa. Hãy nhắm mắt mà tin tất cả những gì người ta dạy ở viện. Hãy nhớ là có người ghi chép tỉ mỉ mỗi thắc mắc của anh, người ta tha thứ một vụ nhân tình nhân ái nếu được tiến hành xuôi thuận, nhưng không tha thứ một hoài nghi đâu. Tuổi tác sẽ loại bỏ yêu đương mà gia tăng ngờ vực. Hãy nắm vững nguyên tắc đó mà xử sự trong việc cải hối. Anh sẽ mang một bức thư giới thiệu đến một vị giám mục, quản lý của giáo chủ tổng giám mục hạt Naples. Anh sẽ chỉ xưng với người ấy thôi vụ phiêu lãng của anh ở Pháp và sự có mặt của anh ở vùng lân cận chiến trường Waterloo ngày 18 tháng sáu. Mà phải vẫn tắt mới được, phải thu nhỏ lại, xưng thú ra chỉ là để cho người ta đừng trách cứ anh đã giấu mà thôi. Lúc đó anh hãy còn trẻ dại quá mà!

Ý kiến thứ hai mà bá tước ký thác là cái này: Nếu anh thấy có một lý lẽ xuất sắc, một lối đối đáp tất thắng có thể thay đổi chiều hướng cuộc đàm thoại thì cũng đừng để cho cảm dỗ bởi cái tính hiếu thắng hiếu danh, hãy cứ im lặng, những người tinh ý sẽ đọc thấy sự sáng suốt của anh trong con mắt. Khi anh đã là giám mục rồi, chừng ấy hãy tỏ ra thông minh cũng chưa muộn.

Fabrice ra mắt Naples với một cỗ xe khiêm tốn và bốn tên hầu người Milan do bà cô phái đến. Sau một năm học tập, không ai bảo anh là người thông minh, người ta coi anh là một công tử đại dốt thế gia chăm chỉ, rộng rãi, có phần phóng đãng.

Cái năm ấy khá vui vẻ đối với Fabrice nhưng lại rất cực nhọc đối với công tước phu nhân. Bá tước có đến ba bốn lần kể miệng vực. Hoàng thân nằm ốm nên càng sợ sệt hơn bao giờ hết, ngài tưởng đuổi bá tước Mosca đi là trút bỏ được nỗi hận thù quanh những vụ hành hình diễn ra trước khi bá tước vào Chính phủ. Rassi là ý trung nhân cần giữ trước hết. Những nguy nan đe dọa bá tước càng khiến công tước phu nhân gắn bó với ông một cách mê mẩn, bà không nghĩ đến Fabrice nữa. Để cho việc rút lui có khả năng xảy đến sẽ diễn ra không bề bàng lắm, phu nhân thấy khí hậu Parme không hợp với mình chút nào, khí hậu này quả có hơi ẩm ướt như toàn cõi Lombardie nói chung.

Rốt cuộc, bá tước Mosca thắng sau những quãng thời gian thất sủng có khi kéo dài đến hai mươi hôm không được quận vương tiếp kiến riêng, tuy mình là thủ tướng. Bá tước cử tướng Fabio Conti, được coi thuộc phái tự do, làm trấn thủ ngục thành nhốt những người tự do bị Rassi kết án.

Mosca nói với người yêu: Nếu Conti xử sự rộng lượng với tù nhân thì người ta sẽ cho hắt lui về như một gã Jacobins mà chính kiến làm quên mất bốn phạm làm tướng, nếu hắt tỏ ra hà khắc, tôi nghĩ rằng hắt sẽ nghiêng về thái độ này, hắt sẽ hết là thủ lĩnh của đảng hắt và sẽ chuốc sự thù oán của tất cả các gia đình có con bị tù. Cái thằng cha đáng thương hại đó biết lấy vẻ mặt đại khờ vì kính cẩn khi thấy hoàng thân đến gần, nếu cần thiết thì nó sẽ thay áo bốn lần trong một ngày, hắt có thể tranh cãi một vấn đề về nghi thức nhưng quả hắt không có năng lực đi theo một đường lối có thể cứu hắt. Dẫu sao, còn có tôi”.

Việc cử tướng Fabio Conti chấm dứt cuộc khủng hoảng nội các, ngày hôm sau người ta kháo sẽ có một tờ báo bảo hoàng cực đoan ở Parme.

— Tờ báo đó sẽ làm nảy ra biết bao cuộc tranh chấp. Công tước phu nhân nói.

— Sáng kiến lập tờ báo đó của tôi có lẽ là một kiệt tác! Bá tước vừa đáp vừa cười. Tôi vờ như miễn cưỡng để quyền điều khiển mất dần vào tay bọn quá khích điên cuồng. Tôi đã quy định những mức lương rất hậu cho những người biên tập. Người ta sắp đưa đón xin việc từ khắp mọi nẻo, vụ này sẽ giúp ta yên ổn được vài tháng và người ta sẽ quên những nguy hiểm vừa đe dọa tôi. Những nhân vật trịnh trọng như P và D đã xếp hàng rồi.

— Nhưng tờ báo ấy sẽ là một sự vô lý rợn người.

— Tôi mong thế, Hoàng thân đọc báo mỗi buổi sáng và phục ngất cái học thuyết của người dựng nên tờ báo là tôi. Về những chi tiết thì ngài có thể tán thành hay không thích. Dầu sao, trong thì giờ ông dành cho công việc, việc đọc báo này cũng chiếm mất đi hai tiếng đồng hồ, đồ cho ta cái đã. Tờ báo sẽ tự gây cho mình nhiều rắc rối, nhưng đến khi những lời khiêu nại nghiêm túc nổi lên nghĩa là chừng chín mười tháng nữa thì nó đã nằm trọn ven trong tay bọn quá khích điên cuồng. Cái đảng làm rầy cho tôi sẽ phải trả lời, còn tôi, tôi sẽ nêu mấy thắc mắc với tờ báo. Thâm tâm tôi, thà là nói bảy một trăm điều gớm ghiếc còn hơn treo cổ một người. Ai mà nhớ điều nói bảy trong một số công báo nào đó hai năm sau? Chứ còn con cái và gia đình kẻ bị treo cổ thì sẽ nuôi một mối hằn thù kéo dài cho đến lúc tôi chết và có lẽ làm giảm tuổi thọ của tôi.

Công tước phu nhân luôn luôn say mê một cái gì đó, luôn luôn hoạt động, không lúc nào chịu ngồi rỗi, bà thông minh hơn toàn thể triều đình Parme, nhưng bà thiếu nhẫn nại, thiếu kiên gan để thành công trong một vụ mưu tính. Tuy nhiên bà cũng đến độ say sưa theo dõi được quyền lợi của các phe phái, bà cũng bắt đầu có uy tín bên cạnh hoàng thân Vương phi đương vị Clara Paolina sống giữa vinh quang, nhưng đồng thời cũng bị trói buộc bởi một nghi lễ cổ lỗ, nên tự cho mình là người khổ nhất đời. Công tước phu nhân chau chực sẵn sóc vương phi và dự định chứng thực cho phi thấy là phi không đến nỗi khổ như vậy. Nên biết rằng hoàng thân chỉ gặp vợ trong bữa ăn tối, bữa ăn tối diễn ra trong ba mươi phút, còn thì hàng tuần, ngài không nói với vợ một câu nào. Bà Sanseverina cố thay đổi cung cách ấy. Bà làm cho hoàng thân thấy vui vui, và bà biết cách bảo toàn sự độc lập tự chủ của mình, cho nên càng khiến cho hoàng thân thích thú. Bà không thể nào giữ cho không bao giờ chạm một kẻ nào trong số những kẻ ngu nhung nhúc ở triều đình, dù có muốn thế đi nữa. Vì hoàn toàn vụng về ở mặt đó, cho nên bà bị hạng triều thần tầm thường căm ghét, lũ này đều là bá tước hoặc hầu tước, thường thường hưởng năm nghìn francs lợi tức. Phu nhân hiểu rõ tai họa ấy ngay từ những ngày đầu và chỉ chăm làm vui lòng quận vương và vương phi, mà phi thì có uy thế tuyệt đối với đông cung thể tử.

Công tước phu nhân biết cách làm vui lòng quận vương và lợi dụng việc ngài chú ý đặc biệt từng lời từng tiếng của mình để làm bẽ mặt những quan châu thù ghét mình. Từ khi Rassi xúc xiểm hoàng thân làm những điều đại dột kia, mà những đại dột làm đổ máu thì không sửa chữa được một đôi khi ngài sợ hãi, nhiều lúc ngài buồn chán và buồn chán thì dễ sinh ghen tị, ngài cảm thấy không có gì vui và đâm ra bức bối khi nghĩ rằng những kẻ khác vui thú, cảnh hạnh phúc của người khác làm ngài sôi máu. Công tước phu nhân nói với người yêu: “Hãy giấu chuyên yêu đương của chúng mình” và bà để cho hoàng thân đoán rằng bà cũng chỉ còn yêu mến bá tước vừa phải thôi, tuy ông là người rất đáng mến.

Sự phát hiện đó đã làm cho quận vương có được một ngày sung sướng.

Thỉnh thoảng nữ công tước nói hở đôi tiếng về dự định mỗi năm bỏ ra ít tháng để dạo thăm đất nước Ý mà bà chưa được biết, bà sẽ thăm Naples, Florence, Rome. Không có gì làm nhọc lòng hoàng thân cho bằng hình thái đào ngũ đó, chỗ yếu đuối nhất của ngài là ở đấy, những hành động gì có thể qui nguyên nhân ở sự khinh rẻ đối với kinh thành ngài đều như đâm nhói tim ngài. Ngài cảm thấy mình không có phương tiện gì để giữ phu nhân Sanseverina cả, mà phu nhân lại là ngôi sao sáng chói nhất giữa các phụ nữ thành Parme. Từ các nông thôn lân cận, người ta quay trở về dự các ngày thứ năm của phu nhân, điều này quả thật hiếm có đối với tính lười biếng của người Ý. Những ngày thứ năm đó đúng là những ngày hội, hầu như bao giờ công tước phu nhân cũng có một cái gì mới lạ và ý vị để hiến cho khách. Hoàng thân khao khát được đến dự một thứ năm đó, nhưng làm cách nào đây? Tự đến một tư thất như thế ư? Đó là một điều mà cả tiên vương lẫn ngài đều chưa hề làm!

Một thứ năm nào đó, trời mưa và rét. Từ lúc quận công [\[55\]](#) nghe tiếng xe ngựa làm rung chuyển thềm điện, những xe cộ ấy kéo đến lâu đài Sanseverina phu nhân. Hoàng thân thấy ức

không chịu được. Những người khác vui đùa còn ngài là vương chủ, ở trên hết cả mọi người, đáng lẽ phải vui chơi hơn tất cả mọi người, riêng ngài lại phải chịu cảnh buồn chán! Ngài bấm chuông gọi viên sĩ quan phụ tá, cần có thì giờ để bố trí mười hai mật vụ trên đường phố nổi cung điện của quận vương với lâu đài Sanseverina. Sau một tiếng đồng hồ mà hoàng thân coi như một thế kỷ, qua đó có thể đến hai mươi lần ngài toan ra đi bữa, bất kể gương dao không cần phòng bị, cuối cùng ngài hiện ra ở phòng khách thứ nhất của phu nhân Sanseverina. sấm sét đánh vào phòng khách đó cũng không làm cho người ta kinh ngạc bằng! Trong chớp mắt và theo từng bước tiến của hoàng thân, những phòng khách vui nhộn ồn ào đó thảng thốt im hơi lặng tiếng, những con mắt mở to hơn thường lệ dán lên người hoàng thân. Triều thần có vẻ bối rối. Chỉ có công tước phu nhân là không có dáng ngạc nhiên. Cuối cùng khi những người hiện diện đã hoàn hồn và bắt đầu nói năng, thì điều lo toan chính của họ là giải đáp vấn đề quan trọng này: Nữ công tước có được báo trước cuộc thăm viếng này hay cũng bị bất ngờ như mọi người?

Hoàng thân được hưởng vui thú. Còn chúng ta hãy xem sau đây tính bông bột của nữ công tước và uy thế vô biên mà những lời bóng gió xa xôi về chuyện đi, ở được ném ra khéo léo đã tạo nên cho phu nhân.

Hoàng thân khi ra về đã nói với nữ công tước những lời êm đẹp trong khi bà đưa tiễn ngài, bà bỗng nảy ra một ý lạ kỳ mà dám tự nhiên cứ nói thẳng ra, như một điều thông thường nhất:

— Giá Điện hạ vui lòng nói với vương phi ba bốn câu trong những lời vàng ngọc mà điện hạ ban rộng rãi cho tôi đó, thì chắc chắn ngài sẽ khiến cho tôi sung sướng hơn là ngài nói tại đây rằng tôi xinh đẹp. Bởi vì dù có được gì trên đời đi nữa, tôi cũng không muốn cho vương phi nhìn một cách ác cảm cái ân huệ mà Điện hạ vừa hạ cố ban cho tôi.

Hoàng thân nhìn chằm chằm nữ công tước rồi buông một câu cụt ngủn:

— Hình như tôi có quyền đi đâu tùy tôi thích.

Công tước phu nhân đỏ mặt. Nhưng rồi bà nói ngay:

— Tôi chỉ có ý tránh cho Điện hạ hoài công ngự giá bởi vì ngày thứ năm này là ngày thứ năm cuối cùng. Tôi sắp sửa đến ở Bologne hoặc Florence mấy hôm.

Khi phu nhân trở về các phòng khách, mọi người đều tưởng bà đang ở trên đỉnh cao chói vót của ân sủng, không biết rằng bà vừa làm liều một việc mà xưa nay chưa ai dám làm ở Parme. Bà ra hiệu cho bá tước, bá tước bỏ bàn bài, đi theo bà vào một phòng khách nhỏ có đèn sáng nhưng vắng vẻ.

— Phu nhân đã làm một việc rất táo bạo! Bá tước nói. Mà hẳn tôi không dám khuyên làm. Nhưng đối với những người thực sự say đắm, hạnh phúc làm tăng tình yêu, cho nên nếu sáng mai em đi thì chiều mai tôi đi theo em. Tôi nán lại chỉ vì cái của nợ là bộ tài chính mà tôi đã đại dột gánh lấy, nhưng trong bốn tiếng đồng hồ sử dụng hợp lý, người ta có thể chinh đồn bao nhiêu ngân quỹ. Ta trở lại các phòng khách thôi em ạ, hãy cứ tha hồ phô trương, cái lối tướng quốc của ta không dè dặt. Có lẽ đây là cuộc ra mắt cuối cùng của chúng ta ở thành phố này. Con người ấy dám làm tất, nếu y tưởng là bị thách thức. Y sẽ bảo như thế là làm gương. Khi quan khách ra về, chúng ta sẽ nghĩ cách phòng bị ở đây cho em trong đêm nay, tốt nhất là em đi ngay về biệt thự Scala của em ở gần trên sông Pô, nơi có lợi thế là chỉ cách khu vực thuộc Áo nửa tiếng đồng hồ.

Tình yêu và lòng tự ái của nữ công tước đã trải qua những giây phút thần tiên, bà nhìn bá tước rồi mắt bà giàn giụa lệ. Một quan thượng thư oai quyền tột bậc, giữa đám quan châu quận quần tôn thờ người không kém tôn thờ quận vương mà nay từ bỏ tất để đi theo mình, và từ bỏ một cách thanh thản như vậy!

Về giữa đám quan khách, phu nhân vui như điên. Tất cả đều cúi rạp mình trước mặt bà.

Triều thần kháo vớ nhau: Hạnh phúc làm thay đổi công tước phu nhân quá, khó mà nhận ra bà, bây giờ mới thấy cái tâm hồn La mã coi thường mọi thứ ấy hạ cố thưởng thức cái ân huệ phi thường mà vương chủ đã ban riêng cho mình!

Cuối buổi tiếp khách đêm, bá tước đến bên công tước phu nhân: Tôi cần báo với phu nhân một vài tin tức. Tức thời những người vây quanh nữ công tước tránh ra xa.

Bá tước nói tiếp: Về điện, hoàng thân đến cung vương phi, hãy đoán xem sự ngạc nhiên của vương phi khi được báo có chồng đến. Hoàng thân nói: "Tôi đến tường thuật với phu nhân một tối rất thích, đúng vậy, mà tôi được tham gia ở nhà Sanseverina phu nhân. Chính bà ấy nhờ tôi mô tả chi tiết cách bà ta sửa sang tòa lâu đài ám khói kia cho vương phi nghe."

Thế rồi hoàng thân ngồi xuống và mô tả các buồng khách của em từng cái một.

Ông ta đã ở cung bà vợ hơn hai mươi lăm phút khiến vương phi khóc lên vì sung sướng, dù thông minh vương phi cũng không tìm ra được một lời đối đáp tương xứng trong cuộc đàm thoại mà hoàng thân đã muốn giữ cho nhẹ nhàng thần mật.

Dù những người tự do ở nước Ý nói thế này thế nọ, quận vương không phải là một người ác. Đành rằng ông có bỏ tù một số khá đông trong bọn họ, nhưng đó là vì sợ sệt và đôi khi ông nhắc lại, như để khuây khỏa những kỷ niệm nào đó, giết chết quỷ dữ vẫn tốt hơn là để quỷ giết mình. Rạng ngày hôm sau cái đêm chúng tôi vừa thuật lại, ông rất vui vẻ. Ông đã làm hai việc tốt: Đi buổi tối thứ năm và nói chuyện với vợ. Lúc ăn tối, ông lại nói chuyện với bà. Tóm lại cái thứ năm đó của phu nhân Sanseverina đã đưa đến một cuộc cách mạng hậu cung vang dội khắp thành Parme. Con mụ Raversi sừng sốt, còn công tước phu nhân thì được hai lần vui lòng, được giúp ích cho người tình và được người tình yêu quý hơn bao giờ hết.

— Tất cả do một ý nghĩ thiếu thận trọng chợt đến với em, nữ công tước nói với bá tước. Đến ở Rome hay ở Naples, chắc em được tự do hơn, nhưng làm sao tìm được những cuộc có hấp dẫn đến thế? Không, bá tước thân yêu ạ, đúng như vậy, và chính anh tạo ra hạnh phúc cho em.

CHƯƠNG VII

Lịch sử bốn năm tiếp theo đầy những chuyện vặt vãnh vô nghĩa ở chốn triều đình như chuyện chúng tôi vừa kể. Mỗi mùa xuân, hầu tước phu nhân cùng với hai cô con gái đến chơi vài tháng ở lâu đài Sanseverina hoặc ấp Sacca trên bờ sông Pô. Có những phút êm đềm thú vị và người ta nhắc nhiều đến Fabrice. Nhưng bá tước không cho phép anh đến Parme một lần nào. Công tước phu nhân và ông bộ trưởng có vài lần phải sửa chữa mấy điều đại đột thiếu suy nghĩ của anh, nhưng nói chung Fabrice tuân theo khá ngoan ngoãn đường lối xử thế vạch sẵn cho anh: Lối xử thế của một bậc đại quý tộc đang học thần học và không duy nhất dựa vào đạo đức của mình để tiến thân. Đến ở Naples, anh đâm ra ham thích khoa khảo cổ vô hạn và anh tiến hành nhiều cuộc khai quật. Sự say mê này đã thay thế sự mê ngựa. Anh bán mấy con ngựa anglais để tiếp tục khai quật ở Misène, nơi đây anh đã đào được tượng bán thân của vua Tibère thời trẻ, tượng này được liệt vào hàng những di vật quý báu nhất thời cổ đại. Việc phát hiện đó hầu như là niềm vui lớn nhất của anh ở Naples. Anh là người cao thượng, không chịu bắt chước bọn trai trẻ khác, chẳng hạn không muốn đóng vai người si tình nghiêm túc, dù nghiêm túc nhiều hay ít. Hẳn anh không thiếu nhân tình, nhưng các nhân tình ấy đối với anh không có ảnh hưởng gì. Mặc dù anh đến tuổi ấy, người ta cũng vẫn có thể nói anh không biết tình yêu là gì, do đó anh càng được yêu hơn. Không có gì cản trở anh xử sự với sự tỉnh táo nhất, bởi đối với anh, người phụ nữ trẻ đẹp này cũng ngang với người phụ nữ trẻ đẹp khác, duy có người biết sau thì anh thấy có ý vị hơn. Một bà lớn thuộc số được thần phục nhất ở Naples đã làm nhiều việc liều lĩnh vì anh, điều đó thoát đầu khiến anh thấy thú nhưng cuối cùng lại làm cho anh chán không chịu được, đến nỗi tránh được sự săn sóc của bà công tước A. là một trong những niềm sung sướng khi đi khỏi Naples. Năm 1821, anh thi tốt nghiệp đạt kết quả, viên giáo đạo của anh được tặng thưởng một huân chương và một món quà, còn anh thì được đi Parme để xem cái thành phố mà anh ao ước đến. Anh đã là Đức ông và anh đi một cỗ xe bốn ngựa, đến trạm cuối, trước khi vào thành phố, anh chỉ lấy một cỗ hai ngựa. Vào thành phố, anh cho dừng xe trước nhà thờ Saint Jean. Ngôi mộ sang trọng của ông cố anh ở đấy, ông cố này là Ascagne Del Dongo, tổng giám mục, tác giả bộ Gia phả tiếng La tinh. Anh cầu nguyện trước mộ rồi đi chân đến lâu đài nữ công tước, trong khi bà ngỡ còn một hôm nữa anh mới về tới. Nữ công tước đang có nhiều khách, trong giây lát họ cáo lui, chỉ còn một mình bà. Fabrice lao vào vòng tay phu nhân, miệng nói:

— Nào! Cô có vừa lòng về cháu không? Nhờ cô cháu đã sống bốn năm khá lý thú ở Naples, thoát được cảnh chung đụng chán ngắt với ả nhân tình được cảnh sát chuẩn y ở Novare.

Công tước phu nhân khôn xiết kinh ngạc, nếu gặp ngoài đường, hẳn phu nhân không nhìn ra anh ta. Bà nhận thấy Fabrice đúng thực chất của anh, nghĩa là một trong những người điển trai nhất trên đất Ý. Trước hết anh có vẻ mặt muôn phần đáng yêu. Trước, phu nhân gửi đi Naples một thanh niên ngổ ngáo, trên tay luôn luôn có chiếc roi gân bò y như nó là bộ phận của cơ thể. Nay, đứng trước người ngoài, anh có dáng cao quý và mực thước nhất thiên hạ, còn giữa người thân, nữ công tước thấy anh vẫn giữ nguyên vẹn cái lửa nhiệt tuổi đầu xuân. Đúng là một viên ngọc càng mài càng có giá. Fabrice đến chưa tới một tiếng đồng hồ thì bá tước Mosca cũng đến, có phần hơi sớm. Chàng trai nói về cái huân chương ban cho viên giáo đạo với những lời lẽ rất lịch sự và anh bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc về những ân huệ khác, mà anh không dám nói một cách rõ ràng đến như vậy. Anh ăn nói hoàn toàn đúng mực, khiến thoát đầu bá tước đã có thiện cảm. Ông nói khề với nữ bá tước: “Anh cháu nảy sinh ra để làm huy hoàng tất cả những chức vị mà phu nhân muốn nâng anh ta lên sau này”.

Mọi việc xảy ra hết sức tốt lành cho đến lúc đó. Ông bá tước rất hài lòng về Fabrice và chỉ chú ý nhìn về phía nữ công tước, ông thấy ánh mắt của bà thật lạ lùng. Ông tự nhủ: “Chàng trai này gây một cảm giác thật lạ ở nơi đây”. Ý nghĩ kia quá cay đắng, bá tước đã cập ngũ tuần, ngũ tuần là một danh từ quá tàn nhẫn mà chỉ kẻ si tình mới cảm thấy hết cái sức dội. Ông là người rất tốt, rất xứng đáng được yêu mặc dù có sự nghiêm khắc của một vị bộ trưởng. Nhưng ông cảm thấy cái tiếng tàn nhẫn ngũ tuần vung một tấm màn đen lên cuộc đời ông và có khả năng

làm cho ông hóa ác vì quyền lợi riêng của mình. Đã năm năm nay kể từ khi ông thuyết phục công tước phu nhân đến ở Parme, có lần lúc bà chọc ông nổi ghen, nhất là vào buổi đầu, tuy nhiên chưa bao giờ ông phải thực sự phàn nàn về bà. Ông nghĩ rằng, và nghĩ thế là đúng, chỉ vì muốn lòng được tin lòng nên nữ công tước mới vờ để lọt vào mắt xanh một đôi chàng trai tuần tú ở triều đình. Chẳng hạn ông biết chắc chắn phu nhân đã từ chối sự yêu chuộng của quận vương, và trong dịp đó, vương đã nói một câu có ý nghĩa:

— Nếu thần thiếp nhận lời Điện hạ, nữ công tước vừa nói vừa cười, thì làm sao còn nhìn mặt bá tước cho được.

— Tôi cũng sẽ ngưng ngưng không kém phu nhân. Chao ôi! Ông bá tước thân yêu! Bạn của tôi mà! Tuy nhiên, điều rắc rối này cũng dễ gỡ thôi và tôi cũng đã nghĩ đến bá tước sẽ vào ở trong ngục thành cho đến mãi đời.

Fabrice vừa mới đến, nữ công tước ngây ngất trong hạnh phúc, quên đề phòng những tư tưởng mà đôi mắt mình có thể gây ra ở bá tước. Hậu quả thực sâu sắc, lòng ngờ vực khó cứu chữa nổi.

Hoàng thân tiếp kiến Fabrice hai tiếng đồng hồ sau khi anh đến Parme. Bà công tước dự đoán ảnh hưởng tốt đẹp mà cuộc bệ kiến bất ngờ sẽ gây nên đối với công chúng, đã thỉnh cầu từ hai tháng nay, ân huệ này sẽ đưa người cháu bà lên một vị trí vô song. Bà lấy có Fabrice chỉ đi qua Parme để đến thăm mẹ ở Piémont. Khi lá thư nhỏ tình tứ của nữ công tước đến báo với hoàng thân là Fabrice đang chờ lệnh ngài thì cũng vừa đúng lúc Điện hạ đang buồn chán. Ngài nghĩ thầm: “Ta sắp được xem một ông thánh con rất khờ khạo, một vẻ mặt tầm thường hoặc giáo quyết đây”. Quan trấn thủ đã tâu bày về cuộc thăm viếng đầu tiên của anh, cuộc viếng mộ người ông tổng giám mục. Hoàng thân thấy một thanh niên cao lớn bước vào điện, giá anh không mang bất tất tím, hẳn ngài đã cho là một sĩ quan trẻ tuổi.

Sự bất ngờ nhỏ này đã xua đuổi buồn chán đi. Hoàng thân tự nhủ: “Cái thằng nhãi này, không biết người ta sẽ thỉnh cầu cho nó những ân huệ gì, hẳn là tất cả những gì ta có thể ban đây. Nó vừa về tới, nó đang xúc động, ta sẽ chơi thử chính trị dân chủ với nó, xem thử nó trả lời làm sao”.

Sau đôi lời thăm hỏi nhã nhặn, hoàng thân nói:

— Nay, nhân dân Naples, có được sung sướng không vậy, thưa đức ông? Nhà vua có được yêu mến chẳng?

— Thưa Điện hạ tôn quý! Fabrice đáp không một giây do dự - Đi ra đường, thần thăm phục nề nếp tuyệt vời của binh lính các trung đoàn hoàng gia, giới thượng lưu tôn kính các lãnh chúa của họ đúng với bốn phận họ, còn thần xin thú nhận rằng suốt đời thần không khi nào chịu để cho những kẻ ở các tầng lớp dưới nói về những gì khác những công việc làm vì đó mà thần thù lao cho họ.

”Ái chà! hoàng thân tự nhủ - Một sự thụ phong tuyệt diệu. Quả là một con vẹt luyện giỏi. Trí tuệ của mụ Sanseverina chính cống đấy!”

Thấy hay hay, hoàng thân dùng nhiều mách lới để khiến Fabrice tỏ ý kiến về đề mục hóc búa đó. Anh chàng cảnh giác với nguy hiểm, đã may mắn tìm được những câu trả lời đáng phục.

— Tỏ ra yêu mến chúa thượng của mình thì cũng cần hỗn láo, cái cần là một sự phục tùng mù quáng mà thôi.

Thấy anh chàng quá cẩn thận như vậy, hoàng thân đâm ra gần như bức tức? “Hình như anh chàng từ Naples đến đây với chúng ta là một con người thông minh, mà ta thì chẳng thích cái

giống đó chút nào, một con người thông minh, dù xử thế theo những nguyên lý đúng đắn nhất và có thiện chí chẳng nữa, về một mặt nào đó cũng là anh em thúc bá với Voltaire, Rousseau".

Cử chỉ đúng đắn và những câu trả lời không chỗ hở của anh sinh viên từ ngưỡng cửa của nhà trường bước ra như thách thức hoàng thân. Điều ngài dự kiến không xảy ra. Trong chớp mắt, ngài chuyển sang giọng thân tình độ lượng. Bằng vài lời vắn tắt, ngài đi ngược lên những nguyên lý về xã hội và nhà nước và ngài đọc mấy câu của Fénelon ứng dụng vào hoàn cảnh hiện tại, những câu ấy, người ta bắt ngài học thuộc lòng từ thuở bé để nói trong những buổi thiết triều khi đã ở ngôi. Ngài nói với Fabrice:

— Những nguyên lý ấy làm cho anh ngạc nhiên, phải không anh bạn trẻ? (ngài gọi anh ta là đức ông lúc đầu buổi bệ kiến và cũng định cho ra đức ông nữa khi anh ra về, nhưng trong lúc nói chuyện, ngài thấy gọi anh bằng một tiếng nhẹ nhàng thân mật thì khéo léo hơn, thích hợp với giọng điệu tình cảm hơn). Những nguyên lý ấy làm cho anh ngạc nhiên, anh bạn trẻ ạ, tôi thú thật nó chẳng giống chút nào với những bài trường giang đại hải về chủ nghĩa chuyên chính (đúng là phải gọi như vậy) mà người ta có thể đọc hàng ngày trên tờ công báo của tôi... nhưng, lạy Chúa, tôi toan dẫn vấn gì ra thế này? Những nhà văn làm báo này rất xa lạ với anh.

— Xin Điện hạ rộng lòng bao dung cho hạ thần, không những thần đọc tờ công báo cho quận Parme, mà thần còn thấy tờ báo đó viết khá hay, thần lại đồng ý với nó là tất cả những gì người ta đã làm từ khi vua Louis XIV qua đời năm 1715 đến nay đều là tội ác đồng thời là ngu dốt. Quyền lợi tối cao của con người là sự cứu vớt linh hồn, không thể có quan điểm thứ hai nào về vấn đề đó, và thứ hạnh phúc này là vĩnh hằng. Những danh từ tự do, công lý, hạnh phúc của số đông đều là phản phúc và tội lỗi, chúng nó gây cho trí tuệ thói xấu tranh cãi và nghi ngờ. Nghị viện thì nghi ngờ cái mà họ gọi là nội các. Một khi đã nhiễm thói quen nghi ngờ tai hại thì tính nhu nhược của loài người mang nó ứng dụng khắp nơi, người ta nghi đến cả Thánh kinh, nghi các dòng thư, nghi truyền thống ... và thế là người ta mất linh hồn. Cho dù là (nói điều này là sai lạc và tội lỗi ghê gớm!) cho dù là vì nghi kỵ uy quyền của các bậc vương thượng, do Chúa dựng nên, mà có được hai mươi hay ba mươi năm hạnh phúc như mỗi chúng ta có thể mong hưởng, nhưng mà năm mươi năm hay cả một thế kỷ chẳng nữa thì cũng có nghĩa lý gì đối với cực hình vĩnh cửu? v.v...

Nhìn cách Fabrice nói năng, người ta biết rằng anh cố chọn lựa, sắp xếp ý kiến của mình thế nào cho người nghe nắm được rõ ràng nhất, đúng là anh ta không được thuộc lòng bài bản. Được một lát, hoàng thân thấy không buồn đấu lý với chàng trai mà cử chỉ giản dị và nghiêm trang khiến cho ngài không thoải mái, ngài nói đột ngột:

— Xin chào đức ông, tôi thấy học viện tôn giáo ở Naples đào tạo đức ông rất tốt và dĩ nhiên khi những điều giáo huấn tốt đẹp đó được gieo vào một đầu óc lỗi lạc đến như vậy thì người ta phải thu được kết quả rực rỡ. Xin chào.

Hoàng thân quay lưng, còn Fabrice tự bảo: "Ta không làm cho con thú này ưa rồi!".

Khi còn một mình hoàng thân nói:

"Bây giờ chỉ còn xem cái anh chàng đẹp trai này có khả năng say mê một cái gì không, nếu có thì hẳn là một người hoàn toàn... Có thể nào đọc lại những bài học của bà cô một cách thông minh hơn thế không chứ? Ta tưởng nghe chính nàng nói, giả dụ ở nước ta có cách mạng thì chính nàng sẽ là chủ bút tờ Người huấn luyện như ả San Felice ở Naples. Tuy nhiên San Felice mặc dù mới hăm lăm tuổi và rất đẹp, cũng đã bị treo cổ như thường! Báo cáo cho những bà quá thông minh biết vậy!".

Hoàng thân nhằm khi cho Fabrice là đồ đệ của bà cô anh. Những người thông minh ra đời trên ngài vàng hay bên cạnh mắt rất nhanh khiếu tinh vi trong nhận xét, họ cảm đoán quanh họ tự do ăn nói mà họ cho là thô bạo, họ chỉ muốn nhìn thấy những mặt nạ nhưng lại sính nhận xét về vẻ đẹp của nước da, điều hài hước là họ tưởng họ tế nhị lắm. Trong trường hợp này

chẳng hạn thì Fabrice hầu như tin làm lòng tất cả những gì anh nói, cũng đúng là anh không nghĩ đến những nguyên lý lớn lao ấy mỗi tháng quá vài lần. Anh có những ham thích sôi nổi, anh thông minh, nhưng anh có đức tin.

Lòng ham thích tự do, cái mối ca ngợi và tôn thờ hạnh phúc của số đông nhất, mà thế kỷ XIX say mê, đối với anh chỉ là một thứ tà đạo, nó cũng sẽ mai một như mọi tà đạo, nhưng sau khi đã làm mất nhiều linh hồn, cũng như ôn dịch khi ngự trị ở một vùng thì làm mất nhiều thể xác. Mặc dù vậy, Fabrice say sưa đọc báo Pháp, và làm liều nhiều việc để có báo Pháp mà đọc.

Fabrice từ cuộc bệ kiến trở về bờ phờ, sau khi anh thuật hết cho bà cô nghe, bà bảo:

— Anh phải đi ngay đến dinh đức cha Landriani, vị tổng giám mục tuyệt vời của chúng ta. Đi bộ thôi, rồi nhẹ nhàng leo lên các bậc thang, đừng gây tiếng động nhiều ở các hành lang, nếu người ta bắt anh chờ thì càng hay, nghìn lần hay! Tóm lại, anh phải tỏ ra là một thánh đồ.

— Cháu hiểu! Fabrice nói, nhân vật của chúng ta là một Tartufe[56]

— Chẳng chút nào như thế, đức cha là đạo đức hiện thân.

— Bất chấp điều cha đã làm vào dịp hành hình bá tước Palanza hay sao? Fabrice ngạc nhiên hỏi lại.

— Phải anh bạn ạ, bất chấp việc đó. Thân sinh ông tổng giám mục là một viên chức ở bộ tài chính, một tiểu tư sản, chi tiết này giải thích tất. Đức cha Landriani là một người có trí tuệ nhạy, sắc, sâu, rộng. Cha thành thực, cha chuộng đạo đức, cố tin rằng nếu hoàng đế Décimus[57] tái sinh thì đức cha sẵn sàng chết vì đạo như Polyeucte[58] trong nhạc kịch diễn tuần trước. Đó là mặt đẹp của chiếc mề đay. Còn đây là mặt trái, khi đức cha đứng trước quận vương hay chỉ là trước thủ tướng thôi, đức cha cũng lóa mắt vì quyền uy cao cả, đức cha luống cuống và đỏ mặt, kết quả là đức cha ngọng miệng, không thể nào nói không cho được. Do đó mà xảy ra những việc cha đã làm, khiến cha mang tiếng ở khắp đất nước Ý mới cay đắng chứ. Điều mà người ta không biết là khi công luận làm mất cha sáng tỏ về vụ án bá tước Palanza, cha tự phạt mình mười ba tuần bánh nhạt và nước trong để sám hối, tên họ Davide Palanza có bao nhiêu chữ cái thì bấy nhiêu tuần, ở triều đình ta có một thằng đều hết sức thông minh tên là Rassi, chánh án tối cao, cũng gọi là quan tư khấu, thằng ấy đã mê hoặc đức cha Landriani trong vụ án Palanza.

Trong thời gian mười ba tuần sám hối của đức cha, bá tước Mosca vì thương, cũng có vì tình nghịch, đã mời cha dự yến mỗi tuần một lần, có khi hai lần. Ông tổng giám mục thật thà, để làm vui lòng người quyền quý, đã đến dự yến ầm như mọi người. Đức cha nghĩ rằng công khai hóa sự sám hối của mình về một hành động mà vương chủ đã chuẩn y tức tỏ ý phản kháng và có óc cách mạng. Nhưng người ta vẫn biết rằng bù lại một bữa tiệc mà bốn phần thần dân trung thành buộc ngài phải dự như mọi kẻ khác, đức tổng giám mục phải tự gán thêm cho mình hai ngày bánh nhạt nước trong nữa.

“Đức cha Landriani, một trí tuệ cao đẳng, một nhà thông thái bậc nhất, chỉ có một nhược điểm là ngài muốn được yêu mến. Bởi vậy, anh hãy tỏ ra triu mến khi nhìn cha và đến lần thăm viếng thứ ba thì hãy yêu cha toàn vẹn. Điều ấy, cộng với thành phần đại thể phiệt của anh, sẽ làm cho đức cha mê anh ngay. Đừng có vẻ gì ngạc nhiên nếu cha tiễn anh xuống thang lầu, hãy tỏ ra chẳng xa lạ gì những hình thức đối xử ấy. Đó là một con người lọt lòng mẹ với tư thế quý báí giới quý tộc. Ngoài ra, hãy giản dị, gương mẫu, không thông minh, không xuất sắc, không đối đáp nhanh nhậy. Nếu anh không làm cho đức cha lo ngại thì đức cha sẽ ưa anh. Hãy làm sao để cho đức cha tự động chọn anh làm linh mục trợ tá của người. Bá tước và cô sẽ tỏ ra ngạc nhiên hơn thế, khó chịu về sự thăng chức quá nhanh của anh, điều này cần thiết trước con mắt quận vương”.

Fabrice chạy đến tòa tổng giám mục. May mắn sao, người hầu phòng của đức cha hơi lãng

tai không nghe tiếng Del Dongo hấn báo có một linh mục trẻ tuổi tên là Fabrice. Lúc ấy đức tổng giám mục đang tiếp một cha xứ hạnh kiểm thiếu gương mẫu mà đức cha gọi đến để quở phạt. Cha đang khiển trách ông linh mục kia, khiển trách là một việc làm nhọc nhằn đức cha, cha không muốn nuôi điều phiền muộn kia trong lòng lâu dài hơn nữa. Bởi vậy cha bắt người cháu của đức tổng giám mục Ascanio Del Dongo vĩ đại chờ bốn mươi lăm phút.

Sau khi tiễn cha xứ qua phòng chờ thứ hai, đức cha quay lại thấy có người đợi bèn hỏi người ấy xem mình có thể giúp được gì cho ông ta, chừng ấy đức cha mới nhìn thấy đôi mắt tím và nghe đến cái tên Fabrice Del Dongo. Làm thế nào diễn tả nỗi thất vọng và những lời thanh minh của đức tổng giám mục? Fabrice thấy sự việc xảy ra hay hay, cho nên ngay tại cuộc thăm viếng đầu tiên này, anh đã đánh liều hôn bàn tay của vị thánh tăng trong niềm cảm kích. Phải nghe đức cha luôn miệng nhắc một cách thất vọng: "Một người dòng dòng dõi Del Dongo mà phải chầu chực trong hành lang của ta!" nghe được như thế mới thấy thú. Để thanh minh, đức cha thấy cần thuật lại căn cứ vụ lỗi lầm của cha xứ cho Fabrice nghe, nào là ông ta phạm lỗi như thế nào, nào là ông ta trả lời ra sao v.v...

Khi trở về lâu đài Sanseverina, Fabrice tự hỏi đó có phải là con người đã giúp cho người ta sớm hành hình ông bá tước Palanza tội nghiệp hay không!

— Ông lớn nghĩ thế nào? Bá tước Mosca vừa cười vừa hỏi Fabrice khi thấy anh trở về dinh nữ công tước (bá tước không muốn cho Fabrice gọi mình là ông lớn).

— Tôi như người trên mây rơi xuống. Tôi chẳng hiểu gì về tính tình của con người ta, giá tôi không biết tên đức cha thì tôi có thể đánh cuộc đó là một người không dám nhìn người ta cắt tiết gà nữa.

— Và hấn anh thắng cuộc. Tuy nhiên khi đức cha tổng giám mục đứng trước mặt quân vương, hoặc chỉ đứng trước mặt tôi thôi, ngài cũng không thể nói không. Thật ra muốn phát huy hết hiệu lực đối với ngài, tôi phải đeo cái băng choàng nhất đẳng lên trên áo; tôi mà mặc thường phục thì đức cha cãi tôi đấy, cho nên tôi cứ phải mặc phẩm phục để tiếp cha, chúng tôi đâu có nhiệm vụ đả phá uy thế người cầm quyền báo chí Pháp đang lay đổ nó khá mau lẹ đấy. Bệnh tôn quan quyền may lắm là tồn tại đến hết đời chúng tôi, còn anh, anh cháu của tôi ạ, anh tồn tại lâu hơn trong sự tôn kính: Anh, anh sẽ là một bậc hiền nhân.

Fabrice thấy thích khi được gần gũi bá tước; đây là người bề trên đầu tiên chịu khó không đóng trò khi giao thiệp với anh. Vả lại hai người có một sở thích chung, đó là việc khảo cổ và khai quật, về phần bá tước, ông thấy đặc ý được chàng thanh niên hết sức chăm chú nghe mình nói. Thế nhưng có một trở ngại căn bản: Fabrice ở một gian trong lâu đài Sanseverina, sống với công tước phu nhân, ngày thơ bộc lộ niềm sung sướng được gần gũi phu nhân, mà Fabrice có đôi mắt và nước da tươi mát đến ngả lòng người.

Ranuce Ernest IV rất ít khi gặp một phụ nữ lạnh nhạt với mình, đã từ lâu ông thấy tự ái về chỗ nữ công tước, vốn nổi tiếng đức hạnh giữa triều, không có ngoại lệ đối với ông. Chúng ta đã thấy sự thông minh và tự chủ của Fabrice làm cho ông khó chịu ngay từ ngày đầu. Ông không thích mối quan hệ vô hạn dậm đà mà cô cháu nhà ấy phô bày một cách nhẹ dạ. Ông nghiêng tai nghe ngóng những lời bàn tán bất tận của quần thần. Việc chàng thanh niên ấy đến Parme và cuộc tiếp kiến bất thường chàng được hưởng là tin sốt dẻo và là chuyện lạ ở triều trong vòng một tháng, qua đó hoàng thân nảy ra một sáng kiến.

Trong đội cấm binh của hoàng thân, có một anh lính tửu lượng rất cừ. Hấn ta sống giữa quán rượu và báo cáo thẳng với quân vương về tư tưởng của quân nhân. Hấn tên là Carlone, hấn không có văn hóa, không thể thì đã thăng chức từ lâu. Nhiệm vụ của hấn là phải có mặt trước cung điện hàng ngày khi nghe đồng hồ lớn trong cung buông mười hai tiếng. Trước giờ đó một chút, hoàng thân vào một buồng con kế tiếp buồng thay áo quần và tự tay hé cánh cửa chớp theo một kiểu riêng nào đó. Sau ngọ một chút, hoàng thân trở lại đấy và gặp người lính. Trong túi áo hoàng thân, có một tờ giấy và một lọ mực, ngài đọc cho tên lính viết lá thư này:

“Quan lớn hẳn là một bậc đại trí, nhờ sự anh minh của ngài mà tổ quốc ta thịnh trị thế này. Tuy nhiên, thưa bá tước thân mến, những thành quả rực rỡ đó không phải không gây nên ít nhiều đổ kỵ và tôi rất lo người ta cười sau lưng ngài, nếu ngài không tinh ý đoán thấy một chàng trai bảnh bao nào đó đã làm nẩy nở một mối tình thuộc loại lạ đời. Người ta nói con người trần gian sung sướng đó mới hai mươi ba tuổi và điều làm cho vấn đề hóa nên rắc rối, thưa bá tước thân mến, là cả ngài lẫn tôi đều hơn gấp đôi tuổi ấy. Buổi tối, đứng xa thì thấy bá tước rất đáng yêu, nhanh nhẹn, thông minh, niềm nở nhất đời; nhưng buổi sáng, trong cảnh thân mật, nói cho công bằng thì người bạn mới đó vẫn hấp dẫn hơn. Thế mà phụ nữ chúng tôi lại rất quý chuộng cái tươi mát của tuổi xuân, nhất là khi chúng tôi đã quá ba mươi. Người ta không nói đến việc dùng một chức vị cao để buộc chân chàng trẻ ấy tại triều là gì? Và ai là người thường nói điều đó với quan lớn hơn hết?”.

Hoàng thân lấy thư, cho tên lính hai đồng écu và lạnh lùng bảo:

— Món này ngoài lương bổng của anh. Phải ngậm miệng đối với bất cứ ai, nếu không thì vào cái hầm sâu ẩm ướt nhất ngục thành mà ở.

Trong buồng giấy hoàng thân có một loạt phong bì để sẵn địa chỉ của phần lớn nhân vật tại triều; địa chỉ cũng do tên lính kia đề, tuy hẳn bị coi là không biết chữ và cũng chẳng viết gì bao giờ, dù là viết báo cáo về an ninh. Hoàng thân chọn chiếc phong bì cần thiết.

Mấy tiếng đồng hồ sau, bá tước Mosca nhận được một bức thư qua đường bưu điện. Người ta đã tính toán giờ thư đến. Người phát thư đến với một phong bì nhỏ trên tay, khi ra khỏi bộ thì bá tước Mosca cũng được hoàng thân gọi. Chưa bao giờ vị sủng thần có cái dáng âm đạm như vậy! Để hưởng hết niềm thú vị, khi trông thấy bá tước, hoàng thân nói lớn:

— Tôi muốn đàm đạo băng quơ một chút với ông bạn để giải lao chứ không định làm việc với ông thủ tướng. Chiều nay tôi nhức đầu đến điên người, lại còn có những ý nghĩ đen tối.

Có nên nói đến tâm trạng xốn xang uất ức của vị thủ tướng, Mosca bá tước, khi đã được phép cáo từ mình chúa? Ranuce Ernest IV là thánh sư trong nghệ thuật dày vò lòng người, tôi có thể ví ngài với con hổ vờn mồi mà không oan.

Bá tước bảo đánh ngựa phi nước đại về dinh, khi Sanseverina qua cổng, ông thét bảo không được để ai vào; ông nhấn bảo nhân viên trực phòng là ông cho phép anh ta nghỉ việc (biết có một ai có thể nghe tiếng mình, ông không chịu được).

Ông chạy trốn vào gian lớn trưng bày tranh vẽ. Ở đây ông mới có thể bộc lộ tha hồ sự căm giận của mình; ở đây suốt buổi tối, không đèn lửa, ông đi ngang dọc vu vơ, như một người mất trí. Ông tìm cách nén lòng lại để tập trung trí ý xét xem nên làm thế nào. Nỗi khắc khoải hoang mang của ông, đến kẻ thù độc ác nhất cũng phải đâm ra thương hại. Ông tự nhủ: “Con người mà ta căm ghét ở trong nhà nữ công tước, giờ phút nào cũng ở cạnh nàng. Ta có nên hỏi một con hầu của nàng hay không? Nhưng không gì nguy hiểm cho bằng việc ấy, phu nhân tốt bụng quá, nàng thù lao cho họ rất hậu, họ yêu quý nàng: “Lạy Chúa ai mà không yêu nàng cho được?” Ông tức điên lên, nói tiếp:

“Vấn đề là thế này: Nên để cho nàng đoán biết nỗi ghen tức dày vò lòng ta hay nên im lặng? Nếu mình im lặng, người ta sẽ không giấu giếm mình. Mình biết Gina lắm, đó là một phụ nữ luôn hành động bột phát; nàng làm gì, chính nàng cũng không biết trước được, nếu nàng vạch trước cho mình một vai trò thì nàng sẽ quên đầu quên đuôi, luống cuống ngay. Đang giữa công việc, luôn luôn có một ý mới chợt đến với nàng, và nàng hăng hái làm theo, y như đó là điều hay nhất thiên hạ và thế là hỏng cả. Không nói gì về nỗi đau khổ của mình, người ta sẽ không giấu mình và mình sẽ trông thấy hết những gì xảy ra.

Phải. Nhưng nếu nói thì ta lại làm nẩy sinh những hoàn cảnh mới, ta buộc người phải suy nghĩ và ta có thể ngăn ngừa nhiều điều xấu xa có thể xảy đến... Có lẽ người ta sẽ cho nó đi xa

(bá tước thở ra được), được như thế ta hầu như thắng cuộc; dù cho lúc đầu người ta có bức tức, thì ta sẽ dễ dàng... mà bức tức thì cũng là lẽ tự nhiên thôi!... Nàng yêu nó như con từ mười lăm năm nay. Tất cả mong ước của ta là ở chỗ này: Như con... nhưng nàng đã không thấy mặt nó từ khi nó đông đi Waterloo kia. Rồi từ Naples trở về, nó đã là một người khác, nhất là đối với Nàng. Một người đàn ông khác, bá tước uất ức lại, và người đàn ông ấy lại đáng mê. Trước hết, là cái vẻ ngây thơ và âu yếm ấy và đôi mắt tươi cười ấy hứa hẹn hạnh phúc biết bao nhiêu! Những con mắt đó, phu nhân không quen tìm thấy ở triều đình đâu!... Ở đó người ta thay bằng những con mắt âm u hoặc tai ác. Chính ta, quần quật với công việc trị vì thiên hạ chỉ nhờ ảnh hưởng đối với một người luôn luôn muốn đưa ta ra làm trò cười, ánh mắt của ta thường hiện ra như thế nào nhỉ? Chao ôi! Dù giữ gìn bao nhiêu; cái nét già nhất ở ta chính là ở đôi mắt! Niềm vui vẻ nơi ta dễ không luôn luôn ngấp ghé với sự chế diễu sao? ... Còn hơn thế, ở đây phải thành thật, niềm vui đó không phải để hé thấy một cái gì rất gần với nó là tính chuyên quyền... và sự độc ác hay sao? Không phải có đôi lần ta đã tự nói với ta, nhất là khi bị chọc tức: “ta đã muốn thì ta làm được?” và ta còn nói thêm một điều dai dột: “Ta phải được sung sướng hơn kẻ khác bởi vì ta có cái mà những kẻ khác không có tức là quyền lực vô thượng trong ba phần tư công việc”... Thế thì phải công bằng, đã quen có tư tưởng như vậy thì nụ cười phải xấu đi... đáng người phải trở nên vị kỷ... và tự mãn... Còn nụ cười của nó sao mà tình tứ thế! Nó toát ra niềm hạnh phúc dễ dãi của tuổi thanh xuân và tự nó gây hạnh phúc chung quanh nó”.

Khổ thân bá tước! Đêm hôm ấy trời oi bức, báo sắp có bão tố, tóm lại một thứ thời tiết đưa đến những quyết định cực đoan ở xứ này. Làm sao kể lại hết những lý lẽ, những cách nhận xét sự việc đã giầy vò con người si tình ấy trong ba tiếng đồng hồ ác hại? Cuối cùng xu hướng thận trọng thắng thế, chỉ vì bá tước nghĩ: “Ta điên sao ấy? Tưởng là luận lý, thực ra ta chẳng luận lý gì cả, ta chỉ day qua trở lại để tìm một vị trí ít làm đau nhức hơn mà thôi, ta đã lướt qua cái lý lẽ quyết định mà không nhìn thấy nó. Ta đã hóa mù quáng vì quá đau khổ thì chỉ nên theo con đường mà những người khôn đều tán thành, đó là sự thận trọng.

Vả chẳng một khi ta đã nói đến cái tiếng tai hại là ghen tuông thì vai trò của ta cũng bị vĩnh viễn sẵn. Trái lại, hôm nay không nói gì thì ngày mai ta còn nói được, ta vẫn cứ còn chủ động”.

Bài toán được giải đáp, niềm vui nhờ do việc xét đoán kia đem đến cũng nhanh chóng bay biến đi bởi vì hình ảnh Fabrice lại xuất hiện và xóa nhòa nó với dáng dấp khôi ngô tuấn nhã của mình. Y như một quả tạ nghìn cân vừa rơi xuống ngực con người khốn khổ. Bá tước giận dữ thét: “Thư nặc danh kia do ai viết, mặc, sự việc nó tố giác có vì thế mà không tồn tại đâu? Mỗi thích thú nhất thời của nàng có thể làm thay đổi cuộc đời ta - bá tước nói, như để thanh minh sự cuồng phần của mình. Nếu nàng yêu nó một cách như thế nào đó thì thoát đầu nàng với nó càng đi Belgirate hoặc Thụy Sĩ hay một góc trời nào đấy. Nàng giàu, vả lại dù có phải sống với tí đồng louis mỗi năm, nàng có ngại gì? Cách đây tám hôm nàng đã không thú thật với ta là nàng chán cái lâu đài nguy nga tráng lệ của nàng là gì? Tâm hồn trẻ trung ấy luôn cần cái mới, mà cảnh hạnh phúc mới mẻ này lại tự dừng đến một cách đơn giản làm sao! Nàng sẽ bị lôi cuốn theo trước khi nghĩ đến sự nguy hiểm, trước khi nghĩ đến thương ta! Trong khi ta khốn khổ biết bao nhiêu!” Bá tước kêu lên, nước mắt giàn giụa.

Ông đã thề không đến nhà nữ công tước tối hôm đó, nhưng rồi ông không cầm lòng được; chưa bao giờ mắt ông khao khát được nhìn nàng như tối hôm đó. Vào nửa đêm, ông đến nhà nữ công tước. Ông thấy chỉ có phu nhân với người cháu ngồi với nhau. Bà đã cáo khách và đóng cửa từ lúc mười giờ.

Nhìn thấy cảnh gần gũi triu mến giữa hai người và niềm vui vẻ thật thà của công tước phu nhân, bá tước cảm thấy một trở ngại lớn dựng lên trước mặt, ghê gớm và đột ngột mà ông không hề nghĩ tới trong cuộc tự ký đàm luận ở phòng bày tranh vẽ: Làm thế nào giấu lòng ghen tuông của mình?

Không biết viện có gì, bá tước Mosca bảo tối hôm đó, ông thấy hoàng thân rất thành kiến với ông, ngài bác khước tất cả mọi điều ông nói v.v... Ông đau xót thấy nữ công tước nghe ông

một cách lơ là, và không để ý chút nào đến những trường hợp mà giá nói vào ngay hôm trước sẽ đưa bà vào những cuộc luận lý vô cùng tận. Bá tước nhìn Fabrice: Khuôn mặt người Lombarde đó chưa bao giờ hiện ra giản dị và thanh tú như thế dưới con mắt ông. Fabrice chú ý hơn nữ công tước đến những lúng túng mà ông thuật lại.

“Đúng là tay này vừa có tấm lòng nhân ái cao cả vừa có nét vui hồn hậu và âu yếm khó chống nổi - bá tước nghĩ thầm, vẻ mặt của nó hình như nói: Chỉ có tình yêu và hạnh phúc nó mang lại là đáng kể, ở trên đời. Tuy thế khi mình đi vào một chi tiết cần đến trí tuệ thì con mắt của nó sáng lên và làm cho ta ngạc nhiên đến ngẩn người ra.

Đối với nó cái gì cũng đơn giản vì mọi thứ đều được nhìn từ trên xuống. Lạy Chúa! Làm sao chống lại một tình địch như thế?... Nhưng mà đời còn có nghĩa lý gì nếu không có tình yêu của Gina? Nàng say sưa làm sao khi nghe những câu đối đáp lý thú của chàng trai trẻ ấy; cái thông minh kia, phụ nữ tất phải cho là vô nhị ở trên đời”.

Một ý nghĩ ghê gớm chợt đến làm bá tước như bị chuột rút: “Hay là đâm chết nó trước mặt nàng rồi tự sát?”.

Mosca đã điên rồi. Trong khi họ nghiêng đầu bên nhau, ông thấy hình như họ hôn nhau, hôn ở ngay đấy, dưới mắt ông. Việc đó không thể diễn ra trước mặt ta, ông tự bảo. Ta loạn óc rồi. Phải bình tĩnh lại. Nếu ta có cử chỉ thô bạo, nữ công tước có thể chỉ tự ái mà theo nó đi Belgirate. Và ở đó, hoặc là trong lúc đi đường, biết đâu sự ngẫu nhiên không đưa tới một lời nào đó khiến cho mối cảm tình giữa hai người thành ra có tên, và sau đó, trong chốc lát tất cả hậu quả sẽ xảy đến.

Cảnh vắng vẻ khiến cho cái từ kia có hiệu lực quyết định vả lại, một khi nàng xa ta thì ta sẽ ra sao? Và nếu sau nhiều khó khăn phải khắc phục về phía quận vương, ta xuất hiện ở Belgirate với khuôn mặt già cỗi và lo âu, thì ta sẽ đóng vai trò gì bên cạnh những người điên say trong hạnh phúc đó.

Ngay ở đây ta cũng có khác gì kẻ thứ ba quấy rầy[\[59\]](#) (ngôn ngữ đẹp đẽ của người Ý quả là bày sẵn cho tình yêu): Terzo incomodo (người hiện diện thứ ba gây ra bất tiện). Đau đớn thay cho một con người thông minh khi cảm thấy mình đóng vai trò đáng ghét ấy mà không đủ can đảm tự mình đứng dậy ra về.

Bá tước sắp làm ầm lên, hoặc ít nhất là vô tình làm lộ nỗi đau khổ của mình qua gương mặt phờ phạc. Trong khi bách bộ trong buồng khách, ông chợt cảm thấy mình ở gần cửa ra vào; ông kêu lên một cách đôn hậu và thân mật: “Tôi về đây, hai cô cháu nhé!” và đi ra. Ông nghĩ thầm trong lòng: “Phải tránh đổ máu”.

Sau buổi tối ghê gớm đó, bá tước thao thức một đêm trắng, khi thì căn kẽ vạch thăm những ưu thế của Fabrice khi thì dằn vặt với một nỗi ghen tuông tàn ác nhất. Sáng hôm sau, ông nảy ý gọi một người hầu phòng trẻ tuổi của ông đến; anh thanh niên ấy đang chầu phục một thiếu nữ tên là Chékina, hầu phòng của nữ công tước, người mà phu nhân ưa nhất. May là anh thanh niên ấy sống rất ngăn nắp, có thể nói keo kiệt nữa, vả anh ao ước được làm người gác cổng ở một công sở tại Parme. Bá tước ra lệnh cho anh ta gọi ngay cô nhân tình Chékina, của anh đến. Anh tuân lệnh, và một giờ sau, bá tước đột ngột vào căn buồng cô gái đang ngồi với vị hôn phu. Bá tước làm cả hai sợ khiếp đi vì số vàng ông cho họ, rồi ông nhìn vào giữa mắt cô Chékina, đang run rẩy, hỏi cụt ngủn:

— Nữ công tước có ân ái với đức ông Fabrice không?

— Không, cô gái im lặng một lát rồi kiên quyết đáp... Không chưa, nhưng đức ông thường hay hôn bàn tay bà lớn, vừa hôn vừa cười đấy, nhưng mà nòng nân.

Lời chứng ấy còn được bổ sung bằng hàng trăm câu trả lời khác cho hàng trăm câu hỏi

cuồng loạn của bá tước. Sự lo ngại của người si tình đã giúp cho những người nghèo đó nhận xứng đáng số tiền lớn mà ông vớt cho. Cuối cùng ông nói với Chékina: “Nếu một ngày kia, công tước phu nhân nghi có cuộc hỏi han hôm nay thì tôi, tôi sẽ gửi vị hôn phu của cô vào sống hai mươi năm trong ngục thành, và cô sẽ chỉ gặp anh ta khi nào tóc anh ta bạc hết”.

Những hôm sau, đến lượt Fabrice mất hết vui vẻ. Anh nói với nữ công tước:

— Cháu cam đoan với cô là bá tước ác cảm với cháu.

— Mặc quan lớn thủ tướng! Bà đáp, hình như có phần bực mình.

Đó không phải thực sự là mối lo làm Fabrice mất vui. Anh tự nhủ: “Vị trí mà sự ngẫu nhiên đặt ta vào quả không ổn. Ta dám chắc là không bao giờ cô Gina mở miệng, cô Gina ghê tởm một lời quá rõ nghĩa, cũng như một quan hệ loạn luân. Tuy nhiên nếu sau một ngày đại dột và ngông cuồng nào đó mà cô phản tình trong đêm và cô tưởng ta đã đoán được là cô có vẻ thích ta, thì vai trò của ta sẽ như thế nào dưới con mắt cô? Đúng y casto Giuseppe (ngạn ngữ Ý nhắc đến vai trò lỗ bịch của Joseph đối với vợ viên thái giám Putiphar)[\[60\]](#).”

Có một buổi rĩ trao tâm tình đẹp để làm cho cô Gina hiểu rằng ta không thể có khả năng yêu đương nghiêm túc, có được không nhỉ? Ta không có đủ phong độ nêu điều đó một cách tế nhị, nêu thế nào để cho nó khỏi giống với sự hỗn láo như hai giọt nước. Chỉ còn cách viện một mối tình rớt lại ở Naples, và như thế thì phải trở về đó một ngày; cách nào khéo, nhưng mất công quá! Cũng có thể tạo ra một mối tình ma chuột trong đám dân giả ở Parme; điều này có thể làm phật ý cô Gina. Nhưng gì cũng còn hơn địa vị góm guốc của con người không muốn đoán biết. Cách sau cùng này đúng là có thể làm lằm lổ tiền đồ của ta, cho nên phải hết sức cẩn thận và phải mua chuộc sự kín miệng quanh mình để giảm tác hại”.

Điều oái oăm giữa những câu nhắc đó là Fabrice yêu mến thực sự công tước phu nhân, yêu mến vượt lên trên hẳn bất cứ một người nào trên đời. Anh giận dữ tự trách mình: Thật là quá vụng về mới sợ không làm cho người ta tin được sự thật! Vì không đủ khôn khéo để thoát khỏi vị trí ấy, anh đâm ra âm thầm buồn bã. Ta sẽ như thế nào, lay Chúa, nếu bất hòa với con người duy nhất trên đời mà ta triu mến một cách say sưa? Mặt khác, Fabrice cũng không đành làm hỏng cuộc sống lý thú đó bằng một lời úp mở. Vị trí của anh thích thú biết bao nhiêu! cảnh thân cận với một phụ nữ xinh đẹp và đáng mến đến như thế thật là dễ chịu! Dưới những quan hệ thông thường trong cuộc, sự che chở của nữ công tước tạo cho anh một địa vị rất lý thú ở triều đình; nhờ phu nhân giải thích, những mưu đồ lớn, những cuộc vận động trong triều đình làm anh vui như xem một vở kịch. “Nhưng e có một lúc nào đó, ta phải thức dậy bằng một tiếng sét đánh! Những tối rất vui, rất tình cảm mặt đối mặt với một phụ nữ ý vị đến như thế, nếu mà tiến lên thân nhau hơn nữa, thì cô sẽ tưởng tìm thấy ở ta một người tình; cô sẽ đòi ta phải sôi nổi, ngông cuồng, liều lĩnh trong khi ta chỉ có thể hiến cho cô một tình cảm nồng nhiệt nhất, nhưng không phải tình yêu; tạo hóa đã không cho ta cái khả năng cuồng si cao quý đó. Ta đã nghe biết bao lời oán trách về điều này. Ta còn nghe thấy văng vẳng tiếng của nữ công tước A, mà ta từng phớt lạnh! Cô Gina sẽ tưởng ta không có tình yêu đối với cô trong khi chính tình yêu không có ở trong người ta; cô sẽ không bao giờ hiểu ta. Nhiều lúc, sau khi cô công tước của ta kể lại một việc xảy ra ở triều đình với cái duyên dáng, cái sôi nổi mà chỉ một mình cô có, những điều tường thuật này cần thiết cho việc giáo dục của ta - ta hôn tay cô và có lúc hôn má. Sẽ xảy ra gì nếu bàn tay ấy siết tay ta một cách thế nào đó?”.

Hàng ngày Fabrice đến thăm những nhà quyền quý nhất và cũng buồn tẻ nhất ở Parme. Những lời khuyên bảo khôn khéo của công tước phu nhân hướng dẫn anh châu hầu có kỹ thuật hai bố con quận vương, vương phi Clara Paolina và đức cha tổng giám mục. Anh đạt nhiều kết quả, nhưng sự thành công đó không làm xao lãng nỗi lo chết người là lo bất hòa với nữ công tước.

CHƯƠNG VIII

Thế là Fabrice về chỗ triều đình chưa đầy một tháng đã mang tất cả những phiền muộn của một quan triều và mối gấn bó thân tình làm nên hạnh phúc cho đời anh cũng bị đầu độc. Một tối, day dứt bởi những ý nghĩ ấy, anh ra khỏi phòng khách của nữ công tước, ở đó anh có vẻ như rõ ràng là chàng tình nhân đương vị. Đi thơ thẩn đây đó, anh đến trước một nhà hát có đèn sáng. Anh bước vào. Đó là một việc liều lĩnh đối với giới tôn giáo, một việc liều lĩnh không ích lợi gì, mà trước đây anh tự hứa sẽ không phạm phải ở Parme, cái thành phố nhỏ chỉ có bốn mươi nghìn nhân khẩu đó. Đành rằng từ những ngày đầu, anh đã lột bỏ trang phục chính thức vào buổi tối, khi không đến nơi tụ họp của những đại thế gia, thì anh mặc bộ đồ đen đơn giản, như để tang vậy.

Vào nhà hát, anh lấy một buồng lô hàng thứ ba để khỏi bị trông thấy. Người ta diễn vở Bà chủ quán trẻ của Goldoni^[61]. Anh nhìn kiểu kiến trúc nhà hát và chỉ liếc mắt trông qua sân khấu. Nhưng đông đảo công chúng cứ từng lúc cười ầm lên buộc anh phải nhìn đến cô diễn viên trẻ đóng vai chị chủ quán; anh thấy cô ấy hay hay. Anh nhìn kỹ hơn và thấy cô ta hết sức duyên dáng nhất là đầy vẻ tự nhiên; đó là một thiếu nữ ngây thơ cứ cười trước mọi người về những điều ngộ nghĩnh mà Goldoni đặt vào miệng cô và có vẻ như lấy làm lạ sao mình phải nói, Fabrice hỏi xem cô tên gì, người ta trả lời: Marietta Valserra. “Ồ! lạ thật! anh nghĩ. Cô lấy tên ta”. Bất chấp những dự định trước, chỉ đến khi vở kịch kết thúc anh mới ra về. Tối hôm sau anh trở lại và ba hôm sau nữa, anh biết địa chỉ ở Marietta Valserra.

Địa chỉ ấy, anh phải mất nhiều công phu mới lấy được và tối hôm đó anh nhận thấy bá tước rất niềm nở với anh. Kể si tình ghen tuông đáng thương ấy phải hết sức tự kiềm chế để khỏi vượt giới hạn của thận trọng và đã cho thám tử theo dõi chàng trai. Chuyện ngông dại của anh ta ở nhà hát làm cho ông thích thú. Làm thế nào diễn tả niềm vui thích của bá tước khi sáng hôm sau cái ngày ông niềm nở không miễn cưỡng với Fabrice, ông lại nhận được tin Fabrice có đến tận buồng Marietta? Fabrice đã leo lên đến tận cái buồng tồi tàn đó ở gác tư một ngôi nhà cũ kỹ đằng sau rạp hát, đành rằng có cái trang nửa vời bằng chiếc áo choàng xanh rất dài. Ông càng vui vẻ hơn nữa khi được biết rằng Fabrice đến đó với một cái tên giả và đã hân hạnh làm cho một tên vô lại nổi ghen; tên đó là Giletti, khi diễn ở thành phố thì đóng vai người hầu hạng bét, về nông thôn thì nhảy múa trên dây. Gã nhân tình cao quý này của Marietta chửi rủa Fabrice không tiếc lời và đe dọa giết anh.

Những gánh hát do một ông bầu lập nên, ông bầu này tuyển mộ đây đó những người ông ta muốn được hoặc những diễn viên chưa giao kết với ai, những gánh hát tập hợp hủ họa như vậy chỉ diễn với nhau một mùa hay hai là cùng. Cái kịch đoàn lại khác, dù đi diễn rong hết đô thị này đến đô thị nọ, và thay đổi chỗ ở sau vài ba tháng, họ cũng họ thành như là một gia đình, mà các thành viên yêu mến nhau hoặc thù ghét nhau. Trong các đoàn đó, có những đôi vợ chồng tự thành mà ở các đô thị đoàn đến diễn, bọn trai trẻ địa phương đôi khi khó tìm được cách chia rẽ.

Chuyện xảy ra với Fabrice y như thế đấy: Con bé Marietta khá quý anh, nhưng sợ ghê sợ gớm cái thằng Giletti, thằng cha này tự cho có quyền làm chủ duy nhất đối với ả, và kiểm soát ả rất ngặt nghèo. Nó rêu rao khắp chốn là nó sẽ giết chết đức ông, bởi vì nó đã theo dấu Fabrice và tìm biết được tên anh. Tên Giletti ấy xấu trai hơn ai hết và ít có khả năng hơn ai hết để được yêu; cao, lêu đêu, hằn lại gầy một cách dễ sợ, mặt đỏ chằng đỏ chịt, mắt lác. Ngoài ra, hãnh diện với nghề nghiệp mình, thường thường hằn đi vào nơi hậu trường, mà các bạn đồng nghiệp tập hợp, bằng cách nhào lộn với hai bàn tay và hai chân hoặc làm một trò ngộ nghĩnh gì khác. Hẳn được hoan hô nhiệt liệt trong những vai trò mà diễn viên mang một mặt bột trắng bệch và phải nhận hoặc đánh trả vô số đòn gậy. Chàng tình địch xứng đáng của Fabrice ấy nhận mỗi tháng ba mươi hai francs lương bổng và lấy thế làm giàu.

Khi những quan sát viên của bá tước xác định các chi tiết ấy, ông thấy như từ dưới mộ trở

về. Cái tình ân cần niềm nở cố hữu trở lại. Ông có vẻ vui tính hơn; trong phòng khách nữ công tước, ông tỏ ra gần gũi, dễ thương hơn bao giờ hết và giữ gìn không cho nàng biết tí gì về sự việc nhỏ đã trả ông lại cho cuộc đời. Ông thi hành những biện pháp đề phòng, để nữ công tước hay biết những việc đã xảy ra chậm nhất. Và bây giờ ông mới có can đảm nghe lời khuyên của lương tri, lương tri từ hơn một tháng nay đã hoài công thét vào tai ông và khi một người yêu giảm giá, người đó phải đi chơi xa.

Bá tước cần đi Bologne về một công việc quan trọng. Cứ hai ngày một lần người giao thông của bộ mang đến cho ông những tin tức về chuyện yêu đương của con bé Marietta, chuyện giận dữ của tên Giletti dữ tợn và những hoạt động của Fabrice nhiều hơn là công văn của thủ tướng.

Một tên tay chân của bá tước nhiều lần yêu cầu đoàn kịch diễn tiết mục Arlécun^[62] bộ xương và bánh bột, một tiết mục thành công của Giletti (khi tên tình địch của hắn bẻ bánh ăn thì hắn từ trong cái bánh chui ra và vung gậy đánh tên ấy); đó là cái cớ để trao cho Giletti một trăm francs. Nợ như chúa chổm, Giletti không hé răng về khoản trời cho này nhưng trở nên tự đắc một cách lạ lùng.

Trò chơi ngông của Fabrice đã trở thành chuyện hiểu thắng (ở tuổi ấy mà sự lo nghĩ đã buộc anh phải tìm những thứ ngông rồi!); tính hiểu thắng đưa anh đến nhà hát, cô diễn viên trẻ diễn vui lắm và anh thấy thích, ở nhà hát ra, anh mê cô bé trong thời gian một tiếng đồng hồ.

Cái tin tính mệnh Fabrice thực sự bị đe dọa khiến bá tước Mosca quay về Parme. Giletti nguyên là long kỵ binh trong trung đoàn long kỵ ưu tú của Napoléon; hắn nói một cách nghiêm túc hắn sẽ giết Fabrice và hắn chuẩn bị điều kiện trốn sang Romagne sau vụ giết người. Bạn đọc quá trẻ sẽ bất bình với chúng tôi về việc chúng tôi khâm phục hành động đạo đức đẹp đẽ của bá tước. Phải nói rằng bá tước đã có một cố gắng dũng cảm khi rời Bologne trở về, bởi vì quả là buổi sáng thường thường da dẻ ông thẫm vẻ uế oải, còn Fabrice thì tươi mát, trong lành biết bao nhiêu! Ai dám trách cứ ông về cái chết của Fabrice xảy ra trong lúc ông đi vắng và vì một việc làm đại dột đến như vậy? Tuy nhiên ông có một tâm hồn loại hiếm có, khi gặp việc cao thượng mà không làm thì mang hận suốt đời. Vả lại ông không nỡ nhìn thấy công tước phu nhân buồn rầu mà buồn rầu vì lỗi của mình.

Ông đến lâu đài nữ công tước, thấy phu nhân ít nói và buồn bực. Trước khi ông về đã xảy ra sự việc sau đây: Cô hầu phòng Chékina day dứt vì hối hận; cô nghĩ rằng tội của cô to lắm, nếu không thế thì tại sao người ta cho cô nhiều tiền đến vậy để xúi cô phạm tội, cho nên cô đổ ố; công tước phu nhân yêu cô, lên buồng thăm hỏi; cô khóc, định đưa cho phu nhân số tiền tiêu còn lại và cuối cùng can đảm thuật hết những câu hỏi của bá tước và những câu trả lời của cô. Nữ công tước chạy đi tắt đèn rồi nói với Chékina là bà tha lỗi cho cô ta với điều kiện cô không hé một lời nào về chuyện ấy với bất cứ ai. Với vẻ như không quan tâm, bà nói thêm: Tội nghiệp! Ông bá tước sợ bị dị nghị, đàn ông ai cũng thế cả.

Phu nhân vội xuống phòng mình. Vừa khóa cửa xong, bà khóc òa. Fabrice sinh ra khi bà đã lớn, việc ân ái với nó chỉ nghĩ đến đủ lợm rồi. Thế nhưng hành vi của mình là thế nào?

Đó là lý do thứ nhất khiến phu nhân u uất, và bá tước đã gặp lại bà trong trạng thái đó. Thấy ông đến, phu nhân nổi bực tức với ông và hầu như với cả Fabrice. Bà ước không phải gặp lại ai, bá tước cũng như Fabrice. Bà tức tối về vai trò của anh chàng này bên cạnh Marietta, mà bà coi là lỗ bịch, bởi vì bá tước đã nói hết với bà, một người thực sự si tình còn biết giấu diếm gì đối với người yêu! Bà không quen chịu đựng thứ tai họa này, cái tai họa thần tượng của mình có một khuyết điểm. Cuối cùng trong một phút tin cậy chân tình, bà hỏi ý kiến bá tước Mosca ngây ngất vì vui sướng; đó còn là một phần thưởng tốt đẹp đối với hành động thiện chí quay về Parme của ông.

— Đơn giản lắm! Bá tước vừa cười, vừa nói. Bọn thanh niên thì phụ nữ nào họ chẳng muốn chiếm lấy, rồi ngày hôm sau thì không nghĩ tới nữa. Không phải Fabrice định đi Belgirate thăm bà hầu tước Del Dongo là gì? Thế thì nó cứ đi đi. Trong lúc vắng mặt nó, tôi sẽ bảo đoàn kịch ấy

mang tài nghệ của họ đi chỗ khác, tôi sẽ cấp lộ phí. Nhưng rồi ít lâu sau, chúng ta sẽ lại thấy hẳn ta mê một người đẹp đầu tiên nào đó mà sự tình cờ dun dủi đi qua đường đời nó, cái đó là thể tình, tôi không muốn thấy nó khác thiên hạ... Nếu cần thì bảo bà hầu tước viết thư gọi nó đến.

Cái ý kiến đó, phát biểu với dáng hoàn toàn khách quan, là một tia chớp lóe sáng chỉ đường cho nữ công tước, bà sợ Giletti. Buổi tối, làm như vô tình, bá tước nói có một người giao thông sắp đi Viên, có ghé qua Milan. Ba hôm sau Fabrice nhận được thư mẹ. Anh ra đi, rất ức là vì Giletti ghen mà anh chưa lợi dụng được mỹ ý tuyệt vời của cô bé Marietta do người bảo mẫu [\[63\]](#) - tức người đàn bà có tuổi đóng vai trò - chuyển đến.

Fabrice gặp mẹ và người chị ở Belgirate một thôn xã lớn vùng Piémontais trên hữu ngạn hồ Majeur. Tả ngạn thì thuộc đất Milanais, nghĩa là đất Áo. Hồ này nằm song song với hồ Côme và cũng chạy dài theo hướng bắc Nam. Nó ở chệch mười dặm về phía Tây. Dáng uy nghi bình thản của cái hồ tuyệt diệu này gợi lại cảnh hồ mà anh đã sống tuổi thơ; cảnh hồ đó cùng với không khí miền núi... tất cả ở nơi đây đều góp phần chuyển nỗi phiền uất gần như giận dữ của Fabrice thành ra một niềm buồn phiền êm ả. Lúc này hình ảnh của công tước phu nhân hiện ra trong niềm âu yếm không bờ bến; anh thấy hình như ở xa cách thế này, đối với bà, anh có một mối tình mà anh không cảm thấy có đối với một phụ nữ nào khác cả. Sẽ không có gì làm anh đau xót bằng phải xa cách vĩnh viễn bà ở trong tâm trạng đó, giá công tước phu nhân hạ mình dùng một chức khiêu gợi nhỏ nào, chẳng hạn cho anh tranh chấp với một tình địch, thì chắc bà đã chinh phục quả tim đó. Nhưng không những phu nhân hoàn toàn không có ý dùng phương pháp quyết định ấy, trái lại bà tự trách nặng nề khi thấy lòng mình cứ dỗi theo từng bước chàng trai trẻ đi xa. Bà tự dằn vò về cái mà bà còn đang gọi là một sự bột hứng ấy như một điều đáng ghê tởm. Bà tỏ ra ân cần và niềm nở hơn bội phần đối với bá tước, khiến ông mê mẩn về sự biệt đãi, mà làm ngơ lời khuyên ra đi Bologne lần nữa của lương tri lành mạnh.

Bà hầu tước Del Dongo vội về lo đám cưới cho cô con gái lớn với một công tước người Milan, chỉ dành được ba hôm cho cậu con yêu quý; bà chưa bao giờ thấy con trêu mến với mình như thế. Giữa niềm buồn man mác ngày càng xâm chiếm tâm hồn, Fabrice bỗng nảy ra một ý kiến kỳ quặc, có thể nói là lỗi bịch nữa và đột nhiên thực hiện ý kiến ấy. Chúng ta thấy cũng khó nói là anh muốn xin ý kiến ông abbé Blanès. Ông già rất tốt ấy hoàn toàn không có khả năng cảm thông những ưu tư của một tấm lòng day dứt bởi những ham mê vừa trẻ con vừa mãnh liệt; vả lại cũng đến phải mất với ông tám ngày liền để làm cho ông nhìn thấy, một cách mập mờ thôi, tất cả những quyền lợi mà Fabrice cần phải kiêng nể tại Parme. Nhưng khi nghĩ đến việc hỏi ông ta, là Fabrice đã tìm thấy lại tấm lòng tươi mát của tuổi mười sáu. Các bạn có tin chẳng? Fabrice muốn nói chuyện với ông không phải chỉ vì ông là một bậc hiền triết, một người bạn chân tình; mục đích cuộc thăm viếng này và những tình cảm khuấy động nhân vật của chúng ta trong thời gian năm mươi tiếng đồng hồ cuộc gặp gỡ diễn ra, đều quá vô lý, không lợi cho câu chuyện, cho nên bỏ qua đi thì tốt hơn. Tôi e rằng tính cả tin của Fabrice làm anh mất cảm tình của bạn đọc. Tuy nhiên anh ta đã thế thì tô vẽ cho anh làm gì, tại sao lại tô vẽ anh mà không tô vẽ người khác? Tôi có tô vẽ cho bá tước hay cho hoàng thân đâu!

Vậy là Fabrice - vì cần phải thuật hết - Fabrice tiễn mẹ đến cảng Laveno, trên tả ngạn hồ Majeur, thuộc đất Áo, ở đây bà lên bộ vào lúc tám giờ tối. (Hồ được coi như một xứ trung lập và người ta không đòi hỏi hộ chiếu đối với người không lên bộ). Nhưng trời vừa tối thì Fabrice lại cho ghé thuyền ở ngay bờ thuộc đất Áo đó trong một khu rừng nhô ra trên mặt hồ. Anh đã thuê một chiếc xe con chạy nhanh kiểu nông thôn, để có thể đi theo xe mẹ với khoảng cách năm trăm bước; anh cải trang thành kẻ hầu của nhà họ Dongo và không một ai trong đám đông đặc nhân viên cảnh sát hay thuế quan nghĩ đến việc hỏi xem hộ chiếu của anh. Bá tước và cô con định dừng lại ngủ đêm ở Côme; đến cách Côme khoảng một phần tư dặm. Fabrice rẽ vào một lối mòn bên trái, lối đó bọc quanh thị trấn Vico và dẫn đến một con đường nhỏ mới đắp ở mép bờ hồ. Lúc đó vào nửa đêm. Fabrice cố hy vọng không gặp cảnh sát. Cây cối ở mấy cụm rừng mà con đường nhỏ cứ phải luồn qua in hình sẫm lên nền trời lấm tấm sao, nhưng có hơi mờ đi vì một màn sương mù nhẹ. Trời nước đều vô cùng lặng lẽ. Tâm hồn Fabrice khó cưỡng được

cảnh đẹp tuyệt trần kia. Anh dừng lại, rồi ngồi xuống một hòn đá chồm ra trên mặt hồ như một mũi dùi nhỏ. Cảnh lặng lẽ của đất trời chỉ từng lúc xáo động đều đều bởi làn sóng nhỏ vỗ vào bờ và riu rít chết. Fabrice có một tấm lòng Ý tôi xin lỗi bạn đọc hộ anh ta: Khuyết điểm đó làm cho anh mất một phần cảm tình của chúng ta, khuyết điểm đó nằm chủ yếu ở chỗ anh chỉ có từng cơn phô trương, còn cảnh đẹp của đất trời lúc nào cũng làm cho anh cảm kích và tước đi khía cạnh đắng cay chua chát của những nỗi buồn phiền. Ngồi trên mỏm đá lẻ loi, không cần đèn phòng cảnh sát, được chở che bởi đêm tối và yên lặng menh mông, anh cảm thấy mắt rung rung những giọt lệ êm ả và anh được hưởng chẳng phải mất công gì những giây phút thần tiên nhất từ lâu nay.

Anh nguyện không bao giờ nói dối nữ công tước và chính vì anh yêu mến nữ công tước đến mức sùng bái cho nên anh tự thề với mình là sẽ không bao giờ nói anh yêu nàng^[64] anh sẽ không bao giờ nói với nàng cái tiếng yêu bởi vì cái tình cảm mang tên ấy không có ở trong tim anh. Trong niềm hưng phấn hào hiệp và đạo đức tạo ra hạnh phúc cho anh lúc bấy giờ, anh quyết định sẽ nói tất với nữ công tước lần đầu tiên có dịp, nghĩa là nói tim anh không hề biết đến tình yêu. Khi quyết định dũng cảm ấy được xác định chắc chắn thì người anh như cất được một gánh nặng. “Có lẽ nàng sẽ nói với ta vài câu về con bé Marietta, đã thế thì ta sẽ không tìm gặp nó nữa” anh vui vẻ tự trả lời như vậy.

Cả ngày trời nồng oi ả, sớm nay mới bắt đầu dịu đi nhờ ngọn gió sớm. Bình minh đã rạng ánh sáng yếu ớt trên các đỉnh núi Alpes ở phía bắc và phía đông hồ Côme. Các hình khối núi trắng phau vì phủ tuyết, dù đã là tháng sáu, in hình lên nền trời luôn luôn trong vắt ở độ cao vô chùng ấy. Một nhánh của dãy Alpes tiến về phía Nam, về hướng nước Ý hạnh phúc và phân chia triều nước hồ Côme và triều nước hồ Garde. Fabrice đưa mắt nhìn khắp các nhánh núi tuyết vời ấy; trời sáng soi vào làn sương mỏng từ các thung lũng bốc lên và giúp cho con mắt phân biệt được các thung lũng chia cách mấy chi nhánh núi non kia. Fabrice đã đứng lên và tiếp tục đi được một lát. Anh vượt ngọn đồi làm nên bán đảo Durini và cuối cùng nhìn thấy tháp chuông làng Grianta, nơi đây bao nhiêu lần anh đã xem thiên văn cùng với linh mục Blanès. “Hồi đó sao mình dốt thế! Mình không hiểu đến cả thứ La tinh buồn cười của mấy cuốn sách thiên văn mà thầy mình giở đọc, mình lại cứ tưởng là mình quý trọng mấy cuốn sách ấy bởi vì, nhất là vì chỉ hiểu một đôi chữ đây đó, trí tưởng tượng của mình nặn ra cho chúng nó một ý nghĩa loại phiêu lưu lãng mạn nhất”.

Dần dần anh mơ mộng theo một hướng khác. Ngành khoa học này có cái gì lạ thực không? Lẽ đâu nó lại không giống các ngành khác? Một số đứ đờ ngu dại và kẻ khôn ngoan thừa nhận với nhau là chúng biết tiếng Mexicain chẳng hạn; Nhân danh sự thông hiểu đó, chúng có địa vị giữa xã hội, xã hội kính trọng chúng, chúng có địa vị trong bộ máy nhà nước, nhà nước trả lương cho chúng. Người ta đồn ân huệ cho chúng vì chúng kém thông minh, nhà cầm quyền không sợ chúng kích động quần chúng nổi dậy, không sợ chúng cao đàm khoát luận trên những tình cảm cao siêu! Ví dụ như cha Bari vừa rồi được Ernest IV ban tước bổng bốn nghìn francs và huân chương của ngài vì có công khôi phục mười chín câu thơ của một bài tử tụng Hy Lạp!

”Nhưng, lạy Chúa! Ta có quyền xem những việc ấy là lỗ lã không chứ? Ta phải chẳng là người đáng kêu ca? Fabrice dừng lại, tự hỏi mình như vậy. Không phải chính viên giáo đạo của ta cũng được ban một huân chương như vậy hay sao?” Fabrice cảm thấy day dứt tự đáy lòng, cơn hưng phấn đạo đức vừa qua làm anh cảm kích đã nhường chỗ cho cái thú dâm hèn được chia phần bởi trong một vụ trộm. Mắt tối đi vì bất mãn với mình, anh tự nhủ: “Ừ, vì gia thế ta cho ta cái quyền hưởng thụ những tệ lạm đó, nếu ta không chia phần là ta tự lừa dối mình rõ rệt nhưng đã dự chia phần thì đừng có nghĩ đến việc lên án nó giữa nơi công cộng”. Các lý luận đó không phải không đúng, nhưng rõ ràng Fabrice đã rơi từ đỉnh cao hạnh phúc cao quý mà anh được nâng lên một giờ trước. Tư tưởng quyền lợi đã làm khô héo cái cây bao giờ cũng ẻo là mà người ta gọi là hạnh phúc. “Nếu không nên tin ở khoa chiêm tinh” - Fabrice nghĩ thầm, cũng để cho đầu óc rối mù đi; nếu như khoa học ấy, cũng như ba phần tư những khoa học phi toán học, là sự tập hợp những tên ngây ngô háng hái cùng với những đứ đờ giả dối khôn ngoan và được trả tiền để làm tay sai, thì sao ta cứ thường xuyên và kích động nghĩ đến cái tình huống bất

thường ngày xưa đó? Ngày ấy ta ra khỏi nhà ngục B. với áo quần và giấy hành trình của một tên lính bị bỏ tù vì những duyên cớ chính đáng”.

Lý lẽ của Fabrice không thể nào vào sâu hơn, anh quay quanh vấn đề nan giải bằng trăm cách mà vẫn không vượt qua được. Anh hãy còn trẻ quá; trong những lúc rối rắm, anh say sưa nếm những cảm giác gây nên bởi những tình huống lãng mạn mà trí tưởng tượng của anh luôn sẵn sàng nghĩ tới. Hãy còn lâu anh mới biết dùng thì giờ để kiên trì soi xét các khía cạnh thực tế của sự việc ngõ hầu đoán ra nguyên nhân. Anh hãy còn thấy thực tế là tầm thường và nhơ bẩn, không ư nhìn thực tế thì tôi hiểu được, nhưng mà đã thế thì cũng đừng nên bàn luận. Nhất là không nên dùng những mảnh ngu dốt của mình để bác khước cái nọ cái kia.

Như vậy là Fabrice, dù không kém thông minh, vẫn không thấy lòng tin nửa vơi của anh vào những diêm báo trước là một tín ngưỡng, một ấn tượng sâu sắc mới bước vào đời. Nghĩ đến tín ngưỡng đó đã là có xúc cảm rồi, có hạnh phúc rồi. Trong khi đó anh lại cố tìm xem nó là một khoa học thực nghiệm như thế nào, một khoa học như loại hình học vậy. Anh hăng hái đào sâu ký ức để tìm xem những trường hợp mà diêm báo trước lại không đưa đến những sự kiện lành hoặc dữ mà nó có vẻ báo cho ta. Nhưng tưởng rằng mình đang lý luận và đang tiến đến sự thật, sự chú ý của anh lại lấy làm sung sướng dừng lại ở những trường hợp mà sự việc hay hoặc dở xảy ra sau đó phù hợp rõ ràng với diêm báo, và thế là anh kính cẩn và cảm kích. Bấy giờ anh sẽ ghê tởm chắc chắn những ai không thừa nhận diêm báo trước, nhất là ghê tởm người mĩa mai sự tin tưởng đó.

Fabrice cứ đi, không biết mình đã đi mấy dặm, anh đang ở vào đoạn ấy của những luận lý bất lực của anh thì ngẩng cao đầu lên, anh chợt thấy bức vách bọc khu vườn của ông bố. Bức vách đó chống đỡ một sân thượng xinh đẹp; vách ở bên phải lối đi, cao bảy sải. Một dây đá tảng ở đầu vách gần bao lơn của sân thượng, làm cho vách có dáng một tượng đài, Fabrice lạnh lùng thầm nghĩ: “Cũng khá đấy, kiểu kiến trúc trông có cốt cách, hầu như theo lối La Mã”. Anh đang vận dụng những kiến thức mới tiếp thu về khoa khảo cổ. Rồi anh quay mặt ghê tởm; sự nghiêm khắc của bố, nhất là sự việc người anh cả Ascagne tố giác anh khi anh ở Pháp về, hiện lại trong trí anh.

“Việc tố giác vô đạo ấy làm cho thân thể ta ra thế này đây, ta có thể thù ghét nó, coi thường nó, dẫu sau nó đã thay đổi số kiếp ta. Ta sẽ hóa ra thế nào một khi bị bỏ quên ở Novare và bị tên quản lý sự vụ của cha ta làm khổ, nếu cô ta không có quan hệ yêu đương với một vị bộ trưởng có quyền uy vô thượng? Nếu lòng cô khô khan và dung tục chứ không triu mến và nồng nhiệt và nếu cô không yêu ta với một sự nồng nàn làm ta ngạc nhiên, thì thế nào nhỉ? Ta sẽ như thế nào ngày nay đây nếu cô có tâm hồn như anh cô, hầu tước Del Dongo”.

Ám ảnh bởi những kỷ niệm ác nghiệt ấy, Fabrice bước đi mà không biết đi đâu. Anh đến cái hào đối diện với mặt tiền tráng lệ của tòa lâu đài. Anh chỉ nhìn lướt qua tòa nhà to lớn mà thời gian đã làm cho đen sì. Ngôn ngữ cao quý của kiến trúc không làm cho anh xúc động. Hình ảnh anh cả và bố đã khép cửa tâm hồn anh, không cho đón những cảm giác thẩm mỹ! Anh chỉ lo đề phòng gặp những kẻ thù giả dối và nguy hiểm. Anh nhìn qua một tí cái cửa sổ nhỏ ở căn buồng anh trước kia, trước năm 1815, ở tầng gác thứ ba và thấy kinh tởm quá. Tính khí bố anh đã tước hết vẻ kỳ diệu thần tiên của những kỷ niệm tuổi thơ. “Ta không trở về chỗ này từ lúc tám giờ tối ngày 7 tháng ba. Ta từ đây đi để lấy tờ hộ chiếu của Vasi, rồi hôm sau thì vì sợ bon thám báo, ta phải vội vã ra đi. Khi từ Pháp trở về, ta không có thì giờ lên đây, dù chỉ lên để ngắm những bức tranh cũ của ta, và như vậy là vì sự tố cáo của anh ta”.

Fabrice kinh tởm quay đầu lại. Anh buồn rầu thầm nghĩ: “Ông abbé Blanès đã trên tám mươi ba tuổi, ông hầu như không đến lâu đài nữa, theo như chị ta nói: Tật nguyên của tuổi già đã hành hạ ông. Quả tim cứng rắn và cao thượng đó đã hóa băng giá vì tuổi tác. Ai biết được đã bao lâu rồi ông không lên gác chuông? Ta sẽ trốn trong buồng rượu, dưới các thùng chứa, hoặc dưới máy ép nho cho đến lúc ông tỉnh giấc; ta không nên làm kinh động giấc ngủ của ông cụ già đôn hậu. Có phần chắc là ông đã quên đến cả mặt mày ta. Ở tuổi ấy thì sáu năm là lâu lắm! Ta

sẽ chỉ thấy nắm mộ của người thân chứ không phải chính người thân đó! Thế mà ta đến đây để mua sự kính trọng phải nhìn tòa lâu đài của ông bố thì thật là ngây dại”. Bây giờ Fabrice đi vào quảng trường nhỏ ở trước nhà thờ; anh kinh ngạc tưởng như mê sảng khi thấy ở tầng hai cái lầu chuông cổ kính, chiếc đèn lồng con của linh mục Blanès soi sáng khoảng cửa sổ hẹp và dài. Ông abbé quen đặt chiếc đèn ở đây khi leo lên cái buồng gỗ dùng làm đài quan sát, để cho ánh đèn không trở ngại việc xem xét bản đồ thiên văn. Bản đồ đó trải trên một chậu đất nung to lớn, ngày xưa trồng cam trong lâu đài. Trong lỗ trống ở đáy chậu, thấp một cây đèn rất nhỏ có tra một ống sắt tây để dẫn khói ra ngoài chậu, bóng của ống đó chỉ hướng Bắc trên bản đồ. Những kỷ niệm đơn sơ đó làm cho tâm hồn Fabrice tràn ngập xúc cảm và hạnh phúc.

Hầu như không biết mình làm gì, anh dùng hai bàn tay làm nên tiếng huýt đánh, khẽ, ngày xưa là ám hiệu để xin được vào. Tức thời anh nghe thấy cái dây dùng để mở chốt cửa từ trên đài được kéo nhiều lần. Anh nhào vào cầu thang, cảm động đến ngây ngất. Anh bắt gặp ông abbé ngồi trong ghế bành ở vị trí quen thuộc, mắt dán vào ống kính viễn vọng nhỏ ở cái gác kẻ treo tường. Ông dùng tay trái ra hiệu bảo Fabrice để yên cho ông tiếp tục quan sát. Lát sau ông viết một con số trên một quân bài, rồi quay người lại, ông dang tay đón chàng trai; Fabrice nhào vào đôi tay ấy, mắt nhắm lẹ. Linh mục Blanès mới đúng là cha anh.

Sau những tiếng kêu bồng bột và triu mến, ông Blanès nói: “Ta đang chờ con”. Ông abbé đang là một nhà khoa học? Hay là chỉ vì ông ta thường tưởng nhớ Fabrice cho nên có dấu hiệu thiên văn nào đó - vốn chỉ là thuần túy ngẫu nhiên khiến ông nhận định là nó báo hiệu Fabrice trở về?

— Cái chết đang đi đến với cha đây, linh mục Blanès nói.

— Thế nào! Fabrice xúc động kêu.

— Đúng thế, ông Blanès đáp, giọng nghiêm túc nhưng không buồn rầu; năm tháng rười hay sáu tháng rười sau khi gặp con, đời cha sau khi đã được bổ sung thêm một lần hạnh phúc như vậy, sẽ tàn lụi.

— Come face al mancar dell' alimento (như chiếc đèn con đã cạn dầu). Trước giờ phút chót, có lẽ cha sẽ không nói trong một hay hai tháng, sau đó cha sẽ được đón nhận vào lòng Chúa, nếu Chúa cho là cha đã làm trọn bốn phận ở vị trí tên lính canh phòng.

— Con thì đã mệt lắm rồi và dễ dàng thiếp ngủ sau cơn xúc động.

— Từ khi cha chờ đợi con, cha đã cất giấu một chiếc bánh và một chai rượu mạnh trong hòm dụng cụ. Hãy bồi dưỡng đi và cố gắng lấy đủ sức để nghe cha giãi lát nữa. Cha có quyền nói với con nhiều chuyện trước khi ngày đến thay thế cho đêm. Bây giờ ta trông thấy có lẽ rõ ràng hơn ngày mai. Bởi vì chúng ta luôn luôn yếu đuối và phải luôn luôn tính toán với sự yếu đuối đó. Đến mai, có thể là con người già cả và con người cỗi trần ở trong cha phải lo thu xếp để chết và tối mai, vào lúc chín giờ, con phải rời cha ra đi.

Fabrice lặng lẽ làm theo lời ông, như thường lệ.

— Như thế, quả đúng là - ông già nói tiếp - khi con cố tìm cách xem Waterloo, con chỉ tìm thấy một nhà ngục trước hết.

— Vâng, thưa cha. Fabrice ngạc nhiên đáp.

— Thế thì rất may vậy, bởi vì con sẽ nghiệm lời cha mà chuẩn bị tư tưởng để bước vào một nhà ngục khắc nghiệt hơn nhiều, ghê gớm hơn nhiều! Chắc là con chỉ ra khỏi nhà ngục đó bằng một tội ác, nhưng ơn trời, tội ác đó không do con phạm. Đừng để rơi vào tội ác mặc dù con bị cám dỗ mãnh liệt đến thế nào; cha tưởng thấy hình như cái gút nằm ở việc giết một người vô tội, người đó chiếm đoạt quyền lợi của con mà không tự biết; nếu con cưỡng lại được sự cám

đồ mãnh liệt đó - tội ác này lại được luật danh dự chấp nhận! - cuộc đời con sẽ rất sung sướng trước con mắt thiên hạ... và cũng sung sướng vừa phải trước con mắt nhà hiền triết, ông abbé nói thêm, sau một lát suy nghĩ. Con sẽ chết như cha, con ạ, chết ngồi trên chiếc ghế gỗ, chẳng màng phú quý xa hoa và tỉnh ngộ về phú quý xa hoa và cũng như cha, không có việc gì lớn phải trách cứ lương tâm.

Bây giờ thì những việc về tương lai ta đã nói với nhau hết rồi, không còn gì quan trọng phải nói thêm. Cha cố tìm xem thời gian ở tù của con sẽ là bao nhiêu, sáu tháng, một năm hay là mười năm... mà không được. Cha không khám phá được gì; có lẽ cha đã phạm tội gì đây, nên trời phạt cha phải phiền não về sự mơ hồ này. Cha chỉ thấy sau cảnh tù ngục, nhưng không biết có phải ngay khi ra tù hay không, sẽ có một cái gì mà cha gọi là một tội ác, nhưng may sao, cha dám tin chắc không do con phạm. Nếu con yếu đuối nhúng tay vào tội ác đó thì những tính toán khác của cha sẽ là một bài tính sai dài. Và đã vậy thì con sẽ không lìa đời trên chiếc ghế gỗ và mặc áo trắng, với sự yên tĩnh trong tâm hồn.

Nói đến đây, ông abbé muốn đứng dậy. Lúc đó Fabrice mới thấy sự tàn phá của thời gian; cha phải mất gần một phút mới đứng lên và quay về phía Fabrice được. Anh đứng im lặng, để tự ý cha. Cha ôm choàng anh mấy bận; cha siết anh với nỗi trù mến không cùng. Sau đó, với vẻ vui tươi ngày trước cha nói:

— Con thu xếp các dụng cụ của cha để có chỗ ngủ thuận tiện một chút, và lấy các áo lông của cha mà đắp. Có nhiều cái rất đắt tiền, công tước phu nhân Sanseverina gửi cho cha cách đây bốn năm. Phu nhân nhờ cha cho biết vận mệnh con sau này, nhưng đời nào cha lại gửi lời đoán đó đến cho bà, tuy vẫn giữ các áo lông và cái giắc lễ đẹp của bà ấy. Tiết lộ tương lai là vi phạm luật trời, nó mang cái hại là có thể làm thay đổi sự kiện và trong những trường hợp đó, khoa chiêm tinh sẽ đổ nghiêng ngửa xuống đất như một trò chơi con trẻ; và lại có những điều nói ra thì cũng tàn nhẫn đối với bà công tước mãi mãi xinh đẹp ấy.

Nhân tiện, cha nói cho con biết để ngủ yên, đừng lo ngại gì về mấy cái chuông nó sắp rung inh ỏi bên tai con, khi người ta xem lễ bảy giờ; sau đó thì ở tầng dưới, người ta sẽ kéo cái chuông lớn nó làm rung động tất cả khí cụ của cha. Hôm nay là ngày lễ thánh Giovita, quân nhân tử vì đạo. Con biết chứ, cái xã nhỏ Grianta có chung một vị thánh đỡ đầu với thành phố lớn Brescia, điều đó nói riêng một chút - làm cho vị thầy bất hủ của ta Jacques Marini de Ravenne lăm lăm một cách buồn cười. Nhiều lần, ông bảo là cha sẽ hiển đạt khá rực rỡ trong nghiệp đạo; ông tưởng cha sẽ làm cha xứ cái nhà thờ thánh Giovita tráng lệ ở Brescia, thực ra cha chỉ là cha xứ ở một làng nhỏ có bảy trăm năm mươi bếp! Thế mà ta hay nhất đấy. Cách đây chưa đầy mười năm, cha xem thiên tượng thấy nếu cha mà làm cha xứ ở Brescia, thì số phận của cha là phải vào nằm ở ngục thành Spielberg, trên một ngọn đồi xứ Moravie. Ngày mai, cha sẽ mang về cho con nhiều món ngon lành lấy ở bữa tiệc to mời tất cả những cha xứ vùng lân cận tề tựu về đây hát trong buổi lễ lớn. Cha sẽ đem xuống dưới nhà, nhưng con chớ tìm cách gặp cha, con chỉ xuống lấy những thức ấy khi nào nghe thấy cha đã trở ra. Con không nên gặp cha lúc ban ngày; đến mai, mặt trời lặn lúc bảy giờ hăm bảy phút, cha chỉ đến hôn con vào lúc tám giờ thôi. Con phải ra đi trong lúc thời giờ còn tính bằng con số chín, nghĩa là trước lúc đồng hồ mười giờ. Hãy coi chừng không thì người ta nhìn thấy con qua các cửa sổ gác chuông; bọn cảnh sát năm nhận dạng của con, mà chúng nó thì cũng như ở dưới quyền của anh con, thằng đó là một tên bạo chúa khét tiếng.

Hầu tước Del Dongo suy yếu nhiều - cha Blanès nói tiếp, đáng buồn rầu - nếu ông gặp con, có lẽ ông sẽ cho con một cái gì, tay trao tay. Tuy nhiên những lợi lộc có dính gian dối đó không xứng đáng với một người như con mà ưu thế nằm ở lương tâm. Hầu tước ghét Ascagne lắm, nhưng chính thằng con ấy lại sẽ hưởng cái gia tài năm sáu triệu của ông. Oan báo thôi. Còn con, lúc ông ấy chết, con sẽ nhận món trợ cấp bốn nghìn francs và sáu mươi thước dạ đen để may tang trở cho kẻ hầu hạ.

CHƯƠNG IX

Tâm hồn Fabrice căng ra vì mấy lời nói của ông cụ và cũng vì anh chú ý sâu sắc và mệt mỏi quá chừng. Anh trần trọc mãi mới chớp mắt và giấc ngủ anh đầy những mộng mị, có lẽ là những mộng báo việc tương lai. Lúc mười giờ sáng, anh thức dậy vì toàn bộ tháp chuông rung động, một tiếng ồn ào kinh khủng hình như từ ngoài dội vào. Anh chồm dậy hốt hoảng và tưởng đã đến ngày tận thế, sau đó lại nghĩ mình đang ở trong tù. Phải một lát anh mới nhận ra tiếng cái chuông lớn mà bốn mươi nông dân kéo để chào mừng thánh Giovita, trong khi mười người cũng đủ sức.

Fabrice tìm một chỗ thuận lợi để trông nhìn mà không bị phát hiện; từ chỗ rất cao ấy, anh nhận thấy mắt có thể nhìn xuống các vườn, cả đến cái sân trong ở lâu đài bố anh. Trước đây anh đã quên ông bố. Giờ nghĩ đến người cha gần đất xa trời, tình cảm anh thay đổi hết. Anh nhìn thấy đến cả mấy con chim sẻ đang tìm những vụn bánh mì trên bao lơn buồng ăn. “Đây là con cháu của mấy con chim ta nuôi ngày trước”. Cái bao lơn ấy cũng như tất cả những bao lơn khác trồng rất nhiều cam trong những chậu đất lớn. Thấy cảnh ấy, anh cảm động. Dáng dấp cái sân trong được tô điểm như thế, với những bóng râm sắc nét và rõ rệt vì ánh nắng chói chang, trông thật hùng vĩ.

Anh lại nhớ tới tình cảnh suy yếu của cha. “Lạ thật! Anh tự nhủ. Bố ta chỉ hơn ta ba mươi lăm tuổi, ba mươi lăm cộng với hai mươi ba thì mới năm mươi tám thôi!”

Anh nhìn đắm đắm lên các cửa sổ của con người nghiêm khắc chưa bao giờ yêu anh đó mà ứa nước mắt. Anh rùng mình, chợt thấy có một luồng máu lạnh chảy qua trong người, khi tưởng thấy cha anh đi qua cái sân thượng trồng cam ở trước buồng ông; nhưng đó chỉ là một anh hầu phòng. Ngay dưới chuông, một đám thiếu nữ mặc áo trắng chia thành mấy tốp đang rắc hoa đỏ, hoa xanh, hoa vàng thành hình trên mặt đất, nơi đám rước sắp kéo qua. Nhưng có một cảnh tượng dội sâu sắc hơn vào tâm hồn Fabrice, từ trên lầu chuông, mắt anh phóng xa ra hai nhánh hồ ở cách anh đến mấy dặm và bức tranh tuyệt vời đó làm phai mờ tất cả những cảnh khác. Nó gọi dậy trong anh những tình cảm cao thượng nhất. Tất cả những kỷ niệm tuổi thơ lũ lượt kéo về quây lấy tư tưởng anh, và cái ngày bị nhốt trên gác chuông này có lẽ là một ngày đẹp nhất trong đời anh.

Niềm vui sướng đó nâng anh lên một tầm cao tư tưởng khá xa lạ với tính tình anh. Trẻ tuổi như thế mà anh đã nhìn những biến cố ở đời như một người bước vào giới hạn cuối cùng của cuộc sống. Sau mấy tiếng đồng hồ mơ mộng say sưa, cuối cùng anh tự nhủ.

Phải công nhận là từ khi ta tới Parme cho đến nay, ta không có những niềm vui hoàn hảo và yên tĩnh như niềm vui ta tìm thấy ở Naples khi phi ngựa trên những con đường Vomero hoặc khi chạy nhảy trên bãi biển Misène. Những lợi quyền phức tạp của cái tiểu triều đình độc ác ấy làm cho ta cũng hóa ác... Ta chẳng tìm thấy lý thú gì trong sự thù ghét, hơn nữa ta nghĩ rằng làm nhục kẻ thù nếu ta có kẻ thù là một niềm vui tồi. May là ta không có kẻ thù... ấy chết! Bậy! Anh bỗng nghĩ thầm: “Ta có một kẻ thù là Giletti... Sao lạ quá vậy, cái thú được thấy tên này ra rìa thì tồn tại mà sự ham thích lột phốt đối với cô bé Marietta thì lại bay biến mất rồi... Á còn lâu mới sánh được với nữ công tước A, mà ta phải yêu ở Naples bởi vì ta trót nói với nàng là ta mê nàng... Lạy Chúa! Đã bao lâu ta chán chết đi trong những buổi hò hẹn dài dằng dặc với bà công tước xinh đẹp ấy. Không bao giờ xảy ra như vậy trong cái buồng nát dùng làm nhà bếp, ở đây con bé Marietta tiếp ta hai lần, mỗi lần hai phút.”

Chao ôi! Trời! Các người ấy họ ăn thứ gì vậy? Trông mà thương hại! Đáng lẽ ta phải trợ cấp cho cô bé và mụ bảo mẫu mỗi ngày ba miếng bít tết trả bằng tiền mặt... Con bé Marietta làm ta khuây lãng những tư tưởng độc ác nảy sinh do chung đụng với cái triều đình kia.

Có lẽ ta theo lối sống quán cà phê, như bà công tước gọi, mà tốt hơn đấy. Hình như cô của ta

nghe về phía đó, mà cô thì có trí tuệ hơn ta nhiều. Nhờ những ân huệ của cô, hoặc chỉ với món trợ cấp bốn nghìn francs và với số vốn bốn mươi nghìn francs đặc lợi ở Lyon mà mẹ dành cho ta, ta cũng có thể tậu một con ngựa, và có một ít tiền ngoài để khai quật và lập một phòng giấy khảo cổ. Vì hình như số kiếp ta khiến ta không thể, thì đây hẳn là những nguồn hạnh phúc lớn cho ta. Trước khi qua đời, ta muốn trở lại thăm chiến trường Waterloo và cố tìm lại cánh đồng cỏ ở đây ta bị bốc lên khỏi lưng ngựa và đặt xuống đất một cách ngộ nghĩnh như thế. Cuộc hành hương đó thực hiện xong, ta sẽ trở lại nhiều lần trên cảnh hồ tuyệt diệu này. Dưới trời này không đâu đẹp hơn, đúng như thế, hay ít nhất là lòng ta cảm thấy như thế. Còn phải chạy đi đâu xa để tìm hạnh phúc chứ! Nó ở đây ở trước mắt ta.

Chà! Chà! Fabrice tự bác bỏ ý kiến của mình. Cảnh sát đã trục xuất ta khỏi hồ Côme. Nhưng ta trẻ hơn những kẻ điều khiển các hoạt động của cảnh sát. Ở đây! Fabrice cười mà nói tiếp - ở đây ta sẽ không tìm thấy một nữ công tước A, nhưng ta rất có thể gặp một trong những cô thiếu nữ đang xếp hoa ở dưới nền kia mà phải nói thật là ta thích không kém. Sự giả dối, dù giả dối trong yêu đương cũng làm ta nguội lạnh mà các bà lớn thì cứ nhằm đạt hiệu quả trác tuyệt nhất. Napoléon đã tiêm nhiễm cho họ những cao vọng về phong hóa và thủy chung.

Ái chà! Anh thăm nhủ đột ngột và vội thụt đầu vào bên trong cửa sổ; dường như anh sợ bị nhận thấy, mặc dù đứng khuất bóng tấm cửa chống to tướng bằng gỗ dùng để che mưa cho mấy chiếc chuông. Có một toán sen đầm vận đại phục kéo tới kia.

Quả có mười tên sen đầm, trong có có bốn hạ sĩ quan, xuất hiện ở đầu đường cái. Viên đội bố trí họ cứ cách trăm bước một người, dọc theo hành trình sắp tới của đám rước.

— Ở đây ai cũng biết mặt ta. Nếu người ta thấy mình thì mình chui thẳng tuột từ hồ Côme vào nhà ngục Spielberg để được người ta tra vào mỗi chân một dây xích năm mươi kilô. Và công tước phu nhân sẽ đau đớn biết bao nhiêu!

Phải hai ba phút sau Fabrice mới nhớ ra trước hết là anh ở cao mười tám sải, rồi thì là chỗ anh nấp tương đối tối tăm và những người trông lên sẽ bị mặt trời chói chang làm lóa mắt; sau hết anh nhận thấy họ đi chơi đi dạo thôi, mắt họ mở to nhìn những phố xá quét vôi trắng toát để cho lễ thánh Giovita được trọng thể. Mặc dù những lý lẽ rõ ràng ấy, tâm hồn người Ý của Fabrice từ đây sẽ không yên hưởng một thú vui nào nếu anh không căng một tấm vải cũ lên quãng cách giữa anh và bọn sen đầm, bằng cách đóng đinh tấm vải lên khung cửa sổ và anh chọc thủng hai lỗ nhỏ trên vải để nhìn ra.

Chuông làm rung chuyển không khí đã được mười phút, đám rước ở nhà thờ kéo ra, súng mortaretti lên tiếng, Fabrice quay đầu lại và nhận ra cái nền cao có bệ chắn mà hồi thiếu niên nhiều bạn đứng lên để xem, anh suýt bị súng mortaretti nổ giữa chân; vì thế, buổi sớm những ngày lễ, mẹ anh muốn thấy anh ở bên cạnh mình.

Bạn đọc nên biết các khẩu mortaretti (tức là móc chiêu con) chỉ là những nòng súng cưa cụt còn hơn tắc; vì vậy nông dân háo hức nhặt những nòng súng mà đường lối chính trị châu Âu rải rác dày đặc trên các đồng bằng Lombardie từ năm 1796. Khi đã cưa còn hơn tắc, họ nhồi thuốc súng đến tận miệng, họ đặt đúng các nòng con ấy dưới đất và rắc một dây thuốc súng nối liền các nòng với nhau; chúng được xếp thành ba hàng, như một tiểu đoàn, với quân số hai hay ba trăm, ở một nơi gần hành trình của đám rước. Khi thánh thể đến gần, người ta châm lửa vào dây thuốc súng, tức thời bắt đầu một tràng tiếng nổ đanh, rất không đồng đều và buồn cười. Phụ nữ sợ hãi mê đi. Không gì vui bằng những tiếng súng cối con ấy từ xa dội đến mặt hồ và diu diu vì sóng nước; cái tiếng la lùng đó ngày xưa làm vui tuổi thơ của anh, ngày nay xua đuổi đi những ý nghĩ hơi quá nghiêm trang đương làm bận rộn đầu óc anh. Anh đi tìm ống kính thiên văn lớn của ông abbé và nhờ nó mà nhận ra phần đông những người đàn ông và đàn bà đi trong đám rước. Nhiều cô bé xinh xắn, ngày Fabrice ra đi mới mười một mười hai, bây giờ đã là những thiếu phụ cao đẹp, rực rỡ trong tuổi xuân căng nhựa nhất. Họ phục hồi can đảm cho anh, khiến lúc đó anh có thể mặc kiếp bọn sen đầm, cứ xuống chuyện trò với họ.

Đám rước diễu xong rồi về nhà thờ qua một cửa hông mà Fabrice không nhìn thấy; lúc đó trời trở nên oi bức lạ lùng, dù ở trên lầu chuông cũng vậy. Dân chúng ai về nhà nấy, làng xóm trở nên yên lặng. Nhiều chiếc thuyền đầy ắp nông dân đi về các ngã Bellagio, Menaggio và những làng khác trên bờ hồ. Fabrice nghe từng tiếng mái chèo; chi tiết đơn giản này làm cho anh say sưa ngây ngất. Cái vui hiện tại của anh chính là kết của khổ đau và gò bó trong đời sống rắc rối ở triều đình... Lúc này mà được lướt chơi một dặm trên mặt nước phản chiếu cảnh trời thăm thẳm ở cái hồ đẹp đẽ và lặng sóng này thì thú vị biết bao nhiêu.

Fabrice nghe thấy người ta mở cửa ở dưới lầu chuông; đó là bà u già của ông abbé, bà mang đến một giỏ lớn thức ăn. Anh tự kiềm chế một cách khó khăn để không chuyện trò với bà. Anh tự bảo: “Bà ấy cũng thương mến ta hầu như không kém ông chủ, và lại tối nay đến chín giờ thì ta đi, lẽ đâu bà không giữ nổi bí mật trong mấy tiếng đồng hồ sao? Cái bí mật ấy, nếu ta yêu cầu tất bà thề sẽ giữ. Thế nhưng làm vậy sẽ làm phật ý ông bạn già! Và vì ta, ông có thể bị bọn sen đầm làm lỗi thôi”. Nghĩ thế rồi anh để cho bà Ghita đi đi mà không nói gì với bà cả. Anh ăn một bữa cơm ngon tuyệt, rồi thu xếp để ngủ giây lát. Đến tám giờ rưỡi tối, ông abbé lay cánh tay anh mới dậy; lúc đó trời đã tối hẳn.

Cha Blanès rất mệt mỏi, trông như già hơn tối hôm qua đến năm mươi tuổi. Ông không nói việc gì quan trọng nữa. Ngồi trên ghế gỗ, ông bảo Fabrice: “Hôn ta đi!” Ông ôm anh trong tay nhiều lần. Cuối cùng ông nói:

— Cái chết sắp chấm dứt cuộc đời rất dài này không có gì làm cho ta phải buồn bằng sự cách biệt với con! Cha có một túi tiền gửi cho mẹ Ghita với lệnh truyền lấy trong đó mà chi dụng nhưng nếu có khi nào con đến hỏi thì trao số còn lại cho con. Cha biết tính mẹ ấy đã dặn bảo như thế thì mẹ có thể tiết kiệm vì con đến mức chỉ mua thịt mỗi năm bốn lần, nếu con không ra lệnh khác đi cho mẹ ta. Phần con cũng có thể lâm cảnh bần cùng, chừng đó đồng tiền của ông bạn già này sẽ có ích. Con chớ chờ đợi gì ở anh con, ngoài những thủ đoạn dè dặt. Hãy cố gắng kiếm tiền bằng một công việc hữu ích cho xã hội. Cha thấy trước những trận giông tố lạ lùng, có thể trong năm mươi năm nữa người ta không muốn có những kẻ ăn không ngồi rồi trong xã hội. Mẹ con và cô con có thể không giúp gì được cho con trong một ngày kia, còn các chị con thì phải làm theo ý chồng... Thôi, đi đi! Chạy đi!

Ông Blanès vội vàng nói mấy tiếng sau cùng đó vì ông nghe thấy tiếng sột soạt nhỏ trong đồng hồ báo trước là chuông mười giờ sắp đổ; ông cũng không chịu để cho Fabrice hôn ông lần cuối.

— Nhanh lên! Nhanh lên! Ông thét. Con phải mất ít ra là một phút để xuống thang. Coi chừng không ngã, ngã là một điềm xấu đó!

Fabrice lao xuống thang gác, đến nền thì vội vã chạy đi. Anh vừa đến ngang lầu đài ông bố thì chuông đổ mười tiếng. Mỗi tiếng ngân vang trong lòng anh và gây lên một xáo động lạ lùng. Anh dừng lại để suy nghĩ, nói cho đúng để đắm mình trong những tình cảm say sưa gây nên bởi cảnh tượng tòa nhà oai vệ mà tối hôm qua anh nhận xét một cách lạ lùng. Nhiều bước chân người dội đến, kéo anh ra khỏi cơn mơ mộng: anh nhìn lên và thấy mình bị vây giữa bốn tên sen đầm. Anh có hai khẩu súng ngắn rất tốt, mà anh vừa thay ngòi trong lúc ăn cơm, anh lên cò súng, gây nên một tiếng động nhỏ làm cho một tên sen đầm chú ý, toan dừng lại. Anh nhận thấy nguy và nghĩ nên bắn trước, đó là quyền của anh, vì làm thế là cách duy nhất chống được bốn con người vũ trang đầy đủ. Cũng may là những tên này kéo đi chỉ để giải tán khách khứa trong quán rượu, và chúng đã tỏ ra không hoàn toàn vô tình trước lời mời nhã nhặn của nhiều bàn tiệc; vì vậy chúng quyết định làm phẫn sự hơi chậm. Fabrice chạy trốn rất nhanh. Bọn sen đầm cũng chạy lên mấy bước, hò hét: “Đứng lại! Đứng lại!” rồi thì tất cả lại yên lặng. Chạy được ba trăm bước, Fabrice dừng lại để thở. “Tiếng lách cách của súng ta suýt làm ta bị bắn. Nếu mà thế thì khi được may mắn gặp lại công tước phu nhân xinh đẹp, bà sẽ bảo ta say chiêm ngưỡng những sự việc xảy ra mười năm sau mà quên nhìn những gì xảy ra bên cạnh”.

Fabrice rùng mình khi nghĩ đến điều nguy hiểm mà anh vừa tránh khỏi. Anh vội bước đi nhanh hơn rồi giây lát sau thì lại chạy, điều đó chẳng khôn khéo tí nào vì khiến cho nhiều nông dân đi dự lễ về trễ ỷ. Cho đến khi vào núi, cách Grianta hơn dặm, anh mới chịu dừng lại, và khi dừng lại xong, anh vẫn thấy còn toát mồ hôi lạnh khi nghĩ tới nhà ngục Spielberg.

“Quả là một cơn sợ hãi! Anh thầm nói, và khi nghe giọng mình nói lên tiếng ấy, anh suýt lấy làm xấu hổ. Nhưng cô của ta đã không nói điều mà ta cần nhất là phải tập tữ tha thứ cho mình là gì?”

Ta luôn luôn tự so sánh với một mẫu mực hoàn thiện không thể có trong thiên hạ. Vậy ta tự thứ lỗi cho ta về sự sợ hãi này đi, vì ở một phương diện khác ta đã sẵn sàng bảo vệ tự do của ta và chắc chắn là không thể còn đủ bốn tên sen đầm để giải ta đi tù. Việc ta làm giờ đây chẳng quan sự chút nào; đáng lẽ phải rút lui nhanh chóng sau khi đã đạt mục tiêu và kẻ địch đã báo động, thì ta lại sa vào một trò vui có lẽ còn lỗ bịch hơn tất cả những lời tiên đoán của ông abbé tốt bụng.

Quả vậy, đáng lẽ phải rút theo con đường ngắn nhất và đi đến bờ hồ Majeur, ở đó thuyền anh đang chờ đón. Fabrice rẽ theo một đường vòng rất lớn để thăm cái cây của anh. Bạn đọc có lẽ còn nhớ Fabrice rất yêu mến một cây đề mà mẹ anh trồng hai mươi ba năm về trước. Anh nghĩ thầm: “Anh cả ta dám muối mặt chặt cây ấy lắm. Nhưng mà những con người đó không cảm thấy những điều tế nhị như vậy đâu. Chắc anh ấy không nghĩ đến”. Anh nói thêm, giọng tin tưởng: “Vả chẳng dù thế nữa thì đó cũng không phải là điều xấu!”.

Hai tiếng đồng hồ sau, có một điều mắt anh trông thấy mà kinh hoàng: Có những đũa ác hoặc là giông tố đã làm gãy một cành chính của cây tơ, cành đó thông xuống khô héo, Fabrice dùng lưỡi dao găm kính cẩn cắt hẳn nó đi và gọt chỗ dấu gãy cho bằng phẳng để nước khỏi thấm vào thân cây. Sau đó, mặc dù thì giờ đối với anh rất quý hóa vì trời sắp sáng, anh để trọn một giờ để xới đất quanh gốc cây thân yêu. Những việc phù phiếm ấy làm xong, anh vội vã lên đường đi về hồ Majeur. Chung quy anh không buồn gì, cây xanh tốt, khỏe mạnh hơn lúc nào hết, trong năm năm qua đã lớn lên gấp đôi. Cái cành gãy chỉ là một biến cố không hậu quả, cắt đi xong thì nó không làm hại gì cho cây, ngược lại, cây trông vút cao lên vì chỗ đâm cành cao hơn trước.

Fabrice đi chưa đến một dặm đã thấy một dải trắng ngời ở đằng đông soi rạng những đỉnh núi Resegon di Lek nổi tiếng trong vùng. Con đường anh đi rộn ràng những người nhà quê. Nhưng Fabrice không có những suy nghĩ chiến thuật, anh để mặc cho tâm hồn cảm khái về những cảnh trí tuyệt vời hoặc cảm động với những rừng cây vùng quanh hồ Côme. Có lẽ đó là những rừng đẹp nhất thế giới, tôi không muốn nói đến những rừng hát ra tiền như người ta thường gọi ở Thụy sĩ, mà những rừng giao cảm với lòng người kia. Lắng nghe tiếng nói giao tình của rừng cây trong cảnh ngộ của Fabrice thì thật là lũ trẻ con, anh đang bị cảnh sát vương quốc Lombardo Vénitiens chú ý kia mà! Mãi anh mới tự nhủ: “Ta ở cách biên giới nửa dặm đường, ta sắp gặp bọn thuế quan và bọn sen đầm đi tuần tra buổi sớm. Cái áo dạ tốt này sẽ khiến chúng nghi ngờ và chúng sẽ hỏi hộ chiếu của ta, thế mà tờ hộ chiếu này ghi rõ một cái tên sẵn sàng để vào tù. Quả ta đang lâm vào một sự cần thiết để ừa, sự cần thiết phải giết người! Nếu theo thường lệ, có hai đầm sen đi kèm nhau, ta không thể đợi cho một tên tìm cách thòp ngựa ta, ta nổ súng, chỉ cần lúc ngã xuống hẳn nín lấy tay ta giây phút, thế là ta đi thẳng vào Spielberg rồi.

Kính tởm khi nghĩ đến phải nổ súng trước, biết đâu không phải một lính cũ của chú mình, Pietranera bá tước. Fabrice chạy đến lúp trong một gốc rỗng một cây thật to tướng. Trong khi thay ngòi súng, anh nghe thấy một người đi vào rừng, vừa đi vừa hát một khúc Mercadante thú vị, điệu hát thịnh hành ở Lombards lúc bấy giờ.

“Chà! diềm lành đây!” Fabrice tự bảo. Anh kính cẩn nghe điệu hát đó và thấy tiêu tan cái khí giận đã len vào những suy nghĩ của anh. Anh nhìn kỹ con đường cái từ hai đầu và không thấy

bóng người “Cái anh hát xướng này chắc đi theo một con đường tắt nào đây!” Hầu như cùng lúc, anh thấy một tên hầu phòng ăn mặc sạch sẽ theo kiểu Anh và cười trên một con ngựa cần vụ; ngựa hấn đi bước một, tay hấn cầm cương dắt theo một con ngựa giống tốt rất đẹp nhưng hình như hơi gầy.

— Chao ôi, nếu ta luận lý như ông Mosca, khi ông nói những nguy hiểm đe dọa ta là thước đo quyền hạn của ta trên con người bên cạnh, thì ta sẽ bắn vỡ sọ tên hầu phòng này, và một khi đã ngồi trên lưng con ngựa gầy đó thì tất cả những sen đầm trong thiên hạ, ta có sá gì! Khi về Parme, ta sẽ gửi ngay tiền đến cho hấn, hoặc người vợ góa của hấn... nhưng mà thế thì tởm quá!”.

CHƯƠNG X

Vừa thuyết pháp với mình, Fabrice vừa nhảy xuống đường, con đường lớn đi từ Lombards đến Thụy Sĩ. Ở lối này, mặt đường thấp hơn rừng khoảng vài thước. “Nếu tên này đâm sọt, phi ngựa chạy đi thì còn trơ ta đứng đây như một thằng thộn”. Lúc ấy anh cách tên hầu phòng mười bước, hắn không hát nữa. Qua đôi mắt hắn anh nhìn thấy hắn đang đâm hoảng; có lẽ hắn sắp quay ngựa chạy. Chưa biết phải làm gì, Fabrice cứ nhảy bừa đến nắm cương con ngựa gầy:

— Người anh em này! Anh nói với tên hầu phòng - ta không phải là một tên ăn trộm bình thường bởi vì trước hết ta sẽ biếu anh hai mươi francs. Ta sắp bị giết nếu ta không nhanh chân xéo đi ngay. Bốn anh em thằng cha Riva đang đuổi theo ta bển gót, anh chắc biết những tay săn bắn sở trường ấy chứ? Chúng bắt được ta trong buồng em gái chúng, ta nhảy qua cửa sổ, chạy đến đây. Chúng xách súng, dắt chó chạy ra rừng. Ta trốn trong cây lạt rỗng vì thấy một tên trong bọn vượt qua đường; chó của chúng sắp đánh hơi tìm ra ta thôi! Ta định cưỡi con ngựa của anh chạy qua hồ Côme độ một dặm. Ta đến Milan quì gối thỉnh cầu phó vương. Ta sẽ gửi con ngựa anh ở trạm với hai đồng Napoléon biếu anh nếu anh thỏa thuận. Nếu anh chống cự, dù chỉ một tí thôi cũng đủ cho ta giết anh với mấy khẩu súng này đây. Nếu anh đi gọi sen đầm đuổi theo ta thì người anh họ ta, bá tước Alari trung hậu, bảo mã quan của đức Hoàng đế, sẽ có phận sự giần xương anh ra.

Fabrice nói tới đâu thì bịa tới đó, vẽ người muôn phần hòa dịu.

— Ngoài ra! Anh vừa cười vừa nói, tên ta đâu phải là một điều bí mật: Ta là tiểu hầu Ascanio Del Dongo, lâu đài ta ở cạnh đây, ở Grianta. Nào! Anh lớn tiếng - Cút đi, buông ngựa ra đi chứ!

Tên hầu phòng sững sốt, không mở miệng nói được tiếng nào. Fabrice chuyển súng qua tay trái, chộp lấy cương mà tên kia buông ra, nhảy lên yên ngựa và cho ngựa tể lên. Được ba trăm bước, anh sức nhớ đã quên cho hắn số tiền hai mươi francs mà anh hứa. Anh gò ngựa lại. Trên đường chẳng có ai, ngoài tên hầu phòng cũng phi ngựa chạy theo anh. Anh lấy khăn tay vẩy, ra hiệu bảo nó tiến lên, và khi thấy nó còn cách năm mươi bước, anh vất ra đường một nắm tiền lẻ rồi thúc ngựa chạy đi. Từ xa anh nhìn thấy tên hầu phòng xuống ngựa nhặt tiền. Fabrice cười, nói:

“Quả là một người biết điều! Hắn không nói một tiếng vô ích.”

Anh phi ngựa, chạy nhanh, đến trưa dừng lại nghỉ ở một cái nhà cách biệt, vài giờ sau lại lên đường. Đến hai giờ sáng anh tới bờ hồ Majeur; không lâu sau đó, anh thấy chiếc xuống của anh lướt sóng đi tới, nó đã nhận ra ám hiệu. Không gặp người nông dân nào để gửi con ngựa, anh thả rông con vật cao quý đó. Ba tiếng đồng hồ sau, anh tới Belgirate. Ở đây, trên đất thân thuộc, anh nghỉ ngơi chút ít. Anh vui lắm, anh thành công mỹ mãn. Có nên vạch những nguyên nhân đúng của sự vui vẻ ấy không? Cái cây của anh xanh tốt tuyệt vời và tâm hồn anh vừa tắm mát trong vòng tay âu yếm của cha Blanès. Anh nghĩ thầm: “Ông có thật tin hết những lời ông tiên đoán về ta không nhỉ? Hay là vì anh ta làm âm lên rằng ta là một thằng Jacobins, một tên vô quân vô phụ, tội ác nào cũng không từ, cho nên ông chỉ muốn răn ta chớ để cho cảm dỗ bởi cái thích thú bắn vờ óc thằng chó má nào chơi đùa với ta?”.

Hai hôm sau Fabrice đã ở Parme. Công tước phu nhân và bá tước rất vui thích khi nghe anh kể hết sức trung thực, theo thói quen của anh, tất cả sự việc trong hành trình.

Lúc mới đến, Fabrice thấy người gác cổng và tất cả tôi tớ trong lâu đài Sanseverina đều mặc đại tang. Anh hỏi nữ công tước:

— Nhà ta có ai qua đời vậy, thưa cô?

— Con người quý hóa mà người ta gọi là chồng tôi đó vừa mất ở Baden. Ông để tòa lâu đài

này lại cho tôi như đã giao ước, nhưng để tỏ thân tình, ông lưu tặng thêm một khoản ba mươi vạn francs làm tôi bối rối quá. Tôi không muốn từ chối để cho người cháu gái ông, nữ hầu tước Raversi, lại được thừa hưởng, con mụ ấy không ngày nào là không chơi tôi những trò chết vằm. Anh là một tài tử, anh phải tìm cho tôi một nhà điêu khắc giỏi; tôi sẽ xây cho ông công tước một ngôi mộ đáng giá ba mươi vạn.

Bấy giờ bá tước bắt đầu kể giai thoại về mụ hầu tước đó.

— Tôi dùng ân huệ để ve vuốt nó, bà công tước nói, nhưng vô hiệu. Còn lũ cháu trai của công tước, tôi đều bơm lên đại tá hoặc tướng hết. Đáp lễ lại, không có tháng nào mà chúng nó không gửi cho tôi một thư nặc danh tồi tệ hết chỗ nói, tôi phải mượn một thư ký để đọc những thư từ loại ấy.

— Mà thư nặc danh chỉ mới là tội lỗi nhỏ nhất nhất của chúng nó mà thôi, bá tước nói tiếp. Chúng nó là một xưởng chế tạo những điều vu khống đê tiện. Tôi có thể cho truy tố cái ổ đó vài mươi lần trước tòa án, và ông nói thêm với Fabrice - Ông lớn có tin rằng các quan tòa ngoan ngoãn của tôi sẽ kết án chúng hay không?

— Ấy chính vì thế mà tôi cũng ngán với mọi công việc, Fabrice đáp với sự ngây thơ đáng buồn cười ở chỗ triều đình. Giá họ được những quan tòa công minh kết án thì tôi thấy thú hơn.

— Anh, anh đi đây đi đó để học hỏi, nếu anh cho tôi được địa chỉ những quan tòa như vậy, thì tôi thích lắm, tôi sẽ viết thư mời họ, viết ngay tối nay, trước khi đi ngủ.

— Nếu tôi là thủ tướng mà không có những quan tòa lương thiện thì tôi sẽ lấy làm tự ái.

— Ông lớn yêu mến người Pháp đến thế, và trước đây từng đem cánh tay vô địch của mình giúp họ thế mà hình như ông lớn vội quên một châm ngôn lớn của họ là: "Giết quỷ sứ vẫn tốt hơn là để cho quỷ sứ có thể giết mình". Tôi muốn biết đức ông làm thế nào mà cai trị những người đầy nhiệt huyết, suốt ngày đọc lịch sử Cách mạng Pháp đó, với những quan tòa cứ tha bổng những người mà tôi truy tố. Họ cũng đến xử trắng án hết cho những tên vô lại rõ ràng là có tội nhất trong khi họ cứ tưởng mình là những Brutus^[65]. Nhưng tôi hãy hạch sách anh về điều này đã: Tâm hồn tế nhị của anh có thấy bút rút tí nào không về khoản con ngựa đẹp và hơi gầy anh bỏ lại trên bờ hồ Majeur.

— Tôi định bụng, Fabrice đáp rất nghiêm chỉnh, cho người đem trả lại cho chủ ngựa số tiền mà anh ta dùng vào việc niêm yết và các việc cần thiết khác nhờ đó mà những người nông dân bắt được ngựa sẽ trao trả ngựa cho anh ta. Tôi đọc đều đặn tờ nhật báo Milan để tìm lời rao mất ngựa. Tôi biết rõ hình dáng con ngựa này.

— Anh bạn trẻ đúng là người cổ sơ, bá tước nói với công tước phu nhân. Rồi ông cười nói tiếp với Fabrice:

Nếu trong khi phi như gió trên lưng con ngựa mượn ấy, mà lỡ ra nó vấp một cái thì ông lớn đã như thế nào rồi nhỉ. Anh đã ngồi trong nhà ngục Spielberg, anh cháu nhỏ thân mến của tôi a, và tất cả thể lực của tôi cũng chỉ đủ để can thiệp cho cái dây xiềng đeo ở mỗi chân anh nhẹ đi mười lăm cân là cùng. Anh sẽ nghỉ ở cái khu nghỉ mát ấy mười năm; có thể hai chân anh sẽ sưng húp lên và thối thệt và người ta sẽ cưa gọng nó.

— Chao ôi! Hãy làm ơn kết thúc cuốn tiểu thuyết bi thảm ấy đi! Công tước phu nhân kêu lên, mắt rơm rớm. Fabrice đã về đây...

— Và tôi còn vui mừng hơn phu nhân nữa, phu nhân nên tin như thế, bá tước đáp đáng hết sức nghiêm trang. Nhưng mà tại sao chú bé tai quái này lại không hỏi xin tôi một tờ hộ chiếu mang một cái tên hợp lý, khi chú định đi Lombards? Nếu làm vậy thì thoát nghe tin chú bị bắt, tôi sẽ đi Milan ngay và những người bạn hữu của tôi ở đó sẽ vui lòng nhắm mắt lại, và giả thiết

là cảnh sát của họ đã bắt lầm một con dân của quận vương Parme.

Bá tước nói thêm, giọng bớt bí đất:

Câu chuyện của anh rất ngộ và vui đáo để, tôi sẵn lòng công nhận cái đó, việc anh từ rừng nhảy ra đường cái, tôi cũng thấy hay lắm. Nhưng nói riêng với nhau, vì tên hầu phòng đó nắm vận mệnh anh trong tay nó, cho nên anh có quyền gạt bỏ nó. Chúng tôi sắp tạo cho ông lớn một tiền đồ rực rỡ, đó là điều mà phu nhân đây ra lệnh, và tôi tưởng rằng những kẻ thù tồi nhất cũng không thể vu cáo là đã có lần nào tôi không tuân lệnh phu nhân. Bà công tước và cả tôi nữa sẽ phiền muộn đến chết được nếu trong cuộc chạy đua vong mạng đó, con ngựa gầy yếu của anh vấp ngã! Nếu mà ngã ngựa để bị bắt thì thà để cho ngựa làm gãy cổ còn hơn.

— Tối hôm nay bạn thê thảm quá, bạn ạ! Nữ công tước rất xúc động nói.

— Là vì những biến cố thê thảm lắng vảng quanh chúng ta, bá tước cũng xúc động đáp. Chúng ta ở đây không phải như ở Pháp mà việc gì cũng kết thúc bằng một bài hát hoặc một hạn tù vài năm; tôi cười cợt mà nói những việc ấy với các bạn là không đúng. Nào, anh cháu nhỏ ạ, giả dụ tôi đẩy được anh lên chức giám mục, bởi vì rõ ràng là tôi không thể bắt đầu bằng ghế tổng giám mục công quốc Parme theo ý muốn rất phải chăng của nữ công tước đây thì ở trong tòa giám mục đó, không nghe được những lời khuyên bảo tốt lành của chúng tôi, anh định theo đường lối xử thế nào?

— Giết quỷ sứ tốt hơn là để cho quỷ sứ giết mình, như những người bạn Pháp của tôi nói! Fabrice đáp, mắt sáng rực. Tôi sẽ cố giữ bằng mọi phương tiện, kể cả súng, cái địa vị ông tạo cho tôi. Tôi đọc thấy trong gia phả họ Dongo chuyện một ông cố tôi, cái người đã xây tòa lâu đài Grianta. Vào cuối đời ông cụ, người bạn tốt của ông cụ Galéas quận công Milan, phái ông cụ đến thanh tra một lũy đài trên hồ chúng ta, vì sợ bọn Thụy Sĩ xâm lăng lần nữa. Khi chia tay, quận công nói: “À! Tôi cần viết mấy chữ thăm hỏi tướng trấn thủ nữa chứ”. Quận công viết và trao cho ông cố tôi một bức thư vài dòng, rồi ông lấy lại để niêm phong nói: “Thế này lịch sự hơn!”. Cụ Vespasien Del Dongo ra đi, nhưng khi rẽ nước trên mặt hồ, cụ sực nhớ một cổ tích Hy Lạp, vì ông cụ là người thông thái. Cụ bóc bức thư của vị ân chủ ra xem và đọc thấy lệnh cho tướng trấn thủ giết ngay ông cụ khi cụ đến. Gã quận công Sforce đó chuyên chú đóng kịch lừa ông cụ tôi nên đã sơ suất để một dòng trống giữa chữ ký và dòng cuối của tờ lệnh. Cụ Vespasien viết vào đó lệnh cử ông cụ làm tổng trấn các lũy đài trên hồ và xóa bỏ phần đầu bức lệnh thư. Đến lũy đài và được coi là tổng trấn, ông cụ vứt viên trấn thủ xuống giếng và khai chiến với quận công. Mấy năm sau, ông cụ đổi lũy đài lấy những đất đai mệnh mông đời kia qua đời nọ làm giàu cho các chi phái trong dòng họ tôi, và một ngày kia sẽ cho tôi món lợi tức bốn nghìn francs.

— Anh ăn nói như một ông hàn lâm, bá tước kêu lên và cười lớn. Anh vừa kể một kỳ công thật đấy, nhưng mà phải chờ từng chu kỳ mười năm mới có một cơ hội hay ho để làm một việc thú vị như vậy. Thường thường thì một nhân vật không thông minh nhưng chăm chỉ, nhưng cần thận lại hay được hưởng cái thú chiến thắng những kẻ giàu trí tưởng tượng. Đáng lẽ phải tìm cách chạy sang Mỹ châu, trong một cơn ảo tưởng. Napoléon đã đầu hàng anh chàng John Bull[66] thật trọng. John Bull đứng đằng sau cái quầy hàng của mình, đã cười no nê khi đọc bức thư trong đó Hoàng đế dẫn chứng Thémistocle[67]. Thời nào cũng vậy, chung quy rồi những tên Sancho Panza hèn mọn đều thắng các vị don Quichotte[68] hào hùng. Nếu anh chịu khó đừng làm một việc gì khác thường thì tôi tin chắc anh sẽ là một giám mục rất được kính trọng dù chẳng không phải là rất đáng kính. Tuy nhiên tôi vẫn duy trì lời nhận xét của tôi; Ông lớn đã xử sự một cách nhẹ dạ trong vụ con ngựa, chỉ thiếu một chút là Ông Lớn lâm vào cảnh tù tội vô chung vô thủy.

Tiếng tù tội làm cho Fabrice giật mình, rồi anh như chìm đắm trong thắng thốt. Anh tự hỏi phải chăng cảnh tù tội đe dọa anh là cảnh tù tội ác này? Những điều báo trước của cha Blanès bị anh chế nhạo trên tính cách là lời tiên tri, thì giờ đây anh thấy là những điềm trời rất quan

trọng. Công tước phu nhân lấy làm lạ hỏi:

— Anh làm sao vậy? Bá tước đã đưa anh vào những cảnh đen tối à?

— Cháu được sáng tỏ một chân lý mới và không phần uất với nó, trái lại cháu muốn thừa nhận nó. Quả đúng như vậy, cháu xuýt chạm cánh cửa một nhà tù vô thời hạn! Nhưng cái tên hầu phòng đó quá xinh xắn trong bộ quần áo kiểu Anh, giết nó thì tiếc thật!

Ông bộ trưởng lấy làm thích thú với cái dáng ngoan ngoãn của Fabrice. Ông liếc nhìn nữ công tước, nói:

— Anh bạn nhỏ này quá là kháu, kháu đủ mặt. Anh bạn ạ, tôi có thể nói anh đã chinh phục được một người, có lẽ là người đáng mê nhất.

Ái chà! Fabrice nghĩ thầm - ông ấy đùa mình về con bé Marietta đây.

— Sự ngây thơ như kinh thánh của anh đã thu được cảm tình của Ông tổng giám mục đáng kính, đức cha Landriani. Một ngày tới, chúng tôi sẽ đưa anh lên chức linh mục phụ tá của đức tổng giám mục; cái điều mê mẩn nhất trong trò hề này là ba linh mục phụ tá hiện nay đều là những người xứng đáng, trong số đó có hai đã là phụ trước khi anh ra đời, cả ba vị sẽ viết chung một bức thư hào hiệp lên đức tổng giám mục yêu cầu ngài cử đứng đầu hàng phụ tá. Những vị ấy sẽ căn cứ vào đức hạnh của anh trước hết, sau đó là vào tư cách là cháu đức tổng giám mục Ascagne Del Dongo lừng danh. Khi tôi được biết họ kính trọng đức hạnh của anh, tôi sẽ tức khắc phong hàm đại úy cho cháu vị phụ tá thâm niên nhất, anh ta là trung úy từ trận thống chế Suchet vây hãm thành Tarragone.

— Anh đi ngay đi, đến thăm ngay ông tổng giám mục để tỏ lòng triu mến ông ta. Cứ ăn mặc xuềnh xoàng như thế mà đi - bà công tước bảo. Hãy kể với ông về lễ cưới của chị anh. Khi ông biết chị anh sắp làm bà công tước thì ông càng thấy anh có dáng thánh đồ hơn nữa. Phải nhớ đừng tỏ ra có biết chút gì về việc tiến cử anh trong tương lai mà bá tước vừa tiết lộ với anh đó.

Fabrice chạy ngay đến tòa tổng giám mục. Anh tỏ ra giản dị và khiêm tốn, anh làm thế thì dễ thôi; trái lại anh phải cố gắng lắm mới đóng vai quan lớn được. Trong khi nghe những lời lẽ hơi dài dòng của đức cha Landriani, anh tự hỏi thầm: “Ta có nên bắn tên hầu phòng nắm dây cương con ngựa gầy không nhỉ?” Lý trí của anh nói: Nên, nhưng lòng anh không quen thần nhiên trước hình ảnh chàng thanh niên đẹp trai ngã xuống chân ngựa, mình mấy máu me, mặt mày méo mó.

“Nếu con ngựa vấp ngã thì cái ngục thất nuốt chúng ta đó đã phải là cái ngục mà biết bao nhiêu diêm trời đã đe trước ta chưa”.

Vấn đề đó quan trọng bậc nhất đối với anh, cho nên đức tổng giám mục rất bằng lòng về cái vẻ chăm chú sâu sắc của anh.

CHƯƠNG XI

Ở tòa tổng giám mục ra, Fabrice chạy ngay đến nhà cô bé Marietta. Từ xa anh đã nghe thấy giọng nói âm ỉ của Giletti, hắn đem rượu vang đến để yến ẩm với anh nhắc tuồng và các tay coi đèn đóm, bạn của hắn. Chỉ có mẹ bảo mẫu đóng vai mẹ đáp lại hiệu báo của anh.

— Có tin mới cho anh đây - mẹ ấy nói - Hai ba diễn viên của chúng tôi bị tố giác là đã tổ chức một cuộc nhậu nhẹt để mừng sinh nhật ngài Napoléon vĩ đại, và thế là đoàn kịch của chúng tôi bị người ta gọi là bọn Jacobine và nhận lệnh đi ra khỏi đất nước Parme. Cứ là Napoléon vạn tuế! Tuy nhiên nghe như ông thủ tướng có cho tiền. Điều chắc chắn là gã Giletti có tiền, tôi không biết bao nhiêu, nhưng tôi thấy hắn có một nắm écu. Marietta nhận nơi ông đoàn trường năm écu để làm lộ phí đến Mantoue và Venise, còn tôi được một. Con bé vẫn cứ mê anh đấy, nhưng Giletti làm nó sợ. Cách đây ba hôm, trong buổi biểu diễn cuối cùng của chúng tôi, thằng cha ấy cứ khẳng khẳng đòi giết nó. Hắn tát con bé hai cái tát ra trò và còn đáng nguyên rửa hơn nữa, hắn xé chiếc khăn choàng xanh của con bé. Nếu anh cho nó một chiếc khăn choàng xanh khác thì anh tốt bụng lắm và mẹ con tôi sẽ nói là chúng tôi quay số trúng. Viên trưởng giàn trống của đội cảnh sát tổ chức một buổi hòa tấu vào ngày mai, giờ nào anh sẽ đọc thấy trên báo cáo yết dán khắp các góc phố. Anh đến đây chơi nhé! Nếu hắn đi dự buổi hòa tấu thì chúng tôi có hy vọng hắn sẽ vắng nhà lâu lâu, tôi sẽ đứng ở cửa sổ ra hiệu cho anh lên. Anh nhớ đem cho chúng tôi thứ gì hay hay thì nó sẽ say mê anh thôi.

Đi xuống thang xoáy tròn ốc ở cái ổ chuột dê tiện ấy, Fabrice cảm thấy rất ân hận. Anh nghĩ thầm: “Ta không thay đổi gì cả. Tất cả những dự định tốt đẹp của ta trên bờ hồ, khi ta nhìn cuộc đời với con mắt triết lý, nay đều bay mất hết. Lúc ấy tâm hồn ta không ở trong cái hộp thường nhật của nó, tất cả những điều kia chỉ là mộng mị, gặp thực tế lạnh lùng tất phải tiêu tan”.

Anh về đến lâu đài Sanseverina vào lúc mười một giờ đêm. Anh tự bảo: “Lúc này là lúc cần hành động!” Nhưng anh không tin ở đâu ra cái can đảm ăn nói với sự trung thực cao quý mà đêm trên hồ Côme, anh thấy quá dễ dàng. “Ta sẽ làm méch lòng con người mà ta yêu quý nhất trần gian. Nếu ta nói thì ta sẽ như một anh đóng kịch tồi; ta chỉ có giá trị chút đỉnh những khi bông bột”.

Sau khi thuật lại cho công tước phu nhân nghe cuộc thăm viếng ở tòa tổng giám mục, anh nói:

— Bá tước đối xử với cháu quá tốt. Cháu càng đánh giá cao cách xử sự đó khi cháu nhận thấy rằng cháu đã không làm cho ông ấy ưà mình. Cho nên đối với ông, cháu phải rất lịch sự. Ông đang tiến hành khai quật ở Sanguigna, ông say sưa với công việc đó, chỉ cần nghiệm trên cuộc hành trình hôm kia cũng đủ thấy; hôm đó ông phải phi ngựa đi mười hai dặm đường để được ở hai giờ với lũ thợ của ông. Nếu họ tìm được những mẫu tượng trong tòa cổ miếu mà nền móng đã được phát hiện, thì bá tước sợ họ đánh cắp mất. Cháu muốn đề nghị với ông bá tước cho cháu đến Sanguigna trong ba mươi sáu tiếng đồng hồ. Đến mai, vào lúc năm giờ cháu phải đến gặp lại đức cha tổng giám mục, cháu có thể ra đi trong buổi chiều và lợi dụng trời đêm mát mẻ để đi đường.

Công tước phu nhân lúc đầu không đáp. Sau bà nói hết sức âu yếm:

— Hình như anh kiếm có để xa lánh cô. Vừa ở Belgirate về xong, anh đã tìm ra được một lý do để đi nữa.

Fabrice tự nhủ: “Đây là một dịp tốt để nói. Nhưng ở trên hồ ta hơi điên rồ, trong một cơn hứng trung thực, ta không nhận thấy là câu chuyện ta nói sẽ kết thúc bằng một lời hỗn láo! Nói: “Tôi yêu mến cô với tấm lòng tận tụy nhất... nhưng tâm hồn tôi không biết yêu đương” thì cũng như nói: “Tôi thấy cô yêu tôi, nhưng cô phải coi chừng, tôi không thể đáp ứng cô bằng thứ tình cảm ấy!”. Nếu bà yêu thực thì bà sẽ giận dữ vì bị đoán trúng tâm can, nếu đối với ta bà chỉ

có một thứ triu mến giản đơn thì bà sẽ công phần về sự trâng tráo của ta... và đó là những xúc phạm mà người ta không tha thứ”.

Trong khi cân nhắc những ý nghĩa quan trọng đó, Fabrice vô tình đi lại trong phòng khách, vẻ nghiêm trọng và kiên cường như một người đã trông thấy tai họa ở cách mười bước.

Nữ công tước nhìn anh lòng đầy khâm phục: Đây không phải là thằng bé mình thấy lúc sơ sinh, cũng không còn là đứa cháu luôn sẵn sàng vâng lời cô, đây là một người đàn ông nghiêm nghị, được người đó yêu thì thật là thích thú.

Bà rời trường kỷ, lao vào lòng anh, bông bột.

— Anh muốn tránh cô ư? Bà hỏi.

— Không, anh đáp với dáng điệu một hoàng đế La Mã, cháu muốn ngoan.

Tiếng ấy có thể giải thích nhiều cách. Fabrice tự thấy không đủ can đảm đi xa hơn nữa, để rơi vào khả năng làm mếch lòng nguyên tắc phụ nữ tuyệt vời đó. Anh hãy còn trẻ quá, còn dễ xúc động quá, trí tuệ anh không giúp cho anh có một cách nói thể nào cho vui lòng người ta mà vẫn rõ ràng ý nghĩa. Do một sự hưng phấn tự nhiên, vượt ngoài lý lẽ, anh ôm người phụ nữ đáng yêu ấy vào lòng, hôn dồn, hôn dập. Vừa lúc ấy có tiếng xe của bá tước đi vào sân và hầu như đồng thời bá tước xuất hiện ở phòng khách. Ông có vẻ rất xúc động.

— Anh gây nên những say đắm thật lạ lùng! Ông nói với Fabrice như vậy làm cho anh gần như thảng thốt.

“Đức tổng giám mục tối nay được hoàng thân tiếp kiến theo thường lệ những buổi tiếp kiến dành cho đức cha vào ngày thứ năm. Hoàng thân vừa kể với tôi là ông tổng giám mục luống cuống, bắt đầu bằng một diễn văn học thuộc lòng, một diễn văn thông thái mà hoàng thân không hiểu gì hết. Sau rốt, cụ Landriani mới tuyên bố là đối với nền công giáo công quận Parme, việc cử đức ông Fabrice Del Dongo làm linh mục phụ tá thứ nhất cho cụ là rất hệ trọng và sau này khi hấn tròn hăm bốn tuổi, thì nên cử làm trợ tá tòa tổng giám mục dự bị kế vị tổng giám mục.

Cái tiếng dự bị kế vị đó khiến tôi đâm sợ, thú thật như vậy! Nói đến kế vị là đi hơi nhanh và tôi lo hoàng thân đá mình một cái vì bức tức gì chẳng. Nhưng hoàng thân nhìn tôi, cười và nói bằng tiếng Pháp:

— Người ta nhìn thấy bàn tay ngài đó, ngài ạ!

— Tôi có thể thề trước Chúa và trước Điện hạ là tôi hoàn toàn không hay biết gì về cái từ dự bị kế vị đó.

Tôi kêu lên như thế với vẻ thành kính nhất. Rồi tôi nói thật hết, nói những gì chúng ta đã bàn bạc ở nơi này mấy tiếng đồng hồ trước đây. Cứ như bị cuốn đi, tôi nói thêm rằng sau đây nếu hoàng thân chiếu cố cho chúng tôi một địa phận giám mục nho nhỏ để bắt đầu, thì tôi cho là đã được hoàng thân ban đầy đủ ân huệ.

Chắc là hoàng thân tin, cho nên ngài thấy phải tỏ ra ân cần. Ngài nói với tôi một cách hết sức tự nhiên:

— Đây là một công vụ giữa ông tổng giám mục và tôi, ông không dính dáng gì hết. Ông cụ tổng giám mục “đọc” một bài tường trình rất dài và chán ngắt, rồi kết thúc bằng một đề nghị chính thức. Tôi đáp rất lạnh lùng là nhân vật này còn trẻ quá, nhất là còn mới lạ quá giữa triều đình; là làm vậy tôi có vẻ thanh toán ân nghĩa thay cho hoàng đế, bằng cách trao cái triển vọng một chức vị đến là cao sang cho con một vị trọng thần ở vương quốc Lombardo Vénitien của

ngài. Đức cha thanh minh rằng ông không hề nhận được một sự gửi gắm như thế. Nói điều ấy với tôi là quá khờ khạo, tôi lấy làm lạ sao một con người hiểu biết như ông ta lại thế? Nhưng cũng dễ hiểu, khi nào ông thừa gửi gì với tôi, ông đều luống cuống cả. Và tối nay ông lại càng lúng túng hơn bao giờ hết, khiến tôi nghĩ rằng ông mong muốn điều này đến mê mẩn. Tôi nói tôi biết rõ hơn ông ta là không có sự gửi gắm nào từ trên về nhân vật Del Dongo, là không ai ở triều đình tôi phủ nhận tài năng của hắn, và họ cũng nói tốt về đức hạnh của hắn, là tuy thế, tôi sợ hắn có khả năng hưng phấn mà tôi thì đã nguyện không nâng lên trọng trách những người điên kiêu ấy; vì với chúng, bọn vua chúa chúng tôi không nắm chắc cái gì cả! Tức thời Điện hạ nói tiếp - tôi bị nghe một tự tình khúc dài không kém bài trước: Ông tổng giám mục ca tụng lòng hưng phấn trong việc thờ Chúa giữ đạo. Tôi nói thầm: “Anh vụng quá, anh lạc lối rồi, anh làm lỡ việc tiến cử của anh, việc tiến cử hầu như đã được chấp thuận. Đáng lẽ phải ngừng ngay và nồng nhiệt cảm ơn ta!” Không. Ông ta tiếp tục đọc bài tụng với một sự dừng cảm buồn cười. Tôi cố tìm một câu trả lời tương đối ổn thỏa về chú bé Del Dongo. Tôi tìm được một câu khá thích hợp, đây ông xem thử.

“Thưa đức cha, tôi nói, Pie đê nhất là một giáo hoàng vĩ đại, một vị thánh vĩ đại. Trong tất cả các vị vua chúa, chỉ có ngài là dám nói “Không” với tên bạo chúa đang thấy cả châu Âu quì dưới chân mình!” thế mà ngài cũng có khuynh hướng hưng phấn khiến cho lúc còn là giám mục Imola, ngài đã viết cuốn giác thư của công dân giáo chủ Chiaramonti ủng hộ nước cộng hòa Bắc Ý”.

Đức tổng giám mục tội nghiệp của tôi sửng sốt và để cho ngài kinh hoàng trọn vẹn, tôi nói rất nghiêm chỉnh: “Chào đức cha. Tôi sẽ để ra hai mươi bốn tiếng đồng hồ để suy nghĩ về đề nghị của đức cha”, ông nói thêm mấy lời khẩn cầu nữa sau khi tôi nói tiếng chào, những khẩn cầu vụng về, không phải lúc. Bá tước Mosca này, bây giờ thì tôi ủy thác cho ông nói với bà công tước là tôi không muốn để cho một điều làm vui lòng phu nhân phải chậm hoàn thành dù chỉ chậm một ngày. Bá tước ngồi xuống đây và hãy viết cho ông tổng giám mục cái lệnh “chuẩn tấu” kết thúc vụ này!

Tôi viết lệnh, ngài ký rồi nói:

Bá tước đem ngay đến cho công tước phu nhân.

— Cái lệnh đó đây này, nó tạo cho tôi một cơ để có diễm phúc gặp phu nhân lần thứ hai trong đêm nay.

Nữ công tước ngây ngất đọc tờ giấy đó. Trong khi bá tước kể chuyện dài như vậy, Fabrice có thì giờ lấy lại bình tĩnh. Anh không tỏ vẻ gì ngạc nhiên về sự việc đã xảy ra; anh nhìn việc đó đúng như một con nhà đại thế gia, cứ tự nhiên cho là mình có quyền hưởng những vinh thăng khác thường, những bột phát thời vận có thể làm sướng điên một anh tư sản. Anh bày tỏ lòng biết ơn, nhưng với lời lẽ đúng mức; cuối cùng anh nói với bá tước:

— Một thần tử ngoan phải biết bỏ dỡ đúng chỗ say đắm nhất của bề trên. Hôm qua bá tước có tỏ ý lo ngại bọn thợ Sanguigna đánh cắp những mảnh tượng cổ họ đào được. Tôi rất thích việc khai quật cổ tích. Nếu bá tước cho phép, tôi sẽ đến thăm bọn thợ. Chiều mai, sau khi đến cảm tạ hoàng thân và đức tổng giám mục, tôi sẽ đi Sanguigna.

— Nhưng anh có đoán được - nữ công tước nói với bá tước - do đâu mà bỗng dưng ông tổng giám mục đôn hậu đâm ra say mê Fabrice như thế không?

— Tôi không cần phải đoán. Hôm qua cha phụ tá - cái vị có em là đại úy ấy mà - nói với tôi: “Đức cha Landriani xuất phát từ nguyên lý chắc nịch người thực thụ phải hơn người trợ tá cho nên tỏ ra vui mừng khôn xiết được có dưới quyền ông một người trong dòng họ Del Dongo và được giúp ích ông cho người đó. Cái gì làm sáng tỏ nguồn gốc vẻ vang của ông, niềm sung sướng thầm kín của ông, niềm sung sướng được nghĩ: Ta có một trợ tá như thế đấy! Lễ thứ hai là ông ưa đức cha Fabrice, ông không cảm “thấy rụt rè nhút nhát trước mặt ông ta, lẽ cuối cùng

là từ mười năm nay ông nuôi một mối hận có căn cứ đối với ông giám mục địa phận Plaisance, ông này rêu rao cái cao vọng sẽ kế thừa đức cha Landriani ở chức vị tổng giám mục Parme; và lại ông giám mục ấy chỉ là con của một người thợ xay bột. Chính vì mục đích kế vị đó mà giám mục Plaisance thiết lập quan hệ mật thiết với cụ hầu tước Raversi; giờ đây mối quan hệ đó khiến cho đức tổng giám mục lo ngại cho ý đồ thiết tha của ông là có một nhân vật Del Dongo trong bộ tham mưu của mình và được ra lệnh cho nhân vật Del Dongo ấy”.

Hai hôm sau, từ sáng sớm, Fabrice điều khiển công việc khai quật ở Sanguigna, đối diện với Colorno (đó là Versailles của các quận vương Parme); khu khai quật trải rộng ra trên đồng bằng, gần kề con đường lớn đi từ Parme đến cầu Casal Maggiore, thành phố đầu tiên trên đất Áo. Thợ của bá tước xẻ một cái hầm dài trên đồng bằng, sâu trên vài thước và rất hẹp; họ chăm chú tìm kiếm, dọc theo con đường cái của La Mã ngày xưa, những di tích của một cái đền thứ hai mà người ta nói thời Trung thế kỷ hãy còn tồn tại ở đó. Mặc dù có lệnh của hoàng thân, nhiều nông dân không thích thấy những hào dài như thế chạy qua đất đai của họ. Dù nói thế nào, họ cũng tưởng tượng là người ta đào tìm một kho của, cho nên sự có mặt của Fabrice là tốt để tránh một cuộc nổi loạn nhỏ. Fabrice không buồn chán, anh theo dõi công việc một cách say sưa; thỉnh thoảng họ tìm được một mẻ đay và Fabrice không muốn cho thợ thuyền có thì giờ thỏa thuận với nhau để lấy cắp.

Trời rất đẹp, lúc đó vào khoảng sáu giờ sáng, Fabrice có mượn được một cây súng cũ một nòng. Anh bắn mấy con chim sơn ca. Một con bị thương bay đến rơi trên đường cái. Trong lúc đuổi theo con chim, Fabrice nhìn thấy ở đằng xa một chiếc xe từ hướng Parme đến và đi về phía biên giới Casal Maggiore. Anh vừa nạp đạn xong thì cái xe ngựa nát đó cũng nhích từng bước gần tới gần và anh nhận ra cô bé Marietta. Bên cạnh cô bé, có thằng cò hương Giletti và người đàn bà có tuổi mà ả bảo là mẹ.

Giletti tưởng Fabrice đứng chắn giữa đường với khẩu súng trên tay để lãng mạ hấn và có lẽ cũng để cướp con bé Marietta của hấn. Là một người gan dạ, hấn nhảy xuống xe. Hấn cầm trong tay trái một khẩu súng ngắn cỡ lớn đã han gỉ, trong tay phải một thanh gươm còn nằm trong vỏ; hấn dùng thanh gươm ấy khi đoàn cần sấm một vai công tử. Hấn thét:

— Ái chà! Thằng cướp! Tao lấy làm thích được gặp mày ở đây, cách biên giới một cây số. Ở đây đôi bút tất tưởi không bảo vệ cho mày đâu.

Fabrice đang làm duyên với cô bé Marietta, không để ý đến những tiếng la lối ghen tuông của Giletti, cho đến khi đột ngột anh thấy họng khẩu súng gi chĩa cách ngực anh một thước. Anh chỉ kịp dùng cây súng của mình như một chiếc gậy đánh vào khẩu súng ngắn kia; súng ngắn nổ, nhưng không làm ai bị thương.

— Dừng xe lại, thằng chó kia!

Giletti thét bảo người xà ích[69] đồng thời hấn nhanh nhen nhảy đến chộp mũi súng của Fabrice, đẩy chệch hướng người hấn. Fabrice với hấn đều lấy hết sức kéo cây súng. Giletti khỏe hơn, cứ lần lượt đặt bàn tay này trước bàn tay kia, tiến mãi về phía ổ súng và suýt đánh được thì Fabrice bấm cò cho súng nổ, để khỏi bị Giletti sử dụng. Trước đó anh đã quan sát kỹ, thấy miệng súng ở cách phía trên vai Giletti hơn một tấc. Tiếng nổ vang lên sát bên tai tên này. Hấn hơi ngạc nhiên nhưng rồi trong chớp mắt lại tỉnh táo:

— Ái chà! Mày muốn bắn vỡ đầu tao hở thằng khốn? Rồi xem tao hóa kiếp cho mày.

Giletti vứt cái vỏ kiếm công tử đi và lao tới Fabrice nhanh nhen lạ thường, Fabrice không có vũ khí, thấy nguy, anh chạy về phía chiếc xe để tránh, xe bây giờ đã dừng lại ở cách sau lưng Giletti mười bước, anh đến bên trái xe, rồi nắm cái nhíp xe anh chạy vòng quanh nó rất nhanh và đi qua sát cánh cửa bên phải vẫn mở. Giletti lao tới trên đôi chân dài và không biết dựa vào nhíp xe, nên cứ theo đà mà vượt quá mấy bước rồi mới dừng được. Khi Fabrice đi qua cánh cửa mở, anh nghe Marietta thầm thì:

— Hãy coi chừng, nó giết anh thôi. Đây này!

Cũng vừa lúc Fabrice thấy một con dao sắc lớn từ cửa rơi xuống. Anh cúi nhặt con dao thì bị trúng thương ở bả vai bởi một nhát gươm, Giletti đâm tới. Khi Fabrice đứng lên thì thấy mình chỉ cách Giletti vài tấc. Giletti dùng chuôi gươm dọi một cái dữ dội vào mặt anh. Hấn đánh với một sức mạnh ghê gớm đến nỗi trí óc Fabrice hoàn toàn hoảng loạn; lúc đó anh có thể bị giết như không. May thay cho anh, Giletti đứng sát quá không thể vung kiếm đâm tới được. Khi tỉnh người, Fabrice chạy thục mạng để trốn tránh. Anh vừa chạy vừa vứt bỏ bao dao rồi quay phắt người lại, và thấy mình đứng cách trước mặt Giletti ba bước vì tên này đuổi theo anh. Giletti kịp dùng gươm đỡ con dao sắc lên chút ít nhưng mũi dao vẫn đâm trực chỉ vào má trái hẳn. Hấn lướt tới sát Fabrice và anh cảm thấy đùi bị đâm thủng; đó là do con dao mà Giletti vừa kịp mở ra, Fabrice nhảy một bước qua bên phải rồi quay lại và thế là hai đối thủ cách nhau vừa tầm chiến đấu.

Giletti chửi rủa như bị quỷ ám. “Nào! Tao sắp cắt cổ mày đây, thằng cố đạo chết vằm kia!” hẳn cứ lải nhải như thế. Fabrice thì mệt quá, không nói được. Cái chuôi gươm đập vào mặt làm anh đau đớn quá, máu mũi chảy ròng ròng. Anh dùng dao sắc đón đỡ nhiều nhát kiếm và cũng đâm tới nhiều nhát mà không biết mình làm gì. Anh lò mò cảm thấy mình đang dự một cuộc chiến đấu công khai. Anh có ý nghĩ ấy bởi có bọn thợ của anh, chừng hăm lăm đến ba mươi người, vây vòng quanh hai đối thủ; nhưng họ cẩn thận đứng xa vì thấy hai người này cứ chạy lui chạy tới và xông vào nhau.

Cuộc chiến đấu có vẻ chậm lại, các miếng đâm chém không nối tiếp nhau dồn dập nữa, cho đến lúc Fabrice nghĩ thầm: “Mặt ta đau đến thế này thì chắc hẳn đã bị hẳn làm cho méo mó đi hợm rồi!”. Nghĩ như thế, anh điên tiết lên, nhảy xổ vào kẻ địch, mũi dao sắc chĩa thẳng tới trước. Mũi dao đâm vào bên phải ngực Giletti và chòi ra phía vai trái, cùng lúc lưỡi gươm Giletti thọc vào cánh tay Fabrice suốt đến tận cán, nhưng chỉ xuyên cạn dưới da, vết thương vô hại.

Giletti ngã xuống. Khi Fabrice đi đến bên hẳn và nhìn bàn tay hẳn nắm con dao thì bàn tay ấy giãn ra một cách tự nhiên và buông thả khí giới. “Thằng khốn khiếp đã chết rồi!” Fabrice tự nhủ. Anh nhìn mặt hẳn, miệng hẳn ộc ra nhiều máu.

Anh chạy đến xe hội Marietta: “Cô có gương không?” Mặt mày tái nhợt, Marietta nhìn anh không đáp. Mụ bảo mẩu già rất tự chủ mở một túi khâu màu xanh, lấy trao cho Fabrice một cái gương con có cán, chỉ bằng bàn tay. Anh chàng soi gương, nắn mặt: “Mặt không việc gì, thế đã là tốt lắm!” anh lại xem răng, răng không gãy. “Thế thì do đâu mà ta cảm thấy đau đớn dữ vậy?” anh tự hỏi khe khẽ. Bà già đáp:

— Do phần trên của má anh bị tán giữa chuôi gươm và cái xương gò má. Má anh bầm tím và tấy lên một cách gớm ghiếc, cho đĩa hút ngay thì không việc gì hết.

— À ừ! Cho đĩa hút ngay! Fabrice cười nói và anh tự trấn tĩnh hoàn toàn. Anh thấy các người thợ xây quanh Giletti, nhìn hẳn mà không dám động tay đến.

Hãy cứu người ta đi chứ! Anh hét, bảo họ cởi áo ra... Anh toan nói tiếp, nhưng ngược mắt lên, anh thấy cách vài trăm thước năm sáu người đi đều bước tiến lại nơi sự việc xảy ra.

“Sen đầm đây, anh nghĩ thầm. Vì có một người bị giết, họ sắp tóm mình và mình sẽ có vinh dự được rước long trọng vào thành phố Parme. Một giai thoại hay ho biết bao nhiêu để hiển cho bọn triều thần ưa mụ Raversi và ghét cô ta!”.

Tức thời và nhanh như chớp, anh vứt hết tiền bạc trong túi cho lũ thợ kinh ngạc và nhảy vào xe. Anh hét lên bảo họ:

— Cẩn bọn sen đầm lại, đừng cho đuổi theo ta, ta sắp giúp cho giàu có lên đó. Nói với họ là

ta không có tội lỗi gì, là người này tấn công ta và muốn giết ta.

Còn anh! Fabrice nói với anh xà ích. Anh hãy đánh ngựa phi liền, tôi sẽ cho anh bốn đồng Napoléon vàng nếu anh qua sông Pô trước khi bọn đảng kia đuổi kịp.

— Được rồi! Anh xà ích đáp. Ông đừng sợ, những người đó đi chân, dù mấy con ngựa nhỏ của tôi có chạy nước kiệu cũng đủ bỏ xa bọn họ. Anh xà ích nói thế rồi quất ngựa phi nước đại.

Người anh hùng của chúng ta lấy làm khó chịu vì tiếng sợ mà anh xà ích nói. Bởi vì quả anh có sợ thật, sợ ghê gớm sau khi bị đánh chuôi gươm vào mặt.

— Chúng ta có thể gặp những người cưỡi ngựa đi ngược chiều với ta! Anh xà ích nói, anh có tính cẩn thận và anh cũng nghĩ đến bốn đồng Napoléon nữa. Những người đuổi theo ta có thể hét gọi bọn cưỡi ngựa đó bắt bọn ta lại.

— Chao ôi! Anh dũng cảm quá, anh abbé thân thương ạ.

Ả Marietta kêu lên như vậy và ôm hôn Fabrice. Bà già thò đầu ra cửa nhòm một lát rồi thụt vào.

— Không ai đuổi theo ông cả, ông ạ! Mụ nói rất bình tĩnh. Cũng không có ai trên đường cái ở phía trước ông. Ông cũng biết nhân viên cảnh sát Áo là nguyên tắc lắm chứ? Nếu chúng thấy ông phi nước đại như thế này đến trên đê bờ sông Pô thì chúng sẽ bắt ông, điều ấy chẳng còn nghi ngờ gì.

Fabrice nhìn qua cửa xe.

— Cho ngựa kiệu thôi, anh nói với người đánh xe. Rồi quay lại hỏi bà già: Bà có hộ chiếu gì đó?

— Có ba chứ không phải chỉ một, bà già đáp, và mỗi cái chúng tôi phải trả bốn francs, rõ là một sự bóc lột ghê tởm đối với những nghệ sĩ sân khấu nghèo, lang thang quanh năm suốt tháng! Cái hộ chiếu của ông Giletti đây, Giletti, nghệ sĩ sân khấu sẽ là ông, hai hộ chiếu của chúng tôi, con Marietta và tôi đây. Nhưng Giletti giữ tất cả tiền nong của chúng tôi trong túi nó, chúng tôi biết làm sao sau này?

— Hẳn có được bao nhiêu? Fabrice hỏi.

— Bốn mươi đồng écu rỗng, mỗi đồng trị giá năm francs.

— Nghĩa là sáu écu và những xu hào linh tinh, cô ả Marietta vừa nói vừa cười. Tôi không thích người ta lừa ông abbé bé bỏng của tôi.

— Tôi tìm cách moi thêm của ông ba mươi bốn écu cũng là lẽ tự nhiên thôi, phải không thưa ông? Bà già vẫn bình tĩnh một cách lạ lùng nói. Ba mươi bốn écu đối với ông thấm gì chứ? Còn chúng tôi, chúng tôi đã mất người đỡ đầu. Ai sẽ kiếm chỗ cho chúng tôi ở, ai sẽ mặc cả giá thuê xe với bọn xà ích khi chúng tôi đi đường, ai sẽ khiến cho thiên hạ kính sợ chúng tôi? Giletti không đẹp trai nhưng mà được việc lắm, con bé này thoát đầu đã chết mê chết mệt vì ông, nếu nó khôn ngoan thì không bao giờ Giletti hay biết gì hết, và chắc ông đã cho chúng tôi bao nhiêu đồng écu tốt lành rồi. Tôi thề với ông là chúng tôi nghèo lắm.

Fabrice cảm động, anh rút túi tiền ra lấy đưa cho bà già mấy đồng Napoléon.

— Bà thấy chứ! Anh nói với bà già. Tôi chỉ còn mười lăm đồng, cho nên từ nay, có nịu áo tôi cũng chỉ mất công toi mà thôi.

Cô bé Marietta đu lên cổ anh, còn bà già thì hôn tay anh.

Cái xe cứ tiến đều đều theo nước kiệu nhỏ. Khi nhìn thấy từ xa hàng chắn song vàng có sọc đen đánh dấu lãnh thổ Áo, thì bà già nói với Fabrice:

— Tốt hơn hết là ông xuống đi bộ vào với tờ hộ chiếu của Giletti trong túi áo, chúng tôi thì sẽ dừng lại một lát lấy có là trang điểm, sửa sang áo sống. Vả chẳng bọn thuế quan sẽ soát xét đồ đạc của chúng tôi. Ông! Ông hãy nghe tôi, cứ đi qua Casal Maggiore một cách thư thả, cứ vào cả quán cà phê uống một ly rượu mạnh, khi ra khỏi làng thì cứ một mạch cút thẳng. Cảnh sát trên đất Áo thính như quỷ sứ, chúng nó Giletti thì ba mươi chín, rồi đây sẽ biết là có một người bị giết. Ông đi đường với một tờ hộ chiếu không phải của mình, chừng ấy cũng đủ ngồi tù hai năm. Đi khỏi thành phố thì ông hãy tìm tới bờ sông Pô về phía tay phải, thuê một chiếc xuồng và đến trốn ở Ravenna hoặc ở Ferrare. Phải xéo nhanh khỏi đất nước Áo. Với hai đồng louis ông có thể mua một hộ chiếu khác, của một nhân viên thuế quan nào đó, chứ với cái này ông sẽ bị oan báo; ông nên nhớ rằng ông đã giết người mang nó.

Khi đi bộ đến gần cầu phao của thành phố Casal Maggiore, Fabrice đọc kỹ lại tấm hộ chiếu của Giletti. Anh sợ quá, anh sức nhớ những đe dọa mà bá tước Mosca nói với anh về việc đi lại lãnh thổ Áo; thế mà ở trước mặt anh chỉ hai trăm thước là cái cầu ghê gớm sắp đưa anh vào đất nước ấy, một đất nước mà thủ đô trong con mắt hành chính là nhà ngục Spielberg. Nhưng biết làm thế nào khác? Công quận Modène. Giáp biên giới phía Nam của công quận Parme, thì giao lại cho Parme những người trốn tù tới, theo một giao ước rằng; biên giới chạy dài trong vùng núi Giênes thì quá xa, chuyện không hay của anh sẽ được biết ở Parme trước khi anh đến được vùng núi đó; vậy chỉ còn lãnh thổ Áo trên tả mạn sông Pô. Có lẽ cũng phải mất một ngày rưỡi hay hai ngày, người ta mới có thì giờ viết công văn cho quan chức Áo bảo họ bắt anh. Cân nhắc mọi mặt xong, Fabrice lấy điều thuốc xì gà đang hút đốt quách tờ hộ chiếu của anh. Họ có thể khám xét người anh; ở trên đất nước Áo thì làm một tên du đảng còn hơn là làm Fabrice Del Dongo.

Không nói đến sự ghê tởm phải gửi cuộc đời của mình trên tờ hộ chiếu của tên Giletti khốn khổ, tờ hộ chiếu ấy còn gây những trở ngại cụ thể: Fabrice chỉ cao một thước bảy mươi lăm là cùng chứ không phải một thước chín như tờ hộ chiếu ghi, anh gần hai mươi bốn tuổi mà còn có vẻ trẻ hơn tuổi tác. Phải thú thật rằng người anh hùng của chúng ta đi lại thơ thẩn mất nửa tiếng đồng hồ trên một con quay sông Pô ở cạnh cầu phao, trước khi quyết định xuống cầu. Đến phút cuối cùng đó anh mới tự bảo: “Một người khác ở vào địa vị ta thì ta sẽ khuyên họ gì nào? Tất nhiên là khuyên phải đi bừa lên. Ở trên lãnh thổ Parme thì nguy hiểm quá, người ta sẽ cho một tên sen đầm đuổi theo kẻ đã giết người, mặc dù giết để tự vệ!”.

Fabrice lục soát các túi áo quần, xé tất cả giấy tờ, chỉ để lại có cái khăn tay và hộp thuốc lá, cần phải rút ngắn thì giờ người ta soát xét mình! Anh nghĩ đến một câu hỏi vặn ghê gớm mà đáp lại, anh chỉ có thể có những lời đáp lúng túng, đó là câu hỏi về việc anh khai tên là Giletti, mà áo quần anh lại ghi F.D.

Như chúng ta thấy Fabrice thuộc loại người khốn khổ bị trí tưởng tượng làm tội làm tình, đó thường là nhược điểm của những con người thông minh ở Ý. Một lính Pháp can đảm ngang với Fabrice hoặc kém Fabrice ở trường hợp này tất đã trình diện để qua cầu ngay, không nghĩ trước đến điều trở ngại nào cả. Và anh ta vẫn có đủ tự chủ, còn Fabrice thì chẳng tự chủ tí nào khi ở cuối cầu, một người thấp bé, mặc áo quần xám bảo: Vào trạm cảnh sát trình hộ chiếu đi!.

Tường buồng giấy cảnh sát lem luốc, trên tường có đóng nhiều đinh treo những ống điều và mũ bắn của nhân viên. Cái bàn giấy lớn bằng gỗ thông dính đầy những vết mực và vết rượu vang, nhân viên ngồi sau bàn đó, hai ba cuốn sổ lớn đóng bìa da xanh mang nhiều dấu vết đủ màu sắc, còn rìa sách thì đen sì những dấu ngón tay. Trên mấy cuốn sổ xếp chồng lên nhau có ba vòng lá nguyệt quế rất đẹp dùng vào lễ mừng Hoàng đế hai hôm trước.

Những chi tiết đó gây ấn tượng mạnh cho Fabrice và làm anh quặn lòng, anh phải dằn bời cảnh sang trọng tuyệt vời và tươi mát ở cái phòng xinh xắn của anh trong lâu đài Sanseverina.

Anh phải vào buồng giấy bẩn thỉu này và có mặt ở đó như một hạ cấp, anh sắp bị hỏi cung.

Anh nhân viên đưa bàn tay vàng khè ra cầm tờ hộ chiếu là một người thấp bé, đen đũi, trên cà vạt có một món trang sức bằng đồng thau. “Ngũ này là một tên thị dân hay gắt gỏng đây”, Fabrice tự nhủ. Nhân viên đó có vẻ hết sức ngạc nhiên khi đọc tờ hộ chiếu, và anh ta đọc mất năm phút.

— Ông đã bị một tai nạn! Anh ta nói, đưa mắt chỉ cái má Fabrice.

— Người xà ích đã làm chúng tôi lộn cổ xuống chân đê sông Pô.

Thế rồi lại im lặng và người nhân viên nhiều lần nhìn người bộ hành với con mắt nghi ngại.

“Ta biết rồi! Fabrice nghĩ thầm. Hẳn sắp bảo hẳn lấy làm tiếc có một tin không hay phải báo cho ta, rồi hẳn nói ta bị tóm cổ”. Đủ thứ nghĩ điên cuồng quây lấy đầu óc anh và anh không còn lý trí nữa. Chẳng hạn anh nghĩ tới việc bỏ chạy ra cửa buồng giấy vẫn để ngỏ: “Ta cởi áo, ta nhảy xuống sông Pô và chắc là ta bơi qua sông được. Gì cũng còn hơn nhà ngục Spielberg!” Nhân viên cảnh sát đăm đăm nhìn anh, trong lúc anh tính toán khả năng thành công của việc trốn chạy. Hai diện mạo cùng ngộ nghĩnh cả.

Đứng trước nguy nan, người lý trí hóa nên có thiên tài, có thể nói là nguy nan đưa anh ta lên cao hơn mức thường của anh ta, với người giàu tưởng tượng, nguy nan gọi nên trong đầu óc những tiểu thuyết phải nói là táo bạo nhưng thường vô lý.

Phải xem ánh mắt phần uất của Fabrice dưới cái nhìn xoi mói của anh nhân viên cảnh sát đeo đồ trang sức bằng đồng thau ấy: “Nếu ta giết hẳn, ta bị xử hai mươi năm khổ dịch trên tàu chiến hoặc xử tử, cái đó còn ít ghê gớm hơn nhà ngục Spielberg nhiều, ở nhà ngục Spielberg thì mỗi chân phải mang một dây xiềng sáu mươi cân và chỉ được nhận hai trăm năm mươi gam bánh mì làm khẩu phần ăn cả ngày, mà như vậy suốt hai mươi năm. Như thế thì đến bốn mươi bốn tuổi ta mới được ra tù”. Trong khi luận lý như vậy, Fabrice quên là anh đã đốt hộ chiếu rồi thì nhân viên cảnh sát lấy đâu ra mà biết anh là tên phản nghịch Fabrice Del Dongo.

Người anh hùng của chúng ta lo sợ cũng khá khá, như người ta thấy đấy, giá anh biết những ý nghĩ rộn ràng trong đầu óc người cảnh sát thì anh còn sợ hãi đến bao nhiêu! Anh nhân viên cảnh sát này là bạn của Giletti, anh ta ngạc nhiên như thế nào ai cũng đoán được, khi anh thấy hộ chiếu của bạn anh nằm trong tay một kẻ khác, thoát đầu anh muốn bắt ngay cái kẻ khác đó, sau anh nghĩ rằng Giletti có thể bán tờ hộ chiếu của hẳn cho anh thanh niên đẹp trai này, anh ta hình như vừa làm một việc gì xấu ở Parme. “Nếu ta tóm cổ hẳn! Anh cảnh sát tự nhủ, Giletti có thể bị liên lụy, người ta dễ dàng phát hiện Giletti đã bán tờ hộ chiếu của anh ta, nhưng về phía khác, cấp trên của ta sẽ nói thế nào nếu người ta xét thấy ta là bạn của Giletti mà lại đi kiểm nhận giấy thông hành của hẳn dù một người khác mang?” Anh nhân viên đứng lên ngáp dài và nói với Fabrice: - Ông đợi một tí! Rồi theo thói quen của người cảnh sát anh ta nói thêm: - Có xảy ra một trở ngại đây. Fabrice nghĩ thầm: “Có xảy ra việc ta trốn đi đây”.

Quả vậy, anh nhân viên rời buồng giấy, cửa vẫn bỏ ngỏ, tờ hộ chiếu nằm trên bàn gỗ thông. Tai vạ quá rõ ràng, Fabrice nghĩ. Ta sẽ lấy tờ hộ chiếu lại và đi bước một trở qua cầu, nếu sen đầm có hỏi, ta nói ta đã quên trình diện cảnh sát trưởng ở làng cuối cùng trên lãnh thổ Parme kiểm nhận. Fabrice cầm tờ hộ chiếu trên tay, anh quá đổi kinh ngạc khi nghe tiếng anh nhân viên đeo đồng thau nói:

— Chao ôi! Tôi mệt quá, chịu thôi. Nóng bức đến ngạt thở đây. Tôi ra quán uống một ngụm cà phê. Khi anh hút hết điếu, anh hãy vào buồng, có một tờ hộ chiếu phải kiểm nhận. Người nước ngoài đó ở kia.

Đang nhón chân đi nhẹ nhẹ để ra, bỗng nhiên Fabrice thấy xáp mặt với một thanh niên đẹp trai ngêu ngao tự nói với mình: “À! Thế thì ta hãy kiểm nhận cái hộ chiếu đó, tôi sẽ kí cho họ”.

— Ông định đi đâu?

— Đi Mantoue, Venise và Ferrare

— Ferrare, được! Anh nhân viên vừa huýt sáo, vừa đáp. Anh lấy một con dấu dài, in câu kiểm nhận theo lệ bằng mực xanh lên tờ hộ chiếu, viết nhanh chóng mấy chữ: Mantoue, Venise và Ferrare lên khoảng trống mà con dấu chưa lại, quay bàn tay mấy vòng trong không khí, ký tên, chấm mực lại, rồi chậm chậm và hết sức cẩn thận gạch dưới chữ ký. Fabrice nhìn theo tất cả những vận động của cây bút đó, anh nhân viên nhìn chữ ký của mình một cách đặc ý, thêm vào năm sáu dấu chấm, cuối cùng đưa tờ hộ chiếu cho Fabrice và nói với dáng nhẹ nhàng.

— Chúc ông đi đường may mắn.

Fabrice đi nhanh nhưng cố giấu cho người ta khỏi nhìn thấy mình hấp tấp. Thành linh cánh tay trái anh bị nắm lại, tự nhiên anh đặt tay lên chuôi dao găm, giá không thấy nhà cửa vây quanh thì anh đã làm một việc thiếu suy nghĩ rồi. Thấy anh ngơ ngác, người nắm tay anh nói như để xin lỗi:

— Ấy, tôi đã gọi ông đến ba lần mà ông không trả lời. Ông có hàng gì cần khai báo với thuế quan không?

— Trên người tôi chỉ có một chiếc khăn tay. Tôi đi đến người bà con ở cạnh đây để săn bắn.

Giá người ta hỏi người bà con đó là ai thì anh sẽ lúng túng biết bao nhiêu.

Vì trời quá nóng bức và vì những xúc động ấy, Fabrice ướt đầm như thể vừa rơi xuống sông Pô. “Ta chẳng thiếu can đảm giữa bọn diễn viên kịch, nhưng bọn công chức đeo đồ trang sức bằng đồng lại làm cho ta hoảng hồn, với cái thứ ấy, ta phải làm một bài thơ trào phúng tặng cô công tước của ta”.

Vừa vào thị trấn Casal Maggiore, Fabrice rẽ tay phải đi vào một đường phố xấu dẫn xuống sông Pô. “Ta rất cần sự viện trợ của thần Bacchus và nữ thần Cérès[70]. Anh tự nhủ như vậy và bước vào cửa hiệu ở ngoài có treo một mảnh vải xám buộc trên một cây gậy. Mảnh vải có đề chữ Trattoria. Một tấm vải trải giường xấu xí căng trên hai vành gỗ mỏng manh thông xuống cách mặt đất khoảng một thước, che nắng cho quán Trattoria. Một phụ nữ khá xinh đẹp, ăn mặc hở hang, tiếp Fabrice một cách kính trọng khiến anh rất vui lòng. Anh vội vã nói anh đói gần chết. Trong khi người đàn bà soạn sửa bữa ăn, một người khoảng ba mươi bước vào quán, anh ta không chào hỏi ai, cứ ngồi xuống ghế, ra vẻ một người thân thuộc. Thành linh anh đứng dậy, nói với Fabrice:

— Eccellenza, la riverisco (tôi xin chào ông lớn).

Lúc này Fabrice đang vui nên anh không có dự định đen tối, anh cười đáp:

— Anh bạn làm thế quái nào mà biết cái ông lớn này?

— Thế nào? Ông lớn không nhận ra cái thằng Ludovic này ư? Một tên đánh xe cho Bà lớn công tước Sanseverina ấy mà? Ở biệt thự Sacca mà năm nào chủ tớ cũng có đến, tôi cứ bị sớt sét luôn. Tôi hỏi xin phụ nhân món tiền công và thôi việc. Bây giờ tôi có tiền. Đáng lẽ được nhiều nhất là mười hai écu một năm, phụ nhân bảo để cho tôi tha hồ làm thơ, vì tôi là một thi sĩ bằng ngôn ngữ bình dân, cho nên bà lớn cho tôi hai mươi bốn écu. Còn ngài bá tước thì bảo vạn nhất tôi bị nghèo khổ thì tôi cứ việc đến tìm ngài. Tôi đã được hân hạnh đánh xe cho ông lớn đi một chặng đường khi ông lớn lui về nghỉ ở tu viện Velleja như một người ngoan đạo.

Fabrice nhìn người ấy và thấy có quen thật. Đó là một anh đánh xe điện bánh nhất ở nhà họ Sanseverina. Ngày nay giàu, anh ta nói vậy, anh chỉ mặc một cái sơ mi rộng, rách và một quần

cộc vải thô trước kia màu đen, phủ tới gối một cách chặt vật, thêm một đôi giày không cổ và một cái mũ khổ nữa là đủ bộ. Ngoài ra, râu đã nửa tháng chưa cạo. Vừa ăn một đĩa chả trứng, Fabrice vừa nói chuyện với anh, tuyệt nhiên như với một người ngang hàng. Fabrice đoán Ludovic là nhân tình của chị chủ quán. Anh ăn vội cho xong bữa rồi khẽ nói với Ludovic:

— Tôi cần nói với anh một câu.

— Ông lớn cứ việc nói tự do trước mặt chị ấy. Chị ấy đúng là một người phụ nữ tốt, Ludovic nói, về triu mến.

— Thế thì các bạn ạ, Fabrice nói tiếp chẳng ngần ngại, tôi đang khổ và tôi cần các bạn giúp đỡ. Trước hết, việc của tôi không dính dáng gì đến chính trị. Chỉ có đơn giản là tôi đã giết một người định giết tôi vì tôi trò chuyện với ả nhân tình của hắn.

— Tội nghiệp chàng trai trẻ! Chị chủ quán nói.

— Ông lớn hãy tin ở tôi! Anh đánh xe kêu lên, mắt sáng vì tinh thần tận tụy phục vụ. Ông lớn định đi về đâu?

— Đến Ferrare ! Tôi có một tờ hộ chiếu, nhưng tôi không thích nói chuyện với sen đầm, chúng có thể biết việc tôi.

— Ông lớn đưa tên đó về châu trời lúc nào?

— Sáng nay, lúc sáu giờ.

— Ông lớn có dính vết máu nào trên quần áo hay không? Chị chủ quán hỏi.

— Tôi cũng đã nghĩ tới, anh đánh xe nói tiếp, với lại loại da may quần áo đó quá tốt, ở vùng nông thôn chúng tôi không mấy khi có, cho nên người ta có thể để ý. Tôi sẽ đi mua áo quần ở tên Do Thái. Ông lớn vốc dạc cũng suýt soát như tôi, tuy mảnh dẻ hơn.

— Anh chịu khó đừng gọi tôi là Ông lớn nữa, tiếng ấy làm người ta chú ý đấy.

— Thưa Ông lớn, vâng! Anh đánh xe vừa nói vừa bước ra.

— Ấy! Ấy! Fabrice hét. Còn tiền nữa chứ! Hãy trở lại đã.

— Ông lớn nói làm gì tiền bạc! Chị chủ quán nói. Anh ấy có sáu mươi bảy écu để tiêu dùng vào việc của Ông lớn. Riêng tôi, chị hạ giọng nói tiếp. Tôi cũng có khoảng bốn chục écu mà tôi lấy làm sung sướng được hiến cho Ông lớn. Không phải khi nào người ta cũng có sẵn tiền trên người lúc gặp những tai biến như thế.

Trước đây, khi vào quán, Fabrice đã cởi bỏ áo ngoài vì nóng bức.

— Cái gilê của ông có thể gây rắc rối cho chúng ta nếu có ai vào, cái thứ vải Anh đẹp để ấy kêu gọi sự tò mò của thiên hạ.

Chị đưa cho Fabrice một gilê bằng vải thâm đen của chồng chị. Một thanh niên cao lớn từ cửa sau vào phòng, anh ta ăn mặc khá diện. Chị chủ hiệu bảo: Nhà tôi đó. Rồi chị nói với chồng: Pierre-Antoine! Ông đây là bạn của Ludovic, sáng nay ông gặp tai nạn ở bên kia sông nên muốn trốn đến Ferrare.

—Ồ! Chúng ta sẽ đưa ông ấy qua, anh chồng nói đáng rất lễ phép. Chúng ta đã có chiếc xuồng của Charles Joseph.

Người anh hùng của chúng ta có một nhược điểm khác mà chúng tôi sẽ thú nhận một cách tự nhiên như chúng tôi đã thú nhận sự sợ hãi của anh ta ở buồng giấy cảnh sát cuối cầu, do nhược điểm đó, mắt anh róm lệ. Anh xúc động sâu sắc trước sự tận tâm tuyệt đối của những nông dân này, anh cũng nghĩ đến tấm lòng phúc hậu tiêu biểu của cô anh, anh chỉ muốn gây dựng cho những người ấy. Ludovic về, tay ôm một gói bọc.

— Thế là vĩnh biệt cái lốt kia! Anh chồng thân mật nói với Ludovic.

— Không phải chuyện chơi, Ludovic đáp giọng hoảng hốt. Người ta bắt đầu nói đến ông, người ta nhận thấy ông do dự khi đi vào đây và ông rời bỏ đường phố lớn như một người cố lẩn trốn.

— Thế thì ông lên phòng ngay, anh chồng bảo. Cái phòng khá đẹp và khá rộng này căng vải xám ở các cửa sổ chứ không lắp kính, ở trong phòng có bốn cái giường mỗi cái rộng gần hai thước, cao hơn thước rưỡi.

— Nào nhanh lên! Nhanh lên! Ludovic bảo. Có một tên sen đầm róm nào mới đổi đến, hắn muốn gạ gẫm chị phụ nữ xinh xắn dưới nhà, tôi có báo trước cho hắn là khi hắn đi công cán trên đường cái, hắn có thể ăn một viên đạn, nếu cái thằng chó ấy mà nghe nói đến Ông lớn, hắn sẽ chơi khăm chúng ta, hắn sẽ tìm cách bắt ông ở ngay đây để cho người ta trù cái quán Trattoria của chị Théodolinde.

Ái chà! Ludovic nói tiếp khi thấy sơ mi Fabrice loang lổ dấu máu và mấy vết thương rít bằng khăn tay, thằng con bò đó chống cự à? Ông có thừa cái để bị tóm, thừa đến trăm lần. Tôi lại không mua sơ mi mới chết chứ!

Anh tự tiện mở tủ anh chồng lấy một cái sơ mi cho Fabrice, trong giây lát Fabrice đã ăn mặc như một tư sản nông thôn giàu có. Ludovic với tay lấy một tấm lưới treo trên tường, bỏ áo quần Fabrice vào một giỏ dùng để đựng cá, lao xuống thang gác và đi nhanh chóng qua một cửa sau. Fabrice đi theo anh ta. Khi đi qua dưới nhà, anh gọi bảo:

— Théodolinde, chị cất giấu những thứ trên gác đi, chúng tôi đến đợi bên rặng liễu. Còn anh, Pierre Antoine, anh liệu đưa nhanh đến cho chúng tôi một chiếc xuồng, mà nhanh lên, thù lao hậu đó.

Ludovic dẫn Fabrice nhảy qua hơn hai chục cái hào, trên mấy hào rộng nhất, có những tấm ván rất dài và nhún nhảy bắc làm cầu, qua hào xong, Ludovic rút ván. Đến kênh cuối cùng, anh hồ hởi kéo ván lên:

— Nghỉ thở được rồi! Muốn đến chỗ Ông lớn, thằng sen đầm con chó ấy phải đi mất hơn hai dặm đường. Mặt Ông lớn tái xanh đi, tôi không quên cái chai nhỏ rượu mạnh.

— Rượu đến phải lúc quá, vết thương ở đùi tôi bắt đầu thấy đau, vả lại, ở trạm cảnh sát cuối cầu, mình đã trải qua một cơn hoảng sợ đích đáng.

— Sợ là phải! Với cái sơ mi đầy vết máu như sơ mi của Ông lớn, tôi không tưởng tượng làm sao Ông lớn lại dám xông vào chỗ ấy. Còn về thương tích thì tôi thạo, tôi sẽ đưa Ông lớn vào một nơi rất mát mẻ để Ông lớn ngủ một tiếng đồng hồ, xuồng sẽ đến rước ta, nếu có cách kiểm tra xuồng. Nếu không, khi Ông lớn nghỉ đã hơi khỏe khỏe, chúng ta sẽ đi thêm hai dặm nữa thôi và tôi đưa Ông lớn đến một cối xay, ở đó tự tôi sẽ lấy ra xuồng. Ông lớn thông hiểu hơn tôi nhiều. Ông lớn thử nghĩ xem có phải công tước phu nhân sẽ đau đớn tuyệt vọng khi phu nhân hay tin này? Người ta sẽ nói với phu nhân là Ông lớn bị tử thương, có lẽ họ cũng sẽ nói Ông lớn giết lén kẻ thù chứ không đường hoàng chiến đấu. Con mụ hầu tước Raversi sẽ không quên phao tất cả những tin dữ có cỡ làm cho phu nhân rầu rĩ. Ông lớn có thể viết thư.

— Rồi làm sao mà gửi đi?

— Bọn trai trẻ làm ở cối xay kiếm được mười hai xu mỗi ngày, đi một ngày rưỡi thì họ tới Parme, thế thì cho là bốn francs làm lộ phí đi về, cộng với hai francs hao mòn đế giày. Nếu đi cho một người nghèo khó như tôi thì tất cả tiền công là sáu francs, nhưng vì đi để phục vụ một quan to, tôi sẽ trả mười hai.

Khi đã đến nơi nghỉ, tại một rừng cây trăn và cây liễu rậm rạp và mát mẻ. Ludovic còn phải đi xa hơn một tiếng đồng hồ nữa để kiếm giấy và mực. Fabrice kêu lên: “Lạy Chúa! Ở đây tôi thích quá! Thần phúc lộc ời! Vĩnh biệt nhà người, ta chẳng bao giờ là tổng giám mục!”.

Khi về đến nơi, Ludovic thấy anh ngủ say, không nở đánh thức. Đến lúc mặt trời lặn, thuyền mới đến, thấy nó từ xa, Ludovic gọi Fabrice dậy và anh viết hai bức thư.

Ludovic vẻ không vui nói:

— Ông lớn thông hiểu hơn tôi nhiều, nên tôi sợ làm nhọc lòng Ông lớn, mặc dù Ông lớn không nhận là thế, nếu tôi nói thêm một điều gì đó.

— Tôi không tồi như anh tưởng đâu, Fabrice đáp. Dù anh nói thế nào, tôi vẫn luôn thấy anh là một thủ hạ trung thành của cô tôi và là một người làm hết cách ở trên đời để cứu tôi ra khỏi bước nguy nan tồi tệ này.

Còn phải mất nhiều lời thanh minh nữa, Ludovic mới chịu mở miệng và khi anh quyết định nói thì anh bắt đầu bằng một bài phi lộ dài đến năm phút. Fabrice sốt ruột, rồi anh tự nhủ: “Lỗi tại ai? Tại cái tính rờm của bọn ta mà anh đánh xe này nhìn thấy rất rõ từ trên cái ghế cao của anh ta”. Vì tận tình, cuối cùng Ludovic cũng liều, nói trắng ra:

— Dù tốn bao nhiêu tiền, chắc nữ hầu tước Raversi cũng vui lòng cho cái tên đi bộ mà Ông lớn phải đi Parme, để lấy cho được hai bức thư này! Nó mang nét chữ Ông lớn tức nó là những bằng chứng để buộc tội ông. Ông lớn sắp cho tôi là một thằng tọc mạch vô duyên, thứ nữa có lẽ ông thấy đưa tuồng chữ thảm hại của một tên đánh xe cho công tước phu nhân là một điều nhục. Tuy nhiên vì sự an toàn của Ông lớn, tôi phải mở miệng, mặc dù Ông lớn có cho tôi là đưa hỗn láo đi nữa cũng đành. Ông lớn có thể đọc hai lá thư này cho tôi chép được không? Như vậy thì chỉ có tôi là liên can, mà cũng chẳng có gì nặng nề, khi cần tôi khai là Ông lớn đón tôi ở giữa đồng, một tay cầm lọ mực sừng, một tay cầm súng và ra lệnh cho tôi viết.

— Anh Ludovic ời, anh đưa tay cho tôi siết một cái, và để cho anh thấy tôi không muốn giấu diếm một cái gì hết đối với một người bạn như anh, thì đây, anh hãy chép hai cái thư này lại y như vậy.

Ludovic biết giá trị lớn lao của sự tín nhiệm đó và hết sức cảm động, nhưng chép mới mấy dòng, thấy chiếc thuyền lướt nhanh trên sông đi tới, anh nói:

— Nếu ông lớn chịu khó đọc cho tôi viết thì chóng hơn.

Thư chép xong, Fabrice viết một chữ A và một chữ B ở dòng cuối rồi lấy một rẻo giấy viết câu tiếng Pháp: Hãy tin A và B rồi vò đi. Người mang thư phải giấu mảnh giấy vò ấy trong người. Thuyền đến vừa tầm gọi, Ludovic gọi những người chèo thuyền bằng những tên không phải tên của họ, họ không trả lời, ghé thuyền vào một nơi cách gần một nghìn thước ở mạn dưới, khi ghé họ nhìn quanh bốn phía xem thử có nhân viên thuế quan nào trông thấy hay không. Ludovic nói với Fabrice.

— Tôi đợi Ông lớn sai bảo đây. Ông lớn có muốn tự tôi đưa thư đến Parme không? Ông lớn muốn tôi cùng đi với Ông lớn đến Ferrare?

— Giúp tôi đến Ferrare là một việc mà tôi gần như không dám cậy anh. Phải đổ bộ và cố gắng đi vào thành phố không phải xuất trình hộ chiếu. Phải nói là đi đường dưới cái tên Giletti,

tôi tắm lấm, mà chỉ có anh là có thể mua cho tôi một tờ hộ chiếu khác.

— Sao Ông lớn không nói từ khi còn ở Casal Maggiore? Tôi biết một tên mật thám có thể bán cho tôi một tờ hộ chiếu rất hợp thức mà không đắt, chỉ từ bốn mươi đến năm mươi francs thôi.

Một trong hai thủy thủ sinh trưởng trên hữu ngạn sông Pô, vì vậy không cần hộ chiếu ra nước ngoài để đi Parme, nên nhận mang thư đi. Ludovic biết chèo thuyền, tự hào bảo mình sẽ cùng chèo với anh thủy thủ còn lại. Anh nói:

— Chúng ta sẽ gặp ở mạn dưới sông Pô nhiều thuyền vũ trang của cảnh sát, tôi biết cách tránh nó.

Hơn mười lần, họ phải lẩn trốn vào giữa những đảo nhỏ xấp xỉ mặt nước mọc đầy liễu. Họ phải ba bận lên bộ để cho chiếc thuyền trống qua mặt các thuyền cảnh sát. Thừa những lúc rỗi rãi dài đó, Ludovic đọc cho Fabrice nghe nhiều bài thơ của anh. Tình cảm khá chân thật nhưng như mờ nhạt đi vì cách phô diễn cho nên lại không đáng viết ra. Điều lạ là anh đánh xe cũ ấy có những tình cảm và những cách nhìn nóng hổi và kỳ thú, nhưng khi viết ra, anh lại hóa nên lạnh lùng và thông tục. Fabrice nghĩ thầm: “Thật là trái với điều ta thấy trong xã hội. Ngày nay nói cái gì người ta cũng biết cách nói duyên dáng, nhưng lòng người ta lại không có gì để nói cả”. Anh nhận thấy chữa những lỗi chính tả trong các bài thơ cho Ludovic là cách làm cho người đầy tớ trung thành ấy vui lòng nhất. Ludovic nói:

— Người ta cười tôi khi tôi cho mượn cuốn vở nhưng nếu Ông lớn hạ cố kêu cho tôi viết từng chữ cái một các từ, thì bọn đồ kị chỉ còn biết nói: “Chính tả không làm nên thiên tài mà thôi”.

Tối ngày thứ ba Fabrice mới được lên bộ an toàn trong một rừng trăn, còn cách Ponte Lago Oscuro một dặm. Cả ngày anh nấp trong một đám ruộng gai, còn Ludovic thì đi trước đến Ferrare. Anh ta thuê một cái buồng con của một người Do Thái nghèo, người này biết ngay là nếu kín miệng thì có thể kiếm chác được. Buổi chiều vào lúc nhá nhem, Fabrice cưỡi một con ngựa nhỏ vào thị trấn, anh rất cần sự đỡ đần ấy vì bị cảm nắng trên sông, nhát dao ở dưới vế và nhát gươm Giletti đâm trên vai lúc mới giao chiến sừng tấy lên và khiến cho anh nổi sốt.

CHƯƠNG XII

Người Do Thái chủ nhà đã mời một thầy thuốc giải phẫu kín đáo, ông này cũng thấy trong túi khách có tiền nên nói với Ludovic là lương tâm ông ta bắt buộc ông ta phải báo cáo với sở an ninh về những vết thương của chàng thanh niên mà Ludovic gọi là em đó.

— Pháp luật rõ ràng lắm, hấn nói thêm, thật quá hần nhiên là những thương tích của em ông không do anh ấy tự làm ra vì nhào từ trên thang xuống, tay cầm con dao đã mở, như anh ấy nói.

Ludovic lạnh lùng trả lời với ông thầy giải phẫu lương thiện ấy là nếu ông ta làm theo cảm ứng của lương tâm ông, thì trước khi rời Ferrare, anh sẽ có cái hân hạnh nhào vào ông ta đúng là với con dao đã mở.

Khi Ludovic thuật lại việc này, Fabrice trách anh nhiều, và họ thấy không thể nấn ná thêm phút nào ở nơi ấy. Ludovic nói với người Do Thái anh muốn thử đưa em anh đi chơi cho thoáng khí, anh đi gọi một chiếc xe rồi cả hai rời nhà để không bao giờ quay lại. Bạn đọc chắc sẽ thấy việc tường thuật những cuộc chạy chọt vì không có hộ chiếu này kéo dài quá. Ở Pháp, chúng ta không phải mất công về việc ấy, nhưng ở Ý, nhất là trong vùng sông Pô, mọi người đều nói chuyện thông hành.

Khi đã ra khỏi Ferrare không vướng mắc gì, như người ta đi dạo mát, thì Ludovic trả tiền xe, rồi một mình quay về thành phố từ một cửa ô khác, anh thuê một chiếc xe nhẹ, nói để đi mười hai dặm đường, rồi cùng đi với xe trở lại đón Fabrice. Họ đi gần đến Bologna thì bảo đánh xe bằng đồng đến con đường cái đi từ Florence đến Bologna, họ tìm cái quán tồi nhất để ngủ và sáng hôm sau Fabrice thấy có đủ sức đi lại chút ít, họ cùng đi vào thành phố Bologna, vờ như những người dạo mát. Họ đốt tờ hộ chiếu của Giletti, chắc là người ta đã biết cái chết của tên này, thà là bị bắt vì không có hộ chiếu, ít nguy hiểm hơn là vì mang hộ chiếu của một người bị giết.

Ludovic có quen với vài ba nô bộc đại thế gia, thầy trò thỏa thuận với nhau là anh ta sẽ đến chuyện vãn với họ. Anh ta nói mình từ Florence đến, cùng đi với người em, chú em thấy buồn ngủ quá, bèn để cho anh đi trước, lúc đó vào khoảng một giờ trước khi mặt trời mọc, họ giao hẹn với nhau là chú em sẽ đến cái làng mà người anh dừng chân để tránh nắng. Nhưng Ludovic chờ không thấy em đến quyết định quay lại, anh ta tìm thấy em bị một vết thương do đá ném trúng và nhiều vết dao đâm, ngoài ra còn bị bọn khiêu khích đó lấy cắp, chú em này điển trai, chú biết săn sóc ngựa và biết đánh ngựa, chú biết đọc, biết viết, chú rất muốn được có một chỗ làm ăn ở gia đình phú quý. Ludovic đành lại chờ lúc có dịp sẽ nói thêm là khi chú em ngã thì bọn kẻ trộm đó lấy các xác con đựng quần áo và thẻ hộ chiếu của họ mà chạy mất.

Đến Bologna, Fabrice thấy mình mệt lả, mà không dám vào quán vì không có hộ chiếu, nên đã vào cái nhà thờ Saint Pétrone mênh mông. Nơi đây mát rượi cho nên lát sau anh cảm thấy như hồi sinh. Chợt anh nghĩ thầm: “Mình quả là đứa vô ơn! Mình đi vào một nhà thờ, lại để mà ngồi như ngồi trong quán! Anh quỳ xuống và sôi nổi cảm tạ Chúa về sự phù hộ rõ ràng đối với anh từ ngày anh mang cái va giết tên Giletti. Mỗi nguy bị nhận ra ở trạm cảnh sát Casal Maggiore hãy còn làm cho anh rùng mình. Anh tự hỏi: “Không biết làm sao cái anh nhân viên có đôi mắt chứa chan nghi ngờ ấy đã đọc tờ hộ chiếu của ta đến ba lần, mà không nhận thấy ta không cao đến thước chín, ta không đến ba mươi tám tuổi và ta không rõ chẳng rõ chịt đầu mùa? Con thụ ân Chúa biết chừng nào mà kể! Thế mà mãi tới nay, con mới đến phủ phục tấm thân đất bụi này dưới chân Người. Con đã kiêu kỳ tưởng rằng nhờ có tính cẩn thận, thật ra sự cẩn thận của người trần có nghĩa lý gì, mà con có được cái hồng phúc tránh khỏi nhà ngục Spielberg đã mở sẵn cửa để nuốt con!

Hơn một tiếng đồng hồ, Fabrice ở trong tình trạng cảm kích vô hạn trước sự nhân ái không

bến bờ của Chúa. Ludovic đến gần và đứng ngay trước mặt mà anh không hay. Fabrice đang áp trán vào lòng bàn tay vừa ngẩng lên, và người đầy tớ trung thành thấy có những giọt nước mắt chảy dọc theo má.

— Một giờ nữa hãy trở lại! Fabrice nói, giọng nghiêm lạnh.

Ludovic không lấy làm bức dọc với cái giọng ấy chỉ vì lòng thành kính Chúa. Fabrice đọc nhiều lần bảy bài kinh sám hối mà anh thuộc lòng, anh dừng lâu ở những đoạn có liên quan với tình trạng hiện tại của anh.

Fabrice xin Chúa ân xá cho nhiều tội lỗi, nhưng đáng để ý là không bao giờ anh kể vào hàng tội lỗi cái dự định trở nên tổng giám mục nhờ uy quyền thủ tướng của bá tước Mosca, và việc bá tước nói rằng địa vị ấy và cuộc sống dài các nó đưa đến mới xứng đáng với cháu của nữ công tước. Anh muốn đạt địa vị ấy, đúng là không ham muốn đến mê mẩn, nhưng vẫn là có nghĩ đến, y như nghĩ đến một chức vụ bộ trưởng hay tướng quân. Anh không hề ý niệm rằng lương tâm anh dính líu với ý đồ đó của nữ công tước. Điều này là một đặc điểm trong tín ngưỡng mà anh đã học tập ở các cha Dòng Tên ở Milan. Tín ngưỡng này không cho người ta có cái can đảm nghĩ đến những điều bất thường, nhất là cấm chỉ sự tự phân tỉnh như là một tội lỗi lớn nhất, một bước nhích đến đạo cải cách. Theo tín ngưỡng ấy, muốn biết mình phạm tội lỗi gì thì phải hỏi cha xứ, hoặc tra cứu bản liệt kê tội lỗi, in ở trong những sách nhan đề là: Chuẩn bị vào lễ Sám hối. Fabrice thuộc lòng bản liệt kê tội lỗi, viết bằng tiếng La tinh mà anh học trước đây ở học viện công giáo Naples. Cho nên khi đọc nhầm lại danh sách ấy đến mục sát nhân, anh đã tự tố cáo một cách đúng đắn trước Chúa là anh có giết một người, nhưng để tự vệ. Anh lướt qua rất nhanh ở mục mua giáo tước (dùng tiền bạc để chạy chức vị trong tôn giáo), không chú ý gì đến các điều khoản trong ấy. Nếu có ai đề nghị anh đưa một trăm đồng louis để được làm trợ tá thứ nhất của đức cha tổng giám mục ở Parme, thì anh ghê tởm từ chối ngay, tuy nhiên dù anh không kém thông minh cũng không thiếu khiêu luận lý, anh không hề gợn nghĩ rằng việc dùng thần thể của bá tước Mosca để thành đạt cũng là một việc mua tước vị. Ưu thế của kiểu giáo dục trong Dòng Tên là ở đây, tập cho con người ta thói quen không để ý đến những điều rõ như ban ngày. Một người Pháp lớn lên giữa những tính toán về quyền lợi về bản thân và không khí mĩ mai của Paris, dù không có ác ý, cũng có thể cho là Fabrice giả dối chính lúc anh ta phơi trải tâm hồn với Chúa trong sự trung thực tuyệt đối và sự xúc động sâu xa.

Fabrice định xưng tội ngay trong ngày hôm sau, và khi đã chuẩn bị nhầm xong cuộc xưng tội đó, anh mới đành ra khỏi nhà thờ. Anh tìm thấy Ludovic đang ngồi ở thềm cái thạch đình lớn xây tại quảng trường ở phía trước nhà thờ Saint Pétrone. Như sau một cơn giông tố lớn, khí trời trở nên trong lành hơn, tâm hồn Fabrice bây giờ yên tĩnh, thoải mái và tươi mát lại.

— Tôi thấy trong người khỏe khoắn lạ, hầu như không biết mình đã bị thương vào những chỗ nào! Fabrice nói khi gặp Ludovic. Nhưng trước hết, tôi phải xin lỗi anh. Tôi trả lời anh một cách bức dọc khi anh đến tìm tôi trong nhà thờ. Lúc đó tôi đang sám hối. À! Công việc của chúng ta đến đâu rồi?

— Trôi chảy lắm! Tôi đã giữ một chỗ trọ, nói cho đúng thì chẳng xứng đáng với Ông lớn chút nào, chỗ trọ ở nọ, cô vợ của một thằng bạn tôi, cô ấy xinh lắm và đi lại thân mật với một tên cảnh sát quan trọng. Đến mai, tôi sẽ đi khai hộ chiếu của chúng ta bị mất như thế nào, họ sẽ tin lời khai ấy. Và tôi sẽ trả tiền công cho người đem bức thư của sở cảnh sát đến Casal Maggiore, cái thư viết hỏi xem ở làng ấy có người tên là Ludovic San Micheli hay không, và người ấy có phải có một người em là Fabrice, kẻ hầu của công tước phu nhân Sanseverina ở Parme hay không. Thế là xong cả, siamo a cavallo (ngạn ngữ Ý: chúng ta thoát nạn).

Bỗng nhiên mắt Fabrice đờm vẻ nghiêm trang. Anh bảo Ludovic đợi anh một lát, rồi anh đi như chạy trở vào nhà thờ. Vừa vào nhà thờ, anh quỳ xuống ngay. Anh khiêm tốn hôn nền gạch.

“Đây là một phép màu, ơn Chúa! Anh kêu lên, mắt chan chứa lệ. Khi người thấy linh hồn con sẵn sàng trở về chính đạo, Người đã cứu vớt con. Lạy Chúa! Có thể một ngày kia, con bị giết

trong một vụ nào đó, lúc con chết, xin Chúa hãy nhớ lại trạng thái tâm hồn con lúc này."

Fabrice đọc lại bảy bài kinh sám hối một lần nữa trong niềm hân hoan bùng bột nhất. Trước khi đi ra, anh bước đến gần một bà già đang ngồi trước pho tượng đức Mẹ lớn, bên cạnh một tam giác sắt dựng đứng trên một cái đế cũng bằng sắt. Vành tam giác lõm nhô mũi nhọn để cắm những mẩu nến nhỏ, mà các con chiên ngoan đạo thắp trước tượng đức Mẹ Cimabué. Khi Fabrice đến thì mới có bảy ngọn được thắp sáng, anh ghi nhận trường hợp đó để sau này suy nghĩ khi có thời giờ.

— Nến giá bao nhiêu? Anh hỏi người đàn bà.

— Hai hào một cây.

Quả những cây nến đó không to hơn cái ống lông ngỗng và chỉ dài đến ba mươi phân.

— Còn có thể gắn bao nhiêu nến nữa trên cái tam giác của bà?

— Sáu mươi ba, vì đã có bảy thắp rồi.

A! Fabrice tự nhủ. Sáu mươi ba và bảy là bảy mươi, điều này cũng nên ghi nhớ.

Anh trả tiền nến, tự mình cắm và thắp bảy cây đầu, rồi quỳ xuống khấn dâng lễ, lúc đứng lên, anh nói với bà già:

— Đây là để tạ ân ban phúc.

Khi trở lại với Ludovic anh nói:

— Mình đói sắp chết đây.

— Chúng ta không nên vào quán, cứ về nơi trọ thôi. Chị chủ nhà sẽ đi sắm bữa sáng cho chúng ta, chị sẽ ăn bớt vài mươi xu, cũng vì vậy sẽ gần bó với người mới đến hơn.

— Cái việc quái đó chỉ tổ làm cho tôi chết đói thêm một tiếng đồng hồ nữa. Fabrice nói và cười trong sáng như một trẻ con. Rồi anh đi vào cái quán ở gần nhà thờ. Anh kinh ngạc nhìn thấy ở một bàn gần nơi anh ngồi người hầu phòng thứ nhất của cô anh, Pépé, cái người ngày trước đã đi đón anh ở Genève. Fabrice ra hiệu bảo Pépé im lặng. Anh ăn vội vàng rồi đứng dậy, trên môi phảng phất một nụ cười hạnh phúc. Pépé đi theo anh và lần thứ ba, nhân vật của chúng ta đi vào nhà thờ Saint Pétrone. Rất nhã nhặn, Ludovic ở ngoài, đi dạo trong quảng trường.

— Chao ôi! Ông lớn ôi! Thương tích của ông thế nào? Công tước phu nhân lo ngại ghê gớm, suốt một ngày, bà tưởng Ông lớn bị bỏ chết ở một hòn đảo nào trên sông Pô. Tôi phải cho người mang tin đến tức khắc cho phu nhân mới được. Tôi tìm kiếm Ông lớn đã sáu ngày nay trong đó có ba ngày lùng sục các quán xá ở Ferrare.

— Anh có mang cho tôi một tờ hộ chiếu không?

— Tôi có ba cái khác nhau: - Một mang tên họ chức tước Ông lớn, cái thứ hai chỉ có tên Ông lớn thôi và cái thứ ba mang một tên bịa, Joseph Bossi. Mỗi hộ chiếu đều làm thành hai bản, để tùy tiện. Ông lớn muốn đi từ Florence đến hay từ Modène đến. Chỉ cần đi dạo một vòng ra ngoài thành phố rồi quay vào. Ngài bá tước sẽ lấy làm thú nếu Ông lớn đến ở quán Pelegrino, mà người chủ quán là chỗ quen thân với bá tước.

Fabrice có vẻ như đi không có đích, nhưng tiến vào gian giữa, đến tận nơi có những ngọn nến của anh cháy dở, mắt anh đắm đắm nhìn tượng đức Mẹ Cimabué, rồi vừa quỳ xuống, anh vừa nói với Pépé: "Tôi phải khấn tạ ân một lát." Pépé làm theo anh. Ở nhà thờ ra, Pépé để ý

thấy Fabrice cho người đầu tiên đến xin bố thí một đồng hai mươi francs, người hành khất đó cảm tạ âm ỉ, khiến cả một đàn kẻ khó bu theo bên chân nhà từ thiện, đám kẻ khó này thường đứng trang trí cảnh quảng trường Saint Pétrone. Ai cũng muốn xí phần trong đồng Napoléon. Những người đàn bà không có cách gì chen vào giữa đám đông, bèn xông vào Fabrice, mồm thét hỏi phải chăng anh cho đồng Napoléon là để chia cho tất cả những đứa con nghèo của Chúa nhân ái. Pépé vung cây gậy quả năm vàng thét bảo để cho Ông lớn yên.

— Chao ôi! Lay Ông lớn. Các người đàn bà ấy lại càng thét lên the thé. Xin Ông lớn cũng cho lũ đàn bà nghèo khổ này một đồng Napoléon!

Fabrice rảo bước đi nhanh, những người đàn bà đó vừa chạy theo vừa la hét, rồi nhiều anh đàn ông nghèo cũng từ các ngã phố chạy đến làm thành như một cuộc nổi loạn nho nhỏ. Cái đám đông cương quyết và nheo bần một cách ghê tởm đó hết:

— Ông lớn ôi! Ông lớn!

Fabrice phải khó nhọc lắm mới thoát ta khỏi đám người ô hợp đó. Cảnh tượng vừa qua kéo trí óc mơ màng của anh trở về với quả đất. “Cũng đáng đời mình thôi! Anh nghĩ thầm, mình đã cọ vào lũ hạ tiện”.

Còn hai mục đàn bà leo đẹo đi theo anh đến cửa ô Saragosse mà anh đi qua để ra ngoài thành phố. Pépé vung gậy dọa gắt để cho họ dừng lại và ném cho họ một ít bạc vụn. Fabrice leo lên ngọn đồi San Michele Bosco, xinh đẹp, đi một đoạn vòng thành phố từ bên ngoài tường thành, rẽ qua một lối nhỏ đến một nơi trên con đường từ Florence tới, cách Bologne năm năm thước, rồi theo đường đó mà vào thành phố. Anh trình trọng đưa cho nhân viên cảnh sát xem tờ hộ chiếu ghi tên anh là Joseph Bossi, sinh viên thần học. Anh để ý thấy có một vết mực đỏ như vô tình dấy ở góc phải tờ giấy về phía dưới. Hai giờ sau, có một tên mật thám lò dò theo anh, do cái danh hiệu Ông lớn mà người bạn đường đã gọi anh trước mặt những hành khất ở nhà thờ Saint Pétrone, mặc dù tờ hộ chiếu không ghi chức vị gì cho phép kẻ hầu người hạ gọi mình là Ông lớn.

Fabrice thấy tên mật thám, nhưng chẳng thèm để ý, anh không nghĩ đến hộ chiếu, đến cảnh sát nữa, và thấy gì cũng lấy làm vui thích, y như một chú bé con. Pépé được lệnh hộ vệ anh, nhưng thấy anh rất bằng lòng về Ludovic, nên muốn tự mình mang những tin tức tốt lành nhất đó về cho nữ công tước. Fabrice viết hai bức thư dài cho những người thân, rồi anh nảy ý viết một bức thư thứ ba cho đức tổng giám mục Landriani tôn kính. Cái thư này có một hiệu quả kỳ diệu, nó tường thuật khá đúng đắn việc đánh nhau với Giletti. Ông tổng giám mục phúc hậu rất cảm kích và không quên mang thư đến đọc cho hoàng thân nghe, hoàng thân cũng vui lòng nghe vì ông muốn biết cái đức cha trẻ đó làm thế nào để thanh minh một vụ giết người kinh khủng như thế. Trước đây nhờ có những người bạn hữu đông đặc của nữ hầu tước Raversi, hoàng thân cũng như toàn thành Parme tin rằng Fabrice đã cạy vài ba mươi nông dân giúp sức đánh chết một nghệ nhân sân khấu không tên tuổi, vì tên này dám hỗn láo dành con bé Marietta với anh ta. Tại các triều đình chuyên chế, tay nào khôn khéo xiểm nịnh trước thì tay ấy lung lạc chân lý cũng như thời trang lung lạc Paris. Hoàng thân nói với đức cha:

— Rõ quái chưa! Cái thứ ấy, người ta cạy kẻ khác làm chứ! Tự làm lấy là trái với tục lệ. Với lại một diễn viên khó như Giletti thì giết làm gì, người ta mua nó thôi.

Fabrice chẳng nghi ngại gì về tình hình xảy ra ở Parme. Trên thực tế, vấn đề đặt ra là phải để xem cái chết của anh diễn viên lúc sinh tiền lĩnh ba mươi hai francs mỗi tháng đó có làm sụp đổ nội các cực đoan và thủ lĩnh của nó, bá tước Mosca hay không.

Khi hay biết về vụ Giletti, hoàng thân vốn ức về cung cách ngang tàng của nữ công tước, đã ra lệnh cho quan chánh án tối cao Rassi tiến hành công việc tố tụng như đối với một người thuộc đảng tự do. Về phần Fabrice, anh cho rằng hàng thế gia như anh ở trên luật pháp, anh không dự tính là ở những nước mà các nhân vật có tên tuổi lớn không bị trừng phạt, thì sự

xiêm ninh vẫn có thể làm được tất, kể cả việc trị họ. Anh thường nói với Ludovic về sự vô tội hoàn toàn của anh, sự vô tội đó sẽ được mau chóng công bố, lý lẽ lớn của anh là anh không phạm tội. Đáp lại, một hôm Ludovic đã nói:

— Tôi không quan niệm được làm sao Ông lớn thông minh và uyên bác như thế, mà lại chịu khó nói những điều ấy với tôi là người tôi tớ tận tụy của Ông lớn. Ông lớn cẩn thận quá, những điều ấy chỉ đáng nói giữa công chúng hoặc trước tòa án.

Fabrice cắt hứng, nghĩ thầm: “Người này cho ta là một kẻ giết người, nhưng lại cứ yêu mến ta”.

Ba hôm sau khi Pépé lên đường, Fabrice rất ngạc nhiên nhận được một phong bì to buộc bằng một sợi dây tết chỉ tơ như ở thời Louis XIV: Gửi đến Ông lớn tôn kính, đức cha Fabrice Del Dongo, chanoie đệ nhất trợ tá địa phận Parme ...

— Nhưng ta đâu đã được tất cả những cái này, Fabrice cười nói. Bức thư của đức tổng giám mục Landriani là một kiệt tác về tính logic và tính sáng sủa, nó dài đến mười chín trang đặc và nó kể tường tận tất cả những gì đã xảy ra ở Parme nhân cái chết của Giletti. Một đạo binh Pháp do thống chế Ney chỉ huy xông vào thành phố cũng không thể gây xao xuyến mạnh hơn, ông tổng giám mục don hậu viết:

“Trừ công tước phu nhân và cha, còn ai cũng nói, con yêu dấu ạ, là con thích thú giết cái tên hề Giletti kia. Tội vạ ấy dù xảy đến với con chẳng qua cũng vào loại có thể làm cho người ta quên đi với hai trăm đồng Louis và sáu tháng vắng mặt. Nhưng ả Raversi lại muốn lợi dụng sự kiện này để lật đổ bá tước Mosca. Công chúng không trách sự vụng về, nói đúng hơn sự thường đến không thêm cây một tên bulo (một tay “anh chị” hạ đẳng). Cha thuật lại ở đây bằng lời lẽ rõ ràng những dư luận chung quanh cha, bởi vì từ khi xảy ra cái tai họa mãi mãi đáng tiếc này, mỗi ngày cha đi đến ba gia đình thuộc loại bề thế nhất trong thành phố để có cơ hội thanh minh cho con. Và cha nghĩ chưa có lúc nào cha được sử dụng chút ít tài hùng biện trời cho một cách thiêng liêng hơn”.

Mắt Fabrice như đã rơi màng mộng. Thư bà công tước gửi đến rất nhiều, và chứa chan niềm triu mến, nhưng không tường thuật gì cả. Bà thề sẽ rời bỏ vĩnh viễn Parme nếu như Fabrice không trở về đại thắng lợi. Trong bức thư gửi kèm theo thư ông tổng giám mục, công tước phu nhân viết: “Bá tước sẽ vì anh mà làm tất cả những gì con người có thể làm được, về phần cô, hành trình tốt đẹp của anh đã làm thay đổi tính tình cô, bây giờ cô hà tiện hơn cả anh chủ nhà băng Tombone. Cô đã cho tất cả thợ làm cho cô về, cô làm hơn thế, cô đã đọc cho bá tước viết bản kiểm kê tài sản của cô, tài sản này ít hơn nhiều so với mức cô nghĩ. Sáu khi ông bá tước Pietranera tuyệt diệu qua đời, nên nói ngoại đề là anh đang trả thù cho bá tước hơn là liều lĩnh đánh với một đứa loại Giletti. Cô có một nghìn hai trăm francs lợi tức và năm nghìn francs nợ, cô nhớ đặc biệt là cô có hai tá ruỡi giầy sa tanh trắng sẫm ở Paris mà chỉ có một đôi giầy da để đi ngoài đường phố. Bây giờ cô gần như đã quả quyết lấy số tiền ba mươi vạn francs công tước để lại cho cô, mà trước đây cô muốn dùng tất cả để dựng cho công tước một ngôi mộ tráng lệ. Ngoài ra mục hầu tước Raversi là kẻ thù chính của anh, cũng tức là của cô. Nếu ở Bologne anh thấy buồn thì anh cứ nói một tiếng là cô đến bên cạnh anh ngay. Cô gửi theo đây bốn hồi phiếu mới v.v...”

Công tước phu nhân không nói gì với Fabrice về dư luận thiên hạ ở Parme, bà muốn an ủi anh trước hết, vả chẳng, dầu thế nào đi nữa thì cái chết của một tên vô danh tiểu tốt như Giletti có đáng gì mà đem trách cứ nặng nề một công tử dòng Del Dongo! Phu nhân nói với bá tước: “Tổ tiên chúng tôi đã gửi sang thế giới bên kia biết bao nhiêu là Giletti mà có ai nảy ra ý kiến phê phán họ một lời nào đâu!”.

Fabrice rất ngạc nhiên và lần đầu tiên thoáng thấy thực chất sự việc, bèn nghiên cứu kỹ bức thư của ông tổng giám mục. Rủi thay, ông tổng giám mục lại ngỡ anh ta biết nhiều rồi, Fabrice hiểu rằng mục hầu tước Raversi đạt thắng lợi nhờ ở chỗ không thể tìm ra những nhân chứng có

diện kiến cuộc đánh nhau tai hại đó. Người hầu phòng, kẻ đầu tiên mang tin về Parme, đang ở trong một cái quán tại làng Sanguigna khi cuộc chiến đấu diễn ra, ở Marietta và bà già đóng vai mẹ ở đã biến mất, còn tên xà ích đánh cái xe chúng đi thì bị con mụ hầu tước mua chuộc, cho nên bây giờ cung khai một cách đáng ghét. Ông tổng giám mục, với văn phong hùng biện đông dài thường lệ của ông, đã viết: “Mặc dù việc tố tụng đó được tiến hành một cách hết sức bí mật và do bản thân tay Rassi, chánh án tối cao điều khiển, tay ấy, mà cha không vạch những việc xấu xa ra là chỉ vì lòng nhân ái theo đạo Chúa mà thôi! Tay ấy nhờ có truy bức ráo riết những kẻ bị cáo đáng thương, như con chó săn đuổi riết theo con thỏ rừng, mà làm nên sự nghiệp, mặc dù tay Rassi như cha nói, đã được quận vương đang giận dữ giao cho điều khiển việc tra án, cha cũng được đọc ba bản cung khai của tên xà ích. May mắn hiếm có sao, tên khốn khổ đó lại trước sau tự phản cung mình! Và cha nói với vị trợ tá của cha, với cái người sẽ trông nom địa phận này sau khi cha qua đời, cha nói thêm rằng cha đã gọi cha xứ của địa hạt mà tên tội lỗi lạc bầy đó ở. Cha cũng sẽ nói, con yêu quý ạ, nhưng phải bảo đảm bí mật của việc xưng tội, là cha xứ đã biết, qua mụ vợ tên xà ích, số écu mà tên ấy nhận của mụ hầu tước Raversi. Cha không dám nói mụ ấy đã buộc hẳn phải vu khống con, nhưng có phần chắc là chuyện ấy, số tiền do một linh mục khốn nạn trao, viên này giữ những phận sự không lấy gì làm cao quý bên cạnh mụ hầu tước, và cha bị bắt buộc phải cấm ông ta hành lễ, cấm lần thứ hai. Cha không làm con phải nhọc công đọc những lời tường thuật về nhiều cuộc vận động khác mà con chờ đợi ở cha, những việc ấy vẫn thuộc nghĩa vụ cha phải làm. Một viên chanoie đồng nghiệp với con ở nhà thờ lớn đôi khi nhớ hơi nhiều quá tới ảnh hưởng do gia tài của ông cha để lại, mà ơn Chúa, ông là kẻ kế thừa duy nhất, viên chanoie ấy đã mạo muội nói liều ở nhà bá tước Zurla bộ trưởng nội vụ, là ông ta coi cái việc nhỏ mọn ấy xảy ra rõ ràng do lỗi tại con (ông ta nói về việc tên Giletti khốn nạn bị giết), cha đã gọi ông ấy đến trước cha, và ở đấy, trước mặt ba vị trợ tá khác của cha, trước mặt cha tuyên úy và hai cha xứ hiện diện ở phòng chờ, cha đã yêu cầu ông ta thông báo cho chúng ta, những người anh em của ông, biết những chi tiết khiến ông tin tưởng hoàn toàn là một đồng nghiệp của ông ở nhà thờ lớn đã phạm tội, điều tin tưởng ấy ông có phát biểu rồi, cái anh chàng khốn khổ đó chỉ lấp bắp những lý lẽ không thuyết phục ai, ai cũng phản đối ông ta và cha chỉ cần nói thêm vài lời, ông ta đủ phát khóc, rồi thú nhận sự sai lầm hoàn toàn của ông trước mặt chúng ta, tới lúc đó thì cha nhân danh cha và những người hiện diện hứa với ông ta đem hết mẫn cán ra sửa chữa những ấn tượng không đúng gây nên bởi lời lẽ của ông từ mười lăm ngày nay.

Cha không nói lại với con, hơi con thân yêu, điều mà chắc con đã biết từ lâu rồi, là trong số ba mươi bốn nông dân dùng vào công việc khai quật của bá tước Mosca mà mụ Raversi nói con đã cho tiền để giúp con thực hiện tội ác, ba mươi hai đang ở dưới hào, hì hục với công việc, khi con nhặt con dao sẵn và dùng nó để bảo vệ tính mệnh con chống kẻ tấn công con bất ngờ. Hai người ở trên miệng hào kêu to gọi bọn kia: - Người ta giết Đức cha đây! Chỉ tiếng kêu đó thôi đủ nói lên sự vô tội rõ rệt của con. Ấy thế mà tay chánh án tối cao Rassi lại nói hai người đó đã biến đâu mất, hơn thế người ta tìm được tám người lúc đó ở trong hào, trong cuộc thẩm vấn đầu tiên, sáu người khai có nghe câu “Người ta giết Đức cha!” Qua những đường liên lạc gián tiếp, cha biết là đến cuộc thẩm vấn thứ năm xảy ra tối hôm qua, năm người lại khai họ không nhớ rõ đã nghe trực tiếp tiếng kêu ấy hay chỉ nghe một bạn khác kể lại. Cha đã truyền cho người ta cung cấp cho cha nơi trú của những người thợ đào đất đó, để các cha xứ của họ giảng cho họ hiểu rằng nếu tham vài đồng écu mà bóp méo sự thật thì họ sẽ bị mất linh hồn”.

Ông tổng giám mục đôn hậu đi miên man bắt tạt vào chi tiết, như người ta có thể đoán qua mấy sự việc chúng tôi vừa thuật lại. Rồi ông dùng tiếng La tinh viết thêm:

“Vụ này chẳng qua là một vụ vận động thay đổi nội các. Nếu con bị kết án, thì phải là án khổ dịch trên chiến thuyền hoặc là án tử hình, lúc ấy cha sẽ can thiệp bằng cách đứng trên giảng đài tổng giám mục của cha mà tuyên bố là con vô tội, con chỉ bảo vệ tính mệnh của con chống một tên kẻ cướp và cuối cùng là cha đã cấm con trở về Parme khi những kẻ thù của con còn thắng thế; cha cũng định công kích một cách đích đáng viên chánh án tối cao; lòng căm ghét đối với con người ấy phổ biến bao nhiêu thì sự quý mến đối với hẳn ta hiếm có bấy nhiêu. Những hôm trước cái ngày tên chánh án tuyên đọc bản án bất công đó thì công tước phu nhân Sanseverina

sẽ rời bỏ thành phố Parme, có lẽ rời bỏ cả đất nước Parme cũng nên; trong trường hợp đó, chắc chắn là bá tước từ chức. Bấy giờ chắc là tướng Fabio Conti sẽ lên ghế thủ tướng và mục hầu tước Raversi thế là đại thắng. Điều tai hại trong việc con, là không có bậc tai mắt nào đứng ra điều khiển những cuộc vận động cần thiết để làm sáng tỏ nỗi oan của con và phá tan những mưu mô lũng đoạn các nhân chứng Bá tước tướng mình cáng đáng trách nhiệm ấy, nhưng tính cách công khanh cao quý của ông ta không cho ông ta tự hạ mình đi vào một số tình tiết; vả lại, nhân danh là bộ trưởng công an, lúc đầu ông buộc phải ra những mệnh lệnh nghiêm khắc đối với con. Cuối cùng, cha có nên nói chẳng? Đức kim thượng tin là con đã phạm tội, hay ít ra người vờ tin như thế và tỏ thái độ ít nhiều chua chát trong vụ này”. (Nhưng chữ có nghĩa đức kim thượng và vờ tin như thế viết bằng tiếng Hy Lạp) Fabrice vô cùng cảm ơn ông tổng giám mục đã dám viết những tiếng đó. Anh lấy con dao nhíp cắt dòng chữ đó trên bức thư và hủy ngay.

Fabrice ngừng đọc đến vài mươi lần; lòng anh xao xuyến một niềm cảm kích sâu sắc; anh viết tức khắc một bức thư phúc đáp tám trang. Anh thường phải ngẩng đầu lên để cho nước mắt khỏi rơi trên giấy. Hôm sau, khi sắp niêm phong, anh nhận thấy giọng thư quá phù phiếm. “Ta phải viết bằng tiếng La tinh, anh tự nhủ, như thế Đức cha sẽ thấy xứng đáng với Đức cha hơn”. Nhưng khi cố cấu tạo những câu văn La tinh đẹp để dài dòng đúng theo kiểu câu của Cicéron[71], anh chợt nhớ có một hôm, khi nói chuyện với anh về Napoléon, ông tổng giám mục cố ý gọi là Buonaparte[72], tức thời nổi cảm khái hôm qua làm anh rơi lệ hôm tiêu tan hết. “Quốc vương Ý[73] ôi! Lòng trung thành mà biết bao nhiêu kẻ thề thốt với Người lúc Người còn sống, con sẽ giữ mãi với Người sau khi Người qua đời! Ông tổng giám mục yêu quý ta, đúng nhưng chỉ vì ta là một công tử dòng Del Dongo còn ông ta là con một thị dân” Để cho bức thư tiếng Ý rất hay của anh khỏi uống phí, anh sửa chữa một đôi chỗ đáng chữa rồi đem gửi cho bá tước Mosca.

Cũng ngày hôm đó, Fabrice gặp con bé Marietta ngoài đường phố, ả mừng đến đỏ cả mặt và ra hiệu cho anh đi theo chứ đừng hỏi han gì. ả đi vội đến một cái cổng vắng người; đến đây, ả kéo thêm ra trước tấm ren đen che đầu theo kiểu địa phương, để cho người ta không nhận mặt được, rồi ả quay lại hỏi ngay Fabrice:

— Anh làm sao mà được tự do đi lại trên đường phố như thế này?

Fabrice thuật chuyện mình.

— Trời ơi! Anh cũng đến Ferrare ư? Thế mà em tìm anh ở đó biết bao nhiêu! Em cho anh hay rằng em đã gây gổ với bà già, bởi vì bà ta muốn đưa em tới Vanise, trong khi em biết rằng anh sẽ không đến đó vì anh nằm trong sổ đen của chính phủ Áo. Em bán sợi dây chuyền vàng của em để đi Bologne, linh tính báo cho em biết ở đây em sẽ có diễm phúc gặp anh; hai hôm sau thì bà già cũng đến nơi em. Bởi thế, em không mời anh đến chỗ em, ngại mẹ ta sẽ vùi tiền bạc làm em xấu hổ đến chết được. Chúng em sinh sống cũng khá no đủ từ cái hôm tai hại mà anh biết đó, và chúng em tiêu chưa hết một phần tư số tiền mà anh đưa cho mẹ ta. Em không muốn đến thăm anh ở quán Pellegrino, vì sợ vỡ chuyện. Anh hãy cố thuê một buồng con ở một phố vắng và đến giờ đọc kinh Ave Maria, lúc đêm xuống em sẽ có mặt ở đây, ngay dưới cổng này.

Nói xong, ả chạy biến đi.

CHƯƠNG XIII

Fabrice quên tất cả những ý nghĩa nghiêm túc khi con người dễ ưa đó bất ngờ xuất hiện. Anh bắt đầu một cuộc đời vui vẻ và yên lành bậc nhất ở Bologne. Cái khuynh hướng dễ dãi vui đầu châu đó thấm vào những bức thư anh gửi cho công tước phu nhân, đến nỗi bà giận. Fabrice chỉ cảm thấy lơ mơ điều đó; tuy nhiên anh ghi tắt trên mặt đồng hồ anh: Khi viết cho bà C. T đừng bao giờ nói khi tôi còn là Linh mục, khi tôi còn là cố đạo, điều đó làm bà giận. Anh mua hai con ngựa nhỏ rất vừa ý: Mỗi khi cô bé Marietta muốn đi xem một thắng cảnh nào trong vùng quanh Bologne, anh mượn một cỗ xe và thắng hai con ngựa đó. Hầu như chiều nào anh cũng đưa ả đến thác Reno! Lúc về, anh dừng lại ở nhà bác Crescentini, con người đáng mến coi gần như là bố Marietta.

— Nói thật, cuộc sống ở quán cà phê mà ngày xưa ta tưởng là lối bịch, nếu ta mà biết nó như thế này thì từ chối là một sai lầm! Fabrice tự bảo. Anh quên rằng anh có đi vào hiệu cà phê thì cũng chỉ là để đọc tờ báo Người lập hiến mà thôi, và anh vẫn hoàn toàn xa lạ với xã hội ăn diện ở Bologne, những trò giải trí, đua đòi rôm không tác động gì đến cảnh hạnh phúc hiện nay của anh. Khi anh không đi với Marietta thì anh đến tòa khâm thiên giám để học lớp thiên văn học; ông giáo sư thương mến anh, còn anh thì cho ông mượn ngựa ngày chủ nhật để đi diện bánh cùng với vợ ở con đường dạo mát khu Montagnola.

Fabrice rất thù ghét việc làm khổ kẻ khác dù kẻ đó không đáng quý trọng đến thế nào. Marietta tuyệt nhiên không muốn cho anh gặp mẹ bảo mẫu, nhưng một hôm, trong lúc ả đi lễ nhà thờ thì anh đến chỗ mẹ. Mẹ giận chín người khi thấy anh vào. Fabrice tự bảo: “Đúng là lúc cần phải lên mặt kẻ cả đây!”. Với dáng điệu của một thanh niên Paris tự trọng khi vào ban công rạp Trò hề, anh lớn tiếng hỏi:

— Cô bé Marietta lương tháng bao nhiêu được tuyển vào đoàn?

— Năm mươi écu.

— Bà nói dối như thường lệ. Hãy nói thật, nếu không, tôi nói có trời làm chứng, bà sẽ chẳng được đồng xu nhỏ nào.

— Thế thì cô ấy lĩnh hăm hai écu trong đoàn kịch ở Parme của chúng tôi, khi chúng tôi rủi ro gặp ông. Tôi thì được trả mười hai écu và chúng tôi cho Giletti người che chở chúng tôi, mỗi đứa một phần ba số tiền kiếm được. Mỗi tháng Giletti trích ra mua biếu Marietta một món quà khoảng vài écu.

— Bà vẫn cứ nói dối, bà chỉ lĩnh bốn écu thôi. Nhưng nếu bà đối xử tốt với Marietta, tôi sẽ mượn bà như thể tôi là một ông bầu gánh. Tháng tháng, bà sẽ nhận mười hai écu phần bà và hăm hai écu phần cô ấy. Nhưng nếu tôi thấy cô ấy đổ con mắt thì tôi khai vỡ nợ đó.

— Ông làm mặt hào hiệp! Này, cái hào hiệp của ông khiến cho chúng tôi sạt nghiệp đấy, mẹ già nói, giọng giận dữ. Chúng tôi mất hết khách hàng. [74] Đến khi chúng tôi mất sự đỡ đầu của ông lớn, đó là một tai họa tày trời thì không có gánh nào còn biết đến chúng tôi nữa, gánh nào đoàn nào cũng đầy đủ diễn viên cả; chúng tôi sẽ không được ai mượn và chúng tôi sẽ chết đói vì ông.

— Thôi thì mặc mẹ đi với quỷ vậy. Fabrice nói, rồi đi ra.

— Tôi không đi với quỷ đâu, ông dối đạo xấu xa ạ! Tôi chỉ đi đến đồn cảnh sát báo cho họ biết ông là một đức cha đã vứt áo đạo đi và ông, cũng như tôi thôi, không phải tên là Joseph Bossi.

Fabrice đã đi xuống được vài bậc thang, lại trở lên:

— Trước hết cảnh sát biết rõ hơn mục tiêu thật của ta có thể là gì. Nhưng nếu mục tiêu giác ta, nếu mục đích phức tạp như thế - Fabrice nói hết sức nghiêm nghị - thì Ludovic sẽ nói chuyện với mục, và cái mạng già của mục không phải chỉ xơi sáu nhất đao đâu, nó phải xơi đúng hai tá, rồi mục sẽ nằm liệt sáu tháng ở nhà thương, không thuốc thang.

Mục già tái mặt lao đến ôm Fabrice định hôn.

— Với lòng thành khẩn biết ơn, tôi xin nhận cái số phận ông đã tạo ra cho Marietta và tôi. Ông có vẻ phúc hậu quá khiến tôi lầm tưởng là ngây ngô. Ông nên để ý có thể có những người khác cũng lầm lẫn như vậy. Tôi khuyên ông cứ nên luôn luôn có cái dáng quan lớn hơn thế.

Rồi mục già trắng trợn một cách đáng phục, nói thêm:

— Ông nên suy nghĩ về lời khuyên tốt đẹp ấy và vì mùa đông sắp đến, ông hãy tặng con bé Marietta và tôi, hai cái áo tốt may bằng thứ hàng Anh đẹp mà lão nhà hàng to béo bán ở quảng trường Saint Pétrone.

Tình yêu của cô bé Marietta xinh xắn đem đến cho Fabrice những điều vui thú dễ ưa của một tình cảm êm ái nhất, khiến anh nghĩ đến thú hạnh phúc tương tự anh có thể tìm thấy bên cạnh nữ công tước.

Một đôi khi anh tự hỏi: “Phải chăng việc ta không có khả năng chuyên chú và say sưa trong cái mà họ gọi là tình yêu là một điều đáng buồn? Trong những cuộc tình duyên ngẫu nhiên ở Novare hay ở Naples, ta có bao giờ gặp được một người đàn bà mà ta thích gần gũi dù trong những ngày đầu, hơn là được đi chơi phiếm trên lưng một con ngựa đẹp mới lạ? Cái mà người ta gọi là tình yêu phải chăng cũng là một điều dối trá nữa? Ta yêu, có lẽ cũng như ta ăn ngon miệng vào lúc sáu giờ! Có phải một bọn nói dối đã đem cái xu hướng có phần thông tục đó làm ra tình yêu của Othello [\[75\]](#), tình yêu của Tancrede [\[76\]](#). Hay ta phải tin rằng ta được cấu tạo khác người? Lòng ta hình như thiếu một tình yêu say đắm, tại sao vậy? Nếu vậy thì số kiếp ta quả là lủng!”.

Ở Naples, nhất là vào thời gian cuối, Fabrice đã gặp những người phụ nữ hóm mình vì vị trí xã hội, vì sắc đẹp, vì địa vị của những kẻ say mê họ mà họ ruồng bỏ để yêu anh; những người này có tham vọng xỏ mũi anh mà dắt. Khi thoáng thấy ý định đó thì Fabrice cắt ngay quan hệ một cách phũ phàng nhất, nhanh chóng nhất. Ừ! Anh tự nhủ - nếu ta cứ buông xuôi theo niềm thích thú quá nồng nàn là đền đáp ân tình cho người phụ nữ xinh đẹp, công tước phu nhân Sanseverina thì ta giống y như cái anh người Pháp nọ một sớm đã mổ con gà mái đẻ trứng vàng. Chỉ nhờ bà công tước mà ta có được cảnh hạnh phúc duy nhất do tình quyến cố tạo ra; cảm tình của ta đối với bà là lẽ sống của ta. Vả lại không có bà thì ta ra thế nào nhỉ? Một tên lưu vong biệt xứ, sa vào cảnh sống lay lắt ở một tòa lâu đài đổ nát vùng Novare. Ta nhớ vào những đợt mưa thu tầm tã, sợ dầm cảm lạnh, ta phải cầm một cái ô trên trần giường, ta cưỡi ngựa của lão đại diện sự vụ, lão vui lòng chịu vậy vì tôn trọng cái dòng máu xanh của ta (tức là uy quyền lớn). Nhưng lão cũng bắt đầu thấy ta trú ngụ hơi lâu; cha ta thí cho ta một nghìn hai trăm francs trợ cấp và tưởng phải xuống địa ngục vì cung cấp cái ăn cho một tên Jacobin. Người mẹ tội nghiệp của ta và các chị ta nhìn mặc để cho ta có tiền mua vài món quà linh tinh tặng mấy ả nhân tình. Lối hào hiệp ấy làm quặn thắt lòng ta. Ngoài ra, người ta bắt đầu đoán ta nghèo khổ và lũ quý tộc địa phương sắp thương hại ta. Không sớm thì muộn, một tên công tử bột nào đó sẽ bộc lộ sự khinh miệt của nó đối với một tên Jacobin nghèo khổ, thất bại trong những ý đồ của mình, bởi vì trong con mắt của bọn đó, ta chỉ là thế. Ta hẳn đã phải đâm hoặc nhận một nhát kiếm ra trò, nhát kiếm đó sẽ đưa ta đến lũy đài Fenestrelles, hoặc giả sẽ khiến ta trốn chạy sang Thụy Sĩ một lần nữa, vẫn với một nghìn hai trăm francs trợ cấp. Ta có cái diễm phúc nhờ công tước phu nhân mà tránh khỏi những tai vạ đó; hơn nữa chính bà lại có cái tình quyến luyến nồng nàn đối với ta trong khi lẽ ra ta đáng có cái tình ấy đối với bà.

Đáng ra ta phải sống một cuộc đời tầm thường và lố bịch nó sẽ biến ta thành một con vật ử rữ, một thằng đàn, thì từ bốn năm nay, ta sống trong một thành phố và có một cỗ xe tuyệt tốt.

Cuộc sống như thế này miễn cho ta khỏi biết tới sự ganh tỵ và những tính thấp hèn khác ở tỉnh nhỏ. Bà cô quá đáng yêu đó luôn mắng ta về việc ta lấy quá ít tiền bạc ở nhà băng. Ta muốn vĩnh viễn mất cái vị trí đáng mê này chẳng? Hay ta muốn mất người bạn gái duy nhất trên đời này? Chỉ cần nói một lời dối trá, chỉ cần nói với người đàn bà tình tứ và có lẽ có một không hai trên đời đó, người đàn bà mà ta yêu mến thiết tha nhất, chỉ cần nói: Anh yêu em trong khi ta chẳng biết yêu đúng đạo yêu đương là thế nào. Bà sẽ suốt ngày trách móc ta về cái tội thiếu những nồng nàn, nồng bột xa lạ với ta. Trái lại con bé Marietta thì không nhìn thấy tận đáy lòng ta nhằm sự vuốt ve thành những say sưa của tâm hồn, cho nên tưởng ta say khướt yêu đương và tự coi là người phụ nữ sung sướng nhất thiên hạ.

Trên thực tế thì niềm bồi hồi âu yếm mà hình như người ta gọi là tình yêu, ta chỉ cảm thấy hơi hơi có bên cạnh cô bé Aniken ở quán Zonders gần biên giới nước Bỉ”.

Chúng tôi rất tiếc phải kể ra đây một hành động xấu xa nhất của Fabrice; giữa cuộc sống yên ổn đó, một cơn hiểu lầm khổ nạn đã đến với tâm hồn không dung nạp tình yêu kia và đã dẫn dắt nó đi khá xa. Trong lúc Fabrice ở Bologne thì cô Fausta F. lừng danh cũng ở đấy, Fausta F. rõ ràng là một trong những danh ca bậc nhất của thời đại ta và có lẽ là người đàn bà tính tình thay đổi bất thường nhất xưa nay. Nhà thơ Burati tài hoa, người Vanise, đã làm một bài thơ trào phúng nổi tiếng về nàng, lúc bấy giờ từ các ông hoàng cho đến những đứa trẻ cầu bơ cầu bắt ở các ngã tư đường phố đều thuộc:

“Muốn và không muốn, say mê và ghét bỏ trong một ngày, chỉ vui lòng với sự đổi thay, khinh thị cái thiên hạ tôn thờ trong khi thiên hạ tôn thờ mình, ả Fausta có các tật xấu ấy và những tật khác. Vậy cho nên anh đừng bao giờ tìm gặp con rắn kia. Nếu anh thấy nó, hỡi anh bạn liều lĩnh, thì anh sẽ quên tính cóc nháy của nó ngay. Nếu mà anh được nghe tiếng hát của nó nữa, thì anh sẽ tự quên mình và trong giây lát ái tình sẽ biến anh thành những gì như Circé đã biến các bạn đường của Ulysse[77].

Hiện tại thì cái nhan sắc tuyệt trần ấy đang bị các chòm râu má vĩ đại và sự kiêu căng tột bậc của bá tước M. trẻ tuổi lung lạc như những bùa mê, đến nỗi không thấy bức bối gì với tính ghen tuông bỉ ổi của bá tước, Fabrice thấy anh bá tước kia trên đường phố Bologne và lấy làm gai mắt với dáng vẻ cả của hắn khi hắn choán đường và chịu khó phổ trương duyên dáng với công chúng. Tay bá tước trẻ tuổi ấy rất giàu, hắn tưởng hắn muốn làm gì cũng được. Vì sự ỷ thị[78] của hắn khiến hắn bị hăm dọa, cho nên hắn chỉ đi ra đường với tám hay mười tên đầu trộm đuôi cướp[79] mặc đồng phục gia nhân của hắn, do hắn đưa từ trang ấp của hắn lên, những trang ấp đó ở trong vùng Brescia. Mắt Fabrice đã đôi lần chạm mắt của ông bá tước ghé góm đó, khi tình cờ anh được nghe nàng Fausta hát. Anh lấy làm lạ về giọng hát êm ái trong trẻo như giọng thiên thần ấy; anh không hề tưởng tượng được cái gì như thế bao giờ; giọng hát đó đã tạo cho anh những giây phút hạnh phúc tuyệt vời, rất khác lạ với cuộc sống lằng lờ hiện nay của anh. “Phải chăng đây là tình yêu?” anh tự hỏi. Anh rất tò mò muốn biết thủ tình cảm ấy thế nào; ngoài ra, thấy vui vui trong việc chọc tức ông bá tước có đáng dữ tợn hơn bất cứ anh đội trưởng đội trống nào. Fabrice làm cái trò trẻ con là cứ thường xuyên qua lại trước lầu Tanari mà bá tước M. thuê cho nàng Fausta ở.

Một hôm vào lúc đêm xuống, Fabrice đến trước lầu Tanari, tìm cách làm cho nàng Fausta trông thấy mình; bọn bộ hạ của bá tước đứng ở cửa lầu chào đón anh bằng một tràng cười cổ ý. Anh chạy về nhà lấy khí giới tốt mang theo và trở lại trước lầu. Nàng Fausta nấp sau cửa chớp chờ anh trở lại và để ý đến sự trở lại đó. Bá tước M vốn ghen với cả thế giới này, bây giờ đâm ra ghen riêng với ông Joseph Bossi và thốt ra những lời lẽ lỗ lã. Fabrice bèn sáng sủa gửi cho ông ta một bức thư chỉ có mấy chữ sau đây:

“Ông Joseph Bossi diệt những sâu bọ quấy nhiễu; ông ở quán Pelegrino, thông qua Larga, số 79”.

Bá tước M. quen được tôn kính ở mọi nơi nhờ cái gia sản kếch sù, dòng máu quý tộc và sự

can đảm của ba mươi tên bộ hạ, không chịu được giọng điệu ở mảnh giấy nhỏ ấy.

Fabrice cũng viết nhiều bức thư khác cho nàng Fausta. Bá tước M. đặt mật thám quanh người tình địch có lẽ không bị lạnh nhạt này. Trước hết bá tước M. biết tên thật của đối thủ, sau đó lại được biết thêm rằng hiện nay người đó không thể xuất hiện ở Parme. Mấy hôm sau, bá tước M. cùng với đoàn bộ hạ, mấy con ngựa quý và nàng Fausta đi Parme.

Càng vào cuộc càng say, ngày hôm sau, Fabrice đi theo chúng. Ludovic khuyên can chí tình nhưng vô hiệu, Fabrice không thèm nghe anh, rồi đến lượt anh quay ra phục lẫn Fabrice vì anh cũng rất gan dạ. Vả lại hành trình này đưa anh về gần chị nhân tình xinh đẹp ở Casal Maggiore. Nhờ Ludovic cất công tìm kiếm, chín người lính cũ trong các trung đoàn của Napoléon vào làm với Fabrice dưới danh nghĩa kẻ hầu hạ. Trong khi điên rồ chạy theo ả Fausta, Fabrice tự nhủ: “Miễn ta không liên lạc gì với ông bộ trưởng công an, bá tước Mosca và nữ công tước; ta chỉ liệu một mình ta. Sau này ta sẽ nói với cô là ta đi tìm tình yêu, cái điều tốt đẹp mà ta chưa bao giờ gặp. Sự thực thì ta nghĩ đến nàng Fausta cả những lúc không thấy mặt nàng... Thế nhưng ta yêu đó là yêu cái giọng hát của nàng vắng lại, hay yêu chính nàng?”

Không nghĩ đến tiền đồ giám mục, Fabrice đã dưỡng những bộ râu má và râu mép dữ dội, không kém mấy so với râu của bá tước M. do đó cũng cải dạng được chút ít. Anh đóng hành dinh không phải ở Parme vì như vậy thì liêu lĩnh quá - mà ở một làng lân cận, nằm giữa nhiều khu rừng, trên đường đi Sacca là nơi có biệt thự của cô anh. Theo lời khuyên của Ludovic, anh cho người làng biết anh là người hầu phòng của một nhà đại quý tộc người Anh tính tình độc đáo, mỗi năm tiêu một trăm ngàn francs về thú săn bắn, hiện còn câu cá hương ở hồ Côme, mấy hôm nữa sẽ đến. May mắn sao, tòa lâu con xinh xắn bá tước M. thuê cho nàng Fausta ở nằm về mé cực nam thành phố Parme, ngay trên đường đi Sacca; các cửa sổ lầu trông ra mấy hàng cây đẹp chạy dài dưới chân cái tháp lớn của vòng thành. Ở khu vực vắng vẻ đó, người ta không biết Fabrice. Anh cho người theo dõi bá tước M., và một hôm bá tước vừa ra khỏi nhà cô nữ danh ca thì anh dám cả gan đi ra ngoài đường phố giữa ban ngày ban mặt, phải nói là anh cưới một con ngựa rất hay và tự vũ trang đầy đủ. Mấy nhạc sĩ thuộc loại đi biểu diễn rong ở các đường phố Ý, một đôi khi là những nghệ sĩ tài hoa đêm đêm đến đặt dưới cửa sổ nàng Fausta, sau khúc dạo, họ hát khá hay một bài hát đề chào mừng nàng. Nàng Fausta ra đứng tựa cửa sổ và dễ dàng trông thấy một chàng trai trang nhã dừng ngựa giữa đường, trước hết chào nàng, sau đó liếc mắt đưa tình một cách rõ rệt. Mặc dù Fabrice mặc một bộ quần áo kiểu Anh quá cường điệu, nàng cũng mau chóng nhận ra đó là người đã viết những bức thư nồng cháy đưa nàng đến chỗ rời bỏ Bologne. “Anh ta quả là một con người lạ lùng, nàng nghĩ thầm. Có lẽ ta đến yêu anh chàng mất. Ta có một trăm louis trước mắt, ta có thể bỏ rơi thẳng cha bá tước M. dù tợn này được rồi. Quả hẳn không thông minh và tẻ ngắt, sống với hẳn chỉ thấy hay hay ở cái đáng ghê gớm của bọn thủ hạ hẳn mà thôi”.

Được biết là ngày nào vào khoảng mười một giờ, nàng Fausta cũng đi xem lễ ở trung tâm thành phố, ngay trong nhà thờ Saint Jean có ngôi mộ người ông chú của anh, tổng giám mục Ascanio Del Dongo, hôm sau Fabrice đánh bạo đi theo nàng đến đó. Phải nói rằng Ludovic đã sắm cho anh một bộ tóc giả kiểu Anh, với những sợi tóc màu rất đỏ. Anh làm một bài thơ về màu tóc đỏ, cũng là màu những ngọn lửa đang đốt cháy trái tim anh; bài thơ được nàng Fausta cho là rất tình tứ, vì một bàn tay vô danh nào đó đã đặt nó lên phong cầm của nàng. Cuộc tấn công nhỏ ấy kéo dài tám hôm, tuy nhiên Fabrice thấy mặc dù đã vận dụng đủ mọi chiến thuật, anh không tiến được bước nào cụ thể; nàng Fausta không chịu tiếp anh. Anh đã đi quá xa trong sắc thái kỳ dị; sau này nàng Fausta nói rằng nàng sợ anh. Bây giờ thì Fabrice còn tiếp tục đeo đuổi chỉ vì chút hy vọng muốn cảm thấy yêu đương là thế nào, nhưng nhiều lúc anh đã buồn chán lắm.

“Ông ơi, ta đi đi thôi! Ludovic luôn luôn nói. Ông không say mê người ta đâu. Tôi thấy ông tỉnh táo và lý trí lạ lùng, không có hy vọng gì hết. Vả lại ông không tiến được tí nào. Chúng ta phải tự trọng, chúng ta nên rút đi thôi”. Fabrice sắp bỏ cuộc nếu có một việc bức tức nào xảy ra, thì bỗng anh được biết nàng Fausta sẽ đến hát ở lâu đài bà công tước Sanseverina. Anh tự

bảo có lẽ nghe giọng hát tuyệt vời ấy, tim mình mới cháy bỏng lên chẳng. Và anh dám liều cải trang đi vào tòa lâu đài mà ai cũng biết mặt anh. Hãy tưởng tượng xem nỗi xúc động của công tước phu nhân khi đến tận cuối buổi họp tấu, bà để ý đến một người ăn mặc quần áo sẵn bần đứng bên cửa ra vào phòng khách chính; dáng điệu anh ta phảng phất như quen. Bà chạy tìm bá tước Mosca, bấy giờ bá tước mới cho bà hay việc liều lĩnh điên rồ hiểm thấy và khó tin được của Fabrice. Bá tước thì thấy thú với việc đó; Fabrice yêu người khác mà không yêu công tước phu nhân khiến ông vừa lòng lắm. Rất phong nhã ngoài khu vực chính trị, bá tước xử sự theo châm ngôn; làm cho công tước phu nhân càng sung sướng chừng nào thì ông càng có hạnh phúc chừng ấy.

— Anh sẽ cứu nó, không để cho nó tự gây họa cho chính nó, ông nói với người yêu. Em hãy tưởng tượng xem nỗi vui mừng của những kẻ thù chúng ta nếu Fabrice bị tóm cổ ngay trong lâu đài này. Cho nên anh đã bố trí tại đây một trăm người tâm phúc và cũng vì thế, anh đã cho người hỏi em lấy chìa khóa lâu nước lớn. Fabrice say khướt ả Fausta mà cho tới nay, hẳn không đoạt được trên tay bá tước M, lão này đang bao cho cô gái điên ấy một cuộc sống nữ hoàng.

Gương mặt công tước phu nhân lộ rõ nỗi đau thương da diết nhất: Thế ra Fabrice chỉ là một tên phóng túng không có nổi một tình cảm dịu dàng và nghiêm túc! Mãi bà mới nói:

— Lại không đến chào hỏi chúng ta chứ! Đó là điều em không bao giờ tha thứ cho nó! Thế mà em thì ngày ngày viết thư cho nó đến Bologne.

— Anh đánh giá cao sự dè dặt của hẳn, bá tước đáp. Hẳn không muốn trò ngông của hẳn dây đến chúng ta, để sau này hẳn kể cho nghe tin hay đấy.

Nàng Fausta quá điên dại không biết giấu nỗi băn khoăn của mình; sáng hôm sau buổi nhạc hội - trong đó nàng lấy mắt đưa tặng tất cả các điệu hát cho chàng thanh niên cao lớn mặc quần áo đi săn - nàng nói với bá tước M. về một người đeo đuổi vô danh.

— Cô thấy hẳn ở đâu? Bá tước giận dữ hỏi.

— Ngoài đường phố, trong nhà thờ, nàng sững sốt đáp. Rồi nàng lo cứu vãn sự vô ý của mình hay ít nhất là đẩy cho M. lạc hướng, khỏi nghi ngờ chính Fabrice. Nàng lao vào một cuộc mô tả vô tận về một người thanh niên cao lớn tóc đỏ mắt xanh, chắc là một người Anh nào rất giàu có và rất vụng về, hoặc là một ông hoàng. Bá tước M. vốn không phải là người sành nhận xét, khi nghe đến tiếng ông hoàng bèn hình dung ngay đó là vị đông cung thế tử công quốc Parme; điều ấy khiến ông sượng rợn vì tính hợm mình. Thực ra chàng thanh niên rầu rĩ đó được năm sáu vị thái sư, thái phó, giáo đạo v.v... gìn giữ, những vị này chỉ cho thế tử xuất cung sau khi đã khai hội bàn bạc, cho nên khi được đến gần người phụ nữ nào dễ coi, chàng cũng nhìn họ bằng đôi mắt kỳ quặc. Trong buổi nhạc hội ở lâu nữ công tước, do địa vị của chàng, chàng được ngồi ở trên tất cả các thính giả khác, trên một chiếc ghế bành riêng, chỉ cách nàng Fausta xinh đẹp ba bước, và đôi mắt chàng khiến bá tước M. ngọt ngọt vô cùng. Niềm tự đắc điên rồ và thú vị có một ông hoàng là tình địch của bá tước làm vui nàng Fausta, nàng lấy làm thú được xác định điều đó bằng hàng trăm chi tiết bịa ra một cách ngây ngô.

— Dòng họ của anh - nàng nói với bá tước - cũng lâu đời như dòng họ Farnèse của anh thanh niên đó chứ?

— Em định nói gì đấy? Cũng lâu đời! Dòng họ tôi không có con hoang[\[80\]](#).

Ngẫu nhiên mà không bao giờ bá tước được nhìn con người gọi là tình địch đó cho được thoải mái, cho nên ông càng tin cái điều mát ruột mát gan là có một ông hoàng làm địch thủ. Quả vậy, khi chương trình hành động của Fabrice không đòi hỏi anh về Parme thì anh cứ ở trong các khu rừng Sacca và trên bờ sông Pô. Từ khi bá tước M. tin ông đang giành giật quả tim nàng Fausta với một hoàng tử, ông sinh tự đắc hơn nhiều nhưng cũng cẩn thận hơn. Ông trang

trọng yêu cầu nàng phải dè dặt hết sức trong mọi hành động. Sau khi quì xuống chân nàng khẩn cầu như một người tình cả ghen và say đắm, ông tuyên bố dứt khoát vì danh dự của ông, nàng không được để cho mắc lừa ông hoàng trẻ tuổi đó.

— Xin lỗi, nếu tôi cũng yêu hoàng tử thì có phải đâu là tôi mắc lừa! Tôi chưa được thấy ông hoàng nào quì dưới chân.

— Nếu nàng xiêu lòng, bá tước quắc mắt đáp, có lẽ tôi không trả thù với thế tử được, nhưng chắc chắn là tôi phải trả thù. Ông nói vậy rồi đang thẳng cánh đóng các cửa ra vào. Giá lúc ấy, Fabrice đến thì chắc anh thắng lợi.

Tối hôm đó, sau buổi biểu diễn, bá tước nói với nàng Fausta:

— Nếu cô còn ham sống, thì cô hãy làm sao cho đừng bao giờ tôi biết là ông hoàng tử trẻ tuổi đã vào nhà cô. Tôi không làm gì được hoàng tử, mẹ kiếp! Nhưng chớ có nhắc cho tôi nhớ là tôi làm gì cô cũng được.

— Ôi anh Fabrice thân thương! Nàng Fausta thầm kêu, giá em biết tìm anh ở nơi nào!

Lòng tự ái bị tổn thương có thể dẫn dắt đi xa một thanh niên giàu có, từ trong nôi đã bị bọn nịnh nọt bao vây. Lòng say đắm thực sự của bá tước M. đối với nàng Fausta thức dậy mạnh mẽ, ông không dừng lại trước khả năng nguy hiểm đương đầu với người con trai duy nhất của ông vua ở đất nước hiện là chỗ dung thân của ông. Ông cũng không nghĩ đến việc tìm xem cho thấy mặt ông hoàng ấy, hay ít ra là bố trí theo dõi ông ta. Không biết cách gì khác tấn công hoàng tử, bá tước dám nghĩ đến việc bêu diếu ông. “Ta sẽ bị trục xuất vĩnh viễn khỏi đất nước Parme, nhưng cái đó có làm sao?” Giá ông ta chịu khó trình sát địch tình thì ông sẽ thấy là ông hoàng trẻ đáng thương đó khi nào đi ra cũng có ba bốn cụ già đi theo những cụ giám sát nghi lễ chán phèo - và cái thú vui duy nhất điện hạ tự chọn và được phép theo đuổi là việc nghiên cứu khoáng sản. Đêm cũng như ngày, cái lâu nhỏ nàng Fausta ở đầy những khách tử tế của thành phố Parme và cũng có những quan sát viên quanh quất. Bá tước M. biết từng giờ nàng Fausta làm gì, nhất là người ta làm gì quanh nàng. Trong những biện pháp đề phòng của anh tình nhân ghen tuông ấy, người ta có thể khen điều này là anh tăng cường giám sát, mà không để cho người đàn bà có tính cóc nhảy đó thoáng chút nghi ngờ gì vào lúc đầu. Các báo cáo của thủ hạ đều cho bá tước biết rằng có một người đàn ông rất trẻ tuổi, mang tóc giả đỏ, thường xuất hiện dưới cửa sổ nàng Fausta, nhưng mỗi lần cải trang theo một cách mới. “Hắn đó là chú hoàng tử trẻ M. nghĩ thầm - không thế thì cải trang làm gì? Chà! Một người như ta thì đâu có chịu nhường nhịn hắn! Không có sự tiếm đoạt của chính phủ cộng hòa Vanise thì ta cũng là quận vương chứ có kém gì!”.

Ngày lễ San Stefano, các báo cáo của bọn mật thám nhuộm một màu sắc đen tối hơn; những báo cáo đó có ý nói là nàng Fausta bắt đầu đáp lại sự săn đón của người lạ mặt, M. nghĩ thầm: “Ta có thể ra đi ngay với con đàn bà đó! Nhưng sao? Ở Bologne ta đã chạy trốn tên Del Dongo; ở đây ta lại trốn chạy một hoàng tử nữa ư? Rồi cái tên thanh niên đó sẽ nói thế nào? Nó có thể nghĩ rằng nó đã làm cho ta sợ! Ài chà! Gia thế ta kém gì nó chứ? M. tức điên ruột, nhưng khổ làm sao! Anh ta lại phải cố giữ để cho nàng Fausta không thấy mình ghen tức vì ghen thì lộ bịch lăm mà Fausta lại có tính hay chế nhạo.

Ngày lễ San Stefano ấy M. đến ngồi với nàng Fausta một tiếng đồng hồ và được tiếp đón với sự niềm nở mà ông ta cho là đỉnh cao của sự giả dối; đến khoảng mười một giờ, ông cáo từ ra về, để cho nàng soạn sửa đi xem lễ ở nhà thờ Saint Jean. Bá tước M. về chỗ trọ, mặc một bộ quần áo sinh viên thần học sồn cũ rồi chạy đến nhà thờ; ông chọn một chỗ ngồi ở sau ngói mộ tô điểm cho cái nhà nguyện thứ ba ở bên phải. Ông nhìn thấy tất cả những gì xảy ra trong nhà thờ, qua phía dưới cánh tay một ông giáo chủ mà người ta tạc quì trên mộ. Cái tượng đó làm mờ ánh sáng ở phía cuối nhà nguyện và che khuất quãng ấy. Lát sau nàng Fausta đến xinh đẹp hơn lúc nào hết. Nàng ăn mặc lộng lẫy có vài mươi chàng sĩ mê thuộc tầng lớp quyền quý nhất kết thành đoàn đi theo. Nụ cười nở trên môi, niềm vui sáng trong mắt. Người tình khốn khổ tự

bảo: “Hắn nàng nghĩ nàng sẽ gặp ở đây người yêu mà lâu nay vì ta ngăn trở, nàng không được gặp mặt”. Đột nhiên niềm vui sướng càng ngời sáng bội phần trong đôi mắt ả Fausta. “Kẻ tình địch của ta có mặt ở đây!” M. tự bảo thế và cơn tự ái của ông trào lên vô hạn độ. “Mặt này ta thế nào nhỉ so sánh với chú hoàng tử trẻ cải trang ấy?” Nhưng dù ông cố gắng đến thế nào cũng không phát hiện được cái người tình địch mà cặp mắt hau háu của ông lục lọi khắp nơi khắp chốn.

Ả Fausta luôn luôn đưa mắt nhìn khắp nơi trong nhà thờ rồi dừng lại chứa chan tình tứ và say sưa ở cái xó tối mà M. nấp. Với một trái tim đắm đuối, tình yêu thường phóng đại những sắc thái mờ nhạt nhất và rút ra những kết luận buồn cười: Anh chàng M. rất cục tin rằng nàng Fausta đã trông thấy mình, đã biết nỗi ghen tuông da diết của mình mặc dù mình hết sức giấu, rằng nàng dùng đôi mắt âu yếm đó để trách móc chàng, đồng thời an ủi chàng.

M. nấp sau mộ ông giáo chủ để quan sát, mộ này cao xấp xỉ một thước năm so với mặt nền đá hoa của nhà thờ Saint Jean. Buổi lễ thời thượng kết thúc hồi một giờ, phần lớn con chiên ra về và nàng Fausta xin cáo thoái bọn trai trẻ, lấy cớ là cần ở thêm vì có lòng thành khẩn, vẫn quì trên ghế tựa, mắt nàng càng đắm đuối hơn, càng rực sáng hơn và nhìn đắm đắm vào bá tước M. Nhà thờ còn ít người, mắt nàng không cần nhìn quanh khắp nơi trước khi dừng lại hân hoan trên pho tượng giáo chủ nữa. Tưởng người yêu ngắm mình, bá tước M. khẽ kêu: “Chao ôi! Tế nhị biết bao nhiêu!” Cuối cùng nàng Fausta đứng dậy, lấy tay làm mấy cử chỉ lạ lùng rồi ra đi đột ngột.

Bá tước M. ngây ngất vì yêu và hầu như hoàn toàn không ghen vợ ghen chạ nữa, cũng rời chỗ ẩn, định bay ngay tới nhà người tình để năm lần bảy lượt cảm ơn; nhưng đi qua trước ngôi mộ giáo chủ, ông nhìn thấy một thanh niên mặc toàn đen, con người tai họa đó trước nay cứ quì tựa vào tấm bia mộ, khiến cho mắt của người tình ghen tuông tìm kiếm hẩn lại vượt qua phía trên đầu hắn chứ không nhìn thấy hắn.

Người thanh niên ấy đứng lên, đi nhanh ra và tức khắc được bảy tám nhân vật quây lấy, những người này có vẻ vụng về, kỳ lạ và hình như là tay chân của hắn. M. vội vã đi theo, nhưng ông bị cản lại ở khúc eo do tấm bình phong gỗ ở cửa ra vào tạo nên, bị cản một cách như vô tình bởi những người vụng về bảo vệ cho đối thủ của ông đó. Cuối cùng, khi đi sau họ ra đến đường phố ông chỉ kịp thấy cánh cửa một cỗ xe khép lại, một cỗ xe tồi tàn mà trái ngược thay, thẳng hai con ngựa tuyệt đẹp. Trong giây lát cỗ xe chạy khuất tầm mắt ông ta.

Bá tước M. về nhà, thở hồng hộc vì tức giận. Lát sau các quan sát viên của ông tề tựu và thần nhiên thuật rằng hôm đó người tình bí mật cải trang thành cố đạo, quì rất thành kính sát ngôi mộ ở cửa một nhà nguyện tối tăm trong nhà thờ Saint Jean. Nàng Fausta ở lại trong nhà thờ cho đến khi hầu như vắng hết người, lúc đó nàng trao đổi nhanh chóng vài ám hiệu với người lạ mặt; nàng dùng đôi bàn tay làm gì như là những dấu thánh giá. M. chạy ngay đến nhà kẻ phụ tình; lần đầu tiên nàng Fausta không giấu được luống cuống. Với sự dối trá đại dột của một phụ nữ si tình, nàng kể rằng nàng đi nhà thờ Saint Jean như thường lệ nhưng không trông thấy cái người quấy rầy nàng đó. Nghe thấy thế, M. điên tiết lên mạt sát nàng như một người tồi tệ nhất và nói nàng chính ông đã trông thấy những gì. Càng bị tố hăng, nàng càng chối bạo, M. bèn rút dao găm nhảy xổ vào người nàng. Rất bình tĩnh, ả Fausta nói:

— Ừ đấy! Những điều anh phàn nàn đều là sự thật nguyên vẹn, nhưng tôi cố giấu anh để anh đừng cả gan lao vào những dự định trả thù điên dại có thể làm nguy cả hai ta. Bởi vì anh nên nghe một lần cho rõ, theo xét đoán của tôi thì cái người săn đuổi tôi đó sinh ra để không biết có trở ngại gì đối với ý định của mình, ít nhất là trong xứ này.

Sau khi khéo léo nhắc cho M. thấy rằng nói cho cùng thì M. chẳng có quyền gì trên người nàng, rốt cuộc nàng Fausta nói có lẽ nàng sẽ không đi nhà thờ Saint Jean nữa. M. thì si tình đúng mức, nàng Fausta thì vừa làm nũng làm duyên, vừa cẩn thận khôn khéo, cho nên cuối cùng M. nguôi lòng. Ông nghĩ đến việc rời bỏ Parme; ông hoàng tử trẻ dù quyền uy tốt bậc cũng

không thể đuổi theo ông, mà có theo được thì cũng chỉ còn ngang sức với ông là cùng. Nhưng tính kiêu căng của M. cãi lại, nó nói rằng sự ra đi đó vẫn có vẻ là một cuộc chạy trốn, cho nên bá tước M. đành cấm chỉ mình nghĩ tới việc ra đi.

“Hắn không ngờ lại có mặt cậu Fabrice yêu của mình ở đây, nữ nghệ sĩ thích thú tự nhủ. Bây giờ thì chúng ta có thể đùa đùa hắn một cách cao nhã!”.

Fabrice không hề hay biết gì về hạnh phúc của mình; sáng hôm sau, thấy các cửa sổ của người nữ danh ca đóng kín bùng; và cũng không tìm thấy nàng ở đâu hết, anh cho rằng trò đùa có hơi kéo dài và anh ân hận.

“Mình đặt ông bá tước Mosca tội nghiệp vào một vị trí thế nào ấy! Ông là bộ trưởng công an mà! Người ta sẽ tưởng ông đồng lõa với ta. Ta đến xứ này để xô đổ sự nghiệp của ông hay sao chứ? Tuy nhiên ta bỏ dở cái chương trình tiến hành lâu nay, thì công tước phu nhân sẽ nói thế nào khi ta thuật lại những cuộc thí nghiệm yêu đương?”

Một tối lò dò dưới các hàng cây to ở khoảng giữa lầu nàng Fausta và thành quách, anh đang tự lên lớp về đạo đức như thế và sẵn sàng bỏ cuộc, thì nhận thấy có một tên mật thám người thấp bé đi theo mình. Anh đi qua nhiều đường phố để rầy tên kia ra mà không được, con sinh vật bé bỏng đó cứ bám riết anh. Bực mình quá, anh chạy vào một phố vắng dọc theo sông Parme, ở đó có thủ hạ của anh mai phục. Anh làm một dấu hiệu thì những người này xông vào tên mật thám bé bỏng, và tên ấy quì xuống van xin, đó là ả Bettina, hầu phòng của nàng Fausta. Sau ba ngày đóng cửa phòng im ỉm và buồn chán, cô bé cải trang làm đàn ông để tránh con dao găm của bá tước M. mà thầy trò cô rất sợ, và định đến tìm Fabrice để nói rằng người ta say mê anh và nóng lòng muốn gặp nhưng người ta không thể đến nhà thờ Saint Jean nữa.

”Vừa kịp đấy! Fabrice nghĩ thầm. Hoan hô tấm lòng gan bó”

Cô hầu phòng bé nhỏ rất xinh khiến Fabrice quên hết những nghĩ ngợi đạo đức. Cô cho anh biết là con đường dạo mát và tất cả những đường phố mà anh đi qua tối đó đều được bọn mật thám của bá tước M. canh phòng nghiêm mật, tuy bên ngoài không có vẻ gì hết. Chúng thuê phòng ở tầng nền hoặc tầng gác một, nấp sau các cửa chớp và hết sức im lặng, chúng quan sát tất cả những gì xảy ra trên con đường trông như vắng vẻ và nghe hết những gì người ta nói ở đấy.

— Nếu những tên mật thám đó mà nghe tiếng nói của tôi, cô bé Bettina nói, thì khi về, nhất định tôi bị đâm chết và có lẽ cả cô chủ tội nghiệp của tôi cũng bị giết.

Sự sợ hãi đó càng làm cho cô bé thêm đáng yêu dưới con mắt Fabrice.

— Bá tước M. đang điên tiết, cô hầu phòng nói tiếp, và bà chủ tôi biết cái gì ông ấy cũng làm được, chẳng e ngại gì... Bà bảo tôi nói với ông là bà rất muốn đi xa nơi đây một trăm dặm cùng với ông.

Rồi nàng kể lại tấn kịch xảy ra hôm lễ thánh Saint Etienne và sự giận dữ của M., ông ta đã trông thấy hết những cái liếc mắt đưa tình và những ám hiệu yêu đương mà nàng Fausta hôm đó ngây ngất vì Fabrice, đã gửi cho chàng. Bá tước rút dao găm, túm tóc Fausta nếu nàng không nhanh trí thì hôm đó chắc chết.

Fabrice đưa cô Bettina xinh đẹp lên một cái phòng con anh thuê gần đó. Anh kể cho nàng nghe anh là người Turin, con của một nhân vật có tên tuổi hiện đang ở Parme, bởi thế anh phải rất giữ gìn. Cô Bettina cười bảo rằng anh làm ra thế, chứ thực ra anh là một nhân vật quyền quý hơn nhiều. Phải một lúc Fabrice mới hiểu rằng cô bé cho anh là một nhân vật không kém gì chính đông cung thế tử. Nàng Fausta bắt đầu sợ và cũng bắt đầu thấy yêu Fabrice, đã cho là mình có trách nhiệm không nói tên Fabrice với cô hầu phòng mà chỉ nên nói về ông hoàng. Cuối cùng Fabrice thú nhận với cô gái xinh đẹp là nàng đoán đúng! “Nhưng nếu tên ta bị tiết lộ,

anh nói thêm, thì mặc dù ta say mê chủ em và đã nhiều lần tỏ cho nàng biết, ta cũng phải xa nàng và lúc đó thì những vị thượng thư của cha ta - những tay ác bá mà sẽ có ngày ta lột chức - những vị thượng thư đó sẽ lập tức ra lệnh cho nàng rời khỏi cái xứ mà nàng đem nhan sắc đến tô điểm lâu nay”.

Lúc gần sáng Fabrice cùng với cô hầu phòng xây dựng nhiều dự án gặp gỡ với nàng Fausta; anh cho gọi Ludovic và một thủ hạ rất tinh nhanh đến, để họ bàn bạc thỏa thuận với Bettina, trong khi anh viết cho nàng Fausta cái thư lạ lùng nhất. Tình huống đòi hỏi tất cả nghệ thuật cường điệu của bi kịch, mà Fabrice sử dụng không dè xẽn. Chỉ đến tảng sáng, Fabrice mới chia tay với cô hầu phòng bé bỏng, cô ta rất vừa lòng với cung cách của ông hoàng trẻ tuổi.

Họ nói đi nói lại với nhau hàng trăm lần là bây giờ nàng Fausta đã thỏa thuận với Fabrice, thì anh chỉ nên đi qua dưới cửa sổ tòa lâu con khi nào người ta có thể tiếp anh thôi, và lúc đó thì sẽ có ám hiệu cho biết. Tuy nhiên, vì mê cô bé Bettina và cho rằng chuyện dính líu với nàng Fausta sắp kết thúc, Fabrice không chịu ở yên trong làng nửa đêm, với nhiều thủ hạ tùy tùng, anh cưỡi ngựa đến dưới cửa nàng Fausta hát một điệu hát thờ thượng với những lời anh mới đặt lại: “Phải chăng những ông tình nhân của các cô ả làm như thế?” anh tự nhủ.

Từ khi nàng Fausta ngỏ ý muốn có một cuộc hò hẹn, thì Fabrice thấy trò săn đuổi này đã quá kéo dài. “Không ta không yêu đâu, anh nghĩ thầm như thế trong khi hát sai điệu dưới cửa lâu. Con Bettina nghìn lần đáng ưa hơn ả Fausta và lúc này chính là ta muốn được con bé đó tiếp!”. Thấy đã chán lắm, Fabrice trở về làng. Anh đi vừa cách lâu nàng Fausta năm trăm bước, thì có mười lăm hay hai mươi tên côn đồ xông đến, bốn tên nắm cương ngựa, hai tên giữ tay anh. Ludovic và những bộ hạ của Fabrice bị vây hãm và tấn công, nhưng chạy được; họ có bắn mấy phát súng ngắn. Sự việc ấy xảy ra rất nhanh chóng; rồi thì năm mươi ngọn đuốc đốt sáng xuất hiện trên đường phố trong chớp mắt như có phép tiên. Những người đó đều có vũ khí đầy đủ. Mặc dù bị mấy đứa giữ, Fabrice cũng nhảy xuống ngựa được; anh có mở lối thoát; anh đánh bị thương một tên đang siết cánh tay anh với những bàn tay cứng như bàn kẹp. Nhưng anh rất ngạc nhiên nghe tên ấy nói với anh bằng giọng kính cẩn nhất:

— Rồi Điện hạ nhớ cấp cho con một món tiền khá về vết thương này, cái đó đối với con hay hơn là rút gươm chống chúa để mắc tội xúc phạm quân vương.

“Đây là một hình phạt công bằng đối với sự đại dột của ta, Fabrice tự nhủ. Thế này thì ta sa địa ngục mất vì một tội lỗi đáng ghét”.

Cuộc xô xát nhỏ vừa chấm dứt thì nhiều tên người hầu mặc đồng phục đại lễ xuất hiện, với một chiếc kiệu thếp vàng và sơn một cách kỳ quặc; đó là một loại lỗ lăng mà những người hóa trang dùng trong các cuộc rước xe hoa vui nhộn. Sáu tên cầm dao găm mời Điện hạ lên kiệu; bảo là vì khí lạnh trời đêm có thể làm cho ngài khản giọng. Chúng giả vờ làm mọi hình thức cung kính, luôn luôn cất cao giọng lặp lại hai tiếng hoàng tử. Đám rước bắt đầu kéo đi, Fabrice đếm trên đường phố được hơn năm mươi người cầm đuốc sáng. Lúc ấy vào khoảng một giờ đêm, mọi người đều ra đứng cửa sổ, quang cảnh trông có phần long trọng. “Ta ngại những nhát dao găm của bá tước M, Fabrice nghĩ thầm. Nhưng thật không ngờ hắn chỉ định bêu diều ta. Hắn biết chơi đấy! Nhưng có thật hắn tưởng địch thủ của hắn là hoàng tử không? Giá hắn biết ta chỉ là Fabrice thì có mà nếm mùi dao!”.

Năm mươi tên cầm đuốc đó và hai mươi tên cầm khí giới, sau khi dừng lại khá lâu dưới cửa sổ nàng Fausta, bèn kéo đi diều trước những tòa lâu đài đẹp nhất trong thành phố. Có những viên quân gia đi hai bên kiệu thỉnh thoảng cúi hỏi xem Điện hạ có gì cần truyền bảo. Fabrice không cống; nhờ có ánh sáng các ngọn đuốc, anh thấy Ludovic và bọn thủ hạ đang cố bám theo đám rước. Fabrice thầm nghĩ: “Ludovic chỉ có tám hoặc mười người nên không dám tấn công”. Từ trong kiệu anh nhìn thấy rất rõ là bọn người chơi khăm anh đó vũ trang đến tận răng. Anh vờ cười đùa với các viên quân gia được giao chăm sóc anh. Sau hơn hai giờ diễu hành một cách oai phong, anh thấy họ sắp đi qua đầu con đường phố có lâu đài Sanseverina.

Khi đám rước rẽ qua đó, Fabrice nhanh tay mở cửa trước chiếc kiệu, nhảy bằng qua một đòn khiêng, đâm một nhát dao làm ngã vật tên người hầu soi đuốc vào mặt anh; anh bị chém một nhát mã tấu vào vai, một tên người hầu khác đốt chòm râu anh với cây đuốc đang cháy; cuối cùng Fabrice chạy đến được với Ludovic và thét bảo anh ta: Giết đi! Giết hết những đứa cầm đuốc! Ludovic vùng kiếm đâm nhiều nhát, giải thoát cho anh khỏi hai tên cố đuổi theo anh. Anh chạy đến cổng tòa lâu đài Sanseverina. Người gác cổng tò mò đã mở cánh cửa con cao một thước khoét trên cánh cổng lớn và trở mắt nhìn đám đuốc đặc ấy. Fabrice nhảy ngay và rồi đóng cánh cửa con sau lưng mình; anh chạy vào vườn, rồi thoát ra qua một cái cửa mở ra một đường phố vắng. Một giờ sau, anh đã ở ngoài thành phố, đến sáng anh vượt qua biên giới đất nước Modène và thế là an toàn. Tối đến, anh vào thành phố Bologna. “Quả là một cuộc hành chinh tốt đẹp! Anh tự hào. Đến nỗi ta chưa hề nói được với người đẹp câu nào!”.

Anh vội vã viết thư xin lỗi nữ công tước và bá tước những bức thư khôn ngoan mô tả các diễn biến trong tâm trạng anh, nhưng chẳng để hở cho kẻ thù biết gì đến nếu kẻ thù đọc được. Anh viết cho nữ công tước: “Tôi yêu tình yêu, tôi làm đủ cách trên đời để biết yêu là thế nào, nhưng mà hình như tạo hóa không cho tôi một trái tim để yêu và sầu muộn; tôi không thể vượt lên trên cái thú vui dung tục v.v...”.

Người ta không thể ý niệm cái dư luận xôn xao mà vụ này gây ra ở Parme. Sự bí mật khêu dậy tính tò mò; vô số người ta trông thấy đám rước đuốc và cái kiệu. Nhưng cái người bị rước đi đó là ai mà họ đối xử có vẻ kính cẩn như vậy? Sáng hôm sau, không có nhân vật nào có tên tuổi vắng mặt trong thành phố kia mà!

Đám bình dân ở đường phố từ đấy người bị bắt chạy thoát nói quả có thể một xác người, nhưng khi trời sáng tỏ, họ dám đi ra khỏi nhà, thì không thấy dấu vết gì của cuộc xô xát ngoài nhiều vết máu trên nền đường. Trong ngày hôm đó các thành phố Ý chẳng lạ gì với những cảnh tượng khác thường, nhưng bao giờ người ta cũng biết nó xảy ra vì sao và cách thế nào. Điều khiến thành Parme tự ái trong trường hợp này là đến cả một tháng sau, khi người ta không còn kháo riêng chuyện rước đuốc nữa, vẫn không ai đoán biết tên người tình địch muốn tranh ả Fausta với bá tước M. Đó là nhờ sự đề phòng chu đáo của bá tước Mosca. Còn kẻ tình nhân ghen tuông và thù hằn kia thì đã trốn chạy ngay khi đám rước đuốc bắt đầu. Theo lệnh của bá tước thủ tướng, ả Fausta bị bắt giam vào ngục thành. Bà công tước buồn cười nhiều về sự bất công mà bá tước buộc phải phạm để chặn đứng sự tò mò của hoàng thân, nếu không thì ngài có thể dò lần đến tên Fabrice.

Lúc bấy giờ ở Parme có một nhà thông thái từ phương bắc đến để viết lịch sử thời trung cổ; ông ta tìm kiếm những bản sách viết tay trong các thư viện và bá tước đã cho ông ta tất cả những giấy phép có thể cho được. Nhưng nhà thông thái hãy còn rất trẻ ấy tính dễ nổi giận; chẳng hạn ông ta tưởng rằng ở Parme ai cũng tìm cách chế nhạo ông. Nói cho đúng thì bọn trẻ con lang thang cũng có đôi lúc chạy theo ông vì mớ tóc mênh mông màu đỏ nhạt mà ông phôi bày một cách tự đắc. Ông cho rằng trong hàng quán, ông dùng thức gì người ta cũng đòi giá quá cao cho nên muốn một vật mọn gì ông cũng tra cứu giá cả trong cuốn du ký của một bà nào đó đã tái bản đến lần thứ hai mươi, bởi vì nó chỉ cho những người Anh cẩn thận giá một con gà, một quả táo, một cốc sữa v.v...

Buổi tối chính cái hôm Fabrice bị bắt buộc ngao du đó, nhà thông thái bồm đở kia nổi giận trong quán và rút túi lấy mấy khẩu súng con để trả thù người bồi quán [\[81\]](#) đã đòi ông hai xu một quả đào xoàng. Người ta bắt ông, vì mang súng con là một trọng tội!

Vị nhà bác học hay giận dỗi đó người dài và gầy nên sáng hôm sau, bá tước nảy ý làm cho hoàng thân tin rằng ông ta là người táo tợn đã định giết ả Fausta của bá tước M. và do đó bị bêu diếu. Ở Parme luật xử phạt người mang súng bỏ túi ba năm khổ dịch chiến thuyền, nhưng điều luật ấy chưa bao giờ được áp dụng. Nhà bác học vào khám mười lăm ngày, ông gặp một trạng sư nói cho ông khiếp đảm về những luật lệ ác nghiệt do các nhà cầm quyền nhu nhược đặt ra chống những người mang ngăm vũ khí. Một trạng sư khác vào thăm nhà lao và kể cho

ông nghe cuộc ngao du mà bá tước M. bắt ép người tình dịch phải làm, một tình dịch không ai hay biết tên tuổi.

— Cơ quan công an không muốn thú nhận với hoàng thân là nó không thể tìm ra ai là tình dịch đó. Ông hãy xưng là ông muốn được ả Fausta yêu, là năm mươi tên côn đồ đã bắt cóc ông trong khi ông ca hát dưới cửa sổ ả, là họ đã rước ông đi kiệu trong một tiếng đồng hồ và chỉ nói với ông những điều lễ nghĩa. Thú nhận như thế chẳng có gì nhục, người ta chỉ yêu cầu ông nói một tiếng thôi. Liền sau khi nói tiếng đó gỡ bí cho ngành công an, họ sẽ cho xe trạm đưa ông ra biên giới và chúc ông đi đường mạnh khỏe.

Nhà bác học phản kháng trong một tháng; hai ba lần, hoàng thân xét bảo đưa ông đến bộ nội vụ và thân dự cuộc thẩm vấn. Nhưng rồi khi ngài đã không nghĩ đến việc đó nữa thì nhà sử học kia thua buồn lại quyết định thú nhận tất và bị đưa ra khỏi biên giới. Hoàng thân rất cuộc tin là người tình dịch của bá tước M. có cả một rừng tóc đỏ.

Đến trốn ở Bologne, Fabrice cùng với anh đánh xe trung thành Ludovic tổ chức cuộc lùng tìm bá tước M. Ba hôm sau cuộc du ngoạn, anh được biết bá tước cũng đi trốn ở một làng vùng núi trên đường đi Florence. Bá tước chỉ có ba tên thủ hạ cùng đi với mình. Hôm sau, khi ông ta đi dạo mát về, ông bị tám người đeo mặt nạ xưng là cảnh sát ở ở Parme bắt cóc. Người ta bịt mắt ông lại và đưa ông đến một cái quán ở cách đấy hai dặm, sâu vào trong núi; ở đấy ông được đối xử hết sức trân trọng và được đãi một bữa cơm phong phú. Họ đã rót cho ông những thứ rượu vang ngon nhất nước Ý và nước Tây Ban Nha.

— Tôi bị chính phủ bắt giữ à? Bá tước hỏi.

— Hoàn toàn không phải! Anh Ludovic có mang mặt nạ lễ phép trả lời. Ông đã xúc phạm một người bình thường cách cho kiệu đưa người ta đi diễu. Sáng ngày mai, người đó muốn đấu tay đôi với ông. Nếu ông giết người đó, ông vẫn có hai con ngựa tốt, tiền bạc và trạm nghỉ trên đường đi Gênes.

— Cái ông anh hùng rơm đó tên gì? Bá tước tức giận hỏi.

— Tên là Bombace. Ông được chọn vũ khí và sẽ có những nhân chứng tốt, rất trung thực, duy trong hai ông phải có một người chết.

— Thế đấy là một vụ mưu sát! Bá tước M. kinh hãi nói. - Nhưng nếu thanh niên đó là một hoàng tử?

— Chỉ là một người bình thường, như ông, kể ra còn nghèo hơn ông nhiều, nhiều lắm, nhưng ông ta cứ muốn tử chiến và sẽ ép ông phải chiến đấu, tôi xin báo trước với ông điều đó.

— Ta chẳng sợ ai trên đời này, M. la lớn.

— Đó là điều mà địch thủ của ông hết sức mong muốn. Ludovic đáp. Đến mai, tảng sáng ông hãy chuẩn bị bảo vệ tính mệnh ông. Nó sẽ bị tấn công bởi một người có đủ lý do để giận dữ và sẽ không nể nang ông chút nào. Tôi xin lặp lại là ông có quyền lựa chọn vũ khí. Ông viết chúc thư đi.

Sáng hôm sau, vào lúc sáu giờ, người ta dọn điểm tâm cho bá tước M. rồi mở một cái cửa ở phòng ông ta bị giữ, mời ông đi ra sân một cái quán vùng quê, sân này có hàng rào và tường khá cao bọc quanh, các cửa đều đóng cẩn thận.

Bá tước M. được mời đến gần cái bàn để ở góc sân, trên đó có mấy chai rượu vang và rượu mạnh, hai khẩu súng ngắn, hai thanh kiếm, hai mã tấu và giấy mực; khoảng vài mươi nông dân đứng trong quán, nơi các cửa sổ mở ra sân, bá tước van xin họ thương hại.

— Người ta định giết tôi! Ông kêu to. Hãy cứu tôi với.

— Anh làm! Hoặc là anh muốn lừa người! Fabrice ở góc sân bên kia thét. Anh cũng đứng bên cạnh một bàn đầy khí giới; anh đã cởi bỏ áo ngoài và che mặt bằng thứ mặt nạ lưới thép dùng ở các phòng dượt kiếm.

- Tôi mời anh đeo chiếc mặt nạ lưới thép ở bên cạnh anh. Fabrice nói tiếp: Sau đó anh hãy tiến về phía tôi với một thanh gươm hoặc những khẩu súng ngắn. Nhưng người ta đã nói với anh tối hôm qua, anh được chọn khí giới.

Bá tước M. nêu ra vô số trở ngại và có vẻ rất không vui lòng đâu. Về phần mình, Fabrice sợ cảnh sát kéo tới, mặc dù mình đang ở trong núi, cách Bologne những năm dặm. Anh buộc phải mắng đối thủ những câu rất nặng nề. Anh sung sướng đã làm cho bá tước M. cuối cùng nổi nóng, xách gươm xông đến anh. Cuộc đấu diễn ra có phần uể oải.

Được mấy phút, họ phải ngừng tay vì có một náo động lớn; số là người anh hùng của chúng ta có cảm thấy anh ta đang lao vào một hành động có thể suốt đời bị trách cứ hay ít ra là bị xuyên tạc để vu khống, cho nên trước cuộc đấu, anh đã cho Ludovic đi tìm người làm chứng. Ludovic cho tiền những người xa lạ đang lao động ở một khu rừng lân cận; họ hò hét chạy ào đến, tưởng là để thịt một tên thù địch của người cho tiền họ. Khi đến quán thì Ludovic bảo họ mở to mắt mà nhìn và xem thử trong hai thanh niên đấu kiếm đó, có ai có hành động phản phúc và chiếm những ưu thế bất hợp pháp hay không.

Cuộc đấu tạm ngừng giây lát vì tiếng kêu chém giết của nông dân, không được tái diễn nhanh chóng, Fabrice lại xỉ vả tính tự mãn đại dốt của bá tước M. Anh thét bảo.

— Thừa ngài bá tước, khi người ta xác lão thì người ta cũng phải can đảm. Nhưng tôi cảm thấy điều kiện đó quá khắc nghiệt đối với ngài, ngài thích bỏ tiền ra để người khác can đảm thay cho ngài hơn.

Bá tước lại thấy nhục, nên quát bảo Fabrice rằng ông ta đã từng tập kiếm khá lâu ở phòng kiếm thuật của thầy kiếm trứ danh Battistin, và để xem ông trừng phạt sự hỗn láo của anh ta cho coi. Thế là uất khí của bá tước cuối cùng đã trở lại, cho nên ông đánh khá kiên quyết, tuy nhiên ông cũng không ngăn được Fabrice đánh một miếng tài tình vào ngực, khiến ông phải nằm chữa mất mấy tháng. Khi Ludovic bước đầu cứu chữa vết thương, anh rí vào tai người bị nạn:

— Nếu ông tố giác cuộc đấu danh dự này với cảnh sát thì tôi sẽ cho đâm chết ông ngay trên giường.

Fabrice trốn vào thành phố Florence; vì anh giấu mặt ở Bologne, cho nên đến Florence mới nhận được tất cả những thư trách móc của nữ công tước; bà không tha thứ việc anh đã đến dự nhạc hội của bà mà lại không tìm cách vào thăm hỏi bà. Fabrice rất thú với những bức thư của bá tước Mosca; từ các thư đó toát ra một thân tình trung hậu và những tình cảm cao thượng nhất. Anh đoán bá tước đã gửi thư cho anh đến Bologne để tránh những nghi ngờ về anh liên quan đến vụ đấu danh dự. Cảnh sát tỏ ra công bằng một cách mẫu mực; nó ghi nhận là hai người xứ ngoài; mà chỉ có một tức là người bị thương - được rõ tên tuổi (bá tước M.) đã đấu gươm với nhau trước mặt hơn ba mươi nông dân; trong số nhân chứng đó, đến đoạn cuối cuộc đấu lại có thêm cha xứ ở xã, ông ta cố gắng can họ nhưng vô hiệu. Vì cái tên Joseph Bossi không bị khai ra, cho nên chưa đầy hai tháng sau, Fabrice đã dám trở về Bologne tin tưởng hơn bao giờ hết là số kiếp của anh đã định rằng anh sẽ không bao giờ được biết phần cao thượng làm thích thú được giải thích dài dòng cho nữ công tước; anh rất chán cái cảnh sống lẻ loi của anh và hết sức muốn tìm thấy lại những tối thú vị anh từng sống bên cạnh bá tước và cô anh. Từ lúc xa họ, anh không tìm thấy những thú vui êm đềm của những quan hệ tốt. Anh viết cho công tước phu nhân.

“Cháu quá chán với cái thứ tình yêu mà cháu muốn tự tạo cho mình và quá chán ả Fausta, chán đến nỗi giá bây giờ nàng có còn thấy ư cháu nữa, thì cháu cũng không đi hai mươi dặm đường để đến đòi ả thực hiện lời hứa hẹn. Bởi vậy cô đừng lo như cô ngỏ ý, đừng lo cháu lặn lội đến Paris, nơi cháu biết là cô ả đang bắt đầu hát với sự hoan nghênh nhiệt liệt của công chúng. Cháu có thể đi bao nhiêu dặm cũng được để cùng thức một buổi tối với cô và ông bá tước rất tốt với bạn hữu đó”.

CHƯƠNG XIV

Trong khi Fabrice đi săn bắt ái tình ở một làng lân cận thành Parme, thì quan chánh án Rassi không biết anh ở gần mình đến thế, vẫn xử trí vụ can phạm của anh như đối với một người thuộc phái tự do; ông vờ như không tìm thấy những nhân chứng giải tội, hay nói đúng, ông dọa dẫm họ. Công việc được tiến hành một cách thông thái trong gần một năm. Cuối cùng, độ hai tháng sau khi Fabrice trở lại Bologna lần cuối, một hôm thứ sáu, nữ hầu tước Raversi say sưa hoan hỷ tuyên bố giữa phòng khách của mình là bản tuyên án xử thẳng nhóc Del Dongo, vừa quyết nghị một giờ trước đấy, sẽ được trình lên cho hoàng thân ký và phê chuẩn trong ngày hôm sau. Mấy phút sau, nữ công tước đã được nghe thuật lại những lời đó của nữ đối thủ.

“Rõ bọn thủ hạ của bá tước là đồ ăn hại! Phu nhân tự nhủ. Lúc sáng nay ông ấy còn tin rằng bản án chưa thể hoàn thành trong tám ngày tới. Có lẽ ông ấy cũng thích đẩy chú phụ tá giám mục trẻ trung của ta đi cho xa Parme hay chẳng? Rồi bà nói tiếp, giọng như hát: Nhưng chúng ta rồi sẽ thấy câu bé trở lại và một ngày kia sẽ là đức tổng giám mục của chúng ta”. Bà rung chuông gọi người hầu phòng, bảo:

— Anh hãy tập hợp tất cả bọn tôi tớ tại phòng chờ, kể cả lũ bếp. Còn anh thì đến quan trấn thủ xin giấy phép cần thiết để lấy bốn con ngựa trạm và trong vòng nửa tiếng đồng hồ, phải thẳng xông lũ ngựa đó vào cỗ xe bốn bánh của tôi.

Tất cả phụ nữ trong nhà bận soạn sửa hòm xiềng, nữ công tước mặc vội một bộ quần áo đi đường. Bà thông tin cho bá tước biết về tất cả công việc này. Bà lấy làm thích thú được trêu chọc bá tước chút ít.

Khi bọn người nhà tập hợp đông đủ, bà nói:

— Các bạn ạ, tôi được tin người cháu tội nghiệp của tôi sắp bị xử vắng mặt vì đã to gan dám chống lại một tên cuồng bạo để bảo vệ tính mạng, tên Giletti đó muốn giết nó. Ai trong các bạn cũng đã biết tính Fabrice hiền dịu như thế nào. Cầm phần vì sự lẳng mạ không thể chịu được này, tôi lánh đi Florence đây. Tôi để lại biểu các bạn mỗi người mười lăm tiền công mướn. Các bạn có khi nào khổ cực quá thì cứ viết thư cho tôi, hễ tôi còn một đồng vàng còn con nào thì các bạn cũng có phần chút ít trong đó.

Công tước phu nhân nghĩ sao nói vậy, và đến những câu cuối thì bọn người nhà sụt sùi. Đôi mắt phu nhân cũng rơm rớm; bà nói tiếp, giọng xúc động: “Hãy cầu nguyện Chúa cho tôi và cho ông lớn Fabrice Del Dongo, đệ nhất trợ tá giám mục địa phận ta, cái người ngày mai sẽ bị xử khổ dịch chiến thuyền, hoặc... bị xử tử, điều sau này còn có phần do ngu ngốc hơn”.

Bọn người nhà càng khóc dữ và dần dần tiếng than khóc biến thành gần như những tiếng la hét của người nổi loạn. Nữ công tước lên xe bảo đánh đến cung điện quận vương. Mặc dù không phải giờ bệ kiến, bà cũng bảo tướng Fontana xin cho được tiếp, Fontana là trợ tá võ phòng đang phiên trực ban. Bà không mặc đại phục triều kiến, khiến tướng trợ tá kinh hoàng. Còn hoàng thân thì chẳng lấy làm ngạc nhiên, càng không bực bội về việc xin bệ kiến ấy. “Chúng ta sẽ thấy những giọt lệ tuôn ra từ đôi mắt đẹp, ngài vừa xoa tay vừa nói vậy. Nàng đến xin ân xá đây. Cuối cùng rồi con người đẹp kiêu hãnh ấy cũng phải chịu lép vế với mình chứ! Nàng cũng thật quá quắt với cái dáng ung dung tự tại của nàng! Cặp mắt linh hoạt kia lúc nào cũng như nói với ta, mỗi khi có một điều bất như ý nhỏ nhặt: “Naples hoặc Milan tuồng như là những nơi trú ngụ lý thú hơn cái thành phố Parme nhỏ của ngài nhiều. Cũng đúng là ta không được trị vì trên Naples hoặc Milan. Dù sao thì cuối cùng cái bà lớn ấy cũng phải đến cầu khẩn ta về một điều hoàn toàn thuộc quyền ta, mà bà thiết tha nôn nóng muốn cầu được. Bao giờ ta cũng nghĩ rằng cái anh cháu ấy mà đến ở đây thì thế nào cũng có ngày bắt bà phải quy lụy ta”.

Trong khi hoàng thân mỉm cười với những ý nghĩ đó và lao vào những dự đoán thú vị thì

ngài đi đi lại lại trong phòng, còn ở ngoài cửa, tướng Fontana vẫn đứng chờ, người cứng đờ như tên lính đang bồng súng. Thấy đôi mắt sáng rõ của hoàng thân và sức nhớ bộ quần áo đi đường của nữ công tước, ông ngỡ vương quyền đã sụp đổ. Sự kinh hoàng của ông không còn giới hạn khi nghe hoàng thân truyền:

— Tướng quân hãy thừa với công tước phu nhân vui lòng chờ mười lăm phút.

Tướng trợ tá xoay người nửa vòng như một anh lính điều binh. Hoàng thân lại mỉm cười, nghĩ thầm “Anh chàng Fontana không quen thấy bà công tước kiêu hãnh kia phải chờ đợi; khi nói với bà ta về cái mười lăm phút chờ đợi này, bộ mặt kinh ngạc của anh chàng sẽ dọn đường cho nước mắt thương cảm tuôn rơi ở gian phòng này”. Mười lăm phút chờ đợi này là những phút thần tiên đối với hoàng thân; những bước đi lại của ngài đều đặn, vững chãi, ngài ngự trị. “Vấn đề là ở chỗ không nói những cái gì không phải nơi phải lúc; dù tình cảm của ta đối với nữ công tước như thế nào, thì cũng không được quên đó là một trong những phụ nữ có danh vị cao nhất ở triều đình ta. Khi Louis XIV không bằng lòng về các công chúa con người, người ăn nói với họ thế nào nhỉ?” Nói thế xong, đôi mắt ngài dừng lại trên chân dung của vị vua vĩ đại. Buồn cười là hoàng thân không hề nghĩ xem có nên ân xá cho Fabrice không và nếu ân xá thì ân xá theo cách nào. Cuối cùng, hai mươi phút sau, tướng Fontana trung thành lại đến đứng trước cửa nhưng không nói gì. “Công tước Sanseverina phu nhân có thể vào được”, hoàng thân nói to với dáng điệu người diễn kịch. Ngài lại tự nhủ: “Nước mắt sắp tuôn đây!” Và như chuẩn bị đón cảnh ấy, ngài rút khăn tay.

Chưa bao giờ nữ công tước nhanh nhẹn và xinh tươi đến thế; trông bà không đến hăm lăm tuổi. Bước chân phu nhân thoăn thoắt lướt nhẹ trên thảm, viên trợ tá tội nghiệp trông thấy phát hoảng. Bà nói, giọng nhỏ nhẹ thanh thoát:

— Tôi có lỗi không biết bao nhiêu, dám mong Điện hạ tha thứ; tôi mạo muội đến xin yết kiến Người với y phục không được đàng hoàng, tuy nhiên, đã quen được Điện hạ cao minh bao dung, tôi dám vọng tưởng Người ban ân cho tôi lần này nữa.

Phu nhân nói khá chậm rãi để còn hưởng cái thú quan sát vẻ mặt hoàng thân. Vẻ mặt ấy trông thật ngoạn mục bởi nỗi kinh ngạc sâu sắc hiện lên trên đó, lại còn bởi cái tư thế oai vệ còn sót lại ở cái đầu và đôi tay. Hoàng thân đứng ngây người như bị sét đánh. Giọng chát chúa và bối rối, chốc chốc ngài kêu lí nhí: “Không sao! Không sao!” Sau lời tạ tội, nữ công tước đứng im một lát, như cung kính để cho hoàng thân có thì giờ trả lời. Sau đó bà nói tiếp:

— Tôi hy vọng Điện hạ chiếu cố thứ lỗi cho tôi về bộ y phục khiếm lễ này.

Tuy miệng nói vậy, đôi mắt cười cợt của nàng sáng rực lên khiến hoàng thân đã không dám nhìn vào mà còn phải ngước mắt lên trần nhà; ở ngài, đó là dấu hiệu của sự cực kỳ bối rối.

— Không sao! Không sao! Ngài lặp lại. Rồi may quá, ngài tìm ra được một câu để nói: “Công tước phu nhân hãy ngồi xuống đã!” Ngài tự tay đẩy tới một chiếc ghế bành, dáng điệu cũng khá duyên dáng, nữ công tước không thờ ơ với cử chỉ lịch sự đó. Nàng khiến nhãn lực của mình dịu đi.

— Không sao! Không sao! Hoàng thân lặp lại và loay hoay trên ghế bành, tưởng như không tìm thấy một cách ngồi vững chãi.

— Tôi sắp lợi dụng cảnh đêm mát trời để đi đường, nữ công tước nói tiếp. Vì tôi có thể vắng mặt lâu lâu, cho nên tôi không muốn đi ra khỏi giang sơn của Điện hạ mà không đến cảm ơn người về những ân huệ mà Người đã hạ cố ban cho tôi.

Bà công tước nói đến đó, hoàng thân mới hiểu. Ngài tái mặt; con người đó lấy làm đau khổ nhất trần đời khi thấy mình dự kiến cái gì mà cái đó không đến. Rồi ông lấy vẻ cao đạo xứng đáng với chân dung vua Louis XIV treo ở trước mặt. “Thế mới phải chứ! Nữ công tước nghĩ

thầm: Ông ấy quả là một người đàn ông”.

— Vậy lý do của việc bỏ đi đột ngột này là gì? Hoàng thân hỏi, giọng khá kiên định.

— Tôi có dự định này từ lâu, công tước phu nhân đáp, và sự thóa mạ gần đây đối với đức cha Del Dongo khiến tôi phải ra đi sớm hơn: Ngày mai người ta sẽ xử đức cha vào tội tử hình hoặc khổ dịch chiến thuyền.

— Phu nhân đến thành phố nào thế?

— Có lẽ là Naples. Bà đứng lên và nói tiếp: Tôi chỉ còn có việc bái biệt Điện hạ cao minh và tha thiết cảm ơn Điện hạ về những ân huệ xưa kia của Người.

Đến lượt nữ công tước cũng có giọng điệu kiên quyết đến nỗi hoàng thân thấy rằng chỉ vài phút nữa thôi là tất cả đều định đoạt. Việc công tước phu nhân ra đi mà bùng ra ngoài thì không còn cách nào dàn xếp nữa; nàng dâu phải là một người đàn bà quen thay đổi ý định. Hoàng thân chạy theo nàng.

— Nhưng thưa công tước phu nhân - hoàng thân vừa nói vừa nắm tay nàng - phu nhân thừa biết rằng tôi luôn yêu mến phu nhân và niềm quyến luyến ấy có thể mang một tên khác hay không chỉ tùy ở phu nhân. Một vụ giết người đã xảy ra, điều đó không chối cãi được, tôi đã giao cho mấy quan tòa công minh nhất tra xét vụ án...

Nghe đến đây, nữ công tước đứng thẳng người lên; vẻ kính cẩn, cả đến dáng lịch sự biến đi trong chớp mắt; người phụ nữ bị xúc phạm hiện ra rõ rệt, một người phụ nữ bị xúc phạm đối đáp với một kẻ mà mình biết là dối trá. Người phụ nữ đó bộc lộ lòng căm giận cháy bỏng, cả lòng khinh bỉ nữa với những câu dần từng tiếng.

— Tôi rời bỏ vĩnh viễn đất nước Điện hạ để không bao giờ nghe nhắc đến tên chánh án Rassi và những đứ sát nhân bỉ ổi đã xử tử cháu tôi và bao nhiêu người khác. Giờ phút cuối cùng tôi được sống bên cạnh một bậc quân vương nhã nhặn và hóm hỉnh khi người không bị lừa dối. Nếu Điện hạ không muốn cho giờ phút đó dây vị đắng cay, thì tôi kính cẩn xin Điện hạ chớ nhắc đến những tên quan tòa bỉ ổi bán lương tâm lấy một nghìn écu hoặc một huân chương.

Giọng cứng cỏi, nhất là chân thực của phu nhân khiến hoàng thân giật mình; một thoáng, ngài sợ phẩm giá mình bị xúc phạm vì một lời tố giác trực diện hơn thế, nhưng nói chung cảm giác cuối cùng của ngài là một sự thú vị; ngài khâm phục nữ công tước. Toàn bộ con người bà đạt đến một vẻ đẹp tuyệt vời. “Trời ơi! Sao nàng đẹp thế chứ!” Hoàng thân thầm nghĩ. Cũng phải bỏ lỗi cho một người đàn bà vô song như thế và kiểu này thì dễ không có người thứ hai trên đất nước Ý ta... Ủ! Khéo xử sự một chút thì cũng có khả năng một ngày kia, con người ấy trở thành nhân tình của ta. Từ một trang quốc sắc thể này đến mộ hầu tước búp bê Balbi, quãng cách hãy còn xa quá, thế mà con mộ ấy mỗi năm còn ăn cắp ít ra là ba mươi vạn francs của những con dân tội nghiệp của ta nữa chứ! Nhưng ta có nghe rõ nàng nói gì không đã? Hoàng thân chợt nghĩ, nàng nói: Xử tử cháu tôi và bao nhiêu người khác! Nghĩ đến đấy, hoàng thân chỉ còn có giận mà thôi. Sau một phút im lặng, ngài nói với vẻ kiêu kỳ tương xứng với địa vị chí tôn:

— Nào, phải làm gì để cho bà lớn đừng đi?

— Một việc mà Điện hạ không làm được, nữ công tước đáp với giọng mỉa mai chua chát nhất và sự khinh bỉ chẳng chút nào che giấu.

Hoàng thân tức điên người, nhưng nhờ có thói quen nghề nghiệp của một ông vua chuyên chế, ngài tự chặn được thiên hướng ban đầu. Ngài tự nhủ: “Phải chiếm cho được con đàn bà này; ta có bốn phận như vậy đối với ta, rồi sau đó phải làm cho ả chết vì bị khinh bỉ... Nếu ả đi

ra khỏi buồng này thì không bao giờ ta gặp lại ả”.

Nhưng ngài đang giận bưng bưng và căm thù dữ dội thì tìm đâu cho ra một lời vừa thỏa da mình, vừa giữ cho nữ công tước đừng rời bỏ ngay triều đình ngài? Ngài nghĩ rằng đối với một cử động thì người ta không thể nhai, cũng không thể chế giễu, cho nên ngài đến đứng chặn giữa nữ công tước và cửa buồng. Giấy lát sau, ngài nghe có tiếng gõ nhẹ ở cửa, ngài quát mắng cực kỳ lớn tiếng:

— Tên vô duyên nào mang cái mặt dần đến quấy ta thế?

Tướng Fontana tội nghiệp ló cái mặt tái ngắt và hoàn toàn dờ dẩn ra, nói thều thào như người hấp hối:

— Quan lớn bá tước Mosca xin được tiếp kiến.

— Mời ông ấy vào! Hoàng thân hét. Trong khi bá tước nghiêng mình chào thì ngài nói: - Đây này, bà lớn công tước Sanseverina đây bảo là bà sẽ rời bỏ Parme ngay để đến cư trú ở Naples, ngoài ra bà còn nói với tôi những điều ngạo mạn.

— Thế à! Bá tước Mosca xanh mặt kêu.

— Sao? Ông không biết cái dự định bỏ đi đó sao?

— Chẳng biết tí gì. Tôi cáo từ phu nhân lúc sáu giờ, lúc ấy bà vui vẻ thoải mái.

Đối với hoàng thân, câu ấy có một sức tác động khó tưởng tượng. Trước tiên ngài nhìn Mosca, mặt bá tước càng lâu càng tái đi chứng tỏ ông nói thật và không hề đồng mưu trong hành động bột khởi của nữ công tước. Ngài nghĩ thầm: “Đã vậy thì ta mất hẳn ả rồi; mất lạc thú, mất trả thù, tất cả đều bay mất một lúc! Đến Naples, ả sẽ cùng với thằng cháu ả làm thơ châm biếm cơn giận lớn của một ông vua nhỏ đất Parme”. Ngài nhìn nữ công tước, sự khinh bỉ dữ dội nhất cùng với sự phẫn nộ xâu xé lòng nàng; mắt nàng lúc ấy nhìn về phía bá tước, vành môi thanh tú trên cái miệng đến xinh diễm đạt nỗi khinh thị chua chát nhất. Cả cái gương mặt ấy nói: “Đồ nình bợ mặt kiếp!”. Quan sát nữ công tước xong, hoàng thân nghĩ bụng: “Đã vậy thì ta không còn cách gì gọi ả trở về nữa. Mà ngay lúc này đây, nếu ả bước ra khỏi buồng này thì ta mất đứt ả rồi đó. Có trời biết ả sẽ nói gì ở Naples về bọn quan tòa của ta!... Với khiếu thông minh và sức thuyết phục thần kỳ mà trời ban cho ả, ả sẽ khiến cho mọi người tin. Vì ả, ta sẽ mang tiếng là một bạo chúa lỗ bịch đang đem đêm choàng dậy để dòm dưới gầm giường...”.

Thế rồi vận động một cách khéo léo và như để đi bách bộ cho dịu nỗi xao xuyến, hoàng thân lại đến đứng trước cửa; bá tước ở bên phải ngài, cách ba bước, mặt tái, dáng phờ phạc, người run rẩy đến nỗi phải tựa vào lưng chiếc ghế bành mà nữ công tước ngồi lúc đầu - ghế ấy trong một cơn giận dữ, hoàng thân đã đẩy ra xa. Bá tước vẫn là người si tình, ông tự nhủ: “Nếu nữ công tước ra đi, ta sẽ đi theo, nhưng nàng có chịu để cho ta theo không chứ? vấn đề ở đấy”.

Nữ công tước đứng bên trái hoàng thân, hai tay khoanh lại áp chặt lên ngực và nhìn ngài với vẻ ngạo mạn đáng kính phục; da phu nhân tái xanh tái nhợt, chứ không còn những màu sắc tươi tắn đượm gương mặt tuyệt vời ấy trước đây. Trái với hai nhân vật kia, mặt hoàng thân đỏ gay, dáng người bồn chồn; bàn tay trái ngài vô tình mân mê cái huân chương đeo ở dây băng nhất đẳng mang choàng dưới áo lễ; tay phải ngài xoa cằm.

— Làm sao đây? Ngài hỏi bá tước, chẳng qua vì thói quen việc gì cũng hỏi ông, chứ không phải có ý định hỏi.

— Quả tôi cũng không biết nên làm thế nào, thưa Điện hạ, bá tước đáp thều thào như một người đang trút hơi thở cuối cùng. Khó khăn lắm ông mới phát âm được những tiếng ấy. Giọng nói thiếu não của bá tước đem lại cho hoàng thân niềm an ủi đầu tiên đối với lòng tự ái của

ngài bị tổn thương trong buổi tiếp kiến; nhờ có niềm vui nhỏ đó, ngài tìm ra được một câu thích hợp với phẩm giá của ngài:

— Thế thì giữa ba chúng ta, tôi là người biết điều hơn cả. Tôi vui lòng gác bỏ hoàn toàn danh vị xã hội của tôi. Tôi sẽ nói như một người bạn - ngài nói thêm với một nụ cười kẻ cả khéo học ở cái thời đại Louis XIV hoàng kim - như một người hạn nói chuyện với những người bạn. Thừa công tước phu nhân, phải làm thế nào để phu nhân xóa bỏ quyết định trái khoáy của phu nhân?

— Chính tôi cũng không biết thế nào, nữ công tước nói và thở dài; thực tình tôi không biết làm thế nào bởi vì tôi đã kinh tởm Parme quá sức.

Lời nói của phu nhân không có ẩn ý chế nhạo, người ta cảm thấy bà hoàn toàn trung thực. Bá tước quay phắt lại phía bà, con người triều thần ở ông cảm thấy uất ức vì câu nói đó; rồi ông nhìn quận vương với đôi mắt cầu khẩn. Rất đàng hoàng và bình tĩnh, hoàng thân yên lặng một phút, rồi nói với bá tước.

— Tôi thấy bà bạn quý của ông nóng giận tốt bậc; dễ hiểu thôi, bà say anh cháu bà mà! Rồi quay về phía nữ công tước, với đôi mắt hết sức chiều chuộng đồng thời với dáng điệu của một người hát tuồng, ông nói tiếp:

— Phải làm thế nào cho vui đôi mắt người đẹp?

Nữ công tước đã có thời giờ suy nghĩ, giọng kiên quyết và chậm rãi, bà đáp, như đọc một tối hậu thư:

— Điện hạ viết cho tôi một lá thư ân tình, Người quen viết rất hay những thư đó; trong thư, Người nói vì không tin là Fabrice Del Dongo, trợ tá thứ nhất ở tòa tổng giám mục, có phạm tội, Người sẽ không ký bản án khi người ta trình ký và vụ án bất công này sẽ không có hiệu lực về sau.

— Thế nào, bất công à! Hoàng thân đỏ mào đỏ mặt kêu lên và lại nổi giận.

— Chưa hết! Nữ công tước đáp với một vẻ kiêu kỳ rất La Mã, ngay tối nay - bà nói tiếp và nhìn đồng hồ - bây giờ đã mười một giờ mười lăm rồi đấy, ngay tối nay. Điện hạ sẽ cho người đến báo với nữ hầu tước Raversi là Người khuyên bà về nông thôn nghỉ giải lao sau những mệt nhọc gây ra bởi một vụ án mà bà ta có nói đến ở phòng khách bà lúc vào tối.

Quận vương đi lại trong phòng như một người cuồng nộ.

— Có ai thấy một phụ nữ như thế không? ... Ngài kêu lên, Người ta chẳng kính nể tôi.

Nữ công tước đáp hết sức dịu dàng:

— Suốt đời thần thiếp bao giờ thoảng có ý thiếu tôn kính đối với Điện hạ cao minh. Chẳng phải Điện hạ đã hết sức nhún mình nói rằng Người nói chuyện như một người bạn với những người bạn đó hay sao? Với lại thần thiếp cũng chẳng muốn ở lại Parme chút nào, nữ công tước nói tiếp và nhìn bá tước với đôi mắt vô cùng khinh bỉ.

Cho tới đây, hoàng thân vẫn hết sức phân vân, mặc dù những lời nói đó có vẻ báo trước một sự cam kết; cái nhìn của nữ công tước buộc ngài quyết định, ngài thường chẳng kể gì đến lời lẽ.

Họ còn trao đổi với nhau vài câu nữa. Nhưng rồi cuối cùng, hoàng thân ra lệnh cho bá tước viết mảnh giấy ân tình mà nữ công tước cầu xin. Bá tước không viết câu: "Vụ án bất công này sẽ không có hiệu lực về sau." Ông thầm nghĩ miễn hoàng thân hứa hẹn không ký bản án người ta trình ký là đủ. Khi ký vào thư hoàng thân nhìn ông, thầm cảm ơn.

Bá tước phạm sai lầm to: Hoàng thân đang mệt mỏi, chắc ông có viết gì ngài cũng ký tất. Ngài tin rằng ngài đang rút khỏi sân khấu một cách đẹp đẽ và dưới mắt ngài, trong toàn bộ vụ này, ngài chỉ thấy một câu chỉ đạo: “Nếu nữ công tước ra đi thì không quá tám hôm sau, ta sẽ thấy triều ta chán ngắt”. Bá tước để ý thấy hoàng thân chữa ngày lại, đề ngày hôm sau. Ông nhìn đồng hồ; kim sắp chỉ mười hai giờ khuya. Quan thủ tướng chỉ nhìn thấy cái ý róm của nhà vua muốn tỏ ra mầu mực trong giờ khắc và đứng đắn trong sự vụ chính quyền ở việc chữa ngày trên bức thư. Về việc phát lưu mụ hầu tước Raversi, hoàng thân không tỏ chút gì băn khoăn; ngài có cái thích thú đặc biệt là phát lưu người ta. Ngài hé cửa gọi to:

— Tướng quân Fontana!

Tướng Fontana hiện ra với bộ mặt hết sức kinh dị và tò mò, đến nỗi nữ công tước và bá tước đưa mắt nhìn nhau thích thú; cái nhìn đó hòa giải hai người.

— Tướng quân Fontana, hoàng thân nói, tướng quân hãy lấy xe tôi, xe đợi dưới hàng trụ trước hoàng cung, tướng quân đến dinh nữ hầu tước Raversi, cho người lên báo cho bà ta tiếp; nếu bà ta đã đi ngủ thì tướng quân bảo do tôi sai phái đến, và khi lên phòng bà ấy rồi thì tướng quân phải nói nhất nhất đúng những lời này chứ không phải những lời khác: “Thưa hầu tước phu nhân, đức Điện hạ cao minh mời phu nhân đến mai, trước tám giờ sáng, hãy đến lâu đài Velleja của phu nhân; Điện hạ sẽ cho phu nhân biết lúc nào phu nhân có thể trở lại Parme được”.

Hoàng thân đưa mắt tìm mắt nữ công tước; nữ công tước không tỏ lời cảm ơn ngài như ngài chờ đợi, mà nghiêng mình chào một cách hết sức kính cẩn rồi nhanh nhẹn đi ra.

— Thật là một kỳ nữ ! Hoàng thân quay lại nói với bá tước Mosca.

Thích thú vì việc phát lưu nữ hầu tước Raversi sẽ đem lại nhiều thuận lợi cho nhiệm vụ thủ tướng của ông, bá tước tâm bày suốt nửa tiếng đồng hồ như một triều thần mầu mực; ông muốn vỗ về lòng tự ái của nhà vua, và chỉ xin cáo từ sau khi thấy ngài yên trí rằng trong lịch sử những giai thoại về Louis XIV không có trang nào đẹp đẽ bằng trang ngài vừa cung cấp cho các sử gia tương lai.

Về phần nữ công tước, về dinh, bà đóng cửa, truyền không cho ai vào, kể cả bá tước. Bà muốn đối diện tự xét mình và xét xem nên nghĩ thế nào về tấn trò vừa diễn ra. Bà đã tùy hứng nhất thời hành động không tính toán; nhưng dù cho có tự dẫn mình đến bước liều lĩnh nào chẳng nữa, bà cũng cứ kiên quyết bám trụ ở đó. Khi bình tĩnh trở lại, bà không tự trách mình, cũng không ân hận; tính cách của bà là như thế, cho nên đến ba mươi sáu tuổi, bà vẫn là người phụ nữ xinh xắn nhất giữa triều.

Lúc này bà mơ màng nghĩ đến những gì dễ ư có thể tìm thấy ở Parme, y như là đi lâu mới về, vì từ chín giờ đến mười một giờ, bà đã tưởng vĩnh viễn rời bỏ Parme.

“Anh bá tước tội nghiệp ấy dờ mặt ra, khi đến trước quận vương anh mới biết là ta sắp bỏ mà đi... Nói cho đúng, đó là một con người đáng mến, có tâm địa hiem thấy ở đời. Ta mà ra đi thì anh sẽ vất cả nội các để theo ta... Cũng phải vì suốt năm năm qua, ta không hề có một sự xao lãng nào để cho anh trách cứ; trong số phụ nữ làm lễ thành hôn đằng hoàng trước bàn thờ Chúa, thử hỏi có bao nhiêu người có thể nói được như vậy với đức ông chồng? Phải công nhận rằng anh ấy không làm ra vẻ quan trọng, không dạy đời; anh không làm cho người ta thấy thích được lừa dối anh chút nào! Trước mặt ta, anh như luôn luôn có vẻ xấu hổ về uy quyền của anh.... Anh có bộ mặt thật ngộ nghĩnh khi đứng trước ông vua và ông chủ của anh; nếu có anh ở đây, ta hôn ngay... Tuy nhiên đánh đổi cái gì ta cũng không cam làm trò vui cho một vị bộ trưởng đánh mất bộ của mình; lâm cái bệnh... chết người ấy thì chỉ đến chết mới lành bệnh, cho nên trẻ tuổi mà làm bộ trưởng thì nguy lắm! Ta phải viết thư nói rõ với anh ấy; đó là một điều mà anh ấy cần được thông báo chính thức trước khi gây bất hòa với nhà vua... Nhưng ta quên nghĩ đến bọn tôi tớ trung thành của ta rồi”.

Công tước phu nhân rung chuông. Các chị hầu gái vẫn lo xếp đặt rương hòm, cỗ xe đã đánh vào dưới vòm cửa và người ta đang chất hành lý lên; những chú hầu trai không có công việc gì làm vây quanh cỗ xe, mắt ươn ướt lệ. Trong những giờ phút long trọng, chỉ có cô Chékina là được vào buồng phu nhân, chính Chékina trong dịp này đã thuật lại các chi tiết ấy với bà.

— Bảo họ lên đi, phu nhân nói.

Lát sau bà sang phòng chờ và nói:

— Người ta đã hứa với tôi là bản án xử cháu tôi sẽ không được hoàng thượng ký (ở Ý người ta xưng hô như thế đấy). Tôi gác lại việc ra đi. Chúng ta sẽ xem bọn thù địch của tôi có đủ thể lực thay đổi quyết định này không.

Sau giây lát im lặng, bọn tôi tớ vùng dậy thét lớn: Công tước phu nhân muôn năm! Và vỗ tay như điên dại. Bà công tước đã vào phòng bên lại trở ra như một nữ diễn viên được hoan hô, bà nghiêng người một chút rất duyên dáng chào bọn tôi tớ, rồi nói: “Tôi cảm ơn các bạn”. Giá bà hô một tiếng thì chắc lúc ấy cả bọn sẽ xông lên tấn công cung điện. Bà ra hiệu cho một anh đánh xe, nguyên là dân buôn lậu, rất trung thành với chủ, anh này đi theo bà.

— Chú thay quần áo làm một nông dân khá giả, chú ra đi khỏi thành phố Parme bằng cách nào tùy chú, chú thuê một chiếc xe ngựa nhỏ và chú phóng nhanh đến Bologne, càng nhanh càng tốt. Chú đi vào Bologne như một người đi đạo, theo cửa ô Florence mà vào, và chú đưa cho Fabrice một gói mà Chékina sẽ trao cho chú. Fabrice ở quán Pelegrino, cậu ấy giấu tung tích và lấy tên là Joseph Bossi. Khéo không vô ý mà thành ra phản cậu ấy đấy, phải vờ như không quen biết. Có thể bọn thù địch của tôi cho mật thám đi theo chân chú. Fabrice sẽ trả chú về sau mấy tiếng đồng hồ hoặc sau ít hôm; nhất là lúc về phải tăng cường đề phòng không thì làm lộ cậu ấy mất.

— Chà chà! Bọn tay chân của mụ hầu tước Raversi ấy à? Anh đánh xe thét. Chúng con đang chờ lũ chúng nó đây, nếu phu nhân đồng ý, chúng con sẽ làm cỏ chúng trong chốc lát.

— Có thể một ngày nào đấy cũng nên. Nhưng hãy coi chừng, thì chớ có làm gì khi chưa có lệnh tôi mà mất đầu đấy.

Công tước phu nhân muốn gửi bản sao cái giấy của hoàng thân cho Fabrice; bà không nén được cái thích thú mua vui cho anh cháu, cho nên viết thêm một câu về tấn trò đã kết thúc bằng mảnh giấy kia; cái câu định viết đó đã hóa thành một bức thư mười trang. Bà cho gọi anh đánh xe trở lại.

— Chú chỉ nên lên đường lúc bốn giờ sáng, khi mở cửa thành.

— Con định chui qua cổng ngầm lớn mà ra. Con sẽ bị ngập nước tới cằm, nhưng thế nào cũng ra được.

— Không, nữ công tước nói. Ta không muốn có điều liệu lĩnh nào để cho một thủ hạ trung thành nhất của ta bị cảm sốt. Chú có quen ai bên tòa tổng giám mục không?

— Anh đánh xe thứ hai là bạn của con.

Công tước phu nhân gửi cho đức tổng giám mục nguyên bản cái giấy của hoàng thân; vì cái giấy đó liên quan đến viên đệ nhất tổng trợ tá của tòa tổng giám mục, cho nên bà yêu cầu ngài cất giữ ở phòng lưu trữ văn thư; bà hy vọng rằng các vị trợ tá và chanoie, đồng nghiệp của cháu bà sẽ vui lòng tìm hiểu nội dung tờ giấy kia ở đó; tất cả công việc này phải tiến hành trong bí mật tuyệt đối.

Nữ công tước viết thư cho đức cha Landriani với cái giọng thân mật chắc là phải làm cho

người thị dân ấy mê mẩn. Riêng chữ ký cũng đã chiếm mất ba dòng; bức thư rất thân tình sau khi chấm dứt, được đề tiếp mấy chữ:

Angelina Cornelia Isola Valserra Del Dongo, Sanseverina công tước phu nhân.

“Ta nhớ ta chưa bao giờ viết nhiều như thế từ khi ký cái hôn ước với công tước tội nghiệp ấy, phu nhân vừa nghĩ thầm vừa cười: nhưng mà những ngữ này thì chỉ khiến được bằng cách ấy mà thôi và dưới con mắt của bọn thị dân, biếm họa được coi là danh họa!”. Bị cảm độ quá, bà chưa chịu đi ngủ mà thức để viết nốt cho ông bá tước đáng thương một bức thư chế diễu. Bà nói:

“Để ông bá tước biết cách xử sự trong mọi quan hệ với các bậc vương giả”, bà chính thức báo cho ông biết là bà cảm thấy không có khả năng giải khuây cho một quan thượng thư mất chức... “Quận vương làm cho anh sợ; khi nào anh không thể gặp ông ấy nữa, mới đến lượt tôi làm cho anh sợ chẳng?” Bà cho mang thư đi ngay.

Về phần mình, sáng hôm sau, ngay lúc bảy giờ sáng, hoàng thân cho gọi ông bộ trưởng nội vụ, bá tước Zurla.

“Ông hãy ra lệnh lần nữa cho tất cả các thị trưởng, lệnh nghiêm khắc nhất, là phải bắt tên Fabrice Del Dongo. Tôi được báo là có khả năng hắn dám trở về đất nước ta. Cái tên đi trốn tôi ấy đang ở Bologne, thách thức sự truy tố của các tòa án ta, ông hãy bố trí, những cảnh sát biết mặt hắn:

1) Ở các làng trên đường đi từ Bologne đến Parme.

2) Trong vùng lân cận lâu đài nữ công tước Sanseverina, ở Sacca và quanh tư thất bà ta tại Castelnovo.

3) Quanh lâu đài bá tước Mosca. Tôi hy vọng rằng ông sẽ sáng suốt biết cách giấu kỹ không cho bá tước Mossca biết những lệnh này của đức vua ông. Ông nên biết rằng tôi muốn tóm được tên Fabrice Del Dongo ấy”.

Ông bộ trưởng vừa ra khỏi thì quan tư khấu Rassi bước vào, bằng một cửa bí mật, đi lom khom, mỗi bước mỗi cúi rạp người để vái chào. Dáng dấp của tên vô lại đó quả đáng vẽ nên tranh; dáng dấp đó phù hợp với vai trò bỉ ổi của hắn, và trong khi đôi mắt hắn đảo, liếc nhanh và loạn xạ chứng tỏ hắn biết tài năng của hắn, thì cái mồm nhả nhỏ và khinh thị của hắn cũng nói rằng hắn biết chống lại sự khinh bỉ.

Vì nhân vật ấy sắp tác động lớn đến vận mệnh Fabrice cho nên cũng cần nói đến hắn một chút ít. Hắn cao lớn hắn có đôi mắt đẹp và rất sáng, nhưng mặt thì rõ chẳng rõ chịt, xấu xí; thông minh thì hắn thông minh đấy, rất thông minh, loại có đầu óc tinh tế nhất; người ta cho là hắn nắm khoa luật học rất vững vàng, nhưng thực ra thì hắn cừ nhất ở khoa xoay xở biến báo. Chiều hướng vụ án dù thế nào, hắn cũng dễ dàng và mau mẫn tìm được những cách hợp pháp nhất để kết án hoặc tha bổng; trước hết hắn là thánh sư về những trò tinh ranh của người biện lý.

Cái con người mà hắn là nhiều đại vương quốc ao ước được có như quận vương Parme, con người ấy chỉ có một đam mê; đó là được nói chuyện thân mật với các bậc vương, công, khanh, tướng và làm vui lòng họ bằng những trò hề. Người ta cười về điều hắn nói hay cười bản thân hắn cũng không sao, người ta có bông đùa bất nhã về bà Rassi cũng được, miễn là hắn thấy ông lớn đó cười, ông lớn đó coi hắn như người nhà là đủ cho hắn sướng rồi. Một đôi khi quận vương không biết làm cách nào hơn để xúc phạm phẩm giá của quan chánh án tối cao đó, bèn đá dít hắn; đá đau quá thì hắn khóc, nhưng bản năng hề tuồng của hắn mãnh liệt đến nỗi hắn thích ở trong phòng khách của một ông bộ trưởng lẳng mạ hắn, hơn là ở trong phòng khách của chính hắn, nơi hắn trị vì độc tôn trên tất cả bọn áo dài đen trong nước. Gã Rassi đó tự tạo

cho mình một địa vị riêng biệt, bởi không có ông quý tộc nào ngao ngễ nhất có thể làm nhục hắn; cách hắn trả thù những thóa mạ hắn nhận lĩnh hàng ngày là đem kể hết cho hoàng thân nghe, hoàng thân đã ban cho hắn cái đặc quyền được nói tất cả với ngài. Cũng đúng là nhiều khi hoàng thân trả lời hắn bằng một cái tát ra trò, làm hắn đau điếng, nhưng hắn không lấy làm điều. Sự hiện diện của quan chánh án tối cao làm khuây khỏa lòng hoàng thân trong những lúc bức bối, lúc ấy ngài thấy thích thú được làm nhục hắn. Rõ ràng Rassi là một triều thần gần như toàn thiện toàn hảo, một con người không biết sỉ nhục, không biết bất bình.

— Trước hết phải bí mật! Hoàng thân thét lên với hắn như thế và không chào đáp hắn; ngài đối đãi với hắn như với một tôi tớ trong khi rất lịch sự với mọi người. Bản án của anh đề ngày nào?

— Sáng hôm qua, thưa Điện hạ cao minh.

— Có mấy quan tòa ký?

— Cả năm đều ký.

— Làm án thế nào?

— Hai mươi năm cấm cố ngục thành, như Điện hạ đã truyền phán.

— Tử hình chắc là làm cho người ta bất bình, hoàng thân nói như là tự nói với mình. Đáng tiếc thật: Giá xử vậy được thì có tác dụng đối với người đàn bà ấy bao nhiêu! Nhưng mà đó là một tên thuộc dòng họ Del Dongo, dòng họ này được sùng bái trên đất Parme, vì đã sản sinh đến ba vị tổng giám mục hầu như kế tiếp nhau... Anh nói hai mươi năm cấm cố ngục thành à?

— Vâng, thưa Điện hạ cao minh, quan chánh án tối cao đáp, vẫn đứng và gập người làm đôi; với lại, trước tiên hắn phải tạ tội công khai trước chân dung Điện hạ, rồi thì phải theo chế độ bán nhật nước trong tất cả những ngày thứ sáu và những hôm trước các ngày lễ chính, vì đương sự thiếu đức tin rõ ràng. Điều khoản này là để dành cho tương lai, để bẻ gãy cổ thần tài lộc của nó.

— Anh viết đi, hoàng thân nói. “Điện hạ cao minh, sau khi hạ cố lấy từ tâm nghe những lời kêu xin của nữ hầu tước Del Dongo, mẹ tên tội phạm và nữ công tước Sanseverina, cô nó - những người này đã viện dẫn là lúc phạm tội, còn cháu của họ hãy còn nhỏ tuổi lắm và lại mù quáng vì say mê đại dột vợ tên Giletti khốn khổ đã vui lòng hoán cải tội hình Fabrice ra mười hai năm cấm cố ngục thành, mặc dù ngài ghê tởm vụ sát nhân này”.

— Đưa đây cho ta ký.

Hoàng thân ký và đề ngày hôm trước, rồi trả bản án lại cho Rassi, ngài nói. Anh hãy viết ngay ở dưới chữ ký tôi: “Vì công tước Sanseverina phụ nhân đến quì xin lần nữa, quận vương cho phép tội phạm những ngày thứ năm hằng tuần được hưởng một giờ đi dạo trên sân thượng cái tháp vuông, thường gọi là tháp Farnèse”.

— Anh ký cái đó đi và nhớ nhất là phải kín miệng dù anh nghe trong thành phố đồn đại gì gì. Anh hãy nói với viên bồi thẩm De Capitani - người đã bỏ phiếu xử hai năm và nói huyền thuyên bênh vực ý kiến ấy là ta khuyên anh ta đọc lại luật pháp và qui chế. Một lần nữa, im lặng... và chào anh.

Quan chánh án Rassi chậm rãi cúi rạp người ba lần chào hoàng thân, nhưng ngài không nhìn đến.

Sự việc này xảy ra lúc bảy giờ sáng. Mấy tiếng đồng hồ sau, tin nữ hầu tước Ravarsi bị đày lan ra trong thành phố và trong các quán cà phê, mọi người nhất loạt nói về sự kiện lớn lao đó.

Việc bà hầu tước bị đẩy đã xua đuổi buồn tẻ ra khỏi Parme một thời gian, buồn tẻ vốn là kẻ thù ghê tởm của các thành phố nhỏ, các triều đình nhỏ. Tướng Fabio Conti trước tưởng mình sẽ làm bộ trưởng, nay thối chí lên cơn thấp khớp để trốn trong thành lũy mấy ngày liền. Bọn tư sản, cùng với họ là cả đám bình dân nữa, dựa vào những sự việc đã xảy ra mà kết luận là rõ ràng quân vương đã quyết định trao chức tổng giám mục Parme cho ông lớn Del Dongo. Những chính khách quán cà phê tinh tế dám khẳng định là người ta khuyên vị tổng giám mục đương vị, đức cha Landriani thối chí để từ chức, và người ta sẽ trích thuế trúng thầu thuốc lá mà trao cho ông một món trợ cấp lớn, họ biết chắc chắn như vậy. Tiếng đồn ấy đến tai đức tổng giám mục, ngài lo ngại lắm, và suốt mấy hôm, lòng sốt sắng của ngài đối với Fabrice cũng nguội lạnh đi. Hai tháng sau, cái tin hay ho ấy được đăng trên các báo Paris, với chút ít thay đổi là bá tước Del Dongo, cháu nữ công tước Sanseverina, sẽ được cử làm tổng giám mục.

Bà hầu tước Raversi tức điên người trong tòa lâu đài Venlleja của bà. Bà không thuộc loại đàn bà yếu đuối, loại tướng thóa mạ địch thủ tức là trả thù. Hôm sau ngày bà thất sủng, hiệp sĩ Riscara và ba người bạn trai khác của bà đến yết kiến hoàng thân theo lệnh bà, và xin phép đến thăm bà tại lâu đài. Quân vương tiếp các vị đó hết sức nhã nhặn và việc họ đến lâu đài là một niềm an ủi lớn cho nữ hầu tước. Vào cuối tuần thứ hai, bà hầu tước đã có ba mươi tân khách trong nhà, gồm tất cả những người mà nội các cánh tự do sẽ bố trí vào các chức vụ. Mỗi buổi tối, nữ hầu tước họp hội đồng chính thức với những bạn hữu hiểu biết tình hình nhất. Một hôm, nhận được nhiều thư từ Parme và từ Bologne, bà hầu tước cáo khách sớm, lui vào buồng riêng. Chị hầu phòng đưa anh nhân tình đương vị vào trước hết: đó là bá tước Baldi một thanh niên mặt mày bánh bao mà tài trí tầm thường nhạt nhẽo; về sau chị mời thêm hiệp sĩ Riscara, người mà Baldi kể vị; tay này là một người nhỏ bé, đen mặt đen mũi, đen cả tâm hồn. Bắt đầu làm thầy phụ đạo hình học ở trường con em quý tộc ở Parme, bấy giờ hắn đã có chân trong tham chính viện và được thưởng nhiều huân chương các loại. Nữ hầu tước nói với hai người ấy:

— Tôi quên không thiêu hủy một tờ giấy nào, ấy thế mà hóa hay; đây là chín lá thư mà Sanseverina viết cho tôi trong mấy trường hợp. Cả hai ông hãy đi Giênes, tìm trong bọn khổ dịch chiến thuyền một viên chương khế cũ tên là Burati như tên của nhà thơ lớn thành Vanise ta vậy - hoặc là Durati gì ấy. Bá tước Baldi, anh ngồi lại bàn viết và nghe tôi đọc mà viết theo.

“Cô chợt có một sáng kiến và cô viết thư cho anh đây. Cô về lâu đài của cô, ở gần Castelnovo, nếu anh cũng thích đến ở chơi với cô mười hai tiếng đồng hồ, thì cô sẽ vui sướng lắm; cô nghĩ rằng sau những vụ việc vừa diễn ra thì chẳng có gì nguy hiểm nữa. Trời đã quang đãng lại. Tuy nhiên, anh hãy dừng lại trước khi đi vào Castelnovo, anh sẽ gặp trên đường cái một người tôi tớ của cô, tất cả bọn chúng đều yêu quý say mê anh. Tất nhiên là anh cứ giữ cái tên Bossi trong cuộc hành trình nhỏ này. Người ta nói anh để râu dài như một tu sĩ dòng capucin mẫu mực, mà ở Parme thì người ta chỉ biết anh với vẻ mặt tử tế của một vị tổng trợ tá”.

— Anh hiểu chứ, Riscara ?

— Hiểu lắm. Nhưng đi Gênes là một sự xa xỉ vô ích; tôi biết ở Parme có một người, nói cho đúng thì chưa đi khổ dịch chiến thuyền, nhưng thế nào rồi cũng đi. Hắn sẽ giả bút tích của con mụ Sanseverina một cách thần tình.

Nghe đến đó, bá tước mở to đôi mắt rất đẹp của mình, bây giờ anh ta mới hiểu.

— Anh biết nhân vật Parme quý hóa mà anh mong cho được thăng thưởng đó thì có phần chắc là nó cũng biết anh nữ hầu tước nói với Riscara; nhân tình của hắn, cha rửa tội của hắn, bạn hắn có thể được mụ Sanseverina mua chuộc. Tôi ưng thà là lui cái trò nghịch nhỏ này lại mấy hôm còn hơn là liều mình với ngẫu nhiên. Trong hai giờ nữa các anh hãy lên đường ngoan ngoãn như những chú cừ non, đến Gênes đừng tìm gặp ai, và phải lo về cho nhanh.

Hiệp sĩ cười và rút lui ngay; hắn nói giọng mũi như Polichinelle^[82]: Phải soạn hành lý chứ, vừa nói vừa chạy đi một cách buồn cười. Hắn muốn để cho Baldi ở lại một mình với bà ấy.

Năm hôm sau, Riscara dắt về trả cho nữ hầu tước chú bá tước của bà, người ngòm sây sát hết; để đi tắt sáu dặm đường, người ta đã bắt ông bá tước cười la vượt qua một quả núi. Ông thề là ông sẽ không bao giờ thực hiện những cuộc hành trình lớn nữa. Baldi trao cho nữ hầu tước ba bản chép bức thư mà bà đã đọc cho ông ta viết và năm sáu bức thư khác cũng một tuồng chữ ấy, do Riscara cấu tạo, để phòng biết đâu sau này chẳng có dịp dùng! Một trong những thư ấy viết nhiều điều ngộ nghĩnh, chế diễu những cơn sợ hãi ban đêm của quận vương và thân thể gầy gò thảm hại của nữ hầu tước Balbi, nhân tình của ngài; gầy đến nỗi người ta nói bà ngồi giây lát trong ghế bành đứng dậy, thì trên nệm lót có hình của một cái cặp còi than. Xem các thư ấy, tất cả cũng phải nói quyết rằng do Sanseverina phu nhân viết.

— Bây giờ tôi biết chắc chắn là cái người bạn lòng ấy, gã Fabrice ấy, đang ở Bologne hoặc quanh quần gần đấy...

— Tôi ốm đau quá, Baldi hót lời bà hầu tước, kêu lên. Tôi van xin được miễn hành trình thứ hai này, hay ít nhất tôi muốn được cho nghỉ ngơi ít hôm để phục hồi sức khỏe.

— Tôi sẽ kêu xin cho anh, Riscara nói.

Hắn đứng lên, thăm thì với nữ hầu tước.

— Ừ, thế thì thế! Tôi bằng lòng, bà mỉm cười. Anh hãy yên tâm, anh không phải đi đâu! Bà nói với Baldi, vẻ khinh thường:

— Cảm ơn, bá tước kêu lên, giọng thiết tha thốt tự đáy lòng.

Quả nhiên chỉ một mình Riscara đi xe trạm tốc hành. Tới Bologne mới hai hôm, hắn đã trông thấy Fabrice ngồi trong một chiếc xe ngựa cùng với con bé Marietta. “Gớm thật! Hắn tự nhủ, đức tổng giám mục tương lai của chúng ta có vẻ chẳng kiêng thứ gì! Phải cho bà công tước hay chuyện này mới được, chắc bà lấy làm thú vị lắm”. Riscara chỉ cất công đi theo Fabrice là biết ngay chỗ ở của anh ta.

Ngày hôm sau, Fabrice nhận được một bức thư chế tạo ở Gênes. Anh thấy thư hơi ngắn, nhưng cũng chẳng nghi ngại gì. Triển vọng gặp lại nữ công tước và bá tước khiến anh cực kỳ sung sướng, nên dù Ludovic nói sao, anh cũng lấy một con ngựa trạm phi đi. Anh không ngờ hiệp sĩ Riscara đuổi theo anh cách không xa. Cách Parme sáu dặm, nơi trạm cuối trước khi đến Castelnovo, hắn thích thú thấy có đám đông tụ tập ở trước cửa nhà ngục địa phương. Người ta vừa dẫn Fabrice đến đó; ở trạm trong khi thay ngựa, anh bị hai cảnh sát phát hiện, hai tên cảnh sát đó do bá tước Zurla chọn và phái đến đó.

Hai con mắt ti hí của hiệp sĩ Riscara sáng ngời lên vì sung sướng, với một sự kiên trì mầu mực, hắn kiểm tra lại tất cả những người vừa mới tới cái làng bé nhỏ ấy, rồi phái một người liên lạc đem tin đến cho bà hầu tước Raversi. Sau đó, đi ra đường như để xem cái nhà thờ khá kỳ lạ, rồi để tìm một bức tranh của họa sĩ Parmesan mà người ta bảo hiện có ở đấy, cuối cùng hắn gặp viên thị trưởng, và viên thị trưởng sốt sắng tỏ lòng cung kính đối với quan tham chính. Riscara có vẻ lấy làm lạ sao ông thị trưởng chưa cho giải ngay về ngục thành Parme tên phiến loạn mà ông có diễm phúc tóm được.

Riscara nói thêm một cách hờ hững:

— Lũ bạn hữu đông đúc của nó hôm kia tìm nó để giúp nó vượt qua đất nước của hoàng thân Điện hạ, cũng nên sợ lũ này gặp bọn cảnh vệ áp giải nó, lũ nghịch đảng ấy có đến từ mười hai đến mười lăm đứa cười ngựa chứ không ít.

— Intelligenti pauca![\[83\]](#) viên thị trưởng kêu lên một tiếng ý tứ.

CHƯƠNG XV

Hai tiếng đồng sau, chàng Fabrice tội nghiệp bị giải đi ngục thành Parme, có tám tên sen đầm áp tải, tay bị khóa, người bị buộc một dây xiềng dài vào ngay chiếc xe người ta bắt anh lên. Những sen đầm này được lệnh dắt theo tất cả những sen đầm gác ở các thôn mà đoàn họ sắp đi qua; đích thân viên thị trưởng cũng theo điệu giải tên tù quan trọng đó. Vào khoảng bảy giờ chiều, chiếc xe đi qua con đường dạo mát đẹp đẽ, có ba chục sen đầm và tất cả oắt con thành phố Parme hộ tống; xe đi qua trước tòa lâu đài nhỏ ả Fausta ở trước đấy mấy tháng, và cuối cùng đến trước cổng ngoài thành ngục đúng lúc tướng Fabio Conti và tiểu thư sắp đi ra. Xe quan tướng trấn thủ dừng lại trước khi đến cầu treo để cho xe chở Fabrice đi vào; xong, quan tướng lập tức thét bảo đóng các cửa thành và vội vàng xuống xe để xem thử việc gì, ông rất ngạc nhiên khi nhận ra tên tù là Fabrice, người cứng đờ như khúc gỗ vì bị trói buộc vào xe trên một đoạn đường quá dài; bốn tên sen đầm khênh anh ta vào buồng văn thư. Quan trấn thủ vốn có tính khoe khoang, tự bảo: “Ra ta được giám sát cái tên Fabrice Del Donggo lừng lẫy, mà gần một năm nay có thể nói rằng giới thượng lưu Parme nguyện chỉ chú ý đến độc một mình nó”.

Quan tướng đã gặp Fabrice vài mươi lần ở triều đình, ở nhà nữ công tước và nhiều nơi khác, nhưng ông cố làm ra vẻ không biết anh; ông sợ bị nghi kỵ. Ông thét gọi viên thư lại nhà lao:

— Phải làm một biên bản tỉ mỉ về việc quan lớn thị trưởng Castelnovo bàn giao tên tù nhân cho ta.

Viên thư lại Barbone là một nhân vật ghê gớm bởi bộ râu đồ sộ và dáng dấp “tướng võ” của hắn; hắn làm ra vẻ quan trọng hơn ngày thường, trông hắn giống như một cai ngục Đức vậy. Tướng nữ công tước Sanseverina là người chủ yếu làm cho quan thầy của nó không bước lên được ghế bộ trưởng bộ chiến tranh, hắn càng lo thái độ xác lảo với tù nhân. Nói năng với Fabrice, hắn gọi anh là voi[84], đó là tiếng ở Ý người ta dùng gọi tôi tớ.

— Tôi là cố đạo ở tòa thánh La Mã, Fabrice nói, giọng kiên quyết, và là linh mục tổng trợ tá ở địa phận này; chỉ riêng tên họ tôi cũng đủ khiến cho người ta phải kính nể.

— Ta không biết! Viên thư lại trả lời hỗn lảo. Mi hãy chứng minh lời mi nói với các bằng cấp cho phép mi mang các danh hiệu đáng kính đó.

Fabrice không có bằng cấp trên người nên không trả lời. Tướng Conti đứng bên cạnh viên thư lại và xem hắn viết, chứ không ngược mắt nhìn người tù để khỏi phải xác định anh ta đúng là Fabrice Del Donggo.

Clélia Conti ngồi đợi bố trên xe, thỉnh thoảng nghe có tiếng huyền não khiếp người trong bót gác. Số là viên thư lại Barbone trong khi dẫn tả người tù một cách hỗn xược và dài dòng trong biên bản, đã truyền cho anh cởi áo quần để kiểm tra tình hình sâu sát trên cơ thể qua vụ Giletti, Fabrice cười chua chát, nói:

— Tôi không thể. Tôi ở trong tình trạng không thể làm theo lệnh ông, vì tay tôi bị khóa.

— Sao! Quan tướng kêu lên một cách thơ ngây, người tù bị khóa tay à? Đã ở trong thành mà sao còn khóa tay người ta? Cái đó trái quy chế, muốn làm thế phải có lệnh riêng[85]. Mở khóa tay cho hắn...

Fabrice nhìn ông. “Rõ như là một cố đạo Dòng Tên ngộ nghĩnh! Anh nghĩ vậy. - Hắn đã thấy những cái khóa này làm khổ ta ghê gớm hơn một tiếng đồng hồ rồi, bây giờ còn giả vờ kinh ngạc!”.

Sen đầm mở khóa; họ vừa nghe nói Fabrice là cháu công tước Sanseverina phu nhân, nên vội vàng tỏ ra ngọt ngào với anh, thái độ này tương phản với sự thô bạo của viên thư lại; tay

này tự ái và thấy Fabrice vẫn đứng im, bèn nói:

— Nào, nào! Nhanh lên chứ. Đưa chúng ta xem những vết sây sát mà tên Giletti đáng thương gây ra cho mi đi nào, thằng sát nhân kia!

Fabrice nhảy một bước đến tên thư lại và tát nó một cái dữ dội đến nỗi hắn nhào khỏi ghế, ngã quay dưới chân quan tướng. Mấy viên sen đầm nắm tay Fabrice lại và anh đứng im. Cả quan tướng cùng với hai tên sen đầm đứng bên cạnh vội vã đỡ viên thư lại lên; mặt hắn chảy nhiều máu lắm. Hai tên khác đứng xa hơn vội chạy đi đóng cửa buồng giấy, vì ngại người tù tìm cách chạy trốn. Viên cai chỉ huy chúng nghĩ rằng tù nhân không thể có một cố gắng đào tẩu đáng lo ngại vì hắn đã ở trong thành, tuy vậy, tuân theo một phản ứng cảnh giới và để ngăn ngừa sự náo động, anh chạy lại gần cửa xe. Xé quan tướng đồ cách đẩy hai bước. Clélia ngồi nấp ở tận cùng trong xe, để khỏi phải chứng kiến cảnh buồn thảm diễn ra trong buồng giấy. Khi nàng nghe những tiếng ồn ào ấy, nàng thử nhìn xem:

— Cái gì thế? Nàng hỏi viên cai.

— Thừa tiểu thư, đó là anh chàng trai trẻ Fabrice Del Dongo, anh ta vừa tát lão Barbone xất lão ấy một cái tát trời giáng.

— Thế nào! Người bị đưa vào tù đó là ông Del Dongo à?

— Ấy! Đúng vậy, người ta bày lắm trò như vậy vì tù nhân là dòng dõi đại thế gia. Tôi cứ tưởng là tiểu thư biết rồi chứ.

Từ đấy, Clélia không rời khỏi cửa xe. Khi mấy tên sen đầm vây quanh bàn viết đứng giãn ra một ít, nàng nhìn thấy người tù. Nàng nghĩ thầm: “Lúc gặp anh ta trên hồ Côme, ta có ngờ đâu sẽ gặp lại anh ta trong cảnh ngộ buồn thảm như thế này?... Hồi đó anh ta đưa tay cho ta vịn để lên xe của bà mẹ... Hồi đó anh ta đã đi với bà công tước rồi! Họ bắt đầu yêu nhau từ độ ấy chẳng?”

Cần phải cho bạn đọc biết rằng trong đảng tự do mà thủ lĩnh là nữ hầu tước Raversi và tướng Conti, người ta vờ như không nghĩ vấn gì nữa về quan hệ yêu đương giữa Fabrice và nữ công tước. Ghét cay ghét đắng bá tước Mosca, họ cười cợt bất tận về sự gả mờ của ông.

“Anh ấy thế là bị tù - Clélia thầm nghĩ - bị tù trong tay những người thù địch! Vì, suy cho cùng, bá tước Mosca dù được coi là có đức độ thiên thần chẳng nữa, cũng sẽ lấy làm thích thú về việc bắt bớ này”.

Bỗng nhiên bọn lính cười rộ lên. Giọng cảm động, Clélia hỏi viên cai:

— Việc gì xảy ra vậy, anh Jacopo?

— Tướng quân nghiêm khắc hỏi anh tù vì sao anh đánh Barbone. Ông lớn Fabrice lạnh lùng đáp: Hắn gọi tôi là sát nhân, vậy hắn hãy đưa xem những danh hiệu và bằng cấp cho phép hắn gọi tôi bằng danh hiệu đó. Thế là người ta cười ầm lên.

Một cai ngục biết viết thay thế Barbone, Clélia thấy Barbone vừa đi ra, vừa lau máu trên cái mặt góm ghềnh của hắn. Hắn nguyên rửa như một tên ngoại đạo; hắn quát to: “Cái thằng Fabrice con t. này, nhất định hắn phải chết về tay ta. Ta phải cướp phần việc của tên đao phủ mới được...”. Hắn dừng lại ở khoảng cách giữa cửa sổ và xe của quan tướng để nhìn Fabrice và càng nguyên rửa già.

— Anh đi đi, viên cai bảo. Ai lại vắng tục trước mặt tiểu thư thế?

Barbone ngẩng đầu nhìn xe, mắt hắn gặp mắt Clélia khiến nàng kinh tởm buột miệng kêu một tiếng. Chưa bao giờ nàng nhìn gần một bộ mặt ác ghê ác gớm đến như thế. “Hắn sẽ giết

Fabrice! Nàng tự bảo: Ta phải báo với don Cesare” don Cesare là chú nàng, và là một linh mục đáng kính bậc nhất trong thành phố. Tướng Conti, anh ông, đã giúp cho ông được giữ chức quản lý tài chính và đệ nhất tuyên úy trong nhà ngục.

Quan tướng lên xe, nói với con gái:

— Con muốn trở vào nhà hay đợi cha ở sân điện, có lẽ phải đợi lâu đấy? Cha cần tâu bày việc này với nhà vua.

Fabrice ở buồng giấy đi ra, có ba sen đầm đi kèm. Anh được dẫn đến buồng dành cho anh. Clélia nhìn qua cửa xe thấy Fabrice đã ở gần lắm. Lúc ấy nàng đang đáp bố: Con đi theo cha. Nghe những tiếng ấy sát bên tai, Fabrice ngược mắt lên, gặp đôi mắt cô gái. Anh sững sốt về vẻ buồn man mác trên mặt nàng. Anh nghĩ: “Nàng đẹp ra bao nhiêu từ ngày gặp nhau gần hồ Côme! Nàng có cái vẻ nghĩ ngợi sâu sắc làm sao!... Người ta so sánh nàng với nữ công tước là phải. Quả là một gương mặt thiên thần!”.

Tên thư lại đầm máu đứng bên cạnh xe không phải vô cớ; hắn đưa tay ra hiệu cho ba tên sen đầm dẫn Fabrice ngừng lại, và đi vòng sau xe để đến cái cửa gần quan tướng, hắn nói:

— Vì tên tù đã hành hung trong ngục thành, xin quan lớn xem có nên chiếu theo điều 157 qui chế mà khóa tay hắn lại trong ba hôm hay không?

— Anh cắt ngay! Quan tướng thét.

Việc bắt bớ này cũng làm cho tướng Conti lúng túng. Vấn đề đối với ông là không nên càn tau ráo máng với nữ công tước cũng như với bá tước Mosca. Vả lại, còn phải xem thái độ của bá tước đối với việc này như thế nào đã chứ! Suy cho cùng thì việc giết hại một tên Giletti có nghĩa lý gì, chỉ có sự mưu toan xúc xiểm ở triều đình mới làm cho nó nên chuyện

Trong khi thầy trò họ nói chuyện vắn tắt với nhau như vậy Fabrice ngang nhiên tự tại giữa bọn sen đầm; anh có dáng kiêu hãnh và cao quý bậc nhất. Những nét thanh tú trên mặt và nụ cười khinh thị phảng phất giữa mỗi tương phản một cách lý thú với dáng dấp thô bạo của những tên sen đầm vây quanh anh. Tuy vậy đó chỉ là dáng bên ngoài. Bên trong anh đang ngậy ngất trước vẻ đẹp thần tiên của Clélia và đôi mắt anh không giấu nổi sự ngạc nhiên khâm phục. Clélia thì chăm chú nghĩ ngợi nên quên ngồi lui khỏi cửa xe. Fabrice chào cô với nụ cười nửa miệng kính cẩn nhất. Giây lát sau, anh nói:

— Thừa tiểu thư, hình như ngày xưa, bên cạnh một cái hồ, tôi đã được hân hạnh gặp cô, có sen đầm hộ tống. Clélia đỏ mặt, quá sững sốt, cô không tìm ra câu trả lời. Khi Fabrice nói thì cô đang nghĩ thầm: “Dáng người sao mà cao quý đến thế, giữa bọn tục tĩu này!”. Sự thương xót sâu sắc, chúng tôi có thể nói hơn thế, sự triu mến đang chiếm lĩnh tâm hồn, không để cho cô đủ tự chủ tìm ra một lời đáp nào đó; nhận thấy mình im lặng, cô lại càng xấu hổ hơn nữa. Lúc ấy người ta kéo mạnh chốt cái cổng lớn ngục thành, không phải xe của quan lớn trấn thủ đã phải chờ ít nhất là một phút sao? Tiếng rít vang dữ dội dưới vòm cuốn đến nỗi dù Clélia có đáp, Fabrice cũng không nghe được.

Qua khỏi cầu treo, ngựa phóng nhanh đưa Clélia đi khuất ngay, trong khi nàng nghĩ: “Chắc chàng sẽ cho ta là buồn cười!”. Bỗng nhiên nàng lại nghĩ tiếp: “Không những buồn cười, chàng sẽ còn tưởng ta là một người bần tiện, không đáp lời chào hỏi của chàng vì chàng là tù nhân, ta là con gái quan trấn thủ”.

Cô thiếu nữ ấy có tâm hồn cao quý cho nên ý nghĩ kia giày vò cô dữ dội.

“Điều khiến cho cách đối xử của ta càng bỉ ổi - cô nghĩ thêm - là ngày trước, khi chàng gặp ta lần đầu, cũng có sen đầm hộ tống như chàng nói, thì ta là tù nhân còn chàng thì giúp đỡ ta và đưa ta ra khỏi một cảnh ngộ hết sức rắc rối... Ừ, đúng là cách xử sự của ta tồi tệ hết chỗ nói,

phải công nhận như thế, vừa thô bạo vô lễ, vừa vô ơn. Chao ôi! Chàng trai tội nghiệp! Chàng đã lâm nạn thì ai mà không phụ bạc chàng? Lúc bấy giờ chàng có nói với ta: “Về Parme, cô còn nhớ tên tôi nữa không?”. Bấy giờ thì chàng khinh ta biết bao nhiêu! Một tiếng chào đáp lễ phép mới dễ nói làm sao, thế mà ta không nói! Phải thú nhận là cách xử sự của ta đối với chàng quả là gớm ghiếc! Ngày ấy, nếu mẹ chàng không có lòng hảo hiệp bảo ta lên xe cùng đi, tất nhiên ta phải đi bộ trong đất bụi theo sau lũ lính và có lẽ còn tệ hơn nữa, ngồi trên mông ngựa, sau lưng một tên nào đó trong bọn chúng. Ngày ấy chính cha ta bị bắt và ta bơ vơ! Phải cách xử sự của ta thật quá tệ. Một con người thanh cao như chàng thì cảm thấy thấm thía biết bao nhiêu! Thật là trái ngược nhau giữa diện mạo cao quý của chàng và thủ đoạn của ta! Quả là cao quý! Quả là thanh thản! Giữa những kẻ thù bỉ ổi, chàng có phong thái một anh hùng! Bấy giờ ta mới hiểu vì sao bà công tước say mê. “Chàng đã như thế giữa một biến cố phiến lòng có thể có hậu quả kinh khủng, thì khi tâm hồn thư thái, con người chẳng phải cao quý đến nhường nào kia!”.

Cỗ xe quan trấn thủ đổ một tiếng rưỡi đồng hồ trước cửa cung, nhưng khi quan từ lâu quận vương trở xuống, Clélia vẫn không thấy bố đã ở quá lâu trên đó. Nàng hỏi:

— Ý Điện hạ muốn thế nào, thưa cha?

— Miệng ngài nói: Tù! mà mắt ngài bảo: Giết!

— Giết! Trời ôi! Clélia kêu lên.

— Cầm mõm đi thử nào! Quan tướng bực tức nói. Ta trả lời cho trẻ con mới dại dột chứ!

Trong lúc đó, Fabrice leo ba trăm cấp thang đưa đến tháp Farnèse, tức là nhà ngục mới xây dựng trên sân thượng tháp lớn, ở một độ cao kỳ dị. Không một lúc nào anh suy nghĩ kỹ đến sự thay đổi lớn lao vừa xảy đến trong số phận anh. “Con mắt lạ lùng làm sao! Anh tự nhủ. Nó nói biết bao nhiêu điều! Một tấm lòng trắc ẩn biết bao sâu sắc! Hình như nó muốn nói: “Đời là bể khổ như thế đấy! Anh đừng buồn quá sức về điều xảy đến cho anh! Chúng ta chẳng phải là sinh xuống cõi đời để mà chịu khổ hay sao?”. Đôi mắt đẹp biết bao của nàng sao mà cứ dăm dăm nhìn ta, cả đến khi ngựa kéo xe đi ầm ầm qua vòm cuốn cổng thành cũng không đành dứt ra như vậy! .

Thế là Fabrice hoàn toàn quên khổ.

Clélia theo bố vào nhiều phòng khách. Vào đầu hôm, chưa ai biết tin đã bắt được tên đại tội phạm - đó là cái tiếng mà hai giờ sau, bọn triều thần dùng để gọi chàng trai nông nổi đó.

Tối hôm đó, người ta thấy vẻ mặt Clélia linh hoạt hơn thường lệ. Sự linh hoạt, tức là vẻ mặt của người có tham gia vào cảnh sinh hoạt chung quanh mình, là cái thiếu nhất ở người đẹp đó. Khi người ta so sánh vẻ đẹp của nàng với vẻ đẹp của nữ công tước, chính cái dáng người tự nhiên, không xúc động trước bất cứ cái gì, cái phong thái ở trên tất cả mọi việc ở đời đó là làm nghiêng cán cân về phía đối phương. Ở Anh, ở Pháp là những xứ phù phiếm rơm đời, ý kiến người ta có lẽ trái hẳn thế. Clélia Conti là một thiếu nữ còn hơi quá mảnh khảnh, có thể so sánh với những chân dung đẹp của họa sĩ Guide[86]. Chúng tôi thú thật là theo những tiêu chuẩn người đẹp của Hy Lạp, người ta có thể trách mặt nàng có những nét hơi quá đậm; chẳng qua đôi môi rất có duyên và hấp dẫn lại có phần hơi mỏng quá.

Những duyên dáng thơ ngây và dấu ấn thần tiên của một tâm hồn cao thượng nổi bật trên gương mặt ấy; điều lạ lùng là có một nhan sắc độc đáo và hiếm có, nàng chẳng giống chút nào với mặt những pho tượng Hy Lạp. Trái lại nữ công tước thì hơi quá giống cái nhan sắc mầu mực quen thuộc; và cái đầu người Lombards chính tông của bà gợi nhớ nụ cười khoái lạc và vẻ buồn âu yếm ở các chân dung mỹ nhân của Léonard de Vinci. Công tước phu nhân càng linh hoạt, càng láu lỉnh, càng lấp lánh trí tuệ bao nhiêu, càng bám say sưa - nếu có thể nói như thế - vào những vấn đề mà dòng đàm thoại đưa đến trước mặt bà, thì tiểu thư Clélia càng im lìm, hờ hững, ngơ ngác, càng chậm xúc động bấy nhiêu, vì coi thường mọi vật chung quanh mình hoặc

vì luyến tiếc một ảo tưởng xa vắng. Trong một thời gian khá lâu, người ta tưởng thế nào rồi nàng cùng vào nhà tù. Người ta thấy đến hai mươi tuổi, nàng vẫn còn sợ đến các vũ hội; nàng có theo cha đến đấy cũng chỉ vì vâng lời cha, vì không muốn trở ngại bước đường công danh của cha mà thôi.

Tướng Conti tầm thường lắm lúc tự nhủ: “Trời đã ban cho ta một đứa con gái đẹp tuyệt trần trên đất nước vua ta, và là người đức hạnh nhất, thế mà ta lại không lợi dụng được để thăng quan tiến chức! Đơn độc quá, ở trên đời ta chỉ có nó mà thôi, thế mà ta cần có một gia đình để làm chỗ tựa trong xã hội, một gia đình làm cho một số phòng khách phải mở cửa cho ta; ở các phòng khách đó, tài năng, nhất là khả năng làm bộ trưởng của ta sẽ được coi như những căn cứ không có chính kiến nào đánh đổ được. Ấy thế mà đứa con gái ta đẹp là thế, ngoan ngoãn là thế, ngoan đạo là thế, lại tỏ ra bực bội mỗi khi có một thanh niên có địa vị trong triều đình sẵn đón để được lọt vào mắt xanh của nó. Anh rể hờ đó mà lãng ra rồi thì tính tình nó lại bót u ám, và ta thấy nó hầu như vui vẻ, cho đến khi có một anh chàng khác găm ghề. Con người đẹp trai nhất triều đình là bá tước Baldi cũng đã đến và cũng không hợp ý nó; kể đó người giàu có nhất trên đất nước quận vương hầu tước Crescenzi nổi gót, nhưng con ta nói hấn sẽ làm cho đời mình khổ.

Có những khi khác, quan tướng nghĩ thầm: “Rõ ràng là mặt con gái ta đẹp hơn mặt nữ công tước, đẹp hơn ở chỗ trong những phút hiếm hoi nào đó, nó diễn cảm sâu sắc hơn. Nhưng mà khiêu diễn cảm tuyệt vời đó bộc lộ những lúc nào? Không khi nào ở một phòng khách để đem lại sự hâm mộ cho nó, mà chỉ vào những lúc đi dạo chơi, một mình nó với ta, khi nó xúc động, chẳng hạn trước cảnh khổ đau của một người nhà quê ghê tởm. Đôi khi ta nói với nó: “Con hãy để dành một ít cái ánh mắt tuyệt diệu ấy cho những phòng khách tối nay chúng ta đến. Chẳng được! Nó mà theo ta ra giữa xã hội sang trọng thì gương mặt thanh cao và trong sạch của nó nhuốm ngay cái vẻ xa xôi cách biệt đáng nản lòng của sự phục tùng thụ động”. Quan tướng không từ một sự vận động nào để kén cho được một chàng rể xứng đáng; tuy nhiên ông biết sự thật là như vậy.

Bọn triều thần không có cái gì ở bên trong tâm hồn để nhìn vào, cho nên quan tâm đến tất cả mọi việc chung quanh mình; họ để ý thấy những hôm mà Clélia không thể tự ép mình rời bỏ những mơ mộng tha thiết, để vờ chú ý đến một việc gì, là những hôm nữ công tước thích dừng lại gần nàng và gọi chuyện cho nàng nói nhất. Tóc Clélia màu vàng tro ôm rất hài hòa êm ả đôi má trắng mượt mà, nhưng thường không đủ hồng sắc. Chỉ riêng trán nàng cũng đủ mách cho người quan sát tinh tế biết là cái vẻ thanh cao, cái dáng đi đứng vượt hẳn lên trên những duyên dáng thông tục đó xuất phát từ sự thờ ơ sâu sắc đối với cuộc sống tầm thường. Nàng không quan tâm chứ không phải không có khả năng quan tâm đến một vấn đề gì. Từ khi bố nàng làm trấn thủ ngục thành, Clélia thấy sung sướng, ít ra là khỏi buồn phiền ở trên cái buồng rất cao của mình, số cấp thang kinh khủng phải leo trèo để đến cho được lầu quan trấn thủ ở trên chóp tháp lớn miễn cho nàng những cuộc thăm viếng chán phè; bởi lý do cụ thể đó, Clélia được hưởng cảnh tự do của tu viện. Đó hầu như là tất cả lý tưởng hạnh phúc mà đã có một thời, nàng toan tìm kiếm ở cuộc sống nhà tu. Chỉ nghĩ đến việc có một thanh niên xông vào cảnh yên tĩnh vắng vẻ yêu quý của nàng, tìm biết những ý nghĩ riêng tư của nàng, một thanh niên mà danh nghĩa là chồng cho phép quấy rầy cuộc sống nội tâm đó, chỉ nghĩ đến đó thôi, nàng đủ thấy kinh tởm. Nếu trong cảnh vắng vẻ, nàng không đạt hạnh phúc, thì ít nhất nàng cũng tránh được những cảm giác quá đau lòng.

Tối hôm Fabrice bị đưa đến ngục thành, công tước phu nhân gặp Clélia ở buổi tiếp tân của bá tước Zurla, bộ trưởng nội vụ. Người ta vây quanh hai phụ nữ đó. Tối hôm ấy dung nhan Clélia có phần trội hơn nữ công tước. Ánh mắt cô thiếu nữ sâu sắc và lạ lùng đến nỗi gần như bộc lộ tâm sự; có xót thương, cũng có cả phần uất và căm giận trong cái nhìn của nàng. Sự vui vẻ và những ý kiến lỗi lạc của nữ công tước hình như đưa nàng vào những cơn đau xót có khi kinh khủng. “Người phụ nữ đáng thương này sẽ kêu gào, rên rỉ đến thế nào - nàng tự nhủ - khi biết người yêu của mình, chàng trai hào hiệp và thanh cao đó, đã bị bắt vào tù! Lại còn đôi mắt của quận vương chỉ muốn khép chàng vào tội chết nữa chứ! Chao ôi là chuyên chế! Bao giờ

mày mới cởi cái ách của mày trên nước Ý ta? Ôi những con người tham lam đê tiện! Còn ta thì là con một chúa ngục! Cái tính cách cao quý đó, ta đã thừa nhận bằng việc không thêm trả lời Fabrice! Thế mà ngày trước, chàng là ân nhân của ta! Chàng nghĩ gì về ta trong giờ phút này, một mình trong buồng giam, đối diện ngọn đèn con leo lét”. Phần uất về ý nghĩ ấy, Clélia đưa mắt kính tỏm nhìn cảnh hoa đăng lộng lẫy ở phòng khách quan thượng thư nội vụ.

Nhóm triều thần vây quanh hai mỹ nhân được quý chuộng và cố chen vào cuộc đàm thoại của họ. Họ kháo vớ nhau là chúng chưa bao giờ thấy hai nhân vật này nói chuyện sôi nổi đồng thời thân mật đến thế! Luôn luôn đẩy tránh đi những mối hằn thù nảy nở chung quanh ông thủ tướng có lẽ nữ công tước đang nghĩ đến một cuộc hôn nhân danh giá nào vì Clélia chẳng? Cái ước thuyết ấy được củng cố bởi một cảnh tượng chưa bao giờ diễn ra dưới con mắt soi mói của họ, là mắt cô thiếu nữ rực lửa hơn, có thể nói là say sưa hơn mắt bà phu nhân xinh đẹp. Về phần bà, bà lấy làm ngạc nhiên và thích thú - phải nói rằng điều này làm vinh dự cho bà - thích thú về những duyên dáng mới lạ tìm thấy nơi cô thiếu nữ cô độc. Bà đã nhìn nàng suốt một tiếng đồng hồ với một khoái cảm hiếm thấy ở một phụ nữ, khi họ đứng trước một kẻ mà sắc đẹp tranh hơn kém với mình. “Nhưng cái gì đã xảy đến vậy chứ? Công tước phu nhân tự nhủ. Chưa bao giờ Clélia đẹp đến thế, cảm người đến thế! Lòng nàng đã lên tiếng rồi chẳng?... Nếu quả vậy thì chỉ có thể là bi tình thôi, vì có một cái gì đau thương u ẩn ở dưới sự hoạt bát mới mẻ đó... Thế nhưng tình yêu đau khổ phải là tình yêu câm lặng chứ?

Hay là người ta muốn lôi một kẻ phụ bạc trở về bằng cách gây nên một sự hâm mộ đối với mình ở phòng khách thượng lưu?”. Phu nhân quan sát kỹ những thanh niên quanh đó; không thấy ai có nét mặt gì khác biệt, ai cũng chỉ toàn một dáng khoe khoang tự mãn. “Thế thì có điều gì màu nhiệm ở đây chẳng? Phu nhân không đoán được, ăm ức tự hào. Bá tước Mosca, con người tinh tế ấy ở đâu rồi nhỉ? Không, ta không lầm đâu. Clélia nhìn ta chăm chú như thế ta là đối tượng mối quan tâm mới mẻ của cô. Phải chăng cô đã làm theo một cái lệnh nào đó của cha cô, cái tên nịnh thần bần tiện ấy? Ta cứ tưởng con người cao thượng trẻ trung này không thể hạ mình dẫy vào những lợi lộc lý tài. Tướng Conti có một điều gì căn bản định thỉnh cầu bá tước chẳng?”

Vào quãng mười giờ khuya, một người bạn đến bên nữ công tước nói thầm vài tiếng. Phu nhân tái mặt, Clélia nắm tay bà và đánh bạo siết chặt. “Cảm ơn tiểu thư, bây giờ tôi mới hiểu tiểu thư... tiểu thư có một tâm hồn đẹp đẽ!” Nữ công tước gắng gượng nói và chỉ gắng nói được bấy nhiêu cũng đủ hết hơi. Bà mỉm cười nhiều lần với bà chủ nhà, bà này đứng lên theo tiễn nữ công tước đến tận phòng khách cuối cùng, vinh dự ấy chỉ dành cho những công chúa, công nương thuộc hoàng tộc, nữ công tước thấy nó mỉa mai một cách đau đớn cái vị trí hiện tại của mình. Bởi vậy bà mỉm cười mãi với nữ bá tước Zurla mà không nói được câu nào mặc dù đã cố gắng một cách phi thường.

Mắt Clélia đắm lệ khi thấy nữ công tước đi qua các phòng khách đầy những nhân vật rõ ràng nhất trong xã hội Parme. Nàng nghĩ thầm: “Người phụ nữ đáng thương này sẽ ra thế nào khi ngồi một mình trong xe nhĩ? Ta mà đề nghị được đưa bà về nhà thì hay nhưng bất lịch sự, ta không dám... Tuy nhiên, cái anh tù tội nghiệp ngồi trong một căn buồng góm ghiếc nào đó, đối diện với chiếc đèn con, sẽ được an ủi biết bao nhiêu nếu biết người ta yêu mình đến mức ấy. Họ đẩy anh ta vào một cảnh cô đơn kinh khủng! Còn chúng ta, chúng ta ở đây, trong những phòng khách choáng lộn, mới kính tỏm làm sao! Có cách gì gửi cho chàng ít chữ không nhỉ? Lạy Chúa! Làm như thế là phản bội cha ta; vị trí của người rất mong manh giữa hai phe đảng! Người sẽ ra sao nếu bị công tước phu nhân căm ghét dữ dội? Vì phu nhân điều khiển ý chí của thủ tướng, mà thủ tướng thì quyết định hết ba phần tư công việc triều đình! Mặt khác hoàng thân luôn theo dõi tình hình trong ngục thành, và không muốn đùa tí nào về khoản này; lo sợ làm cho người ta sinh độc ác... Dấu sao, Fabrice (Clélia không gọi là ông Del Dongo nữa) vẫn đáng thương hơn nhiều!... Với chàng, không phải chỉ là cái họa mất một chức vụ bổng lộc cao!... Còn công tước phu nhân nữa!... Tình yêu là một đam mê dữ dội quá!... Ấy thế mà tất cả bọn nói láo trên đời đều diễn tả như là một nguồn hạnh phúc! Người ta than thở họ cho những người đàn bà có tuổi, bởi vì họ không gây ra, cũng không cảm thấy tình yêu... Ta sẽ không bao giờ

quên những điều ta vừa trông thấy. Sự thay đổi mới đột ngột chứ! Đôi mắt nữ công tước đẹp là thế, rạng rỡ là thế, bỗng nhiên trở nên lơ đãm, sau cái câu tai hại mà hầu tước N... đến nói với bà!... Fabrice chắc phải xứng đáng được yêu lắm nên người ta mới yêu đến thế!”. Mãi chuyên chú vào những suy nghĩ nghiêm túc như vậy, Clélia càng thấy khó chịu hơn về những lời tán tụng đang vây lấy cô. Để lẩn tránh, cô đi lại bên một cửa sổ mở rộng, có tấm màn the che khuất, hy vọng sẽ không ai có gan theo cô vào nơi ẩn cư kia. Cửa sổ đó trông ra một rừng cam nhỏ trồng ngay giữa trời, thực ra thì hàng năm về mùa đông, người ta phải làm mái che cho nó. Clélia say sưa hít thở mùi hoa cam và cảm thấy tâm hồn có phần bình tĩnh lại chút ít... “Ta thấy đáng chàng cao quý thật! Cô lại nghĩ - nhưng dù sao, gây một tình yêu say đắm cho một phụ nữ lồi lạc như thế thì quả là ghê! Nữ công tước đã vinh dự từ chối sự yêu chiều của quận vương; nếu bà nhún mình đồng ý, thì bà đã là hoàng hậu trên đất nước này... Cha ta có nói rằng quận vương say mê phu nhân đến nỗi sẵn lòng cưới bà nếu vạn nhất ngài trở thành độc thân... Mà tình yêu của bà đối với Fabrice đã tồn tại lâu lắm rồi, bởi vì chúng ta gặp họ ở gần hồ Côme dễ có đến năm năm nay... Phải, đã năm năm, cô lại tự nhủ sau một lát suy nghĩ. Hồi đó ta cũng đã vô tình mà nhìn thấy, mặc dù với đôi mắt non dại, ta không nhận thấy bao nhiêu chuyện khác. Hồi đó hai bà phụ nữ kia có vẻ hâm mộ Fabrice lắm!...”

Clélia vui mừng nhận thấy những thanh niên giầy lát trước hăm hở bắt chuyện với cô, bây giờ không ai dám môn men đến gần cửa sổ. Một trong những chàng trai đó, hầu tước Crescenzi, đã tiến lên vài bước nhưng rồi đứng lại ở một bàn bài. Cô lại nghĩ tiếp: “Giá qua cửa sổ của ta ở ngục thành, nơi duy nhất có bóng râm, ít ra ta nhìn xuống được thấy những cây cam xinh xắn thế này, ta cũng đỡ buồn nản đi; nhưng mà trông ngược trông xuôi chỉ thấy những tảng đá xây to tướng của tháp Farnèse... Chao ôi! Nàng rừng mình kêu - chắc là họ giam chàng ở đây! Làm sao ta gặp được chú don Cesare nhanh nhanh lên! Chú ta sẽ ít nghiêm khắc hơn cha ta. Khi cha ta trở về ngục thành, chắc người sẽ không nói gì hết, nhưng ta sẽ biết tất qua chú don Cesare... Ta có tiền, ta có thể mua mấy cây cam đem đặt dưới cửa sổ chuồng chim, để cho bức tường lớn tháp Farnèse khuất mắt. Bức tường đó càng đáng ghét hơn bao nhiêu khi trong số những người nó giam hãm trong bóng tối, có một người mà ta quen biết!... Phải rồi, lần này là lần thứ ba ta gặp Fabrice: Một lần ở cung điện, trong vũ hội nhân lễ sinh nhật vương phi; ngày hôm nay, giữa ba sen đầm, trong khi tên Barbone đáng tởm xin khóa tay chàng, và một lần cạnh hồ Côme... Có đến năm năm rồi đấy! Hồi đó chàng rõ ra đáng một ông mãnh bất tri! Chàng nhìn bọn sen đầm một cách thế nào ấy và mẹ chàng, cô chàng cũng nhìn chàng một cách lạ lùng! Chắc chắn là ngày ấy có một bí mật gì, một cái gì riêng đó giữa ba người; hồi đó, ta tưởng chàng cũng sợ sen đầm... - Clélia rùng mình - nhưng mà hồi đó ta ngu lắm! Chắc chắn là hồi đó nữ công tước cũng đã quý chàng... Khi các bà ấy, dù rõ ràng là đang lo âu, đã bắt đầu thấy quen với sự hiện diện của một người lạ, chàng đã làm cho các bà ấy và ta cười ghê!... Thế mà lúc ban chiều ta lại muối mặt không đáp lại lời chàng!... Ôi, ngu dốt và rụt rè! Sao lắm lúc các người giống hắc ám đến vậy? Đã ngoài hai mươi tuổi mà ta thế đấy!... Ta nghĩ đến nhà tu kín là phải, rõ ràng ta sinh ra để đi ẩn tu trong am, viện. Đúng là con gái một viên chúa ngục! Chàng sẽ nghĩ thầm như vậy. Chàng sẽ khinh bỉ ta và hẳn viết thư được cho nữ công tước, chàng sẽ nói về sự khiếm nhã của ta, và phu nhân sẽ cho ta là một con bé rất giả dối, bởi vì dù sao, tối hôm nay, bà cũng đã từng tin là ta rất thương cảm trước tai họa của bà”.

Clélia nhận thấy có một người đến gần, rõ ràng với ý định tới đứng bên cạnh cô ở cái bao lơn sắt của cửa sổ. Cô lấy làm bức, tuy tự trách mình về sự bức bối đó; những mơ mộng người ta muốn quấy phá không phải là không êm ái! “Kia là một tên quấy rầy mà ta sẽ thù tiếp xứng đáng!” Cô nghĩ thầm. Cô quay lại nhìn một cách kiêu kỳ và nhận thấy gương mặt dè dặt của đức tổng giám mục, ngài đang nhích dần lại gần bao lơn bằng những cử động nhỏ khó nhìn thấy. “Vị thánh nhân này không lịch sự. Clélia nghĩ thầm. Tại sao đến quấy một đứa con gái tội nghiệp? Ta còn có gì đâu ngoài sự yên tĩnh?” Cô chào vị tổng giám mục một cách kính cẩn nhưng cũng có vẻ thị thường. Đức cha hỏi:

— Tiểu thư có nghe cái ghê tởm đó không?

Mắt thiếu nữ bắt đầu thay đổi; nhưng theo lời dạy hàng trăm lần lặp lại của cha, cô trả lời

với dáng của một người mù tịt trong khi mắt cô cải chính hùng hồn.

— Con chẳng nghe gì, thưa Đức Cha.

— Vị đệ nhất tổng trợ tá của tôi, cha Fabrice Del Dongo đáng thương đã bị bắt cóc ở Bologne dưới cái tên mượn là Joseph Bossi; cha can phạm về cái chết của tên Giletti ăn cướp, nghĩa là cũng như tôi thôi, không hơn không kém. Người ta nhốt cha vào ngục thành của cô; cha bị xích vào cái xe đã chở cha đi. Một thằng cũng loại cai ngục tên là Barbone, ngày xưa đã giết em rồi được ân xá, muốn tự tiện hành hạ Fabrice; nhưng anh bạn trẻ của tôi không phải là người cam chịu nhục. Anh quật tên kẻ thù bĩ ổi đổ xuống đất, vì vậy người ta đã nhốt anh trong một khám kín ở cách dưới mặt đất sáu thước, sau khi khóa tay anh.

— Khóa tay thì không!...

— Ô! Cô cũng có biết ít nhiều đấy mà! Ông tổng giám mục kêu. Và vẻ chán nản sâu sắc cũng biến mất trên mặt ông già đó, - Nhưng mà trước hết phải lo người ta đi đến bao lơn này và làm gián đoạn câu chuyện của chúng ta. Tiểu thư có đủ từ tâm để tự tay mình trao chiếc nhẫn linh mục này cho don Cesare không nhỉ?

Cô thiếu nữ cầm chiếc nhẫn nhưng không biết cất đâu cho chắc chắn khỏi mất.

— Đeo vào ngón tay cái, vị tổng giám mục bảo, rồi tự tay đeo nhẫn cho cô. Tôi có thể tin chắc là cô sẽ trao nhẫn chứ?

— Thưa đức cha, vâng.

— Cô có vui lòng cam kết với tôi là cô sẽ giữ kín những điều tôi sắp nói thêm ra đây, kể cả trường hợp cô tự thấy không nên làm theo yêu cầu của tôi, hay không?

— Được chứ, thưa đức cha, cô thiếu nữ run rẩy đáp, khi thấy sắc mặt ông giám mục đột ngột đổi ra u ám và nghiêm trọng... Cô nói tiếp: Đức tổng giám mục tôn kính của chúng con chỉ có thể truyền cho con những lệnh xứng đáng với ngài và hợp với con.

— Cô thưa với don Cesare là cha ký thác nghĩa tử của cha cho ông ấy đấy! Cha biết những tên cảnh sát bắt cóc Fabrice đã không để cho anh ấy có thì giờ lấy cuốn kinh nhật tụng mang theo, cha nhờ don Cesare trao cho anh ta cuốn kinh của ông ấy; nếu ngày mai ông chú cô cho người đến tòa tổng giám mục thì tôi sẽ thế cho ông cuốn khác. Tôi cũng yêu cầu don Cesare đưa cho cha Del Dongo chiếc nhẫn đeo trên bàn tay xinh xắn kia.

Ông tổng giám mục không nói tiếp được vì tướng Conti đến để đưa con gái ra xe. Một cuộc đối thoại ngắn diễn ra, qua đó vị cố đạo tỏ ra khá khôn khéo. Không hề dả động đến người tù mới bằng cách này hay cách khác, ông lái câu chuyện để nó đưa một cách thích đáng đến mấy chục ngôn chính trị và đạo đức mà ông nhắc lại, chẳng hạn: “Ở chỗ triều đình, lắm khi có những phút khủng hoảng có tác dụng quyết định về lâu dài số phận của những nhân vật có địa vị cao nhất; người ta sẽ thiếu thận trọng nếu biến thành thù hằn riêng tư, sự cách biệt chính trị lắm khi chỉ là hậu quả tự nhiên của những vị trí đối lập”. Buồn phiền về sự bất bớ bất ngờ kia, vào cuối câu chuyện ông tổng giám mục quên giữ gìn ý tứ, nói bừa rằng bảo vệ địa vị của mình là phải, nhưng tham gia vào những hành động nào đó mà người ta sẽ nhớ lâu dài là liều lĩnh một cách vô ích và tự chuốc những hằn thù cuồng nhiệt.

Khi đã vào trong xe với con gái, quan tướng nói:

— Cái đó có thể coi là những lời đe dọa... Hừ! Đe dọa một người loại như ta!

Cha con họ không nói gì với nhau thêm nữa trên quãng đường hai mươi phút.

Khi nhận chiếc nhẫn giám mục từ tay đức Cha, Clélia tự hứa là khi ngồi xe vòng về, cô sẽ

thừa lại với bố về cái việc nhỏ mà đức tổng giám mục nhờ cậy. Nhưng sau tiếng đe dọa mà cha cô thốt ra một cách giận dữ, cô tin chắc là cha cô sẽ ngăn chặn việc đó nếu biết. Cô lấy bàn tay trái che chiếc nhẫn lại và siết nó một cách say đắm. Trong thời gian đi từ bộ nội vụ về ngục thành, cô luôn luôn tự hỏi không thuật lại việc ấy với cha có phải là một tội lớn hay không. Cô vốn rất ngoan đạo, rất e dè, tim ngày thường bình thản là thế, hôm nay đập dồn dập lạ lùng. Nhưng rồi tiếng hét: Ai? Dừng lại! của người lính canh từ vọng gác xây ở trên cổng thành đã vang lên lúc xe đến gần, trước khi cô tìm ra những lời thích đáng để thuyết phục cha cô, vì cô quá lo bị từ chối. Leo ba trăm sáu mươi cấp thang để lên dinh trấn thủ, Clélia cũng vẫn không nghĩ ra được cách nói thích hợp.

Cô vội vàng nói với chú cô, chú cô mắng cô và từ chối không tiếp tay giúp việc gì cả.

CHƯƠNG XVI

Thoạt trông thấy người em don Cesare, quan tướng kêu:

— Ái chà! Để rồi xem mặt công tước bỏ ra mười vạn écu để được coi thường ta và giải thoát tên tù ra sao!

Tuy nhiên, lúc này chúng ta buộc phải để yên cho Fabrice ở trong ngục, ở tận chóp ngục thành Parme. Người ta canh giữ anh chu đáo lắm và khi chúng ta trở lại với anh, có lẽ anh đã ít nhiều thay đổi. Chúng ta hãy nói đến triều đình trước hết, nơi đó những mưu toan phức tạp, nhất là những tình cảm nồng nhiệt của một phụ nữ khốn khổ quyết định vận mệnh anh. Khi leo lên ba trăm chín mươi cấp thang từ ngục tối đen tháp Farnèse dưới con mắt vị trấn thủ, Fabrice trước vốn ghê sợ giờ phút ấy, nay thấy mình không có thì giờ nghĩ đến tai ương.

Trở về nhà sau tối tiếp tân của bá tước Zurla, công tước phu nhân ra hiệu cho các nữ tỳ lui ra. Rồi cứ y nguyên áo sống, bà nằm vật xuống giường, kêu lớn: Fabrice đã ở trong tay bọn thù địch của nó và có lẽ chúng sẽ đầu độc nó chỉ vì ta! Làm sao diễn tả được cơn tuyệt vọng xảy ra, sau câu tổng kết tình hình đó, ở một phụ nữ thiếu mực thước, luôn lệ thuộc cảm giác hiện tại và say như điệu đồ chàng trai bị tù, tuy không tự thú? Đó là những tiếng kêu rít không thành lời, những cơn cuồng nộ, những cử chỉ rối loạn mà không có giọt nước mắt nào. Bà đuổi bọn nữ tỳ đi để che giấu những cái đó; bà tưởng sẽ khóc nức nở lên khi còn lại một mình, nhưng cái nguồn an ủi đầu tiên đối với những đau thương lớn là nước mắt lại hoàn toàn khô cạn. Sự giận dữ, sự phẫn uất và cảm giác thua miếng ông quận công ngự trị trong tâm hồn quá kiêu hãnh đó.

“Có nhục cho ta không chứ! Bà cứ luôn luôn kêu. Họ thóa mạ ta, hơn thế nhiều, họ đe dọa tính mệnh của Fabrice. Ta không báo thù sao được? Hãy coi chừng, ngài hoàng thân của tôi ạ! Ngài giết chết tôi, ừ được, ngài có quyền lực làm như vậy, nhưng mà sau đó tôi, tôi sẽ diệt ngài. Hỡi ôi! Fabrice tội nghiệp của ta, làm như thế cũng có ích gì cho Fabrice kia chứ? Thật là quá khác với cái ngày ta muốn rời bỏ Parme! Ấy thế mà ngày ấy ta cũng tưởng ta khốn khổ... thật là mù quáng! Ta đã phá vỡ những thói quen của một cuộc sống êm đẹp; than ôi! Hồi đó không hề ý thức được, ta đã chạm đến một biển cố sắp quyết định vĩnh viễn số phận ta. Nếu bá tước không vì những tập quán xu nịnh nhục nhã mà bỏ mấy chữ vụ án bất công trong cái giấy tai hại mà vì hợm mình hoàng thân chịu viết cho ta, thì chúng ta đã thoát nạn rồi. Phải công nhận là ta gặp may hơn là khôn khéo khi sử dụng được lòng tự ái cả quận vương về cái thành phố Parme thân yêu của hắn. Lúc bấy giờ ta dọa bỏ đi, lúc bấy giờ ta tự do... Lạy Chúa! Ngày nay ta còn quá một nô lệ! Ngày nay ta bị giữ rịt trong cái hố ô uế này, còn Fabrice thì bị xích ở ngục thành, cái ngục thành này đã là buồng chờ chết của bao nhiêu người lỗi lạc! Ấy thế mà ta không thể buộc con hổ ấy phải dè dặt vì ngại ta bỏ hang nó mà đi.

Hắn thừa tình khôn để hiểu rằng ta không thể đi xa cái tháp bí ối đang giam giữ trái tim ta. Ngày nay lòng tự ái bị va chạm của con người ấy có thể làm nẩy ra ở hắn những ý muốn lạ lùng nhất; rồi những ý muốn độc ác kỳ quặc ấy khi thực hiện xong lại càng làm tăng tính hợm mình vô chừng của hắn. Nếu hắn trở lại với những câu ve vãn nhạt nhẽo của hắn, nếu hắn nói: “Hãy chấp nhận lòng tôn quý của tôi không thì Fabrice phải chết” thì... ấy! Cái chuyện nghìn xưa của nàng Judith mà! Ừ, nhưng ta làm như vậy, thì ta chỉ đến tự sát là cùng, còn Fabrice thì lại bị hành hình kia! Bởi người kế vị u mê của hắn, vị đông cung thế tử hiện nay và tên đao phủ để hèn Rassi sẽ đem treo cổ Fabrice vì tội đồng lõa với ta.

Phu nhân kêu thét lên. Bước tiến thoái lưỡng nan này giày vò quả tim khốn khổ đó. Đầu óc rối mù của bà không tìm thấy một khả năng nào khác ở ngày mai cả. Trong mười phút, bà vật mình vật mảy như người loạn óc. Cuối cùng một cơn mê nặng nề đã đến thay thế tình trạng kinh khủng ấy trong chốc lát; sinh lực trong người phụ nữ ấy đã khô cạn, mấy phút sau, bà giật mình tỉnh lại và thấy mình đang ngồi trên giường; bà tưởng thấy quận vương muốn chặt đầu

Fabrice trước mặt bà. Bà đảo cặp mắt điên loạn nhìn quanh mình. Khi cuối cùng biết chắc chắn là không có hoàng thân cũng không có Fabrice trước mắt, bà ngã vật xuống giường, suýt ngất đi. Bà mất sức đến nỗi muốn trở mình cũng không nổi. “Trời ơi! Giá ta chết được! Bà tự bảo... Nhưng như thế là hèn nhát quá! Ta mà bỏ mặc Fabrice trong hoạn nạn à? Ta điên rồi... Nào, hãy trở về với thực tại! Hãy tỉnh táo soát xét cái vị trí đáng ghét mà ta như đã hào hứng lao vào. Sự đại đột này mới tai hại làm sao! Ai lại nhào đến sân châu của một ông hoàng chuyên chế! Một bạo chúa biết rõ tất cả nạn nhân của hắn! Mỗi khi họ nhìn hắn, hắn đều coi như là họ thách thức quyền uy của hắn. Than ôi! Đó là điều mà cả bá tước lẫn ta đều không nhìn thấy khi rời bỏ Milan; hồi đó ta nghĩ đến những thích thú ở một triều đình dễ mến, một triều đình cỡ dưới, đúng vậy, nhưng cũng thuộc loại triều đình hoàng thân Eugene trong những ngày êm đẹp xưa kia.

Từ xa, chúng ta không ý niệm được thế nào là uy quyền của một bạo chúa biết mặt hết thần dân. Hình thức chuyên chế trông bên ngoài không khác gì ở các chính phủ khác; chẳng hạn cũng có quan tòa nhưng mà đó là những tên Rassi! Thằng yêu quái! Hắn có thể treo cổ cha hắn như chơi nếu quận vương ra lệnh!... Hắn sẽ bảo như thế là làm phận sự... Cám dỗ Rassi ư! Khổ thân ta! Ta không có một phương tiện gì hết. Ta có thể hiến nó bao nhiêu nào? Một trăm nghìn francs có lẽ; trong khi đó người ta bảo là vừa mới đây hoàng thân đã ban cho hắn mười nghìn đồng vàng đựng trong một cái tráp, khi hắn thoát mũi dao găm mà trời không cho đâm trúng vì cảm giận cái xứ này. Vả lại số tiền nào mua chuộc được hắn? Cái tâm hồn bần nhơ chỉ quen nhìn thấy khinh bỉ trong ánh mắt người đời, ngày nay được hưởng cái thú nhìn thấy sự sợ sệt và cả kính nể đối với hắn nữa. Hắn có thể trở thành bộ trưởng công an, sao lại không chứ? Lúc bấy giờ thì ba phần tư số người trong nước sẽ là những nịnh thần đệ tiện của hắn, và run sợ trước mặt hắn cũng đệ tiện như hắn run sợ trước mặt vua.

Ta không lánh xa được cái nơi đáng ghét này thì ta phải làm gì có ích cho Fabrice; sống xa rời, cô độc, tuyệt vọng ư? Như thế thì có ích lợi gì cho nó? Nào, tiến lên hỏi người đàn bà khốn khổ! Làm bốn phận của mày đi. Hãy đi ra giữa xã hội thượng lưu, hãy vờ không nghĩ đến Fabrice nữa... Vờ quên người, hỏi thiên thần thân thương!”

Nói đến câu ấy, nữ công tước chảy nước mắt. Thế là cuối cùng bà đã khóc được. Sau một tiếng đồng hồ buông xuôi trong nhu nhược, bà thấy trí óc bắt đầu sáng ra, do đó cũng tự an ủi được chút ít. “Làm sao có được tấm thảm thần, bà tự nhủ, để mang Fabrice ra khỏi ngục thành, cùng đến trốn với nó ở một xứ sở hạnh phúc nào đó mà ta không bị săn bắt, như Paris chẳng hạn! Chúng ta sẽ sống ở đây trước hết với khoản một nghìn hai trăm francs mà người quản lý của bố nó vẫn gửi đều đặn cho ta - thật là buồn cười! Ta có thể nhặt nhanh một trăm nghìn francs nữa ở cái gia tài suy sụp của ta!”. Với những sáng khoái khó diễn tả, bà lần lượt tưởng tượng ra tất cả những chi tiết của một cuộc sống ở cách Parme ba trăm dặm. “Ở đây - bà thầm nghĩ - nó có thể đội tên khác mà nhập ngũ... Sung vào một trung đoàn của những người Pháp gan dạ ấy, không bao lâu chú thanh niên Valserra sẽ nổi tiếng tăm! Tóm lại nó sẽ sung sướng”.

Những hình ảnh xán lạn ấy làm chảy nước mắt một lần nữa, nhưng là nước mắt dễ chịu. Hạnh phúc còn có thể tìm được ở một nơi nào đây mà! Trạng thái này tồn tại khá lâu. Người phụ nữ đáng thương ấy phải quay lại nhìn vào thực tế kinh khủng. Cuối cùng, khi bình minh bắt đầu vạch một vạch trắng trên các ngọn cây trong vườn, bà cưỡng lại mình, vùng dậy. “Trong vài giờ nữa, bà tự nhủ, ta sẽ ra chiến trường, lúc đó phải hành động, nếu có điều gì trái khoáy xảy đến cho ta, hoặc là hoàng thân nảy ý nói với ta một cái gì về Fabrice, thì không chắc ta giữ được bình tĩnh và tự chủ. Cho nên phải quyết định tại đây và ngay bây giờ.

Nếu ta bị truy tố là quốc sự phạm thì Rassi sẽ cho tịch biên tất cả tòa lâu đài này. Ngày đầu tháng này, bá tước và ta đã đốt hết, theo lệ thường tất cả những giấy tờ gì mà bọn công an có thể lợi dụng; thế mà bá tước lại là bộ trưởng công an mới buồn cười chứ! Ta có ba viên kim cương đắt tiền; đến mai, người lái thuyền cho ta ở Grianta trước kia. Fulgence sẽ đi Genève và cất đặt của ấy ở nơi an toàn, may mà Fabrice thoát được (lay Chúa! Xin Chúa phù hộ cho con! Nữ công tước nói và làm dấu thánh giá) thì cái ông hầu tước Del Dongo hèn nhát vô cùng tận

ấy sẽ nghĩ: Cung cấp cái ăn cho một người bị một vương chủ chính thống truy tố là có tội; lúc ấy Fabrice sẽ lấy kim cương của ta bán để có cái ăn.

Phải cáo từ bá tước, đối diện với ông ta sau vụ việc vừa xảy ra, ta không chịu được. Tội nghiệp con người đó! Ông có hiểm ác đâu, ngược lại, ông chỉ nhu nhược. Tâm hồn tầm thường đó không ngang cỡ với chúng ta. Fabrice đáng thương ơi! Giá Fabrice được về đây trong giây lát với cô để bàn bạc về tai họa của chúng ta!

Tính cẩn thận tỉ mỉ của bá tước sẽ làm trở ngại mọi dự định của ta, vả lại không nên lôi ông theo ta xuống vực... Bởi vì chắc gì cái tên bạo chúa hờm mình ấy sẽ không bắt ta bỏ ngục? Vì ta mưu phiến loạn... Còn gì dễ chứng thực hơn? Nếu hắt ném ta vào ngục thành và nếu tung vàng ra, ta có thể tâm sự với Fabrice dù chỉ trong giây lát, thì chúng ta sẽ cùng đi đến pháp trường dũng cảm bao nhiêu! Nhưng hãy gác những mơ mộng điên rồ ấy lại! Tên Rassi của hắt sẽ khuyên hắt kết thúc với ta bằng thuốc độc. Bỏ ta lên xe bò kéo đi trên đường phố có thể làm cho những người dân Parme thân yêu của hắt xúc động... Nhưng sao! Sao lại cứ cái điệu tiểu thuyết mãi thế! Chao ôi! Chấp làm gì những mơ mộng ngông cuồng của một người đàn bà khốn khổ mà thân phận thảm hại biết chừng nào trong thực tế. Xét cho cùng thì quận vương không đem ta ra pháp trường đâu; bắt ta vào tù và giữ ta ở đó thì dễ dàng lắm; hắt sẽ cho giấu ở một xó nào đó trong lâu đài của ta đủ thứ giấy tờ khả nghi như họ đã làm đối với ông L. tội nghiệp xưa kia... Rồi thì ba quan án - loại không đều cán lắm, bởi vì đã có cái mà chúng gọi là những tang vật và một tá nhân chứng giả, thế là đủ. Thế là ta bị xử tử hình vì đã âm mưu phiến loạn và quận vương, với đức bao dung vô lượng của ngài, xét rằng ngày xưa ta đã từng có vinh hạnh tham dự triều đình, sẽ oán cái án tử hình của ta ra án mười năm cấm cố ngục thành. Nhưng ta không chịu hạ mình làm trái với tính khí mãnh liệt từng khiến mục hầu tước Raversi và những kẻ thù khác của ta nói nhiều điều đại dột, ta sẽ uống thuốc độc chết một cách dũng cảm. Ít ra công chúng sẽ có lòng tốt tin như vậy. Nhưng ta cam đoan là Rassi sẽ vào xà lim nhân danh quận vương, nhả nhận trao cho ta một lọ con chất mã tiền hoặc nha phiến Pérouse.

Ừ, ta phải phải cắt đứt quan hệ với bá tước một cách rất công khai, ta không muốn kéo ông cùng vào cảnh bại vong vì đó là một sự phản phúc. Con người đáng thương đó đã yêu ta một cách rất hồn nhiên! Cái đại dột của ta là ở chỗ tưởng rằng một triều thần chính cống vẫn còn đủ lòng dạ để thực sự yêu đương. Có phần chắc chắn là quận vương sẽ tìm ra một cớ gì đó để ném ta vào tù; hắt sợ ta lũng đoạn dư luận về Fabrice. Bá tước có đầy đủ ý thức danh dự; ông sẽ tức khắc bỏ nội các mà đi, khiến cho bọn nô tộc ở triều đình này kinh ngạc mà cho là điên dại. Ta đã thách thức uy quyền của quận vương tối hôm hắt viết giấy, vì tự ái, gì hắt cũng có thể làm để trị ta, một người sinh trong nội vua như hắt khi nào quên được cái cảm giác ta đã gây cho hắt tối hôm đó? Vả lại bá tước xích mích với ta thì sẽ ở một vị trí có lợi cho Fabrice hơn. Thế nhưng nếu quyết định của ta làm cho bá tước thất vọng, nếu ông báo thù thì sao?... Ấy, cái ý định ấy không đến với ông đâu, không đời nào! Tâm hồn ông không đề tiện đến tận đáy như quận vương, ông có thể rên rỉ mà ký cùng với quận vương một sắc lệnh bãi miễn, nhưng ông trọng danh dự. Vả lại, báo thù cái gì chứ? Cái thù sau năm năm yêu ông không mấy may xúc phạm mối tình của ông, ta nói: Bá tước thân mến ă, tôi đã có cái may mắn yêu ông, nhưng bây giờ lửa lòng đã tắt, tôi không yêu ông nữa; tuy nhiên tôi biết lòng dạ ông, tôi vẫn quý mến ông sâu sắc và ông sẽ là người bạn tốt nhất của tôi.

Đối với một lời tuyên bố chân tình như vậy, một người hào hoa phong nhã còn biết đáp thế nào?

Ta sẽ tìm một người yêu mới, ít ra ta sẽ làm cho giới thượng lưu tin như vậy. Ta sẽ nói với anh nhân tình đó: Nghĩ cho cùng thì hoàng thân trừng phạt sự đại dột của Fabrice là đúng; nhưng đến lễ sinh nhật của ngài, chắc là đức quân vương hào hiệp của chúng ta sẽ phóng thích cho nó. Thế là ta tranh thủ được sáu tháng.

Nhân tình mới, được chọn qua tính toán đó sẽ là tên đao phủ ô nhục, tên Rassi... nó sẽ được phong tước và trên thực tế, ta sẽ mở cửa xã hội thượng lưu cho hắt vào! Fabrice thân thương

oi, hãy tha thứ cho Gina! Một cố gắng như vậy ở trên sức vóc ta. Ái chà! Con quái vật ấy mình hãy còn ở đầm máu bá tước P. và máu của D. mà! Hẳn sẽ khiến cho ta tởm lợm mà chết ngất đi khi đến gần ta, hay đúng hơn, ta sẽ chop con dao thọc vào quả tim chó má của hắn, Fabrice đừng bắt ta làm những điều không làm được!

Phải, nhất là phải quên Fabrice! Và không mấy may để cho thấy một bóng mây hờn giận nào đối với quận vương; phải lấy lại tính vui vẻ thường ngày của ta, những con người bùn nhơ đó ưa cái tính vui vẻ đó hơn, một là vì như vậy ta đã tỏ ra vui lòng phục tùng ông chúa của chúng; hai là vì không chế nhạo chúng, thì trái lại ta sẽ chú ý tô vẽ cho những điều này hay việc giỏi vụn vặt của chúng; ví dụ ta sẽ khen bá tước Zurla về cái lông chim trắng trên mũ mà ông ta cho người mua từ Lyon về, cái lông tạo nên hạnh phúc cho ông ta.

Chọn một nhân tình trong đảng của ả Raversi... Nếu bá tước bỏ mà đi, thì đảng ấy sẽ là đảng lập nội các, quyền thế sẽ ở trong tay họ. Một bạn hữu của mẹ Raversi sẽ ngự trị ở ngục thành vì gã Fabio Conti sẽ về bộ. Hoàng thân là một người thông minh quen chung đụng với những kẻ lịch sự, quen với cách làm việc, dễ ưa của bá tước, làm sao ông ta làm việc được với con bò ấy, tên chúa tể của ngu độn ấy, con người suốt ngày chỉ loay hoay với bài tính cơ bản là quân lính của Điện hạ nên mặc áo có bảy cúc hay chín cúc trước ngực? Những con thú nguyên hình đó rất ghen ghét ta và nguy cơ của Fabrice là ở đây, Fabrice thân thương ạ! Những con thú nguyên hình đó sẽ quyết định số phận ta và số phận Fabrice! Vậy, không nên để cho bá tước từ chức, ông ấy phải ở lại dù cho bị mang nhục. Ông ấy cứ tưởng từ chức là sự hy sinh lớn nhất của một thủ tướng; mỗi khi tấm gương mách cho ông biết là ông đang già đi thì ông lại hiến cho ta cái món lễ ấy... Cho nên phải đoạn giao hoàn toàn! Ừ, và chỉ hòa giải khi nào chỉ còn cách ấy để cản trở ông ta bỏ ra đi. Nhưng sau cái hành động xu nịnh lờ mảy chữ vụ án bất công trong mảnh giấy của quận vương, ta cảm thấy muốn tránh thù ghét ông, cần phải lánh mặt ông mấy tháng. Trong buổi tối quyết định đó, ta đâu có cần đến trí tuệ của ông ta chỉ cần ông viết y như ta đọc, ông chỉ có việc viết nguyên xi mấy chữ ấy, những chữ ta đã đoạt được do tính khí ta; thế mà thói quen nịnh thần ở ông đã thắng. Sáng hôm sau, ông nói với ta là ông không thể để cho chủ ông ký nhận một điều vô lý, và cần phải có những thư ân xá. Ôi dào! Lay Chúa tôi! Với những kẻ ấy, với những con quái hợm mình và thù vật người ta, cướp được gì thì cứ cướp.

Nghĩ tới đó, nữ công tước lại bùng bùng giận dữ. Quận vương đã lừa ta, bà tự nhủ, lừa một cách quá đổi hèn nhát! Con người ấy không tha thứ được; hẳn thông minh, tinh tế, biết lý lẽ, chỉ có những dục vọng của hắn là thấp hèn. Bá tước và ta nhận thấy điều này có đến vài mươi lần; trí óc của hắn chỉ trở nên dung tục mỗi khi hắn tưởng người ta định xúc phạm hắn. Mà tội của Fabrice thì chẳng đáng gì đến chính trị, đây là một vụ giết người nhỏ trong hàng trăm vụ tương tự xảy ra mỗi năm trên đất nước thiên đường của hắn; bá tước nói quyết với ta là ông đã tìm được những bằng chứng chính xác nhất và Fabrice là vô tội. Tên Giletti ấy cũng khá gan dạ; thấy chỉ còn cách biên giới vài bước, hắn bỗng nảy ý định trừ khử một tình địch được yêu chuộng”...

Công tước phu nhân dừng lại khá lâu để xem thử có khả năng gì Fabrice phạm tội hay không. Không phải vì bà thấy một người quý tộc cỡ cháu bà trừ khử một thằng hề xác láo là phạm một tội lỗi lớn; nhưng trong cơn thất vọng, bà lờ mờ cảm thấy mình sắp phải đấu tranh để chứng minh sự vô tội của Fabrice. Nghĩ mãi, nữ công tước mới nói: “Không, đây là một bằng chứng quyết định cũng như anh Pietranera xưa kia, nó luôn luôn mang khí giới trong tất cả các túi áo, quần, thế mà hôm đó nó chỉ mang một khẩu súng một nòng xấu, lại mượn của một người thợ nữa chứ.

Ta thù quận vương vì hắn lừa ta, lừa một cách hèn nhát nhất; viết giấy tha thứ xong, hắn lại sai bắt cóc thằng bé tội nghiệp ở Bologna v.v...

Nhưng cái khoản này rồi sẽ được thanh toán. Vào quãng năm giờ sáng, kiệt quệ vì cơn thất vọng dai dẳng ấy, phu nhân kéo chuông gọi các chị hầu gái. Các chị buột miệng kêu thét lên: Thấy nữ công tước nằm trên giường với nguyên áo sống và kim cương, người trắng như khăn

trái giường, mắt nhắm, các chị tưởng như thấy phu nhân đã chết và được đặt trên một cái giường nghi lễ. Giá không nhớ bà vừa giật chuông gọi họ, thì chắc họ tin rằng bà đã hoàn toàn bất tỉnh. Một vài giọt lệ thỉnh thoảng lăn trên má tề đại. Nữ công tước làm một dấu hiệu, các chị hầu phòng biết rằng bà muốn các chị xếp đặt cho bà nghỉ.

Sau tối tiếp tân của bộ trưởng Zurla, bá tước hai lần đến nhà nữ công tước, vẫn không được tiếp, ông viết thư cho phu nhân là ông muốn hỏi ý kiến phu nhân về việc ông. “Tôi có nên giữ địa vị sau cái nhục họ trắng trợn gây cho tôi đó không?” Bá tước viết tiếp: “Anh bạn trẻ vô tội. Mà dù anh có phạm tội đi nữa, họ có nên bắt anh mà không báo trước với tôi, người đỡ đầu công khai của anh, hay không?” Nữ công tước chỉ được thấy bức thư ấy ngày hôm sau.

Bá tước không phải là người đạo đức; có thể nói thêm rằng cái mà những người phái tự do gọi là đạo đức (tức là sự tìm kiếm hạnh phúc cho số đông nhất, ông cho là một sự bịp bợm! Ông tự thấy có bốn phận phải tìm kiếm hạnh phúc cho bá tước Mosca Della Rovere trước hết. Nhưng ông rất coi trọng danh dự và hoàn toàn thành thật khi nói từ chức. Ông chưa hề nói đối nữ công tước một lần nhỏ nào. Tuy nhiên bà ta chẳng chú ý đến bức thư chút nào. Bà đã chọn một đường lối, một đường lối rất đau khổ là vờ quên Fabrice. Sau sự cố gắng này thì bà không còn thiết gì nữa.

Trưa hôm sau, bá tước được mời vào sau mười lần lui tới lâu dài. Nhìn thấy nữ công tước, ông kinh hoàng...

“Nàng phải đến bốn mươi tuổi! Ông tự nhủ, mà hôm qua thì lộng lẫy, trẻ trung thế kia!.. Ai cũng nói với ta là trong lúc nàng và Clélia nói chuyện với nhau khá lâu, nàng trông cũng đang xuân như Clélia, lại hấp dẫn hơn nhiều”.

Tiếng nói và giọng điệu của nữ công tước cũng lạ lùng như con người bà. Cái giọng không có một chút ham thích nào, một chút giận dữ nào, một chút thiết tha nào đối với sự đời khiến bá tước tái mặt; nó làm cho ông nhớ đến thái độ một người bạn trước đây vài tháng lúc sắp chết và đã được rửa tội - khi nói chuyện với ông.

Sau mấy phút, công tước phu nhân mới nói chuyện được. Bà nhìn bá tước, nhưng đôi mắt không có thần.

— Chúng ta hãy chia tay nhau, bá tước thân mến ạ, bà nói giọng yếu ớt nhưng rõ ràng và cố làm cho êm ái dễ ưa. Phải xa nhau mới được! Trời chứng cho em là suốt năm năm qua, em đối xử với anh không có một tí gì đáng chê trách. Anh đã tạo cho em một cuộc sống huy hoàng thay cho cảnh buồn nản chắc chắn em phải chịu ở lâu đài Grianta. Không có anh, chắc em phải bước vào cảnh già sớm đi mấy năm... về phần em, mối lo duy nhất của em là làm sao cho anh tìm thấy hạnh phúc. Vì em yêu anh cho nên mới đề nghị với anh cuộc chia tay này, một cuộc chia tay êm thấm như người Pháp thường nói.

Bá tước không hiểu; bà công tước phải nói lại nhiều lần. Mặt ông hóa tái nhợt như người chết; và ông quỳ xuống bên giường, ông nói hết những nỗi niềm mà kinh ngạc và thất vọng đau đớn nhất đã làm dậy lên trong lòng một người thông minh đang yêu say đắm. Ông luôn luôn đề nghị nữ công tước đồng ý cho được từ chức, để theo người yêu đi sống cách biệt ở một nơi nào xa Parme nghìn dặm.

— Anh nữ nói đến việc tôi bỏ nơi đây mà đi trong khi Fabrice còn ở đây hay sao? Khi thấy cái tên Fabrice làm cho bá tước khó chịu, bà nghĩ một lát rồi siết nhẹ tay bá tước mà nói: Không, anh thân mến ạ, em không nói em đã yêu anh với sự nồng nhiệt, sự bùng bột mà hình như người ta không có nữa khi đã quá ba mươi, mà em thì đã quá tuổi ấy nhiều lắm rồi. Người ta sẽ nói với anh là em yêu Fabrice, vì em biết người ta đồn như thế ở cái triều đình độc ác này. (Nói tiếng độc ác, mắt bà dần dần long lạnh). Em xin thề trước Chúa, lấy tính mệnh Fabrice mà thề rằng giữa nó và em không bao giờ xảy ra cái gì mà một người thứ ba không thể chứng kiến. Em cũng không nói rằng em yêu mến nó y như một người chị đối với em trai. Em yêu nó một

cách bản năng, phải nói như vậy. Em yêu mến nó ở lòng dũng cảm hồn nhiên và hoàn thiện đến nỗi có thể nói tự nó không nhận thấy; em nhớ ra rằng thứ cảm phục đó phát sinh từ ngày nó ở Waterloo về. Lúc đó nó như một đứa trẻ con, mặc dù đã mười bảy; điều nó băn khoăn nhất là không biết mình có thực sự dự một trận đánh hay không, nếu có, thì có nói được là nó đã đánh nhau hay chưa, trong khi nó không xông lên tấn công vào một khẩu đội pháo nào hoặc một binh đoàn địch nào. Trong những cuộc thảo luận nghiêm chỉnh về chủ đề quan trọng đó, em bắt đầu thấy ở nó một phong thái hào hoa tuyệt hảo. Em nhìn thấy tâm hồn cao quý của nó; ở vào cảnh nó, một thanh niên con nhà sẽ bịa ra bao nhiêu chuyện dối trá hay ho, có nghĩa lý! Tóm lại, nếu Fabrice không sung sướng thì em cũng chẳng thể có hạnh phúc, ừ, đó là một câu diễn tả được tâm trạng của em. Nếu không phải là sự thực, thì ít ra đó là tất cả những gì mà nhìn vào lòng em, em nhận thấy.

Bá tước được khuyến khích bởi giọng điệu thành thực và thân mật ấy, cầm tay bà định hôn; phu nhân rút tay lại như ghê tởm. Bà nói:

— Thời kia đã qua rồi! Em là một người đàn bà ba mươi bảy tuổi, em đã ở ngưỡng cửa tuổi già nua, em cảm thấy hết những chán nản của tuổi già, có lẽ gần xuống mồ rồi cũng nên. Cái phút ấy kinh khủng lắm, người ta bảo thế, tuy nhiên em thấy hình như em mong đợi nó. Em đang cảm thấy cái triệu chứng xấu nhất của tuổi già. Lửa lòng em đã tắt bởi cái tai họa ghê gớm này, em không yêu được nữa. Em chỉ thấy ở anh bóng dáng của một người em từng yêu quý, bá tước thân mến anh. Em muốn nói hơn thế, là em chịu nói chuyện với anh như thế này chỉ vì lòng biết ơn đối với anh mà thôi.

— Tôi sẽ ra sao bây giờ? Bá tước cứ lặp lại. Tôi thấy gần bó thiết tha với em hơn cả những ngày đầu khi gặp em ở kịch viện Scala!

— Em có nên thú thật với anh điều này không, anh thân mến? Là nói những chuyện yêu đương làm em chán lắm và thấy bất lịch sự nữa. Nào, hãy can đảm lên! Nữ công tước nói và cố mỉm cười nhưng không được. Hãy là người thông minh, người biết phán đoán, người biết xoay sở khi gặp thế bí. Hãy xử sự với em như nguyên hình của anh trong con mắt kẻ bàng quang, nghĩa là người chính khách vĩ đại nhất và khôn khéo nhất trong nhiều thế kỷ, mà nước Ý đã sản sinh.

Bá tước đứng lên, lặng lẽ đi bách bộ một lát. Rồi ông nói:

— Không thể được, em ạ. Tôi đang bị mối si tình dữ dội nhất giằng xé mà em lại bảo tôi vận dụng lý trí nữa!

— Hãy đừng nói đến tình tứ nữa, em van anh.

Công tước phu nhân nói, giọng gắt gỏng; lần đầu tiên trong hai tiếng đồng hồ chuyện vãn, giọng bà mới có một chút xúc động. Bá tước cũng như tuyệt vọng, nhưng tìm cách an ủi bà.

— Hẳn lừa tôi, bà thét lên chứ không trả lời những lý lẽ bá tước đưa ra để nhen nhóm hy vọng. Hẳn lừa tôi một cách hèn hạ nhất! Sắc mặt xanh nhợt của người chết biến đi một lát; tuy nhiên ngay trong phút kích thích dữ dội ấy, bá tước cũng nhận thấy bà không đủ sức đưa cánh tay lên. “Trời ôi! Có thể chẳng là nàng chỉ ốm mà thôi? Bá tước thầm nghĩ. Tuy nhiên nếu chỉ ốm thì đây cũng phải là cơn sơ phát của một trọng bệnh”. Thế là ông đâm ra vô cùng lo ngại và bảo để mời bác sĩ Razoni nổi tiếng, người thầy thuốc giỏi nhất ở Parme và trên toàn cõi nước Ý.

Anh muốn hiến cho một người xa lạ cái thú được biết nỗi thất vọng tràn trề của tôi ư?... Đó là lời khuyên bảo của một kẻ phản phúc hay của một người bạn vậy? Nữ công tước nói thế rồi nhìn ông với đôi mắt kỳ dị.

“Thế là hết, bá tước thất vọng tự nhủ, nàng không còn chút tình nghĩa nào đối với ta rồi! Thậm chí nàng cũng không đặt ta vào hàng những người danh giá thông thường!”. Bá tước lại

vồn vã nói:

— Tôi cần nói với em là tôi muốn trước hết biết những chi tiết về vụ bắt người khiến chúng ta thất vọng này, thế mà lạ thay! Tôi chưa biết được gì rõ ràng cả. Tôi có cho người hỏi bọn sen đầm ở góc gác kế cận ngục thành, chúng nói thấy người ta đưa người tù tới trên con đường từ Castelnovo về và chúng được lệnh phải hộ tống xe tù. Tôi lại phái Bruno đi ngay, tên Bruno mà em biết rõ tài mẫn cán cũng như sự tận tâm. Tôi bảo nó đi ngược từng trạm dò hỏi xem Fabrice bị bắt như thế nào.

Nghe đọc đến tên Fabrice nữ công tước hơi rùng mình. Lúc đã nói được, bà bảo bá tước:

— Anh miễn thứ cho tôi. Những chi tiết ấy tôi chú ý lắm, anh hãy cho tôi biết tất, hãy nói cho tôi hiểu những tình huống nhỏ nhặt nhất.

— Thế thì thưa phu nhân, bá tước đáp, cố lấy dáng thanh thoát vô tư lự để làm khuây khỏa nòng chút ít, tôi muốn phái một viên thư lại tin cẩn đến với Bruno bảo hắn ta đi luôn đến Bologne, có lẽ chúng nó bắt anh bạn trẻ của chúng ta tại đó. Cái thư cuối cùng của Fabrice đề ngày nào?

— Thứ ba, cách đây năm hôm.

— Thư có bị bóc ở bưu điện không?

— Không có dấu vết bị bóc. Tôi cho anh biết là thư viết trên giấy tồi tệ, địa chỉ do một phụ nữ đề, địa chỉ mang tên một bà thợ giặt già có họ với con hầu phòng của tôi. Bà thợ giặt tưởng đâu có chuyện yêu đương chim chuột gì đó, và còn Chékina cứ lăm lăm trả lại tiền cước phí cho bà ta chứ chẳng nói thêm lời nào.

Bá tước đã hoàn toàn lấy giọng điệu của một người chạy việc trong khi thảo luận với bà công tước, để thử tìm xem Fabrice bị bắt cóc ngày nào. Bình thường ông tinh ý là thế, mà hôm nay cho đến bây giờ ông mới thấy đó là giọng điệu thích hợp. Những chi tiết ấy làm cho người phụ nữ đau khổ quan tâm và tưởng như có làm bà khuây được phần nào. Giá bá tước không si tình thì chắc ông đã tìm thấy điều đơn giản ấy ngay từ lúc mới vào. Nữ công tước từ tạ ông để cho ông về gửi ngay những lệnh mới cho chú Bruno trung thành. Khi họ bàn lướt qua vấn đề có phải bản án đã hoàn thành trước khi quân vương ký cái giấy gửi cho nữ công tước hay không, thì phu nhân vội vã chớp cơ hội để nói với bá tước.

— Tôi không trách anh quên ghi mấy chữ vụ án bắt công trong mảnh giấy mà anh viết và hắn ký tên, lúc đó bản năng triều thần ở anh đang vùng dậy, anh không ngờ là anh coi trọng quyền lợi chủ hơn quyền lợi người yêu. Anh đã hoạt động theo ý chí của tôi, bá tước thân mến ạ, và từ lâu, đành thế, nhưng anh không thể thay đổi bản chất anh được. Anh có những tài năng lớn để làm thượng thư, nhưng anh cũng có bản năng của nghề nghiệp ấy. Xóa bỏ chỗ bắt công là giết tôi, nhưng tôi tuyệt nhiên không trách móc anh gì đâu, đó là lỗi của bản năng, không phải lỗi của ý chí. - Anh hãy nhớ! Phu nhân đổi giọng nói một cách cương quyết, nhớ là tôi không lấy làm phiền muộn nhiều lắm về việc Fabrice bị bắt, là tôi không hề thoáng có ý muốn xa lánh xứ này, là tôi rất tôn kính quân vương. Đó là điều bá tước cần nói, và đây là điều tôi muốn nói với bá tước, vì tôi muốn tự quyết định công việc của tôi một mình, cho nên tôi phải chia tay êm thấm với bá tước, nghĩa là như một người bạn gái tốt. Hãy xem như là tôi đã sáu mươi tuổi, người thiếu phụ ở tôi đã chết, tôi không cố gắng thêm gì được nữa trên đời, tôi không yêu được nữa. Nhưng tôi sẽ còn đau khổ hơn bây giờ nếu tôi làm hại lấy tôi con đường công danh của bá tước. Tôi dự định sẽ làm như có một nhân tình trẻ tuổi và tôi không muốn bá tước đau buồn vì điều đó. Tôi có thể thề với bá tước trên hạnh phúc của Fabrice. Bà nghĩ nửa phút sau khi nói cái tên đó - Là tôi chưa hề phụ bá tước một lần nào, và như thế suốt năm năm. Cũng khá lâu đấy chứ, bà nói và cố mỉm cười, hai má tái nhợt của bà động đậy, nhưng đôi môi thì không mở ra được. Thậm chí tôi có thể thề rằng không bao giờ tôi có dự định ấy và ý nghĩ ấy. Nghe kỹ điều đó xong thì xin bá tước hãy để tôi yên.

Bá tước tuyệt vọng đi ra khỏi lâu đài Sanseverina. Ông thấy rõ ở nữ công tước cái ý định cương quyết xa ông, nhưng ông lại chưa bao giờ say đắm nàng đến như lúc này. Đó là một trong những điều mà chúng tôi sẽ nhiều lần trở lại, bởi vì nếu không phải ở Ý thì chắc là không như vậy. Về nhà, ông phải đến sáu người khác nhau đi theo con đường Castelnovo - Bologna, người nào cũng mang nặng thư từ. “Tuy thế, cũng chưa hết đâu, ông bá tước đáng thương tự nhủ, Hoàng thân có thể cao hứng sai xử tử thằng bé khốn khổ ấy, để trả thù cái giọng nữ công tước dùng với ông hôm đòi mảnh giấy tai hại kia. Ta cảm thấy phu nhân vượt cái giới hạn mà không bao giờ người ta nên vượt qua và để giảm căng thẳng, ta đã làm cái điều đại đột đến phi lý là bỏ những chữ vụ án bất công, những chữ duy nhất ràng buộc quận vương... Ồi dào! Nói vậy chứ cái ngữ ấy thì có cái gì ràng buộc họ được! Đây quả là điều làm lỗi nhất trong đời ta, ta đã phú cho ngẫu nhiên cái điều có thể làm cho cuộc đời ta có giá nhất, vấn đề là phải chuộc lại sự đại đột ấy bằng cách hoạt động ráo riết và khôn khéo hết sức. Tuy nhiên, nếu cuối cùng ta không đạt kết quả gì mặc dù đã hy sinh một phần phẩm giá, thì ta sẽ mặc xác con người đó, để xem với những mơ mộng đại chính trị, những ý đồ làm vua lập hiến của vương quốc Lombards, hấn làm thế nào để thay thế ta. Fabio Conti là một thằng ngốc, còn tài năng của Rassi thì cũng chỉ đến đem treo cổ một cách hợp pháp những người mà chính quyền không ưa là cùng”.

Khi đã dự định dứt khoát rời bỏ nội các, nếu người ta khắc nghiệt đối với Fabrice quá cái mức một sự giam giữ thông thường, thì bá tước tự nhủ: “Tính hờm mình của con người ấy đã bị thách thức một cách liều lĩnh, nếu vì thế mà hấn nhất thời nổi khùng vì hờm hĩnh, khiến cho hạnh phúc của ta tiêu tan, thì ít nhất ta còn lại danh dự... Ấy, gã đã coi thường cái thể thủ tướng thì ta có thể tự cho phép ta làm hàng trăm việc mà sáng nay ta còn tưởng là không làm được. Chẳng hạn ta sẽ làm những gì trên đời có thể làm để cho Fabrice trốn khỏi nhà ngục... Lay Chúa! Bá tước dừng lại để kêu và mắt ông mở to quá mức, tưởng như đã thấy cảnh hạnh phúc không ngờ đó - Công tước phu nhân không nói chuyện vượt ngục với ta, phải chăng lần đầu tiên trong đời, nàng không thành thực? Và nàng đoạn tuyệt với ta phải chăng là muốn ta phản lại quận vương? Nếu thế thì phải coi như đã là thế rồi”.

Mắt bá tước đã lấy lại cái ánh chế nhạo tinh tế ngày thường. “Tên chánh án Rassi đáng mến ấy đã được ông chủ trả tiền để làm nên những bản án bôi nhọ ta khắp châu Âu, nhưng hấn không phải là người không chịu bán những bí mật của chủ. Con vật ấy có một nhân tình và một cha rửa tội, nhưng mục nhân tình đó thuộc loại tồi tệ quá ta không thể nói chuyện được, gặp mục ta hôm nay thì qua hôm sau, mục sẽ thuật lại tất cả các mục hàng hoa quả ở trong phố”. Được hồi sinh bởi tia hy vọng đó, bá tước đi đến nhà thờ lớn, ngạc nhiên vì dáng đi nhẹ nhàng của mình, ông mỉm cười mặc dù đang buồn bực. “Ấy, ông thầm bảo, không làm bộ trưởng thì như vậy đó!” Cái nhà thờ ấy, cũng như nhiều nhà thờ khác ở Ý, là nơi để đi từ phố này sang phố nọ, từ xa bá tước đã nhìn thấy một vị tổng trợ tá tòa tổng giám mục đang đi qua gian giữa.

— Tôi đã gặp cha, ông nói, thì xin nhờ cha vui lòng miễn cho bệnh thấp khớp của tôi phải chịu cái cực hình leo lên tận nơi ngài tổng giám mục. Tôi sẽ cảm ơn ngài không biết bao nhiêu nếu ngài chịu khó xuống buồng sau của lễ đàn.

Ông tổng giám mục rất sung sướng vì lời nhảm bảo này, ông có hàng ngàn điều muốn nói về Fabrice với thủ tướng. Nhưng thủ tướng phỏng đoán những điều ấy chỉ là những câu rỗng cho nên chẳng thiết nghe.

— Cha xứ Dugnani ở nhà thờ Saint Paul là người thế nào?

— Một trí tuệ nhỏ và một tham vọng lớn, ông tổng giám mục đáp, ít băn khoăn về đạo đức và cực kỳ nghèo bởi vì có lắm thói xấu!

— Ồi chao ôi! Ông thủ tướng kêu, thừa đức cha, ngài diễn tả quả như Tacite!

Ông nói thế rồi vừa cười vừa cáo từ ông tổng giám mục. Vừa về đến bộ, ông cho gọi ngay ông abbé Dugnani.

— Cha coi sóc phần lớn cho người bạn thân thiết của tôi, quan tư khẩu Rassi, vậy ông ấy có gì đáng nói với tôi không.

Không thêm lời nào, không bày vẽ lễ nghĩa gì nữa, bá tước cho cha Dugnani lui.

CHƯƠNG XVII

Bá tước coi như mình đã ở ngoài nội các. Ông tự nhủ: “Hãy xem chúng ta có thể có bao nhiêu con ngựa sau sự thất sủng của ta, người ta sẽ gọi việc lui về của ta như thế đấy”. Ông kết toán gia sản, khi vào nội các ông có tám vạn francs của riêng, ông ngạc nhiên nhận thấy ngày nay tính chi li các khoản, gia tài ông chưa đến năm mươi vạn francs. Nghĩa là được hai vạn francs thực lợi là cùng. “Phải công nhận ta là một tên đại hời hợt. Không có một thị dân nào ở Parme không cho là ta có mười lăm vạn francs lợi tức, và về vấn đề này quận vương càng là thị dân hơn ai hết. Khi họ thấy ta lem luốc, họ sẽ nói ta là biết giả nghèo giả khổ. Ái chà! Bá tước kêu lên, nếu ta còn làm thủ tướng ba tháng nữa, cái gia tài ấy sẽ gấp đôi cho mà xem”. Ông thấy ý kiến này đáng viết cho nữ công tước và ông hăng hái chộp cơ hội, nhưng để cho phu nhân tha thứ việc ông viết thư sau khi họ đã nói với nhau những điều vừa qua, ông bủa đầy những con số và con tính trên giấy. Ông nói: “Chúng ta chỉ có hai vạn francs lợi tức để cho ba người Fabrice phu nhân và tôi sống ở Naples, Fabrice và tôi sẽ có một con ngựa cưới cho cả hai người”.

Bá tước vừa gửi xong thì người nhà báo ngay có quan chánh án Rassi đến. Ông tiếp hân với cái vẻ gần như là ngạo mạn. Ông nói:

— Thế nào? Ông cho bắt cóc ở Bologne một tên phiến loạn mà tôi che chở, hơn thế ông muốn chặt đầu hẳn, thế mà ông chẳng nói gì với tôi cả! Ông có biết tên cái người kế vị tôi không? Đó là tướng Conti hay là chính ông vậy?

Rassi hoảng hốt, hẳn không quen giao thiệp với giới quyền quý cho nên không đoán được bá tước nói chơi hay nói thật. Hắn đỏ mặt, ấp úng mấy tiếng khó hiểu. Bá tước nhìn hắn và thấy vui vui trước cảnh lúng túng của hắn. Thành linh Rassi vùng dậy và kêu lên một cách hết sức tự nhiên, với dáng Figaro bị Alaviva bắt quả tang^[87].

— Thật tình, thưa bá tước, tôi chẳng muốn quanh co úp mở với quan lớn, quan lớn sẽ cho tôi cái gì nào, nếu tôi trả lời tất cả những câu hỏi của ngài như đối với cha rửa tội của tôi?

— Huân chương Saint Paul (đó là huân chương của công quốc Parme) hoặc là tiền, nếu ông tìm ra cho tôi một cái cớ để ban thưởng cho ông.

— Tôi thú với huân chương Saint Paul hơn, bởi vì nó làm cho tôi trở thành quý tộc.

— Thế nào? Quan chánh án thân mến hãy còn ít nhiều coi trọng cái quý tộc khổ của chúng tôi vậy ư?

— Nếu tôi là quý tộc, Rassi đáp với tất cả sự trâng tráo của nghề nghiệp, thì thân thuộc những đứa tôi treo cổ chỉ thù ghét tôi mà không khinh bỉ tôi.

— Thế thì tôi sẽ cứu ông khỏi cảnh bị khinh bỉ, về phần ông, ông phải chữa cho tôi lành cái bệnh mù tịt và điếc câm. Các ông định làm gì Fabrice đấy?

— Quả là hoàng thân rất bối rối. Ngài sợ ông sẽ bị đôi mắt đẹp của nàng Armide^[88] thu hút, xin tha thứ cho tôi cách nói sống sượng đó, chữ nghĩa kia vốn là của quận vương, ngài sợ ông bị đôi mắt quả là đẹp ấy thu hút, đôi mắt ấy từng làm cho chính ngài cũng xúc động, và ông sẽ bỏ mặc ngài xoay sở, mà đến cái vụ Lombardie thì chỉ có ông mới gánh nổi. Tôi muốn nói thêm với bá tước, Rassi hạ giọng, đây là một dịp hời cho ông và xứng đáng với cái huân chương Saint Paul mà ông thưởng cho tôi. Hoàng thân sẽ cắt quốc thổ mà cấp cho ông một ấp để coi, trị giá sáu mươi vạn francs, xem như một quốc ân, hoặc là một món tiền mặt ba mươi vạn écu, nếu ông chịu khó không can thiệp vào vụ Fabrice Del Dongo, hay ít nhất là chỉ nói với ngài về việc đó một cách công khai.

— Tôi chờ đợi một cái gì hơn thế, bá tước nói. Không xen vào việc Fabrice là đoạn tuyệt với nữ công tước.

— Ấy, hoàng thân cũng nói y như thế, thực ra ngài cảm bà công tước một cách kinh khủng, điều ấy tôi nói riêng với ông mà thôi đó nhé, ngài sợ rằng để đền bù việc cắt quan hệ với bà công tước, trong khi hiện nay ông đã là người góa vợ, ông sẽ xin ngài cho phép lấy bà quận chúa già Isota, em họ ngài, chỉ mới năm mươi tuổi.

— Ngài đã đoán đúng, bá tước kêu, chúa ta là người tinh tế nhất trên đất nước ngài.

Chưa bao giờ bá tước có ý muốn kỳ quặc là lấy bà quận chúa già ấy, đối với một người mà nghi lễ triều đình làm cho chết chán đi được, thì việc đó chẳng thích hợp tí nào! Ông day trở hộp thuốc lá trên mặt bồn cẩm thạch đặt gần ghế ông. Rassi làm thấy trong cử chỉ lúng túng đó một dịp bỏ để kiểm chác, mắt hần sáng lên, hần kêu:

— Thừa bá tước, xin ông vui lòng, dù ông nhận cái ấp sáu mươi vạn francs hay số tiền thưởng ba mươi vạn, cũng xin ông vui lòng dùng tôi làm người thương thuyết. Tôi xin trở tài! Hần hạ giọng, làm tăng số tiền thưởng hoặc còn hơn thế, bắt người ta kèm theo ấp một khu rừng đáng giá. - Nếu quan lớn chịu khó nhẹ nhàng, thể tất với quận vương khi nói về cái thẳng oắt con mà người ta bắt giữ đó, thì người ta có thể nâng lên hàng công quân cái ấp mà tổ quốc sẽ ban thưởng cho ông. Tôi xin nói lại lần nữa với quan lớn, hoàng thân hiện nay cảm ghét nữ công tước, nhưng ngài rất lúng túng, lúng túng đến nỗi đôi khi tôi nghĩ là có sự kiện gì bí mật mà ngài không dám tiết lộ với tôi. Ngấm cho kỹ thì đây là một mỏ vàng, tôi thì bán cho bá tước những bí mật riêng tư nhất của hoàng thân, và cứ y như là thả hồ, bởi vì mọi người đều tưởng tôi là kẻ thù không đội trời chung với bá tước. Thật ra, một mặt hoàng thân cảm giận nữ công tước, nhưng mặt khác ngài lại tin, cũng như tất cả chúng tôi, là chỉ ông mới có khả năng đưa đến thắng lợi những cuộc vận động về xứ Milanais [\[89\]](#). Quan lớn có cho phép tôi thuật nguyên văn những lời quận vương hay không? Rassi hăng tiết nói. Vị trí tương quan của các từ thường làm nên một diện mạo không diễn dịch được, để tôi thuật lại thì bá tước sẽ nhận thấy rõ hơn cả tôi.

— Tôi cho phép tất, bá tước đáp, tay vẫn lơ dểnh gõ gõ hộp thuốc lá bằng vàng lên mặt bàn cẩm thạch. Tôi cho phép tất và tôi sẽ tỏ lòng biết ơn của tôi.

— Nếu bá tước cho tôi những sắc phong tước có giá trị truyền tử lưu tôn ngoài cái huân chương, thì tôi sẽ hoàn toàn mãn nguyện. Khi tôi nói về việc cầu phong, hoàng thân trả lời: "Một tên vô lại như ông mà là quý tộc ư? Có họa là đóng cửa nhà hàng cho sớm! Rồi thì ở Parme, chẳng ai thèm xin phong nữa!" Tôi xin trở lại với vụ Milanais. Cách đây chưa đầy ba hôm, hoàng thân nói với tôi: Chỉ có tên bọm ấy là theo dõi được mưu toan của ta mà thôi, nếu ta đuổi hần, hoặc hần chạy theo mục công tước, thì cũng bằng ta từ bỏ hy vọng làm vị chúa tể khoan hòa được sùng bái nhất ở nước Ý!".

Nghe đến đó bá tước thở ra khoan khoái và tự nhủ: "Thế là Fabrice sẽ không chết!".

Suốt đời Rassi chưa bao giờ cầu được một cuộc nói chuyện thân mật với thủ tướng, cho nên hôm nay hần sung sướng như điên. Hần thấy sắp lột bỏ được cái tên Rassi, cái tên đã trở thành đồng nghĩa với những gì hèn hạ, xấu xa nhất. Đám bình dân gọi chớ đại là Rassi. Gần đây có mấy anh lính đầu kiếm danh dự chỉ vì một bạn đồng ngũ gọi họ là Rassi. Sau hết, không có tuần nào mà cái tên riêng khốn khổ đó không lọt vào một bài thơ kinh khủng. Con hần, một học sinh vô tội mới mười sáu tuổi, bị xua đuổi khỏi các quán cà phê vì mang tên họ đó.

Những kỷ niệm cháy da đó khiến hần làm một việc liều lĩnh. Hần vừa kéo ghế đến bên ghế bành của bá tước, vừa nói:

— Tôi có một vùng đất đai gọi là xứ Riva, tôi muốn làm nam tước ở đó.

— Sao lại không chứ? Thủ tướng nói.

Rassi mừng như mở cờ trong bụng.

— Thế thì thưa bá tước, tôi xin được tọc mạch, tôi dám phỏng đoán ông nhằm mục đích gì. Ông muốn kết hôn với quận chúa Isota, đó là một tham vọng cao quý. Khi đã là quốc thích thì ông không thể bị bãi chức, ông sẽ xỏ mũi chủ ta. Tôi không giấu là ngài rất không thích quận chúa lấy ông. Nhưng nếu ông giao phó công việc cho một người khôn khéo và đền công hậu hĩ thì có hy vọng thành công.

— Thưa nam tước, tôi thì tôi không có hy vọng! Tôi phủ nhận trước tất cả những lời ông có thể nhân danh tôi mà nói. Nhưng khi cuối cùng, cuộc hôn nhân lừng lẫy ấy đến làm toại ước mong của tôi và đem đến cho tôi một địa vị cao cả bậc nhất trong bộ máy nhà nước, tôi sẽ biếu ông ba mươi vạn francs tiền riêng của tôi và tôi sẽ khuyên hoàng thân ban cho ông một ân huệ mà chính ông sẽ coi trọng hơn số tiền đó.

Bạn đọc sẽ cho cuộc đối thoại này quá kéo dài, tuy nhiên, chúng tôi đã cắt đi hơn một nửa, nó còn kéo dài thêm hai tiếng đồng hồ nữa, Rassi đi ra khỏi nhà bá tước sung sướng đến điên người. Còn bá tước thì nhiều hy vọng cứu được Fabrice và càng cương quyết từ chức. Ông cho rằng uy tín ông cần được tăng bởi sự có mặt của những kẻ như Rassi và tướng Conti ở các vị trí cầm quyền. Ông khoái trá với khả năng trả thù hoàng thân: “Y có thể làm cho nữ công tước bỏ đi. Ông nói, nhưng mẹ kiếp! Y cũng không còn hy vọng gì làm vua lập hiến trên xứ Lombardie nữa”. (Cái ảo vọng này buồn cười, hoàng thân thông minh lắm, nhưng bởi vì cứ mơ màng đến chuyện đó, cho nên ngài hóa ra si dại vì nó).

Bá tước khôn xiết vui mừng chạy ngay đến nhà nữ công tước, định thuật lại cuộc nói chuyện giữa ông và Rassi. Ông thấy bị cấm cửa, người gác cổng hầu như không dám nói thật cái lệnh từ miệng bà chủ truyền ra. Ông buồn bã trở về dinh thủ tướng. Cái tai họa vừa giáng xuống đầu ông át hẳn niềm vui dấy lên qua cuộc trao đổi với người tâm phúc của quận vương. Không còn tâm trí để làm bất cứ việc gì, bá tước buồn bực đi thơ thẩn trong phòng treo tranh. Mười lăm phút sau, ông nhận được mảnh giấy này: “Ông bạn quý mến, nếu đúng chúng ta chỉ còn là bạn với nhau, thì mỗi tuần ông chỉ nên đến nơi tôi ba lần thôi. Mười lăm hôm nữa, chúng ta sẽ giảm xuống mỗi tháng hai lần những cuộc viếng thăm mà lòng tôi rất quý chuộng đó. Nếu ông muốn làm đẹp lòng tôi thì hãy truyền báo rộng rãi cái tin đoạn tuyệt này. Nếu ông muốn đền đáp cho tôi tất cả niềm yêu đương của tôi đối với ông ngày trước, thì ông hãy chọn một người yêu khác, về phần tôi, tôi có những dự định xa hoa, phóng túng lớn: Tôi muốn có mặt nhiều ở xã hội thượng lưu, biết đâu tôi không tìm được một người thông minh làm khuấy khỏa những tai ương mà tôi gặp phải. Chắc chắn với tính cách là bạn thân, ông sẽ chiếm vị trí thứ nhất dành sẵn trong tim tôi, nhưng tôi không muốn cho người ta cứ nói là tôi làm gì cũng do óc thông minh của ông quyết định, nhất là tôi muốn người ta biết rõ tôi không còn có ảnh hưởng gì đối với những quyết định của ông. Tóm lại, bá tước thân mến a, ông hãy tin ông vẫn luôn luôn là người bạn thân thiết nhất của tôi, và cũng không là gì khác. Xin ông vui lòng đừng nghĩ đến việc quay trở lại, nên coi là đã hết tất cả. Hãy tin mãi mãi vào tình bạn của tôi”.

Cái đòn cuối cùng này đau quá, bá tước không đủ can đảm chịu đựng. Ông viết một bức thư rất hay cho quận vương xin từ mọi chức vụ và ông gửi thư đó đến bà công tước, yêu cầu bà cho đưa đến hoàng cung. Lát sau, ông nhận lại bức thư từ chức xé làm tư, ở một khoảng trống, bà công tước hạ cổ viết lên mấy chữ: Không, một nghìn lần không!

Không thể diễn tả sự tuyệt vọng của thủ tướng tội nghiệp. Ông nghĩ thầm: “Nàng nói phải, ta công nhận, ta quên mất, chứ vụ án bất công là một tai họa ghê gớm. Nó có thể đưa đến cái chết của Fabrice và cái chết đó sẽ dẫn đến cái chết của ta. Không muốn đến cung điện hoàng thân trước khi được gọi, tự tay ông viết tờ sắc phong^[90] cho Rassi trong lúc lòng đang chết điếng, sắc chỉ ban huân chương Saint Paul và phong quý tộc truyền cho hắn. Ông dính theo một tờ số nửa trang trình bày những lý do quốc gia cần phải làm như thế. Ông tìm thấy một chút khuấy

khỏa ngao ngán trong việc chép hai công văn ấy và hai bản sao đẹp gửi cho bà công tước.

Bá tước loay hoay với nhiều giả thuyết. Ông đoán xem đường lối xử thế tương lai của người yêu. “Chính nàng cũng không biết đâu, ông tự hào. Chỉ có một điều chắc chắn là không gì trên đời này khiến cho nàng vi phạm những quyết định mà nàng đã một lần tuyên bố với ta. “Điều càng làm cho ông đau khổ và ông không thấy công tước phu nhân đáng trách. Nàng ban tình yêu cho ta, bây giờ nàng không yêu nữa vì lỗi của ta, lỗi lầm vô ý thức, đúng, nhưng có thể đưa đến hậu quả kinh khủng, cho nên ta không có quyền phàn nàn”.

Hôm sau, bá tước được biết là nữ công tước đã lại ra mắt giữa giới quyền quý, tối hôm trước, bà đã đến tất cả mọi nhà có tiếp khách. “Điều gì sẽ xảy ra nếu ta gặp nàng ở cùng một phòng khách nhỉ? Ân nói với nàng thế nào? Dùng giọng lười gì để nói chuyện? Làm sao mà không nói gì với nàng cho được?”.

Ngày hôm sau là một ngày ảm đạm. Có tin đồn rộng rãi là Fabrice sắp bị xử tử, dân phố xô xao. Người ta còn nói thêm rằng quận vương thế tất dòng họ đại thế gia của y, đã quyết định xử chém.

“Chính ta giết nó, bá tước tự nhủ. Ta không mong gì tái hợp với nàng rồi!”. Mặc dù luận ra cái lẽ khá rõ như thế, ông vẫn không tự ngăn mình khỏi đến trước cổng nhà nữ công tước ba lần. Nói cho đúng, ông đi bộ, để cho người ngoài đừng để ý. Trong cơn tuyệt vọng, ông lại đánh bạo viết thư nữa. Ông cho gọi Rassi hai lần, Rassi không đến. “Tên đểu này phản ta rồi”. Bá tước tự bảo.

Ngày hôm sau, ba tin đồn quan trọng làm cho giới thượng lưu Parme, cả giới thị dân nữa xô xao. Tin sắp xử tử Fabrice đã chắc chắn và bổ sung tin này, có cái tin lạ lùng là nữ công tước không có vẻ gì thất vọng cho lắm, căn cứ vào vẻ bên ngoài thì bà chỉ thương tiếc anh nhân tình trẻ này vừa phải, trong khi đó bà lại vô cùng khéo léo ở ngón trang điểm, để lợi dụng nước da trắng xanh vì một cơn cảm mạo khả năng xảy ra lúc Fabrice bị bắt. Qua những chi tiết ấy, tầng lớp thị dân xác định lòng dạ của một bà ở chốn cung đình xưa nay vẫn khô khốc bạc bẽo như thế thôi. Tuy nhiên vì thể diện và cũng như để an ủi linh hồn Fabrice nơi chín suối, bà đoạn tuyệt với bá tước Mosca. Những nhà đạo đức nghiêm nghị Parme thì kêu: “Vô hạnh đến thế là cùng!”. Nhưng mà, có khó tin không? Bà công tước tưởng như đã nghiêng tai sẵn sàng nghe những lời đường mật của mấy thanh niên tuấn tú nhất trong triều. Người ta để ý thấy một trong những điều kỳ lạ là bà ta nói chuyện rất vui vẻ với bá tước Baldi, người tình hiện tại của mụ Raversi, và chế diễu anh chàng nhiều về việc anh ta hay đi đến lâu đài Velleja. Đám tiểu tư sản và bình dân bất bình với cái chết của Fabrice và qui tội cho sự ghen tuông của bá tước Mosca. Giới cung đình cũng bàn tán nhiều về bá tước, nhưng để mà chế diễu. Cái tin thứ ba trong ba tin lớn mà chúng tôi đã báo chính là việc bá tước từ chức, ai cũng chế nhạo người tình nhân lồ bịch đã năm mươi sáu tuổi còn hy sinh một địa vị tuyệt vời vì nỗi sâu muộn bị một người đàn bà tàn nhẫn ruồng bỏ, mà mụ này thì từ lâu đã yêu quý một thanh niên hơn hẳn mình. Chỉ ông tổng giám mục là đủ hiểu biết, nói đúng hơn, đủ thông cảm để đoán thấy vì danh dự, bá tước không thể cứ làm thủ tướng ở một nước mà người ta sắp đem chặt đầu người ông che chở, không hỏi ý kiến ông. Tin bá tước từ chức có hiệu lực làm lành bệnh thấp khớp của tướng Conti, chúng tôi sẽ nói đến đúng lúc, khi chúng tôi thuật về cách Fabrice sống ở ngục thành trong khi cả thành phố xô xao hỏi thăm ngày giờ hành hình anh ta.

Ngày hôm sau bá tước thấy Bruno trở về, Bruno là người thủ hạ trung thành ông đã phái đi Bologne. Ông xúc động khi anh ta vào buồng, nhìn thấy anh, ông hồi tưởng tâm trạng hạnh phúc của mình khi phái anh đi Bologne gần như với sự đồng tình của nữ công tước. Bruno không khám phá được gì hết ở Bologne, anh không tìm thấy Ludovic, viên thị trưởng Castelnovo đã bắt giam anh ấy tại nhà lao thị trấn.

— Tôi phái anh đi Bologne lần nữa, bá tước bảo. Công tước phu nhân tìm thấy một thích thú xót xa ở việc moi ra cho biết các chi tiết về cái tai họa của Fabrice. Anh hãy gặp viên sen đầm

coi bót Castelnovo...

Nhưng không! Bá tước tự cãi lệnh. Hãy đi ngay đến xứ Lombardie phân phát tiền bạc, phân phát nhiều vào cho những người thông tin của ta ở đấy. Mục đích của ta là đòi được ở các người ấy những báo cáo gây tin tưởng nhất.

Khi Bruno đã hiểu rõ mục đích công cán của mình, thì bá tước viết mấy thư giới thiệu. Trong khi dặn dò anh thủ hạ những điều cuối cùng, ông nhận được một bức thư rõ ràng là giả dối, nhưng viết rất hay, có thể nói của bạn viết cho bạn để cây giúp một công việc. Người bạn viết thư đó chính là quận vương. Nghe đồn có những dự định rút lui như thế nào đó, ông van bạn ông, bá tước Mosca hãy ở lại nội các, ông yêu cầu nhân danh tình bạn và những hiểm nguy của tổ quốc, và ông ra lệnh nhân danh là chủ. Ông nói thêm rằng vua nước X vừa tặng ông hai huân chương thượng đẳng của người, ông giữ một, còn một gửi cho bá tước Mosca thân mến của ông.

“Con bò này hại ta! Bá tước giận dữ quát trước mặt anh Bruno sừng sốt, hăn tưởng căm đồ ta được với những lời giả dối đã nhiều lần hăn và ta xếp đặt để đưa một thằng ngốc nào đó vào tròng”. Ông từ chối cái huân chương mà quận vương ban và trong thư trả lời, ông nói tình trạng sức khỏe không cho phép ông có nhiều hy vọng thực hiện lâu dài những nhiệm vụ nặng nề của nội các, ông giận lắm. Lát sau, người ta báo có quan chánh án Rassi đến, ông đối đãi với hăn như một người da đen.

— Ái chà! Vì tôi đã đẩy ông lên hàng quý tộc, ông bắt đầu kiêu căng rồi! Tại sao hôm qua không đến cảm ơn tôi, làm cái bốn phận tối thiểu đó của ông, hở ông lên mặt?

Tay Rassi vốn là người chẳng thém chấp những lời mắng nhiếc, hăn được hoàng thân tiếp với giọng đó hàng ngày. Nhưng hăn muốn được làm nam tước tự bào chữa một cách thông minh. Chẳng khó khăn gì.

— Hôm qua, hoàng thân bắt tôi ngồi chết dí trước bàn cả ngày. Tuồng chữ biện lý của tôi xấu là thế, mà ngài cứ bảo tôi sao chép một mớ công văn ngoại ngữ ngớ ngẩn và dài dòng đến nỗi tôi ngờ mục đích duy nhất của ngài thực ra là cầm tù tôi. Khi cuối cùng tôi xin cáo từ được, vào lúc năm giờ chiều, người lái đi vì đói thì ngài ra lệnh cho tôi về thẳng nhà và đừng đi đâu hết trong buổi tối. Quả có hai thám tử riêng của hoàng thân, mà tôi biết mặt, lảng vảng ở đường phố chỗ tôi đến nửa đêm. Sáng nay, khi có thể đi được thì tôi gọi một cái xe đưa tôi đến tận cửa nhà thờ lớn. Tôi bước xuống xe rất chậm rãi rồi dầm dề chạy xuyên qua nhà thờ và xin có mặt! Quan lớn hiện nay là người quyền quý mà tôi say sưa muốn được làm vừa lòng.

— Còn tôi, ông hề tuồng ạ, tôi không mắc lỡm vì mấy cái chuyện khéo bịa của ông. Hôm kia, ông không chịu nói gì với tôi về Fabrice. Tôi đã tôn trọng những bản khoản và những lời thề thốt của ông liên quan đến điều bí mật, mặc dù những lời thề của một người như ông bất quá chỉ là những phương tiện để đầu hàng. Hôm nay, tôi muốn biết sự thật. Những tin đồn nhảm nhí nói rằng Fabrice bị kết án tử hình vì đã giết tên Giletti là thế nào?

— Không ai có thể báo cáo với quan lớn về những tin đồn ấy rõ hơn tôi, bởi vì chính tôi cho phao những tin đồn ấy theo lệnh hoàng thân. Bây giờ tôi mới nghĩ ra, có lẽ vì muốn ngăn ngừa tôi thuật lại với ông cho nên hôm qua ngài cứ giữ tôi cả ngày. Hoàng thân vốn không cho tôi là một thằng điên dại, cho nên ngài định ninh là tôi phải mang cái huân chương đến quan lớn và van xin quan lớn ghim vào ve áo cho tôi.

Thủ tướng la lớn:

— Đi vào sự việc đi! Và đừng lảm lòi!

— Không nghi ngờ gì nữa, hoàng thân muốn có một bản án tử hình đối với ông Dongo, nhưng ngài chỉ có một bản án hai mươi năm xiềng xích[91] như bá tước đã biết, cái bản án ấy

ngày hôm sau lại do ngài hoán cải xuống mười hai năm cấm cố ngục thành, với chế độ bánh nhạt nước trong những ngày thứ sáu và những ngày lễ của nhà thờ.

— Vì tôi chỉ biết cái án cấm cố ngục thành đó mà thôi, cho nên tôi lo ngại về những tiếng đồn xử tử loang rộng trong thành phố. Tôi còn nhớ cái chết của bá tước Palanza mà ông che giấu quá khéo.

— Ấy lúc đó chính là lúc tôi đang được thưởng huân chương! Rassi kêu to, không mấy may bồi rối. Đáng lẽ tôi phải thắt dây khi đã nắm được mối, bởi vì ông ta muốn có cái chết ấy. Hồi đó tôi là một thằng ngốc. Năm kinh nghiệm ấy, ngày nay tôi dám khuyên bá tước không nên bắt chước tôi. (Sự so sánh ấy, ông thủ tướng thấy khả ố quá, phải dằn lòng mới không đá đít Rassi).

— Ông làm thế là khôn đó, bá tước nói và quắc mắt nhìn Rassi, dáng nghiêm khắc.

— Phải phân biệt. Rassi mỉm cười nói tiếp. Tôi, tôi chỉ có quyền đối với những cái chết chính thức, nếu ông Del Dongo chết vì đau bụng thì chớ có quy trách nhiệm cho tôi. Tôi không biết vì sao mà hoàng thân giận ả Sanseverina quá dữ (ba hôm trước hẳn Rassi đã gọi công tước phu nhân, nhưng nay thì cũng như cả thành phố, hẳn biết bà và thủ tướng đã đoạn tuyệt).

Bá tước kinh ngạc về việc một tên hèn hạ như thế đã tước mất danh hiệu của nữ công tước, và ta có thể đoán ông lấy làm thú vị như thế nào! Ông đưa đôi mắt hùng hực thù hận nhìn Rassi, rồi ông nhấn mạnh: “Hỡi nữ thiên thần của ta, ta chỉ có thể chứng tỏ tình yêu của ta bằng cách nhắm mắt làm theo lệnh nàng”.

— Tôi thú thật với ông là tôi không tha thiết gì với những cơn cao hứng của công tước phu nhân. Tuy nhiên vì bà ấy đã gửi gắm cái thằng Fabrice bất trị ấy cho tôi, đáng lẽ hẳn cứ ở Naples chứ đừng đến đây làm rối mù công việc của chúng ta, tôi không muốn hẳn bị giết trong khi tôi còn tại vị. Tôi vui lòng hứa với ông rằng ông sẽ được phong nam tước trong khoảng tám hôm sau khi hẳn ra tù.

— Thừa bá tước, nếu vậy thì tôi chỉ được phong tước nam già dặn mười hai năm nữa, bởi vì hoàng thân giận ghê gớm và căm thù bà công tước sâu sắc đến nỗi ngài tìm cách giấu đi.

— Điện hạ tốt thật! Ngài cần gì giấu lòng căm ghét của ngài khi quan thủ tướng của ngài không che chở cho nữ công tước nữa? Tuy nhiên tôi không muốn người ta bảo tôi là đê tiện, nhất là ghen tuông, chính tôi đã đưa bà công tước đến xứ này, cho nên nếu Fabrice chết trong nhà lao thì ông sẽ không là nam tước, mà có lẽ bị đâm chết cũng nên. Nhưng hãy gác lại cái chuyện vặt vãnh đó, vấn đề là tôi đã kết toán gia sản của tôi, chỉ được ngót hai vạn francs thực lợi, xong tôi đã kính cẩn đệ đơn xin từ chức lên nhà vua. Tôi có ít nhiều hy vọng được quốc vương Naples thu dụng, thành phố lớn ấy sẽ cho tôi những thứ giải trí lúc này tôi đang cần mà không thể tìm thấy ở cái hốc Parme này. Tôi chỉ ở đây cho đến khi ông làm mối quận chúa Isota cho tôi thành công mà thôi v.v...

Câu chuyện kéo dài bất tận trên hướng ấy. Khi Rassi đứng lên, bá tước nói, vẻ lơ đãng:

— Ông biết người ta nói Fabrice lừa tôi, nghĩa là hẳn là một trong những nhân tình của bà công tước, tôi không thừa nhận chuyện đồn đại ấy và để cải chính, tôi muốn ông trao túi tiền này cho Fabrice.

Rassi dăm hoảng nhìn túi tiền nói:

— Nhưng thưa bá tước, số tiền trong đó to quá và quy chế...

— Có thể là to đối với ông, ông bạn thân mến ạ, bá tước đáp với cái vẻ khinh bỉ cao độ, một anh tư sản như ông, khi gửi tiền cho bạn ở trong tù, gửi mười đồng vàng đã tưởng mình khảnh

kiệt. Tôi muốn Fabrice nhận sáu nghìn francs này và cần nhất là cung đình không được hay biết gì hết về việc trao gửi này.

Vì Rassi hoảng sợ toan trả lời, bá tước sốt ruột đóng cửa lại. “Cái ngữ ấy chỉ thấy uy quyền đằng sau sự ngạo mạn” Ông nói thế rồi làm một việc quá lỗ bịch đến nỗi chúng tôi thuật lại mà cũng thấy ngại. Ông chạy vào bàn giấy lấy một bức chân dung nhỏ của nữ công tước cầm lên hôn lấy hôn để, hôn say sưa. “Xin lỗi em, nữ thiên thần của anh. Ông kêu lên, anh xin lỗi em vì không tự tay tóm tóc ném qua cửa sổ cái thằng đã dám nói về em một cách khinh bỉ. Anh xử sự quá điềm tĩnh như vậy là vì vâng lệnh em! Hấn cứ chờ đó mà xem, có thiệt gì!”.

Thầm thì mãi với bức chân dung xong, cảm thấy lòng quá ngao ngán, ông nghĩ ra một việc buồn cười và sốt sắng thi hành. Ông gọi hầu phòng lấy cho một cái áo có đính các huân chương và mặc đến thăm bà quận chúa già Isota. Cả đời ông chỉ đến đó vào dịp đầu năm. Bà mặc rất diện, ngồi với mấy con chó của bà, đeo cả kim cương như khi đi vào triều. Bá tước tỏ ý lo có quấy rầy công nương chẳng, vì hình như công nương sắp đi đâu, công nương trả lời với thủ tướng là một quận chúa Parme phải giữ thể của mình bằng cách luôn luôn ăn mặc như thế. Lần đầu tiên sau khi gặp tai họa, bá tước cảm thấy vui vui. “Ta đến chỗ này là phải lắm, ông tự hào, và ngay từ hôm nay phải tỏ tình đi”. Quận chúa rất sung sướng được thấy một người nổi tiếng thông minh, một thủ tướng đến thăm viếng mình, cô gái già không mấy khi được tiếp nhưng người như thế. Bá tước bắt đầu bằng những lời phi lộ khéo léo về khoảng cách lớn lao giữa một người quý tộc bình thường và một người trong hoàng gia. Quận chúa đáp: Phải biết chỗ khác nhau, công chúa của một ông vua nước Pháp chẳng hạn, không có hy vọng gì đội vương miện một ngày nào đó, sự việc không diễn ra như thế trong hoàng gia Parme. Bởi vậy những người họ Farnese chúng tôi phải luôn luôn giữ phẩm giá bên ngoài. Và tôi, một quận chúa tầm thường như ông thấy, tôi không thể nói tuyệt đối rằng ông sẽ không là thủ tướng của tôi một ngày kia.

Cái ý kỳ quặc bất ngờ này lại làm cho ông bá tước đáng thương được cười thầm thú vị một lần nữa.

Quận chúa Isota đỏ mặt xấu hổ khi nghe ông thủ tướng bày tỏ tình yêu của mình. Ra khỏi phủ quận chúa, ông gặp một sĩ quan hầu cận ở hoàng cung, hoàng thân cho triệu ông cấp tốc.

— Tôi ốm! Ông thủ tướng rất thú được dợt vương chủ của mình một lần chơi, nên đáp như vậy, rồi giận dữ thét to:

- Chà! Chà! Ngài đẩy tôi đến chỗ cùng đường, rồi ngài còn muốn tôi phụng sự ngài. Ngài quận vương của tôi ạ, ngài nên biết rằng ở thời đại này, nhận vương quyền do thưởng để ban chưa đủ, muốn làm một ông vua chuyên chế phải rất thông minh và có chí khí.

Viên sĩ quan hầu cận rất thắc mắc về khỏe mạnh của người ốm đó, sau khi cho anh ta lui, bá tước thấy nên đến hai nhân vật ở triều đình có ảnh hưởng nhất đối với tướng Fabio Conti. Điều khiến cho bá tước rùng mình lo ngại và nản lòng là quan trấn thủ ngục thành bị dư luận qui tội là trước đây, vì thù hiềm riêng ông đã trừ khử một viên đại úy bằng chất aquetta[92] xứ Pérouse.

CHƯƠNG XVIII

Bá tước biết rằng tám ngày qua, nữ công tước đã tiêu phí những khoản tiền to ghê gớm để tìm người đồng tình trong nhà ngục, nhưng theo ông thì ít có hy vọng thành công vì mất mọi người hãy còn mở to quá. Chúng tôi không kể với độc giả tất cả những cố gắng mua chuộc của người phụ nữ khốn khổ đó, bà đang lo hoang lên và nhiều thủ hạ đủ loại và tận tâm đang giúp bà. Tuy nhiên chỉ có một loại công việc mà người ta thực hiện hoàn hảo trong các triều đình chuyên chế nhỏ, đó là việc giam giữ những người tù chính trị. Vàng của nữ công tước chỉ có hiệu quả làm đuổi khỏi ngục thành chín, mười nhân viên đủ cấp bậc. Thế là sự tận tụy hoàn toàn vì người tù, bà công tước và ông thủ tướng vẫn không làm được gì nhiều cho anh ta. Quận vương giận dữ, triều đình và dân chúng lấy làm ức với Fabrice, nay thích thú thấy anh mang họa, anh đã quá sướng mà! Bà công tước vung tay vãi vàng ra nhưng cũng không tiến được bước nào vào nhà ngục. Không có ngày nào là nữ hầu tước Raversi hoặc hiệp sĩ Riscara không có ý kiến để thông báo với tướng Conti. Họ cố vực con người hèn yếu ấy lên.

Như chúng tôi đã nói, ngay hôm Fabrice vào tù, anh được đưa đến lầu quan trấn thủ trước hết. Đó là một tòa lầu nhỏ xinh xắn xây dựng vào thế kỷ trước theo bản họa của Vanvitelli, nhà kiến trúc ấy đã đặt để tòa lầu kia trên sân thượng của cái tháp tròn khổng lồ, ở độ cao ba mươi sáu sải tay[93]. Tòa lầu dài nhỏ đó cô lập trên lưng ngôi tháp cao lớn như cái u một con lạc đà, từ các cửa sổ của tòa lầu, Fabrice nhìn thấy đồng ruộng và dãy Alpes ở khoảng xa, anh đưa mắt trông theo dòng sông Parme chảy dưới chân thành, một thứ suối hơn là sông, đi vòng quanh bên phải cách thành phố bốn dặm rồi đổ vào sông Pô. Con sông Pô này bày ra một chuỗi những khoảng trống mênh mông giữa cảnh nông thôn xanh ngắt, ở sâu sau tả ngạn, mắt Fabrice thích thú phân biệt từng chóp núi trong bức trường thành vĩ đại mà dãy Alpes dựng lên ở phía Bắc nước Ý. Bấy giờ đã vào tháng tám, thế mà các ngọn núi ấy vẫn cứ phủ tuyết cũng như bất cứ lúc nào, khiến người ta nhìn mà cảm thấy mát mẻ vì hồi tưởng giữa những cánh đồng nóng bỏng này. Mắt có thể nhìn thấy từng chi tiết nhỏ nhất, tuy núi ở cách thành những ba mươi dặm. Cảnh trí rộng lớn nhìn thấy từ tòa lầu xinh xắn của quan trấn thủ có thể bị che khuất một phần về phía nam bởi cái tháp Farnèse, trong đó người ta đang thu xếp vội vàng một cái buồng con cho Fabrice. Cái tháp thứ hai này, như bạn đọc có lẽ còn nhớ, được xây dựng trên sân thượng của tháp lớn, tháp được cất để nghênh cư một vị đông cung thế tử đã làm khác hẳn với Hippolyte con vua Thésée, không từ chối sự chiếu cố của bà kế mẫu trẻ[94]. Bà vương phi ấy chết sau mấy tiếng đồng hồ, thế tử chỉ được phóng thích mười bảy năm sau, để lên ngôi khi phụ vương băng hà.

Người ta đưa Fabrice lên tháp Farnèse bốn mươi lăm phút sau khi anh đến ngục thành. Cái tháp ấy bề ngoài trông rất xấu xí, nó cao ngất ngưỡng ước đến mười sải trên sân thượng của tháp lớn và lồm chồm những cột thu lôi. Quận vương bất bình vợ, đã cho xây dựng tháp thế nào để khắp mọi phía người ta đều nhìn thấy, nhưng lại có cái ý đồ kỳ quặc là làm cho thần dân tin rằng tháp đã cất từ lâu đời, ngài bắt nó mang cái tên Tháp Farnèse. Hồi ấy người ta cấm nói đến việc xây dựng tháp, thế mà từ mọi khu phố ở Parme, từ khắp nơi trên các đồng bằng lân cận, người ta thấy rõ mồn một các chủ thợ nề đặt từng tảng đá làm nên cái lầu ngũ giác kia. Để chứng tỏ tháp cất từ xưa, người ta gắn ở phía trên cái cửa ra vào rộng ba gang tay, cao sáu gang một tấm phù điêu tuyệt đẹp khắc họa cảnh tướng Alexandre Farnèse nổi tiếng bức bách vua Henri IV[95] xa rời Paris. Ở vị trí đẹp dễ như vậy, tháp Farnèse gồm có một tầng nền bề dãi ít ra là bốn mươi bước, bề ngang tương xứng, dày đặc những cột trụ to bề vì cái phòng rộng mênh mông ấy không cao quá năm thước. Phòng đó dùng làm bót gác, từ giữa phòng, một cầu thang xoáy tròn ốc xoay quanh một trong những cột trụ ấy, đó là một cái thang nhỏ bằng sắt trạm lòng, rất nhẹ, rộng chưa đầy bảy tấc. Fabrice leo lên cái cầu thang rung rinh dưới mấy cây thịt của bọn lính coi ngục, để đến những buồng rộng, cao đến bảy thước, làm thành tầng một rất đẹp. Ngày xưa, những buồng ấy được bày bàn ghế sang trọng nhất để cho thế tử dùng, và thế tử đã sống ở đấy mười bảy năm trong tuổi xuân tươi của đời mình. Người ta chỉ cho người tù mới một nhà nguyện hết sức tráng lệ ở một đầu phòng, tường và vòm cuốn ở đấy đều bọc toàn cẩm thạch đen, cột cũng đen, có kích thước cân đối và đứng xếp hàng dọc các bức tường

đen, nhưng không trạm vào tường, mấy bức tường được trang trí nhiều sọ dừa bằng cẩm thạch trắng, kích thước khổng lồ, chạm trổ rất khéo và đặt thêm hai xương ống xếp chéo chữ X. Fabrice nghĩ thầm: “Đây quả là một phát minh của lòng căm thù không trả thù được bằng giết hại! Người ta nghĩ thế quái nào mà chỉ cho ta xem những thứ này?”

Một cầu thang bằng sắt chạy chỉ vàng thanh thoát và xoáy quanh một cột trụ, đưa đến tầng hai nhà ngục ấy; chính ở các buồng cao năm thước ở tầng hai này, tướng Fabio Conti đã chứng tỏ thiên tài của ông từ một năm nay. Trước hết, ông điều khiển thợ lắp chấn song bằng sắt vào tất cả các cửa sổ ở mấy buồng ấy; các buồng này, ngày xưa để cho gia nhân ở, nằm ngất ngưỡng cách nền đá sân thượng của tháp lớn những mười thước. Mỗi buồng đều có hai cửa sổ, muốn đến các buồng ấy phải đi qua một hành lang tối tăm; ở hành lang rất hẹp đó Fabrice nhận thấy có ba cửa sắt liên tiếp làm bằng những thanh sắt to tướng vươn thẳng lên tới vòm mái. Tất cả các hình chiếu bằng, chiếu đứng, chiếu mặt cắt của các phát minh tốt đẹp đó đã làm cho quan tướng vinh dự được hoàng thân tiếp kiến mỗi tuần một lần trong suốt hai năm. Một tên phiến loạn nhốt trong một phòng như thế không thể kêu ca với dư luận là mình bị đối xử vô nhân đạo, tuy nhiên, anh ta không thể thông tin với bất cứ một ai, và cũng không thể có cử động gì mà người ta không nghe thấy. Quan tướng đã đặt ở mỗi buồng những thớt sồi to làm nên một thứ ghế dài cao một thước, đó là phát minh chính đáng của quan tướng, phát minh này mang đến cho ông khả năng làm bộ trưởng bộ công an. Trên mấy chiếc ghế đó, ông đã dựng nên một cái buồng con bằng ván tấm, cao hơn ba thước, rất nhậy âm vang và chỉ giáp với tường thành ở phía có cửa sổ. Ở ba mặt kia, có một hành lang nhỏ, rộng khoảng một thước ba, giữa tường thành cũ và nhà ngục xây với những tảng đá lớn và những tấm ván làm phen cho cái buồng. Cái phen ấy làm bằng bốn tấm kép gỗ hồ đào, gỗ sồi, gỗ thông ghép chắc chắn với nhau bởi những Boulon sắt và vô số đinh.

Fabrice được đưa vào một trong những căn buồng mới làm từ một năm nay và đó là kiệt tác của tướng Conti, buồng phòng giam Fabrice được đặt cái tên tốt đẹp là phục tùng thụ động. Vừa vào, anh đã chạy đến các cửa sổ. Quang cảnh nhìn thấy qua cửa sổ có song sắt đó thật là tuyệt vời, chân trời chỉ bị che lấp một mảng nhỏ về phía tây bắc bởi mái nhà lâu của quan trấn thủ. Lầu này chỉ có hai tầng, tầng nền dùng làm bàn giấy cho ban tham mưu. Thoạt tiên, Fabrice bị cuốn hút bởi một cửa sổ ở tầng gác, nơi ấy có vô số chim chóc đủ loại, nuôi trong những lồng xinh xắn. Anh vui thích nghe chúng hót và nhìn chúng chào những tia sáng cuối cùng của hoàng hôn, trong khi bọn lính coi ngục lảng vảng quanh anh. Ô cửa sổ có lồng chim ấy cách một trong hai ô cửa sổ của anh chưa đầy tám thước và thấp hơn chừng vài thước về bên dưới, cho nên hề cứ nhìn xuống là thấy chim.

Hôm ấy có trăng, khi Fabrice vào buồng giam thì trăng mọc ngay ngà ở chân trời, về bên phải, trên dãy Alpes, về phía Trévisé. Lúc đó mới tám giờ rưỡi tối, ở phía chân trời đối diện, một màu sáng da cam trong hoàng hôn vẽ nên thật rõ nét hình dạng ngọn núi Viso và những đỉnh núi Alpes khác chạy từ Nice đến các đỉnh Cenis và Turin. Chẳng còn nghĩ ngợi gì về tai họa của mình, Fabrice xúc động và ngây ngất trước cảnh trí tuyệt vời ấy. Hóa ra Clélia Conti sống trong thế giới thần tiên! Tâm hồn suy tư và đứng đắn của nàng tất phải thưởng thức cảnh vật này hơn một kẻ khác, sống ở đây cũng không khác gì sống ở những hòn núi cô quạnh cách Parme hàng trăm dặm.

Đứng ở ô cửa sổ hơn hai tiếng đồng hồ, say sưa với cảnh trời đất nói nhiều với tâm hồn mình, và cũng lắm lúc nhìn vào tòa lâu xinh xắn của quan trấn thủ, đột nhiên Fabrice kêu lên: “Chà! Nơi này có phải là một nhà tù không. Cái mà ta từng sợ hãi ghê gớm có phải là cái này không? Đáng lẽ mỗi bước mỗi nhìn thấy những điều khó chịu, những chuyện bất bình, người anh hùng của chúng ta lại say sưa thích thú với cảnh tù ngục.

Một sự huyền ảo kinh người làm anh choàng tỉnh và trở về với thực tại. Cái buồng gỗ khá giống một cái chuồng và rất nhậy âm vang của anh bỗng rung động ghê gớm. Tiếng chó sủa cùng với những tiếng kêu rít chen lẫn vào trong tiếng ồn lạ lùng ấy. “Cái gì thế nhỉ! Ta sắp được ra tù sớm như vậy sao?” Fabrice nghĩ thầm. Lát sau anh cười, cười lăn cười bò, cười như có lẽ

chưa bao giờ có một người tù cười.

Theo lệnh của quan tướng, người ta đã cho một con chó giống anglais rất dữ cùng lên tháp Fácnezor với lính coi ngục, con chó ấy có bốn phận canh giữ những tù nhân quan trọng, nó được cho lên đây để ngủ đêm ở khoảng trống xếp đặt rất có trí ý chung quanh cái buồng của Fabrice. Con chó và người canh ngục sẽ ngủ ở khoảng cách một thước giữa nền đá nguyên cũ và cái sàn gỗ, trên đó người tù đi một bước chúng cũng nghe tiếng động.

Buồng phục tùng tự động bị khoảng một trăm con chuột cống kéch xù chiếm lĩnh, khi Fabrice đến chúng chạy trốn khắp các ngả. Con chó đó thuộc loại chó lai giữa giống chó xù Tây Ban Nha với giống chó đào hang ở Anh, nó không đẹp nhưng bù lại rất nhanh nhẹn. Người ta xích nó ở nền đá dưới sàn gỗ, nhưng khi nghe thấy chuột chạy sát bên mình, nó vùng vẩy dữ dội lạ thường đến nỗi vòng cổ tụt khỏi đầu. Thế là xảy ra một cuộc chiến đấu oai hùng mà sự huyền não thức tỉnh Fabrice khỏi cơn mơ mộng vui tươi của anh. Những con chuột không bị chó cắn chết từ hiệp đầu chạy trốn lên buồng gỗ, chó phóng theo, vượt sáu nấc thang từ nền đá lên buồng giam. Thế là sự huyền não còn tăng đến độ khủng khiếp hơn nhiều, cái hốc gỗ rung rinh đến tận sàn. Fabrice cười như một thằng điên, cười đến chảy nước mắt, nước mũi, tên coi ngục Grillo cũng cười không kém và đã đóng cửa ra vào, con chó săn đuổi chuột không vướng mắc gì cả vì cái buồng tuyệt đối trơ trụi, chỉ có cái lò sắt ở một góc là có làm trở ngại chút ít những bước nhảy của nó. Khi con chó chiến thắng xong tất cả kẻ thù, Fabrice gọi nó đến vuốt ve và đã làm cho nó ưa thích. “Nếu có khi nào con chó này thấy ta nhảy qua tường, anh tự nhủ, nó sẽ không sửa lên đâu”. Nhưng cái đường lối chính trị tình vì đó chỉ là một sự mơ màng thôi, trong trạng thái tâm hồn lúc ấy, anh chỉ thấy sung sướng được chơi với con chó. Không biết có một cái gì kỳ quặc đó mà anh không nghĩ tới, một niềm vui bí ẩn đã xuất hiện ở sâu trong tâm hồn anh.

Nô đùa với con chó đã khá mệt, anh mới hỏi người lính gác ngục:

— Anh tên gì?

— Grillo, để phục vụ ông lớn trong mọi việc mà qui chế không cấm.

— Thế thì, anh Grillo thân mến ạ, tên Giletti định giết tôi trên đường cái, tôi chống cự và đã giết nó, nếu gặp thế nữa thì tôi phải giết thôi. Tuy nhiên tôi vẫn định sống vui vẻ đầy đủ trong khi là khách của anh. Hãy xin phép các ông sếp của anh và đến lấy áo quần ở lâu đài nữ công tước Sanseverina cho tôi, ngoài ra, hãy mua hộ tôi nhiều rượu nébieu d'Asti vào.

Đó là một thứ rượu vang bọt khá ngon cất tại đất Piémont, nơi quê hương Alfieri^[96], rượu này được người ta ưa thích, nhất là hạng tài tử môn nhậu nhẹt như lũ lính gác ngục này. Bảy tám vị thuộc hạng người ấy đang mang lên buồng gỗ của Fabrice mấy cái bàn ghế cổ kính thiếp vàng chói lọi lấy ở tầng một, trong phòng thế tử xưa kia, tất cả bọn họ kính cẩn ghi lòng tạc dạ câu nói về rượu Asti. Dù họ làm cách gì, việc ổn định chỗ ăn nằm cho Fabrice cái đêm đầu này cũng thảm hại lắm, tuy nhiên anh có vẻ như chỉ phật ý vì vắng một chai nébieu ngon. Lúc ra về, bọn lính gác ngục nói:

— Anh chàng này có vẻ là một chú bé ngoan. Chỉ còn nên ước một điều là các ông lớn của chúng ta để cho nó nhận tiền.

Khi còn lại một mình và được trầm tĩnh sau cảnh huyền não, Fabrice nhìn khoảng chân trời bao la trải từ Trévisé đến đỉnh Viso dãy núi Alpes rộng lớn, những chóp phủ tuyết, sao trên trời... và tự bảo: “Nơi đây đâu đáng coi là một nhà ngục. Và đêm nay đâu phải là đêm đầu trong ngục! Ta hiểu vì sao Clélia Conti thích thú ngự trên cảnh vắng vẻ thiên đình này, nơi đây ở cách hàng ngàn dặm những ti tiện, những hiểm ác quấy động con người dưới kia. Nếu những con chim ở dưới cửa sổ ta là của nàng thì ta sẽ được trông thấy nàng... Nhìn thấy ta, nàng có xấu hổ không nhỉ?” Trong khi trí óc anh loay hoay với vấn đề trọng đại ấy, thì giấc ngủ đến, vào lúc đã khá khuya.

Cái đêm đầu tiên ở tù đó, Fabrice không lúc nào bức dọc cả, nhưng ngay hôm sau, anh chỉ còn chuyện trò được với con chó giống anglais mà thôi, Grillo vẫn nhìn anh chan chứa cảm tình, nhưng có lệnh mới làm cho y hóa câm và y cũng không mang áo quần, rượu riếc gì tới cả.

Buổi sáng thức dậy, Fabrice tự hỏi: “Ta có sẽ được thấy Clélia không? Nhưng chim ấy có phải của nàng không đã?” Chim bắt đầu kêu riu rít và hót, ở độ cao ấy, đây là tiếng duy nhất nghe thấy giữa không trung. Cái im lặng rộng lớn trên tầm cao này gây cho Fabrice một cảm giác ban đầu mới lạ và lý thú, anh say sưa nghe những tiếng hót nhỏ nhẹ đứt quãng và giòn giã, những tiếng hót chào ánh sáng ban mai. “Nếu là chim của nàng, nàng sẽ đến phòng kia một lát và hiện ra ở đây, dưới cửa sổ ta; trong khi nhìn ngắm những dãy núi Alps mênh mông, mà đối diện với những mỏm thấp là vòng thành Parme lù lù như một công sự tiền tiêu của nó, mắt anh mỗi lúc mỗi trở về với mấy cái lồng chim xinh đẹp; mấy lồng ấy làm bằng gỗ chanh và gỗ đào tâm căng dây thép mạ vàng và được treo giữa cái phòng sáng sủa làm thành chuồng ngoài cho lũ chim. Sau này Fabrice mới biết phòng này là phòng duy nhất ở tầng hai có bóng râm khoảng từ mười một đến bốn giờ, tháp Farnèse che ánh mặt trời cho nó.

“Ta sẽ buồn biết bao nhiêu, Fabrice tự nhủ, nếu ta chờ đợi gương mặt khiêm tốn và trầm tư có lẽ sẽ đổ lên một tí đó, mà nó không hiện ra và thay cho nó, chỉ thấy cái mặt to phệ của một chỉ huy phòng thông thường được giao công việc săn sóc cho chim! Tuy nhiên, nếu ta nhìn thấy Clélia thì nàng có chịu nhìn thấy ta không? Ừ phải làm nhộn lên một chút mới được để ý! Ở vị trí này phải có một vài đặc quyền chứ! Vả lại, chỉ có hai ta ở đây mà thôi, và cách biệt với xã hội biết bao nhiêu: Ta là một tên tù, rõ ràng thuộc hạng mà tướng Conti và những đứa khốn nạn đồng loại gọi là những kẻ lệ thuộc chúng... Nhưng nàng thì thông minh, nói cho đúng hơn, nàng có tâm hồn cao quý, như bá tước đoán, cho nên như bá tước nói, nàng khinh cái ghế của bố do đó mà nàng âu sầu. Nguyên nhân u hoài của nàng mới cao quý làm sao! Suy cho cùng thì ta đâu hẳn là một người xa lạ đối với nàng? Chiều hôm qua nàng đã chào ta dịu dàng và từ tốn biết bao nhiêu! Ta nhớ như in là lúc gặp nhau ở gần hồ Côme, ta có nói: Một ngày kia, tôi sẽ đến xem những bức tranh đẹp của cô ở Parme; lúc ấy cô có còn nhớ đến cái tên Fabrice Del Dongo nữa hay không? Nàng đã quên rồi chăng? Hồi đó nàng còn nhỏ tuổi quá mà!”.

Bỗng Fabrice lấy làm lạ cho mình. Anh cắt dòng suy nghĩ tự nhủ: “Ái chà! Ta quên nổi nóng rồi. Phải chăng ta cũng có cái đức dũng cảm lớn lao mà thời cổ đại đã nêu vài gương sáng cho nhân loại? Ta có là một anh hùng mà không tự biết hay không? Làm sao ta vốn sợ lao tù đến thế mà nay vào tù ta lại thấy chưa có sự nào buồn! Nói như người ta mà đúng đấy; sợ bị nạn khổ gấp trăm lần bị nạn. Thế nào! Ta cần phải thuyết phục ta để mà buồn về cảnh tù ngục này hay sao? Thế mà theo cha Blanès thì thời hạn tù này có thể là mười năm, hoặc là mười tháng! Phải chăng cảnh dọn nhà mới lạ này làm ta khuây lãng nỗi buồn khổ mà đáng lý ta phải cảm thấy? Có lẽ sự vui thích ở ngoài ý chí của ta và không hợp lý này sẽ chấm dứt đột ngột, có lẽ chỉ trong giây lát ta sẽ rơi vào niềm đau khổ u ám mà ta đang có.

Dẫu sao, ở tù mà phải thuyết lý với mình mới thấy buồn thì cũng lạ! Nói thật, ta phải trở lại với giả thiết của ta mới ổn; có lẽ ta là một người có chí khí lớn!

Người thợ mộc của ngục thành đến lấy kích thước để lắp mái che nắng ở các cửa sổ làm đứt mạch mộng mơ của Fabrice. Nhà ngục này được dùng lần đầu cho nên người ta phải bổ sung bộ phận quan trọng này, bộ phận mà ngày xưa người ta quên làm.

Fabrice thầm nghĩ: “Thế là ta không được nhìn cảnh trí tuyệt vời ấy nữa rồi!”. Và anh cố rầu rĩ về sự mất mát ấy. Thành linh anh kêu to lên bảo người thợ mộc:

— Thế nào! Ta không được nhìn thấy những con chim ấy nữa sao?

— À! Mấy con chim của tiểu thư! Mấy con chim mà cô yêu quý hết sức ấy à? Ông thợ mộc nói, vẻ thuần hậu; chúng nó bị che, bị khuất, và biến mất cũng như tất cả những thứ khác.

Bác phó mộc cũng bị cấm nói, cấm chặt chẽ như lính ngục, nhưng bác thương hại tuổi trẻ

của người tù. Bác cho Fabrice biết là những mái che nắng[97] to rộng ấy, được lắp vào bậu hai cái cửa sổ và càng lên cao càng dang ra xa tưởng sẽ chỉ để cho tù nhân được nhìn thấy trời mà thôi.

— Người ta làm như thế vì mục đích đạo đức đấy, bác nói, để tăng nỗi buồn lạnh mạnh và sự ham muốn cải hối của tù nhân; quan tướng cũng nghĩ ra việc gỡ kính đi và lắp giấy dầu vào các cửa sổ cho họ.

Fabrice rất ưa cái lối châm biếm như vậy trong lúc chuyện trò, thường ít thấy ở nước Ý.

— Tôi rất thích có một con chim để giải trí, tôi mê chim. Bác hãy hỏi chị hầu phòng của tiểu thư Clélia Conti mua hộ tôi một con.

— Sao! Bác phó mặc hỏi - ông biết cô ấy à, nên mới nói rõ họ tên cô được thế chứ?

— Ai mà không nghe nói đến người đẹp lấy lòng danh tiếng ấy? Tuy nhiên riêng tôi có vinh hạnh được gặp cô nhiều lần ở triều đình.

— Ở đây cô tiểu thư tội nghiệp ấy buồn chán lắm, bác phó mặc nói tiếp. Cô sống với lũ chim của cô. Sáng nay cô vừa cho mua mấy cây cam rất đẹp, cô bảo đặt ở cửa tháp, dưới cửa sổ ông. Không có cái bệ tường thì ông có thể thấy cam rồi.

Trong những câu trả lời ấy có những tiếng rất quý đối với Fabrice; anh tìm ra một cách khéo léo để biểu bác thợ mộc một ít tiền. Bác nói:

— Tôi phạm hai lỗi một lần; tôi nói chuyện với ông lớn và tôi nhận tiền. Ngày kia khi trở lại lắp mái che nắng, tôi sẽ bọc trong túi một chú chim và nếu còn có người khác nữa thì tôi vờ cho chú bay đi. Nếu có thể, tôi sẽ còn đem cho ông một cuốn kinh nữa; không được cầu kinh thì chắc ông khổ lắm.

Khi còn một mình. Fabrice tự nhủ: “Vây những con chim ấy là của nàng; thế nhưng trong hai hôm nữa thì ta không nhìn thấy chúng nó! Nghĩ đến đó, mắt anh đỏ ra ử dột. Nhưng rồi sau bao nhiêu chờ đợi, trông ngóng, vào giữa trưa anh được hưởng niềm vui khôn xiết kể là thấy Clélia đến chăm sóc chim. Fabrice đứng im nín thở, mặt áp vào các chấn song to tướng, cách không xa cô gái. Anh để ý thấy cô không ngước mắt lên nhìn anh, nhưng các cử động của cô có vẻ ngượng ngịu như của một người đang cảm thấy có ai nhìn mình. Dù muốn quên, cô gái tội nghiệp cũng không thể quên nụ cười tế nhị phảng phất trên môi người tù hôm qua, khi sen đầm dẫn anh đi ra khỏi bót gác.

Cô gái có vẻ hết sức chú ý đến cử động của mình, nhưng lúc cô lại gần cửa sổ có treo chuồng chim, cô đỏ mặt lên trông thấy. Dán người trên song sắt, thoạt đầu Fabrice định chơi cái trò trẻ con là vỗ nhẹ vào song để làm nên một tiếng động nhỏ; nhưng rồi nghĩ làm như thế mất lịch sự, anh thấy tởm với ý định ấy. “Nếu ta làm thế mà nàng cho chị hầu phòng thay nàng đi chăm nom cho chim tám hôm thì cũng đáng đời!”. Giá ở Naples hay ở Novare thì chắc chắn cái ý nghĩ trang trọng này không đến với anh.

Fabrice nhìn theo cô gái một cách nồng nàn. Anh nghĩ thầm: “Chắc rồi nàng sẽ đi luôn mà không thèm nhìn qua một lần nào cái cửa sổ tội nghiệp này, tuy nàng ở ngay trước nó!”. Tuy nhiên, khi ở tận cùng trong buồng đi ra, nhờ đứng cao hơn nên Fabrice nhìn thấy rất rõ, Clélia không thể không rướn mắt lên nhìn chàng trong khi vẫn đi tới; như thế là đủ để cho Fabrice tin rằng anh được phép chào cô. “Nơi đây, chẳng phải là chỉ có hai ta ở trên đời hay sao?” Anh tự nhủ như vậy để cho bạo dạn. Thấy anh chào, cô gái yên lặng sụp mắt xuống, rồi anh lại thấy cô ngước lên từ từ, rất chậm rãi, và hẳn là phải cố gắng nhiều, cô chào lại người tù với dáng điệu trịnh trọng và cách biệt nhất; tuy nhiên cô không thể kiềm chế đôi mắt bày tỏ trong giây lát niềm trắc ẩn thiết tha nhất, mà có lẽ cô không biết. Fabrice để ý thấy cô đỏ chín người, đến nỗi màu hồng ở dalan nhanh xuống phía trên đôi vai để trần vì đi lên tới chuồng chim thì nóng

bức quá, cô phải vút bỏ chiếc khăn choàng ren đen. Cái nhìn vô ý tứ mà Fabrice dùng để đáp lễ cô tiểu thư càng khiến cô xấu hổ hơn nữa. Nghĩ đến nữ công tước, cô tự bảo: “Người đàn bà đáng thương ấy sẽ sung sướng biết bao nhiêu nếu được nhìn thấy chàng như ta nhìn thấy, dù chỉ trong một phút thôi!”.

Fabrice ít nhiều có hy vọng được chào Clélia một lần nữa lúc cô đi. Nhưng để tránh điều lẽ nghĩa mới này, cô đã thác lui khôn khéo bằng cách rút dần từng đợt, từ lồng này qua lồng nọ, làm như phải chăm sóc những con chim ở gần cửa nhất vào lúc cuối cùng. Và cô đã đi ra. Fabrice đứng tần ngần nhìn ngắm cái cửa sổ qua đó nàng biến đi. Anh đã trở thành một người khác.

Từ giờ phút ấy điều bận tâm duy nhất của anh là tìm xem có cách gì để tiếp tục được nhìn thấy nàng, kể cả khi họ đã lắp xong cái mái che nắng ghê tởm ở trước cửa sổ trông ra lầu quan trấn thủ.

Tối hôm qua, trước khi đi ngủ, Fabrice đã cố gắng làm cái việc chán ngắt và mất thì giờ là giấu phần lớn số vàng của anh trong nhiều cái hốc chuột ở buồng gỗ ấy. “Tối nay, ta phải giấu cái đồng hồ. Không phải ta đã nghe nói rằng với sự kiên trì và một dây cót đồng hồ sút mẻ, người ta có thể cưa xẻ gỗ, cả sắt nữa đó sao? Như vậy là ta có thể cưa cái mái che nắng rồi!”.

Việc cắt chiếc đồng hồ chiếm mất trọn hai giờ, nhưng Fabrice không thấy lâu; anh nghĩ đến những cách đạt mục đích và ôn trong trí nhớ những điều anh biết về nghề mộc. “Nếu ta khéo tay, anh nghĩ thầm, ta có thể cưa gọn một ô ở tấm ván sồi làm mái che nắng đó, ở phần tựa vào bậu cửa sổ; ta sẽ lấy mảnh ấy ra hoặc lắp lại tùy lúc; ta sẽ biểu tất cả mà gì ta có cho Grillo để hẳn vui lòng đừng để ý đến cái trò ảo thuật nhỏ đó”. Tất cả hạnh phúc của Fabrice từ nay gắn với khả năng thực hiện công việc đó, và anh không hề nghĩ tới gì khác. “Nếu ta được nhìn thấy nàng thôi, ta đủ sung sướng... Mà không, anh tự nhủ, nàng cũng phải thấy ta trông thấy nàng mới được”. Suốt cả đêm, đầu óc anh bận rộn với những phát minh về nghề mộc, và có lẽ không một lần nào anh nghĩ tới triều đình Parme, tới sự giận dữ của quận vương v.v... Chúng tôi thú thật rằng anh cũng không hề nghĩ tới nỗi đau lòng của bà công tước. Anh sốt ruột đợi tới ngày mai. Nhưng bác thợ mộc không đến; hình như người ta cho bác là người thuộc cánh tự do ở trong nhà ngục. Người ta cần thận phải đến một người thợ mộc khác, mặt khó dăm dăm, hể Fabrice moi óc tìm được điều gì ngọt ngào nói với y thì y chỉ trả lời bằng những tiếng lầu bầu trong miệng.

Công tước phu nhân làm thử nhiều cách để trao đổi thư tín với Fabrice, một số cố gắng của bà bị bọn mật thám đông đặc của nữ hầu tước Raversi khám phá và mụ này đã hàng ngày báo tin lại cho tướng Conti, dọa cho y sợ, kích lòng tự ái của y lên. Cứ tám tiếng đồng hồ một lần, sáu lính gác đổi phiên tại gian lớn có hàng trăm cây cột, ở tầng nền. Ngoài ra quan trấn thủ đặt một cai ngục canh ở mỗi cửa trong ba cái cửa sắt kế tiếp nhau ở hành lang, anh lính duy nhất được thấy mặt tù nhân. Anh Grillo tội nghiệp ấy cứ tám ngày mới được phép đi ra khỏi tháp Farnèse một lần, và anh lấy làm ức về điều đó lắm. Anh tỏ bày sự bức bối ấy với Fabrice nhưng Fabrice khôn khéo đáp: “Cho nhiều rượu vang Asti vào, anh bạn ạ” rồi cho tiền anh ta.

— Ấy, ngay cả thứ này, nó an ủi chúng tôi về một nỗi cơ cực - Grillo ầm ừ nói, giọng chỉ vừa đủ to để Fabrice nghe thấy - người ta cũng không cho chúng tôi lấy, và đáng lẽ tôi từ chối, nhưng tôi cứ nhận; thế nhưng tiền này là tiền mất toi đó; tôi không thể nói gì với ông hết. Chà! Chắc ông phải phạm một tội to lắm cho nên tất cả thành trì này mới nghiêng ngửa vì ông. Những cuộc vận động hay ho của bà công tước đã khiến cho ba đứa trong bọn chúng tôi bị đuổi về.

Cái mái che nắng đã xong trước Ngọ chưa? Đó là vấn đề lớn làm cho trái tim Fabrice hồi hộp suốt buổi sáng. Anh đếm từng tiếng chuông báo mười lăm phút ở cái đồng hồ ngục thành. Cuối cùng còn mười lăm phút mới đến trưa, mái che chưa đến mà Clélia đã đến săn sóc chim. Yêu cầu khắc nghiệt của tình thế buộc Fabrice mạnh dạn hẳn lên, và cái hiểm họa không được

trông thấy Clélia, anh thấy lớn lao quá, cho nên anh đánh bạo vừa nhìn Clélia vừa lấy ngón tay ra hiệu cửa mái che nắng. Đúng là vừa nhìn thấy cái cử chỉ đối với nhà tù là bạo loạn ấy thì cô chào qua quýt và lui xuống.

“Chao ôi! Fabrice lấy làm lạ tự nhủ, phải chăng nàng lần thần tượng có một sự suồng sã lộ bịch nào trong cử chỉ mà ta thấy quá cần thiết phải làm đó? Ta chỉ muốn van nàng luôn luôn hạ cổ, trong khi cho chim ăn, thỉnh thoảng nhìn lên cửa sổ nhà ngục, kể cả khi nàng thấy có một phiền gồ to tướng che lấp lối. Ta muốn chỉ cho nàng thấy là ta sẽ làm tất cả những gì con người có thể làm để được trông thấy nàng.

Lạy Chúa! Vì cái cử chỉ bất lịch sự ấy, không biết đến mai nàng có tới không? Nỗi lo sợ đó quấy rầy giấc ngủ Fabrice; hôm sau nỗi lo ấy được chứng thực: Cho đến ba giờ chiều, khi họ lắp xong hai cái mái che nắng to tướng vào các cửa sổ Fabrice thì Clélia vẫn chưa ra. Các bộ phận của mái che nắng đã được kéo từ sân thượng tháp lớn lên bằng dây và ròng rọc buộc vào phía ngoài các chấn song sắt ở cửa sổ. Thật ra, Clélia đứng nấp sau một cánh cửa chớp ở phòng mình, hồi hộp theo dõi mọi cử chỉ của mấy người thợ. Cô đã thấy nỗi lo lắng ốm người của Fabrice nhưng cũng không vì thế mà có đủ can đảm thực hiện điều mình tự hứa với mình.

Clélia là một tín đồ nhỏ của chủ nghĩa tự do. Từ lúc bé thơ, cô đã tin làm lòng tất cả những điều cha cô nói về chủ nghĩa tự do, trong khi ông ta chỉ mưu tìm một địa vị; xuất phát từ chỗ ấy, cô đâm ra khinh bỉ, hầu như ghê tởm tính cách dễ uốn của người triều thần, vì vậy cô ác cảm với hôn nhân. Từ khi Fabrice đến, lòng cô chất chứa những ân hận. Cô tự nhủ: “Thế là trái tim bất chính của ta đã ngã về phe những người muốn phản cha ta. Chàng dám làm cái cử chỉ cửa cửa...”. Nhưng rồi liền đó cô xót xa thầm nghĩ: “Nhưng khắp thành phố đều nói đến việc chàng phải chết nay mai! Ngày mai có thể là ngày thảm thương đó cũng nên. Những con ác quỷ đó mà cai trị chúng ta, thì gì mà không thể xảy ra chứ! Đôi mắt sắp nhắm lại ngàn thu đó sao mà dịu hiền, sao mà thanh thản một cách dũng cảm đến thế! Lạy Chúa, những nỗi khắc khoải của bà công tước chắc là phải ghê gớm lắm! Người ta nói bà hoàn toàn tuyệt vọng. Giá phải ta thì ta đi đâm chết quận vương, như chị Charlotte Corday[\[98\]](#) anh dũng”.

Suốt ngày thứ ba trong tù, Fabrice căm tức lắm, chỉ vì không thấy Clélia đến mà thôi. “Nàng giận thì giận, đáng lẽ ta cứ phải nói là ta yêu nàng, Fabrice thầm kêu, bởi vì anh đã khám phá ra điều ấy. Không, không phải vì nghĩa khí mà ta không nghĩ đến cảnh tù ngục và phủ định lời tiên tri của cụ Blanès đâu, ta đâu có vinh hạnh ấy! Ta không thể ngăn ta nghĩ đến đôi mắt đầm thắm xót thương mà Clélia nhìn ta lúc bọn sen đầm dẫn ta ra khỏi bót gác, đôi mắt ấy xóa hết cuộc đời đã qua của ta. Ai mà biết trước ta sẽ tìm thấy đôi mắt dịu hiền đến thế ở một nơi thế này? Và vào lúc mắt ta vẫn đục vì nhìn thấy bộ mặt của tên Barbone và của ngài trấn tướng... Quả là thiên đường đã hiện ra giữa những con người đê tiện đó. Và làm sao có thể không yêu sắc đẹp, không tìm cách nhìn lại sắc đẹp? Không, không phải vì có chí khí lớn mà ta không kể gì đến những bức bối nhỏ cảnh tù tội mang đến cho ta”. Trí tưởng tượng của Fabrice duyệt qua mọi khả năng, cuối cùng đi tới khả năng được trả lại tự do. “Chắc là do tình cảm của nữ công tước đối với ta, bà sẽ làm những phép màu vì ta. Ấy, ta sẽ cảm ơn bà ở đầu lưỡi về sự giải phóng. Nhưng nơi này đâu phải là nơi người ta trở lại khi đã đi khỏi! Một khi đã ra khỏi nhà tù, ở hai môi trường cách biệt nhau như Clélia và ta, chẳng bao giờ ta được gặp lại nàng! Và trong thực tế, cảnh tù tội có hại gì cho ta đâu nào? Nếu Clélia không làm khổ ta vì giận ta, thì ta còn đòi hỏi gì ở Trời nữa?

Cái hôm không thấy mặt cô láng giềng xinh đẹp, đến tối anh nảy ra một sáng kiến lớn; với chiếc thánh giá bằng sắt buộc trong chuỗi hạt mà người ta phát cho người tù lúc vào ngục, anh bắt đầu khoét mái che nắng, và làm có kết quả. Trước khi bắt tay vào việc, anh tự bảo: “Có lẽ làm thế là liều lĩnh. Mấy người thợ mộc đã nói trước mặt ta là bắt đầu từ ngày mai, thợ sơn sẽ thay thế họ. Những người thợ này sẽ nói thế nào nếu họ thấy mái che bị khoét thủng? Tuy nhiên, nếu ta không liều như vậy thì làm sao ngày mai ta nhìn thấy nàng? Chao! Vì lỗi của ta mà ta đành chịu cả một ngày không trông thấy mặt nàng sao? Lại trong lúc này nàng đang giận ta khi lui gót nữa chứ!”.

Sự liều lĩnh của Fabrice đã được đền bù; saumười lăm tiếng đồng hồ lao động, anh trông thấy Clélia, và hạnh phúc tràn trề làm sao, tưởng Fabrice không thấy mình, cô đứng im khá lâu, mắt đăm đăm nhìn cái mái che nắng mênh mông. Anh có chán thì giờ đọc thấy trong mắt cô niềm xót thương triu mến nhất. Vào cuối buổi, rõ ràng là cô quên cả săn sóc chim để đứng im hàng mấy phút để ngắm nhìn cái cửa sổ. Tâm hồn cô xúc động sâu sắc, cô nghĩ tới bà công tước mà nỗi đau khổ đã làm cho cô vô cùng thương hại, nhưng bây giờ cô bắt đầu thấy ghét bà. Cô chẳng hiểu gì hết về nỗi buồn thâm trầm xâm chiếm tâm hồn cô, cô bực bội với chính mình. Trong thời gian Clélia ở thăm chim, hai ba lần Fabrice sốt ruột tìm cách lay cái mái che nắng; hình như không cho Clélia biết anh đã nhìn thấy nàng thì anh không lấy làm vui! “Tuy nhiên anh tự bảo, đã rụt rè và dè dặt thế, nếu nàng biết ta nhìn thấy nàng dễ dàng như vậy thì chắc nàng trốn mất”.

Hôm sau, anh gặp may hơn (việc vô nghĩa lý gì mà tình yêu không biến thành hạnh phúc cho anh được!). Trong khi cô buồn rầu nhìn cái mái che nắng đồ sộ, anh đã tìm cách luồn được một mẩu dây thép qua cái lỗ mà chiếc thánh giá sắt đã khoét được; anh dùng mẩu dây thép đó để làm những dấu hiệu mà chắc cô hiểu, ít nhất là hiểu cái ý nghĩa này; tôi ở đây và tôi trông thấy cô.

Những ngày sau, Fabrice gặp rủi. Anh muốn khoét cái mái che to tướng ấy lấy một mảnh bằng bàn tay, có thể lắp vào, lấy ra lúc nào tùy ý; được vậy anh sẽ nhìn thấy người ta và người ta cũng nhìn thấy anh, nghĩa là anh có thể nói được những nỗi niềm trong lòng, nếu không bằng lời thì cũng bằng dấu hiệu; nhưng cái cửa thô sơ anh làm bằng cách lấy cây thánh giá ghè vào cái dây cốt đồng hồ cho nó sút mẻ đi, cái cửa ấy kêu rít làm cho Grillo nghi ngại đến ngồi hàng mấy giờ liền trong buồng anh. Cũng đúng là anh có để ý thấy trong việc thông tin giữa hai bên, những trở ngại vật chất càng tăng thì Clélia càng bớt nghiêm khắc; anh quan sát thấy rõ ràng cô không vờ cúi mặt hoặc nhìn bâng quơ lữ chim khi anh dùng mẩu dây thép khổ mà làm dấu hiệu hiện diện. Anh thích thú nhận thấy lúc nào cũng vậy, hể đồng hồ báo mười một giờ bốn mươi lăm là thế nào Clélia cũng xuất hiện ở chuồng chim; anh hầu như tự thị cho rằng chính mình là động cơ của sự đi lại đúng giờ giấc ấy. Tại sao? Điều tin tưởng ấy có vẻ không hợp lý; nhưng con mắt của người đã yêu nhận thấy những sắc thái mà con mắt thường không thấy, và từ đó rút ra những hiệu quả vô cùng tận. Chẳng hạn, từ khi Clélia không nhìn thấy người tù nữa thì khi vào chuồng chim cô ngược mắt nhìn ngay lên cửa sổ Fabrice. Đó là những ngày ảm đạm mà ở Parme không ai không biết tin Fabrice sắp bị xử tử; chỉ có anh ta là không biết! Cái ý nghĩ kinh khủng ấy cứ ám ảnh Clélia và cô có thể nào tự trách mình quá quan tâm đến anh chàng? Chàng sắp chết mà ! Và chết cho tự do nữa chứ! Bởi ở đâu người ta vô lý đến nỗi xử tử một công tử Del Dongo vì trót đâm thẳng hẽ nọ một nhát gươm. Đúng là chàng trai đáng mến này luyện ái một phụ nữ khác! Clélia đau khổ sâu sắc mà không tự thú về tính chất mối quan tâm của mình đối với số phận chàng trai. Cô tự nhủ: “Nói thật, nếu họ đưa chàng ra pháp trường thì ta sẽ trốn vào một tu viện và suốt đời sẽ không trở lại cái thế giới cung đình nữa, vì ta tởm lấm. Một lũ giết người văn minh!”. Fabrice ở tù đến ngày thứ tám thì Clélia bị một phen xấu hổ lớn; mê mải với những tư tưởng u ám của mình, cô nhìn đăm đăm cái mái che nắng che khuất người tù; hôm ấy chưa có dấu hiệu gì tỏ ra anh đã có mặt. Thành linh một màng nhỏ ở mái che nắng lớn hơn bàn tay vừa được Fabrice lấy ra; anh nhìn Clélia đáng vui vẻ và cô trông thấy mắt anh chào mình. Cô không thể chịu nổi sự thử thách bất ngờ này, cô quay nhanh về phía mấy con chim và săn sóc chúng; nhưng cô run rẩy đến nỗi làm đổ hết nước định phân phát cho chim và Fabrice nhìn thấy rõ ràng sự xúc động của cô. Bực mình trước tình thế ấy cô bỏ chạy đi.

Giờ phút ấy đẹp nhất trong đời Fabrice, không gì sánh được. Nếu lúc ấy người ta muốn trao trả tự do cho anh, thì chắc anh hăng hái từ chối.

Ngày hôm sau là một ngày thất vọng lớn của nữ công tước; tất cả mọi người trong thành đều cho Fabrice thế là đi đứt. Clélia không có cái gan dạ lạnh lùng tỏ ra khắc nghiệt với Fabrice trong khi thâm tâm cô không như thế; cô ở trên chuồng chim đến một tiếng rưỡi đồng hồ; cô nhìn tất cả những dấu hiệu Fabrice làm và thường có trả lời, ít nhất là bằng cách tỏ ra quan

tâm thành thực và nhiệt tình; có lúc cô bỏ đi để khóc thầm. Nữ tính ở cô cảm thấy sâu sắc sự bất lực của thứ ngôn ngữ ấy; giá nói năng với nhau được, thì cô đã có trăm nghìn cách để dò xét loại linh cảm mà Fabrice nuôi dưỡng đối với bà công tước; Clélia hầu như không thể tự lừa mình được nữa; cô thù ghét Sanseverina phu nhân.

Một tối, Fabrice tự nhiên nghĩ nhiều đến bà cô một cách nghiêm túc; anh lấy làm lạ thấy khó phục hồi hình ảnh nữ công tước; ký ức anh giữ về bà đã thay đổi hoàn toàn. Đối với anh lúc này, bà đã năm mươi tuổi. “Lạy Chúa; anh hào hứng kêu to, quả ớn trên đã khiến ta sáng suốt không nói với cô rằng ta yêu cô!”. Thậm chí anh hầu như không hiểu sao hồi đó anh thấy xinh thế. Về phương diện này, anh có cảm giác hình ảnh con bé Marietta ít thay đổi hơn, là vì anh không bao giờ nghĩ trong sự ưa thích ả nọ, tâm hồn anh có tham dự vào, trái lại đã lắm khi anh tưởng tâm hồn anh thuộc trọn vẹn về nữ công tước. Ngày nay bà công tước A và ả Marietta để lại cho anh ấn tượng hai con chim bồ câu mà tất cả quyền rũ đều ở trong sự ngây thơ, sự yếu đuối, còn hình ảnh tuyệt vời của Clélia Conti khi chiếm lĩnh hoàn toàn tâm hồn anh lại gây cho anh gần như một sự kinh hãi. Anh cảm thấy quá rõ là hạnh phúc lâu dài của anh trong cuộc sống sẽ buộc anh phải tính toán đến cô con gái quan trấn thủ, và cô có quyền lực làm cho anh trở thành người khốn khổ nhất trần gian. Ngày ngày anh thấp thỏm lo sợ cuộc sống lạ lùng và thú vị bên cạnh cô tiểu thư phải chấm dứt do một ý định đột khởi và không vãn hồi được của cô. Tuy vậy cảnh cực lạc thần tiên này được cô chò kéo dài đã đến hai tháng rồi. Cũng chính trong thời gian này, mỗi tuần hai lần tướng Conti tâu với quận vương: “Tôi xin lấy danh dự mà thề với Điện hạ là tên tù Del Dongo không hề được chuyên trò với một sinh linh nào cả, và chỉ thao thức trong trạng thái tuyệt vọng nặng nề nhất, hoặc ngủ mà thôi”.

Mỗi ngày Clélia đến thăm chim hai ba lần, có khi nhiều hơn, tùy tiện, giá Fabrice không yêu cô đến thế thì chắc anh đã nhận thấy rõ là cô yêu anh, nhưng Fabrice vẫn bị giày vò trong nghi ngại. Clélia có cho đem đặt ở chuồng chim một chiếc dương cầm. Trong khi cô nhấn phím để cho tiếng đàn báo hiệu là mình đã đến và khiến bọn lính canh đi bách bộ dưới cửa sổ mái nghe, cô đưa mắt trả lời những câu hỏi của Fabrice. Riêng về một vấn đề, không bao giờ cô trả lời, thậm chí trong những trường hợp đặc biệt, cô bỏ chạy, đôi khi mất hút bóng dáng trọn một ngày, đó là lúc những dấu hiệu của Fabrice diễn đạt một tình cảm quá rõ rệt, về điểm này cô không khoan nhượng một tí nào.

Thế là Fabrice đã có một cuộc sống khá bận rộn mặc dù bó hẹp trong một chuồng con. Cuộc sống ấy thu gọn trong việc tìm cách giải đáp bài tính quan trọng này: “Nàng có yêu ta không?” Hàng ngàn chỉ tiết được quan sát, qua nhiều lần được thẩm tra và cũng luôn luôn bị nghi ngờ, đã đưa tới kết quả sau đây: “Tất cả những cử động có ý thức của nàng đều nói không, nhưng những gì vô ý thức trong khóe mắt lại như thú nhận là nàng có cảm tình với ta”.

Clélia hy vọng không bao giờ phải đi tới một sự thú nhận và để tránh tai họa đó, cô đã hết sức giận dữ từ chối một điều thỉnh cầu mà Fabrice nhiều lần bày tỏ. Những phương tiện nghèo nàn mà người tù dùng đáng lý ra phải khiến Clélia động lòng hơn. Anh muốn thông tin với cô bằng cách viết chữ lên bàn tay với một mảnh than mà quý hóa quá, anh tìm được trong lò sưởi; nếu cô bằng lòng thì hẳn anh đã lần lượt viết từng chữ cái để ghép thành từ. Sự phát minh kia nếu được áp dụng sẽ tăng gấp đôi phương tiện trao đổi ý kiến, bởi lẽ nó có khả năng diễn đạt chính xác. Cửa sổ anh cách cửa sổ Clélia khoảng tám thước, như thế mà nói thành tiếng qua đầu bọn lính canh đi bách bộ trước lầu quan trấn thủ thì quá liều lĩnh, Fabrice nghĩ là mình không được người ta yêu, giá anh có ít nhiều kinh nghiệm về tình yêu, hẳn anh đã không nghi ngại gì hết; nhưng chưa hề có một phụ nữ nào chiếm lĩnh trái tim anh; tuy nhiên anh cũng không nghi ngờ gì về một bí mật sẽ khiến anh thất vọng nếu anh biết: Người ta đang bàn tán nhiều về cuộc hôn nhân giữa Clélia Conti và hầu tước Crescenzi, người giàu có nhất tại triều.

CHƯƠNG XIX

Tham vọng của tướng Fabio Conti lên đến mức độ điên cuồng do những rắc rối xảy ra trên bước đường sự nghiệp của thủ tướng Mosca, những rắc rối có vẻ báo hiệu sự sụp đổ của ông, tham vọng đó khiến quan tướng nhiều lần la mắng con gái dữ dội; ông luôn luôn giận dữ bảo là nếu cô không chọn ngay cho xong một anh chồng, thì cô dứt đường công danh của ông; đã quá hai mươi tuổi rồi thì lấy chồng không phải là sớm; chung quy phải chấm dứt tình trạng cô lập ác nghiệt mà sự ương ngạnh vô nghĩa lý của cô đã dúi ông vào.

Lúc đầu, Clélia trốn lên chuồng chim là để tránh những cơn nổi nóng bất thần của quan tướng; muốn lên đó phải leo một thang gác con rất khó đi, nó là một trở ngại nghiêm trọng đối với bệnh thấp khớp của ông. Từ mấy tuần nay tâm hồn Clélia rất xáo động, chính cô cũng không biết cô muốn gì, cho nên mặc dù không hứa hẹn một lời nào rõ ràng với bố, cô cũng gần như đã hứa. Trong một cơn giận dữ, quan tướng thét lên rằng quan dám gửi cô vào tu viện lắm, tu viện nào buồn bã nhất Parme, và sẽ để cho cô mòn mỏi ở đó cho đến khi hạ cố nhận lời một đám nào.

“Mày cũng biết nhà ta, dù là vọng tộc lâu đời, cũng không gom nổi sáu nghìn francs thực lợi; còn gia sản của hầu tước Crescenzi thì lên đến trên một trăm nghìn écu lợi tức đồng niên, ở trong triều, ai cũng công nhận là tính tình anh ta hiền lành nhất thiên hạ, không bao giờ anh làm một kẻ nào phàn nàn về mình; anh đẹp trai, trẻ tuổi, được hoàng thân coi trọng, tao cho là mày phải điên đến không thuốc chữa mới khước từ sự cầu thân của anh ấy. Giá đây là người đầu tiên mày rẽ rúng, ừ thì tao cũng đành đi! - Nhưng mà đã năm sáu đám đi tới rồi, toàn là loại nhất đẳng ở triều đình cả, thế mà mày đều khước từ, có phải mày là một con bé quá ngu muội hay không? Mày sẽ ra sao nếu người ta bắt tao về hưu, mày thử nói tao xem? Bọn thù địch của tao sẽ hý hửng biết bao nhiêu nếu chúng thấy thân danh tao mà phải ở một gác hai nào đó, tao, mà thường ngày, khi nào nói đến nội các, người ta cũng đều nhắc đến tên tuổi! Không, mẹ kiếp! Tao đã có lòng tốt đóng vai Cassandre[99] lâu lắm rồi. Mày có lý lẽ nào ra trò để phản đối cái anh chàng hầu tước tội nghiệp ấy thì nói đi cho tao hay, cái anh chàng đã rộng lượng say mê mày, cái anh chàng định lấy mày không cần của hồi môn và lưu niệm cho mày một cái vốn sinh lợi đồng niên ba vạn francs, nhờ đó ít ra tao cũng có chỗ trú thân lúc tuổi già! Mày phải nói cho có lý lẽ nghe được, không thì, mẹ kiếp! Mày phải lấy anh ta trong hai tháng nữa!...”

Trong bài diễn thuyết ấy, chỉ có mỗi một câu làm cho Clélia giật mình, đó là câu đe dọa bỏ cô vào nhà tu kín, nghĩa là phải đi xa ngục thành, mà lại còn đúng vào lúc tính mệnh Fabrice như treo đầu sợi tóc. Không có một tháng nào mà lại không có một tin mới về việc giết hại anh ta lan truyền trong thành phố và giữa triều đình như là một điều sắp xảy ra trong hôm sớm. Dù tự nhủ lòng thế nào, Clélia cũng không đành xa rời Fabrice, nhất là xa rời chính trong lúc cô run sợ cho tính mệnh chàng. Đối với cô, không có tai họa nào lớn hơn tai họa ấy; ít ra đó là tai họa khẩn cấp nhất.

Không phải cô cảm thấy hạnh phúc khi được ở gần Fabrice! Cô tin là nữ công tước yêu chàng và lòng cô vò xé một nỗi ghen tuông ghê gớm. Cô luôn luôn nghĩ đến những ưu thế của người phụ nữ mà ai ai cũng thán phục đó. Sự dè dặt triệt để mà cô tự buộc mình trong việc giao thiệp với Fabrice, thứ ngôn ngữ dấu hiệu mà cô giới hạn cho chàng vì sợ rơi vào tọc mạch, tất cả hình như câu kết lại để ngăn không cho cô thấy được một chút ánh sáng nào về thái độ của chàng đối với nữ công tước. Thế là càng ngày cô càng thấy gay gắt hơn nỗi đau đớn kinh khủng vì có một tình địch ở trong lòng Fabrice, và càng ít dám liều lĩnh để lọt cơ hội cho Fabrice nói tường tận nỗi lòng chàng. Tuy nhiên giá được nghe chàng thú nhận những tình cảm thật của chàng thì thích biết bao nhiêu! Clélia sẽ sung sướng biết chừng nào nếu làm sáng tỏ được những nghi ngờ ghê gớm đầu độc đời nàng!

Fabrice là người phù phiếm, thời gian ở Naples anh nổi tiếng thay đổi nhân tình nhân nghĩa

đễ dàng nhất. Mặc dù là một thiếu nữ thì phải hết sức nghiêm trang dè dặt, từ khi là nữ chanoine lui tới chỗ cung đình, dù không hỏi bao giờ, mà chỉ chú ý nghe người ta nói chuyện, Clélia cũng biết được những thanh niên lần lượt găm ghé mình đã từng nổi tiếng về gì. So với các thanh niên ấy thì Fabrice là người thiếu chung thủy nhất trong yêu đương. Anh ở tù, anh buồn chán, anh ve vãn người phụ nữ duy nhất có thể nghe anh tán tỉnh, đơn giản thế thôi! Có gì thông thường hơn thế? Ấy, chính điều đó khiến Clélia thất vọng. Dù cho nhờ một sự bộc lộ trọn vẹn, Fabrice cho biết là chàng không còn yêu nữ công tước nữa, thì cô cũng tin làm sao được những lời nói của chàng? Dù cho hơn thế nữa, cô tin lời chàng là thành thật, thì cũng có tin làm sao được ở lòng chung thủy của chàng? Và cuối cùng, khi nghĩ Fabrice đã tiến sâu trong giới tôn giáo, cô mới thật tuyệt vọng hoàn toàn! Không phải chàng sắp bị ràng buộc bởi những lời nguyện vĩnh viễn hay sao? Không phải những chức vị lớn nhất đang đợi chàng trong cuộc sống ấy hay sao? Cô Clélia đáng thương nghĩ thầm: “Nếu ta còn một chút lương tri, để không phải ta nên trốn tránh lánh đi hay sao? Không phải ta nên van cha ta bỏ ta vào một tu viện xa xôi nào hay sao? Ấy thế mà khổ làm sao, chính nỗi lo sợ bị đưa đi xa ngục thành và nhốt vào tu viện lại điều khiển hành động của ta! Nỗi lo sợ ấy buộc ta phải che giấu, buộc ta phải làm cái việc giả dối ô nhục và gớm ghiếc là vờ tiếp nhận sự sẵn đón công khai của hầu tước Crescenzi”.

Clélia là một cô gái ngoan ngoãn thận trọng. Suốt đời cô chưa hề phải ăn năn về một hành động nông nổi nào, thế mà hành vi của cô trong trường hợp này lại quá vô lý! Người ta có thể đoán biết những dằn vò của cô! Những dằn vò ấy càng ác liệt bởi cô không tự dối mình. Cô quyến luyến một chàng trai được người đàn bà đẹp nhất trong triều say mê như điên như dại, người đàn bà ấy có bao nhiêu phương diện hơn cô. Và chàng trai dù không bị ràng buộc, cũng không thể có một tình yêu nghiêm túc, còn cô - cô cảm thấy quá rõ như vậy! Cô chỉ có thể có một mối tình duy nhất trong đời mình mà thôi.

Ngày ngày, Clélia lên chuồng chim với tấm lòng vò xé những ân hận khủng khiếp. Một khi đã như miễn cưỡng mà lên đó rồi, thì sự lo ngại của cô lại hướng về một mục tiêu khác và bớt ác nghiệt, những ân hận tiêu biến đi được chốc lát. Hồi hộp không thể nói, cô rình cái phút Fabrice có thể mở cái cửa con anh trở ở mái che nắng đồ sộ che khuất cửa sổ của anh. Nhiều khi, sự có mặt của Grillo ở trong buồng ngăn trở anh nói chuyện bằng dấu hiệu với cô bạn gái.

Một đêm, vào khoảng mười một giờ, Fabrice nghe tiếng huyền não rất kỳ lạ ở ngay trong ngục thành. Ngủ trên bầu cửa sổ và thò đầu ra lỗ cửa con, ban đêm anh phân biệt được những tiếng động hơi mạnh xảy ra ở cầu thang lớn mệnh danh là cầu thang ba trăm cấp; cầu thang này đưa từ sân thứ nhất ở trong tháp tròn đến cái sân thượng bằng đá, trên đó người ta đã xây cất lầu quan trấn thủ và nhà ngục Farnèse hiện giam giữ Fabrice.

Vào đoạn giữa, ở độ cao một trăm tám mươi cấp, cái cầu thang ấy đi qua phía nam một sân rộng nằm về hướng Bắc, ở đấy có một cái cầu sắt nhẹ rất hẹp, ở giữa cầu có đặt một lính canh cửa. Cứ sáu tiếng đồng hồ một lần, người ta đổi phiên gác cho hẵn và hẵn phải đứng thu mình lại để cho người ta đi qua cái cầu hẵn gác, có đi qua cái cầu ấy mới đến được lầu quan trấn thủ và tháp Farnèse. Chỉ cần xoay một cái lò xo. - chìa khóa lò xo ấy quan trấn thủ giữ - xoay hai vòng là chiếc cầu sắt rơi xuống sân, ở độ sâu hai mươi sải. Làm xong các biện pháp đề phòng đơn giản ấy thì quan trấn thủ trở thành cách biệt hẵn, và bất cứ người nào cũng không thể đến tháp Farnèse, bởi vì khắp ngục thành không còn cái thang nào khác và mỗi buổi tối, vào nửa đêm, một thượng sĩ mang tất cả dây gầu của các giếng nước lên lầu quan trấn thủ, cất ở một buồng con mà muốn vào đấy phải đi qua chính buồng quan. Đó là điều mà Fabrice nhận thấy rõ ràng hôm anh vào nhà lao, và cũng là điều mà Grillo đã nhiều lần giải thích cho anh, Grillo cũng như những lính coi ngục khác thường thích khoe khoang cái nhà ngục của mình. Như vậy là Fabrice không có hy vọng gì trốn khỏi nhà lao. Tuy vậy anh vẫn nhớ một châm ngôn của ông abbé Blanès: “Người tình nhân thường nghĩ tới việc đến với nhân tình của mình hơn là người chồng nghĩ tới việc giữ vợ; người tù nghĩ tới việc trốn khỏi nhà lao hơn là lính ngục nghĩ đến việc đóng cửa. Do đó, dù có những trở ngại thế nào, người tình và người tù rồi cũng đạt mục đích”.

Tối hôm đó, Fabrice nghe rõ có số đông người đi qua cầu sắt, cầu ấy được gọi là cầu tên Nô lệ vì xưa kia, có một nô lệ người xứ Dalmate đã trốn thoát nhờ ném anh lính gác cầu xuống sân.

“Người ta đến đây để mang ai đi, có lẽ đem ta đi treo cổ chăng? Dù sao thì cũng có thể xảy ra lộn lộn, ta phải biết lợi dụng”. Anh đã lấy khí giới và moi vàng ở một vài hốc giấu ra, nhưng bỗng nhiên ngừng tay, anh kêu lên:

“Con người là một con vật buồn cười, phải công nhận như vậy! Một quan sát viên vô hình sẽ nói thế nào nếu thấy sự chuẩn bị của ta nhỉ? Dễ thường ta muốn trốn thật chăng? Sáng hôm sau cái ngày ta trở về Parme thì ta sẽ ra thế nào chứ? Dễ thường ta không làm tất cả để trở lại bên cạnh Clélia hay sao? Nếu xảy ra lộn xộn, ta phải lợi dụng để lọt vào lầu quan trấn thủ ; có lẽ ta có thể nói chuyện với Clélia và may ra, nhờ lộn xộn ta có thể đánh bạo hôn tay nàng”. Tướng Conti bản chất đa nghi và cũng không kém hóm hỉnh đặt năm lính gác chung quanh lầu đài mình, mỗi người ở một góc, thêm một người thứ năm ở cửa ra vào, nhưng may thay, đêm đó trời tối mờ. Fabrice rón rén đi xem thử tên coi ngục Grillo và con chó đang làm gì, thì ra tên gác tù đang ngủ say trong một tấm da bò bốn góc buộc bốn sợi dây treo lên sàn nhà, có một tấm lưới thô sơ bao bọc; con chó Fox mở mắt đứng lên và nhẹ nhàng đi lại bên Fabrice để mơn trớn.

Anh từ nhẹ nhàng leo sáu cấp thang trở lên buồng gỗ của mình. Tiếng ồn ào bây giờ vang rất to ở chân tháp Farnèse và ngay ở trước cửa tháp, khiến anh lo Grillo thức giấc. Có bao nhiêu vũ khí[100] Fabrice mang cả vào người, sẵn sàng hành động, và tin tưởng là đêm nay số phận dành cho mình những thành tích vĩ đại; thỉnh thoảng anh nghe khúc dạo mở đầu của một bản giao hưởng du dương nhất đời; đó là một cuộc dạ tấu người ta tổ chức dâng hầu quan tướng hoặc là cô tiểu thư. Anh nổi lên cười như điên. “Thế mà ta chỉ chực vùng gươm đâm chém! Làm như một cuộc hòa tấu không phải là một cái gì vô cùng thông thường hơn là một cuộc bắt cóc đòi hỏi phải có mặt tám mươi người trong nhà ngục, hoặc là một cuộc nổi loạn!” Bản nhạc rất hay, Fabrice cảm thấy sung sướng tuyệt vời, vì đã nhiều tuần nay, anh không được hưởng một sự giải trí nào. Nó làm cho anh khóc một cách dễ chịu. Trong cơn ngây ngất, anh thầm nói với nàng Clélia xinh đẹp những lời thiết tha, những lời khó cưỡng nhất. Tuy nhiên ngày hôm sau, vào giữa trưa, anh thấy cô buồn rầu ảm đạm khôn cùng, da cô xanh nhợt, cô nhìn anh với ánh mắt một đôi khi lộ vẻ hằn học sâu sắc, đến nỗi anh thấy không được phép hỏi một câu nào về bản giao hưởng tối hôm trước. Anh sợ vô lễ, Clélia buồn bã có lý do chính đáng: Cuộc hòa tấu buổi tối đó do hầu tước Crescenzi tổ chức để hiến dâng nàng. Một hành động công khai như vậy có giá trị như một sự báo tin chính thức về lễ thành hôn. Cho đến ngày hòa tấu và mãi đến chín giờ tối ngày hôm đó, Clélia vẫn còn phản kháng quyết liệt; nhưng rồi cô đã nhu nhược nhượng bộ khi nghe ông bố đe dọa sẽ tống cô vào tu viện ngay.

“Chao ôi! Ta không được gặp chàng nữa hay sao!” Cô vừa than thầm vừa khóc. Lý trí của cô phí công nhắc tiếp: “Ta không gặp nữa chàng trai thế nào cũng làm ta khổ suốt đời kia, ta không gặp nữa anh tình nhân của bà công tước, ta không gặp nữa con người hoa nguyệt đã từng có đến mười nhân tình công khai ở Naples và đều phụ bạc họ cả, ta không gặp nữa chàng trai trẻ đầy tham vọng, người sẽ tham gia vào hàng ngũ chức sắc của tòa thánh nếu thoát được cái án treo nặng trên đầu! Ta sẽ phạm một tội lỗi lớn nếu còn nhìn anh ta khi anh ta đã ra khỏi vòng thành này. Nhưng cái tính thay lòng đổi dạ bẩm sinh của anh ta sẽ miễn trừ cho ta điều căm dỗ này, bởi vì ta là thứ gì đối với anh ấy? Một có để tiêu khiển vài giờ trong mỗi ngày tù chán ngắt mà thôi!” Giữa những lời thóa mạ ấy, Clélia chợt nhớ đến nụ cười của Fabrice khi anh nhìn bọn sen đầm vây bọc anh lúc anh ra khỏi buồng giấy để lên tháp Farnèse. Nước mắt giàn giụa, cô than thở: “Bạn thân thương ơi! Có gì mà em không làm vì chàng? Chàng sẽ làm hại cuộc đời em, em biết lắm, số kiếp em là thế. Em cũng tự hại em một cách ác nghiệt nếu tối nay em dự cuộc hòa tấu ghê tởm đó. Nhưng mà rồi trưa mai, em sẽ được nhìn thấy đôi mắt chàng!”

Chính sáng hôm sau cái ngày Clélia cam làm những hy sinh lớn lao cho anh tù trẻ mà cô yêu tha thiết đó, chính sáng hôm sau cái ngày mà thấy hết khuyết điểm của Fabrice, cô vẫn hy sinh cuộc đời mình cho anh, chính vào lúc đó, Fabrice lại cảm thấy thất vọng về sự lạnh lùng của cô.

Giả sử Fabrice chỉ nói bằng dấu hiệu để phần nào tỏ lòng oán trách, thì dù thứ ngôn ngữ ấy quá thô thiển, chắc Clélia cũng không cầm được nước mắt và hẳn cô đã thú nhận mối tình của cô đối với anh. Nhưng anh nhút nhát, anh quá sợ làm phật lòng Clélia, sợ cô có thể trừng phạt anh nghiêm khắc quá. Nói cách khác, Fabrice không có một chút kinh nghiệm nào về loại xúc động mà một phụ nữ mình yêu gây cho mình, đó là một thứ cảm giác mà anh chưa hề có, dù ở sắc thái phơn phớt nhất. Anh phải mất tám hôm, kể từ hôm hòa tấu, mới khôi phục được nề nếp bạn bè tốt với Clélia. Cô gái tội nghiệp cô làm nghiêm với Fabrice, chỉ sợ lộ nỗi lòng của mình thì chết được, cho nên Fabrice tưởng chừng như mỗi ngày nàng càng nhặt nhéo thêm một chút với chàng.

Fabrice vào tù đã ngót ba tháng mà không trao đổi tin tức gì với bên ngoài được, tuy vậy cũng không cảm thấy khổ. Một hôm Grillo ngồi quá lâu trong buồng anh, cả buổi sáng, không biết cách gì làm cho hẩn lui ra, anh thất vọng. Cuối cùng đến mười hai giờ rưỡi trưa, anh mới mở được hai cái cửa con cao ba tấc khoét trên mái che nắng tai hại.

Clélia đang đứng ở cửa sổ treo lồng chim, mắt dán vào cửa sổ Fabrice. Vẻ mặt đăm chiêu của nàng biểu lộ sự thất vọng sâu sắc nhất. Vừa trông thấy Fabrice, cô đã làm ngay dấu hiệu nói là tất cả đều hỏng rồi. Rồi cô đến dương cầm, vờ đánh đàn để hát một đoạn trong vở nhạc kịch thịnh hành hồi đó, cô nói với Fabrice bằng những lời bị ngắt quãng bởi sự thất vọng và nỗi lo bọn lính canh đi lại dưới cửa sổ hiểu ra:

“Lạy Chúa! Anh vẫn còn sống đó ư? Tôi cảm tạ thượng đế khôn cùng! Barbone, tên coi ngục mà anh đã trừng phạt tội hỗn láo hôm anh vào đây, lâu nay biệt tăm ở trong ngục thành, tối hôm kia đã trở về. Và từ hôm qua tôi có lý do để tin rằng tìm cách đầu độc anh. Nó luẩn quẩn trong nhà bếp đặc biệt của lâu đài, nhà bếp làm bữa ăn cho anh. Tôi không biết chắc cái gì cả, nhưng chị hầu phòng của tôi cho rằng cái mặt ghê tởm của thằng ấy mà thò vào các bếp ăn của lâu đài là chỉ để mà giết anh thôi. Tôi lo sợ ốm người khi không thấy anh xuất hiện, tôi tưởng anh chết rồi. Anh hãy nhìn ăn, chớ động đến bất cứ thức gì, cho đến khi có tin mới, tôi sẽ làm cái gì có thể làm được để gửi cho anh chút ít sôcôla. Mặc dù thế nào, tối nay lúc chín giờ, ơn trời mà anh có được một sợi chỉ hoặc anh dùng khăn áo mà làm thành được một dải băng, thì anh hãy dùng nó qua cửa sổ, xuống chỗ mấy cây cam, tôi sẽ buộc một sợi dây để anh kéo lên, tôi sẽ dùng sợi dây đó để đưa bánh mì và sôcôla lên cho anh”.

Fabrice trước đã cất giấu như của quý một cục than mà anh tìm thấy ở lò sưởi buồng anh. Anh vội vã lợi dụng sự xúc động của Clélia, lần lượt viết trên bàn tay một loạt chữ cái chấp thành những tiếng:

“Tôi yêu cô và tha thiết với cái sống chỉ vì được nhìn thấy cô. Cần nhất là gửi cho tôi giấy và bút chì”.

Đúng với sự mong đợi của Fabrice, khi đọc thấy cái câu quá táo bạo: “Tôi yêu cô”, Clélia kinh hoàng không xiết kể, không dám cắt đứt cuộc trao đổi. Cô giới hạn niềm bất bình trong việc tỏ ra rất tức giận. Fabrice lấu lỉnh viết thêm: “Hôm nay gió to quá, những điều quý hóa cô hạ cổ chỉ bảo cho tôi trong lúc hát, tôi nghe câu được câu chẳng, tiếng đàn át mất giọng nói. Chẳng hạn cái thuốc độc mà cô nói với tôi là gì vậy?”

Nghe đến đó nỗi kinh hoàng của cô gái lại tái hiện trọn vẹn. Cô vội vàng lấy bút mực viết những chữ lớn trên mấy tờ giấy xé ở một cuốn sách ra. Fabrice mừng rơn thấy cuối cùng cái cách thông tin mà anh từng cầu xin vô hiệu đó đã được thiết lập sau ba tháng lo toan nghìn kể trăm phương. Anh không từ bỏ cái mưu mẹo đã mang lại kết quả lớn cho anh. Anh mong được viết nên những bức thư, cho nên cứ vờ không nắm được những tiếng mà Clélia viết bằng cách lần lượt cho xem các chữ cái hợp thành.

Được một lúc cô phải rời chuồng chim để chạy đến với ông bố, cô sợ nhất là ông lên chỗ đó tìm cô. Óc đa nghi của ông sẽ không chịu được cái cảnh cửa sổ chuồng chim lại quá gần mái che nắng che khuất cửa sổ buồng tù. Ngay Clélia trước đó giây lát cũng đã nảy ý ném một hòn

cuối bọc giấy lên khoảng trên mái che nắng, trong lúc cô lo ngại thất gan thất ruột không thấy Fabrice hiện ra; nếu ngẫu nhiên mà vào lúc đó, tên lính giữ tù không ở trong buồng Fabrice thì đây là một phương tiện thông tin chắc chắn.

Anh tù của chúng ta vội vàng xé khăn áo làm một dây vải. Buổi tối, quá chín giờ một tí, anh nghe thấy rõ ràng có những tiếng gõ nhẹ nhẹ vào các thùng gỗ trồng cam ở bên dưới cửa sổ buồng anh. Anh dùng cái dây vải xuống và kéo lên một sợi dây con rất dài; nhờ đoạn dây đó, anh thu được một mớ sôcôla, rồi một cuộn giấy và một cây bút chì khiến anh vô cùng thích thú. Anh còn tiếp tục thả dây xuống nữa, nhưng vô ích, anh chẳng nhận được gì thêm! Hình như bọn lính canh đã đi đến gần mấy cây cam. Tuy nhiên Fabrice cũng đã ngây ngất vì sung sướng. Anh vội vã viết cho Clélia một bức thư vô tận. Vừa xong, anh buộc thư vào dây và thả xuống. Trong hơn ba tiếng đồng hồ, anh chờ người ta đến lấy thư và trong thời gian đó, đã kéo lên nhiều lần để sửa chữa. Anh tự bảo: “Nếu Clélia không trông thấy thư ta trong đêm nay, khi nàng còn xúc động với những ám ảnh thuốc độc, thì sáng mai có lẽ nàng sẽ đẩy xa cái ý nghĩ tiếp nhận thư từ!”

Sự thật thì Clélia không thể từ chối đi vào thành phố với cha. Fabrice gần như đoán thấy việc ấy khi vào quá nửa đêm, anh nghe thấy tiếng xe của quan tướng trở về, anh biết rõ bước chân của các con ngựa ấy. Anh nghe thấy quan tướng đi qua sân thượng và lính gác bồng súng chào. Mấy phút sau, anh sung sướng biết bao nhiêu khi cảm thấy sợi dây chuyển động bởi vì anh đã quần nó qua cánh tay mà chờ! Người ta buộc một khối nặng vào đầu dây kia rồi giật giật hai cái nhẹ để báo cho anh biết mà kéo lên. Phải khá vất vả, anh mới kéo được gói nặng ấy qua cái gờ nhô to dưới bậc cửa sổ buồng anh.

Vật anh mất nhiều công sức kéo lên đó là một bình đầy nước, bọc trong một chiếc khăn choàng. Chàng trai đáng thương bao lâu nay sống trong cô đơn, say sưa ôm chiếc khăn choàng mà hôn. Nhưng mà đến đêm này thì đành chịu thôi, không mô tả được, đó là niềm xúc động của anh ta, khi sau bao ngày chờ tháng đợi hoài công, cuối cùng anh tìm thấy một mảnh giấy con ghim vào khăn choàng:

“Chỉ uống nước này thôi, còn ăn thì đọc sôcôla. Ngày mai tôi sẽ làm đủ mọi cách để đưa bánh mì đến tay anh, tôi đánh những dấu chữ thập nhỏ bằng mực quanh chiếc bánh. Nói thì tỏm nhưng anh cần biết rằng có lẽ Barbone được giao nhiệm vụ đầu độc anh. Làm sao mà anh không cảm thấy cái vấn đề anh bàn trong thư viết bút chì của anh làm phật ý tôi? Bởi thế, giá không có cái tai họa tối nguy hiểm đe dọa tính mệnh anh, thì tôi không viết thư cho anh đâu. Tôi vừa gặp nữ công tước, phu nhân mạnh khỏe, bá tước cũng vậy, nhưng bà gầy rạc đi. Đừng viết cho tôi về vấn đề ấy nữa, anh sẽ làm cho tôi giận đấy”.

Viết dòng chữ trước dòng chữ cuối, Clélia đã làm một cố gắng đạo đức lớn. Trong giới cung đình, ai cũng cho rằng phu nhân Sanseverina có nhiều cảm tình với bá tước Baldi, con người rất mực điển trai, nguyên là bạn của nữ hầu tước Raversi. Điều chắc chắn là chàng ta đã đoạn tuyệt một cách ồn ào nhất với bà hầu tước trong sáu năm qua đã đóng vai trò bà mẹ đối với chàng, và tạo cho chàng một địa vị trong xã hội thượng lưu.

Clélia đã phải viết lại cái giấy viết quá vội lần đầu, vì trong lần đầu tiên kia cô đã để hé một chút gì đó về cuộc ái ân mới mà mồm miệng ác hại của công chúng gán cho bà công tước.

“Ta mới đề tiện làm sao! Clélia kêu, ai lại nói xấu người yêu của chàng với chàng!...”

Hôm sau, lúc hầy còn chưa sáng, Grillo đi vào buồng Fabrice, không nói gì, lặng lẽ đặt một gói nặng ở đó rồi biến mất. Gói đó bọc một chiếc bánh khá to, bốn phía đều có những dấu chữ thập nhỏ vạch bằng bút mực, Fabrice ôm bánh lên, hôn lấy hôn để mấy cái dấu đó: Anh si tình rồi. Bên cạnh bánh có một cuộn gì ở ngoài bọc rất nhiều giấy, cuộn đó đựng sáu nghìn francs bằng tiền vàng sequins. Cuối cùng Fabrice tìm thấy một cuốn kinh nhật tụng mới tinh, một bàn tay mà anh bắt đầu quen biết đã ghi ở lề sách. “Thuốc độc! Hãy để phòng nước uống, rượu vang, để phòng tất. Chỉ sống bằng sôcôla thôi. Thử cho con chó ăn cái bữa ăn anh không động

đến xem sao. Đừng tỏ ra nghi kỵ vì làm thế kẻ thù sẽ tìm một cách khác. Nhân danh Chúa, xin chớ khinh suất! Chớ nông nổi”.

Fabrice vội vàng xóa những chữ thân yêu đó đi vì nó có thể làm cho Clélia liên lụy, và xé một số lớn giấy ở cuốn kinh nhật tụng dùng vẽ lên nhiều chữ cái. Mỗi chữ được kẻ sạch sẽ với bột than tán mịn hoà với rượu vang. Những chữ cái đó vừa khô thì Clélia xuất hiện ở cách hai bước sau cánh cửa sổ chuồng chim, vào lúc mười một giờ bốn mươi lăm. “Cái việc quan trọng hiện nay, Fabrice tự nhủ, là làm sao cho nàng chịu sử dụng”. Nhưng may thay Clélia lại có nhiều điều muốn nói với anh từ trẻ về mưu toan đầu độc, một con chó của các chị giúp việc đã chết vì ăn một món nấu cho anh. Không những không phản đối việc dùng chữ cái, Clélia đã làm ra một bộ chữ mực rất đẹp. Cuộc chuyện trò bằng phương tiện ấy dù khá bất tiện lúc đầu, cũng đã kéo dài một tiếng rưỡi đồng hồ, nghĩa là tất cả thời gian Clélia có thể ở chuồng chim. Hai ba lần Fabrice nói tới những điều cấm chỉ, cô không trả lời và bỏ đi săn sóc chim một lát.

Fabrice đã được đồng ý là tối hôm đó, khi gửi nước đến cho anh, cô sẽ gửi đến một bộ chữ cái cô kẻ bằng mực, chữ đó dễ nhìn thấy hơn. Anh không quên viết một bức thư dài trong đó anh không nói những điều tình tứ hay ít nhất là nói một cách không làm méch lòng. Cách đó có kết quả- thư anh được tiếp nhận.

Ngày hôm sau, trong cuộc trao đổi bằng chữ cái. Clélia không trách anh. Cô tin cho anh biết là mối hiểm họa bị đầu độc đã giảm, tên Barbone đã bị tấn công và đánh như tử bởi bọn con trai đến săn đón các cô làm bếp ở lầu quan trấn thủ. Chắc là hắn dám bén mảng đến các bếp nữa. Clélia thú nhận với Fabrice là vì anh, cô đã đánh bạo ăn cắp thuốc giải độc của bố cô, cô gửi cho anh. Nhưng điều cần kíp nhất là hãy từ bỏ món ăn nào mà anh ném thấy có vị khác lạ.

Clélia hỏi mãi don Cesare vẫn không khám phá được sáu trăm đồng sequins Fabrice nhận được do từ đâu đến. Dù sao đó cũng là một dấu hiệu tốt; sự hà khắc có phần giảm đi.

“Lớp thuốc độc” đó khiến công việc của anh tù tiến nhanh vô hạn. Tuy nhiên anh chưa bao giờ mới được một lời thú nhận nhỏ nào có thể coi là tình yêu. Nhưng anh lại hưởng cái hạnh phúc được sống một cách thân mật nhất với Clélia. Tất cả những buổi sáng, nhiều khi cả buổi chiều, đều có một cuộc nói chuyện dài bằng chữ cái; mỗi buổi tối lúc chín giờ Clélia tiếp nhận một bức thư dài và một đôi khi cô trả lời bằng mấy chữ; cô gởi báo và một vài cuốn sách cho anh, cuối cùng Grillo được cảm dỗ đến mức mang đến cho Fabrice bánh mì và rượu vang mà ngày ngày cô hầu phòng của Clélia trao cho. Anh lính coi ngục Grillo qua những việc đó kết luận rằng quan trấn thủ không đồng tình với những người đã sai Barbone đầu độc vị cố đạo trẻ tuổi. Và anh lấy làm thích thú, cũng như các bạn đồng nghiệp của anh bởi vì có một ngàn ngữ lưu hành trong nhà ngục: “Cứ nhìn thẳng đức cha, là ta được cha cho tiền”.

Fabrice đã trở nên xanh xao, sức khỏe anh sút kém vì thiếu hoạt động. Ngoài cái đó ra thì chưa bao giờ anh có hạnh phúc như bây giờ. Chiều hướng chuyên trò giữa Clélia và anh thân mật, một đôi khi rất vui vẻ. Những giờ phút trong cuộc sống mà Clélia không bị những dự kiến hãi hùng, những ăn năn hối hận dày vò chính là những giờ phút chuyện trò với Fabrice. Một hôm, cô nông nổi nói:

— Tôi phục sự tể nhị của anh, vì tôi là con gái quan trấn thủ nhà ngục, cho nên không bao giờ anh nói với tôi về ý thích được trả lại tự do.

— Đó là vì tôi không muốn có một ý thích vô lý như vậy, Fabrice đáp. Một khi đã trở về Parme thì làm sao tôi còn được gặp lại cô? Và tôi sẽ sống sao nổi nếu không nói được với cô tất cả những gì tôi cảm nghĩ... Không, không hẳn là tất cả, bởi vì cô sẽ chỉnh đồn ngay; mặc dù cô ác đấy nhưng sống mà không trông thấy cô hàng ngày sẽ là một hình phạt đau đớn hơn cảnh tù này vạn bội! Đời tôi chưa bao giờ sung sướng như bây giờ!... Hạnh phúc lại chờ mình trong tù ngục, nghĩ cũng buồn cười đấy nhỉ?

— Còn nhiều điều cần nói về khoản đó, Clélia đáp với dáng đột nhiên trở nên nghiêm nghị

và gần như u ám.

— Thế nào? Fabrice rất lo ngại hỏi, tôi có cơ mất cái vị trí nhỏ bé mà tôi đã giành được trong lòng cô và cũng là niềm vui duy nhất của tôi ở trên đời hay sao?

— Đúng vậy! Tôi có đủ lý do để tin rằng anh thiếu trung thực với tôi, mặc dù thiên hạ cho anh là một người rất quân tử. Nhưng tôi không muốn bàn luận về vấn đề đó hôm nay. Đoạn mở đầu lạ lùng này làm cho cuộc chuyện trò của họ trở nên lúng túng và lắm khi hai bên đều rơm nước mắt.

Viên chánh án Rassi vẫn cứ mơ ước thay tên đổi họ, ông chán ngấy cái thứ tên tuổi mà ông đã tạo cho mình và muốn trở thành nam tước Riva, về phần mình, bá tước Mosca trở hết tài riêng để bồi dưỡng dự vọng làm nam tước ở viên quan tòa đã bán mình ấy, cũng như ông tìm cách tăng cường ở quân vương mỗi hy vọng điên rồ làm vua lập hiến xứ Lombards. Đó là những biện pháp duy nhất mà ông có thể nghĩ ra để trì hoãn cái chết của Fabrice.

Hoàng thân nói với Rassi:

— Cứ mười lăm ngày làm thất vọng, thì cho mười lăm ngày hy vọng, kiên trì thực hiện chế độ ấy, tất chúng ta sẽ khuất phục được tính khí kiêu kỳ của con mụ kia. Chính nhờ lần lượt dùng cương và nhu mà người ta khiến được những con ngựa chứng hung hãn nhất. Cứ sát khỏe chất xót vào.

Quả vậy, cứ mười lăm hôm, người ta thấy nảy sinh một tin đồn mới về việc hành quyết Fabrice. Những sự tuyên truyền ấy đẩy bà công tước khốn khổ và cảnh tuyệt vọng cùng cực. Kiên định trong ý chí không kéo bá tước vào cảnh suy sụp của mình, bà chỉ gặp bá tước mỗi tháng hai lần. Bà bị trừng phạt về sự nhần tâm đối với con người tội nghiệp đó bởi những cơn thất vọng nào nê cứ từng lúc dấy lên trong cuộc sống của bà. Bá tước Mosca cố vượt lên trên nỗi ghen tức ác hại của mình bởi sự lui tới chuyên cần của bá tước Baldi, con người đẹp trai; ông viết thư cho công tước phu nhân khi ông không đến được và báo cho bà những tin tức ông biết nhờ sự sốt sắng của nam tước Riva tương lai. Muốn vững vàng trước những tin đồn đại kinh khủng về Fabrice cứ luôn luôn dấy lên, đáng lẽ nữ công tước phải sống bên cạnh một người thông minh và quả cảm như Mosca. Đằng này gã Baldi chỉ là một tên rỗng tuếch, hấn cứ để mặc phu nhân loay hoay với những ý nghĩ của mình, làm cho cuộc sống của bà trở nên hãi hùng, mà bá tước thì không làm sao truyền đạt được cho phu nhân những lý do khiến ông hy vọng.

Viện mấy cơ khôn khéo, quan thượng thư đó đã thuyết phục quân vương đồng ý cho lưu trữ ở lâu đài một người bạn, giữa đất Lombardie, trong vùng Saronò, những văn thư về các mưu toan khá phức tạp nhờ đó mà quân vương nuôi cái "siêu cuồng vọng" làm vua lập hiến tại đất nước Lombardie huy hoàng.

Hơn hai mươi văn kiện có khả năng di hại lớn đó do tự tay hoàng thân viết hoặc ký. Trong trường hợp tính mạng Fabrice bị đe dọa thực sự, bá tước dự định sẽ báo cho hoàng thân biết là ông sẽ trao những văn kiện ấy cho một cường quốc, và cường quốc đó chỉ cần một tiếng là Điện hạ đi đời.

Bá tước tin rằng về phía nam tước Riva tương lai thì bảo đảm, chỉ còn sợ thuốc độc mà thôi. Mưu toan của Barbone làm cho ông lo ngại quá, đến mức phải làm liều một việc có vẻ như điên rồ. Một buổi sáng, ông đến cửa ngục thành và cho mời tướng Fabio Conti, ông này xuống tận công sự bên trên cổng. Ở đấy bá tước dạo chơi thân mật với quan tướng và sau mấy lời phi lộ chua ngọt thích đáng, ông không ngần ngại nói thẳng:

— Nếu Fabrice chết một cách ám muội, người ta có thể qui tội cho tôi, tôi sẽ bị xem là đưa ghen tuông; đó là một sự lố bịch kinh tởm mà tôi sẽ kiên quyết không nhận, cho nên, nếu Fabrice chết vì bệnh hoạn, thì tự tay tôi sẽ giết ông để rửa nhục cho tôi, ông nên tin như thế!

Tướng Conti đáp trả một cách lẫm liệt và nói đến sự dũng cảm của mình, tuy nhiên ánh mắt của bá tước in sâu trong tâm trí ngài.

Vài hôm sau, có vẻ như phối hợp với bá tước, viên chánh án Rassi làm một việc liều lĩnh khá lạ lùng ở một con người như thế. Sự khinh bỉ của công chúng đối với tên tuổi y, tên tuổi này đã được bọn dân hạ tiện dùng để ví von khiến cho y phát ốm từ khi y có cơ sở để hy vọng thoát khỏi tình trạng ấy. Y gửi cho tướng Conti một bản sao chính thức bản án đã xử Fabrice mười hai năm cấm cố ngục thành. Theo pháp luật thì việc ấy đáng lẽ phải làm ngay hôm sau ngày Fabrice vào tù; nhưng điều chưa từng xảy ra ở Parme, cái xứ của những biện pháp bí mật, là tòa án tự tiện làm việc ấy không có lệnh truyền phán của quận vương. Quả vậy, làm sao duy trì được cái hy vọng làm tăng nỗi kinh hoàng của nữ công tước mười lăm ngày một lần và khuất phục được tính khí kiêu kỳ ấy - nói theo chữ nghĩa của hoàng thân - khi mà một bản sao chính thức của bản án đã ra khỏi bộ tư pháp?

Hôm trước cái ngày nhận được phong bì công văn của quan tư khẩu tướng Fabio Conti được biết là viên thư lại Barbone, khi trở về thành hơi muộn một tí, đã bị giã như đòn. Ông kết luận rằng ở một nơi nào đó, người ta không đặt vấn đề trừ khử Fabrice nữa, vì vậy trong buổi bệ kiến đầu tiên sau đó, ông cẩn thận không nói đến bản sao án chính thức được trao đến tay ông, điều đó cứu Rassi khỏi những hiệu quả trước mắt của một hành động điên cuồng. Bá tước phát hiện mưu toan đầu độc vụng về của Barbone chỉ là một sự háo hức báo thù của cá nhân, điều khám phá này làm cho công tước phu nhân yên lòng. Ông cho cảnh cáo tên thư lại như chúng ta đã biết.

Fabrice ngạc nhiên một cách lý thú khi sau một trăm ba mươi lăm ngày bị cầm tù trong chuồng hẹp, cha tuyên úy don Cesare tốt bụng đến vào một ngày thứ năm để đưa anh đi dạo trên sân thượng tháp Farnese. Lên đó chưa đầy mười phút, không quen với bầu không khí thoáng lộng, Fabrice ngất đi.

Don Cesare lấy tai nạn đó làm cớ để ban cho Fabrice nửa giờ dạo mát mỗi ngày. Đó là một điều đại dột, việc đi dạo thường xuyên như vậy phục hồi sức khỏe cho anh mau chóng, và anh đã lạm dụng.

Nhiều cuộc dạ tấu đã diễn ra. Vị trấn thủ mẫu mực chịu tiếp nhận là vì nó ràng buộc với hầu tước Crescenzi cô con gái mà tính tình làm ông lo ngại; ông lơ mờ nhận thấy không có điểm tiếp cảm nào giữa con ông và ông, ông luôn sợ cô có những hành động bột khởi. Cô có thể bỏ trốn vào nhà tu kín và ông sẽ hóa ra bất lực. Tuy nhiên, quan tướng lại sợ những tiếng đàn vang vọng vào những ngục kín sâu thẳm nhất dành cho bọn tự do cực kỳ nguy hiểm đó có mang những ám hiệu. Rồi chính bản thân bọn nhạc công cũng làm cho ông lo ngay ngáy; bởi thế, khi cuộc hòa tấu chấm dứt, họ bị nhốt ngay vào trong các phòng thấp ở lầu quan trấn thủ và khóa trái cửa - những phòng này ban ngày dùng làm buồng làm việc cho ban tham mưu - và họ chỉ được người ta mở cửa ngày hôm sau, khi trời đã sáng hẳn. Chính quan trấn thủ đứng ở cầu tên Nô lệ bắt lính khám xét các nhạc công trước mặt mình và trả lại tự do cho họ, sau khi nhắc nhiều lần là ông sẽ cho treo cổ tức khắc anh nào cả gan dám nhận giúp một việc liên lạc nhỏ nào giữa bên ngoài và một tên tù nào đó. Người ta biết rằng vì ông quá sợ mất tín nhiệm, cho nên ông sẽ làm y như lời ông nói; vì thế hầu tước Crescenzi phải trả thù lao gấp ba thường lệ cho các nhạc công, các anh này rất ảm ức về cái đêm vô cớ ở tù như vậy.

Công tước phu nhân phải mất nhiều công phu lắm mới khiến được một trong những nhạc công thiếu hào hiệp đó giúp bà đưa cho quan trấn thủ một bức thư. Thư gửi cho Fabrice, thư than phiền định mệnh ác nghiệt đã khiến cho Fabrice vào tù đã hơn năm tháng rồi, mà bao bạn hữu bên ngoài chẳng trao đổi với anh được một tin tức nhỏ nào.

Vừa vào ngục thành, anh nhạc công được mua chuộc vội quỳ dưới chân tướng Conti và thú nhận rằng một linh mục mà anh không quen biết đã khấn khoản vật nài anh trao hộ một bức thư cho ông Del Dongo, anh không dám từ chối. Tuy nhiên, trung thành với bốn phận, anh phải

dâng ngay thư lên tận tay quan lớn trấn thủ.

Quan lớn lấy làm vừa ý lắm. Quan lớn biết nữ công tước có những phương tiện vô tận để sử dụng, cho nên lâu nay quan lớn sợ nhất là bị lõm ngằm. Trong niềm vui quan tướng mang thư đến trình quận vương, ngài rất thích chí. “Ày, cách cai trị cương quyết của ta đã trả thù được cho ta! Mụ đàn bà kiêu kỳ ấy đau khổ từ năm tháng nay! Rồi một ngày kia, chúng ta sẽ cho soạn sửa một máy chém và trí tưởng tượng lung tung của mụ ta hẳn phải cho là để dùng cho thằng bé Del Dongo”.

CHƯƠNG XX

Một đêm vào khoảng một giờ sáng, Fabrice nằm trên bậu cửa sổ, đu đầu qua cái lỗ khoét trên mái che nắng nhìn ngắm các vì sao và cảnh chân trời rộng mở, mà người ta có thể quan chiêm từ trên tháp Farnèse. Anh đưa mắt nhìn băng qua vùng đồng nội về phía hạ lưu sông Pô và Ferrare, ngẫu nhiên để ý đến một đốm lửa rất nhỏ mà khá sáng hình như phát đi từ một chóp tháp. Fabrice tự nhủ: “Đốm sáng này không thể tìm thấy từ đồng bằng, chiều dày của tòa tháp không để cho người ta trông thấy nó từ dưới tháp. Chắc là một ám hiệu phát cho một nơi xa nào đây”. Thình lình anh nhận thấy đốm sáng ấy cứ hiện ra rồi lại mất đi với những khoảng cách thời gian ngắn. “Một cô thiếu nữ nào nói chuyện với người yêu ở làng bên chứ gì!” Anh đếm được chín lần đốm sáng hiện ra liên tiếp: “Đây là chữ I, anh nói”. Thật vậy, I là chữ thứ chín trong bảng mẫu tự. Sau một lát dừng, lại có mười bốn lần đốm sáng xuất hiện: “Chữ này là N”; rồi một lần nữa: “Đây là chữ A. Ghép lại là từ Ina”.

Anh vô cùng ngạc nhiên vì vui sướng khi chấp những lần đốm sáng xuất hiện liên tiếp, ngắt quãng bởi những lúc ngừng ngắn, góp lại thành câu:

INA NGHĨ ĐẾN AN

Hắn là: Gina nghĩ đến anh.

Anh trả lời tức khắc bằng cách cho ngọn đèn xuất hiện liên tiếp ở lỗ cửa anh đã khoét:

FABRICE YÊU CÔ

Việc trao đổi tin tức đó kéo dài đến sáng. Đêm ấy là đêm từ một trăm bảy mươi ba của Fabrice, người ta cho biết là từ bốn tháng nay đêm nào người ta cũng phát tín hiệu đến cho Fabrice. Nhưng mà sợ ai cũng trông thấy và hiểu, cho nên từ cái đêm thứ nhất tiếp xúc này, phải bắt đầu giao ước những tín hiệu nói tắt, ba lần đốm sáng xuất hiện liên liền và nhanh chóng chỉ nữ công tước; bốn lần: hoàng thân; hai lần bá tước Mosca; hai lần hiện nhanh tiếp theo hai lần, hiện chậm chỉ việc đi trốn. Hai bên giao hẹn từ nay sẽ dùng bảng mẫu tự tu viện^[101] xưa cũ, bảng này đã thay đổi số thứ tự các chữ cái và gán cho chúng nó những số thứ tự tùy nghi, để cho những kẻ tọc mạch không đoán được, chẳng hạn chữ A mang số 10; B số 3; nghĩa là ba lần che đèn liên tiếp là phát chữ B; mười lần là chữ A...v...v.; một lát tối nghĩa là đã hết một từ và sắp bắt đầu một từ khác. Hai bên giao hẹn ngày mai sẽ gặp nhau vào lúc một giờ đêm.

Ngày hôm sau, công tước phu nhân đến cái tháp ở cách thành phố một phần tư dặm ấy. Bà ứa nước mắt khi nhìn thấy những tín hiệu của Fabrice mà trước đây bà nhiều lần tưởng đã chết rồi. Bà tự cầm đèn phát tín hiệu nói với Fabrice: Cô yêu anh, hãy can đảm, chăm sức khỏe, tin tưởng! Tập luyện gân cốt trong buồng, anh sẽ cần đến sức mạnh của đôi tay. Bà tự bảo: “Ta không gặp Fabrice từ buổi dạ xướng của ả Fausta, khi nó xuất hiện ở cửa phòng khách ta trong trang phục người đi săn. Lúc ấy có ai ngờ rồi số phận chúng ta sẽ ra thế này!”^[102]

Nữ công tước bảo phát những tín hiệu báo cho Fabrice là anh sẽ được giải thoát Nhờ lương khoan hồng của hoàng thân (những tín hiệu này, người ta có thể hiểu). Rồi bà trở lại với những lời âu yếm; bà không dứt rời anh được. Chỉ có những lời góp ý của Ludovic, vì anh này có ích cho Fabrice cho nên đã trở thành người tùy tùng của bà - mới có thể khiến bà cắt các tín hiệu khi trời sắp sáng, vì nó có thể làm cho một tên độc ác nào đó chú ý. Cái tin sắp được giải thoát nhiều lần lặp lại khiến Fabrice đâm ra buồn bã vô hạn. Ngày hôm sau, thấy Fabrice buồn, Clélia đại dột hỏi anh vì sao lại buồn.

— Tôi thấy tôi sắp làm cho nữ công tước bất bình lắm.

— Bà ấy đòi hỏi anh điều gì mà anh lại dám từ chối như vậy? Clélia phát sốt vì tò mò, kêu to

lên.

— Bà muốn tôi ra khỏi nơi này, đó là điều mà tôi không bao giờ chịu làm.

Clélia không biết đáp làm sao, nhìn Fabrice mà đầm đìa nước mắt. Giá đứng gần nhau mà nói chuyện, có lẽ Fabrice đã được nghe Clélia thú nhận những tình cảm sẽ làm cho anh hết nản lòng sâu sắc như lâu nay, vì nửa tin nửa ngờ. Anh cảm thấy da diết là sống mà không có tình yêu của Clélia, thì cuộc đời chỉ có thể là một chuỗi những đau thương cay đắng hoặc buồn chán không chịu nổi; và nếu chỉ sống để tìm những thú vui anh từng ham thích ngày xưa, khi chưa biết yêu, thì có nhọc công sống làm gì? Mặc dù tự tử chưa thành mốt ở Ý, anh đã nghĩ đến như một lối thoát, nếu số phận chia rẽ anh với Clélia.

Ngày hôm sau, anh nhận được một bức thư dài của Clélia:

“Bạn ạ, bạn phải biết rõ sự thật, từ ngày bạn vào đây, ở Parme lắm lúc người ta tưởng rằng giờ cuối cùng của bạn đã đến. Đúng là bạn chỉ bị xử mười hai năm cấm cố ngục thành, nhưng khốn thay, lại không thể không tin rằng có một sự thù hằn vô cùng mãnh liệt cố đeo đuổi bạn và đã bao nhiêu lần tôi run sợ tưởng bạn đã vì thuốc độc mà trút nợ đời! Cho nên, xin bạn hãy nắm lấy mọi phương tiện có thể có để thoát khỏi nơi này. Bạn thấy vì bạn, tôi đã vi phạm những bốn phận thiêng liêng nhất của tôi. Hãy nghe những điều mà tôi buộc phải liều nói ra - những điều miệng tôi không đáng nói tí nào - mà đoán xem nguy cơ cấp bách như thế nào. Nếu cần thiết phải như thế, nếu không có cách giải cứu nào khác, thì trốn đi. Mỗi phút bạn sống ở ngục thành này là mỗi phút nguy nan nghiêm trọng nhất đối với tính mệnh bạn. Nếu biết rằng ở trong triều, có một đảng phái không ngần ngại phạm tội ác để thực hiện những ý đồ của mình. Và bạn không thấy những dự định của đảng ấy đều bị tài trí hơn đời của bá tước Mosca phá tan hay sao? Mà họ thì tìm thấy một cách chắc chắn để đẩy bá tước rời xa Parme, đó là sự tuyệt vọng của nữ công tước; không phải họ đã biết chắc là cái chết của một anh tù trẻ nào đó sẽ đưa bà đến sự tuyệt vọng ấy hay sao? Cái điều không thể cãi đó phải cho bạn xét thấy tình cảnh bạn chứ? Bạn nói bạn mến tôi? Trước hết bạn nên nghĩ là có những trở ngại không vượt được không cho phép sự triu mến ấy tồn tại cố định giữa chúng ta. Chúng ta gặp nhau như những bạn trẻ, chúng ta đưa tay ra cứu giúp nhau trong cơn hoạn nạn; số mệnh đặt tôi ở nơi nghiêm lạnh này để xoa dịu nỗi đau khổ của bạn, nhưng tôi sẽ ân hận suốt đời nếu bạn có những ảo tưởng ngăn không cho bạn lợi dụng các thời cơ thuận lợi để cứu sinh mệnh bạn khỏi nơi nguy hiểm kinh khủng này, những ảo tưởng đó không có căn cứ gì hết và cũng sẽ chẳng bao giờ có căn cứ gì. Tôi đã mất sự yên tĩnh tâm hồn khi liều lĩnh trao đổi với bạn một đôi dấu hiệu thân tình; nếu những trò trẻ con sử dụng mầu tự của chúng ta đưa bạn đến những ảo tưởng ít căn cứ như thế và có khả năng di hại cho bạn đến như thế, thì tôi có viện cái có mưu toan đầu độc của Barbone để bào chữa cho mình cũng hoài công. Bởi vì làm như vậy tôi đã tự tay xô đẩy bạn vào một tai họa khủng khiếp hơn nhiều, chắc chắn hơn nhiều, trong khi tưởng cứu bạn thoát khỏi một tai họa trước mắt. Và những việc làm đại dốt của tôi sẽ là tội lỗi không bao giờ tha thứ được, nếu nó làm cho bạn có những tình cảm khiến bạn không chịu nghe lời khuyên của nữ công tước. Bạn hãy xem những điều bạn buộc tôi phải nhắc lại thì biết. Bạn hãy trốn đi, tôi ra lệnh cho bạn đấy...”

Cái thư ấy dài lắm. Một đôi đoạn, cũng như câu: Tôi ra lệnh cho bạn đấy mà chúng tôi vừa sao chép, đã đưa đến cho lòng Fabrice những giây phút hy vọng thần tiên. Anh cho là nội dung tình cảm khá âu yếm mặc dù lời lẽ đặc biệt thận trọng. Những lúc khác, anh phải trả cái nợ dốt đặc trong loại chiến tranh này, anh chỉ nhìn thấy một tình bạn trơn trụi, thậm chí một tấm lòng nhân đạo thông thường trong bức thư Clélia.

Vả lại, tất cả những gì cô cho anh biết đều không làm cho anh thay đổi ý định một phút nào: “Dù cho những nguy cơ nàng diễn tả có thật chẳng nữa, thì đánh đổi vài nguy hiểm nhất thời để lấy cái hạnh phúc được nhìn thấy nàng ngày ngày đâu phải là quá đắt? Anh biết sống như thế nào đây một khi lại phải trốn lánh ở Bologne hoặc ở Florence lần nữa? Vì đã trốn khỏi ngục thành thì anh không thể hy vọng được phép cư trú ở Parme. Cho dù quận vương có nghĩ lại đến

mức phóng thích cho anh đi nữa (điều này khó xảy ra lắm vì anh, Fabrice đã trở thành một phương tiện để cho một phe cánh có thể lực dùng để lật đổ bá tước Mosca) thì anh làm thế nào mà sống ở Parme trong khi bị cách biệt với Clélia bởi tất cả mối hận thù chia rẽ hai phe? Có lẽ mỗi tháng họ gặp nhau một vài lần, gặp nhau tình cờ ở những phòng khách, dù được như vậy thì anh biết nói với nàng thứ chuyện gì? Làm sao tìm thấy sự thân mật hoàn toàn mà giờ đây mỗi ngày mấy tiếng đồng hồ anh được hưởng? So sánh với câu chuyện nói bằng chữ cái thì câu chuyện nói ở phòng khách có lý gì? Dù ta phải mua cảnh sống thần tiên này và cái khả năng hạnh phúc duy nhất này bằng một vài sự nguy hiểm nhỏ nhất thì có hại gì? Và tìm được một cơ hội nhỏ như thế để chứng tỏ tình yêu của ta há không phải cũng là một hạnh phúc hay sao?"

Fabrice chỉ thấy ở bức thư Clélia một dịp để yêu cầu một cuộc gặp gỡ. Đó là mục đích duy nhất và bền bỉ anh ham muốn đạt được. Anh mới nói với cô một lần về nguyện vọng ấy, nói qua thôi, lúc anh mới vào tù và cách hơn hai trăm ngày rồi còn gì.

Có một cách được gặp Clélia dễ dàng: Ông abbé don Cesare tốt bụng cho Fabrice nửa giờ đi dạo trên sân thượng tháp Farnèse mỗi thứ năm trong tuần, vào ban ngày; nhưng những ngày khác, đi dạo chơi như thế thì ai trong thành phố và vùng lân cận cũng có thể để ý và việc ấy sẽ làm liên lụy quan trấn thủ, cho nên chỉ thực hiện vào lúc đêm xuống. Muốn lên sân thượng tháp Farnèse, không có cầu thang nào ngoài cầu thang dùng cho cái gác chuông nhỏ của nhà nguyện, có lẽ bạn đọc còn nhớ cái nhà nguyện trang trí một cách ghê rợn bằng cẩm thạch đen và trắng. Grillo đưa Fabrice đến nhà nguyện và mở cửa cầu thang gác chuông cho anh. Bốn phen của Grillo là phải đi theo Fabrice, nhưng vì đêm đó bắt đầu mát lạnh cho nên anh lính coi tù để một mình Fabrice lên, khóa cửa nhốt anh ta trên gác chuông ấy và trở về buồng ngồi sưởi lửa.

Thế thì một buổi chiều nào đó, tại sao Clélia lại không thể có mặt tại nhà nguyện cẩm thạch đen với cô hầu phòng đi kèm?

Cái thư dài Fabrice viết để phúc đáp thư Clélia được tính toán để đạt cuộc hội kiến ấy. Ngoài ra anh bộc lộ một cách hoàn toàn trung thực và như là việc của kẻ khác tất cả những lý lẽ khiến anh không rời bỏ ngục thành.

"Hàng ngày tôi dám đương đầu với một nghìn cơ hội chết chóc để có cái điểm phúc nói chuyện với cô bằng những chữ cái - mà bây giờ chúng ta sử dụng không một phút nào ngần ngại - thế mà cô lại muốn tôi đại dột tự dày mình đi ở Parme, hoặc có lẽ ở Bologne, thậm chí ở Florence hay sao? Cô muốn tôi đi để xa cô! Cô nên biết rằng sự cố gắng ấy quá sức tôi. Tôi có hứa với cô đi nữa thì cũng vô ích mà thôi, tôi sẽ không giữ được lời hứa đâu".

Việc yêu cầu một cuộc gặp gỡ đó đưa đến kết quả là Clélia vắng mặt năm hôm liền, trong năm hôm đó, cô chỉ lên chuông chim vào lúc cô biết Fabrice không thể sử dụng cái cửa con khoét ở mái che nắng. Fabrice thất vọng. Căn cứ vào sự vắng mặt đó, anh kết luận mặc dù có những ánh mắt của Clélia khiến anh nảy sinh những hy vọng viễn vông, anh cũng chỉ gây được ở nàng một tình bạn thông thường mà thôi chứ không có tình cảm nào khác. "Đã thế thì ta có thiết gì sống nữa! Quận vương có bắt ta chết, ta càng hoan nghênh quận vương. Thêm một lý do để không rời ngục thành!" Và mỗi tối, anh trả lời những tín hiệu của cây đèn con với một nỗi tỏm lợm, chán chường sâu sắc. Nữ công tước tưởng anh đã hóa rồ thực sự, khi đọc thấy, trên bản dịch tín hiệu mà Ludovic mang đến mỗi sáng, những chữ lạ lùng này: "Tôi không muốn trốn đi; tôi muốn chết ở đây!"

Trong năm hôm đầy cay đắng đối với Fabrice đó, Clélia lại còn đau khổ hơn. Cô nảy ra một ý định rất xốn xang đối với một tâm hồn hào hiệp: "Bốn phen ta là phải trốn vào một tu viện ở xa ngục thành; khi Fabrice biết không có ta ở đây nữa - ta sẽ bảo Grillo và tất cả bọn lính coi ngục khác nói với chàng - chàng sẽ quyết định trốn. Nhưng vào tu viện tức là suốt đời không được thấy Fabrice nữa, mà từ bỏ gặp chàng sao đành, khi chàng đã chứng tỏ rằng là những tình cảm có thể có giữa chàng và nữ công tước ngày nay không còn nữa! Có bằng chứng nào về tình yêu

cảm động hơn mà một chàng trai có thể cho ta thấy? Sau bảy tháng đằng đẳng ngồi tù làm cho sức khỏe chàng giảm sút nghiêm trọng, chàng lại không chịu lấy lại tự do. Một chàng trai hoa nguyệt, theo kiểu bọn triều thần diễn tả Fabrice trước đây, tất đã hy sinh hai mươi tình nhân để được thoát cảnh tù ngục sớm một ngày thôi! Và có gì mà gã không làm để thoát khỏi một nhà tù mà mỗi ngày thuốc độc đều có thể cắt đứt cuộc sống của gã”.

Clélia thiếu can đảm, cô phạm cái lỗi lớn lao là không trốn vào một tu viện, việc này hẳn đã đồng thời và tự nhiên tạo cho cô một phương tiện đoạn tuyệt với hầu tước Crescenzi. Đã phạm cái lỗi ấy rồi thì phải làm sao cưỡng lại chàng trai dễ mến, hồn nhiên, tình tứ đến thế, một chàng trai liêu lĩnh trước những nguy nan kinh khủng, để hưởng niềm sung sướng giản đơn là được nhìn thấy cô từ cửa sổ kia qua cửa sổ nọ? Sau năm ngày dằn vặt kinh hồn, chen lẫn những giây phút tự khinh tự鄙, Clélia quyết định trả lời bức thư trong đó Fabrice cầu xin cái diễm phúc được nói chuyện với cô trong nhà nguyện cẩm thạch đen. Nói cho đúng thì cô từ chối, và từ chối bằng những lời lẽ nghiêm khắc, nhưng cũng từ giờ phút ấy, tâm hồn cô mất hết cả yên tĩnh, lúc nào trí tưởng tượng của cô cũng hình dung ra Fabrice ngộ độc đang ngoắc ngoải. Mỗi ngày năm sáu lần cô đến chuồng chim, cô cảm thấy có cái nhu cầu đăm đuổi phải tự mắt mình nhìn thấy chắc chắn là Fabrice hãy còn sống. Cô tự bảo:

“Nếu Fabrice vẫn còn ở trong ngục thành, nếu chàng còn là mục tiêu của mọi điều góm ghĩa mà cánh Raversi có lẽ đang tổ chức để hại chàng, với mục đích đuổi bá tước Mosca khỏi nội các, thì đó chỉ là vì ta hèn nhát không chịu trốn vào tu viện! Chàng sẽ còn duyên cớ gì để ở lại đây nữa, một khi chàng được biết chắc chắn là ta đã vĩnh viễn rời xa nơi này”.

Cô tiểu thư rụt rè và kiêu hãnh đó đã hạ mình đến nước liêu yêu cầu anh lính coi ngục Grillo một điều có thể bị anh từ khước, hơn nữa có thể bàn tán thị phi về hành vi kỳ dị của mình. Cô nhún mình đến mức cho gọi Grillo và giọng run run như phôi trần nổi lòng thầm kín của mình, cô nói là trong mấy hôm nữa thôi, Fabrice sẽ được tự do, bà công tước Sanseverina đang vận động ráo riết với các hy vọng ấy, cho nên lắm khi cần phải có ngay ý kiến phúc đáp của người tù về một số đề nghị; cô yêu cầu đích thân Grillo cho phép Fabrice khoét một lỗ hổng ở mái che nắng che khuất cửa sổ anh ta, để cô có thể bằng dấu hiệu, thông báo cho anh những điều dạn dò mà mỗi ngày nhiều lần, cô nhận được của Sanseverina phu nhân.

Grillo cười tủm tỉm và khẳng định lòng kính trọng và sự phục tùng của mình. Hắn không nói thêm một lời nào, khiến Clélia thầm cảm ơn hắn vô hạn. Rõ ràng là hắn biết tường tận tất cả những gì đã diễn ra trong mấy tháng nay.

Anh lính ngục vừa ra khỏi thì Clélia làm ngay dấu hiệu đã giao hẹn để gọi Fabrice trong những dịp trọng đại; cô thú thật tất cả những việc cô vừa làm. Cô nói thêm: “Anh muốn chết bằng thuốc độc ư? Tôi mong một ngày kia có đủ can đảm xa rời bố tôi để trốn vào một tu viện xa xôi nào, đó là điều mà tôi có bốn phận phải làm vì anh; tôi hy vọng lúc ấy anh sẽ không chống lại những kế hoạch người ta đề nghị với anh để giải thoát cho anh; anh còn ở đây thì tôi còn những giờ phút lo ngại góm ghê và phi lý; cả đời tôi chưa hề làm liên lụy đến ai, mà ngày nay thì tôi tưởng như chính vì tôi mà anh sẽ gặp nạn. Chỉ nghĩ như vậy thôi về một người hoàn toàn xa lạ đủ làm cho tôi thất vọng, huống hồ đối với một người bạn, anh hãy phán đoán xem tôi cảm thấy thế nào khi tôi hình dung người bạn tôi trong lúc này đang quần quai giãy chết, một người bạn mà tính gần gũi khiến tôi khôn xiết phiền lòng, nhưng dấu sao, vẫn là một người bạn mà tôi thấy mặt hàng ngày từ bao nhiêu lâu rồi. Một đôi khi tôi cảm thấy cần được tự anh cho biết là anh hãy còn sống.

Chính vì muốn tránh nỗi đau đón ghê gớm đó mà tôi vừa hạ mình đến mức cầu xin ân huệ ở một kẻ dưới, hẳn có thể từ chối và giờ đây còn có thể phản tôi. Nhưng không sao, có lẽ tôi sẽ sung sướng nếu nó đến tổ giác với cha tôi; nếu mà thế thì tôi đến tức thời ở một nhà tu kín, tôi sẽ không còn là kẻ tòng phạm miễn cưỡng trong những chuyện điên rồ ác nghiệt của anh. Tuy nhiên hãy tin tôi, tình trạng này không thể kéo dài nữa, anh phải vâng lệnh nữ công tước. Anh đã vừa lòng chưa hồi anh bạn bạc ác? Chính tôi lại vật nài anh phản cha tôi!

Anh hãy gọi Grillo, cho hắn một cái gì."

Fabrice si tình quá cho nên một biểu thị đơn giản nào của ý chí Clélia cũng làm cho anh vô cùng lo ngại, bởi vậy cái điều lạ lùng mà anh được thông báo đó cũng không đủ làm cho anh tin chắc là Clélia yêu anh. Anh gọi Grillo đến, đền công cho anh ta một cách hào phóng về những sự giúp đỡ đã qua, và nói về tương lai cứ mỗi một ngày anh ta để cho Fabrice sử dụng cái lỗ khoét ở mái che nắng, thì anh sẽ được biếu một đồng sequin. Grillo lấy làm thích thú với những điều kiện ấy.

— Tôi muốn lấy tình thật mà thừa hết với ông lớn; ông lớn có chịu khó ăn thức ăn nguội hàng ngày được không? Có một cách rất dễ để tránh thuốc độc. Nhưng tôi yêu cầu ông lớn giữ hết sức kín, một người coi ngục phải nhìn thấy hết và không được đoán gì hết v.v... Tôi sẽ có nhiều chó chứ không phải chỉ có một, và tự ông, ông hãy cho chúng nằm trước tất cả những món mà ông định ăn; còn về rượu vang thì tôi sẽ trao rượu của tôi cho ông lớn, ông chỉ nên dùng những chai rượu mà tôi đã uống. Nhưng nếu ông lớn muốn hại tôi vĩnh viễn, thì chỉ cần ông lớn bộc bạch chính những chi tiết này với tiểu thư Clélia; phụ nữ bao giờ cũng là phụ nữ; nếu ngày mai tiểu thư bất hòa với ông lớn thì ngày kia, để trả thù, cô ấy sẽ thuật hết những trò này với ông bố, cái thú vui thắm thía nhất của ông này là tìm được có để treo cổ một chú lính canh ngục. Sau Barbone, ông có lẽ là con người độc ác nhất trong thành lũy này, và đó là mối nguy cơ thực sự cho vị trí của ông lớn, ông ta biết sử dụng thuốc độc, ông lớn hãy yên trí như vậy, và ông ta sẽ không tha thứ cho tôi về cái sáng kiến có đến ba bốn con chó nhỏ.

Một buổi hòa tấu ban đêm lại diễn ra. Bây giờ thì Grillo trả lời tất cả những câu hỏi của Fabrice; tuy nhiên anh ta cũng tự dặn lòng phải cần cẩn thận đừng làm lộ chuyện của Clélia; anh cho rằng mặc dù sắp lấy hầu tước Crescenzi, con người giàu nhất nước Parme, tiểu thư Clélia cũng cứ tình tự như thường với đức cha Del Dongo đáng yêu, trong điều kiện các tường thành nhà ngục cho phép. Anh ta đang trả lời những câu hỏi cuối cùng của Fabrice về buổi hòa tấu, thì bỗng nhiên buột miệng nói thêm: "Hình như ông ấy sắp cưới tiểu thư đến nơi".

Hãy tưởng tự xem hậu quả của câu nói gọn lỏn ấy đối với Fabrice. Đêm ấy anh chỉ trả lời những tín hiệu của cây đèn bằng một câu báo tin anh ốm. Sáng hôm sau, mới mười giờ, Clélia vừa đến chuồng chim, Fabrice đã dùng một giọng lễ phép long trọng, rất mới lạ giữa hai người, mà hỏi tại sao cô không nói thẳng cho anh biết cô đã yêu hầu tước Crescenzi và sắp lấy hầu tước.

"Là vì tất cả những cái ấy đều không đúng!" Clélia trả lời một cách bức dọc. Cũng phải nhận là những câu trả lời sau không được rõ ràng và dứt khoát như vậy nữa. Fabrice lưu ý Clélia về điều ấy và lợi dụng cơ hội để lại yêu cầu một cuộc hội kiến. Clélia thấy Fabrice nghi ngờ lòng trung thực của mình nên nhận lời ngay, tuy vậy lưu ý Fabrice là làm như thế nàng thấy mãi mãi xấu hổ với Grillo... Buổi chiều đó khi trời đã tối hẳn, Clélia đến nhà nguyên cấm thạch đen, có cô hầu phòng đi theo; cô dừng lại ở giữa nhà, bên cạnh ngọn đèn chong; cô hầu phòng và Grillo lùi lại sau ba mươi bước, đứng gần cửa, Clélia run lấy bầy, cô đã nghĩ trước một bài diễn văn đẹp đẽ, mục đích của cô là không thú nhận điều gì ràng buộc lòng mình, nhưng logic của tình yêu lại có tính chất bức bách; lòng thiết tha ham muốn tìm biết sự thật không cho phép cô nể nang phù phiếm, đồng thời sự tận tâm hoàn toàn của cô đối với người yêu cũng đánh tan mọi lo làm méch lòng chàng, về phía Fabrice, thoát đầu anh lóa mắt vì sắc đẹp của Clélia; từ ngót tám tháng nay anh chỉ được nhìn tận mặt những tên lính coi tù. Nhưng rồi cái tên của hầu tước Crescenzi làm anh trở lại cảm giận, nỗi cảm giận càng tăng khi anh thấy rõ ràng là Clélia chỉ trả lời với một sự nương nhẹ thận trọng; chính Clélia cũng hiểu cô làm tăng thêm chứ không đánh tan được ngờ vực. Cái cảm tưởng ấy khiến cô rất đau lòng, ứa nước mắt và hầu như giận dữ, cô nói:

"Có phải anh sung sướng lắm vì đã khiến cho tôi vượt qua hết những nề nếp tôi cần giữ đối với bản thân tôi hay không? Cho đến ngày 3 tháng tám năm ngoái, tôi cảm thấy chỉ muốn xa lánh những người đàn ông tìm cách làm cho tôi miễn ư. Tôi khinh bỉ vô hạn và có lẽ quá đáng

tính cách của các triều thần, cái gì đặc ý ở triều đình này tôi đều không ưa thích. Trái lại, tôi tìm thấy những đức tính đặc biệt ở một người tù bị đưa tới ngục thành này ngày 3 tháng tám. Tôi cảm thấy tất cả nỗi dày vò của lòng ghen tuông, mà lúc ban đầu tôi không biết. Những nét kiêu diễm của một phụ nữ xinh đẹp mà tôi biết rõ, là những nhát dao đâm vào tim tôi, bởi vì tôi đã tin, và bây giờ hãy còn tin chút ít, là người tù đó quyến luyến người phụ nữ ấy. Rồi thì hầu tước Crescenzi, trước đã ngỏ ý dạm tôi, bây giờ càng đeo theo quấy riel; hẳn ta giàu lắm mà bố con chúng tôi thì nghèo xơ; tôi thanh thản từ chối, chẳng có chút luyến tiếc nào, cho đến lúc cha tôi nói lên cái tiếng tu viện ác hại. Tôi hiểu rằng nếu tôi rời bỏ ngục thành thì không thể chăm lo cho tính mệnh của người tù mà tôi quan tâm đến số phận. Cái công quả lớn nhất trong những biện pháp đề phòng của tôi là, cho đến lúc ấy, anh ta không hề nghĩ rằng có những nguy hiểm ghê gớm đe dọa tính mệnh anh ta. Tôi tự hứa là sẽ không phản cha tôi, cũng không để lộ bí mật của tôi. Nhưng người phụ nữ có một năng lực đáng phục, một trí tuệ cao cả, một ý chí ghê gớm, người phụ nữ ấy che chở cho anh tù kia, người phụ nữ ấy hình như đã hiến cho anh tù những phương tiện trốn đi mà anh từ chối, và anh muốn làm cho tôi tin rằng anh không chịu rời bỏ ngục thành để khỏi phải xa tôi.

Lúc ấy tôi phạm một sai lầm lớn, tôi dằn vặt nghĩ lui nghĩ tới trong năm hôm; đáng lẽ tôi phải rời bỏ ngục thành, trốn ngay vào tu viện, hành động ấy hẳn đã cung cấp cho tôi một cơ quá giản dị để cắt đứt với hầu tước Crescenzi. Thế mà tôi không có can đảm rời bỏ ngục thành và tôi đã trở nên một đứa con gái hư hỏng; tôi quyến luyến một chàng trai phù phiếm, tôi biết ngày tôi ở Naples chàng đã xử sự như thế nào, và tôi có lý do gì đâu để tin là tính tình chàng đã thay đổi! Bị nhốt trong một nhà ngục nghiêm lạnh, người ta sẵn đón người phụ nữ duy nhất mà người ta nhìn thấy, người phụ nữ đó chẳng qua là một trò giải trí cho người ta trong cảnh buồn chán mà thôi. Vì phải vượt một số khó khăn nhất định mới chuyện trò được với người phụ nữ ấy, cho nên trò chơi kia đội lốt một tình yêu đắm đuối. Người tù ấy đã được xã hội biết đến tên tuổi vì lòng dũng cảm của mình, người tù ấy nghĩ rằng phải chứng minh tình yêu của anh ta là một cái gì sâu sắc hơn là một sự vui thích nhất thời, bằng cách liều lĩnh xông pha những hiểm họa khá lớn để tiếp tục gặp gỡ con người mà anh ta tưởng mình yêu. Nhưng khi anh đã ở một thành phố lớn, giữa những cám dỗ của xã hội, anh ta sẽ trở lại là con người của ngày nào, một con người của phòng khách, quen nét kiêu xa, hoa nguyệt và người bạn gái tội nghiệp của những ngày tù dành phôi pha kiếp sống thừa trong một nhà tu kín, không được con người phù phiếm kia nhớ tới, lòng riêng ôm mối hận chết người trót đã giải tỏ ruột gan!”.

Bài diễn thuyết lịch sử ấy, mà chúng tôi chỉ trích dẫn mấy nét chính, đã bị Fabrice chặn lại đến mười lần, như chúng ta có thể đoán biết. Anh yêu đắm đuối cho nên anh tin tuyệt đối rằng trước khi gặp Clélia, anh chưa hề yêu và số kiếp của anh là sinh ra chỉ để sống với Clélia.

Chắc các bạn cũng tưởng tượng được những lời tốt đẹp mà Fabrice đã nói. Vừa lúc ấy, cô hầu phòng đến báo với cô chủ là đồng hồ vừa đánh mười một giờ rưỡi xong và quan tướng sắp về. Cuộc chia tay rất là đau đớn. “Tôi được nhìn thấy anh lần này có lẽ là lần cuối, Clélia nói với anh tù. Cánh Raversi có thể, rõ rệt là vì quyền lợi của chúng, cung cấp cho anh một biện pháp độc ác để chúng tỏ anh không phải là người thay lòng đổi dạ”. Clélia ghen ngào rời Fabrice trở về, xấu hổ chết được vì không thể che giấu hết những tiếng khóc nức của mình trước mặt cô hầu phòng, nhất là anh lính coi ngục. Một cuộc gặp gỡ chuyện trò thứ hai chỉ có thể diễn ra khi nào quan tướng báo tin sẽ dự một cuộc tiếp khách buổi tối trong thành phố. Nhưng vì từ khi Fabrice ở tù, bọn triều thần cứ tọc mạch theo dõi, ông thấy cần phải cẩn thận nên đã thác có đau khớp hầu như liên miên; bởi vậy khi nào cần đi vào thành phố theo yêu cầu của một đường lối chính trị có tính toán, ông cũng chỉ quyết định khi sắp bước lên xe.

Sau buổi tối trong nhà nguyện cẩm thạch đó, cuộc đời của Fabrice là một chuỗi nhưng say sưa phấn khởi. Đúng là còn có những trở ngại lớn cản trở hạnh phúc, tuy nhiên cuối cùng anh đã đạt nỗi vui mừng tốt bậc và khó mong ước là được một con người tuyệt thế yêu đương, một con người lâu nay chiếm lĩnh hoàn toàn tâm trí anh.

Ngày thứ ba sau buổi hội kiến đó, tín hiệu đèn chấm dứt sớm, vào khoảng nửa đêm. Vừa lúc

đèn tín hiệu tắt. Fabrice suýt vỡ đầu vì một hòn đạn chì lớn, hòn đạn được tung qua phần trên mái che nắng, bay vào chọc thủng những tấm giấy dán thay kính và rơi trong buồng.

Hòn đạn rất to ấy thật ra không có trọng lượng tương xứng với thể tích. Fabrice mở nó ra dễ dàng và tìm thấy một bức thư của nữ công tước. Bà khéo nịnh ông tổng giám mục và nhờ sự trung gian của ông, đã mua chuộc được một người lính trong đội quân canh giữ ngục thành. Người đó có tài tung đạn, hẳn đã lừa được những người lính canh gác ở bốn góc và ở cửa lầu quan trấn thủ, hoặc đã thương lượng với họ.

“Anh phải dùng dây mà trốn ra, tôi rùng mình khi khuyên bảo anh điều kỳ dị đó, tôi ngần ngại trọn hai tháng trước khi nói với anh. Nhưng mà triển vọng chính thức mỗi ngày một thêm xám xịt và người ta có thể chờ đợi khả năng xấu nhất.

Nhớ phát lại tín hiệu đèn ngay để cho chúng tôi biết là anh đã nhận được bức thư nguy hiểm này. Phát P. B và G theo bảng mẫu tự tu viện, nghĩa là bốn, mười hai và hai. Có nhận được tín hiệu đó, tôi mới thở được. Tôi đang ở trên tháp, người ta sẽ trả lời cho anh bằng N và O, tức là thứ bảy và năm. Nhận được tín hiệu trả lời rồi thì đừng phát thêm gì nữa, để chuyên chú tìm hiểu bức thư của tôi”.

Fabrice vội vàng làm theo lời nữ công tước, phát những tín hiệu giao ước và được trả lời bằng những tín hiệu đã thông báo, xong anh đọc tiếp bức thư.

“Người ta có thể chờ đợi khả năng xấu nhất, đó là điều mà ba người tôi tin cậy hơn hết đã tuyên bố với tôi, sau khi tôi bắt họ thề trên sách Phúc âm là phải nói sự thật, dù sự thật đối với tôi có độc địa bao nhiêu chăng nữa. Người thứ nhất là người đã đe lão thầy giải phẫu chỉ điểm ở Ferrare là sẽ rơi vào hắn ta với một con dao mở lưỡi ở tay, người thứ hai đã nói với anh lúc anh từ Belgirate trở về rằng cách đề phòng cẩn thận, chắc chắn nhất là lấy một phát súng ngắn vào tên hầu phòng vừa hát vừa đi vào rừng, tay dắt một con ngựa đẹp hơi gầy; anh không biết người thứ ba đâu, đó là một tay cướp đường trường, bạn của tôi, một con người biết hành động khi cần đến và cũng gan dạ ngang với anh, bởi vậy người này là người chủ yếu mà tôi bảo nói cho tôi biết nên làm gì. Mỗi người đều không biết tôi hỏi hai người kia, nhưng cả ba đều lần lượt nói thà là liều bị gậy cổ còn hơn sống mười một năm bốn tháng nữa trong nỗi lo nơm nớp, việc đầu độc có phần chắc chắn sẽ diễn ra.

Phải để ra một tháng tập leo dây trong buồng anh, tập leo lên tụt xuống trên một sợi dây thắt nút. Sau đó nhân một ngày khánh tiết mà đội quân phòng thành được đãi rượu, anh hãy cố làm cái việc lớn. Anh có ba sợi dây bằng tơ tằm và chỉ gai, lớn bằng cái lông ống thiên nga, dây thứ nhất dài mười sáu sải để tụt khoảng cách bảy sải từ cửa sổ anh xuống rừng cam; dây thứ hai dài sáu mươi sải - đây là chỗ khó vì nặng quá - để tụt ba mươi sáu sải chiều cao bức tường của tháp lớn, dây thứ ba sáu sải dùng để leo xuống khỏi thành lũy. Tôi để hết ngày giờ nghiên cứu bức tường thành lớn về phía đông, tức là về phía Ferrare. Một vết rạn nứt do động đất làm ra đã được lấp bằng một bức lũy ngang làm thành một bình diện nghiêng. Tay cướp đường của tôi nói quyết rằng anh ta dám leo xuống ở phía ấy không khó khăn lắm, chỉ phải mấy vết sây sát mà thôi, xuống bằng cách cho trượt người theo chiều xuôi của bức lũy ngang ấy. Khoảng dựng đứng chỉ cao chín thước, và ở dưới cùng; phía ấy được canh phòng ít cẩn mật nhất.

“Tuy nhiên, cân nhắc kỹ, anh cướp đường của tôi, - anh ta đã ba lần vượt ngục, và con người anh, nếu Fabrice biết thì sẽ mền ngay, mặc dù anh ấy ghét những người thuộc giai cấp anh - anh cướp đường của tôi, tôi nói lại, người cũng nhanh nhẹn như anh, anh ấy nghĩ rằng anh ấy thích leo ở phía tây hơn, ở phía này đối diện đúng với tòa lâu đài Fausta ở xưa kia, tòa lâu đài này anh biết quá rõ. Điều khiến anh ấy chọn phía đó là bức thành, tuy ít nghiêng nhưng khắp mặt đều có những bụi cây còi, ở đó có những cành cây lớn như ngón tay út, có thể làm sứt da mình nếu không chú ý, nhưng cũng rất tốt đến bầu vú. Buổi sáng nay tôi vẫn còn quan sát bên phía tây đó với một kính thiên lý rất tốt, chỗ đáng chọn ở ngay dưới một hòn đá mới mà người ta đặt ở lan can trên cao cách đây vài ba năm. Nhìn thẳng đứng xuống dưới thót đá ấy, anh sẽ

thấy một khoảng trống trơn chừng bốn sải; đoạn đó phải tut từ từ, rất chậm (anh tất cảm thấy lòng tôi hồi hộp dường nào khi dặn dò anh những điều ghê gớm này, nhưng mà ta phải can đảm chọn lấy cái hại nhỏ nhất, dù cái hại ấy có rùng rợn thế nào), sau khoảng trống, anh sẽ gặp một quãng mười sáu, mười bảy sải tường phủ những bụi cây còi khá lớn có chim chóc bay lượn, rồi một khoảng chỉ có cỏ dại, đinh tử và cỏ hôi. Sau đó, càng xuống gần đất thì có chừng bốn sải bụi cây cỏ nữa và cuối cùng, năm sáu sải vách vừa mới trét vừa lại.

“Điều khiến tôi quyết chọn phía ấy là ở đó, dóng theo đường thẳng đứng từ bên dưới thốt đá mới của cái lan can trên cao, có cái lều bằng ván gỗ của một tên lính dựng trong vườn nó, mà viên đại úy công binh làm việc ở thành lũy muốn bắt phá hủy; lều đó cao hơn năm thước, lợp bằng rạ, mái tiếp giáp với tường lớn của ngục thành. Ấy chính cái mái rạ đó căm dổ tôi, trong trường hợp khủng khiếp xảy ra tai nạn; nó sẽ nương nhẹ bớt cho người ngã. Một khi xuống tới đó là anh đã ở trên vành lũy không được bảo vệ chu đáo lắm. Nếu người ta bắt anh thì anh hãy bắn súng ngắn và chống cự ít phút. Người bạn ở Ferrare của anh và một người dũng cảm khác mà tôi gọi là tay cướp đường trường, hai người ấy có thang và sẽ không ngần ngại leo lên cái thành lũy không cao lắm đó để bay đến cứu anh.

“Lũy chỉ cao có bảy thước và có một bờ đất rất rộng. Tôi sẽ ở dưới chân bức tường thành cuối cùng đó với một số đông người có vũ khí.

“Tôi hy vọng gửi đến cho anh năm, sáu bức thư theo cách gửi này. Tôi sẽ luôn luôn lặp lại những điều giống nhau bằng những lời lẽ khác nhau để cho chúng ta hoàn toàn thống nhất ý kiến. Anh đoán xem lòng dạ tôi ra sao khi nói với anh là cái người bảo bắn tên hầu phòng cho rằng anh sẽ thoát chỉ với một cánh tay gãy, người ấy, xét cho cùng, là một người tốt hơn ai hết và đang hồi hận tưởng chết đi được. Tay cướp đường, có kinh nghiệm hơn trong những cuộc viễn chinh loại đó, thì nghĩ rằng nếu anh chịu khó tut xuống rất chậm, nhất là đừng nóng vội, thì anh sẽ đổi được tự do chỉ với mấy vết xước da thôi. Cái khó khăn lớn nhất là làm sao cho anh có dây; đó là điều duy nhất mà tôi nghĩ tới từ mười lăm ngày nay, mười lăm ngày mà mỗi giờ phút đều dành cho dự định lớn này.

“Tôi không thể trả lời cái điều điên rồ kia, điều kém thông minh duy nhất mà anh đã thốt ra trong đời anh: “Tôi không muốn trốn đi!” Người bảo bắn tên hầu phòng kêu lên rằng sự buồn chán đã làm cho anh hóa rồ. Tôi không giấu giếm gì anh mà không nói là chúng tôi lo ngại một nguy cơ trước mắt có thể thúc đẩy cho ngày anh trốn đi đến sớm hơn. Để báo nguy cơ ấy, cây đèn sẽ lặp lại nhiều lần:

“Lửa cháy ở lâu đài!”

Anh hãy trả lời:

“Sách của tôi có cháy không?”

Bức thư còn những năm trang chi tiết; thư viết bằng một lối chữ nhỏ như kiến kim, trên giấy rất mịn.

“Tất cả các cái này đều rất đẹp và sáng tạo rõ tài tình, Fabrice nghĩ thầm. Ta sẽ mãi mãi biết ơn bá tước và nữ công tước. Có lẽ họ sẽ cho là ta sợ, nhưng mà ta không trốn đâu. Ai lại bỏ trốn khỏi một nơi hạnh phúc tràn đầy để tìm đến một nơi tha phương biệt xứ gớm ghiếc, mà cái gì cũng thiếu, kể cả không khí để thở? Ta sẽ làm gì sau khi đến Florence một tháng? Chắc ta sẽ cải trang để trốn về làng vắng bên cổng thành lũy này hầu chộp được một ánh mắt!”

Ngày hôm sau, Fabrice bị một mẻ hoảng hốt, đang đứng ở cửa sổ nhìn xem cảnh vật huy hoàng và chờ đợi cái giây phút thần tiên Clélia xuất hiện, thì Grillo hỗn hển lao vào buồng: “Chao ôi! Nhanh, nhanh đi, ông lớn nằm xuống giường giả vờ ốm đi. Có ba quan án lên kia. Họ sắp chất vắn ông lớn, hãy suy nghĩ trước khi nói. Họ đến vắn ông lớn đấy”.

Grillo vừa nói vừa nhanh tay đóng vội cái cửa con khoét ở mái che nắng, rồi đẩy Fabrice nằm xuống giường, đắp lên người anh hai ba chiếc áo khoác.

“Bảo là ông đau nhiều lắm và nói ít thôi, nhất là bảo họ lặp lại các câu hỏi để có thì giờ suy nghĩ”.

Ba quan án vào buồng. “Quả là ba tên bợm trốn thoát khổ dịch chiến thuyền” Fabrice thầm nghĩ khi ba bộ mặt dề tiện chứ không phải ba quan tòa. Họ mặc áo đen dài. Họ chào trịnh trọng rồi không nói gì, cứ việc ngồi lên ba cái ghế tựa ở trong buồng.

— Thưa ông Fabrice Del Dongo, người cao tuổi nhất nói, chúng tôi rất đau lòng về cái sứ mệnh bi thương mà chúng tôi phải thực hiện đối với ông. Chúng tôi đến đây để báo với ông cái tin buồn cụ lớn lệnh nghiêm đường, hầu tước Del Dongo, đệ nhị tổng quản lý hoàng gia liên vương quốc Lombardo Vénitien đệ nhất đẳng bội tinh v.v... đã qua đời.

Fabrice khóc, quan án nói tiếp:

— Lệnh từ mẫu, bà lớn hầu tước Del Dongo báo tin ấy cho ông bằng một bức thư khẩn, nhưng vì cũng với cái tin đó, bà có nói những ý kiến không thích đáng, cho nên tòa hình án, bằng một án lệnh lập ngày hôm qua, đã quyết định sẽ trích đoạn bức thư mà thông báo cho ông thôi và đoạn trích ấy, ông lục sự Bona sắp đọc cho ông nghe đây.

Đoạn trích thư đọc xong, quan án đi lại một bên Fabrice đang nằm và cho anh đọc trên thư những đoạn trích sao mà người ta vừa đọc cho anh nghe xong. Fabrice nhìn thấy trên bức thư những chữ: Giam giữ bất công, tròng phạt độc địa về một tội ác không đúng là tội ác và hiểu vì sao các quan tòa đã đến. Ngoài ra vì khinh bỉ lũ quan tòa không có lương tâm, anh chỉ nói vắn vắn có mấy câu này;

— Thưa quý vị, tôi ốm, tôi mòn mỏi vì buồn phiền, mong các vị thứ lỗi cho vì tôi không ngồi lên được.

Các quan án đi rồi Fabrice còn khóc nhiều nữa; rồi anh tự nhủ: “Ta giả dối sao chứ? Hình như ta không yêu cha ta mà”.

Ngày hôm đó và mấy hôm sau, Clélia buồn lắm: Cô gọi anh nhiều lần nhưng chỉ đủ can đảm nói với anh mấy câu thôi. Ngày thứ năm sau buổi hội kiến đầu tiên, buổi sáng, cô nói với Fabrice là tối hôm đó, cô sẽ đến nhà nguyện cấm thạch.

Vừa vào nhà nguyện, Clélia nói:

— Tôi chỉ có thể nói với anh vài lời thôi. Nàng run rẩy quá phải tựa vào cô hầu phòng. Sau khi đã cho cô hầu phòng lui ra gần cửa, Clélia nói tiếp, giọng nghẹn đi, khó nghe lắm: Anh hãy lấy danh dự mà hứa với tôi, lấy danh dự hứa rằng sẽ vâng theo ý công tước phu nhân và cố trốn ra vào ngày bà truyền bảo trốn, theo cách bà truyền bảo làm, nếu không, sáng mai tôi sẽ lánh vào một nhà tu kín và tôi thề với anh tại đây là suốt đời tôi sẽ không nói với anh lời nào nữa.

Fabrice im lặng.

— Hứa đi, Clélia nói, mắt rớm lệ, người cuống cuống như hoảng loạn, hứa đi không thì lần này là lần cuối cùng chúng ta nói chuyện với nhau. Anh làm cho cuộc sống của tôi trở nên kinh khủng quá, anh ở lại đây là vì tôi và ngày nào cũng có thể là ngày cuối cùng của đời anh! Lúc đó Clélia yếu đuối quá, phải tìm một chỗ tựa ở chiếc ghế bành to tướng ngày xưa đặt ở giữa nhà nguyện để cho vị thế tử ở tù dửng, cô suýt ngất đi.

— Hứa gì đây? Fabrice chán nản hỏi.

— Anh biết rồi.

— Thế thì tôi thề sẽ tự giác lao vào một tai họa khủng khiếp và tự buộc mình sống xa tất cả những gì mình yêu mến ở trên đời. Hãy hứa những điều cụ thể. - Tôi thề sẽ vâng lời bà công tước và trốn đi vào ngày bà muốn và theo cách bà muốn. Rồi tôi sẽ ra thế nào một khi đã xa cô!

— Phải thề là anh sẽ vượt ngục bất chấp sau đó xảy ra gì.

— Thế nào? Cô đã nhất quyết lấy hầu tước Crescenzi khi không có tôi ở đây nữa ư?

— Trời ôi! Anh cho tôi là người thế nào vậy?... Nhưng thôi, hãy thề đi, nếu không tâm hồn tôi sẽ không có một chút nào yên tĩnh.

— Thế thì tôi thề là tôi sẽ trốn khỏi nơi này vào ngày Sanseverina phu nhân truyền bảo, bất chấp những gì xảy ra từ nay đến lúc ấy.

Đoạt được lời thề của Fabrice xong thì Clélia cảm thấy mình yếu lả đi, buộc phải cảm ơn chàng để rồi lui gót. Cô nói:

— Tôi đã sắp sẵn để sáng mai lánh vào tu viện nếu anh cứ khăng khăng đòi ở lại đây. Nếu mà thế thì buổi gặp gỡ ngày hôm nay là lần gặp gỡ cuối cùng trong đời tôi, tôi đã phát nguyện cùng với Đức Mẹ như vậy. Bây giờ thì lúc nào có thể ra khỏi buồng, tôi sẽ đi xem xét bức tường ghê gớm ở dưới tầng đá mới của cái lan can.

Ngày hôm sau, Fabrice thấy Clélia xanh xao đến xót cả lòng dạ. Từ cửa sổ có chuồng chim, cô nói với anh:

— Chúng ta không nên ảo tưởng, bạn thân thương ạ. Vì tình cảm giữa chúng ta có mang tội lỗi, cho nên tôi tin chắc là chúng ta sẽ gặp tai họa. Anh sẽ bị phát hiện trong khi tìm cách vượt ngục và thế là vĩnh viễn hỏng hoặc còn có thể hơn. Tuy vậy, con người vốn tính cẩn thận cho nên phải vâng theo tính đó, tính cẩn thận dạy bảo ta phải tìm đủ mọi cách tự cứu. Để xuống khỏi tháp lớn, anh cần có một cái dây bền chắc và dài hơn bốn mươi sải tay. Mặc dù cố gắng hết sức từ khi biết dự định của nữ công tước, tôi chỉ kiếm được một số dây nối cả lại mới đạt chừng mười sải. Theo nhật lệnh của quan trấn thủ, tất cả những thùng, dây tìm thấy trong ngục thành đều bị thiêu hủy, và mỗi tối, người ta cất giấu hết dây ở cái giếng, mặc dù thứ dây này mỏng mảnh lắm, thường đứt nửa chừng khi kéo những gầu, thùng nhẹ thôi. Nhưng anh hãy cầu nguyện Chúa, cầu nguyện Chúa xá tội cho tôi, tôi phản lại cha tôi, là một đứa con bất hiếu, tôi đang làm một việc khiến cho ông phiền não và có thể chết được. Hãy cầu nguyện Chúa vì tôi, và nếu anh được cứu thoát, anh hãy phát thệ sẽ tâm niệm ca ngợi công đức Chúa mỗi phút mỗi giờ trong cuộc sống của mình.

Tôi vừa có ý kiến này: Trong tám hôm nữa, tôi sẽ đi ra ngoài thành để dự lễ cưới của một người em gái hầu tước Crescenzi. Tôi giữ nề nếp, đến tối sẽ về, nhưng tôi sẽ làm đủ mọi cách để về rất muộn, và có lẽ Barbone không dám quan sát tôi quá kỹ. Ở đám cưới em gái hầu tước Crescenzi sẽ có mặt những bà lớn quyền quý nhất tại triều, và chắc là có Sanseverina phu nhân. Nhân danh Chúa, tôi muốn anh làm sao để bà lớn đó trao cho tôi một gói dây đánh thật săn, không to lắm và bó thành gói nhỏ nhất. Dù phải xông vào chỗ chết, tôi cũng sẽ dùng những biện pháp nguy hiểm nhất để đưa gói dây ấy vào trong thành, bất chấp, chao ôi! Bất chấp những bốn phận của tôi. Nếu cha tôi mà biết thì tôi không gặp lại anh được nữa, nhưng dù vận hạn nào đương chờ đợi tôi đi nữa, tôi cũng sẽ rất sung sướng trong giới hạn tình cảm của một nàng em gái, nếu tôi có góp phần cứu được anh."

Ngay tối hôm đó, dùng ngọn đèn thông tin trong đêm, Fabrice báo cho nữ công tước biết cái cơ hội duy nhất để đưa vào trong ngục thành một số dây đủ dùng. Nhưng anh van bà phải giữ bí mật, ngay cả với bá tước, điều này bà thấy kỳ quặc. "Hắn điên, bà nghĩ thầm, nhà tù đã làm hắn thay đổi, hắn thấy mọi việc đều đen tối". Ngày hôm sau, anh lính thạo tung đạn, lại tung vào cho anh một quả đạn chì nữa; quả đạn chì đó báo cho anh điều nguy hiểm nhất: "Cái người nhận đưa dây vào - bức thư nói thế - thực sự và rõ ràng là nàng cứu anh". Fabrice vội thông báo

tin ấy lại cho Clélia. Quả đạn chì ấy cũng mang đến cho Fabrice một bản họa chính xác về bức tường phía tây do đó mà anh sẽ leo xuống từ trên đỉnh tháp lớn, trong khoảng cách giữa các công sự trời ra ngoài tường, xuống đến đáy rồi thì trốn đi dễ thôi, vì lũy chỉ cao hơn bảy thước và không được canh giữ chu đáo. Phía sau bản đồ ấy có một bài thơ tuyệt tác chép bằng một nét bút tinh vi, qua bài thơ, một tâm hồn hào hiệp khích lệ Fabrice trốn đi, đừng để tâm hồn tha hóa, thể xác suy nhược đi vì mười năm tù túng mà anh còn phải chịu.

Đến đây có một chi tiết buộc chúng ta phải gián đoạn việc tường thuật công việc mạo hiểm này; chi tiết ấy giải thích một phần vì sao bà công tước có can đảm khuyên bảo Fabrice tiến hành cuộc vượt ngục nguy hiểm đến như thế.

Cũng như tất cả các đảng phái không cầm quyền, đảng Raversi không đoàn kết lắm. Hiệp sĩ Riscara ghét viên chánh án Rassi, mà y cho là đã làm cho anh thua kiện trong một vụ án quan trọng, trong đó thực ra Riscara thất lý. Riscara dùng thư nặc danh báo cho quận vương biết có một bản án về Fabrice đã được chính thức gửi cho quan trấn thủ ngục thành. Nữ hầu tước Raversi là một thủ lĩnh đảng khôn khéo; bà ta rất phiền về hành động nguy hại đó và lập tức báo cho bạn, là quan chánh án biết: bà cho là việc Rassi rút ruột thủ tướng Mosca một cái gì, trong khi Mosca còn cầm quyền, cũng là thường tình thôi. Rassi dửng dưng đi vào cung điện, nghĩ rằng sẽ bị đá đít mấy cái là cùng, hoàng thân không thể thiếu một luật gia tài tình ở bên cạnh mình, mà Rassi thì đã phát lưu biệt xứ một quan tòa và một trạng sư ở phái tự do, chỉ có hai người này là có thể thay. Hoàng thân giận như điên, thét mắng Rassi nặng nề và tiến lên để đánh y.

— Ấy đó là do sự dăng trí của viên thư lại, Rassi trả lời hết sức bình tĩnh. Việc ấy được pháp luật quy định, đáng lẽ phải thực hiện ngay hôm sau cái ngày bắt nhốt tên Dongo ở ngục thành. Viên thư lại mẫn cán tưởng mình trót sơ suất quên làm và chắc là đã đưa tôi ký cái thư gửi như một công văn chiếu lệ.

— Nhà ngươi tưởng ta tin được những điều dối trá bịa đặt vụng về như thế à? Hoàng thân điên tiết thét lớn. Nên nói là nhà ngươi đã bán mình cho tên vô lại Mosca và chính vì thế mà hắt tặng huân chương cho nhà ngươi. Nhưng, mẹ kiếp! Ngươi không những chỉ ăn đòn mà thôi, ta sẽ còn lôi ngươi ra tòa án, và cách chức ngươi một cách nhục nhã.

— Tôi thách Điện hạ mang tôi ra truy tố đó. Rassi tự tin đáp. Y biết đó là cách chắc chắn làm cho hoàng thân dụi đi. - Pháp lý ở về phía tôi và ngài không có một Rassi thứ hai nào để day trở pháp luật. Điện hạ sẽ không cách chức tôi, vì có những lúc tính tình Điện hạ nghiêm khắc; lúc đó ngài khát máu, nhưng đồng thời ngài cũng muốn được những người Ý có lương tri mẫn trọng; sự mẫn trọng đó là một điều kiện không có không được đối với tham vọng của ngài. Cuối cùng, Điện hạ sẽ gọi tôi trở lại khi cần có một hành động nghiêm khắc đầu tiên mà tính tình của ngài đòi hỏi; và như thường lệ, tôi sẽ xoay cho Điện hạ một bản án hợp thức do những quan tòa rút rề nhưng là người tử tế xử một bản án làm thỏa mãn dục vọng của Điện hạ. Ngài thử tìm xem trên đất nước ngài một con người được việc như tôi! Nói xong Rassi cúi mặt. Y đã thoát nạn với giá một cái thước giáng thẳng cánh và năm sáu mũi gậy vào sau đũng. Ra khỏi cung, y về ấp Riva; y có phần ngại một nhát dao găm trong cơn giận dữ ban đầu của hoàng thân, y cũng tin chắc là trong vòng mười lăm hôm, sẽ có một liên lạc viên đến gọi y trở về thủ đô. Y dùng thì giờ nghỉ ở nông thôn để tổ chức một đường dây thư tín chắc chắn với bá tước Mosca. Y mê tít cái danh hiệu nam tước và nghĩ rằng hoàng thân quá quý trọng cái thứ ngày xưa coi là tuyệt diệu ấy, thứ quý tộc, cho nên không đời nào chịu ban cho y; còn bá tước thì rất kiêu hãnh với nguồn gốc của mình, chỉ quý trọng loại quý tộc có sắc phong từ trước năm 1400.

Quan tư khấu không lầm trong dự đoán của mình, ông về ấp của ông mới được tám hôm thì một người bạn của hoàng thân tình cờ đến đấy, đã khuyên bảo ông nên trở về Parme ngay; ông về triều thì hoàng thân tươi cười tiếp ông, rồi nghiêm nét mặt bắt ông thề trên sách Phúc âm là sẽ giữ kín điều ngài sắp ký thác. Rassi thề rất nghiêm túc, ông thề xong thì hoàng thân mắt long sòng sọc vì thù hằn, thét lên rằng mỗi một ngày mà Fabrice Del Dongo còn sống, thì coi

như ngài không là chủ trên giang sơn đất nước của ngài.

— Ta không thể, ngài nói tiếp, không thể đuổi mù công tước đi, cũng không thể chịu được sự có mặt của mù; đôi mắt mù cứ như thách thức ta và không cho ta sống.

Để cho quận vương giải bày ý định của mình chán chê rồi Rassi mới làm ra vẻ hết sức lúng túng, kêu:

— Lệnh của Điện hạ sẽ được tuân hành tất nhiên, nhưng việc này khó khăn lắm, khó một cách kinh khủng. Xử tử một công tử Del Dongo vì tội giết một tên tiểu tốt vô danh thì rất không ổn về hình thức; từ cái lỗi nhỏ nhất ấy mà nặn ra được mười hai năm ngục thành đã là một trò xiếc đáng kinh ngạc rồi! Vả lại tôi nghĩ mù công tước đã bới ra được ba trong số những nông dân làm việc ở công trường khai quật Sanguigna, những người ở trên bờ hào trong lúc tên cướp Giletti đó tấn công Del Dongo.

— Những nhân chứng đó ở đâu rồi? Hoàng thân bực tức, hỏi.

— Được giấu ở vùng Piémontais, tôi đoán thế. Phải bày ra một âm mưu ám sát Điện hạ...

— Cách ấy có những nguy hiểm của nó, hoàng thân nói, nó xúi người ta nghĩ thực sự đến việc ấy.

— Thế nhưng, Rassi vờ ngây thơ nói, thế nhưng đó là tất cả kho vũ khí chính qui của tôi.

— Còn có thuốc độc...

— Nhưng mà ai đánh thuốc độc cho? Cái lão gốc Conti chẳng?

— Theo người ta nói thì vụ này sẽ không phải là vụ thể nghiệm đầu tay của hắn...

— Phải kích cho hắn phần nộ lên mới được. Rassi nói tiếp. Vả lại khi hắn cho viên đại úy kia về châu trời, hắn chưa đến ba mươi tuổi, hắn si tình, và hắn không tầm thường nhu nhược quá đáng như bây giờ. Tất nhiên, gì rồi cũng phải phục tùng quyền lợi nhà nước, nhưng bị hỏi bất ngờ và mới xét qua, tôi chỉ thấy có một người có thể thi hành mệnh lệnh nhà vua là tên Barbone, thư ký lục sự tại nhà lao, mà tay Del Dongo đã quật ngã bằng một cái tát tai, hôm hắn mới bước vào nhà tù.

Một khi hoàng thân đã được thoải mái thì câu chuyện trở nên miên man, ngài chấm dứt sau khi quy định cho Rassi thời hạn một tháng. Rassi thì muốn được hai. Ngày hôm sau, ông chánh án nhận được món thù lao bí mật một nghìn đồng sequins. Ông suy nghĩ ba ngày, ngày thứ tư, ông trở lại với cách lý luận cũ của ông, và cho là nó vững vàng, tất yếu: - Chỉ có bá tước Mosca là người có lòng giữ lời hứa với ta, bởi vì phong nam tước cho ta, ông không coi cái nam tước ấy là một cái gì quý báu lắm; lẽ thứ hai, nếu mách cho ông ấy thì chắc là ta khỏi phải phạm một tội ác mà ta gần như đã được thù lao rồi; lẽ thứ ba, ta trả thù sự đánh đập nhục nhã mà thoát đầu hiệp sĩ Rassi phải chịu.

Đêm sau, Rassi thông báo cho bá tước Mosca tất cả cuộc trao đổi ý kiến với hoàng thân.

Bá tước bí mật sẵn đón chiều chuông công tước phu nhân. Đúng là ông vẫn chỉ đến chỗ phu nhân một vài lần mỗi tháng, nhưng hầu như tuần nào, và những khi nào ông biết tạo cơ hội nói về Fabrice, thì nữ công tước cũng đi với Chékina vào lúc đêm khuya đến ngồi giây lát ở vườn bá tước. Bà lừa được cả anh đánh xe - anh này trung thành với bà, khiến anh ta tưởng là đến thăm một nhà nào gần đó.

Tất nhiên khi tiếp nhận điều bí mật dữ dội của ông chánh án, bá tước lập tức phát ám hiệu đã giao hẹn đến cho bà công tước. Dù lúc đó đã nửa đêm, bà phái Chékina đến mời ông tới ngay nhà bà. Bá tước tuy ngây ngất như một kẻ si tình trong cảnh gần gũi thân mật bên ngoài đó,

vẫn ngần ngại không nói hết với nữ công tước; ông sợ bà quá đau đớn mà phát điên chẳng.

Sau khi dùng những lời úp mở để giảm nhẹ tác hại của cái tin dữ đó, cuối cùng rồi ông cũng đành phải nói hết, bảo vệ một bí mật mà nàng cố hỏi là một việc quá sức ông. Từ chín tháng nay, tai họa đã tác động mạnh trên tâm hồn nồng nhiệt của bà công tước, nó đã làm cho tâm hồn ấy khỏe ra, bà không vật vã khóc than, rên siết.

Tối hôm sau, bà bảo phát cho Fabrice cái tin báo sắp có đại họa:

“Lửa cháy ở lâu đài!”

Fabrice trả lời ổn thỏa:

“Sách của tôi có cháy không?”

Cũng trong đêm đó, nữ công tước đã may mắn gửi được cho Fabrice một lá thư đựng trong một quả đạn chì. Sự việc này xảy ra tám hôm trước ngày đám cưới cô em gái hầu tước Crescenzi, ở đấy nữ công tước đã làm một việc quá phiêu lưu bất cần, mà chúng tôi sẽ tường thuật đúng lúc.

CHƯƠNG XXI

Gần một năm về trước cái thời tai biến này, nữ công tước đã có một cuộc gặp gỡ lạ lùng. Một hôm vào buổi chiều, bà cao hứng đi đột ngột về lâu đài Sacca. Ở quán Colorno, trên ngọn đồi nhô cao bên bờ sông Pô. Bà thích thú tô điểm cho ấp ấy. Bà ưa cái rừng rậm phủ trên ngọn đồi và giáp liền với tòa lâu đài; bà chăm lo chỉ bảo người ta vạch ở đấy những đường lối tỏa ra nhiều hướng đẹp mắt. Một hôm hoàng thân bảo:

— Bọn cướp sẽ bắt cóc phu nhân mất, công tước phu nhân xinh đẹp a. Một khu rừng mà người ta biết có phu nhân đi dạo thì không thể nào hoang vắng được. Hoàng thân liếc nhìn bà tước, với ý định khêu gợi lòng ghen tuông của ông.

— Tôi không sợ, thưa Điện hạ cao minh, nữ công tước đáp, dáng hồn nhiên; tôi không sợ khi đi dạo trong rừng cây của tôi; tôi yên tâm khi nghĩ: Ta không làm hại ai, thì ai thù ghét ta chứ?

Cái câu ấy, người ta cho là táo bạo, nó làm nhớ đến những lời phỉ báng của bọn tự do trong xứ, những người này hỗn láo lắm. Cái hôm phu nhân đi dạo mà ta nói ở đây, bà chợt nhớ đến câu nói của quân vương, khi thấy một người ăn mặc lôi thôi lệch thếch băng rừng đi theo bà một quãng xa. Bà tiếp tục đi dạo, đến một khúc ngoặt không dự tính thì người lạ mặt trở nên ở gần bà quá khiến bà đâm sợ. Phản ứng đầu tiên của bà công tước là gọi người gác rừng mà đã bảo đứng cách đấy một nghìn bước, tại bồn hoa bên cạnh lâu đài. Người lạ mặt vẫn có đủ thì giờ chạy đến bên bà và quỳ xuống chân bà. Người ấy trẻ, rất xinh trai, áo của anh có những mảnh rách dài ba tấc, nhưng mắt thì sáng rực ánh lửa của một tâm hồn nồng nhiệt.

— Tôi bị án tử hình, tôi là y sĩ Ferrante Palla, tôi và năm đứa con tôi đói gần chết.

Công tước phu nhân trước đó đã để ý thấy anh ta gầy guộc quá đỗi, nhưng đôi mắt anh đẹp quá và chan chứa một nhiệt tình quyến luyến khiến bà không nghĩ đến tội ác nữa. Bà nghĩ thầm: “Đáng nghĩ Pallagi phải vẽ đôi mắt Thánh Saint Jean như thế này ở bức tranh thánh Saint Jean trong sa mạc mà ông vừa bày ở nhà thờ lớn! Chính thân hình gầy guộc đến mức không thể tin được của Ferrante đã khiến phu nhân nghĩ đến thánh Saint Jean. Bà cho ông ta ba đồng sequins đựng trong túi tiền của bà và xin lỗi đã biếu quá ít như vậy, bởi vừa mới trả tiền công cho người làm vườn. Ferrante cảm ơn dồn dập. Anh nói:

— Hỡi ôi! Ngày trước tôi ở thành thị, tôi thường gặp những phụ nữ sang trọng, từ khi làm bốn phận công dân, tôi bị xử tử hình thì tôi sống trong rừng và tôi đi theo phu nhân, không phải để xin bố thí hoặc để cướp của, nhưng mà như là một tên man rợ bị thôi miên bởi một sắc đẹp thiên thần. Đã lâu lắm rồi tôi không thấy bàn tay trắng đẹp!

— Anh đứng lên đi chứ, bà công tước bảo, bởi vì anh ta vẫn quỳ dưới đất.

— Xin bà cho phép tôi cứ quỳ, Ferrante nói. Cái tư thế này chứng tỏ cho tôi biết là lúc này tôi không bận lo trộm cướp, điều đó làm tôi yên lòng. Bởi vì bà sẽ biết là tôi ăn cướp để sinh sống từ khi người ta cấm tôi làm nghề thầy thuốc. Nhưng vào giờ phút này, tôi chỉ là con người trần tục đang sùng bái cái đẹp tuyệt vời.

Bà công tước hiểu rằng anh ta hơi rồ, nhưng bà không sợ, bà nhìn thấy trong mắt con người ấy một tâm hồn nhiệt thành và thuần hậu, vả lại bà vốn không thù ghét những gương mặt khác thường.

— Tôi vốn là y sĩ, và tôi đã sẵn đón cô vợ anh dược sĩ Sarasine ở Parme. Anh ta bắt được chúng tôi và đuổi cô vợ đi cùng với ba đứa con mà anh ta nghi ngờ có lý là con tôi chứ không phải con anh ta. Từ hồi đó đến nay, tôi có thêm hai cháu nữa, Bà ấy và năm đứa con sống trong cảnh nghèo khổ cùng cực, chui rúc trong một cái lều tự tay tôi dựng nên ở trong rừng, cách đây một dặm. Bởi vì tôi phải đề phòng bọn sém đầm, còn người vợ tôi nghiệp ấy thì lại không

muốn xa chồng. Tôi bị xử tử hình và như vậy là rất đúng, bởi vì tôi mưu phiến loạn. Tôi thù ghét quân vương vì y là một bạo chúa. Tôi không bỏ trốn được vì thiếu tiền. Tai họa của tôi còn lớn hơn thế nhiều và đáng lẽ tôi phải tự tử đến nghìn lần rồi; tôi không yêu người phụ nữ đã đẻ cho tôi năm đứa con và hủy hoại cuộc đời mình vì tôi. Tôi yêu một người đàn bà khác. Tuy nhiên nếu tôi tự vẫn thì năm đứa con và người mẹ ấy thực sự chết đói.

Giọng người ấy nghe thành thực.

— Nhưng mà cả nhà anh sống bằng cách nào? Nữ công tước cảm động hỏi.

— Mẹ lũ trẻ kéo sợi; đứa gái lớn được nuôi ở một nông trại của những người phái tự do và chăn cừu ở đó; tôi thì ăn cướp trên đường đi Plaisance đến Gênes.

— Anh làm thế nào mà dung hòa việc trộm cắp với nguyên lý của chủ nghĩa tự do?

— Tôi ghi tên những người tôi cướp vào sổ, nếu một ngày kia tôi có tiền, tôi sẽ trả lại họ. Tôi cho là công việc của một dân ủy như tôi đáng được thù lao một trăm francs mỗi tháng vì sự nguy hiểm của nó; bởi vậy tôi cố tránh không lấy quá một nghìn hai trăm francs mỗi năm. - Ồ, tôi quên, tôi cũng có cướp một số tiền nho nhỏ vượt số đó, bởi vì phải dùng khoản ấy để trả chi phí in những tác phẩm của tôi.

— Tác phẩm gì?

— Nàng... nàng rồi có bao giờ có được một căn buồng và một số chi thu?

— Thế nào? Nữ công tước ngạc nhiên nói: Ông chính là một trong những nhà thơ lớn nhất ở thời đại ta, nhà thơ Ferrante Palla lấy lòng đó à?

— Lấy lòng, cũng có lẽ, nhưng mà khổ quá chừng, cái đó mới chắc!

— Một người tài hoa như ông, thừa ông, mà buộc phải ăn cướp để sống ư?

— Có lẽ vì thế mà tôi có ít người tài năng. Cho tới nay, tất cả những tác giả của chúng ta mà người ta biết tên tuổi đều là những người được chính phủ trả tiền hoặc là do cái tôn giáo mà họ muốn đào bới cho sụp đổ trả tiền. Tôi thì thứ nhất là tôi liệu sinh mệnh tôi; thứ hai, bà hãy nghĩ đến những ý nghĩ lay động tâm trí tôi khi tôi đi ăn cướp: Ta làm có đúng không? Tôi tự hỏi. Chức vụ công ủy nhân dân có giúp ích cho nhân dân đáng giá một trăm francs mỗi tháng không? Tôi có hai sơ mi, cái áo ngoài mà phu nhân thấy đấy, cùng mấy vũ khí tồi và tôi tin chắc là tôi sẽ từ giã cõi đời trên dây treo cổ! Tôi dám tin là tôi chí công vô tư. Giá tôi không mang mối tình tai hại đó thì tôi đã thấy sung sướng, mối tình đó chỉ làm cho tôi thấy khổ bên cạnh mẹ lũ trẻ. Tôi không chịu nổi cảnh nghèo vì nghèo là một sự xấu xí, tôi thích những áo xiêm đẹp, những bàn tay trắng trẻo...

Anh nhìn hai bàn tay của nữ công tước một cách khiến bà đâm sợ.

— Thôi xin chào ông! Bà nói. Tôi có thể giúp được gì cho ông ở Parme không nhỉ?

— Phu nhân hãy một đôi khi nghĩ đến vấn đề này, công việc của nó là thức tỉnh các con tim và không cho chúng ngủ yên trong cảnh hạnh phúc vật chất giả tạo mà các thể chế quân chủ ban cho chúng nó. Công việc nó làm cho đồng bào có đáng giá một trăm francs mỗi tháng không?... Tai vạ của tôi là ở việc tôi yêu, Ferrante nói rất dịu ngọt, và từ hai năm nay tôi chỉ nghĩ đến phu nhân; nhưng tôi từng nhìn phu nhân mà không làm cho phu nhân sợ, cho tới hôm nay. Anh nói xong, chạy biến đi, nhanh nhẹn một cách thần tình, khiến nữ công tước kinh ngạc và lấy làm yên lòng. Bà nghĩ thầm: “Sen đầm khó mà đuổi kịp anh ta”. Đúng đấy, anh điên mà.

— Anh ta điên, gia nhân nói với nữ công tước: Chúng tôi đều biết từ lâu là cái anh tội nghiệp ấy say mê bà lớn. Những khi bà lớn tới đây, chúng tôi thấy anh ta thơ thẩn ở những nơi cao

nhất trong rừng và liền sau khi bà lớn đi khỏi, thế nào anh ta cũng đến ngồi ở chính những nơi bà lớn đã dừng lại. Anh ta chăm chú nhặt những đóa hoa rơi từ bó hoa của bà lớn và giắt lên cái mũ khổ của anh ta để giữ lại lâu dài.

— Thế mà các người chưa bao giờ nói với tôi về những việc làm điên rồ ấy, nữ công tước nói, hầu như với giọng trách mắng.

— Chúng tôi sợ phu nhân thuật lại với bá tước Mosca. Anh chàng Ferrante đáng thương ấy hiền lành lắm! Anh chẳng hề làm hại ai và chỉ vì anh ta thích ngài Napoléon của chúng ta mà người ta xử tử anh.

Công tước phu nhân không nói gì nữa với bá tước về cuộc gặp gỡ ấy; vì từ bốn năm nay, đây là điều đầu tiên bà giữ bí mật với bá tước cho nên hàng chục lần, bà phải dừng lại đột ngột ở giữa một câu nói. Bà trở lại ấp Sacca với nhiều vàng, Ferrante không ra mặt. Mấy hôm sau, bà lại trở về đấy. Ferrante nhanh nhẹn đi theo bà một lúc, với khoảng cách một trăm bước rồi thình lình lao tới như con chim cắt, và quì dưới chân bà như lần đầu.

— Mười lăm hôm trước đây, ông ở đâu?

— Ở trên núi, quá Novi, để ăn cướp những người đánh la đi bán dầu từ Milan trở về.

— Ông hãy nhận túi tiền này.

Ferrante mở túi tiền, lấy ra một đồng sequin cầm lên hôn rồi để vào trong ngực áo và trả túi tiền lại.

— Ông trả túi tiền lại cho tôi, thế mà ông lại đi ăn cướp!

— Quả vậy. Cái lệ của tôi là thế đấy, không khi nào tôi được phép có quá một trăm francs. Thế mà bây giờ, mẹ lũ trẻ có tám mươi francs, còn tôi, hai mươi francs, như vậy là tôi đã lạm thu năm francs, nếu như bây giờ người ta treo cổ tôi thì tôi có điều hối hận. Tôi lấy đồng sequin này vì đó là của phu nhân mà tôi thì yêu phu nhân.

Anh nói câu giảo dị ấy bằng một giọng điệu tuyệt vời. “Hắn yêu thực đấy!” Công tước phu nhân tự nhủ.

Hôm đó Ferrante có vẻ hoàn toàn hoảng loạn. Anh nói ở Parme có một số người nợ anh sáu trăm francs, với số tiền ấy anh có thể sửa chữa cái lều, nơi hiện các đứa trẻ tội nghiệp của anh bị cảm lạnh.

— Thế thì tôi ứng trước cho ông số tiền sáu trăm francs đó, nữ công tước xúc động, nói. - Nhưng mà tôi là một con người của công pháp, đáng đối lập sẽ vu khống tôi là mua chuộc mất?

Bà công tước cảm động hiến cho anh một chỗ trú ẩn ở Parme nếu anh vui lòng hứa với bà là lúc này anh sẽ không thực hiện nhiệm vụ quan tòa của anh trong thành phố, nhất là không thi hành một bản án tử hình nào trong số mà anh bảo là chứa trong bụng[\[103\]](#).

— Như thế thì nếu tôi bị treo cổ vì bất cần, Ferrante nói rất trịnh trọng, tất cả những tên vô lại báo đời nhân dân đó sẽ sống lâu dài, thì đó là lỗi của ai? Cha tôi sẽ nói thế nào khi đón tôi ở trên ấy?

Bà công tước nói với anh về các con anh, mà sự ẩm ướt có thể gây cho chúng những bệnh chết người. Rốt cuộc, anh chịu nhận chỗ trú ẩn mà phu nhân hiến cho.

Trong nửa ngày duy nhất mà công tước Sanseverina ở lại Parme từ khi cưới phu nhân, ông đã chỉ cho bà một chỗ trốn lạ lùng ở góc phía nam lâu đài Sanseverina. Bức tường tiền điện của lâu đài ấy, xây từ thời trung cổ, dày hai thước rưỡi; nàng ta đã khoét nó ở bên trong, làm thành

một chỗ núp cao gần bảy thước nhưng rộng không đầy bảy tấc. Bên cạnh đó có cái bể chứa nước rất đẹp mà khách du lịch nào cũng có nói tới, một công trình nổi tiếng của thế kỷ XII, do hoàng đế Sigismond xây dựng trong lúc vây đánh thành Parme và về sau được sáp nhập vào phạm vi lâu đài Sanseverina.

Muốn vào chỗ ẩn phải xoay một tảng đá lớn quanh chiếc trục sắt xuyên qua giữa tảng đá. Công tước phu nhân xót thương sâu sắc cảnh diên rồ của Ferrante và số phận của các con anh, nhưng vì anh khẳng khăng không nhận một món quà biếu nào đáng giá, cho nên bà cho phép anh sử dụng nơi ẩn nấp đó một thời gian khá dài. Bà gặp lại anh một tháng sau, cũng vẫn ở trong rừng Sacca; hôm đó anh tỉnh táo hơn, nên đã đọc cho bà nghe một bài thơ của anh, mà bà cho là hay ngang hoặc hơn những gì hay nhất mà người ta đã làm ra ở Ý từ hai thế kỷ nay. Ferrante được hội kiến nhiều lần nữa; nhưng mỗi tình của anh bỗng bật lên, trở nên rầy rà khó chịu và bà công tước nhận thấy mỗi tình ấy phát triển theo qui luật của tất cả những tình yêu được người ta mớm cho khả năng có một tia hy vọng. Bà đuổi anh trở lại rừng rú của anh, cấm không được nói năng gì với bà, anh phục tùng ngay, phục tùng với một sự hiền dịu tuyệt đỉnh.

Sự việc vừa đến đó thì Fabrice bị bắt. Ba hôm sau, vào lúc hoàng hôn, một thầy dòng đến trước cổng lâu đài Sanseverina, thầy nói có một bí mật quan trọng cần báo với bà chủ nhà. Bà công tước đang đau khổ quá nên cho vào.

— Tại đây vừa mới xảy ra một điều bất công mới mà một công ủy nhân dân cần phải biết rõ. Mặt khác, riêng phần tôi, tôi chỉ có tính mệnh của tôi để hiến dâng cho nữ công tước Sanseverina, và tôi đem nó đến cho phu nhân đây.

Tấm lòng thành khẩn xả thân của một kẻ cướp và một người diên rồ đó làm cho nữ công tước xúc động thắm thiết. Bà nói chuyện lâu với con người được coi là nhà thơ lớn nhất ở Bắc Ý đó, và khóc cũng lắm. “Người này hiểu lòng ta” bà nghĩ thầm. Ngày hôm sau, anh trở lại cũng vào giờ đọc kinh Chào đức mẹ [\[104\]](#) cải trang làm gia nhân, mặc đồng phục người nhà nữ công tước.

— Tôi không rời khỏi Parme; tôi nghe nói đến một chuyện ghê tởm mà miệng tôi không buồn lặp lại. Nhưng tôi đã đến đây. Phu nhân hãy nghĩ lại đi, từ chối thì phí. Sinh vật đứng trước mặt phu nhân có phải đâu là một con nộm ở chốn triều đình, đây là một con người! Anh quì gối mà nói những lời ấy và nói thiết tha, cho nên có giá trị. Anh nói tiếp: Ngày hôm qua tôi tự bảo; nàng đã khóc trước mặt ta, như vậy hẳn nàng có đỡ khổ đi phần nào.

— Nhưng thưa ông, ông phải nghĩ đến những hiểm nguy gì đang bao vây ông! Ông sẽ bị bắt ở trong thành phố này mất!

— Người dân ủy sẽ nói với bà: “Thưa bà, chết sống có nghĩa gì khi nghĩa vụ đã lên tiếng?” Còn con người đáng thương dầy vò vì hết say mê đạo đức từ khi nung nấu yêu đương, sẽ nói thêm: “Thưa công tước phu nhân, một con người hào hiệp là Fabrice có lẽ sắp bị hại; đừng từ chối một con người hào hiệp khác muốn hiến dâng tính mệnh cho bà! Đây là một tấm thân sắt thép và một tâm hồn chỉ có một nỗi lo sợ trên đời là sợ phật ý phu nhân”.

— Nếu ông còn nói đến tình cảm của ông với tôi thì tôi sẽ vĩnh viễn cáo từ ông.

Buổi tối đó, công tước phu nhân có ý muốn báo cho Ferrante biết là sẽ trợ cấp cho con anh một khoản tiền nhỏ, nhưng bà sợ anh nghe thấy thế thì chạy đi tự tử mất.

Ferrante vừa ra khỏi, nữ công tước có những linh cảm đen tối; bà tự nhủ; “Ta, ta cũng có thể chết, cầu Chúa cho được như vậy, và nhanh nhanh lên! Giá ta có được một con người xứng đáng với danh hiệu là người để ký thác Fabrice tội nghiệp của ta!”

Bà nảy ra một sáng kiến, bà lấy một tờ giấy dùng cái vốn thuật ngữ luật học ít ỏi của mình viết một văn tự thừa nhận bà có nhận của ông Ferrante số tiền hai mươi lăm nghìn francs với

điều kiện nhất thiết là phải trả cho bà Sarasine và năm người con của bà mỗi năm một khoản thực lợi chung thân là một nghìn năm trăm francs. Bà viết thêm: “Ngoài ra, tôi lưu tặng cho năm người con của Ferrante mỗi người một khoản thực lợi chung thân là ba trăm francs với điều kiện là y sĩ Ferrante phải chăm sóc thuốc men cho cháu tôi là Fabrice Del Dongo và coi nó như em. Tôi yêu cầu Ferrante làm như vậy”. Bà ký tên, đề ngày trước đấy một năm và cất tờ giấy ấy.

Hai hôm sau, Ferrante lại xuất hiện. Lúc đó cả thành phố xao xuyến về cái tin Fabrice sắp bị hành hình. Cái nghi lễ đen tối ấy sẽ diễn ra ở trong ngục thành hay dưới hàng cây khu công viên? Tối hôm đó nhiều thường dân đi dạo qua trước cổng thành để cố xem thử người ta có dựng đoạn đầu dài hay không, quang cảnh đó khiến Ferrante lo ngại. Anh gặp nữ công tước đang đầm đìa nước mắt, và ghen ngào không nói nên lời; bà vẫy tay chào anh và chỉ cho anh một chiếc ghế. Cải trang làm thầy đồng, hôm đó trông Ferrante rất oai; anh không ngồi, anh quỳ xuống và lầm rầm cầu nguyện Chúa một cách thành kính. Trong một phút mà nữ công tước có vẻ dịu đi, anh tạm ngừng cầu nguyện, vẫn cứ tư thế cũ mà nói một lần nữa là anh hiến dâng tính mạng.

— Ông hãy nghĩ lại về điều ông nói đi, bà công tước kêu to, mắt long lên sau khi khóc báo hiệu là cơn tức giận đã vùng lên át sự xúc động triu mến.

— Nó hiến dâng tính mệnh nó để trở triệt số phận của Fabrice hoặc để báo thù cho anh ấy.

— Cũng có một dịp nào đó tôi có thể nhận sự cống hiến tính mệnh của ông.

Công tước phu nhân nhìn Ferrante một cách chăm chú và nghiêm nghị. Mắt anh sáng niềm vui mừng. Anh vội vã đứng dậy và đưa hai tay lên trời. Bà công tước đi lấy cái giấy cất giấu ở ngăn kín một cái tủ lớn bằng gỗ hạnh đào. Bà bảo Ferrante:

— Ông đọc đi!

Đó là cái văn tự lưu tặng tiền cho con anh ta, và chúng tôi đã nói đến. Nước mắt và những cơn ghen nắc không để cho Ferrante đọc đến đoạn cuối, anh sụp quỳ xuống.

— Ông trả lại cái giấy cho tôi, bà công tước nói, và lấy tờ giấy đưa vào ngọn nến, đốt ngay dưới mắt anh. Bà nói tiếp:

— Không nên để lộ tên tôi nếu như ông bị bắt và bị xử tử; thật vậy, việc này là việc dứt đầu đối với ông.

— Tôi biết mà làm thiệt hại được cho tên bạo chúa là chết vui chết sướng. Lại càng vui sướng hơn không biết bao nhiêu vì được chết cho phu nhân! Điều này dứt khoát và thông cảm rồi thì xin phu nhân vui lòng đừng nhắc tới cái chi tiết tiền bạc nữa; nhắc đến sẽ khiến cho tôi cảm thấy có một sự nghi ngờ nhục cho tôi.

— Nếu ông bị liên lụy thì tôi cũng có thể bị và theo sau tôi là Fabrice, bà công tước đáp. Chính vì lý lẽ ấy chứ không phải vì tôi nghi ngờ gì lòng dũng cảm của ông, mà tôi đòi cái người đã đâm thủng quả tim tôi phải đầu độc chứ không phải bị đâm chết. Cũng vì cái lẽ rất quan trọng đối với tôi đó nên tôi truyền lệnh cho ông phải làm đủ mọi cách để thoát nạn.

— Tôi sẽ thực hiện trung thành, đúng đắn và thận trọng. Thừa phu nhân, tôi dự kiến việc trả thù của tôi sẽ hòa hợp với việc trả thù của phu nhân, mà dù có khác đi thì tôi cũng sẽ thực hiện trung thành, đúng đắn và thận trọng. Tôi có thể thất bại, nhưng tôi nguyện dùng hết sức của một người đàn ông.

— Vấn đề là ở chỗ đầu độc con người giết hại Fabrice.

— Tôi đã đoán thế. Và từ hai mươi bảy tháng nay sống cuộc đời lang thang kinh khủng, tôi đã nhiều lần nghĩ tới một hành động như thế vì mình.

— Nếu tôi bị phát hiện và kết tội là đồng lõa, nữ công tước nói tiếp, giọng kiêu hãnh, thì tôi không muốn người ta gán cho cái tiếng đã cảm dỗ mê hoặc ông. Tôi ra lệnh cho ông đừng tìm cách giết hại nó trước khi có hiệu lệnh của tôi. Chẳng hạn nó chết lúc này thì có hại cho tôi chứ chẳng có chút ích lợi nào. Cái chết của nó sẽ xảy ra có lẽ sau nhiều tháng nữa, nhưng chắc chắn là nó sẽ phải diễn ra. Tôi muốn nó phải chết bằng thuốc độc và thà là tôi tha cho nó sống, tôi còn thích hơn là thấy nó bị một phát súng. Vì những quyền lợi mà tôi không muốn giải thích cho ông biết, tôi yêu cầu ông phải được sống.

Ferrante lấy làm thích thú với cái giọng mệnh lệnh mà công tước phu nhân dùng đối với anh ta. Như chúng tôi đã nói, anh ta gầy guộc một cách dễ sợ nhưng người ta vẫn nhận thấy trong tuổi thanh xuân, anh đã từng là một người rất đẹp trai; và ngày nay anh vẫn tưởng là anh còn như vậy. “Ta điên chẳng, anh nghĩ thầm, hay là đúng nàng muốn một ngày kia, sau khi ta đã chứng tỏ lòng hy sinh tận tụy của ta, làm cho ta trở thành người đàn ông hạnh phúc nhất? Mà thực ra, tại sao lại không chứ? Ta không hơn con nộm Mosca bá tước đó hay sao ở con người khi gặp việc thì chẳng giúp được gì cho nàng hết cả, kể cả giúp cho cha Fabrice trốn khỏi nhà ngục”.

Nữ công tước nói tiếp, vẫn cái giọng oai quyền đó:

— Từ ngày mai, tôi cũng đã có thể muốn cho nó chết, ông biết cái bể chứa nước mênh mông ở một góc lâu đài, kề bên cái hồ ẩn nấu mà một đôi khi ông dùng. Có một cách bí mật để tháo cả khối nước ấy ra đường phố, ấy đó là cái lệnh báo phải trả thù cho tôi. Nếu ông ở Parme ông sẽ thấy, nếu ông ở rừng ông sẽ nghe nói cái bể chứa nước lớn của lâu đài Sanseverina bị thủng. Thế là ông phải lập tức hành động, nhưng phải bằng thuốc độc và nhất là phải giữ gìn tính mệnh ông hết sức. Phải làm sao cho không bao giờ có một ai biết là tôi có nhúng tay vào vụ này.

— Tôi có nói gì cũng thừa, Ferrante đáp với một niềm phấn khởi lộ liễu; tôi đã quyết định những phương pháp tôi sẽ sử dụng rồi. Tôi càng cảm ghét tên đó hơn trước kia nữa, bởi vì nó còn sống ngày nào thì tôi còn không được tìm gặp phu nhân ngày ấy. Tôi sẽ đợi ám hiệu cái bể thủng đầy ở ngoài đường, Ferrante chào đột ngột và đi ra. Bà công tước nhìn anh bước đi.

Khi anh đã đi qua phòng bên, bà gọi lại.

— Ferrante! Bà kêu to. Con người tuyệt vời!

Anh quay trở lại, có vẻ như lấy làm sốt ruột vì bị giữ lại.

— Còn các con anh?

— Thừa phu nhân, chúng sẽ giàu hơn tôi. Có thể phu nhân sẽ chỉ cho chúng một khoản trợ cấp nhỏ.

— Đây, nữ công tước nói và trao cho anh một cái hộp bằng gỗ ôliu, đây là tất cả số kim cương còn lại của tôi, trị giá năm mươi nghìn francs.

— Chao ôi, phu nhân! Người làm nhục tôi!... Ferrante nói, kèm theo một cử chỉ ghê tởm. Mặt anh biến sắc hoàn toàn.

— Tôi không bao giờ gặp lại anh trước lúc hành động, cầm đi, tôi muốn thế! Nữ công tước nói với một giọng oai vệ khiến đâm hoảng. Anh bỏ cái hộp vào túi áo và bước ra.

Ferrante tự tay đóng cửa khi đi ra khỏi phòng. Nữ công tước gọi anh trở lại lần nữa.

Ferrante trở vào vẻ lo ngại. Nữ công tước đứng ở giữa phòng khách; bà lao vào vòng tay anh. Giấy lát sau, Ferrante suýt ngã đi vì sung sướng; rồi bà gỡ tay anh ra và đưa mắt chỉ ra phía cửa.

“Đây là người duy nhất hiểu ta”, bà nghĩ thầm, “Fabrice cũng sẽ hành động như thế nếu được nghe ta nói”.

Trong tính nết của nữ công tước có hai điểm đáng nói, bà đã muốn điều gì một lần thì cứ giữ nguyên điều đó; bà không bao giờ đem ra bàn lại cái gì đã quyết định. Về việc này, bà thường lặp lại câu nói của người chồng đầu tiên, tướng Pietranera đáng mến: “Sao mà hỗn láo với mình đến vậy? Ông nói; tại sao lại tưởng hôm nay ta thông minh hơn cái ngày ta quyết định việc ấy?” Từ lúc này, trong tính tình công tước phu nhân đã có điều ghê gớm ấy, mỗi lần trí bà suy nghĩ, mỗi khi mắt bà trông thấy một điều gì mới, bà đều có cảm giác mình thua kém quận vương, mình yếu hèn và bị lừa. Theo bà nghĩ thì quận vương đã lừa bà một cách hèn nhát và bá tước Mosca, dù là vô tình, cũng đã tiếp tay cho quận vương bởi cái tâm địa nịnh thần của ông. Từ khi quyết định báo thù, bà có ý thức là mình mạnh, mỗi bước suy nghĩ là một lần đem lại hạnh phúc cho bà. Tôi muốn tin là cái sung sướng phi đạo lý mà người Ý tìm thấy trong sự trả thù do ở sức tưởng tượng mạnh của dân tộc ấy mà ra; người ở các nước khác thực ra không phải tha thứ, họ chỉ quên mà thôi.

Nữ công tước chỉ gặp lại Ferrante vào những ngày ở tù cuối cùng của Fabrice. Có lẽ người ta đã đoán được, chính anh ta gợi ra cái ý vượt ngục. Ở trong rừng cách Sacca hai dặm, có một cổ tháp thời trung thế kỷ đổ nát nửa chừng, cao hơn ba mươi thước. Trước khi nói lần thứ hai về việc đi trốn, Ferrante khẩn khoản yêu cầu bà công tước phái Ludovic đến đó cùng với mấy người tin cậy, nối thang bậc lên tháp. Trước mắt nữ công tước, Ferrante leo thang lên tháp rồi từ tháp tụt xuống chỉ với một sợi dây thắt nút. Anh làm lại cuộc thí nghiệm ba lần rồi giải thích ý kiến của anh. Tám hôm sau, Ludovic cũng muốn từ trên cổ tháp ấy leo xuống với dây thắt nút; lúc đó bà công tước mới thông báo sáng kiến này cho Fabrice.

Trong những ngày cuối cùng trước lúc hành động, mà hành động này có thể đưa người tù đến chỗ chết bằng nhiều cách, công tước phu nhân chỉ tìm được những phút nghỉ ngơi bình tĩnh khi có Ferrante ở bên cạnh; lòng dũng cảm của con người ấy truyền điện cho lòng bà. Tuy nhiên, chắc bạn đọc cũng cảm thấy, bà phải giấu diếm sự gần gũi khác thường đó với bá tước. Bà không sợ ông ta phản ứng, bà sợ phải khổ sở về những ý kiến phủ định kia nọ của ông, những ý kiến ấy sẽ khiến bà lo ngại thêm. “Sao? Lấy làm cố vấn tâm phúc một người ai cũng biết là điên và bị án tử hình!” Và bà tự nhủ thêm: “Một người sau này có thể làm những việc kỳ quái nhất!” Ferrante ở trong phòng khách của nữ công tước vào lúc bá tước đến thuật cho bà biết cuộc trao đổi ý kiến giữa quận vương và Rassi. Khi bá tước đi khỏi, phu nhân phải chật vật lắm mới ngăn được Ferrante chạy ngay đi thực hiện một ý đồ ghê gớm!

Anh điên la lớn:

— Cái thế của tôi bây giờ mạnh rồi! Tôi không còn có gì mơ hồ về tính chất chính đáng của hành động!

— Nhưng mà trong phút giận dữ tất yếu sẽ xảy ra sau hành động, Fabrice sẽ bị giết!

— Nhưng thế thì Fabrice lại phải liều mình leo từ tháp xuống. Việc đó làm được, dễ làm nữa kia, anh nói thêm, nhưng anh thanh niên ấy không có kinh nghiệm.

Người ta tổ chức lễ cưới của em gái hầu tước Crescenzi và chính trong hôn lễ đó nữ công tước gặp Clélia và nói chuyện với cô không bị những quan sát viên trong đám khách lịch sự kia nghi ngờ gì. Bà công tước tự tay trao cho tiểu thư Clélia bọc dây trong khi hai người đi thở khí mát ngoài vườn giấy lát. Người ta đánh những dây ấy rất cẩn thận, nửa bằng chỉ tơ, nửa bằng sợi gai, có những nút thắt; dây rất mỏng và mềm mại; Ludovic đã thử sức bền chắc của nó và thấy ở đoạn nào nó cũng có thể mang nổi tám tạ mà không đứt. Người ta đã bỏ nén nó thành

gói mang hình dáng một cuốn sách khổ lớn. Clélia nhận ngay các bó dây và hứa với bà công tước sẽ làm mọi việc con người có thể làm để đem nó lên tháp Farnèse.

— Nhưng tôi e tiểu thư rụt rè nhút nhát. Vả lại, bà công tước nhã nhặn nói thêm, một kẻ xa lạ như vậy có gì đáng cho tiểu thư quan tâm?

— Ông Del Dongo đang trong hoàn cảnh khổ đau, tôi hứa với bà là tôi sẽ làm cho ông ấy được cứu thoát.

Nhưng công tước phu nhân không tin gì lắm ở sự bình tĩnh nhanh trí của người con gái mới hai mươi tuổi; bà đã bàn những biện pháp đề phòng khác mà bà giữ kín đối với cô con gái quan trấn thủ đó. Người ta đoán quan trấn thủ dĩ nhiên có dự cuộc vui tổ chức nhân dịp lễ thành hôn của em gái hầu tước. Bà công tước nghĩ rằng nếu cho quan trấn thủ một liều thuốc mê mạnh, thoát đầu người ta có thể tưởng đây là một cơn đau não; và như vậy thì thay vào việc để ông ấy vào trong xe ngựa đưa về ngục thành, người ta có thể khéo léo gợi ý và đạt kết quả đặt ông nằm vào một cái cang để đưa đi. Tình cờ có một cái cang ở trong nhà lễ. Ở đấy có những người thông minh mặc áo quần thợ để phục vụ cuộc lễ, trong cảnh ngộ lộn xộn chung, họ sẽ vui lòng tình nguyện khiêng người bệnh chõ đến cái lều cao vòi vọi kia. Những người ấy do Ludovic điều khiển; họ mang theo một khối lượng dây khá lớn giấu rất khéo dưới áo. Rõ ràng bà công tước đã hóa nên lẩn lẩn từ khi suy tính thực sự về việc Fabrice vượt ngục. Nguy cơ của con người thân thương đó vượt qua sức chịu đựng của lòng bà, nhất là kéo dài lâu quá. Vì quá cẩn thận, bà suýt làm hỏng việc, như chúng ta sẽ thấy. Mọi việc xảy ra như bà dự tính, chỉ có cái khác là hiệu lực của liều thuốc mê quá lớn, mọi người, kể cả thầy thuốc, đều tin là quan trấn thủ xung huyết não thật.

May sao Clélia cuống cuống tuyệt vọng, chẳng mảy may nghi ngờ gì về hành động quá ác của nữ công tước. Chiếc cang khiêng quan tướng mê man như chết vào thành, gây nên một cảnh náo loạn quá lớn khiến cho Ludovic và người của anh đi löt không gặp trở ngại gì. Họ chỉ bị khám xét qua loa ở cầu Tên Nô lệ. Đưa quan tướng vào giường xong, họ được mời xuống nhà bếp, ở đấy bọn gia nhân khoản đãi họ tử tế; nhưng sau bữa ăn kéo dài đến gần sáng, người ta cho biết là theo luật lệ nhà tù, họ phải bị nhốt trong những phòng thấp của lâu đài, cửa lại khóa cho đến hết đêm và sáng ra, người trợ tá của quan trấn thủ sẽ giải phóng cho họ.

Những người này đã tìm được cách giao cho Ludovic những dây họ mang theo, nhưng Ludovic mất nhiều công khó nhọc mà vẫn chưa làm cho Clélia chú ý trong giây lát. Cuối cùng, khi Clélia rời phòng này qua một phòng khác, Ludovic nói cho cô biết anh đã đặt những bọc dây ở một xó tăm tối tại phòng khách tầng một. Clélia giật mình khi nghe thấy sự việc lạ lùng này và tức thời cô có những nghi ngờ kinh khủng. Cô hỏi Ludovic:

— Anh là ai?

Nghe câu trả lời mơ hồ của anh ta, cô nói tiếp:

— Đáng lẽ tôi phải bảo bắt anh ngay. Anh hoặc bọn người của anh đã đầu độc cha tôi!... Hãy thú ngay thứ thuốc độc mà anh cho cha tôi uống là thứ gì, để viên y sĩ của ngục thành cho uống thứ thuốc giải độc thích đáng. Bảo ngay, không thì anh và bọn đồng lõa của anh không ra khỏi ngục thành này đâu, không bao giờ.

— Tiểu thư không nên hoảng sợ, Ludovic trả lời đĩnh đạc và lễ phép một cách lý tưởng. Chẳng có thuốc độc nào cả; người ta đại dốt cho quan tướng uống một liều laudanum^[105] và hình như người gia nhân được giao làm điều tội lỗi ấy đã nhỏ quá tay mấy giọt. Chúng tôi rồi sẽ ân hận suốt đời, nhưng tiểu thư có thể tin rằng ơn trời, không có gì nguy hiểm cả, tiểu thư cần báo điều trị cho quan trấn thủ y như là ngài đã làm, uống laudanum quá liều lượng. Tôi trân trọng xin thưa với tiểu thư lần nữa là tên gia nhân phụ trách tội ác này không dùng thuốc độc thực sự như Barbone, khi hắn định đầu độc ông lớn Fabrice. Người ta không có ý định trả thù về nguy cơ đe dọa đức cha Fabrice; người ta chỉ giao cho tên gia nhân vụng về đó một cái

lọ con đựng chất laudanum, tôi thề với tiểu thư như vậy! Nhưng cũng phải yên trí rằng nếu như tôi bị chính thức hỏi cung thì tôi sẽ chối phăng tất cả.

Vả lại, nếu như tiểu thư nói chuyện laudanum hay thuốc độc với bất cứ một người nào, kể cả cha Cesare tốt bụng, thì là chính tay tiểu thư giết Fabrice đó. Vì tiểu thư sẽ làm cho tất cả những dự định vượt ngục đều xếp xó; và tiểu thư biết rõ hơn tôi là không phải với thứ laudanum tầm thường ấy mà người ta tính đầu độc ông lớn Fabrice; tiểu thư cũng biết rằng một người nào đó đã cho kỳ hạn chỉ một tháng để hoàn thành tội ác ấy, và lệnh ghê gớm kia được nhận lĩnh hơn một tuần qua rồi.

Bởi thế, nếu tiểu thư cho bắt tôi, hoặc là chỉ cần tiểu thư nói một tiếng với don Cesare hoặc bất cứ một người nào khác, tiểu thư sẽ làm cho tất cả những kế hoạch của chúng tôi phải chậm đi nhiều hơn là một tháng, nhiều lắm, và tôi có nói tự tay tiểu thư giết hại đức cha Fabrice cũng là có lý quá.

Clélia lấy làm kinh hoàng về sự bình tĩnh lạ thường của Ludovic. Cô tự nhủ:

“Rõ là ta đang hội đàm chính thức với tên đầu độc cha ta, và nó dùng lời lẽ văn hoa trang trọng để nói chuyện với ta! Và chính là tình yêu đã dắt dẫn ta đến những tội ác này!...”

Dây vò vì hối hận, cô nói năng khó nhọc lắm. Cô bảo Ludovic:

— Tôi khóa cửa nhốt anh trong phòng khách này. Rồi tôi chạy đi tìm ông thầy thuốc nói cho ông ta biết chỉ là laudanum mà thôi. - Nhưng mà lạy Chúa! Ta sẽ nói là ta tự biết được việc ấy cách thế nào đây? Rồi tôi trở lại giải thoát cho anh. Clélia vừa đi khỏi, bỗng vụt chạy trở lại bên cửa hỏi:

— Nhưng Fabrice có biết gì vụ laudanum này không?

— Không đâu, trời đất ạ! Thừa cô, nếu ông lớn biết thì khi nào ông lớn đồng ý. Vả lại, nói điều cơ mật này ra cho ông biết có ích lợi gì? Chúng tôi hành động với sự thận trọng nghiêm ngặt nhất. Vấn đề là phải cứu cái mạng đức cha không thì cha sẽ bị đầu độc trong vòng ba tuần tới, lệnh ấy đã truyền ra do một người thường không gặp trở ngại trong mọi ý đồ của mình; và để thừa hết với tiểu thư, người ta bảo rằng chính quan tư khẩu Rassi khủng khiếp đã được cho thi hành mệnh lệnh ấy.

Clélia kinh hãi chạy đi. Cô tin hoàn toàn ở lòng trung thực tuyệt đối của don Cesare cho nên sau khi rào đón, cô mạnh dạn nói với ông là người ta chỉ cho quan tướng uống laudanum mà thôi chứ không có gì khác. Không đáp, không hỏi gì. don Cesare chạy ngay đi tìm viên y sĩ.

Clélia đã giam Ludovic với ý định sẽ chất vấn thêm anh ta, cho nên cô trở lại phòng khách. Anh không còn ở đó nữa, anh đã tìm cách trốn ra được. Cô tiểu thư nhìn thấy trên chiếc bàn còn một túi đầy những đồng sequins và một hộp nhỏ đựng mấy thứ thuốc độc, cô rung mình, thầm nghĩ: “Ai dám nói họ chỉ phục chất laudanum cho cha ta mà thôi và bà công tước không có ý định báo thù cái âm mưu của Barbone?” - Lạy Chúa! Cô kêu lên, như thế này là tôi giao thiệp với những kẻ đầu độc cha tôi! Và tôi sẽ để chúng sống mất! Có lẽ bị khảo đả, tên ấy sẽ thú nhận một thứ gì khác laudanum!

Clélia lập tức quì xuống, giàn giụa nước mắt và cầu nguyện Đức Mẹ thiết tha.

Trong lúc đó, viên y sĩ ngục thành rất ngạc nhiên về cái tin don Cesare báo là ông ta chỉ phải đối phó với chất laudanum mà thôi; ông cho bệnh nhân uống những thuốc thích hợp làm mất nhanh chóng những triệu chứng đáng lo nhất. Trời bắt đầu sáng thì quan tướng cũng bắt đầu hồi tỉnh. Hành động đầu tiên chứng tỏ ông đã tỉnh là việc ông rầy la mắng nhiếc viên đại tá chỉ huy phó, vì viên này thấy cần ra và đã ra những lệnh thông thường nhất trong khi quan tướng bất tỉnh.

Rồi ngài nổi lên đình vì một chị nấu bếp đem xúp cho ngài đã thốt ra cái tiếng xung huyết não.

— Ta đã đến tuổi xung huyết não à? Quan tướng hét. Chỉ có bọn tử thù của ta là ưa phao truyền những tin đồn như vậy. Vả lại, ta có bị chích huyết đâu, ngay bọn chuyên vu khống cũng đâu dám nói đến chuyện xung huyết não?

Bận rộn về việc chuẩn bị vượt ngục, Fabrice không thể đoán ra những tiếng huyền ảo la lùng vang dội trong ngục thành khi đưa quan tướng ngắc ngoải về, là tiếng gì. Lúc đầu anh lơ mơ nghĩ có lẽ người ta đã cải xử án anh và họ đến để mang anh đi hành quyết. Sau thấy không ai vào buồng, anh nghĩ rằng Clélia đã bị phản bội, rằng khi cô trở về ngục thành, người ta đã tịch thu hết những thùng, dây mà chắc là cô mang về theo cô và thế là những dự tính đào tẩu của anh từ nay không thể thực hiện. Hôm sau, vào lúc tờ mờ sáng, anh thấy có một người lạ mặt đi vào buồng anh, lặng lẽ đặt ở đấy một giỏ quả cây. Ở dưới các quả cây có giấu bức thư sau đây:

“Thấm thía niềm hối hận sâu sắc nhất về một điều mà người ta đã làm, ơn Chúa! Không có sự đồng ý của tôi, - nhưng mà do một ý kiến của tôi đã khiến họ nảy ra ý định ấy - tôi đã phát thệ với đức Thánh Mẫu là nếu nhờ sự phù hộ linh thiêng của Người mà cha tôi được cứu sống, thì sẽ không bao giờ tôi cãi lệnh cha tôi; tôi sẽ kết hôn với hầu tước Crescenzi khi nào cha tôi bảo, và tôi sẽ không bao giờ gặp lại anh! Tuy nhiên tôi nghĩ là tôi có bốn phần hoàn thành việc đã bắt đầu. Chủ nhật sau, đi xem lễ về - tôi yêu cầu người ta đưa anh đi lễ đấy (hãy lo chuẩn bị cho linh hồn, anh có thể chết trong cuộc mạo hiểm ấy) - khi đi lễ về, chậm chậm hãy vào buồng, trì hoãn càng lâu càng tốt, anh sẽ tìm thấy những gì cần thiết cho hành vi dự định. Nếu anh chết, tôi sẽ đau buồn lắm! Anh có cho là tôi đã góp sức vào đưa anh đến chỗ chết không? Không phải chính bà công tước đã nói đi nói lại với tôi nhiều là cánh Raversi thắng thế là gì? Họ muốn ràng buộc hoàng thân bằng một tội ác chia rẽ vĩnh viễn người với bá tước Mosca. Bà công tước giằng giụa nước mắt thề với tôi là chỉ còn có cách ấy; anh sẽ chết mất nếu anh không làm một cố gắng gì. Tôi không nhìn anh được nữa, tôi có lời nguyện như vậy. Nhưng chủ nhật tới, vào đêm, nếu anh thấy tôi mặc toàn đồ đen đứng ở cửa sổ quen thuộc, thì đó là ám hiệu cho biết là tối hôm sau, tất cả đã được bố trí với khả năng cao nhất của tôi. Quá mười một giờ, cũng có thể đến nửa đêm hoặc một giờ sáng, một chiếc đèn con sẽ xuất hiện ở cửa sổ tôi, đó là phút quyết định. Lúc đó anh khẩn vị thánh đỡ đầu của anh, anh mặc quần áo linh mục mà anh đã được cấp, và hành động.

Chào Fabrice, tôi sẽ cầu nguyện và tuân những dòng lệ cay đắng nhất, anh nên tin như thế, trong khi anh xông pha trong những gian nguy lớn lao dường ấy. Anh chết, tôi cũng không sống nổi... lạy Chúa! Tôi nói vậy? Nhưng nếu anh thành công, tôi không bao giờ gặp lại anh nữa. Chủ nhật, sau buổi xem lễ, anh sẽ tìm thấy trong buồng ngục tiền bạc, thuốc độc, dây, do người phụ nữ ghê gớm ấy gửi đến, người ấy yêu anh cuồng nhiệt và nói với tôi đến ba lần là phải dùng cách này thôi. Cầu Chúa và Đức Mẹ phù hộ anh”.

Fabio Conti là một anh chúa ngục luôn luôn lo ngại, luôn luôn khổ sở, lúc nào cũng mơ thấy một tên tù nào đó của mình sống tù, ai ở trong ngục thành cũng ghét lão. Nhưng tai ương khiến cho tất cả mọi người có những quyết định giống nhau, những người tù tội nghiệp, cả những người bị xiềng xích trong những ngục tối cao một thước, rộng một thước, dài hai thước rưỡi, ở đó họ không đứng cũng không ngồi được, tất cả tù nhân kể cả những người nhốt ngục tối ấy, tôi đã nói, đều có sáng kiến góp tiền cho anh thợ hát một bài Thiên tụng[106] khi họ biết là vị chúa ngục của họ đã thoát nạn. Vài ba người trong số những kẻ khốn khổ đó lại còn làm thơ mừng Fabio Conti. Than ôi! Đó là hiệu lực của họa tai trên những con người ấy! Với ai phê phán họ, tôi mong sao cho số phận cũng dun dủi kẻ đó vào trong khám tối cao một thước với hai lạng rưỡi bánh mỗi ngày và nhịn những ngày thứ sáu mỗi tuần để xem sao!

Clélia chỉ rời buồng bố khi đi cầu kinh trong nhà nguyện; cô nói quan trấn thủ quyết định chỉ cho phép vui chơi vào ngày chủ nhật. Sáng chủ nhật đó, Fabrice đi lễ và dự buổi hát Thiên

tụng; buổi tối đốt pháo hoa và trong các phòng thấp của lâu đài, người ta phát cho lính tráng một suất rượu vang gấp bốn suất quan trấn thủ quy định; một bàn tay xa lạ nào không biết lại gửi đến bốn thùng rượu mạnh mà bọn lính chọc thùng tuốt. Bọn lính đang say sưa bỗng hào hiệp nghĩ tới năm bạn đồng ngũ đứng gác ở quanh lâu đài và không đành để cho họ bị thiệt ở vị trí của họ; mỗi khi họ đến chòi canh, một gia nhân tâm đắc mời rượu họ; và không biết bàn tay nào cũng phát một cốc rượu mạnh cho mỗi người lính lĩnh phiên gác vào nửa đêm và những phiên sau, trong đêm, mỗi lần phát rượu mạnh, người ta đều để quên chai lại ở chòi canh (như vụ xét xử về sau đã phát hiện).

Sự náo loạn kéo dài hơn là Clélia dự tính và chỉ đến hồi một giờ đêm, Fabrice mới bắt đầu phá mái che nắng, trong tám ngày qua, anh đã cửa hai chấn song cửa sổ buồng anh, cái cửa không mở ra phía chuồng chim. Khi phá hủy mái che nắng, anh làm việc hầu như ngay trên đầu bọn lính gác lâu đài, nhưng chúng không nghe thấy gì hết. Fabrice đã thắt thêm mấy nút trên cái dây dài vô tận cần thiết để tụt xuống từ độ cao ghê gớm ba mươi sáu sải ấy. Anh buộc chéo dây, qua mình, dây vướng lăm vì khối lượng to quá; các nút thắt không cho phép dây quấn khít với nhau cho nên vòng ngoài cánh thân anh đến những hơn hai gang tay. “Cái trở ngại lớn là ở đây” Fabrice tự nhủ.

Thu xếp tạm xong với dây đó, Fabrice lấy cái dây dùng để tụt khoảng cách bảy sải từ cửa sổ anh đến sân thượng của tháp lớn, trên đó lầu quan trấn thủ được xây dựng. Tuy nhiên, dù bọn lính canh có say rượu đến mấy cũng không thể nhắm ngay đầu chúng mà leo xuống, anh leo qua cái cửa sổ thứ hai - như chúng tôi đã nói - mà ra, cái cửa mở ra trên mái một bót lính lớn. Do tính gàn dở thường có ở người bệnh, khi tướng Fabio Conti bắt đầu nói được thì ông cho ngay hai trăm lính lên đóng ở cái bót gác cũ đó, cái bót gác bỏ bê từ hai thế kỷ nay. Ông nói người ta đầu độc ông xong, nay lại muốn ám sát ông ngay trên giường và hai trăm lính ấy phải bảo vệ ông. Ta có thể đoán cái biện pháp bất ngờ ấy có tác dụng thế nào đối với tâm hồn Clélia; cô gái hiếu hạnh cảm thấy mình đã phản bội cha mình quá lắm, một người cha hầu như bị đầu độc và suýt chết vì quyền lợi của một tù nhân mà mình yêu dấu. Cô nhìn thấy mệnh Trời trong việc hai trăm lính kia được đưa lên bót gác. Trời cấm cô không được làm gì thêm nữa, không được giải thoát cho Fabrice.

Tuy nhiên ai ở Parme cũng nói đến cái chết sắp tới của Fabrice. Người ta còn bàn luận về vấn đề buồn thảm ấy ở ngay lễ mừng cưới tiểu thư Giulia Crescenzi. Chỉ vì một chuyện cỏn con như thế, một nhát kiếm vung về đâm phải một kếp hát, mà một công tử vọng tộc như Fabrice bị giam cầm chín tháng ròng, mặc dù có sự che chở của quan thủ tướng, thì hẳn là có vấn đề chính trị trong vụ này. Thế thì có lo cho hẳn thêm nữa cũng hoài công, người ta nói như vậy; nếu nhà cầm quyền thấy không tiện xử tử nó ở nơi công cộng thì nay mai hẳn sẽ chết vì bệnh thôi. Một người thợ khóa gọi đến chữa khóa ở lầu tướng Conti nói về Fabrice như là một tù nhân đã bị thủ tiêu lâu rồi, mà người ta không báo tin vì lý do chính trị. Câu nói của người thợ ấy khiến Clélia phải nhất quyết.

CHƯƠNG XXII

Trong ngày hôm đó, Fabrice băn khoăn về vài ý nghĩ nghiêm túc và khó chịu, nhưng càng nghe tiếng chuông báo thời giờ nhích dần đến giây phút hành động, anh càng thấy vui vẻ, nhanh nhẹn. Bà công tước viết thư có cho anh biết là khi ra giữa cảnh gió lộng, anh có thể bất ngờ bị khó chịu và vừa ra khỏi ngục, anh có thể không bước đi được; trong trường hợp đó, thà liều để cho bị bắt lại còn hơn là lao từ trên ngọn một tường thành cao sáu mươi thước xuống. “Nếu ta gặp cái tai họa đó, Fabrice tự nhủ, thì ta sẽ nằm bao lơn ngủ tiếng đồng hồ rồi ta tiếp tục; bởi vì ta thề với Clélia rồi, cho nên thà rơi từ trên đầu lũy xuống, cao bao nhiêu cũng mặc, còn hơn là cứ phải ngẫm nghĩ mãi về cái vị bánh mì mà ta ăn. Bị đầu độc thì sắp chết, còn có những đau đớn gớm ghê nào mà con người không phải chịu? Fabio Conti không kiểu cách rơm đầu, hẳn sẽ cho ta xơi chính cái thứ thạch tín mà hẳn dùng để đánh bả chuột trong thành hẳn”.

Vào nửa đêm, một đám sương mù loại dày đặc biệt và trắng, mà sông Pô đôi khi phủ lên hai bờ của nó, trải thảm trên thành phố rồi lan đến sân thượng và các công sự vây quanh tháp lớn của ngục thành. Fabrice cho là từ trên bao lơn, người ta không thể nhìn thấy những cây keo nhỏ ở khu vực các mảnh vườn do bọn lính lập dưới chân bức tường thành cao ba mươi sáu sải. Anh nghĩ thầm: “Tuyệt diệu!”

Quá mười hai giờ rưỡi một tí, ám hiệu cây đèn con xuất hiện ở cửa sổ chuồng chim, Fabrice đã sẵn sàng hành động. Anh làm dấu thánh giá, rồi buộc vào thành giường cái dây dùng để leo khoảng cách bảy sải từ cửa sổ xuống sân thượng. Không gặp trở ngại gì, anh xuống đến mái bốt gác có hai trăm lính mới đóng từ hôm trước, mà chúng tôi đã nói. Khốn khổ thay đến mười hai giờ bốn lăm, bọn lính vẫn chưa ngủ. Trong khi anh đi rón rén trên mái nhà lợp ngói phồng ruột. Fabrice nghe chúng nói với nhau là quỷ đang đi trên mái nhà, phải lấy súng thử bắn một phát giết nó. Một vài giọng nói khác bảo ước như vậy là không kính Chúa, mấy người nữa nói nếu bắn một phát súng mà không giết được gì cả, thì quan trấn thủ sẽ bỏ tù cả lũ vì tội cả lũ báo động toàn đội. Cuộc tranh luận hay hò đó làm cho Fabrice cố đi nhanh và càng gây tiếng động mạnh hơn. Khi đu lủng lẳng trên dây và tụt qua trước các cửa sổ bốt gác, anh thấy các cửa này lóm chớm những mũi lê, nhưng cũng may vì mái nhà nhô ra nhiều nên anh cách cửa trên một thước rưỡi. Một đôi người thuật chuyện bảo Fabrice điên rồi, đã ném cho bọn lính một nắm sequins. Điều chắc chắn là anh đã rải nhiều đồng sequins trên sàn buồng anh và cũng có vút một số khác trên sân thượng, trong khi đi từ tháp Farnèse đến bao lơn, may chăng làm xao nhãng bọn lính nếu chúng đuổi theo.

Xuống đến sân thượng, anh thấy mình ở giữa nhiều lính gác, những người này bình thường cứ mười lăm phút thì hét trọn một câu: Tình hình quanh vị trí tôi đều tốt cả; anh lần đến bao lơn phía tây và tìm tảng đá mới.

Điều có vẻ khó tin và có thể khiến người ta nghi ngờ sự việc nếu như không được cả một thành phố chứng kiến kết quả, đó là việc những người lính đứng gác dọc theo bao lơn không trông thấy và không tóm được Fabrice. Đúng là đám sương mù mà chúng tôi có nói đến đã bắt đầu dâng lên, Fabrice về sau nói khi anh đứng ở sân thượng, anh thấy hình như nó đã lên đến nửa thân tháp Farnèse. Tuy nhiên màn sương ở đây mỏng, anh vẫn nhìn thấy rõ ràng mấy người lính gác đi lại. Anh nói thêm là như có một sức mạnh dị thường thúc đẩy, anh cả gan đến đứng giữa hai tên lính gác gần nhau. Anh bình tĩnh tháo cuộn dây lớn quấn quanh người và làm rơi nó hai lần, phải mất nhiều thì giờ mới gỡ rối và đặt nó trên bao lơn được. Anh nghe lính nói chuyên rầm rì tứ phía, bụng quyết tâm chết đứ đờ nào xông tới anh. “Tôi chẳng luống cuống tí nào, anh nói tiếp. Tôi cảm thấy như mình đang thực hiện một nghi lễ”.

Cuối cùng anh buộc cái dây đã được gỡ rối vào một cái lỗ khoét ở bao lơn để thoát nước; anh leo lên bao lơn và nhiệt thành cầu nguyện. Rồi như một anh hùng thời hiệp sĩ, anh nghĩ đến Clélia một lát. Anh thầm nghĩ: “Mình đã khác biệt bao với cái anh chàng Fabrice trai lơ và phóng túng khi vào chỗ này chín tháng trước đây!”. Rồi anh bắt đầu tụt từ độ cao lạ lùng ấy

xuống. Anh kể là mình hành động như một cái máy, không khác gì leo dây giữa ban ngày trong một vụ đánh cuộc với bạn hữu. Đến quãng giữa, thỉnh thoảng anh thấy đôi cánh tay rã rời, mất hết sức; anh nhớ như có buông dây ra một thoáng nhưng rồi nắm lại ngay. Có lẽ anh đã níu các bụi cây khi leo dọc theo các bụi đó và nó làm anh xây sát. Từng lúc anh thấy đau nhói giữa hai vai, đau đến nỗi không thở được. Anh bị đu đưa một cách quá khó chịu, cứ từ cái dây bị đưa chập vào các bụi cây. Nhiều con chim khá lớn và chạm vào người anh. Máy lượt đầu, anh ngỡ là bị đánh trúng bởi những kẻ từ trên thành leo xuống, đi theo đường dây của anh để đuổi bắt anh và anh chuẩn bị chống cự. Cuối cùng anh xuống đến chân tháp lớn không bị tai nạn gì khác ngoài đôi chân tay đầm máu. Anh thuật lại rằng từ đoạn giữa tháp, cái lũy của tháp rất có ích cho anh. Anh cạo sát tường trong khi tụt xuống và cây cỏ mọc trong kẹt đá giữ anh lại được nhiều lần. Khi xuống thấp, giữa các khu vườn lính, anh và phải một cây keo, ở trên trông xuống thì ngỡ chỉ cao trên dưới một thước rưỡi không ngờ lại cao năm sáu thước. Một tên say rượu ngủ ở đó tưởng có kẻ trộm. Rơi từ trên cây xuống, tay anh gần trật khớp xương. Anh toan chạy đến lũy ngoài, nhưng theo anh nói, thì anh cảm thấy chân nhẹ như bấc, anh hoàn toàn không còn chút sức lực nào nữa. Dù rất nguy hiểm, anh vẫn phải ngồi xuống và uống chút rượu mạnh còn thừa. Anh thiếp đi trong mấy phút, không còn biết mình đang ở đâu; khi tỉnh lại, anh không hiểu làm sao mình ở trong buồng lại nhìn thấy cây cối.

Nhưng rồi thực tế khủng khiếp cũng trở về với anh và anh đi đến lũy tức khắc. Anh leo lên bờ lũy qua một thang gấp cao rộng. Anh lính gác ở đó đang ngáy trong chòi canh. Anh thấy có một cổ đại bác nằm vắt trên cỏ; anh buộc cái dây thứ ba vào đó, dây ấy hút mất một ít, cho nên anh rơi vào một cái hố lầy lội có khoảng ba tấc nước. Trong khi anh đứng lên và cố tìm hiểu mình đang ở đâu thì thấy có hai người ôm choàng lấy mình: Anh thoáng sợ. Nhưng rồi anh liền nghe có tiếng thầm thì bên tai; “Chao ôi! Ông lớn! Ông lớn! Ông lớn!” Anh lơ mơ hiểu rằng đó là người của nữ công tước. Anh lim đi tức khắc. Giây lát sau anh cảm thấy có người khiêng anh đi, nhưng người ấy đi nhanh và lặng lẽ. Rồi người ta đứng lại, khiến anh lo ngại. Nhưng anh mệt lắm, không thể mở miệng nói gì, cũng không thể mở mắt; anh cảm thấy có người ôm siết anh; đột nhiên anh nhận ra mùi nước hoa của nữ công tước. Mùi thơm ấy khiến cho anh hồi tỉnh. Anh mở mắt và nói được mấy tiếng: “Chao ôi! Cô yêu mến ời!” rồi anh lại ngất, và mê man.

Anh Bruno trung thành, với một toán canh vệ tâm phúc của bá tước, là lực lượng hậu bị phục vụ ở cách đó hai trăm bước. Bản thân bá tước cũng nấp ở trong một ngôi nhà nhỏ rất gần nơi nữ công tước chờ đợi. Ông sẵn sàng tuốt gươm khi cần, cùng với mấy sĩ quan bán bối[107], bạn thân của ông. Ông tự cho là có bốn phận phải cứu sinh mệnh Fabrice đang bị uy hiếp nặng nề, bởi vì hãn hoàng thân đã ký lệnh ân xá Fabrice nếu ông không đại đột muốn tránh cho vương thượng một điều đại đột[108] viết lên giấy tờ.

Từ nửa đêm, nữ công tước cứ im lặng đi thơ thẩn trước các bờ lũy của ngục thành, quanh mình có một toán người đầy đủ vũ khí. Bà không thể đứng yên một chỗ, bà cho là tất phải chiến đấu để giành giật Fabrice với những kẻ đuổi bắt anh. Con người có trí tưởng tượng nóng bỏng ấy đã bố trí hàng trăm phương sách đề phòng, liêu lĩnh một cách không ngờ, mà kể rõ ra cho hết thì dài quá. Tính ra có đến tám mươi thủ hạ được huy động đêm ấy và chỉ chực chiến đấu vì một mục đích họ đoán là khác thường. May sao, chính Ferrante và Ludovic cầm đầu những người ấy, và ông bộ trưởng công an không chống lại. Tuy nhiên ngay bá tước cũng nhận thấy rằng không ai phản bội nữ công tước cả và chính ông cũng không báo cáo gì ở vị trí thủ trưởng.

Công tước phu nhân loạn óc thực sự khi được gặp lại Fabrice. Bà ôm siết anh dữ dội, rồi đâm hốt hoảng khi thấy áo mình đầm máu, đó là máu ở hai bàn tay Fabrice; bà tưởng anh bị thương nguy kịch. Nhờ một thủ hạ giúp sức, bà cởi áo cho anh để bằng bó may sao Ludovic cũng ở đó. Ludovic bức bách phu nhân và Fabrice lên một trong những chiếc xe con giấu ở khu vườn gần cổng thành. Thế là người đánh xe cho ngựa sai nước đại để chạy đến gần Sacca mà vượt sông Pô, Ferrante cùng với hai người vũ trang cẩn thận, làm đội hậu tập, và anh lấy đầu anh cam kết là sẽ chặn được bọn truy đuổi. Bá tước một mình đi bộ và chỉ rời bỏ ngục thành hai tiếng đồng hồ sau đó, khi ông thấy tất cả đều yên tĩnh. Ngây ngất vì sung sướng, ông tự nhủ: “Thế là ta mắc tội nặng nhất: Tội bắt trung!”

Ludovic có sáng kiến tuyệt diệu đặt ngồi trong một cỗ xe một y sĩ phẫu thuật trẻ phục vụ nhà bà công tước, viên y sĩ ấy có dáng dấp khá giống Fabrice. Anh bảo viên y sĩ:

— Anh hãy chạy về hướng Bologne. Phải rất vụng về, phải làm sao cho người ta tóm anh. Bị tóm thì anh phải tỏ ra bối rối trong những câu trả lời khi bị người ta xét hỏi, và cuối cùng hãy thú nhận anh là Fabrice Del Dongo. Cốt nhất phải kéo dài thì giờ. Hãy khéo léo làm ra vẻ vụng về, rồi ra anh sẽ phải ngồi tù chỉ một tháng thôi, mà công tước phu nhân sẽ biếu anh năm mươi sequins.

— Giúp đỡ phu nhân thì ai mà nghĩ đến tiền bạc?

Viên y sĩ ra đi và mấy tiếng đồng hồ sau đó thì bị bắt, khiến cho tước Conti và quan chánh án Rassi vui sướng hể hả đến buồn cười; về phần Rassi thì nếu Fabrice thoát khỏi vòng nguy hiểm cái tước nam của hắn cũng sống nốt.

Đến sáu giờ sáng, người trong thành mới hay biết việc Fabrice vượt ngục và cho đến mười giờ, người ta mới dám táo bạo với quận vương. Mặc dù Fabrice ngủ mê mệt khiến nữ công tước tưởng cơn bất tỉnh này sẽ đưa đến chỗ chết, và bắt dừng xe đến ba lần, đến bốn giờ sáng họ vẫn vượt sông Pô được bằng thuyền, bởi vì những thủ hạ của bà phục vụ hết sức đặc lực. Ở tả ngạn có những trạm nghỉ chân, họ vượt hai dặm đường nữa với tốc độ cực kỳ nhanh, rồi buộc phải dừng lại hơn một tiếng để nhà chức trách kiểm tra hộ chiếu. Bà công tước có đủ thứ chó bà và Fabrice. Nhưng hôm đó bà như người dờ hơi, bà nảy ý biếu viên thư lại trạm công an nước Áo mười đồng Napoléon và giằng giụa nước mắt cầm tay hắn, viên thư lại đâm lo sợ, soát xét giấy tờ lại lần nữa. Rồi đoàn đi xe trạm. Phu nhân chỉ sinh nghi ngờ ở cái xứ này mà người xa lạ nào cũng bị tình nghi cả. Ludovic lại phải giải cứu cho bà; anh nói công tước phu nhân lo buồn đến rối trí vì cơn sốt miên man của bá tước Mosca công tử con của quan thủ tướng công quốc Parme mà bà đưa đi Paris để các thầy thuốc ở đó khám và điều trị.

Cách sông Pô đến mười lăm dặm, Fabrice mới tỉnh hẳn; anh bị trật khớp một vai và mang nhiều vết sâu sát; phu nhân vẫn còn làm những điều kỳ quái khiến ông chủ quán ở một làng mà họ ghé ăn cơm làm tưởng mình được tiếp một vương phi trong hoàng tộc; anh ta sẽ sửa bày nghi lễ để chào mừng bà thì Ludovic nói vương phi chắc chắn sẽ bỏ tù anh ta nếu anh ta cho rung chuông.

Rốt cuộc, vào khoảng sáu giờ chiều, họ đi vào địa phận xứ Piémontais. Đến đây Fabrice mới thực sự an toàn. Người ta dẫn anh đến một thôn nhỏ ở xa đường cái, người ta băng bó hai bàn tay anh và anh ngủ thêm mấy tiếng đồng hồ nữa.

Ở cái làng nhỏ này, công tước phu nhân đã làm một việc không những góp ghiếc về mặt đạo lý, mà còn có phương hại lớn cho cảnh yên tĩnh trong cuộc đời còn lại của bà. Vài tuần trước ngày Fabrice vượt ngục, dân chúng khắp thành Parme kéo đến cổng thành để cố xem cái đoạn đầu dài người ta dựng trong sân ngục thành. Hôm đó bà công tước đã chỉ cho Ludovic xem, anh này đã trở thành như người quản gia của bà, điều bí mật của bể nước nổi tiếng ở lâu đài Sanseverina, một công trình thế kỷ XIII mà chúng tôi đã nói tới; điều bí mật đó là cách bẫy một hòn đá ở đáy bể ra khỏi cái khung sắt của một thôn nhỏ ấy, bà công tước cho gọi Ludovic đến; anh này tưởng bà hóa điên vì bà nhìn anh với đôi mắt kỳ lạ quá. Bà nói:

— “Chắc anh tưởng tôi sắp biếu anh mấy nghìn francs? Ấy không đâu! Tôi biết anh, anh là một thi sĩ, anh sẽ ngốn hết số tiền ấy ngay. Tôi tặng anh cái điền trang Ricciarda nhỏ ở cách Casal Maggiore một dặm đường”. Ngây dại vì sung sướng. Ludovic quì xuống dưới chân nữ công tước dùng tiếng lòng tha thiết bảo rằng anh góp sức cứu đức cha Fabrice quyết không phải vì tiền; anh có lòng triu mến đặc biệt đối với Fabrice kể từ khi anh có vinh hạnh là người đánh xe thứ ba của bà lớn.

Khi con người có lòng hiệp nghĩa đó tưởng mình đã bắt một bà lớn cao sang như vậy quan tâm vừa đủ thì anh xin cáo từ; nhưng với đôi mắt sáng rực, phu nhân phán:

— Ở đây đã.

Bà không nói gì, chỉ đi lại trong buồng quán, thỉnh thoảng nhìn Ludovic với đôi mắt lạ lùng. Thấy việc đi bách bộ của phu nhân kéo dài bất tận, cuối cùng anh đành phải lên tiếng:

— Bà lớn đã cho con một món quà quá lớn, ngoài sức tưởng tượng của một kẻ hèn mọn, vượt quá xa những công sức nhỏ mọn con được vinh dự bỏ ra để giúp bà lớn, cho nên con chân thành cảm thấy không nên nhận điền trang Ricciarda kia. Con hân hạnh xin hoàn lại cho bà lớn và chỉ cầu xin bà lớn cho con một món trợ cấp bốn trăm frăng.

— Trong đời anh có mấy lần, nữ công tước nói với vẻ kiêu kỳ hết sức u uất, có mấy lần nghe nói tôi từ bỏ một dự định tôi đã một lần tuyên bố?

Nói xong câu ấy, nữ công tước lại đi bách bộ tiếp mấy phút nữa. Rồi đột ngột dừng lại, bà kêu lên:

— Vì ngẫu nhiên và vì nó biết làm cho cô bé đó yêu thích cho nên nó mới được cứu sống! Nếu nó không đáng yêu thì nó chết rồi. Anh có thể chối cãi điều đó không? Nữ công tước vừa nói vừa xông đến Ludovic với đôi mắt rực lửa giận hờn. Ludovic lùi mấy bước và tưởng phu nhân phát điên, điều này làm anh lo sốt vó về quyền sở hữu điền trang Ricciarda.

— Này! Ta muốn - nữ công tước nói tiếp với giọng hiền dịu vui vẻ nhất, hoàn toàn khác trước - ta muốn cho những người lương dân thân mến của ta ở Sacca được hưởng một ngày vui say mà họ sẽ nhớ mãi. Anh hãy trở về Sacca đi, nào anh thấy có trở ngại gì không? Anh có gặp nguy hiểm gì không?

— Không gì đáng kể, thưa phu nhân. Không bao giờ có người dân Sacca nào lại thóc mách rằng con đã đi với đức cha Fabrice. Vả lại con mạo muội xin thưa với bà lớn là con rất suốt ruột muốn xem thử cái đất Ricciarda của con đó nó như thế nào, con thấy làm nghiệp chủ cũng hay thế nào ấy!

— Cái vui của anh tôi thích. Tá chủ đất Ricciarda, tôi nhớ như còn thiếu tôi ba hay bốn năm lợi tức, tôi cho nó một nửa khoản nợ đó, còn nửa kia tôi biếu anh với điều kiện này: Anh đến Sacca, anh bảo ngày kia là ngày lễ của một bà thánh đỡ đầu tôi và tối hôm anh về đến đó, anh cho kết đèn làm thành đêm hoa đăng lồng lầy nhất ở lâu đài tôi. Đừng dè xén tiền bạc và công sức, hãy nghĩ đây là hạnh phúc lớn nhất trong đời tôi. Tôi đã chuẩn bị cho đêm hội hoa đăng này từ lâu; từ ba tháng nay, tôi đã cho chứa chất ở tầng hầm lâu đài những gì cần thiết cho ngày hội cao quý này; tôi đã cho người coi vườn nhận giữ tất cả những pháo hoa cần dùng cho đêm pháo hoa rực rỡ; anh hãy cho đốt ở sân thượng nhìn ra sông Pô. Tôi có tám mươi chín thùng rượu vang trong các hầm rượu, anh cho đặt tám mươi chín vò rượu ở vườn hoa. Nếu ngày hôm sau mà còn sót một chai rượu chưa uống thì tôi sẽ bảo là anh không yêu Fabrice. Khi các vò rượu, đêm hoa đăng và pháo hoa đã có đà sôi nổi rồi thì anh hãy cẩn thận chuẩn bị, và có thể - và tôi hy vọng như thế! - có thể là Parme, người ta cho những việc đẹp đẽ này là một hành vi hỗn láo.

— Đâu chỉ phải là có thể, mà là chắc chắn như vậy. Cũng như chắc chắn là tên chánh án Rassi, tên đã ký bản án đức cha Fabrice, tên đó sẽ uất lên mà chết. Và có lẽ - Ludovic rụt rè nói tiếp - nếu bà lớn muốn cho người đầy tớ tội nghiệp của bà lớn thích chỉ hơn là cho nó một nửa khoản tô nợ ở đất Ricciarda, thì bà lớn cho phép nó bày trò đùa với ngài Rassi tí chút...

— Anh là một người tốt! Nữ công tước bỗng bật kêu. Nhưng tôi cấm anh không được động đến Rassi. Tôi dự định làm cho nó bị treo cổ công khai sau này. Còn anh thì cố tránh đừng để cho bị tóm ở Sacca, tôi mất anh thì không còn vui vẻ gì được nữa.

— Thưa phu nhân, con ấy à? Khi con đã nói là con tổ chức lễ mừng một bà thánh đỡ đầu cho phu nhân thì dù cho sở cảnh sát phải đến ba mươi sen đầm để quấy phá tí chút gì đó thôi, xin

bà lớn cứ tin rằng trước khi chúng đến cây thập tự đỏ ở giữa làng, đã không còn một mống nào ngời trên lưng ngựa. Ấy cái thứ dân ở Sacca họ không phải là trẻ quệt mũi tay áo để khinh nhờn đầu, tất cả đều là những tay chở hàng lậu thành thạo và đều sùng bái phụ nhân.

— Và cuối cùng, nữ công nương nói tiếp với vẻ thanh thản lạ lùng, trong khi tôi ban rượu vang cho những người dân Sacca quý hóa của tôi thì tôi dâng nước cho ngập lụt những người ở Parme. Ngay tối hôm lâu của tôi chẳng đèn sáng rực thì anh hãy bắt con ngựa hay nhất trong chuồng ngựa của tôi, anh phi về lâu đài Sanseverina và anh tháo bể nước.

— Chao ôi! Sáng kiến của bà lớn thật là tuyệt diệu! Ludovic thét lên và cười như điên, rượu vang cho những người dân Sacca quý hóa, nước cho bọn thị dân Parme, chúng đã chắc mẫm quân khốn khiếp, là ông lớn Fabrice sắp bị đầu độc chết như ông L. tội nghiệp kia.

Sự hể hả của Ludovic kéo dài bất tận; bà công tước nhìn cảnh anh cười như điên như dại mà lấy làm thú vị; anh luôn mồm lặp: Rượu cho dân Sacca, nước cho bọn Parme! Chắc bà lớn biết rõ hơn con là khi người ta vô ý tháo nước trong bể, cách đây khoảng hai mươi năm, ở nhiều đường phố Parme nước ngập đến hơn ba tấc”.

— Và nước cho bọn ở Parme, nữ công tước cười đáp. Công viên ở trước ngực thành hản là đầy ắp người nếu là người ta cắt cổ Fabrice... Ai cũng gọi nó là tên tội phạm lớn... Tuy nhiên, phải làm cái việc đó cho thật khéo nhé, làm sao cho không có một người nào ở dương gian biết là trận lụt ấy do anh làm ra cũng như do tôi ra lệnh. Fabrice, cả bá tước nữa cũng phải mù tịt về cái trò đùa rồ dại này... Nhưng tôi quên mất những người nghèo khổ ở Sacca. Anh tìm chỗ viết một bức thư cho người giúp việc của tôi, rồi đưa tôi ký; anh viết là nhân ngày lễ nữ thánh đỡ đầu của tôi, hản hãy phát một trăm sequins cho những người nghèo ở Sacca và hản phải nhất nhất làm theo lời anh về khoản mắc đèn, đốt pháo hoa và ban rượu, là ngày hôm sau phải không còn một chai rượu đầy nào trong hầm nhà của tôi.

— Người giúp việc của bà lớn sẽ chỉ lúng túng về một điều, là tự khi bà lớn có cái lâu đài này trong năm năm nay, bà lớn không để cho còn đến mười kẻ nghèo ở Sacca.

— Và nước cho bọn ở Parme! Nữ công tước hát câu đó. Anh thực hiện trò đùa này thế nào cơ?

— Kế hoạch của con đã vạch dứt khoát rồi, con khởi hành từ Sacca lúc chín giờ, đến mười giờ rưỡi, ngựa con sẽ tới quán Trois Ganaches, trên đường đi Casal Maggiore và đi đến điền trang Ricciarda của con. Mười một giờ, con đã ở trong buồng của con tại lâu đài, và mười một giờ mười lăm thì nước cho bọn ở Parme, nước tha hồ, nước nhiều hơn là chúng muốn để chúng uống mừng sức khỏe của tên tội phạm lớn! Mười phút sau, con rút ra khỏi thành phố theo con đường đi Bologne. Đi qua trước ngực thành, con cúi rạp xuống đất vái cái ngực thành mang nhục bởi lòng dũng cảm của đức cha Fabrice và trí thông minh của bà lớn. Con đi theo một lối nhỏ qua đồng - lối này con thuộc lâu - và con đột nhập đất Ricciarda .

Ludovic ngược nhìn bà công tước và đâm hoảng, bà nhìn trực thị bức tường trần trụi ở cách bà sáu bước và phải nhận là mắt bà rất ghê gớm. “Chao ôi! Cái điền trang tội nghiệp của ta nguy rồi! Ludovic nghĩ thầm. Quả là bà công tước phát điên rồi!”. Nữ công tước quay nhìn anh và đoán được ý nghĩ của anh.

— Ái chà! Ngài Ludovic đại thi gia, ngài muốn có một văn tự trao tặng thì hãy chạy tìm cho tôi một tờ giấy. Ludovic không dợi lặp lại lệnh ấy, và bà công tước tự tay viết một văn tự dài, đề ngày trước một năm, Qua văn tự đó, bà nhận có vay của Ludovic San Micheli số tiền tám vạn quan và thế chấp cho anh ta đất Ricciarda, nếu qua mười hai tháng tròn mà nữ công tước chưa trả số tiền tám vạn quan nói trên cho Ludovic, thì đất Ricciarda thuộc quyền sở hữu của anh ta. Nữ công tước thầm nghĩ: “Cho một người đầy tớ trung thành xuýt soát một phần ba khoản còn lại của bản thân ta cũng là một cử chỉ đẹp”.

— Nay, nữ công tước nói với Ludovic, sau trò đùa tháo bể nước, ta chỉ cho anh hai ngày thôi để xả hơi ở Casal Maggiore. Để cho việc nhường bán này có hiệu lực hãy nói vụ này đã được thỏa thuận một năm về trước. Khi anh trở về thì hãy đến Belgirate tìm tôi, không được chần chờ. Có lẽ Fabrice sẽ sang nước Anh và anh sẽ đi theo anh ta.

Sáng sớm hôm sau, nữ công tước cùng Fabrice đã ở Belgirate.

Họ tổ chức trú ngụ ở thôn thần tiên ấy. Tuy nhiên một nỗi phiền muộn điếng người đang chờ đợi nữ công tước ở trên bờ hồ xinh đẹp, Fabrice đã hoàn toàn thay đổi. Vượt ngục ra, anh ngủ một giấc li bì và ngay những phút đầu tiên sau khi anh tỉnh giấc, công nương phu nhân đã nhận thấy ở anh có một cái gì đó khác thường. Nỗi xúc cảm sâu xa mà anh che giấu rất cẩn thận đó cũng khá kỳ quặc, anh thất vọng vì được ra tù. Anh giữ kín không nói lý do vì sao anh buồn, nếu nói ra thì nó sẽ đưa đến những câu hỏi mà anh không muốn trả lời. Nữ công tước lấy làm lạ, nói với anh:

— Nhưng mà thế nào chứ? Khi đói quá, anh buộc phải ăn, để cho khỏi lả, một món đáng ghét do nhà tù nấu, cái cảm giác ghê tởm, cái cảm giác: Món này có mùi vị khác thường; có phải ta đang ngộ độc chẳng, cái cảm giác ấy không làm cho anh kinh tởm hay sao?

— Cháu nghĩ đến cái chết, Fabrice đáp, cũng như những người lính nghĩ, cháu đoán thế, đó là một điều có thể xảy đến mà ta có thể tránh được do sự khôn khéo của mình.

Bà công tước lo ngại, đau buồn không biết bao nhiêu. Con người thân yêu, nhanh nhẹn, hăng say, độc đáo, khác thường đó bây giờ sống trong mơ mộng, xa xôi dưới mắt bà, anh ta còn muốn sống hiu quạnh lẻ loi hơn là nói chuyện, với người bạn gái thân nhất trên đời, nói đủ thứ chuyện một cách thực thà, cởi mở như ngày xưa. Anh vẫn ân cần, chu đáo đầy lòng biết ơn đối với nữ công tước; anh vẫn như xưa, sẵn sàng hy sinh tính mệnh vì bà, nhưng hồn anh để ở đâu ấy! Nhiều khi họ đi chơi với nhau bốn năm dặm trên cái hồ tuyệt vời ấy mà không nói với nhau một lời. Ngày nay họ có thể chuyện vãn, nghĩa là trao đổi ý kiến với nhau một cách lạnh lùng, điều mà người khác có thể cho là thú vị; nhưng họ - nhất là bà công tước thì còn nhớ cách họ trò chuyện với nhau ngày xưa, trước khi xảy ra việc đánh nhau với tên Giletti, việc này đã chia rẽ họ. Fabrice vẫn nợ bà công tước cái lịch sử chín tháng ngồi trong một nhà tù khủng khiếp, nhưng sao hễ nói đến chuyện đó thì anh chỉ có những lời vắn tắt, dở dang.

“Việc này sớm hay muộn gì rồi cũng xảy ra thôi bà công tước tự nhủ với một nỗi buồn rầu u uất. Hoặc ta vì buồn người mà già đi hoặc Fabrice đã yêu thực sự và ta chỉ còn chiếm vị trí thứ hai trong lòng nó”. Niềm sầu não lớn lao nhất đó khiến bà hèn kém đi và kinh hoàng, và một đôi khi bà tự nhủ: “Giá trời khiến, Fabrice điên loạn hoàn toàn hoặc là thiếu đảm lược thì có lẽ ngày nay ta ít khổ hơn”. Từ lúc này, niềm ân hận nửa vời đó làm thương tổn nặng nề sự tự tin của nữ công tước về nhân cách của mình. Bà cay đắng nghĩ thầm: “Thế là ta hối hận về một điều ta đã quyết định, ta không phải là một phụ nữ dòng Del Dongo nữa rồi!”

”Trời đã định vậy, bà nghĩ tiếp, Fabrice yêu, và ta có quyền gì mà muốn cho nó không yêu? Đã có một lời yêu đương thực sự nào được trao đổi giữa hai chúng ta đâu?”

Cái lý lẽ phải chăng đó làm cho bà thao thức mất ngủ. Và cái điều chứng tỏ tuổi già và sự sút kém về tinh thần đã đến với bà cùng với triển vọng một cuộc báo thù bất hủ, là ở Belgirate bà đau khổ gấp trăm lần ở Parme. Còn về con người đã gây ra sự mơ mộng lạ lùng của Fabrice thì còn nghi ngờ gì nữa, mọi nghi ngờ đều phi lý; Clélia, cô gái hiếu hạnh ấy phản lại cha bởi cô đã nhận lời phục rượu cho lính say, thế mà Fabrice lại không bao giờ nói đến Clélia cả! “Nhưng mà, nữ công tước thất vọng đâm ngực nói, nhưng mà nếu lính đồn không bị phục rượu say, thì tất cả những sáng kiến, những lo toan của ta đều trở thành vô dụng; như vậy là chính nàng đã cứu nó!”

Phải khó khăn hết sức, bà công tước mới buộc được Fabrice kể cho mình nghe chi tiết những sự việc trong đêm ấy; bà trầm nghĩ: “Giá như ngày xưa thì cái đêm ấy đã là đầu đề của

một câu chuyện cứ được nhắc đi nhắc lại mãi giữa hai chúng ta! Ở thời hạnh phúc đó, về một điều vu vơ nhỏ nhặt nào mà ta đưa ra, Fabrice cũng nói thao thao cả ngày với một sự nồng nhiệt và một niềm vui thích luôn luôn tái diễn”.

Vì phải đề phòng mọi bất trắc, nữ công tước xếp đặt cho Fabrice ở bên cạnh Locarno, một thành phố Thụy Sĩ ở cuối hồ Majeur. Ngày nào phu nhân cũng đi thuyền đến chỗ Fabrice cùng đi chơi lâu trên hồ. Có một lần bà nảy ý lên buồng Fabrice thì thấy buồng treo đầy những tranh phong cảnh Parme mà anh sai mua từ Milan, cả từ Parme về, Parme, cái nơi đáng lẽ anh phải căm ghét lắm. Phòng khách con của anh biến thành xưởng họa, ngổn ngang những đồ lễ dụng cụ của một họa sĩ vẽ tranh màu, còn anh thì bà bắt gặp đang hoàn thành bức tranh thứ ba về tháp Farnèse và lầu quan trấn thủ. Bà công tước bực tức bảo Fabrice:

— Anh chỉ còn thiếu cái điều vẽ theo trí nhớ chân dung quan trấn thủ đáng yêu chỉ muốn đầu độc anh mà thôi! Nhưng tôi nghĩ ra rồi, nữ công tước nói tiếp, anh cần viết cho ngài một bức thư xin lỗi đã dám tự tiện trốn đi, và làm cho ngục thành mang tiếng xấu.

Người phụ nữ đáng thương kia đâu có ngờ mình nói trúng đến như vậy; vừa đến nơi an toàn, việc Fabrice lo làm trước hết là viết cho tướng Fabio Conti một bức thư hết sức lễ phép và cũng có thể nói là lỗ bịch, anh xin lỗi ông ta về việc mình đã vượt ngục, và anh tự thanh minh là vì tin có một tên cấp dưới trong nhà lao đã được giao nhiệm vụ đầu độc anh. Viết gì cũng được, anh chẳng cần, anh chỉ hy vọng được Clélia nhìn thấy bức thư, cho nên mặt anh đầm đìa nước mắt trong khi viết. Anh chấm dứt thư bằng một câu quá buồn cười! Anh dám nói rằng bây giờ được tự do, lắm lúc anh đâm nhớ tiếc cái buồng nhỏ của anh ở tháp Farnèse. Đó là ý chính của bức thư, anh hy vọng Clélia sẽ hiểu. Trên đà hứng viết và cũng với hy vọng được một người nào đó đọc, Fabrice viết thư cảm tạ don Cesare, cha tuyên úy tốt bụng đã cho anh mượn sách thần học. Mấy hôm sau, Fabrice thuyết phục anh chủ hiệu sách nhỏ ở Locarno để anh ta đi Milan mua của bạn anh ta, anh chàng Reina mê sách nổi tiếng, mấy bản in đẹp nhất của những sách mà don Cesare đã cho anh mượn. Cha tuyên úy đôn hậu nhận được những sách ấy và một bức thư thiết tha nói rằng trong những phút bực bội (có lẽ đáng tha thứ đối với một người tù tội nghiệp) anh đã viết chẳng chịt trên lề sách của cha những lời ghi chú lỗ lã. Anh van cha hãy thay thế những sách ấy ở thư viện của cha bằng những bản mà anh lạm phép gửi tới với lòng biết ơn nồng nhiệt.

Fabrice dễ dãi thật khi gọi đơn giản là “ghi chú” những lời bất tận viết nguệch ngoạc chập chờn một bản sách khổ lớn, in những tác phẩm của thánh Jérôme. Với hy vọng gửi trả được cho cha tuyên úy để đổi một quyển sách khác, anh đã ghi trên lề từng ngày một nhật ký chính xác những gì xảy đến cho anh ở trong nhà lao. Những sự kiện lớn đó chẳng qua là những cơn ngáy ngất niềm yêu Chúa (Chúa đây thay một chữ mà người ta không dám viết ra. Có khi niềm yêu Chúa đó đã khiến anh tù vào một nỗi thất vọng sâu sắc, có khi một tiếng nói nghe từ trên không đem đến ít người hy vọng và tạo ra niềm hạnh phúc say sưa. May sao những điều ấy đều được viết bằng một thứ mực nhà tù chế bằng rượu vang, sôcôla và muối đèn và don Cesare chỉ liếc mắt nhìn qua khi xếp cuốn sách trở vào tủ sách. Nếu cha lần mò đọc lề các trang sách, cha sẽ thấy rằng một hôm, người tù tưởng mình trúng độc, đã tỏ ý hân hoan được chết ở cách người mình yêu nhất trên đời chưa đầy bốn mươi bước.

Nhưng một con mắt khác mắt cha tuyên úy đôn hậu đã đọc những trang ấy sau khi Fabrice sống tù. Cái ý đẹp; chết bên cạnh người mình yêu diễn đạt bằng trăm cách khác nhau và được kèm theo một bài thơ. Bài thơ nói rằng sau những cơn dày vò ác liệt, linh hồn chia lìa với thể xác mong manh nơi nó đã ẩn náu hai mươi ba năm, cái linh hồn đó vâng theo bản năng tìm hạnh phúc mà nó đạt được một lần, sẽ không được tự do và trong trường hợp được miễn tội ở buổi phán xét cuối cùng ghê gớm có; bởi hạnh phúc sau khi chết hơn là suốt cuộc đời mình, linh hồn đó sẽ bay đến ở mấy bước cách nhà tù là nơi nó rên siết bấy lâu, để hòa hợp với tất cả gì nó yêu ở dương thế. Và như thế, câu cuối cùng của bài thơ nói vậy - như thế là ta đã tìm thấy thiên đường của ta ở trên mặt đất.

Ở ngục thành, người ta nói đến Fabrice như nói đến một tên phản phúc ô nhục đã vi phạm những nghĩa vụ thiêng liêng nhất, tuy thế ông linh mục don Cesare vẫn ngây ngất trước mấy cuốn sách đẹp mà một người xa lạ nào đó đã gửi đến cho ông; bởi vì Fabrice đã cẩn thận chỉ viết thư vài hôm sau khi gửi sách, ngại rằng cái tên anh sẽ làm cho người ta cảm phần trả lại ngay cả gói. Don Cesare không thuật lại sự chu tất đó với anh mình vì chỉ nghe đến tên Fabrice thôi, quan trấn thủ đủ nổi lỗi đình. Từ ngày Fabrice trốn đi, don Cesare lại thân mật với cô cháu yêu như xưa; vì ông có dạy cho cô ít tiếng La tinh cho nên ông cho cô xem mấy cuốn sách đẹp ông vừa nhận được. Người gửi đi cũng chỉ mong có thế. Bỗng nhiên mắt Clélia đỏ chín: Cô vừa nhận ra nét chữ Fabrice nhiều mảnh giấy dài, hẹp, màu vàng đã được kẹp vào mấy chỗ trong sách, thay thế những tiêm cài làm dấu. "Giữa những quyền lợi tiền bạc thấp hèn, giữa những suy nghĩ tầm thường lạnh lùng và nhợt nhạt đoán hết cuộc đời ta, phải nói rằng những việc làm do tình yêu chân chính bày ra ít khi không có hiệu lực, tuồng như có một vị phúc thần nắm tay họ mà giắt! Được bản năng đó hướng dẫn và chỉ nghĩ đến một điều duy nhất trên đời." Clélia xin ông chú cho cô đối chiếu bản sách cũ của thánh Jérôme với bản ông mới nhận. Trong cảnh buồn phiền u ám vì vắng Fabrice, làm sao nói được niềm say sưa ngây ngất của Clélia, khi cô tìm thấy ở lẽ bản thánh Jérôme cũ bài thơ mà chúng tôi từng nhắc đến và những ký ức từng ngày về mối tình của ai kia đối với cô.

Mỗi một hành vi của Clélia là một mối ân hận da diết đối với cô và từ khi cô buồn phiền vì ly biệt thì sự hối hận lại càng gay gắt. Cô tìm cách xoa dịu những điều cô tự chỉ trích bằng cách nhắc lại lời phát nguyện không bao giờ được thấy mặt Fabrice lại, lời phát nguyện được dâng lên Đức Mẹ vào lúc quan tướng ngắc ngoải vì ngộ độc và mỗi ngày mỗi được lặp lại tự bấy giờ.

Fabrice trốn đi, cha cô phát ốm, hơn nữa ông suýt mất chức khi quận vương giận dữ cách cổ tất cả những cai ngục và bắt bỏ họ trong nhà lao thành phố. Quan tướng được cứu thoát cũng nhờ một phần ở sự can thiệp của bá tước Mosca, ông ta muốn cho Conti bó chân trên đỉnh ngục thành ngất ngưỡng hơn là làm một đối thủ hoạt động và giỏi mưu toan xúc xiểm ở chỗ triều đình.

Trong thời gian mười lăm ngày mà việc cách chức hay không cách chức tướng Fabio Conti dây dưa chưa quyết định, ông ta thực sự ốm và Clélia có đủ can đảm thực hiện việc hy sinh cô đã báo cho Fabrice. Ngày hội vui tung bừng của cả ngục thành, cũng là ngày Fabrice vượt ngục, như bạn đọc có lẽ còn nhớ, Clélia ngã ốm một cách thông minh, ngày hôm sau cô cũng còn ốm, nói tóm lại, cô biết cách xử sự khôn khéo đến nỗi ngoài Grillo được đặc trách canh giữ Fabrice, không còn ai nghi ngờ gì về sự đồng lõa của cô, mà Grillo thì chẳng hé môi nói cái gì.

Nhưng khi Clélia không còn lo ngại gì về mặt ấy, thì cô lại càng bị dày vò hơn bởi sự hối hận chính đáng của mình. "Cái lẽ gì ở trên đời này, cô tự bảo, có thể là giảm nhẹ được tội lỗi của một người con gái phản cha?"

Một buổi tối, sau một ngày dành hầu trọn để cầu khẩn ở nhà nguyện và khóc lóc, cô nhờ chú là don Cesare đi với cô bên cạnh quan tướng, vì ngài cứ lên từng cơn giận dữ khiến cô khiếp sợ, lại nữa lúc nào ngài cũng nguyền rủa Fabrice, tên phản bội ghê tởm.

Đến trước mặt cha, cô can đảm nói rằng cô luôn luôn từ chối việc cầu hôn của hầu tước Crescenzi là vì cô tự thấy không có một chút thiện cảm nào đối với hắn và cô tin chắc sẽ không tìm thấy hạnh phúc trong cuộc hôn nhân đó. Nghe đến đây, quan tướng nổi nóng lên, Clélia phải khó nhọc lắm mới thừa tiếp được. Cô nói nếu cha cô bị cảm dỗ bởi cái gia tài to lớn của hầu tước, thấy phải ra lệnh rõ ràng cho cô lấy ông ta, thì cô sẵn sàng tuân lệnh. Quan tướng lấy làm lạ về cái kết luận mà ông rất không ngờ đó. Tuy nhiên rồi ông cũng lấy làm thích. Ông nói với người em: "Thế là tôi không đến nỗi phải ở gác hai dù cái thằng nhãi Fabrice có làm cho tôi mất chức vì cách xử sự đều cáng của nó".

Bá tước Mosca không quên tỏ ra bất bình sâu sắc với việc tên Fabrice bất trị đó trốn đi; khi có dịp thì ông lặp lại cái câu Rassi nghĩ ra về cách xử sự tồi tệ của tên thanh niên đã không chờ

hưởng lương khoan hồng của hoàng thân, cái tên cũng tầm thường thôi chẳng có gì khác lạ, cái câu hóm hỉnh của Rassi được giới quyền quý tiếp nhận, mà giới bình dân thì lại không lấy làm điều. Mặc dù tin là Fabrice phạm tội nặng, với lương tri của mình, họ khâm phục quyết tâm của người đã dám lao mình xuống từ một bức tường cao đến như thế. Không một ai ở triều đình ngợi khen lòng dũng cảm đó. Còn ngành công an thì thấy rất nhục nhã về sự thất bại này, họ tuyên bố chính thức đã khám phá ra có một toán hai mươi lính bị mua chuộc bởi tiền vung bạc vãi của mục công tước, mục đàn bà vong ân bội nghĩa một cách gớm ghiếc, mà lúc nào đọc tên lên người ta cũng phải thở dài. Toán lính hai mươi người đó đã đưa lên cho Fabrice bốn cái thang buộc nối với nhau, mỗi cái dài mười lăm thước; Fabrice đã dùng xuống cho họ một cái dây để họ buộc vào đầu thang, lúc bấy giờ hẳn ta chỉ còn làm cái ngón mọn là kéo thang lại phía mình mà thôi. Một đôi người thuộc phái tự do, nổi tiếng về tính nông nổi của mình, trong số đó có viên y sĩ C là một nhân viên được chính hoàng thân thù lao, còn nói thêm, và bị rầy rà vì nói điều ấy, là bọn cảnh sát ghê gớm đã đã man bắn chết tám người trong số bọn lính tội nghiệp đã giúp cho tên Fabrice vô ơn vượt ngục. Tức thời Fabrice liền bị cả những người tự do chân chính phê phán là đã gây nên cái chết của tám người lính đáng thương vì sự khinh suất của mình. Những nền chuyên chế ở nước nhỏ làm cho dư luận không có giá trị gì như thế đấy.

CHƯƠNG XXIII

Giữa cơn cuồng phấn chung ấy, chỉ có đức cha tổng giám mục, Landriani là tỏ ra trung thành với người bạn trẻ. Ngay giữa phòng tiếp khách của vương phi, đức cha vẫn dám nhắc câu châm ngôn về pháp lý nói rằng bất cứ trong vụ án nào, cũng phải dành một lỗ tai sạch sẽ mọi thành kiến để nghe lời bào chữa của người vắng mặt”.

Ngày hôm sau ngày Fabrice vượt ngục, nhiều người nhận được một bài thơ tầm thường ca ngợi việc vượt ngục đó, coi là một hành động tốt đẹp trong thế kỷ và ví anh với một thiên thần đang cánh đáp xuống mặt đất. Ngày hôm sau nữa, khắp Parme ngâm một bài thơ khác, tuyệt vời. Bài thơ đó thác lời độc thoại của Fabrice khi tuột dây xuống và phân xét những biến cố trong cuộc đời mình. Bài thơ được dư luận đánh giá rất cao vì hai câu tuyệt diệu và tất cả những bạn làng thơ đều nhận ra giọng thơ của Ferrante Palla.

Tuy nhiên giờ đây tôi phải tìm phong cách sử thi, vì còn tìm đâu cho ra màu mè để diễn tả những dòng thác công phần thành linh dâng ngập những quả tim chính đại, khi nghe nói đến đêm hoa đăng hỗn lảo một cách kinh khủng bày ra ở Sacca? Tất cả đều chỉ có một tiếng hét chống nữ công tước; ngay đến những người tự do chân chính cũng cho rằng làm như thế liên lụy một cách dã man đến những người tình nghi tội nghiệp đang bị giam giữ trong các nhà lao, và vô ích chộc cho quận vương nổi căm tức. Bá tước Mosca tuyên bố là những người bạn cũ của nữ công tước chỉ còn một lối thoát là quên bà ta đi mà thôi. Cuộc hòa tấu của thù ghét diễn rất đồng đều. Một khách nước ngoài đi qua thành phố sẽ sửng sốt thấy dư luận sao mà quyết liệt đến thế. Nhưng ở cái xứ mà người ta biết thưởng thức sự trả thù này, việc kết đèn ở Sacca và hội vui lớn tổ chức ở vườn lâu đài cho hơn sáu nghìn nông dân được hoan nghênh nhiệt liệt. Mọi người ở Parme đều nói nữ công tước đã phân phát một nghìn sequins cho nông dân của mình; họ cũng dựa vào đó giải thích vì sao dân địa phương đón tiếp hơi khắc nghiệt ba mươi vị sen đầm, mà sở công an ngày thơ phái tới cái làng nhỏ bé ấy ba mươi sáu tiếng đồng hồ sau cái đêm tuyệt diệu và sự say sưa chung tiếp theo đó. Người ta đón bọn sen đầm bằng những hòn đá ném vào người họ khiến họ chạy dài, và hai tên ngựa ngửa đã bị vấp xuống sông Pô.

Còn về việc vỡ bể chứa nước ở lâu đài Sanseverina thì hầu như không ai hay biết. Trong đêm, có mấy đường phố bị ngập nước người ít và sáng ra người ta ngỡ có mưa đêm. Ludovic đã cẩn thận đập vỡ mấy miếng kính ở một cửa sổ lâu đài, cho nên người ta tin có kẻ trộm đột nhập.

Người ta cũng còn tìm thấy một chiếc thang nữa. Chỉ có bá tước Mosca là nhìn ra tài trí của bà bạn.

Fabrice kiên quyết trở về Parme khi nào anh có thể về. Anh phái Ludovic mang một bức thư dài đến cho đức tổng giám mục và người thủ hạ trung thành đó trở lại gửi ở sở bưu điện, tại một thôn đầu tiên của Xứ Piémontais thôn Sannazaro ở phía tây Pavie - một bức thư bằng tiếng La tinh mà ông tổng giám mục đáng kính gửi cho người thanh niên ông đỡ đầu. Chúng tôi nói thêm một chi tiết có lẽ cũng làm chuyện dài dòng ra vô ích như nhiều chi tiết khác, nếu ta ở những xứ mà người ta không cần đề phòng nữa. Không bao giờ họ viết cái tên Del Dongo lên giấy, tất cả những thư từ gửi cho anh đều gửi đến Ludovic San Micheli ở Locarno, nước Thụy Sĩ, hoặc ở Belgirate, xứ Piémontais. Phong bì dán bằng giấy xấu, con dấu đóng lệch, địa chỉ khó đọc và đôi lúc kèm những lời nhắn nhẹ như của một chị nấu bếp. Tất cả những thư đó đều đề ngược lại sáu ngày trở về trước và ghi nơi gửi đi Naples.

Từ cái thôn Sannazaro ở Pavie, trên đất Piémontais đó, Ludovic hồi hả trở về Parme, Fabrice đã giao cho anh một sứ mệnh mà Fabrice cho là quan trọng bậc nhất. Đó là việc trọng đại làm thế nào trao cho Clélia Conti một chiếc khăn tay lụa in một bài thơ của Pétrarque[\[109\]](#).

Cũng phải nói là bài thơ có đổi một chữ. Clélia thấy bức thư đặt trên bàn cô sau khi tiếp

nhân được hai hôm những lời cảm tạ của hầu tước Crescenzi, con người tự cho là sung sướng nhất thế gian; không cần phải nói cái bằng chứng của một tấm tình chung thủy đó đã gây nên xúc động gì trong lòng Clélia.

Ludovic phải tìm cách biết hết chi tiết những sự việc xảy ra trong nội thành. Chính anh ta nói cho Fabrice biết cái tin buồn là việc hôn nhân của hầu tước Crescenzi có vẻ như đã định đoạt, không có ngày nào là chú rể không tổ chức hiến cho Clélia một cuộc vui ở ngay nội thành. Một bằng chứng hiển nhiên về cuộc hôn nhân ấy là ông hầu tước giàu nứt đổ đổ vách và dĩ nhiên cũng keo kiệt ghê gớm như thường tình những anh nhà giàu ở miền Bắc nước Ý - ông hầu tước giàu đó đang tiêu phí những số tiền vô lượng vào việc chuẩn bị hôn lễ, mặc dù ông cưới một cô gái không của hồi môn. Cũng phải nói là về phía tướng Fabio Conti, ông lấy làm nhục về điều nhận xét đó mà người nào trong đồng bào của ông thoát đầu cũng có nghĩ, cho nên vì hờn mình, ông vừa mua một ấp giá trên ba mươi vạn quan trả tiền mặt, tuy ông không có giá cả, trả hình như bằng tiền của hầu tước, và ông tuyên bố cho cô con gái cái ấp ấy trong dịp cô lấy chồng. Nhưng ông hầu tước cho là những lệ phí về trước bạ văn khế và gì khác lên tới một vạn hai nghìn francs là những chi phí lỗ bịch, không đáng bỏ ra, ông hầu tước vốn là người thực tế. Về phía mình, hầu tước đặt làm ở Lyon những thảm tường màu sắc rất đẹp, hợp khung cảnh nhất và do họa sĩ nổi tiếng Pallagi người Bologne tính toán cho vừa mắt. Mỗi tấm thảm thể hiện một phần gia huy tộc họ Crescenzi, tộc họ này khắp thiên hạ đều biết, vốn là dòng dõi của vị Crescentius lừng danh, tổng tài La mã năm 985; những thảm tường ấy dùng để bọc mười bảy phòng khách làm thành tầng nền trong lâu đài hầu tước. Màn thảm, đồng hồ vách và đèn treo giao nhận ở Parme tốn trên ba trăm năm mươi nghìn francs; tiền mua sắm gương mới, cộng với những gương nhà sẵn có lên đến hai trăm nghìn. Ngoài hai phòng khách công trình riêng của Parmesan, nhà hội họa lớn bản xứ xếp liền sau họa sĩ Corrège thần thánh, tất cả những buồng, phòng ở tầng một và tầng hai hiện do các họa sĩ nổi tiếng của Florence, Rome và Milan chiếm lĩnh để trang trí bằng những tranh tường. Fokelberg nhà điêu khắc lớn Thụy Điển, Tenerani người ở Rome và Marchesi người Milan từ một năm nay đang ra sức hoàn thành mười bức phù điêu diễn tả mười công tích tốt đẹp của Crescentius, nhân vật thực sự vĩ đại ấy. Phần lớn các bức trần cũng có những tranh họa nhắc nhở xa gần đến cuộc đời của ông ta. Mọi người đều khen bức trần mà Hayez người Milan vẽ Crescentius được Francois Sforce đón tiếp ở Thiên uyển^[110]. Cùng tiếp Crescentius có Laurent Đường bê, vua Robert, dân ủy Cola di Rienzi, Machiavel, Dante và các vĩ nhân khác thời Trung cổ. Tổ ra khâm phục những con người ưu việt ấy bị coi như là có ý muốn chế nhạo những bậc đương quyền đương vị thời nay.

Những chi tiết sang trọng ấy tập trung triệt để sự chú ý của giới quý tộc và giới thị dân ở Parme lại vò xé lòng Fabrice khi anh đọc thấy trong bức thư dài hơn hai mươi trang mà Ludovic đọc cho một nhân viên thuế quan ở Casal Maggiore chép; anh ta kể tất cả với một sự thần phục ngây thơ.

“Thế mà mình thì nghèo làm sao! Fabrice than thầm. Quanh đi quẩn lại cũng chỉ có bốn nghìn francs! Vậy mà dám yêu Clélia thì quả là hỗn láo, trong khi người ta làm những điều kỳ diệu ấy vì nàng!”

Trong suốt bức thư dài ấy chỉ có một đoạn nói việc khác, đoạn này do Ludovic tự tay viết với tuồng chữ xấu của mình; qua đoạn văn này Ludovic báo cho chủ biết anh ta có gặp anh lính coi ngục Grillo tội nghiệp, người đã canh gác Fabrice, Grillo lén lút tìm đến vào đêm; Grillo đã bị giam rồi được thả ra. Grillo đã xin anh ta một đồng sequin làm phúc và anh đã cho hẳn bốn sequin nhân danh bà công tước. Mười hai anh lính coi ngục cũ vừa được thả ra đang chuẩn bị chiêu đãi những anh kế vị mình một bữa tiệc dao (một *un trattamento di coltellate*)^[111] nếu có cơ hội gặp chúng ở ngoài thành. Grillo nói ngày nào cũng có dạ tấu ở ngục thành, tiểu thư Conti xanh lăm, hay ốm và mấy điều tương tự. Cái câu lời thôi ấy khiến Fabrice nhận tin nọ tiếp tin kia báo Ludovic trở về Locarno ngay; Anh ta trở về, và những chi tiết anh kể miệng lại càng đáng buồn cho Fabrice hơn nữa.

Ta có thể đoán Fabrice ân cần sốt sắng với bà công tước tội nghiệp như thế nào; dẫu phải

trăm lần chết, anh cũng không mở miệng nói cái tên Clélia Conti trước mặt phu nhân. Bà thì ghét cay ghét đắng Parme, còn đối với Fabrice kỷ niệm gì về thành phố ấy cũng vừa kỳ tuyệt vừa thân thương.

Công tước phu nhân không hề quên việc trả thù: Trước vụ Clélia, bà sung sướng là thế, mà bây giờ thì thân phận bà ra thế này! Bà sống trong sự thấp thỏm chờ đợi một biến cố ghê gớm mà bà giữ kín không hé cho Fabrice biết một tí gì; ấy thế mà ngày trước, trông khi xếp đặt với Ferrante, chính bà tưởng sẽ làm cho Fabrice khoái chí lắm khi nói cho anh biết là một ngày kia anh sẽ được trả thù.

Bây giờ thì người ta có thể ý niệm phần nào cái thú chuyện văn giữa Fabrice và nữ công tước, giữa hai người hầu như chỉ có một sự im lặng rầu rầu. Để cho mối quan hệ thêm đậm đà lý thú, nữ công tước không cưỡng được sự cám dỗ muốn chơi cho người cháu quá yêu dấu đó một vỏ đau.

Bá tước ngày nào cũng có viết thư cho nữ công tước, ông phái người liên lạc đi lại như ở thời họ yêu nhau, vì thư từ của ông luôn luôn mang con dấu thành phố nhỏ nào đó ở Thụy Sĩ. Anh tình nhân đáng thương hành hạ cân não để đừng nói chuyện yêu đương một cách lộ liễu và để viết nên những bức thư ngô nghĩnh; vậy mà người được thư đọc lướt qua bằng con mắt lơ đãng. Than ôi! Sự trung thành của một tình nhân được mến trọng có ích gì khi tìm người ta đang thất đi vì sự lạnh nhạt của người tình nhân được yêu dấu hơn?

Trong vòng hai tháng, bà công tước phúc thư cho bá tước có một lần và cũng chỉ để báo ông thăm dò vương phi thử xem người có vui lòng nhận thơ của nữ công tước, bất chấp cuộc kết đèn hôn láo hay không. Bức thư, mà bá tước sẽ trao nếu xét thay thuận lợi, xin chức vị quan hầu của vương phi, vừa mới khuyết người cho hầu tước Crescenzi; bà ước mong chức vụ ấy sẽ được trao cho hầu tước để chiếu cố cuộc hôn nhân của ông ta. Bức thư của nữ công tước là một kiệt tác. Đó là lòng kính trọng triu mến nhất, diễn đạt một cách tài tình nhất; bà công tước không để lọt vào thứ văn chương thờ phụng đó một câu một chữ gì mà hiệu quả gần hay xa không có tác dụng mơn trớn vương phi. Bởi thế thư trả lời toát lên một tình ban đầu yếm lâu nay đau xót vì xa vắng người thân. Vương phi viết: “Mẹ con tôi không có lấy một tối nào tạm gọi là vui vui từ ngày phu nhân ra đi một cách đột ngột như vậy. Bà công tước thân mến của tôi không nhớ rằng chính người đã giúp cho tôi lấy lại được tiếng nói tự vấn trong việc đề cử những quan chức trong cung viện tôi hay sao? Cho nên phu nhân mới thấy cần nêu chức nọ chức kia về chức vụ của hầu tước, làm như ý thích của phu nhân không phải là có ở trên tất cả đối với tôi! Hầu tước sẽ nhận vị trí đó, nếu tôi có thể làm được gì; và lúc nào trong tim tôi cũng dành một vị trí, vị trí thứ nhất cho công tước phu nhân đáng yêu của tôi. Thế tử cũng dùng lời lẽ hoàn toàn như tôi, tuy có hơi quá cỡ trong miệng một chú bé to xác hai mươi một tuổi; thế tử hỏi xin phu nhân mấy mẫu khoáng sản ở thung lũng Orta, gần Belgirate. Phu nhân cứ gửi thư của phu nhân - mà tôi mong được nhận thường xuyên - cho bá tước, người vẫn ghét phu nhân như xưa, và tôi thì quý mến ông vì sự ác cảm đó. Đức tổng giám mục cũng một mực thủy chung với phu nhân. Cả ba chúng tôi đều mong có ngày gặp lại phu nhân, phu nhân nên nhớ là như vậy mới được. Bà hầu tước Ghisleri, tổng quản nữ đại thần của tôi sắp rời bỏ cõi đời này để về một thế giới tốt đẹp hơn, bà mệnh phụ đáng yêu ấy đã làm phiền cho tôi nhiều lắm, nay lại còn làm phiền cho tôi bằng việc ra đi không phải lúc; bệnh tình của bà ấy khiến tôi nhớ đến một cái tên mà xưa kia tôi muốn đặt thay vào chỗ tên của bà với bao nhiêu thích thú, giá tôi khiến được người phụ nữ kia hy sinh tự do của mình; người phụ nữ có một không hai ấy bỏ đi đã mang theo tất cả niềm vui ở cái tiểu triều của tôi v.v...”

Thế là ngày ngày nữ công tước gặp gỡ Fabrice với đầy đủ ý thức chính mình làm cho cuộc hôn nhân kia sớm hoàn thành, cuộc hôn nhân sẽ làm cho Fabrice tuyệt vọng. Vì vậy đôi khi họ đi thuyền với nhau lên đến mặt nước bốn năm tiếng đồng hồ liền mà không nói với nhau một lời. Fabrice thì vẫn ân cần, sốt sắng, đầy đủ hoàn toàn; nhưng anh nghĩ đi đâu ấy và tâm hồn mộc mạc hồn nhiên của anh không tìm thấy gì để nói cả. Nữ công tước nhận thấy điều đó và đau đớn như thắt ruột gan.

Chúng tôi quên không nói đúng lúc là nữ công tước có tậu một cái nhà ở Belgirate, cái thôn xinh đẹp đến mê người, xứng đáng với tên của nó (có nghĩa là nhìn một khúc ngoặt đẹp của hồ). Từ cửa sổ phòng khách, nữ công tước có thể bước chân ngay xuống thuyền. Bà đã mua một chiếc thuyền xoàng xĩnh chỉ cần bốn tay chèo là đủ; bà thuê luôn mười hai người, và sắp xếp để thuê ở mỗi làng lân cận Belgirate một người. Lần thứ ba hay thứ tư ngồi giữa tất cả những người được chọn lựa kỹ càng ấy, bà bảo từng tay chèo và nói với họ:

— Tôi coi tất cả các anh như những người bạn và tôi muốn thổ lộ với các anh một bí mật. Anh cháu Fabrice của tôi đã vượt ngục. Có lẽ họ rình mò tìm cách bắt nó trở lại, mặc dù nó đang ở trên hồ của các anh, tại một xứ được cư trú tự do. Các anh hãy nghiêng tai nghe ngóng và báo cho tôi biết tất cả những gì các anh nghe thấy. Tôi cho phép các anh vào phòng tôi cả ngày lẫn đêm. Những người chèo thuyền trả lời một cách phấn khởi, bà công tước biết cách làm cho người ta yêu mến mình. Nhưng phu nhân đâu có nghĩ Fabrice có thể bị bắt lại; việc đề phòng đó chỉ để cho riêng bà mà thôi và trước khi ra cái lệnh tai hại tháo nước bể chứa lâu đài Sansrverina, hẳn là không nghĩ tới.

Bà cũng cẩn thận thuê một gian phòng ở cảng Locarno cho Fabrice. Ngày nào anh cũng đến thăm bà hoặc bà đến thăm anh. Có thể xét đoán hai cô cháu họ thích thú như thế nào khi ngồi với nhau hàng ngày, trên chi tiết sau đây: Bà hầu tước và hai cô con gái đến thăm họ hai lần và sự có mặt của những người xa lạ ấy khiến họ vui thích; ta gọi người xa lạ những người tuy cùng máu mủ nhưng không biết gì về những lo nghĩ thiết thân nhất của ta và mỗi năm chỉ gặp có một lần.

Một hôm nữ công tước đang ở Locarno cùng với Fabrice, bà hầu tước và hai người con gái, cha bề trên và cha xứ đến chào hai phu nhân. Cha bề trên vốn có cổ phần trong một hãng buôn cho nên theo dõi thời sự đều đặn, buột miệng nói:

— Quận vương Parme đã qua đời!

Mặt nữ công tước tái nhợt. Bà chỉ đủ can đảm hỏi:

— Người ta có thuật chi tiết?

— Không, cha bề trên đáp. Tin báo chỉ cho hay việc người qua đời mà thôi, và việc đó là chắc chắn.

Nữ công tước nhìn Fabrice, "Ta làm việc ấy vì nó, bà tự nhủ; ta có thể làm những điều nghìn lần xấu hơn, vậy mà ở trước mặt ta, nó thản nhiên, nó nghĩ đến một người khác!" Nữ công tước không đủ sức chịu đựng cái ý nghĩ cay đắng đó, bà ngắt đi. Mọi người xúm xít cứu chữa cho bà; khi hồi tỉnh, bà để ý thấy Fabrice không chạy chữa tích cực bằng cha bề trên và cha xứ, anh mơ màng như thường lệ. "Hẳn nghĩ đến việc trở về Parme - nữ công tước nghĩ thầm - và phá đám cuộc hôn nhân giữa Clélia và hầu tước. Nhưng ta sẽ chặn tay nó". Sự nhớ có hai vị cha cố, bà vội vàng nói: - Ngài là một vương chủ vĩ đại, bị vu khống quá nhiều. Sự mất mát này quá lớn đối với chúng tôi!

Hai vị cố đạo về rồi, bà công tước bảo mình sắp đi ngủ, để được ngồi một mình. Bà tự nhủ:

"Muốn cẩn thận thì hẳn là ta phải chờ một hai tháng rồi mới trở về Parme, nhưng ta cảm thấy không thể có sự kiên nhẫn ấy. Ở đây ta đau khổ quá. Cảnh tượng Fabrice luôn luôn mơ màng và im lặng, lòng ta không chịu nổi. Ai dám tin là ta buồn chán khi đi chơi phiếm chỉ mình ta với Fabrice trên mặt hồ xinh đẹp này, lại vào lúc ta đã hành động trả thù cho y quá cái mức ta có thể nói cho y hay! Đã chứng kiến cảnh tượng này thì chết có nghĩa lý gì! Bây giờ đây ta phải đền bồi những phút say sưa hạnh phúc, vui vẻ hồn nhiên ở lâu đài của ta tại Parme khi tiếp Fabrice từ Naples về. Giá lúc ấy, ta nói một tiếng thì đã xong rồi và có lẽ gắn bó với ta, y không nghĩ tới con bé Clélia. Nhưng cái tiếng ấy ta thấy tởm quá. Bây giờ con bé Clélia đó át ta. Dễ hiểu thôi: Con bé hai mươi tuổi, còn ta bị những lo âu làm thay đổi, lại đau ốm, trông ta gấp

đôi tuổi nó... Phải chết, phải chấm dứt cuộc đời! Một phụ nữ bốn mươi tuổi chỉ có giá trị chút ít đối với những người đàn ông đã yêu mình trong thời son trẻ mà thôi! Ngày nay ta chỉ còn những niềm vui hiểu danh hiểu thắng. Mà vì những thứ đó thì hỏi có đáng sống thêm nữa không?... Thêm một lý do để về Parme và vui chơi. Nếu tình thế xoay chuyển một cách thế nào đó thì chúng nó sẽ giết ta. Dù vậy nữa cũng có hại gì? Ta sẽ chết một cách lẫm liệt, và trước khi chết, chỉ lúc đó thôi, ta sẽ nói với Fabrice: "Đồ bội bạc! Ta chết vì anh đây!" ...

Phải rồi, cái kiếp sống thừa ngán ngùi này chỉ có chỗ dừng ở Parme mà thôi. Ta sẽ làm bà lớn ở đó. Giá như bây giờ ta cũng hãy còn cảm kích về những ưu đãi ngày xưa từng làm cho mẹ Raversi ghen tức đến khổ sở thì sung sướng biết bao nhiêu! Lúc bấy giờ muốn nhìn thấy hạnh phúc ta phải nhìn vào những con mắt đổ kỹ... Tính rởm đời của ta cũng có cái hạnh phúc của nó. Có lẽ ngoài bá tước ra, không ai đoán được biến cố nào đã làm cho lòng ta tắt ngấm.... Ta yêu Fabrice, ta sẽ tận tâm vì sự nghiệp của nó. Nhưng nó không được phá hỏng cuộc hôn nhân của Clélia để rồi lấy cô bé ấy... Không thể như thế!"

Cuộc đối thoại buồn rầu của nữ công tước vừa đến đó thì nghe có tiếng huyền não trong nhà.

— Tốt lắm! Bà tự nhủ, họ đến bắt ta đó. Ferrante đã bị tóm, anh ấy đã khai thú... ừ thì càng hay! Ta sắp có việc làm đây, ta sắp phải giành giật cái đầu ta với lũ chúng nó. Nhưng mà trước hết phải không để cho bị bắt.

Chưa mặc đủ sống áo, nữ công tước chạy trốn tận cuối vườn, bà đã nghĩ tới việc leo qua một bức tường con để chạy thoát ra đồng. Nhưng bà thấy có người vào phòng. Bà nhận ra Bruno, người thủ hạ tâm phúc của bá tước. Anh ta đứng một mình với chị hầu phòng của bà. Bà lại gần cửa sổ dòm vào. Bruno đang nói về những vết thương của mình với chị hầu phòng. Bà về buồng mình. Bruno gần như quì xuống dưới chân bà để van xin bà đừng nói lại với bá tước cái giờ khuya khoắt buồn cười mà anh ta đến đây.

— Quận vương vừa qua đời, Bruno nói tiếp, tức khắc bá tước ra lệnh cho các trạm không được cung cấp ngựa cho thần dân đất Parme. Vì vậy tôi đã đi đến sông Pô với ngựa nhà. Nhưng từ dưới thuyền lên, xe tôi bị lật, gãy nát và tôi bị trật khớp, nặng đến nỗi không thể đi qua được đúng với bốn phận của tôi.

— Này! Nữ công tước đỡ lời. Bây giờ là ba giờ sáng tôi sẽ nói anh đến lúc trưa. Nhưng nhớ đừng nói khác tôi.

— Tôi biết bà lớn có lòng tốt, tốt lắm.

Chính trị ở trong một tác phẩm văn học là một phát súng ngăn giữa cuộc hòa tấu, một cái gì thô bạo, tuy nhiên không thể không đủ chú ý.

Chúng tôi sắp nói đến những việc xấu xa mà vì nhiều lẽ chúng tôi muốn im đi hơn; nhưng chúng tôi buộc phải đi vào những sự biến thuộc lĩnh vực chuyên môn của chúng tôi bởi vì sân khấu của nó là quả tim của các nhân vật.

— Nhưng lạ Chúa! Vị quận vương vĩ đại ấy qua đời như thế nào?

Nữ công tước hỏi Bruno.

— Ngài đi săn chim di cư ở các đầm dọc sông Pô, cách Sacca hai dặm. Ngài rơi vào một cái hố bị cỏ dại che khuất, ngài đổ mồ hôi nhiều và bị cảm lạnh; người ta khiêng ngài vào một cái nhà nhỏ lẻ loi hiu quạnh, ở đấy mấy tiếng đồng hồ sau, ngài tắt thở. Có những người khác nói rằng các ông Catena và Borone cũng chết, và tất cả tai nạn này là do mấy chiếc xoong đồng ở nhà người nông dân mà các ngài ghé vào, mấy chiếc xoong đồng này dính đầy chất tanh đồng. Các ngài đã ăn sáng ở đó. Sau hết, những đầu óc bốc đồng - những người Jacobins này họ muốn

gì thì kể này - những đầu óc đó nói đến thuốc độc. Tôi biết là người bạn của tôi. Toto, nhân viên tiếp liệu của triều đình, hẳn đã chết nếu không có sự sẵn sóc hào hiệp của một anh nhà quê, anh này có vẻ như hiểu biết về thuốc men lắm và đã chữa cho bạn tôi bằng những phương thuốc khác thường. Nhưng nay thì người ta không nói về cái chết của quận vương nữa; thực ra ông là một người tàn bạo. Khi tôi ra đi, dân chúng tụ tập lại để giết tên chánh án Rassi; người ta cũng muốn đốt các cửa thành để cố giải thoát cho tù nhân. Nhưng họ nói Fabio Conti đã bắn đại bác ra. Có những người khác bảo pháo binh rảy nước lên thuốc súng vì không muốn giết hại đồng bào. Tuy nhiên việc này thú vị hơn nhiều, trong khi viên thầy thuốc ở Sandolaro nắn chữa cánh tay cho tôi, một người từ Parme đến kể rằng dân chúng bắt gặp tên thư lại khét tiếng của ngục thành, tên Barbone, đã đập chết nó rồi mang xác nó đến treo ở công viên, trên cái cây gần ngục thành nhất. Dân chúng kéo đi đập phá pho tượng đẹp đẽ của quận vương dựng ở vườn ngự. Nhưng ngài bá tước đã lấy một tiểu đoàn cấm binh dàn trước pho tượng và bảo truyền cho nhân dân biết rằng kẻ nào đi vào vườn ngự sẽ không trở ra toàn mạng, và dân chúng đâm sợ. Vậy mà điều này mới thật lạ người từ Parme đến và là một cựu sen đầm đã kể đi kể lại với tôi nhiều lần, đó là việc ngài bá tước đá dít tướng P, người chỉ huy cấm binh, và ngài đã bảo hai pháo thủ dẫn tướng ấy ra khỏi vườn ngự sau khi lột hết cầu vai của ông ta.

— Bá tước là thế đấy, ta biết mà! Nữ công tước kêu lên với một niềm vui sướng bỗng bật, mà một phút trước đây chính bà không ngờ có thể có. Ông không bao giờ chịu để cho người ta làm nhục vương phi của chúng ta. Còn tướng P, vì trung thành với những người chủ chính thống, nên trước kia không khi nào muốn phụng sự kẻ thoái vị, chứ bá tước thì ít cao thượng hơn, bá tước đã tham dự tất cả những cuộc đình chiến ở Tây Ban Nha, điều này người ta thường viện ra để chỉ trích ông.

Nữ công tước bóc thư bá tước, nhưng chốc chốc lại ngừng đọc để hỏi Bruno hàng trăm câu hỏi.

Bức thư viết rất nhộn, bá tước dùng những lời lẽ bi thảm nhưng niềm vui sướng sôi nổi nhất toát lên từ mỗi chữ. Ông tránh nói chi tiết về cái chết của quận vương và kết thúc thư như sau:

“Chắc em sắp trở về, thần nữ yêu quý của tôi ạ! Nhưng tôi khuyên em hãy chờ một vài hôm người giao thông mà vương phi phái đi nội nhật hôm nay hoặc ngày mai thôi sẽ đến, tôi tin là như vậy.

Việc hồi triều của em phải huy hoàng cũng như việc xuất ngoại của em đã táo tợn. Còn cái tên đại tội phạm ở bên cạnh em đó thì tôi định sẽ cho đem nó ra xét xử giữa mười hai vị quan tòa từ các nơi trên đất nước này triệu về. Tuy nhiên, muốn trừng phạt con quái ấy cho xứng đáng tội trạng nó thì trước tiên tôi phải xé vụn cái bản án thứ nhất đi đã, nếu có bản án ấy”.

Bá tước lại viết thêm:

“Còn một việc khác nữa, tôi vừa phân phát đạn cho hai tiểu đoàn cấm binh, tôi sắp đánh nhau và sẽ cố gắng sao cho xứng với cái mệnh danh “Tên tàn bạo” mà bọn tự do đã đặt cho tôi từ lâu. Trong doanh trại, cái xác ướp lâu đời là tướng P dám nói đến việc thương thuyết với đám dân chúng sục sôi toan nổi loạn. Tôi viết thư cho em từ giữa đường phố. Tôi đến hoàng cung đây, kẻ nào muốn vào đó phải bước qua xác chết của tôi. Vĩnh biệt em! Nếu tôi chết, tôi vẫn cứ say đắm em như thường, cũng như khi tôi còn sống! Đừng quên rút ba trăm nghìn francs gửi theo tên em ở ngân hàng D tại Lyon.

Đây cái thằng quỷ Rassi tái nhợt như xác chết, đầu không mang tóc giả. Em không tưởng tượng mặt mày hắn đâu! Dân chúng nhất thiết muốn treo cổ hắn, làm như thế thiệt cho hắn quá, hắn xứng đáng được ngựa xé xác. Nó trốn trong lâu tôi rồi đeo theo đuôi tôi ở ngoài đường phố. Tôi không biết làm gì với nó... tôi không muốn dắt nó đến hoàng cung, làm thế là khiến cho cuộc nổi loạn bùng nổ ở phía ấy. F sẽ thấy tôi có yêu chú ta hay không. Câu đầu tiên tôi nói với Rassi là:

“Tôi cần có bản án xử ông Del Dongo cùng với tất cả những bản sao mà ông có thể có, ông hãy nói với bọn quan tòa bất công đó, chúng là nguyên nhân của cuộc nổi loạn này, là tôi sẽ cho treo cổ tất cả bọn chúng, cùng với ông nữa, ông bạn thân mến ạ, nếu chúng nhắc một tiếng thôi về cái bản án kia, bản án chưa bao giờ tồn tại. Nhân danh Fabrice, tôi phái một đại đội thủ pháo đến cho đức tổng giám mục. Vĩnh biệt em, nữ thần yêu quý! Dinh tôi sắp bị đốt và tôi sẽ mất những bức chân dung mê hồn của em. Tôi chạy đến cung điện để báo cách chức tướng P để tiện vì hắn đã làm những điều sỗ trường của hắn. Hắn nhìn dân chúng một cách hèn hạ cũng như ngày xưa hắn nhìn cổ hoàng thân. Tất cả bọn tướng ấy sợ hãi như chết, có lẽ tôi phải bảo cử tôi làm tổng tư lệnh mới xong”.

Nữ công tước ranh mãnh không cho đánh thức Fabrice, bà cảm thấy bùng dậy trong lòng một niềm kính phục đối với bá tước gần giống tình yêu: “Suy đi nghĩ lại cho cùng, ta lấy anh ấy là phải!” Bà tự nhủ như vậy và tức thì viết thư nói việc ấy với bá tước, bà cho một người nhà mang thư đi. Đêm ấy, bà không có phút nào rồi rỗi để buồn khổ.

Hôm sau vào trưa, bà thấy một chiếc thuyền có mười tay chèo rẽ nước lướt tới băng băng. Rồi Fabrice và bà nhận ra một người mặc đồng phục gia bộc nhà hoàng thân. Người đó đúng là một người liên lạc của quận vương, trước khi lên bờ anh hét lên cho nữ công tước nghe thấy: Cuộc nổi loạn đã yên! Hắn trao cho bà mấy bức thư của bá tước, một bức thư rất ân tình của vương phi và một sắc dụ của quận vương Ranuce Ernest V viết trên giấy da báo phong bà là nữ công tước San Giovanni và tổng quản nữ đại thần của thái phi. Vị thế tử trẻ tuổi uyên thâm về khoáng vật học mà nữ công tước cho là khờ dại đó, đã có ý tứ viết cho bà một lá thư nhỏ, nhưng có hơi hướng tình yêu ở đoạn cuối. Thư như sau:

“Thưa công tước phu nhân, bá tước nói người bằng lòng về tôi. Sự thực thì tôi đã phải chịu lửa bên cạnh ông và ngựa tôi trúng đạn, thấy chỉ có thể thôi mà người ta làm ầm lên, tôi rất muốn dự một trận đánh thực sự, nhưng không phải là đánh vào dân ta. Nhờ cả ở bá tước, những tướng tá của tôi không hề dự trận cho nên đã hành động như thỏ, hình như có hai ba tướng bỏ chạy đến tận Bologne. Từ khi một biến cố lớn và thảm thương đem lại quyền trị vì cho tôi, tôi chưa hề ký một sắc dụ nào thích thú bằng sắc dụ cử phu nhân làm tổng quản nữ đại thần của mẹ tôi. Đức thái phi và tôi nhớ là một hôm nào đó phu nhân ngắm say xưa cái cảnh San Giovanni của Pétrarque ngày xưa. Theo người ta bảo, mẹ muốn biếu phu nhân cái ấp nhỏ đó. Còn tôi không biết lấy gì để tặng phu nhân và không dám hiến dâng tất cả cái gì phu nhân đã có, tôi phong phu nhân tước nữ quận công ở nước tôi. Tôi không biết phu nhân có đủ uyên bác để biết rằng Sanseverina là một tước vị La mã hay không. Tôi vừa ban bằng nhất đẳng bội tinh nước ta cho đức tổng giám mục đáng kính, người đã tỏ ra có một sự cương nghị hiếm có ở những cụ già bảy mươi. Phu nhân đừng oán tôi đã triệu về tất cả những mệnh phụ lưu vong. Người ta bảo tôi từ nay chỉ ký tên sau khi viết những chữ thân ái. Tôi không ưa người ta bắt tôi không định bừa bãi một điều chỉ hoàn toàn đúng khi tôi viết cho phu nhân.

Thân ái

Ranuce Ernest

Theo lời lẽ trong thư, ai không nói rằng bà công tước sắp được hưởng ân sủng cao nhất? Tuy vậy bà thấy có cái gì khác thường trong mấy bức thư của bá tước mà bà nhận được hai giờ sau. Ông không nói gì khác một cách rõ ràng nhưng khuyên bà hãy hoãn việc trở về Parme ít hôm và viết thư cho thái phi nói mình đang mệt nhiều. Nhưng nữ công tước và Fabrice vẫn lên đường sau bữa ăn trưa. Mục đích của bà công tước là thúc đẩy cuộc hôn nhân của hầu tước Crescenzi, tuy bà không tự thú với mình như vậy, về phần Fabrice thì anh sung sướng như điên trong khi đi đường, khiến bà công tước thấy quá lỗ bịch. Anh hy vọng gặp Clélia nay mai, anh tính đến việc bắt cóc cô, dù trái ý cô, nếu chỉ còn có cách ấy để hủy bỏ cuộc hôn nhân.

Hành trình của cô cháu nữ công tước diễn ra rất vui vẻ. Đến một trạm gần Parme, Fabrice dừng lại một lát để thay áo quần cổ đạo, lúc thường ăn mặc như một người có tang. Khi anh trở

vào phòng bà công tước, bà nói:

— Cô thấy có cái gì mập mờ và khả nghi trong các bức thư của bá tước. Anh hãy nghe cô, nán lại đây ít tiếng đồng hồ. Cô sẽ phái người đến báo tin cho anh ngay sau khi cô đã trao đổi ý kiến với ông thượng thư tài giỏi ấy.

Cái ý kiến hợp lý ấy, Fabrice nghe theo một cách rất miễn cưỡng. Bá tước tiếp đón nữ công tước với những biểu hiện vui mừng bông bột như của một đứa trẻ mười lăm và gọi bà là vợ. Mãi ông vẫn không chịu nói về tình hình chính trị. Nhưng chung qui rồi cũng phải đi đến cái chuyện buồn đó:

— Em cản, không cho Fabrice trở về một cách công khai là phải lắm. Ở đây đang trong giai đoạn tối phản động. Em thử đoán xem quận vương cho anh bạn đồng nghiệp nào của tôi giữ ghế bộ trưởng thái phi, một người cứ mỗi tháng một đôi lần mắng hằn: “Im đi! Gonzo, anh chỉ là một con lừa”.

Là tôi chưa xé được bản án xử Fabrice bởi cái lẽ trọng đại là tên bọm Rassi không đưa cho tôi. Cho nên phu nhân không cho Fabrice công khai trở về là phải lắm. Bản án vẫn luôn luôn có hiệu lực. Tuy nhiên, tôi không tin rằng tên Rassi dám cho bắt cháu chúng ta hôm nay, mười lăm hôm nữa nó dám đấy. Nếu Fabrice khẳng khái đòi về thành phố thì hãy bảo nó đến ở nơi tôi.

— Nhưng vì sao lại xảy ra như thế? Nữ công tước lấy làm lạ kêu lên.

— Người ta dèm pha với tân vương là tôi lên mặt độc tài, cứu tinh của tổ quốc và tôi muốn dắt mũi ngài như một chú bé, hơn thế, khi nói về ngài tôi đã thốt lên cái tiếng tai hại: Chú bé ấy.

Việc đó có thể có thật, ngày hôm đó tôi bông bột quá, chẳng hạn tôi thấy tân vương là một người vĩ đại bởi vì người khá gan dạ trước những tiếng sùng đầu tiên mà người nghe thấy trong đời. Vương không kém thông minh, vương còn có phần phong nhã hơn bố, tóm lại tôi luôn luôn nói rằng bản chất tân vương tốt và lương thiện, nhưng tấm lòng chân thật và trẻ trung ấy co rúm lại khi người ta kể cho nghe một mảnh khốe bắt lương và nghĩ rằng người nào đã nhận thay những điều như vậy thì chắc là tự mình cũng phải có một tâm hồn tối tăm, cũng phải biết ông được giáo dục như thế nào!...

— Đáng lẽ trước đây tướng công phải nghĩ rằng một ngày kia thế tử sẽ là vương chủ và bố trí bên cạnh ông là một người thông minh.

— Trước hết chúng ta có cái gương của ông abbé Condillac, được người mà tôi kể vị, hầu tước Felino mới, ông abbé chỉ làm cho người học trò của mình trở nên một ông chúa khờ. Ông ta đi vào các đám rước thánh thể và năm 1796 ông không biết thương lượng với tướng Bonaparte, nếu biết thương lượng thì tướng Bonaparte sẽ làm cho đất nước ông ta rộng lớn gấp ba. Thứ nữa, tôi không hề nghĩ rằng tôi sẽ làm bộ trưởng mười năm liền. Bây giờ chán ngấy tất rồi, chán từ một tháng nay, tôi muốn cóp nhặt một triệu trước khi bỏ mặc cái chợ tôm cá mà tôi đã giải cứu này tự xoay sở lấy. Không có tôi, Parme hẳn đã trở thành một nước cộng hòa trong hai tháng với nhà thơ Ferrante Palla làm lãnh tụ độc tài. Cái câu ấy khiến cho nữ công tước đỏ mặt xấu hổ, thì ra bá tước không hay biết tí gì cả.

Chúng ta sắp trở lại chế độ quân chủ thông thường của thế kỷ XVIII với một cha rửa tội và một ả nhân tình bên cạnh vua. Thật ra hoàng thân chỉ yêu khoáng sản học và yêu phu nhân nữa có lẽ. Từ khi ông ấy trị vì, người hầu phòng của ông, em người này mới tại ngũ chín tháng đã được tôi thăng đại úy, người hầu phòng ấy đã tìm được cách làm cho ông tin rằng ông sung sướng hơn ai hết vì hình trông nghiêng của ông sẽ hiện trên đồng écu. Khi cái niềm tin đẹp đẽ ấy mờ nhạt đi thì ông đâm buồn chán.

Bây giờ ông cần một phụ tá như là một vị thuốc giải buồn. Ấy! Dù Điện hạ có ban cho tôi cả

triệu francs cần thiết để chúng ta sống đàng hoàng ở Naples hay Paris chẳng nữa, tôi cũng không muốn làm phương thuốc giải buồn cho Điện hạ và mỗi ngày chung đụng với Điện hạ bốn năm tiếng đồng hồ. Vả chẳng vì tôi thông minh hơn ngài cho nên một tháng sau ngài sẽ coi tôi là một quái vật.

Quận vương quá cố ác và ghen tị, nhưng ngài đã chiến đấu ở chiến trường, từng chỉ huy những liên sư, cho nên có tư thế. Người ta tìm thấy cốt cách vương giả ở ngài vì vậy tôi có thể là thủ tướng tốt hay xấu bên cạnh ngài, với cái ông con lương thiện và tốt bụng này, tôi bắt buộc phải thành người mưu mô xúc xiểm. Tôi sẽ biến thành đối thủ của bất kỳ người phụ nữ hạng bét nào trong hoàng cung, và đối thủ quá kém thế bởi vì tôi coi thường hàng trăm chỉ tiết cần thiết. Chẳng hạn cách đây ba hôm, một trong những phụ nữ mới buổi sáng đi phát khăn trắng cho các phòng đã nảy ý làm cho hoàng thân mất chiếc chìa khóa của một bàn giấy kiểu Anh. Chỉ vì thế mà Điện hạ không chịu xét về những vụ mà giấy tờ nằm trong bàn giấy đó. Đúng ra là với hai mươi quan, ta có thể bảo thợ cạy những tấm ván ra, hoặc là dùng chìa khóa đánh tạm. Nhưng quận vương Ranuce Ernest V nói với tôi là làm như thế là tập những thói xấu cho anh thợ khóa của triều đình. Cho tới hôm nay, ông hoàn toàn không thể giữ nguyên một ý định ba ngày liền. Giá ông hoàng trẻ này ra là một ngài hầu tước gì đấy giàu có, ông sẽ là một người đáng mến ở triều đình, một Louis XVIII[112]. Nhưng ngay thơ một cách thành tâm như vậy, làm sao ông chống nổi cảm bầy tinh vi bủa vây quanh mình? Bởi vậy phòng khách của người kinh địch với phu nhân, mụ Raversi đã trở nên có thể lực hơn bao giờ hết. Ở đây người ta khám phá ra tôi là một người tự do điên cuồng, tôi muốn buộc quận vương phê ký một hiến pháp, và trăm thứ xuẩn ngốc tương tự, trong khi tôi ra lệnh bắn vào dân chúng và kiên quyết thả chết ba nghìn người nếu cần, chứ không dành để cho người ta xúc phạm tương đài vị quận vương đã từng là chủ của tôi. Họ nói: Với những chuyện công hòa ấy bọn điên rồ rồi sẽ không cho ta hưởng thụ chế độ vương quyền tốt đẹp nhất này[113]... tóm lại, thưa phu nhân, phu nhân là người duy nhất trong đảng tự do hiện tại, mà bọn thù địch bơm tôi lên làm thủ lĩnh, người duy nhất mà hoàng thân không nói đến nó những lời lẽ khó chịu. Đức tổng giám mục luôn luôn là người đứng đắn, nhưng vì nói về những việc tôi làm trong ngày tai hại bằng những lời lẽ phải chăng, cho nên đang ở trong tình trạng thất sủng nghiêm trọng.

Sáng hôm sau cái ngày lúc bấy giờ chưa có tên là tai hại đó, khi cuộc nổi loạn vẫn còn là một thực tại, hoàng thân nói với đức tổng giám mục là để cho phu nhân khỏi phải mang một tước vị thấp hơn khi lấy tôi, hoàng thân sẽ phong cho tôi tước công. Ngày nay tôi tin rằng Rassi, mà tôi phong quý tộc khi hắn bán những bí mật của tiên vương cho tôi, chính Rassi sẽ được tước bá.

Bên cạnh sự thăng quan tiến chức đó, tôi đóng vai một anh thộn. Và ông hoàng tội nghiệp sẽ rơi xuống bùn như.

Đúng vậy. Nhưng ông vẫn là chủ soái, tính chất đó sẽ xóa sạch sự lố bịch buồn cười trong vòng mười lăm hôm. Thôi thì phu nhân thân mến ạ, ta hãy làm như khi đánh súc sắc, ta cuốn gói thôi.

— Nhưng chúng ta có giàu có gì cho cam!

— Thực ra, cả phu nhân và tôi đều không cần xa hơn. Nếu đến Naples mà phu nhân cho tôi một chỗ ngồi trong buồng lô nhà hát San Carlo và một con ngựa thì tôi thỏa mãn lắm rồi. Không phải vì xa xỉ người hay ít mà phu nhân và tôi có vị thứ trong xã hội, mà vì sự thích thú của những người hiểu biết đến uống chén trà ở nhà chúng ta.

— Thế nhưng, nữ công tước đáp, điều gì sẽ xảy ra trong ngày tai hại nếu bá tước không nhúng tay vào như em hy vọng bá tước sẽ làm thế trong tương lai?

— Quân đội sẽ kết luận với dân chúng, sẽ có ba ngày giết chóc và đốt phá (bởi vì cần phải một trăm năm nữa thì ở xứ này chế độ cộng hòa mới hết là một sự phi lý) rồi mười lăm ngày cướp bóc cho đến khi có hai hay ba trung đoàn do nước ngoài cung cấp đến kìm lại. Ở giữa quần chúng Ferrante Palla dũng cảm và điên cuồng như thường lệ. Có lẽ anh ta có chừng một tá

bạn hữu phối hợp với anh ta, do đó Rassi sẽ dựng lên một vụ phiến loạn lòng lầy. Điều chắc chắn là Palla thì quần áo rách rưới không thể tưởng tượng được, mà vàng thì lại phân phát đầy tay.

Nữ công tước lòng đầy say sưa khâm phục trước những tin tức ấy, vội vã đi cảm tạ thái phi.

Khi phu nhân vào phòng, bà mệnh phụ lo về trang phục trao cho phu nhân chiếc chìa khóa con bằng vàng mà người ta mang ở thắt lưng, biểu tượng của uy quyền tối cao ở phần cung điện thuộc quyền thái phi, Clara Paolina vội vàng xua mọi người ra khỏi phòng. Khi còn một mình với bà bạn thái phi chỉ nói úp mở một hồi, không có gì rõ ràng cả. Nữ công tước không hiểu sao nên cũng chỉ trả lời dè dặt. Cuối cùng thái phi khóc òa và ngã vào vòng tay của nữ công tước. Bà kêu lên:

— Thời hỏa hoạn của tôi sắp trở lại, con tôi đối xử với tôi còn tệ hơn bố nó.

— Đó là điều tôi phải chặn đứng! Nữ công tước hăng hái đáp. Tuy nhiên trước hết tôi cần được Công nương anh minh hạ cố tiếp nhận lòng biết ơn trọn vẹn và lòng thành kính sâu sắc của tôi.

— Phu nhân nói gì thế? Thái phi chợt dạ hỏi, lòng thấp thỏm lo nữ công tước từ chức.

— Nội là hễ khi nào Công nương cho phép tôi quay cái cảm rung rinh của ông phổng trên bề sươi kia về bên phải thì đồng thời cũng xin Người cho phép tôi gọi sự việc bằng tên thật của nó.

— Chỉ có thể thôi ư, công tước phu nhân thân mến? Clara Paolina kêu lên và đứng dậy đi nhanh đến bên cái tượng, tự tay chữa cho nó ngay ngắn.

- Bà tổng quản đại thần của tôi cứ tha hồ nói, thái phi bảo với giọng điệu rất dễ yêu.

— Thưa Công nương! Nữ công tước nói, Công nương đã thấy rõ tình thế chúng ta, Công nương và tôi đang lâm vào cảnh nguy hiểm nhất, bản án kết tội Fabrice chưa được hủy bỏ, vì thế ngày nào họ muốn gạt bỏ tôi và làm nhục Công nương thì họ bắt nó vào tù lại. Chỗ đứng của chúng ta xấu hơn lúc nào hết về phần tôi, tôi kết hôn với bá tước Mosca và chúng tôi sẽ đến ở Naples hoặc Paris. Sự bạc bẽo của người ta đối với bá tước hiện nay đã khiến ông hoàn toàn tởm lợm công vụ và nếu không vì quyền lợi của Công nương thì tôi chỉ khuyên bá tước ở lại trong cảnh hồ lốn này khi nào tân quận vương ban cho ông một số tiền lớn. Tôi xin phép được giải thích cho Công nương thấy rằng khi bá tước xuất chính, ông có một trăm ba mươi nghìn francs thì giờ đây ông cũng chỉ mới có được hai mươi nghìn francs thực lợi mà thôi. Đã từ lâu, tôi thôi thúc ông nghĩ tới gia sản, nhưng đều hoài công. Trong khi tôi vắng mặt, ông kiếm chuyện với bọn trung thần thuế khóa của hoàng thân, chúng là những tên ăn cắp, ông thay thế chúng bằng những tên ăn cắp khác, những tên này đã biểu ông tám trăm nghìn francs.

— Thế ư? Thái phi sừng sốt kêu. Trời ơi! Tôi bực về chuyện này quá!

— Thưa Công nương, nữ công tước rất bình tĩnh nói, có nên quay mũi ông phổng về bên trái không ạ?

— Không đâu, lạy Chúa! Nhưng tôi bực vì nổi một người tư cách như bá tước lại nghĩ đến cách kiếm chác ấy!

— Nếu không ăn cắp như thế thì đã bị tất cả những người lương thiện khinh bỉ.

— Trời ơi! Có thể như thế được chăng?

— Thưa Công nương, nữ công tước đáp, trừ người bạn tôi, hầu tước Crescenzi, anh ta có ba hay bốn trăm nghìn francs lợi tức, còn thì ai ở đây cũng ăn cắp hết. Làm thế nào để khi ăn cắp ở

một xứ mà lòng biết đối với những công trạng lớn nhất không lâu bền được tròn một tháng? Cho nên chỉ có tiền bạc là thực, là sống sót sau sự thất sủng.

- Tôi sẽ mạn phép nói những sự thật dữ dội đấy, thưa Công nương.

— Tôi cho phép phu nhân. Tôi ấy, thái phi thở dài nảo nuốt nói, tuy những sự thật ấy làm tôi day dứt khó chịu lại.

— Thế thì thưa Công nương, hoàng thân lệnh nam là một người rất mực lương thiện nhưng ngài có thể làm khổ Công nương còn hơn Tiên vương. Tiên vương có bản lĩnh gần như mọi người. Vương chủ ngày nay không chắc giữ được một ý định ba hôm liền. Vì vậy muốn tìm ở Người, phải luôn sống bên cạnh Người và đừng để Người nói chuyện với kẻ khác. Vì chân lý đó không khó tìm ra cho lắm, cho nên đảng cực đoan mới, do hai đầu óc cứng cỏi điều khiển, là Rassi và nữ hầu tước Raversi, sẽ tìm cách đem đến cho hoàng thân một ả nhân tình. ả nhân tình ấy được phép làm giàu và phân phát một số chức vụ hạ cấp, nhưng ả phải bảo đảm với đảng về ý chí kiên định của vương chủ.

Muốn được ngồi vững vàng ở vị trí của mình tại triều đình Công nương, tôi cần phải thấy Rassi bị phát lưu và thóa mạ công khai, tôi còn muốn Fabrice được xét xử bởi những quan án lương thiện nhất mà ta có thể tìm thấy, nếu các quan án ấy công nhận.

Như tôi hy vọng rằng Fabrice vô tội, thì lẽ tự nhiên phải chuẩn y cho đức tổng giám mục cử nó làm phó chủ giáo với quyền thừa kế. Nếu tôi thất bại, bá tước và tôi sẽ rời bỏ nơi đây. Lúc ấy tôi sẽ để lại cho Công nương cao quý lời khuyên này: Công nương không bao giờ nên tha thứ cho Rassi và cũng đừng bao giờ xa rời đất nước của tự quân. Nếu Công nương cứ ở bên cạnh ông con ngoan ấy thì Người sẽ không làm gì thiệt hại cho Công nương lắm đâu.

— Tôi theo dõi lập luận của phu nhân với tất cả sự chú ý cần có, thái phi mỉm cười đáp. Thế thì tôi có cần lo kiếm cho con tôi một nhân tình hay không?

— Không, thưa Công nương, nhưng trước tiên xin hãy làm cho phòng khách của Công nương trở thành phòng khách duy nhất mà tự quân vương vui chơi thích thú.

Câu chuyện kéo dài vô tận trên hướng đó, vảy cá rơi khỏi mắt bà vương phi trong trắng và hóm hỉnh.

Một người liên lạc của nữ công tước đến báo cho Fabrice biết là anh có thể vào thành phố nhưng phải giấu mặt. Fabrice vào thành phố nhưng khó gặp lắm. Suốt ngày anh cải trang làm một người nông dân ở trong lều ván của một người bán hạt dẻ, ở ngay trước cổng ngục thành, dưới hàng cây công viên.

CHƯƠNG XXIV

Nữ công tước tổ chức những dạ hội mê hồn ở cung điện, nơi đây chưa bao giờ được thấy nhiều hoan hỉ như vậy. Phu nhân cũng chưa bao giờ đáng yêu như trong mùa đông này, tuy bà đang sống giữa cảnh nước sôi lửa bỏng. Cũng phải nói là trong mùa đông bấp bênh đó, bà chưa có đến hai lần nghĩ ngợi một cách âu sầu khổ sở về sự thay đổi lạ lùng của Fabrice. Ông hoàng thân trẻ đến các buổi dạ hội của mẹ rất sớm, và bà mẹ luôn luôn bảo con:

— Vương nhi đi đi mà trị nước. Ta cam đoan ở trên bàn giấy của vương nhi có hơn hai mươi biểu cáo đợi được chuẩn hay bác bỏ và ta không muốn Châu Âu vu cho ta làm cho con ta trở nên một ông vua lười biếng, để trị vì thay con.

Những ý kiến đó thất thế ở chỗ cứ được đưa ra không đúng lúc tí nào, vào khi mà Điện hạ đã chiến thắng được rút rè e ngại, sắp tham gia một trò vui lạ mà người lấy làm thích thú. Mỗi tuần hai lần, có những cuộc dã ngoại mà nữ công tước cho những phụ nữ xinh đẹp nhất trong giới thị dân tham dự, lấy cớ là phải thu phục lòng tin yêu của dân chúng cho quận vương. Là linh hồn của những hội vui ấy, nữ Công tước hy vọng là một trong số những nữ thị dân xinh đẹp thêm khát ghê gớm cái số đỏ của thị dân Rassi đó, sẽ có một người bộc bạch với hoàng thân một trong những trò vô lại đầy rẫy của hắc. Thế mà hoàng thân thì trong một ảo tưởng thơ ngây, cứ mơ được có một nội các đạo đức.

Rassi quá đủ tinh ý để cảm thấy những dạ hội huy hoàng ở sân châu bà thái phi, do kẻ thù của hắc điều khiển, nguy hiểm cho hắc đường nào. Hắc đã không muốn trao bản án rất hợp thức về Fabrice cho bá tước Mosca, thì giữa nữ công tước và hắc phải có một người lui khỏi triều đình.

Cái hôm dân chúng biến động. Những người lịch sự bây giờ nói không hề có việc ấy. Dân chúng có được phát tiền. Rassi xuất phát từ điểm đó, hắc ăn mặc lôi thôi hơn cả lệ thường của hắc, tới những nhà tồi tàn nhất trong thành phố, ngồi nói chuyện đoàn hoàng với những người nghèo khó ở đấy hàng giờ, cố gắng nhiều như vậy nên hắc đã được đền công, sau mười lăm hôm sống theo kiểu ấy, hắc đã xác định Ferrante Palla là người bí mật cầm đầu cuộc bạo động, còn hơn thế nữa, con người suốt đời nghèo nàn như một đại thi sĩ, con người ấy lần này đã bán chín mươi hai kim cương ở Gênes.

Thiên hạ nói riêng viên ngọc quý trọng đó, thực giá đã hơn bốn nghìn quan, mười hôm trước ngày hoàng thân qua đời, người ta đã nhượng với giá ba mươi lăm nghìn, bởi vì người ta nói người ta cần tiền.

Làm sao diễn tả được niềm hân hoan sôi nổi của quan thượng tư pháp khi phát hiện ra điều này? Quan nhận thấy hàng ngày, người ta bêu dếu quan ở sân châu bà thái phi và nhiều lần hoàng thân đã cười phả vào mặt quan với tất cả sự thật thà của tuổi trẻ, trong khi bàn việc triều chính. Cũng phải thú nhận là Rassi có những lễ thói hạ đẳng một cách lạ lùng, chẳng hạn khi cuộc bàn cãi khiến chú ý, hắc khuynh chân lại và đưa tay nắm chiếc giày, nếu lại càng hấp dẫn thì hắc trái chiếc khăn tay vải điều lên đùi, v.v. Hoàng thân đã có lúc cười ngặt nghẽo nhân trò đùa của một thị dân xinh đẹp, cô này vốn biết chân mình rất xinh, nên nhại cử chỉ tao nhã của quan thượng tư pháp.

Rassi được tiếp kiến bất thường và bầm với hoàng thân:

— Điện hạ có vui lòng bỏ ra mười vạn quan để biết cho rõ được tiên linh qua đời như thế nào hay không? Với số tiền ấy, ngành tư pháp sẽ được huy động để bắt bọn tội phạm, nếu có.

Quận vương trả lời thế nào, chắc ai cũng đoán được.

Ít lâu sau, Chékina báo cho nữ công tước hay có người hứa cho cô một số tiền lớn nếu cô cho

họ xem kim cương của bà chủ, cô từ chối một cách phần nộ. Phu nhân mắng có hầu phòng sao lại từ chối và tám hôm sau, Chékina đưa kim cương cho người đó xem. Đến hôm giao hẹn, cứ mỗi một người thợ kim hoàn của thành phố Parme thì bá tước Mosca cho hai thủ hạ tin cẩn theo dõi và vào khoảng nửa đêm, ông đến nói với nữ Công tước người thợ kim hoàn tọc mạch họ là em Rassi chứ không ai khác. Nữ công tước tối hôm đó rất vui vẻ (ở cùng điện diễn một vở kịch dell'arte [\[114\]](#) tức là một vở trong đó mỗi nhân vật diễn đến đâu tự đặt ra lời đối thoại đến đó, ở hậu trường chỉ niêm yết bản dàn ý kịch bản mà thôi), bà đóng vai một nữ nhân vật đó lại là bá tước Baldi, người tình cũ của nữ hầu tước Raversi, mục ta cũng có mặt tại đó. Hoàng thân là người rụt rè nhất trong nước nhưng lại rất đẹp trai và đa tình, hoàng thân nghiên cứu vai trò của bá tước Baldi và muốn thủ vai ấy khi vở được diễn lần thứ hai.

— Tôi vội lắm, nữ công tước nói với bá tước, vì tôi phải ra trò ngay ở xen thứ nhất của hồi hai. Chúng ta hãy qua phòng lính gác đi!

Ở đấy, giữa hai mươi cấm vệ binh ai cũng tỉnh như sáo và rất chăm chú nghe những lời nói của ngài thủ tướng và bà lớn tổng quản đại thần, nữ công tước cười nói với bạn.

— Anh cứ mắng tôi khi tôi nói những bí mật một cách vô ích, Ernest được lên ngôi là nhờ tôi đấy, vấn đề là phải trả thù cho Fabrice mà ngày ấy tôi yêu hơn bây giờ không biết bao nhiêu, dù là yêu trong sạch. Tôi thừa biết anh không tin ở sự trong sạch đó tí nào, nhưng cần gì, bởi vì anh vẫn cứ yêu tôi bất chấp những tội ác của tôi. Vâng! Đây là một tội ác thực sự, tất cả kim cương của tôi, tôi mang cho một chàng điên thuộc lại rất ngỗ nghịch tên là Ferrante Palla, tôi lại còn ôm hôn nó nữa để cho nó giết cái người muốn đầu độc Fabrice. Có hại gì kia chứ.

— Ái chà! Thì ra Ferrante lấy tiền ở đấy để gây cuộc bạo động! Bá tước hơi sững sốt nói. Thế mà phu nhân thuật tất cả những cái đó ở ngay phòng gác này!

— Vì tôi vội mà, còn Rassi thì đã đánh hơi thấy dấu vết tội phạm. Nhưng đúng là tôi không hề nói tới bạo khởi vì tôi ghê tởm bọn Jacobins. Anh hãy suy nghĩ về vụ này đi, rồi cho tôi biết ý kiến sau khi vở kịch diễn xong.

— Tôi nói ngay với phu nhân là phải làm cho hoàng thân cảm phu nhân.... Nhưng cần phải lương thiện.

Người ta gọi là nữ công tước ra trò, bà chạy đi.

Mấy hôm sau bà công tước nhận được từ trạm bưu điện một cái thư lớn, lối lằng, ký tên một thị hầu phòng cũ của bà. Chị ấy xin một chỗ làm ở cung điện, nhưng vừa nhìn qua, phu nhân đã thấy ngay không phải nét chữ, cũng không phải lời van của chị ấy. Khi giở đọc trang hai, bà thấy rơi xuống chân một bức vẽ phép màu của Đức Mẹ, gấp trong tờ sách in cũ. Nhìn lướt qua tấm hình xong bà đọc mấy dòng trên tờ sách in cũ kỹ. Mắt bà sáng lên, bà đọc thấy:

“Người dân ủy phận một trăm quan mỗi tháng, không lấy hơn, số còn thừa người ta muốn dùng để nhen nhóm lại ngọn lửa thiêng liêng trong những tâm hồn đã nguội lạnh vì ích kỷ. Con cáo theo dấu tôi, vì thế tôi không tìm cách gặp lại người kính yêu một lần cuối. Tôi tự hỏi nàng không thích chế độ cộng hòa, mà nàng thì hơn ta về trí tuệ lẫn duyên dáng và dung nhan. Và chẳng làm sao thiết lập được chế độ cộng hòa trong khi không có những con người cộng hòa? [\[115\]](#) Tôi có nhầm không? Trong sáu tháng nữa tôi sẽ cầm kính hiển vi đi rong khắp các thành phố nhỏ ở Mỹ, đi bộ, và sẽ xem còn nên yêu kẻ tình địch duy nhất của phu nhân ở trong lòng tôi hay không. Thừa Công tước phu nhân, nếu phu nhân nhận được thư này mà không có con mắt phạm tục nào đọc trước phu nhân thì xin phu nhân hãy cho bẻ gãy một trong các cây tần bì tơ trồng cách hai mươi bước nơi tôi đánh bạo ngỏ lời với phu nhân lần đầu tiên. Thấy ám hiệu ấy, tôi sẽ bảo chôn dưới gốc cây trường thành lớn trong khu vườn mà phu nhân có một lần chú ý trong những ngày hạnh phúc của tôi, chôn một cái hộp chứa thứ thường làm cho những người cùng chính kiến với tôi bị vu cáo. Hẳn là tôi đã tránh viết thư nếu như con cáo không theo dấu tôi và không thể lần lên tới thiên tiên, mười lăm hôm nữa, hãy xem cây trường thành”.

— Anh ấy có một nhà in để sử dụng, nữ công tước tự nhủ, thì rồi ít lâu nữa chúng ta sẽ có một tập thơ, chỉ có Chúa biết cái tên anh chàng dùng để gọi ta trong đó.

Bà công tước dỏm dáng muốn làm một cuộc thể nghiệm, bà thấy khó ở mắt tám hôm, và triều đình không có một tối nào vui vẻ. Trong buổi đầu thời góa bụa, vì sợ con, thái phi phải làm những việc ngày nay và còn lấy làm bức mình, cho nên trong tám ngày đó, bà đến ở một nhà tu kín gần liền với cái nhà thờ có mộ cổ quận vương. Vì những tối vui bị gián đoạn, hoàng thân được rồi rãi quá và uy tín của vị bộ trưởng tư pháp bị giảm sút đáng kể. Ernest ý thức được cảnh buồn chán của ông nếu nữ công tước rời bỏ triều đình, hoặc là chỉ ngừng đem sự vui vẻ đến cho nó. Các tối vui thể là tái diễn và hoàng thân ngày càng thấy thích thú với những kịch chương. Ông dự định đóng một vai nhưng không dám thú thật tham vọng đó. Một hôm, mặt đỏ dừ vì e thẹn, ông nói với bà công tước:

— Tôi cũng đóng vai được chứ?

— Tất cả chúng tôi đều ở dưới quyền điều khiển của Điện hạ. Nếu ngài hạ cố ra lệnh, tôi sẽ chuẩn bị đề cương một vở kịch trong đó những cảnh huy hoàng có Điện hạ thủ vai đầu

— Có tôi cũng đóng!

— Vì những lúc đầu, ai thủ vai cũng có chút ít ngớ ngàng, nếu Điện hạ chú ý nhìn tôi, tôi sẽ nhắc cho Điện hạ những lời Điện hạ cần nói.

Tất cả đều được sắp đặt và xếp đặt một cách tài tình vô hạn. Hoàng thân rút rè e thẹn lấy làm xấu hổ về tính rút rè e thẹn của mình, bà công tước làm hết cách để cho vị quận vương trẻ tuổi khỏi phải tủi hổ về tính rút rè bẩm sinh của mình và điều đó gây ấn tượng sâu sắc cho hoàng thân.

Ngày hoàng thân ra mắt, cuộc trình diễn bắt đầu nửa tiếng đồng hồ sớm hơn thường lệ và khi đi sang phòng diễn thì chỉ có chín mươi bà lớn đứng tuổi lúc đó đang ở phòng khách theo sang. Những bộ mặt đó không làm cho hoàng thân ngại và lại được nuôi học ở Munich theo những nguyên lý quân quyền chính cống, các bà lúc nào cũng vỗ tay hoan hô. Dùng quyền lực tổng quản đại thần, nữ công tước khóa trái cái cửa dành cho các triều thần hạng thường vào xem trò. Có khiêu vũ chương và gương mặt tuần tú, hoàng thân diễn những cảnh đầu rất thành công, ông lập lại một cách thông minh những câu ông đọc thấy trong mắt bà công tước hoặc là nghe bà nhắc khẽ trong mồm. Nhân dịp các khán giả thừa thốt vỗ tay sôi nổi, bà công tước ra hiệu, tức thời hai cánh cửa chính mở toang và trong nháy mắt, tất cả những phụ nữ xinh đẹp nhất trong triều ulla vào chiếm hết cả phòng diễn, thấy diện mạo hoàng thân dễ ưa, dáng người hơn hở, họ vỗ tay vang dội, hoàng thân đỏ mặt vì sung sướng. Ông đóng vai một người say mê nữ công tước. Được một lúc, thì không những không cần mách lời đối đáp cho hoàng thân, bà buộc lòng phải bảo ông rút ngắn các xen, ông nói chuyện yêu đương với một bà bông bột nhiều khi làm cho nữ diễn viên lúng túng. Lời đối đáp của ông kéo dài đến năm phút. Bà công tước không còn là người đẹp lộng lẫy năm qua, việc tử tội của Fabrice và còn hơn thế, cảnh “đồng thuyền dị mộng” trên hồ Majeur với chàng trai im lặng và buồn bã đã chất chồng thêm mười tuổi lên người nàng Gina xinh đẹp. Nét mặt nàng hằn sâu, cổ vẻ tăng chất suy tư nhưng giảm phần tươi mát.

Gương mặt nữ công tước giờ đây ít khi rạng niềm vui tươi của xuân, nhưng trên sân khấu, có son phấn và kỹ thuật hóa trang của người nữ diễn viên trợ giúp, phu nhân vẫn là người xinh đẹp nhất ở triều đình. Những lời đối thoại say sưa của hoàng thân khiến quần thần chú ý, buổi tối hôm đó, mọi người đều nói: Nàng Balbi của triều đại mới này đây rồi! Bá tước trong thâm tâm lấy làm bất bình. Vở diễn xong, nữ công tước nói với hoàng thân, trước mặt triều đình:

— Điện hạ diễn hay quá mức, người ta sắp đồn là Điện hạ cảm một người đàn bà ba mươi

tám tuổi, điều đó làm lỡ cuộc hôn nhân của tôi với bá tước cho mà xem. Vì vậy, tôi không đóng kịch với Điện hạ nữa trừ khi Điện hạ thề là sẽ nói năng với tôi như với một người đàn bà đứng tuổi, như với hầu tước phu nhân Raversi chẳng hạn.

Cảnh đó được diễn đến ba lần và hoàng thân say sưa vì hạnh phúc. Nhưng có một tối, ông tỏ ra rất lo âu. Bà lớn tổng quản lý nói với thái phi:

— Nếu tôi không lầm thì gã Rassi đang tìm cách chơi thầy trò ta một vỏ đầu dây. Tôi đường đột dám khuyên Công nương ra lệnh tối mai lại diễn trò. Quận vương sẽ diễn tời và trong cơn thất vọng chắc Người sẽ bộc lộ với Công nương một cái gì.

Đúng như vậy, tối đó hoàng thân diễn rất tồi, Ngài nói lí nhí nghe không rõ và không biết kết thúc câu kéo của mình như thế nào. Cuối hồi thứ nhất, ngài suýt phát khóc. Nữ công tước đứng bên cạnh nhưng cứ lạnh lùng, yên lặng. Được đứng một mình giây lát với phu nhân trong buồng diễn viên, hoàng thân kéo cửa lại, rồi nói:

— Tôi không thể nào tiếp tục diễn hồi hai và hồi ba, tôi không muốn được người ta hoan hô vì nhĩa ý, những tiếng vỗ tay vì tôi tối hôm nay như xé tim tôi. Phu nhân nên bảo tôi nên làm thế nào?

— Tôi sẽ tiến ra phía trước sân khấu, nghiêng mình sát đất chào Điện hạ, rồi quay sang chào khán giả y như một chủ gánh hát thực sự và tôi sẽ nói diễn viên đóng vai Lelio bị một đột ngột, buổi biểu diễn sẽ kết thúc bằng mấy bài ca nhạc. Bá tước Rusca và cô bé Ghisolfi sẽ sượng rơn người khi được giới thiệu cái giọng chua như dấm của họ với những khán giả sang trọng như thế này. Hoàng thân cầm bàn tay nữ công tước lên hôn một cách nồng nhiệt và nói:

— Sao phu nhân không là đàn ông nhỉ? Là đàn ông thì tôi sẽ nhận được một lời khuyên bảo tốt đẹp. Rassi vừa đặt lên bàn giấy tôi một trăm tám mươi hai tờ cung khai về những kẻ coi là đã hạ sát phụ vương. Ngoài các tờ cung, còn có một bản cáo trạng dài trên hai trăm trang, tôi phải đọc tất cả những thứ ấy, ngoài ra tôi đã hứa không hở gì cho bá tước biết cả.

Việc này đưa thẳng đến những nhục hình, hẳn đã muốn tôi bắt cóc ngay ở địa phận nước Pháp, gần Antibes, nhà thơ lớn Ferrante Palla, mà tôi mền phục không biết bao nhiêu. Nhà thơ sống ở đây dưới cái tên Poncet.

— Cái ngày mà Điện hạ cho treo cổ một tên tự do, thì từ ngày đó, Rassi sẽ được xích chặt vào nội các bằng những xiềng sắt và đó là điều ông ta mong muốn hơn hết, nhưng mà cũng từ đó Điện hạ không thể nào đi dạo mát nếu không báo trước ít nhất là hai tiếng đồng hồ. Tôi sẽ không bám lại với thái phi, cũng không mách với bá tước cái tiếng yêu thương Điện hạ vừa buột miệng, nhưng vì theo lời thề nhậm chức của tôi, tôi không được dấu điều gì với thái phi, cho nên tôi rất sung sướng nếu Điện hạ vui lòng nói với lệnh mẫu hậu những điều Người vừa để lộ với tôi.

Cái ý ấy khiến hoàng thân khuây khỏa nỗi đau biểu diễn hỏng đang đè nặng lòng mình.

— Thế thì phu nhân hãy đi bảo với mẹ tôi đi, tôi vào buồng lớn của Người đây.

Hoàng thân rời hậu trường, đi qua phòng khách, đưa mắt nghiêm nghị bảo quan lễ thần và quan trợ tá võ phòng trực ban theo hầu mình lui ra. Về phần thái phi, bà vội vã rời diễn trường. Bà tổng quản lý đại thần vào buồng lớn thì cúi rạp người chào mẹ con quận vương rồi lui ra. Có thể đoán các ông lớn bà lớn xôn xao như thế nào, những việc như thế làm cho triều đình trở nên rất vui nhộn. Sau một tiếng đồng hồ, đích thân quận vương mở cửa ra gọi nữ công tước, Thái phi đang khóc, quận vương mặt mày biến sắc.

“Đây là những người nhu nhược đang có điều bức tức, nữ công tước tự nhủ, họ đang kiếm cớ để trút giận lên đầu một người nào”. Thoạt tiên, mẹ con họ tranh nhau kể chi tiết cho bà nghe,

trong những câu trả lời, bà cẩn thận không đưa ra một ý kiến nào hết. Trong suốt hai tiếng đồng hồ khổ sở, ba diễn viên của tấn kịch chán phèo này không hề rời bỏ vai trò mà chúng tôi vừa nói đến. Quận vương thân đi lấy hai cặp da giấy tờ to tướng mà Rassi đã đặt lên bàn ngài, ra khỏi buồng lớn của thái phi, ông thấy cả triều đình chờ đợi. “Các ngài hãy đi đi, để cho tôi yên”! Hoàng thân kêu lên, giọng rất bất nhã, giọng ấy chưa ai từng thấy ở ngài bao giờ. Ngài không muốn người ta trông thấy ngài tự ôm hai chiếc cặp, một ông hoàng thì không được mang xách gì cả. Quần thần biến đi trong nháy mắt. Khi trở lại, ngài chỉ thấy những người hầu phòng đang tắt nến. Ngài giận dữ đuổi họ đi cùng với tướng Fontana tội nghiệp, người trợ tá võ phòng trực ban đã vụng về ở lại vì mẫn cán.

Khi trở về buồng, hoàng thân tức tối nói với nữ công tước:

— Tối nay ai cũng cố tình chọc tức tôi!

Ngài tin là nữ công tước rất thông minh, cho nên ngài quá giận sao bà cứ khẳng khẳng không chịu nói cho một ý kiến, về phần bà, bà kiên quyết không nói gì cả trước khi người ta ngỏ ý rõ ràng hỏi ý kiến của bà. Hoàng thân có ý thức về thể diện, cho nên phải chờ nửa giờ dằng dặc nữa, ngài mới chịu nói:

— Nhưng thưa nữ công tước, bà không có ý kiến gì cả ư?

— Tôi có bốn phận ở đây để phục vụ vương phi và quên nhanh những điều người ta nói trước mặt tôi.

— Thế thì, thưa phu nhân, hoàng thân đỏ chín mặt nói, tôi ra lệnh cho bà nói, tôi nghe ý kiến của bà.

— Người ta trừng phạt tội ác để ngăn không cho nó diễn ra nữa. Tiên vương có bị đầu độc không? Không tí gì chắc chắn cả! Ngài có phải bị bọn Jacobins đầu độc hay không? Đó là điều mà Rassi rất muốn chứng minh vì làm được như vậy thì ông ta sẽ trở thành một công cụ vĩnh viễn cần thiết đối với Điện hạ. Điện hạ mới bắt đầu một triều đại đã gặp một buổi tối như thế này thì trong trường hợp kia sẽ còn gặp vô số những buổi tối tương tự. Thần dân của Điện hạ đều nói, và điều đó đúng quá: Điện hạ tính tình đôn hậu. Chừng nào mà Điện hạ chưa treo cổ một tên tự do nào thì Điện hạ còn được cái tiếng đó và chắc chắn là không ai nghĩ đến chế thuốc độc giành cho Điện hạ.

— Kết luận của bà quá rõ đấy, thái phi kêu lên tức tối. Bà không muốn trừng trị những đứa sát hại chồng tôi!

— Bẩm lệnh bà, thì rõ là tôi với họ có thân tình mật thiết chứ còn gì nữa!

Nữ công tước đọc thấy trong mắt hoàng thân là ngài tin bà với thái phi kết hợp chặt chẽ để vạch cho ngài một kế hoạch xử sự. Giữa hai bà phụ nữ đã xảy ra một cuộc đối đáp chua chát và khá nhanh lẹ, sau đó nữ công tước tuyên bố bà sẽ không nói thêm một lời nào nữa. Nhưng sau một cuộc tranh luận dài với mẹ, hoàng thân lại truyền cho nữ công tước phát biểu ý kiến của mình.

— Đó là điều tôi thề với Công nương và Điện hạ là tôi sẽ không làm!

— Ô hay! Sao mà quá trẻ con thế! Hoàng thân kêu.

Thái phi nghiêm chỉnh phán:

— Tôi yêu cầu công tước phu nhân phát biểu ý kiến.

Thái phi thấy tiếng chúng tôi xắc xược, nhưng bà vừa lấy làm lạ vừa thấy hay hay khi bà tổng quản lý rất tự chủ đi mở cửa thư phòng và trở về với một cuốn thơ ngụ ngôn của La

Fontaine[\[116\]](#). Bà mở sách, lật một hồi và trao cho hoàng thân và nói:

— Tôi cầu xin Điện hạ đọc trọn bài ngụ ngôn.

BÁC LÀM VƯỜN VÀ LÃNH CHÚA

Làm vườn có một bác

Nửa kẻ chợ, nửa nhà quê.

Vườn thơm sạch, thổ liền kề

Trồng cây làm đậu bốn bề vây quanh

Rau me, rau diếp, ngút xanh,

Hoa thì vừa đủ kết thành bó thơm

Để mừng sinh nhật cô Năm...

Thú kia, chú thỏ chơi khăm quấy rầy.

Đem lãnh chúa tỏ bày nông nổi:

“Thỏ chết vằm sớm tối ngổn, xoi,

Bầy, vòng nó tránh như chơi,

Đá, sào bắt lượ, đi đòi uy danh!

Thỏ này chắc đã thành tinh!

Là yêu đi nữa cũng kèn vớ ta!

Nó dù giở hết trò ma

Đám kia bắt gọn, không tha, chẳng nhường

Ta trừ giúp lão tai ương...

Khi nào? mai sớm, dềnh dàng làm chi?”

Y lời, cùng thủ hạ đi

“Nào! Ăn sáng để!... gà tơ chú mềm![\[117\]](#)

Chén xong, huyên náo cả lên

Ba bề soạn sửa bốn bên nói cười:

Kèn kêu, còi rúc inh trời

Điếc tai, nhà chủ rưng rờ hồn kinh

Càng lớn hơn: nổi bất bình,

Vườn rau ơ hơi! Tan tành xác xơ!

Hết rồi! Luống nọ, luống kia,

Xong đời cải đấng!

Xúp khuya

Hết thời![\[118\]](#)

Bác rùng: “Góm! Trò chơi vua chúa!”

Mặc bác than... lũ chó và người trong một giờ phá một hơi

Bằng toàn dân thở dưới trời, trăm năm.

Các tiểu vương có thù hiềm

Mà kêu vua chúa cũng cầm bằng diên.

Chẳng thà cứ giải quyết riêng

Chớ vời họ đến trận tiền tham gia.

Cũng không rước tới đất nhà!"

Hoàng thân đọc xong, mọi người im lặng một lúc lâu. Ngài đi bách bộ trong buồng sau khi tự đến đặt cuốn sách vào chỗ cũ.

— Nào, công tước phu nhân, thái phi nói, bà có hạ cổ lên tiếng cho không?

— Bẩm Công nương, chắc là không! Cho đến khi nào được quận vương cử làm thủ tướng. Nói ở đây, tôi có nguy cơ mất chức tổng quản lý đại thần.

Lại im lặng trong mười lăm phút dài dằng dặc. Cuối cùng thái phi nghĩ đến vai trò của Marie de Médicis[\[119\]](#) mẹ vua Louis XIII những ngày trước đây, bà tổng quản lý đã đọc sách báo cho thái phi nghe cuốn Lịch sử Louis XIII tuyệt diệu của ông Bazin. Thái phi dù tức cũng ngại nữ công tước bỏ xú mà đi, và lúc ấy Rassi, mà bà ghê sợ, có thể bắt chước Richelieu khiến con bà phát lưu bà. Lúc này dù trả giá gì, thái phi cũng sẵn lòng trả để hạ thể diện bà nữ công tước, nhưng thấy không làm được, bà bèn đứng dậy, cầm tay nữ công tước với một nụ cười quá đơn đả, và nói:

— Nào, bà lớn, bà lớn hãy nói đi để chứng tỏ tình bạn đối với tôi chứ.

— Thế thì bẩm Công nương, chỉ một câu thôi, không hơn: Hãy thiêu hủy ở lò sưởi kia tất cả những giấy tờ mà con rắn độc Rassi tập hợp, và đừng bao giờ nhận với hắn là đã đốt.

Bà ghé tai nói thêm một cách thân mật và rất khẽ với thái phi

— Rassi có thể là Richelieu!

— Nhưng ác hại quá! Những giấy tờ này tổn cho tôi tám vạn quan! Hoàng thân tức tối kêu lên.

— Thừa Điện hạ, nữ công tước dàn giọng đáp, dùng những tên lưu manh dòng mống hạ tiện là như thế đó. Ước gì Điện hạ mất một triệu để đừng bao giờ tin những tên vô lại hèn mạt, đã làm cho lệnh phụ vương mất ngủ trong sáu năm cuối ngài trị vì.

Những tiếng dòng mống hạ tiện khiến cho thái phi vô cùng thích thú, trước đây bà thường cho là bá tước và người bạn gái của ông chỉ chuộng trí tuệ mà trí tuệ thì cũng gần như anh em với chủ nghĩa Jacobins.

Trong giây lát im lặng hoàn toàn, qua đó thái phi có những suy nghĩ nói trên thì đồng hồ cung điện đánh ba giờ sáng. Thái phi đứng lên, cúi gập người chào hoàng thân và nói:

— Sức khỏe của tôi không cho phép tôi tranh luận lâu hơn nữa. Dùng bao giờ dùng một bộ trưởng dòng mống hạ tiện. Điện hạ không thể nào làm cho tôi khỏi nghĩ rằng Rassi đã đánh cắp một nửa số tiền mà hắn buộc ngài tiêu dùng vào việc do thám.

Thái phi cầm hai cây nến trên các đài đèn, đem đặt trong lò sưởi để giữ cho nến khỏi tắt. Rồi lại gần con, bà nói thêm:

— Trong trí óc tôi, bài ngụ ngôn của La Fontaine đã át lòng ham muốn chính đáng báo thù cho chồng, Điện hạ có cho phép tôi đốt những văn bản kia không? Hoàng thân đứng im.

“Về mặt của anh ta thật là dờ dẩn, nữ công tước nghĩ thầm. Bá tước nói có lý, giá là cố quận vương thì đã không để cho chúng ta thức đến ba giờ sáng mà không quyết định!”.

Thái phi vẫn đứng nói tiếp:

— Cái tên biện lý hèn mọn ấy chắc sẽ lấy làm tự hào là những giấy tờ đầy rẫy dối trá của nó, những giấy tờ được bố trí để cho nó thắng quan tiền chức đã bắt hai nhân vật quyền quý nhất trong nước thức trắng đêm!

Hoàng thân xông đến vồ một trong hai chiếc cặp như một người cuồng, mở ra và trút hết giấy má vào lò sưởi. Mớ giấy bừa bộn suýt đề tắt hai ngọn nến. Phòng xông đầy khói. Thái phi nhìn thấy trong mắt con cái ý đồ đem một lọ nước rưới lên để cứu đồng giấy tờ đã làm tổn của mình tám vạn francs.

— Mở cửa sổ đi chứ! Bà tức tối bảo nữ công tước.

Bà công tước vội vâng tuân lệnh, tức thời tắt cả các tờ giấy bắt lửa cháy lên một lượt. Lò sưởi rít lên và lát sau rõ ràng là nó cháy [\[120\]](#)

Hoàng thân ti tiện về những vấn đề tiền nong, ngài tưởng như cung điện của mình phát hỏa và của cải trong đó bị thiêu hủy hết. Ngài chạy đến cửa sổ và giọng lạc hẳn đi, ngài gọi lính cấm vệ. Nghe tiếng quận vương vệ binh xông xao chạy đến đầy sân. Hoàng thân trở lại bên lò sưởi, ở đấy ống khói đang hút không khí tràn vào phòng qua cửa sổ mở và phát ra tiếng rú kinh hồn. Ngài bực mình, chửi đổng lên, đi hai ba vòng quanh buồng như một người cuồng nộ, và cuối cùng bỏ đi.

Thái phi và bà tổng quản lý cứ đứng đó, đối diện với nhau và cùng nín lặng.

“Lại giận dữ nữa chẳng? Nữ công tước nghĩ thầm. Phải nói vụ án của ta thắng lợi rồi đó“. Bà sắp sửa đối đáp một cách ngạo mạn thì đầu óc chợt sáng bừng lên một sáng kiến. Thấy cái cặp thứ hai còn y nguyên, bà tự nhủ: “Không! Ta mới thắng được nửa!”. Bà nói với thái phi, vẻ như không quan tâm đến lắm:

— Công nương có định truyền cho tôi đốt nốt chỗ giấy tờ còn lại này không?

— Đốt ở đâu chứ? Thái phi nói, vẻ tức ý.

— Ở lò sưởi phòng khách, cứ ném vào từng tờ một thì không hề gì.

Nữ công tước ôm chiếc cặp dày cộm giấy tờ lên, cầm một cây nến, đi sang phòng khách kề bên. Bà nán lại xem thấy đúng là cặp ấy chứa đựng những lời cung khai, bèn bỏ vào khăn choàng năm sáu cuộn giấy, và đốt cẩn thận những tập còn lại, rồi ra về không cáo từ thái phi.

“Thế này thì hỗn láo thật! Nữ công tước cười thầm và tự nhủ. Nhưng với những tình cảm

của một bà quả phụ làm ra vẻ không nguôi tang chồng, bà ta xuýt làm mình mất đầu trên máy chém!”.

Nghe thấy tiếng xe ngựa của nữ công tước đi ra, thái phi giận bà tổng quản lý của mình tím ruột.

Nữ công tước cho mời bá tước dù đêm đã hầu tàn; bá tước bận đi chữa cháy cho cung điện, tuy nhiên chỉ giây lát sau ông có mặt và báo là mọi việc đã yên ổn.

— Ông hoàng nhỏ này quả là gan dạ và tôi đã khen ông một cách bông bột.

— Anh xem nhanh những tờ cung khai này rồi ta đốt đi cho chóng.

Bá tước đọc và xanh mặt.

— Phải nói rằng chúng đã có gần đến sự thật, cuộc điều tra này tiến hành rất khôn khéo và chúng nó đã tìm thấy rất đúng dấu chân của Palla. Nếu Palla khai ra thì vai trò của chúng ta sẽ khó khăn đấy.

— Nhưng anh ấy không khai đâu, nữ công tước kêu lên. Anh ấy là một người quý trọng danh dự. Đốt thôi! Đốt thôi!

— Gượng đã; hãy cho tôi lấy thêm mười, mười lăm nhân chứng nguy hiểm, vạn nhất Rassi có mở cuộc điều tra lại thì tôi sẽ cho bắt cóc bọn này đi.

— Tôi chắc Cụ lớn nhớ là hoàng thân đã hứa không nói gì với ông bộ trưởng tư pháp của ngài về cuộc hành trình đêm qua của chúng tôi.

— Vì nhu nhược và sợ bị gây gổ lời thôi, ông ta sẽ giữ lời hứa đó.

— Bây giờ nói chuyện khác, anh thân yêu ạ, cái đêm này thúc đẩy cuộc hôn nhân của chúng ta tiến lên nhanh lắm. Trước đây em không muốn mang đến cho anh một vụ án đại hình làm của hồi môn hơn thế, một vụ án xảy ra vì một tội lỗi em phạm do lòng thương tưởng đến một người không phải là anh.

Bá tước là người si tình, ông cầm tay nữ công tước lên reo mừng; mắt ông rớm lệ.

— Trước khi về anh hãy bảo em nên xử sự với thái phi như thế nào. Em mệt đuối rồi, em đóng kịch một tiếng đồng hồ trên sân khấu và năm tiếng đồng hồ ở hậu cung.

— Em đã trả thù những lời chua chát của thái phi khá đủ bằng việc bỏ ra về một cách xấc láo, mà những lời chua chát của bà ta cũng chỉ do tính nhu nhược mà ra thôi. Đến mai em hãy khôi phục cái điệu đối xử với bà lúc sáng nay. Gã Rassi chưa bị phát vãng, chúng ta chưa xé tan bản án Fabrice mà!

— Em đã yêu cầu thái phi có một quyết định, điều đó bao giờ cũng làm cho những ông hoàng, cả những ông thủ tướng nữa chột dạ. Sau nữa, em là bà tổng quản của bà ấy, cũng tức là cô hầu cận của bà. Khi bà nghĩ lại và điều đó không tránh khỏi ở những người nhu nhược thì trong ba hôm nữa Rassi sẽ đắc sủng hơn bao giờ hết; rồi hẳn sẽ tìm một người nào đó để treo cổ; khi hẳn còn chưa làm cho quận vương lâm vào tình thế bất ổn thì hẳn còn chưa tin là địa vị của hẳn đã vững chắc.

Có một người bị thương trong vụ cháy đêm nay; đó là một người thợ may đã tỏ ra dũng cảm phi thường. Đến mai, anh sẽ rủ hoàng thân tựa vào cánh tay anh để cùng với anh đến thăm người thợ may đó. Anh sẽ mang đầy đủ vũ khí và sẽ căng mắt nhìn quanh; vả lại ông hoàng trẻ này chưa bị cảm ghét đâu. Anh thì anh muốn lập cho ông quen đi dạo trong đường phố. Đó là một võ mà anh chơi cho tên Rassi, vì chắc chắn nó sắp kể vị anh và sẽ không dám làm liều như

thế. Ở nơi người thợ may trở về, anh sẽ đưa ngài đi qua trước tượng đài của ông bố; ngài sẽ để ý đến những vết đá ném đến đã làm vỡ cái xiêm kiêu lui-même mà tên tặc tượng ngọc kia đã mặc cho ông ta. Và cuối cùng, ông hoàng này có là kém thông minh lắm mới không tự mình nhận xét: "Áy treo cổ bọn Jacobins thì được như thế đấy!" Anh sẽ đáp: "Phải treo cổ một vạn tên hoặc là không treo tên nào! Đêm thánh Barthélemy[121] đã hủy diệt những người theo đạo Cải cách ở Pháp".

— Em thân yêu ạ, ngày mai, trước khi quận vương và anh đi dạo, em hãy đến yết kiến ngài và nói: "Tối hôm qua, tôi đã làm nhiệm vụ bộ trưởng bên cạnh Điện hạ, tôi đã khuyên bảo Điện hạ thế nọ thế kia theo lệnh Điện hạ truyền, vì vậy đức thái phi không bằng lòng tôi. Điện hạ phải đền công cho tôi". Hoàng thân ngờ em vói tiền, ngài sẽ cau mày. Em cố gắng để cho ngài chìm đắm trong ý nghĩ khốn khổ ấy càng lâu càng hay. Rồi em nói: "Tôi xin Điện hạ ra lệnh cho người hai quan án được quý trọng nhất trong lãnh thổ ngài xử hiện diện Fabrice (nghĩa là hẳn phải có mặt)". Và không để mất thì giờ, em đưa cho ngài ký một chỉ dụ nhỏ do bàn tay xinh đẹp của em viết nên, với những lời anh sắp đọc đây, tất nhiên anh sẽ đưa thành một điều khoản việc hủy bỏ bản án ký.

Đối với việc này, chỉ có một điều chống lại nhưng nếu em tiến hành công việc một cách sốt dẻo thì hoàng thân không kịp nghĩ ra đâu. Ngài có thể nói: "Thế thì Fabrice phải đến chịu giam ở ngục thành". Em trả lời: "Nó sẽ đến chịu giam ở nhà lao thành phố". (Em biết anh là chủ ở đó, tối nào anh cháu ấy cũng sẽ đến thăm em). Nếu hoàng thân đáp: "Không, việc nó vượt ngục xúc phạm danh dự cái ngục thành của tôi và tôi muốn nó trở về chỗ buồng nó ở trước kia, trên hình thức thôi". Đến lượt em đáp; "Không, ở đây nó sẽ nằm trong tay tên Rassi thứ dịch của tôi". Và bằng một lời bóng gió kiểu phụ nữ mà em vốn biết cách khéo léo ném ra, em làm cho ngài hiểu rằng để xoa dịu Rassi em có thể kể cho hắn nghe cuộc hỏa thiêu đêm nay; nếu ngài còn kéo nài, em báo tin là em sẽ về nghỉ mười lăm hôm ở lâu đài Sacca của mình.

Em hãy gọi Fabrice và hỏi ý kiến nó về cuộc vận động có thể đưa nó trở về nhà lao này. Phải dự kiến cho hết, nếu như trong khi Fabrice bị giam, Rassi sốt ruột đầu độc anh, thì Fabrice sẽ lâm nguy. Nhưng việc này ít có khả năng xảy ra, em biết đã mướn một anh bếp người Pháp, anh này là một người vui tính nhất đời, thường hay chơi chữ, mà đã chơi chữ thì không giết người, hai việc không dung hòa với nhau. Anh đã nói với chú bạn Fabrice của chúng ta là anh đã tìm được tất cả những người có chứng kiến hành động đẹp đẽ và can đảm của nó, hiển nhiên là chính tên Giletti đó muốn giết nó. Anh không nói với em chuyện những nhân chứng đó bởi vì anh muốn dành cho em một bất ngờ, nhưng kế hoạch đó đã hỏng rồi, hoàng thân không chịu ký. Anh có nói với Fabrice là chắc chắn anh sẽ đưa nó lên một địa vị cao trong ngành giáo hội; nhưng anh sẽ lao đao vô kể nếu như bọn thù địch của nó lấy việc giết người mà kháng cáo ở tòa thánh La mã.

Nếu không được xét xử một cách long trọng nhất thì suốt đời, cái tên Giletti sẽ làm cho nó khó chịu, phu nhân có cảm thấy như thế không? Nếu mình tin chắc là không phạm tội mà không để cho người ta xét xử thì tầm thường quá. Và chẳng dù nó có phạm tội đi nữa, anh cũng sẽ làm cho nó trắng án.

Khi anh nói chuyện này với nó, thì chàng trai sôi nổi đó lấy ngay cuốn niên lịch danh mục nhà nước ra và đã cùng anh chọn được mười hai quan tòa liêm chính và thông thái nhất; lập xong danh sách, anh và nó lại xóa đi sáu tên, định thay thế bằng sáu luật gia thù địch với bản thân anh, vì chỉ tìm được có hai kẻ thù, cho nên chúng tôi đã bổ sung bằng bốn tên bất lương trung thành với Rassi.

Đề nghị của bá tước khiến nữ công tước băn khoăn lo ngại khôn xiết kể, lo ngại không phải không có căn cứ. Rốt cục, bà cũng đành nghe lời bá tước và ông đọc cho bà viết chỉ dụ cứ các quan tòa.

Đến sáu giờ sáng, bá tước mới cáo từ bà công tước ra về. Bà cố ngủ, nhưng không được. Đến

chín giờ, bà ăn sáng với Fabrice và thấy anh rất nóng lòng muốn xét xử.

Mười giờ, bà đến cung thái phi, nhưng thái phi không tiếp khách; mười một giờ, bà yết kiến hoàng thân vào lúc hoàng thân thức dậy và ngài ký chỉ dụ không chút khó khăn nào. Nữ công tước gửi chỉ dụ đến cho bá tước rồi đi ngủ.

Thuật lại nỗi điên tiết của Rassi ở trước mặt quận vương khi bá tước buộc hẳn đồng ký vào chỉ dụ mà quận vương vừa ký lúc sáng thì cũng vui đấy, nhưng sự việc dồn dập buộc tôi phải vội.

Bá tước tranh luận về phẩm chất của từng quan tòa và đề nghị Rassi thay người trong danh sách. Nhưng có lẽ bạn đọc đã hơi chán những thủ tục tổ tụng cũng như những mưu toan xúi xiểm ở triều đình, về tất cả những cái ấy, có thể rút ra bài học xử thế này: Mình đang sống yên vui mà đến chỗ triều đình thì chỉ làm hỏng hạnh phúc của mình, và trong mọi trường hợp, cuộc sống ở triều đình đều làm cho tương lai của mình phụ thuộc vào những mưu toan của một con mụ hầu phòng.

Về mặt khác, ở Mỹ, trong chế độ cộng hòa thì người ta phải suốt ngày chết chán vì châu hầu những anh chủ hiệu ở đường phố để rồi trở thành ngu ngốc như họ; và ở đó lại không có kịch viện. Buổi chiều, lúc thức giấc, và công tước giật mình kinh sợ: Fabrice vắng mặt. Cuối cùng, vào nửa đêm, khi dự cuộc diễn kịch tại cung điện, bà được một bức thư của anh. Đáng lẽ vào chịu giam ở nhà lao thành phố, ở đó bá tước làm chủ, anh lại đến cái buồng giam cũ của anh ở ngục thành, quá sung sướng vì được ở cách Clélia chỉ mấy bước.

Việc ấy mang đến một hậu quả không lường được: Ở đây, anh bị cái họa thuốc độc đe dọa hơn lúc nào hết. Hành động điên rồ ấy khiến nữ công tước tuyệt vọng. Nhưng bà tha thứ động cơ của nó, Fabrice làm thế chỉ vì yêu si yêu dại Clélia, mà rõ ràng là chỉ còn mấy hôm nữa thì nàng phải lấy anh chàng hầu tước Crescenzi giàu có. Sự điên rồ ấy đã trả lại cho Fabrice tất cả ảnh hưởng của anh bên tâm hồn nữ công tước xưa kia.

“Ấy cũng tại cái mảnh giấy chết dẫm mà ta mang đi xin chữ ký đó, nên Fabrice mới đi vào chỗ chết! Cái ngữ đàn ông ấy họ mới rồ dại làm sao với những ý niệm danh dự của họ chứ! Làm như cần phải nghĩ đến danh dự ở một chính thể chuyên chế, trong một nước mà tên Rassi là bộ trưởng Tư pháp! Chỉ cần nhận ngay, nhận không kiểu cách lệnh ân xá mà quận vương chắc cũng ký dễ dàng như chỉ dụ triệu tập tòa án bất thường kia. Chúng qui thì một nhân vật đại thế gia như Fabrice dù có bị vu cáo người hay ít là đã tự tay cầm gươm giết một tên hề tuồng như Giletti cũng có gì hại lắm đâu!”.

Vừa nhận được giấy của Fabrice, nữ công tước chạy ngay đến tìm bá tước và thấy ông xanh mặt.

— Trời! Em thân yêu, anh thật chẳng may tí nào với chú bé ấy, và em sẽ lại giận anh. Anh có thể chứng minh cho em thấy rằng tối hôm qua anh đã gọi viên chủ ngục thành phố đến. Giá anh cháu em chịu ngồi tù ở đó thì không ngày nào nó lại không đến uống trà với em. Điều đáng sợ là cả anh lẫn em đều không thể nói với hoàng thân là chúng ta ngại thuốc độc, thuốc độc do tay Rassi bỏ; ngại như thế, hoàng thân sẽ cho là vô đạo. Tuy nhiên, nếu em yêu cầu thì anh sẵn sàng vào cung; nhưng anh cảm chắc lời đáp rồi. Anh còn muốn nói hơn thế, anh hiến cho em một phương kế mà anh không dùng cho anh. Từ khi có quyền binh ở đây, anh chưa hề giết hại một người nào và em biết là về phương diện này, anh ngốc đến nỗi một đôi khi, lúc hoàng hôn xuống, anh nghĩ đến hai tên gián điệp mà anh cho bắn hơi vội vàng ở Tây Ban Nha. Ấy đấy, em có muốn anh trừ khử Rassi cho em không? Nó nguy hiểm cho Fabrice vô kể, nó dùng việc sát hại Fabrice như một phương tiện để trục anh đi.

Đề nghị của bá tước khiến nữ công tước rất vui lòng, nhưng bà không chấp nhận. Bà nói với bá tước:

— Em không muốn khi chúng ta lui về nghỉ dưới bầu trời. Naples rực rỡ, anh có những ý nghĩ u ám lúc vào đêm.

— Nhưng mà, em thân yêu ạ, hình như chúng ta chỉ có thể lựa chọn trong những ý nghĩ u ám mà thôi. Em sẽ ra thế nào, cả anh cũng sẽ ra thế nào nếu Fabrice bị một chứng bệnh nào đó mang đi?

Hai bên càng tranh luận hăng hơn trên ý định này; cuối cùng nữ công tước chấm dứt bằng một câu:

— Rassi được sống là nhờ em yêu anh hơn yêu Fabrice. Không, em không muốn đầu độc tất cả những buổi tối mà chúng ta sẽ thức với nhau trong tuổi già.

Nữ công tước chạy đến ngục thành. Tướng Fabio Conti lấy làm sung sướng được đưa luật nhà binh ra để ngăn trở bà: Không ai được vào một nhà ngục quốc gia nếu không có lệnh chỉ do quận vương ký.

— Nhưng hầu tước Crescenzi và bọn nhạc công của ông ta vào ngục thành hàng ngày thì sao?

— Là vì tôi đã xin được cho họ một lệnh chỉ của hoàng thân.

Bà công tước đáng thương không biết hết những hiểm họa của mình bị xúc phạm vì sự vượt ngục của Fabrice. Khi thấy anh trở về nhà ngục, đáng lẽ ông ta không nhận vì không có lệnh. Nhưng ông tự nhủ: “Ừ”, đúng là trời xui nó đến đây để đền danh dự cho ta và cứu ta khỏi một sự lố bịch làm ô nhục cuộc đời quân nhân của ta. Hãy đừng để mất cơ hội! Hẳn người ta sẽ tha bổng nó, ta không có nhiều ngày giờ để trả thù đâu!

CHƯƠNG XXV

Việc Fabrice đến ngục thành khiến Clélia vô cùng thất vọng. Người con gái tội nghiệp, ngoan đạo và thành thực với mình, đã tự thú là cô không thể có hạnh phúc nếu sống xa Fabrice. Nhưng trong dịp bố cô gần như bị đầu độc, cô đã phát thệ với đức Thánh mẫu xin xả thân vì cha, lấy hầu tước Crescenzi. Cô đã phát nguyện không gặp Fabrice nữa và sau khi bị tình cảm đưa đẩy mà thú nhận nỗi lòng trong bức thư viết cho chàng một hôm trước ngày chàng vượt ngục, cô đã đau khổ ghê gớm vì hối hận rồi. Đang rầu rầu nhìn lũ chim nhảy nhót, theo thói quen cô ngược mắt triu mến nhìn lên cái cửa sổ trước đây Fabrice từ đây nhìn xuống ngắm cô; làm sao diễn tả nỗi niềm trong quả tim phiền muộn ấy khi cô nhìn thấy Fabrice lại ở đó, âu yếm và kính cẩn chào cô?

Cô tưởng đây là một cảnh hiện hình mà Chúa cho phép diễn để trừng phạt cô; nhưng rồi sự thực hải hùng cũng phơi bày ra: “Chàng đã bị chúng nó bắt trở lại, cô tự nhủ. Thế này thì chàng nguy mất!” Cô nhớ lại những lời bàn tán trong nhà ngục sau khi Fabrice trốn đi, tên lính coi tù hạng bét cũng tự cho là bị xúc phạm nghiêm trọng. Clélia nhìn Fabrice, mặc dù không muốn vậy, đôi mắt cô cũng cứ nổi lòng dầm say của mình, lòng dầm say khiến cô thất vọng. Đôi mắt cô có vẻ như muốn nói: “Fabrice tưởng tôi sẽ tìm thấy hạnh phúc trong tòa lâu đài tráng lệ họ xây dựng cho tôi đấy ư! Cha tôi nói đi nói lại không chán là anh cũng nghèo không kém gì chúng tôi. Nhưng lạy Chúa, giá được chia xẻ cảnh nghèo nàn ấy thì tôi sung sướng bao nhiêu! Hỡi ôi, chúng ta đâu có được gặp nhau nữa!”.

Clélia không đủ sức dùng các mẫu tự, nhìn thấy Fabrice, cô ngắt đi và ngã xuống chiếc ghế tựa đặt một bên cửa sổ. Mặt cô tựa vào bậc cửa; vì cô muốn được nhìn thấy anh cho đến phút cuối trước khi ngắt hẳn, cho nên mặt cô hướng về phía Fabrice, và anh được nhìn rõ toàn bộ gương mặt đó. Giây lát sau, Cô mở mắt được thì cũng nhìn ngay lên Fabrice, cô thấy mắt anh rớm lệ; nhưng lệ đó là lệ hạnh phúc tuyệt vời, anh đã nhận thấy xa anh, Clélia vẫn không quên anh. Đôi thanh niên tội nghiệp lặng nhìn nhau một lúc như phải bùa mê của nhau, Fabrice đánh bao hát lên, hát như khi có đệm đàn, hát mấy câu anh vừa nghĩ ra để bảo: “Anh trở vào tù cốt để gặp em; người ta sắp đem anh ra xử ở tòa án”.

Những tiếng ấy hình như đánh thức dây cả cái đức hạnh của Clélia; cô vội vàng đứng lên, che mắt lại và dùng những cử chỉ mạnh mẽ để cố bảo cho Fabrice biết lẽ đáng ra cô không bao giờ gặp mặt anh nữa, cô phát thệ với Đức Mẹ như vậy, nhưng vừa rồi cô đã vô tình nhìn anh. Fabrice vẫn còn cố tỏ tình, nên Clélia phần uất bỏ chạy đi và thề thảm là sẽ không bao giờ nhìn anh nữa, bởi vì lời nguyện của cô với Đức Mẹ đúng từng chữ là: Mặt con sẽ không bao giờ nhìn lại chàng. Cô đã viết những chữ ấy trên một mảnh giấy con, và ông chú Cesare, đã cho phép đốt tờ thề ước đó trên bàn thờ vào lúc dâng hương, trong khi ông đọc kinh lễ.

Tuy nhiên, mặc những lời thề ước, từ khi Fabrice trở về tháp Farnèse, Clélia trở lại với tất cả những thói quen ngày trước. Bình thường cô ở một mình trong buồng suốt ngày. Đột ngột nhìn thấy Fabrice trở về, vừa hết hồi hộp thì cô đi lại khắp lâu đài, nghĩa là nối lại quan hệ với những bạn hữu vai dưới mình. Một bà nấu bếp già rất hay mách lẻo lấy vẻ bí mật nói:

— Lần này thì tướng công Fabrice không ra khỏi ngục thành đâu.

— Ông ta sẽ không phạm tội trèo thành nữa, Clélia nói; nhưng ông ta sẽ đi ra ở cửa giữa nếu được trắng án.

— Tôi nói và cũng dám nói lại với quan lớn đó là quan sẽ ra khỏi thành, hai chân đi trước.

Mặt Clélia đột nhiên tái nhợt đi, khiến bà già để ý và im bật. Bà tự trách mình đã đại đột nói như vậy trước mặt cô con gái quan trấn thủ, mà cô ấy thì lại có bốn phận sắp phải nói với mọi người là Fabrice chết vì bệnh. Khi lên lầu, Clélia gặp viên y sĩ nhà lao, một người lương thiện e dè; vẻ hốt hoảng, y nói với Clélia là Fabrice ốm nặng. Clélia đứng không vững. Cô đi tìm ông

chú, ông abbé don Cesare khắp nơi, cuối cùng gặp ông ở nhà nguyện, trong khi ông đang thành khẩn cầu nguyện; mặt ông abbé trông thiếu ngủ. Chuông kéo mời cơm. Trong bữa ăn, hai anh em quan tướng chẳng nói gì với nhau; chỉ đến cuối bữa, quan tướng nói mấy câu gắt gỏng với người em. Ông này nhìn những người giúp việc, và họ lui ra:

— Thừa tướng quân, don Cesare nói với quan trấn thủ - tôi hân hạnh báo trước với ngài là tôi sắp rời ngục thành, tôi xin từ chức.

— Hoan hô! Rất hoan hô! Để cho tôi bị nghi ngờ chứ gì!... Lý do thế nào ông làm ơn cho tôi biết.

— Lương tâm của tôi.

— Chao ôi! Chú chỉ là một thầy tu! Chú chẳng hiểu gì hết về danh dự. Clélia nghĩ thầm: “Fabrice chắc chết! Người ta đã đánh thuốc độc vào bữa ăn trưa của chàng hoặc là họ để đến ngày mai là cùng.” Cô vội vàng chạy lên chuông chim, bụng bảo dạ nhất thiết phải đem dương cầm hát lên để báo tin. Ta sẽ xưng tội, cô tự nhủ, và người ta sẽ tha thứ cho ta cái tội vi phạm lời nguyện chỉ để cứu một mạng người. Clélia khôn xiết kinh hoàng khi đến chuông chim, cô thấy cái mái che nắng mới được thay bằng những tấm ván buộc vào các chấn song sắt! Đâm hoảng, Clélia cố mách bảo cho Fabrice bằng đôi tiếng gào lên chứ không hẳn là hát. Không có tín hiệu gì đáp lại cả! Tháp Farnèse im ắng như nghĩa địa. “Thế là xong cả rồi!” cô thầm nghĩ. Như người mất hồn, cô chạy xuống lầu rồi lại chạy lên để lấy số tiền ít ỏi của cô và đôi hoa tai bé nhỏ có nhện kim cương; tiện tay, cô cầm luôn cái bánh mì từ bữa trưa còn lại đã cất trong chạn. “Nếu anh ấy còn sống thì ta có bốn phận cứu anh”.

Cô lấy dáng kiêu kỳ đi đến cái cửa ở tháp Farnèse; cửa mở, người ta chỉ mới bố trí tám anh lính ở trạm giam phòng nhiều trụ cột tại tầng nền. Cô mạnh dạn nhìn trực diện mấy anh lính, cô định nói chuyện với viên trung sĩ chỉ huy họ, nhưng anh này đi vắng. Clélia lao đến cái cầu thang con xoáy tròn ốc quanh một chiếc cột trụ; bốn lính ngăn người nhìn cô, nhưng không dám nói gì, tuồng như vì thấy chiếc khăn choàng ren và cái mũ của cô. Đến tầng một, không có ai cả; nhưng đến tầng hai, mới vào đến đầu cái hành lang có ba cửa song sắt chấn lồi, cái hành lang đưa đến buồng Fabrice, như bạn đọc hẳn còn nhớ, cô gặp một người gác cửa mới mà cô chưa quen biết. Người ấy sợ sệt nói:

— Hẳn chưa ăn đến!

— Tôi biết, Clélia kiêu hãnh đáp. Người ấy không dám cản cô. Đi được hai mươi bước, Clélia gặp một người gác cửa thứ hai ở bậc đầu cái kệ gỗ sáu cấp đưa lên buồng Fabrice. Viên gác cửa già mặt đỏ gay kiên quyết nói:

— Thừa tiểu thư, tiểu thư có lệnh của quan trấn thủ không ạ?

— Ông không biết tôi sao?

Clélia lúc ấy như có một mãnh lực phi thường thúc đẩy, cô cuống cuồng lên. “Ta phải cứu chồng ta” cô tự nhủ.

Trong khi viên gác cửa già kêu “Nhưng bốn phận tôi không cho phép...” thì Clélia đã lên nhanh sáu bậc thang. Cô xông đến cửa; một chìa khóa to tướng nằm trong ổ khóa. Cô phải dùng hết sức mình mới vặn được chìa khóa. Lúc ấy viên gác cửa già dở say dở tỉnh nằm gấu áo cô lại, cô lao vào buồng, đóng sập cửa làm rách áo; vì người gác cũng xô cửa để vào theo, nên thuận tay, cô đẩy cái chốt, cài chặt cửa. Cô nhìn trong buồng, thấy Fabrice đang ngồi trước một cái bàn con có dọn thức ăn. Cô xông đến, lật đổ bàn, và nắm tay Fabrice, cô hỏi:

— Anh đã ăn chưa?

Cách thân mật đó làm cho Fabrice ngây ngất. Trong cơn bối rối, lần đầu tiên Clélia quên nề e lệ giữ gìn của người phụ nữ và bộc lộ tình yêu của mình.

Fabrice xuýt bắt đầu bữa cơm ác hại; anh ôm Clélia vào lòng, hôn lấy hôn để. Anh nghĩ thầm: “Bữa cơm này có thuốc độc; nếu ta nói ta chưa động tới thì tôn giáo sẽ khôi phục quyền lực và công nương sẽ chạy đi mất. Ngược lại, nếu nàng cho là ta sắp chết thì ta có thể yêu nàng đừng bỏ ta mà đi. Nàng muốn có cách gì hủy bỏ hôn nhân đáng ghét ấy thì đây là một cơ hội mà ngẫu nhiên ban cho; bọn gác ngục sắp tập hợp, chúng phá cửa và tai tiếng sẽ bay ra, tai tiếng lớn có lẽ sẽ khiến cho hầu tước Crescenzi kinh hoàng và cuộc hôn nhân bị hủy bỏ”.

Trong giây lát Fabrice yên lặng và nghĩ ngợi, anh cảm thấy Clélia đã bắt đầu tìm cách gỡ khỏi tay anh. Anh nói:

— Anh chưa thấy đau đớn, nhưng chắc chỉ trong giây phút nữa, anh sẽ ngã xuống quần quai dưới chân em. Em hãy giúp anh nhắm mắt.

— Ôi người bạn duy nhất của em! Em sẽ chết cùng với anh.

Clélia ôm siết Fabrice trong đôi tay như bị co giật.

Áo xống hở hang, con người trong trạng thái tốt độ yêu đương. Clélia hiện ra đẹp quá, khiến Fabrice không thể dẫn lòng, đã có một cử chỉ gần như vô thức. Clélia không chống cự chút nào.

Trong trạng thái hưng phấn của tình yêu và lòng hào hiệp sau phút hạnh phúc tuyệt vời, Fabrice nồng nức nói:

— Không nên để cho sự đối trá xấu xa làm bẩn những giây phút hạnh phúc đầu tiên của chúng ta; không có sự dửng dưng của em thì lúc này anh chỉ là một xác chết hoặc là đang giãy giụa trong những cơn đau góm ghê. Tuy nhiên anh mới sắp sửa ăn thì em vào, và anh đã không động tới những thức ăn ấy.

Fabrice nói thao thao về những hình ảnh góm ghê của người ngộ độc để xua đuổi nỗi bức tức anh đọc thấy trong đôi mắt Clélia. Cô nhìn anh một lát, lưỡng lự giữa hai tình cảm trái ngược nhau nhưng đều kịch liệt, rồi ngã vào lòng anh. Có tiếng ồn ào ngoài hành lang; người ta mở, đóng ba cánh cửa sắt ầm ầm, người ta nói, người ta hét.

— Chao ôi! Giá anh có vũ khí thì hay! Fabrice nói. Chúng tước vũ khí rồi mới cho anh vào đây. Chắc là chúng đến để kết liễu anh. Vĩnh biệt Clélia của anh! Anh cảm tạ cái chết này bởi vì đó là cơ hội để anh đạt hạnh phúc.

Clélia ôm hôn Fabrice và trao cho anh một con dao găm nhỏ, cán ngà, lưỡi không dài hơn lưỡi dao díp. Cô nói: Anh đừng để bị giết, hãy cố chống đỡ đến phút cuối, chú abbé của em mà nghe thấy, chú sẽ cứu anh, chú can đảm và đôn hậu đấy. Em ra nói chuyện với lũ chúng nó đây.

Clélia nói thế rồi lao đến cửa. Cô nắm chốt cửa quay đầu về phía Fabrice, nói tiếp sôi nổi:

— Nếu anh không bị giết, thì thà là cứ để cho chết đói còn hơn động vào một thức gì. Hãy luôn luôn mang chiếc bánh kia trong người.

Tiếng huyền nào đến gần, Fabrice ôm nàng ngang lưng đẩy vào, chiếm chỗ của nàng cạnh cửa, và đẩy mạnh cánh cửa, anh lao xuống cái cầu thang nhỏ sáu cấp. Với con dao nhỏ cán ngà trên tay, anh xuýt đâm thủng chiếc áo gilê của tướng Fontana. Phụ tá võ phòng của quận vương Fontana vội vàng lùi lại và kinh hãi hét lớn:

— Ấy tôi đến cứu ông đây mà, ông Del Dongo.

Fabrice leo ngược lên sáu bậc thang, nói vào buồng: “Fontana đã cứu anh!” rồi trở xuống

đứng trên các cấp thang gỗ, anh thần nhiên trình bày sự việc với tướng Fontana. Rất dài lời, xin lỗi ông ta về cái cử chỉ giận dữ lúc đầu.

— Người ta định đầu độc tôi. Bữa ăn ở trước mặt tôi kia có thuốc độc. May tôi khá tinh ý không động đến, nhưng thú thật với ông, thủ đoạn ấy làm tôi cảm phẫn. Khi nghe tiếng ông lên tôi ngỡ người ta đến dùng gươm kết liễu mạng tôi trong lúc thoi thóp... Thừa tướng quân, yêu cầu tướng quân đừng cho ai vào buồng tôi, nếu họ vào, họ sẽ mang thuốc độc đi mất, mà ngài quận vương nhân hậu của chúng ta thì hẳn biết tường tận sự việc.

Tướng Fontana xanh mặt và ngăn người chuyển cho bọn cai ngục ưu tú đi theo ông những mệnh lệnh mà Fabrice đã gọi ra. Tiu nghỉ vì thuốc độc đã bị phát hiện, bọn này vội vã rút xuống, chúng giả vờ đi trước để tránh đường cho quan phụ tá ở cái cầu thang quá chật hẹp, nhưng kỳ thực thì để mà chạy trốn, mà biến mất đi cho nhanh. Tướng Fontana lấy làm lạ thấy Fabrice dừng lại đến mười lăm phút ở cầu thang sát nhỏ xoáy quanh cây cột ở tầng nền. Anh muốn để cho Clélia có đủ thì giờ trốn ở tầng gác một.

Chính nữ công tước đã tìm ra cách làm cho tướng Fontana được phái đến ngục thành sau nhiều cuộc vận động liêu lĩnh; bà thành công một cách ngẫu nhiên. Khi cáo từ bá tước Mosca cũng đang lo ngại không kém mình, nữ công tước đi ngay đến hoàng cung. Thái phi vốn không ưa sự cương nghị mà bà ta cho là tầm dung tục, thái phi tưởng nữ công tước điên rồ và tỏ vẻ không thích can thiệp bất thường vì nữ công tước. Cuống cuống lên, nữ công tước khóc ròng và chỉ biết lặp đi lặp lại;

— Nhưng thưa công nương, chỉ mười lăm phút nữa thôi là Fabrice sẽ chết vì thuốc độc!

Thấy thái phi tuyệt đối thần nhiên, nữ công tước đau đớn đến như điên dại. Bà không suy nghĩ giống như một phụ nữ được nuôi dạy theo tín ngưỡng phương Bắc. Bà chấp nhận sự phản tỉnh khi gặp trường hợp ấy: “Ta đã dùng thuốc độc trước thì nay ta phải chết vì thuốc độc”, ở Ý, trong những giờ phút nóng bỏng, người ta cho suy nghĩ như vậy là hèn yếu, tầm thường, không phải lúc, cũng ví như ở Paris, trong hoàn cảnh như vậy mà chơi chữ.

Thất vọng, nữ công tước thử ra phòng khách tìm hầu tước Crescenzi hôm ấy trực ban. Khi bà trở về Parme hầu tước đã cảm ơn bà rồi rút về chức vị kỵ sĩ danh dự mà anh ta không đời nào dám mơ tưởng đến nếu không có bà. Hầu tước đã không ngớt lời hứa hẹn sẽ tận tụy vì bà khi có dịp. Gặp hầu tước bà nói ngay:

— Fabrice bị giam tại ngục thành và Rassi sắp đầu độc hẳn. Hầu tước hãy bỏ Sôcôla và một chai nước tôi đưa vào túi áo. Hầu tước đến ngục thành nói với tướng Conti là hầu tước đoạn tuyệt với con gái ông, nếu ông không cho phép ngài tự tay trao cho Fabrice sôcôla và nước ấy, làm thế là hầu tước cứu sống tôi.

Hầu tước xanh mặt, đáng lẽ ông ta rạng rỡ, linh hoạt lên vì những lời ấy thì ông tỏ ra bối rối một cách yếu hèn, dung tục nhất; ông không thể tin có tội ác kinh khủng đến như vậy ở một thành phố đạo đức như Parme, lại có một quận vương vĩ đại như vậy trị vì... và những điều sáo cũ tầm thường ấy, ông lại còn nói ra rất chậm rãi. Tóm lại bà công tước đã gặp một nhân vật lương thiện, nhưng hèn yếu hết chỗ nói, không dám có hành động gì. Sau khi mười câu tương tự luôn luôn bị những tiếng kêu sốt ruột của bà Sanseverina cắt đứt, vận may xui hầu tước tìm được một ý kiến tuyệt vời; lời phát thệ khi được cử làm kỵ sĩ danh dự không cho phép ông tham gia vào một hành động nào chống chính phủ.

Làm sao tướng tước được nổi lo lắng và thất vọng của nữ công tước trong khi cảm thấy thời giờ vùn vụt bay đi?

— Nhưng ít ra thì hầu tước hãy đến gặp quan trấn thủ, và nói với ông ta là tôi sẽ đuổi theo cho đến địa ngục những kẻ giết hại Fabrice.

Thất vọng càng làm tăng tài hùng biện bẩm sinh của nữ công tước, nhưng tất cả sự sôi của bà chỉ đưa đến kết quả làm cho hầu tước hoảng sợ thêm và càng do dự; một giờ sau, anh ta còn ít muốn hành động hơn lúc đầu nữa.

Người đàn bà khốn khổ đã rơi xuống chỗ tốt cùng của tuyệt vọng cảm thấy quan trấn thủ không từ chối một điều gì đối với một chàng rể giàu sụ bèn hạ mình đến nước quì dưới chân Crescenzi để van cầu, kết quả là Crescenzi lại càng thêm nhu nhược; nhìn thấy cảnh tượng la lung ấy, anh ta đâm lo vô tình mà bị liên can. Nhưng một điều khác thường đã xảy ra; bản chất phúc hậu, anh ta lấy làm cảm động vì một người đàn bà đẹp như vậy, nhất là có quyền thế đến như vậy đã khóc và phủ phục dưới chân mình.

“Quý phái và giàu có đến như ta, hầu tước nghĩ thầm, mà biết đâu một ngày kia ta không phải quì gối dưới chân một tên cộng hòa?” Crescenzi cùng khóc thêm và cuối cùng họ thỏa thuận là lấy danh nghĩa tổng quản phu nhân, nữ công tước sẽ giới thiệu Crescenzi với thái phi sẽ cho phép ông ta trao cho Fabrice một chiếc giỏ còn đựng gì ông không được biết.

Tối hôm qua, trước khi nữ công tước được biết hành vi điên rồ của Fabrice, ở triều có diễn một vở kịch cương; hoàng thân lúc nào cũng giành đóng vai trò người cảm vai nữ mà bà công tước đóng, đã tỏ ra hết sức sôi nổi trong khi tỏ bày niềm yêu đương của mình; vì ở Ý người ta không bao giờ cho một người si tình hoặc một hoàng thân là lỗ bịch, cho nên ngài mang tiếng lỗ bịch!

Hoàng thân rất rụt rè nhưng bao giờ cũng nghĩ đến chuyện yêu đương một cách nghiêm túc; ngài gặp nữ công tước đang lôi kéo anh chàng Crescenzi lúng la lúng liếng ở một hành lang để đi đến phòng thái phi, ngạc nhiên và quáng mắt vì nhan sắc kích động của nữ công tước đang trong tâm trạng tuyệt vọng, lần đầu tiên trong đời, hoàng thân tỏ ra có ý chí. Bằng một cử chỉ có tính cách mệnh lệnh tuyệt đối, hoàng thân bảo hầu tước lui về rồi bắt đầu một bài tỏ tình đúng điệu với nữ công tước. Chắc là ông đã soạn sửa những lời tỏ tình này từ lâu về trước, và trong đó có những điều khá hợp tình lý.

— Vĩ đại vì tôi không cho phép tôi có được cái điểm phúc tuyệt vời kết hôn với phu nhân, tôi xin thề trên bánh thánh là sẽ không bao giờ lấy vợ nếu chưa được phu nhân viết giấy cho phép. Tôi biết tôi làm cho phu nhân mất một đám tốt - ông nói tiếp - một vị thủ tướng, một người thông minh và rất đáng mến, nhưng suy kỹ thì ông ta đã năm mươi sáu còn tôi chưa đến hăm hai. Tôi ngại làm méch lòng phu nhân và đáng để phu nhân từ khước nếu tôi nói về những quyền lợi xa lạ với tình yêu; nhưng tất cả những ai ở trong triều có chú ý đến tiền tài đều nói một cách kính phục về cái bằng chứng tình yêu của bá tước, khi ông để cho phu nhân bảo quản tất cả những sở hữu của ông. Nếu được bắt chước ông về điểm ấy thì tôi sung sướng quá. Phu nhân sẽ sử dụng tài sản của tôi tốt hơn tôi và phu nhân sẽ có quyền sử dụng số thu nhập đồng niên mà các bộ trưởng nạp cho viên tổng quản lý tài khoản hoàng gia; như vậy thừa công tước phu nhân, chính phu nhân sẽ là người quyết định khoản chi tiêu hàng tháng của tôi.

Bà công tước thấy những chi tiết ấy bề bộn, dài đặc quá, nguy cơ đe dọa Fabrice đang bóp thắt lòng bà. Bà kêu lên:

— Nhưng mà, Điện hạ ôi! Ngài không biết là trong lúc này người ta đang đánh thuốc độc cho Fabrice trong ngục thành của ngài hay sao? Ngài cứu hẩn đi rồi nói gì tôi cũng nghe cả!

Cái câu ấy vụng về hết chỗ nói. Nghe đến tiếng thuốc độc, tất cả sự cởi mở, tất cả thiện ý, trực tính của ông hoàng đạo đức ấy bay biến trong chớp mắt. Khi nữ công tước nhận thấy mình vụng thì đã không kịp sửa chữa nữa, do đó càng tuyệt vọng hơn, tuy trước đã nghĩ mình quá dối tuyệt vọng rồi. “Nếu ta không nói đến thuốc độc, phu nhân nghĩ thầm, hẩn ông ta đã giải thoát cho Fabrice. Ôi! Fabrice thân thương! Bà nghĩ tiếp, số đã định là ta cứ làm nát tim Fabrice vì những điều đại dột của ta!”.

Nữ công tước phải mất nhiều thì giờ và phải làm duyên làm dáng nhiều mới đưa được

hoàng thân trở về với những lời lẽ yêu đương nồng nhiệt; nhưng người vẫn rất ngại ngùng, lo lắng. Chỉ có trí tuệ của người lên tiếng, tâm hồn người trở lạnh đi, trước hết là vì chuyện thuốc độc, rồi còn vì cái ý này, rất khó chịu cũng như cái ý kia kinh khủng: “Người ta dùng thuốc độc để hại người trên đất nước ta mà không cho biết! Rassi muốn ta mất mặt giữa châu Âu chẳng? Có Chúa biết được ta sẽ phải đọc những gì trên các tờ báo Paris tháng tới”.

Tâm hồn chàng thanh niên nhút nhát ấy nín lặng, trí tuệ chàng đột nhiên nảy ra một sáng kiến:

— Công tước phu nhân quý mến, phu nhân biết tôi quyến luyến phu nhân dường nào! Những ý nghĩ ghê gớm về thuốc độc của phu nhân không có căn cứ, tôi muốn tin là vậy, tuy nhiên nó cũng khiến tôi nghĩ ngợi, nó làm tôi xao lãng trong giây lát niềm say đắm phu nhân, niềm say đắm duy nhất trong đời tôi. Tôi cảm thấy tôi không có vẻ đáng yêu; tôi chỉ là một chú bé si tình, nhưng phu nhân hãy cứ cho tôi thử thách.

Khi nói những lời ấy, hoàng thân cũng khá sôi nổi.

— Điện hạ hãy cứu Fabrice rồi nói gì tôi cũng tin tất! Chắc là tấm lòng mẹ của tôi bị lôi cuốn vào những lo ngại hão huyền, nhưng xin ngài hãy cứ phái người đến ngục thành dắt Fabrice về đây cho tôi thấy mặt. Nếu nó còn sống, xin Điện hạ hãy cho nó vào nằm trong nhà lao thành phố, và bắt nó ở đó trường kỳ tháng này qua tháng khác, nếu Điện hạ thấy cần, cho đến lúc nó được đem ra xử.

Nữ công tước lấy làm thất vọng khi chỉ cần phán một tiếng để chuẩn y một điều thỉnh cầu đơn giản, hoàng thân lại sa sầm; lúc đầu mặt ông đỏ chín, ông nhìn nữ công tước rồi sụp mí mắt xuống, hai má tái đi. Ý niệm thuốc độc đưa ra không phải lúc đã gợi cho ông một ý nghĩ xứng đáng với thân sinh ông hoặc là Philippe II, nhưng ông không dám nói ra. Cuối cùng, như tự bức ép mình, và với giọng không được dịu ngọt, ông nói:

— Thừa phu nhân, phu nhân coi tôi như một đứa trẻ con, và còn như là một người đàn ông vô duyên nữa. Đã vậy thì tôi sắp nói với phu nhân một điều đáng tởm nhưng vừa mới nảy ra trong ý nghĩ tôi do lòng yêu mến sâu sắc và chân thành đối với phu nhân. Nếu tôi có chút ít tin là có thuốc độc thì tôi đã hành động rồi, bốn phận tôi buộc tôi phải làm vậy, như một điều luật; nhưng tôi chỉ thấy trong điều yêu cầu của phu nhân một bột hứng say xưa mà có lẽ tôi xin phép được nói thật - tôi không nhìn thấy hết tầm quan trọng. Phu nhân muốn tôi hành động không hỏi ý kiến các bộ trưởng, trong khi tôi lên ngôi chỉ mới ngót ba tháng! Phu nhân đòi tôi vượt xa ra ngoài phong cách làm việc thông thường của tôi mà tôi cho là, xin nói thật, hợp lý. Lúc này phu nhân là chúa tể tuyệt đối ở đây, phu nhân cho tôi hy vọng về một quyền lợi nó là tất cả đối với tôi; nhưng trong một giờ nữa, khi cái thuốc độc tưởng tượng, cái ám ảnh ấy tiêu tan thì sự có mặt của tôi trở nên khó chịu đối với phu nhân, và tôi sẽ bị lạnh nhạt. Cho nên, tôi cần được bảo đảm bởi một lời thề, phu nhân hãy thề rằng nếu Fabrice được trả lại cho phu nhân yên lành, thì trong vòng ba tháng tới tôi sẽ được phu nhân ban cho tất cả những gì sung sướng nhất là lòng yêu đương của tôi mong mỏi; như vậy phu nhân sẽ tạo nên hạnh phúc cho cả cuộc đời người, một giờ mà phu nhân hoàn toàn thuộc về tôi.

Lúc đồng hồ hoàng cung đánh hai tiếng: “Chao ôi! Có lẽ... có lẽ muộn mất rồi!” Nữ công nương nghĩ thầm.

— Tôi xin thề, bà thét lên, mắt như thất thần.

Tức thời hoàng thân trở thành một người khác. Ông chạy đến cuối hành lang, phía có phòng khách của các phụ tá võ phòng.

— Tướng quân Fontana, ông hãy tức tốc phi ngựa đến ngục thành, leo nhanh, càng nhanh càng hay, leo nhanh lên buồng giam ông Del Dongó và đưa ông ấy về đây cho tôi; tôi cần nói chuyện với ông ấy trong hai mươi phút nữa, mười lăm phút nếu có thể.

— Chao ôi! Tướng quân ơi! Nữ công tước đã đi theo hoàng thân, và kêu lớn - mỗi một phút hơn kém có thể quyết định tính mệnh tôi. Một báo cáo chắc là thất thiệt đã làm cho tôi lo ngại Fabrice bị đầu độc! Khi đến vừa tầm gọi thì phiến tướng quân hét lên bảo nó đừng ăn. Nếu nó ăn gì thì làm thế nào cho nó nôn ra, nói rằng tôi muốn thế; nếu cần thì tướng quân cứ dùng cưỡng bức; hãy nói với nó là tôi đi theo sau gót tướng quân. Và tướng quân hãy coi tôi là người chịu ơn của tướng quân suốt đời.

— Thừa công tước phu nhân, ngựa tôi đã đóng yên, tôi được tiếng là người biết cưỡi ngựa, và tôi sẽ cho ngựa phi cháy đất, tôi sẽ đến ngục thành tám phút trước bà lớn.

— Còn tôi, thừa phu nhân, hoàng thân kêu to, tôi xin bốn trong tám phút ấy [\[122\]](#).

Viên phụ tá đã biến mất, đó là một con người không có tài gì ngoài tài cưỡi ngựa. Y vừa đóng cửa lại xong thì vị quận vương trẻ có vẻ quyết đoán đã nắm tay bà công tước. Ông sôi nổi nói:

— Phu nhân đã vui lòng đến nhà nguyện với tôi.

Lần đầu tiên trong đời, bà công tước sững sốt, bà im lặng bước theo hoàng thân. Hai người vừa đi vừa chạy suốt chiều dài của hành lang cung điện vì nhà nguyện ở tận đầu kia. Vào nhà nguyện, hoàng thân quì xuống trước bàn thờ, cũng hầu như trước mặt bà công tước:

— Xin phu nhân lặp lại lời thề, ông nói một cách say sưa. Nếu phu nhân công bằng, nếu cánh danh nghĩa quận vương không hại tôi thì phu nhân hẳn đã thương xót ban cho trái tim say đắm này điều mà bây giờ phu nhân phải nợ tôi vì đã trót thề thốt.

— Nếu tôi được gặp lại Fabrice không bị trúng độc, nếu trong tám hôm nữa, nó vẫn còn sống, nếu Điện hạ phong nó làm phó giáo chủ với quyền kế thừa tổng giám mục Landriani về tương lai thì danh dự, phẩm hạnh người phụ nữ và tất cả những gì của tôi, tôi cũng sẽ chà đạp dưới chân và người tôi sẽ thuộc về Điện hạ.

Vẻ nửa ngại ngùng, nửa âu yếm trông rất buồn cười quận vương nói:

— Nhưng mà, bạn thân thương ạ, tôi ngại một cam bẫy nào đó mà tôi không nhận ra có thể phá hoại hạnh phúc của tôi; tôi sẽ chết mất vì nó. Nếu đức tổng giám mục ngăn trở tôi bằng một lý do tôn giáo nào đó khiến cho công việc dây dưa năm này qua năm khác, thì tôi chịu sao nổi? Phu nhân có định xử sự với tôi như một giáo sĩ dòng Tên hay không?

— Không. Rất thật thà, tôi nói nếu Fabrice được cứu thoát, nếu tận dụng quyền lực của mình. Điện hạ cử được nó làm phó chủ giáo và tổng giám mục tương lai thì tôi hy sinh danh dự tự hiến thân cho Điện hạ. Điện hạ chỉ cần cam kết ghi chữ chuẩn y trên lễ tờ tấu mà Đức cha Tổng giám mục sẽ dâng lên người trong vòng tám hôm nữa.

— Tôi ký cho phu nhân tờ khống chỉ, phu nhân hãy làm bà chúa của lòng tôi và trên đất nước tôi, hoàng thân kêu lên, mặt đỏ ửng vì vui sướng và thực sự cảm động. Ông đòi nữ công tước thề một lời thề thứ hai. Ông xúc động đến nỗi quên cả tính rụt rè bẩm sinh, và trong cảnh nhà nguyện vắng vẻ, chỉ có hai người mặt đối mặt, hoàng thân đã thề với nữ công tước những điều mà giá được nghe ba hôm trước, hẳn bà đã thay đổi ý kiến về ngài. Nhưng ở trong lòng phu nhân, nỗi thất vọng do tai họa của Fabrice mang lại đã nhường chỗ cho sự ghê tởm về điều mà người ta bức bách bà cam kết.

Nữ công tước rất day dứt về việc bà vừa làm. Bà chưa cảm thấy hết sự cay đắng xót xa của lời thề là vì còn phải chú ý xem tướng Fontana có đến ngục thành kịp hay không.

Để khỏi phải nghe những lời âu yếm bông bột của chú trẻ con ấy và thay đổi đề mục câu chuyện một tí bà khen một bức tranh của họa sĩ Parmesan nổi tiếng treo ở bàn thờ chính của nhà nguyện.

— Xin phu nhân vui lòng cho phép tôi gửi đến biểu phu nhân, hoàng thân nói.

— Tôi nhận, nữ công tước đáp. Nhưng xin Điện hạ hãy vui lòng cho tôi chạy đi đón Fabrice đã.

Như người mất hồn, bà công tước bảo anh đánh xe cho ngựa phi nước đại. Bà gặp trên cầu bắc qua hào tướng Fontana cùng với Fabrice đi bộ ra.

— Anh có ăn không?

— Không, mới kỳ diệu chứ!

Phu nhân nhảy lên bá cổ Fabrice rồi ngắt đi; cơn bất tỉnh kéo dài một tiếng đồng hồ khiến người ta lo ngại trước hết về tính mệnh của bà, rồi sau thì về cân não.

Quan trấn thủ Fabio Conti vừa qua đã giận tái mặt khi thấy tướng Fontana đến; ông thi hành mệnh lệnh của quân vương chậm chạp đến nỗi cuối cùng tướng võ phòng phải nổi nóng vì đoán bà công tước sắp sửa là nhân tình đương vị của hoàng thân. Quan trấn thủ định cho bệnh hoạn của Fabrice kéo dài đôi ba ngày, “thế mà - ông tự nhủ - viên tướng người của triều đình này lại sắp mục kích cái tên hỗn láo ấy giẫy giụa trong đau đớn cho đáng kiếp đã chạy trốn để cho ta mang nhục”.

Vẻ dăm chiêu, tướng Conti dừng lại tại bót gác ở tầng nền và vội vàng đổi lính đi để không còn ai nữa chứng kiến cảnh tượng sắp bày ra. Năm phút sau, ông bỗng sờ nghe giọng nói, của Fabrice rồi thấy anh linh hoạt, nhanh nhẩu tả cảnh nhà lao cho tướng Fontana nghe. Quan trấn thủ vội chuồn êm.

Fabrice tỏ ra là người phong nhã[123] hoàn toàn trong cuộc tiếp kiến với quân vương. Trước hết anh không muốn tỏ ra là một chú bé gặp gì cũng sợ hãi. Hoàng thân ân cần hỏi xem anh thấy trong người thế nào, anh đáp:

— Thưa Điện hạ anh minh, tôi tự thấy như một người đói gần chết vì may mắn đã không ăn sáng cũng không ăn trưa.

Sau khi cảm tạ quân vương, anh xin phép đi thăm đức tổng giám mục trước khi vào nhà lao thành phố. Hoàng thân tái mặt đi, tái một cách dị thường khi cái đầu óc trẻ con của ông cảm thấy chuyện thuốc độc không hẳn là một sản phẩm trong trí tưởng tượng của bà công tước. Day dứt với tư tưởng quái ác ấy, thoát tiên ông không trả lời Fabrice về điều yêu cầu được đi thăm viếng đức tổng giám mục; nhưng rồi ông thấy phải sửa chữa sự đãng trí của mình bằng bội phần niềm nở:

— Ông cứ đi một mình, đi trong các đường phố ở kinh đô tôi, không có người kèm. Vào khoảng mười, mười một giờ, ông trở vào nhà lao và tôi hy vọng rằng ông không phải ở đó lâu la gì.

Sáng hôm sau cái ngày lớn lao đó, cái ngày đáng nhớ nhất trong cuộc đời ông, hoàng thân tự cho là một Napoléon nhỏ; ông có đọc sách thấy nói rằng nhiều phụ nữ xinh đẹp trong triều đình Hoàng đế đã chiều chuộng ngài. Một lần là Napoléon vì số đào hoa, ông lại nhớ là ông cũng đã là Napoléon trong lửa đạn. Ông hãy còn vô cùng hào hứng với cách xử sự cương quyết của mình đối với nữ công tước. Ý thức đã thực hiện được một điều khó khăn biến ông thành một người khác trong mười lăm hôm; ông nghe lọt tai những lời bàn độ lượng, ông tỏ ra ít nhiều có bản lĩnh.

Hôm đó ông bắt đầu đốt cái sắc bá tước đã được soạn sửa để phong cho Rassi, bằng sắc ấy nằm chờ ở bàn giấy ông từ một tháng nay. Ông cách chức tướng Fabio Conti và đòi người kế vị là đại tá Lange báo cáo sự thật về vụ đầu độc. Là một quân nhân trung thực người Ba Lan,

Lange làm cho bọn lính coi ngục sợ, phải cứ thực mà khai và ông báo cáo với hoàng thân là người ta đã toan đầu độc bữa ăn sáng của ông Del Dongo nhưng mà làm thế thì phải mở quá rộng phạm vi những người được biết điều bí mật. Họ bố trí chu đáo hơn vào bữa ăn trưa đó, cho nên giá tướng Fontana không đến thì ông Del Dongo đã chết rồi. Hoàng thân hãi hùng. Nhưng vì ông thực sự si tình, cho nên ông có được một điều hả dạ khi tự nhủ: “Thế là ta đã thực sự cứu sống ông Del Dongo, và nữ công tước sẽ không dám sai lời hứa với ta”. Từ đó, ông đi tới một ý khác: “Cái nghề của ta khó hơn ta tưởng nhiều lắm. Mọi người nhất trí là nữ công tước thông minh tuyệt vời, chính trị ở đây thống nhất với tình yêu, nếu nàng vui lòng làm thủ tướng cho ta thì quả là một hạnh phúc thần tiên”.

Hoàng thân quá căm tức về những điều bỉ ổi mà ông khám phá ra cho nên tối hôm đó không tham gia đóng trò, ông nói với nữ công tước:

— Tôi sẽ rất sung sướng nếu được phu nhân vui lòng trị vì trên đất nước tôi cũng như trong trái tim tôi. Để bắt đầu, tôi xin trình bày công việc tôi làm trong ngày. Thế rồi ông thuật lại rất đúng đắn việc đốt bằng sắc bá tước của Rassi, việc cử Lange làm trấn thủ, tò tình của viên này về việc đầu độc v.v... Tôi tự thấy quá thiếu kinh nghiệm để trị vì. Bá tước làm nhục tôi với những lời giễu cợt của ông; ông giễu cợt ngay cả ở nội các và trong phòng khách, ông nói những điều mà phu nhân cũng sẽ cho là không đúng; ông nói tôi là một chú bé ông muốn dắt dẫn đi đâu cũng được. Dù là vương giả, người ta cũng vẫn là người, phải không phu nhân? Cho nên những điều đó làm cho tôi bức tức. Để chứng tỏ những điều bá tước Mosca nói là hồ đồ, người ta khiến tôi phải gọi vào nội các cái tên vô lại Rassi nguy hiểm ấy, thế mà đến bây giờ lão Conti còn tưởng thế lực nó to lắm, không dám khai ra chính Rassi hay mục Raversi đã xúi nó giết hại anh cháu của phu nhân. Tôi những muốn đưa Conti ra trước tòa án thôi; bọn quan tòa sẽ xét xem nó có phạm tội mưu toan đầu độc hay không?

— Nhưng mà thưa hoàng thân, ngài có quan tòa không đã?

— Thế nào? Hoàng thân kinh ngạc kêu.

— Ngài có những luật gia thông thái, họ đi ngoài đường một cách trịnh trọng; ngoài ra, họ xử án luôn luôn theo ý muốn của đảng phái có ưu thế ở triều đình.

Trong khi ngài quận vương trẻ bức tức nói những câu chứng tỏ ông ngây thơ hơn là mình hẳn, bà công tước nghĩ thầm: “Ta có nên để cho Conti bị bêu riếu hay không? Không, chắc chắn là không nên! Bởi vì nếu thế thì cuộc hôn nhân giữa con gái lão với anh chàng hầu tước Crescenzi lương thiện và tầm thường kia sẽ không thành”.

Về vấn đề này, một cuộc đối thoại bất tận đã diễn ra giữa nữ công tước và hoàng thân. Hoàng thân ngăn người và kính phục. Để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc hôn nhân giữa Clélia Conti và hầu tước Crescenzi, và cũng chỉ với điều kiện bất di dịch ấy - mà hoàng thân nói ra một cách giận dữ với viên cố trấn thủ - ngài tha thứ cho lão ta về tội mưu toan đầu độc; nhưng làm theo ý kiến của nữ công tước, ngài phát lưu lão cho đến lúc lễ thành hôn được tổ chức. Nữ công tước tưởng mình không yêu Fabrice bằng tình yêu nam nữ nữa, nhưng bà vẫn còn tha thiết mong Clélia lấy hầu tước; ở đây có phảng phất cái hy vọng là dần dần sẽ thấy Fabrice hết bận lòng về nàng kia.

Ngây ngất vì hạnh phúc, hoàng thân muốn ngay tối hôm đó cách chức bộ trưởng Rassi một cách âm ỉ. Nữ công tước cười nói:

— Điện hạ có nghe câu nói của Napoléon không? Một người ở địa vị cao được thiên hạ nhìn vào thì không nên có những cử chỉ hung hăng. Nhưng mà tối nay đã quá muộn, xin gác công vụ lại ngày mai.

Bà công tước muốn có thì giờ hội ý với bá tước. Bà kể lại cuộc đối thoại buổi tối đó một cách trung thành tuy cũng có tước bỏ những câu nhắc nhở thường xuyên của hoàng thân về một lời

hứa đầu độc cuộc đời bà. Bà tự tin sẽ làm cho mình trở nên cần thiết đến mức có thể hoãn vô thời hạn việc thực hiện lời hứa đó mỗi khi nói: Nếu Điện hạ tàn nhẫn bắt tôi làm điều nhục nhã ấy - mà tôi sẽ không tha thứ cho Điện hạ thì tôi sẽ rời bỏ đất nước ngài ngay ngày hôm sau.

Được nữ công tước hỏi ý kiến về Rassi, bá tước tỏ ra rất độ lượng:

— Tướng Fabio Conti và hân sẽ đi du lịch ở Piémontais.

Một trở ngại rất lạ lùng đã xảy ra trong vụ xét xử Fabrice; bọn quan tòa muốn tha bổng anh ta bằng việc nhất trí hoan hô ngay từ phiên đầu. Bá tước phải đe dọa họ để cho cuộc xét xử diễn ra ít nhất là tám hôm và họ phải chịu khó nghe tất cả nhân chứng cùng khai. “Bọn ấy lúc nào cũng thế”, ông tự nhủ.

Được xử trắng án hôm trước thì hôm sau Fabrice Del Dongo nhận chức đại trợ tá của đức Tổng giám mục Landriani đôn hậu. Cùng ngày, hoàng thân ký những thông điệp cần thiết để Fabrice được cử làm chủ giáo với quyền thừa kế, và chưa đầy hai tháng sau, anh nhận chức ấy.

Mọi người tán tụng với bà cô về người nghiêm trang của anh cháu; sự thật là anh đang thất vọng. Sáng hôm sau cái ngày anh được giải phóng, tiếp đó là tướng Conti bị cách chức và bà công tước đắc sủng, Clélia đến trú ngụ ở nhà bà cô, nữ bá tước Contarini một người đàn bà giàu sụ và có tuổi, chỉ biết chăm lo sức khỏe của mình. Clélia có thể tìm gặp Fabrice. Nhưng giá ai biết những gấn bó trước đây của nàng với Fabrice và bây giờ thấy cách nàng xử sự thì dễ nghĩ rằng mối tình của nàng chấm dứt khi đã chấm dứt những nguy cơ đe dọa người yêu. Không những lúc nào có thể đi qua trước lầu đài Contarini một cách đàng hoàng thì Fabrice đều đi, anh còn cố thuê cho được, dù mất không biết bao nhiêu công khó, một phòng con đối diện với các cửa sổ tầng một của tòa lầu đài ấy. Một lần, Clélia sơ ý ra đứng ở cửa sổ để xem một đám rước, chợt lùi vào tức khắc như có gì làm cho nàng kinh hãi, nàng đã trông thấy Fabrice mặc đồ đen như một người thợ rất nghèo, đang đứng nhìn mình từ một cửa sổ của căn nhà nát ấy, cánh cửa cũng dán giấy như ở cái buồng giam của anh tại tháp Farnèse, Fabrice rất tin rằng Clélia trốn tránh anh vì bố nàng bị thất sủng mà dư luận thì cho là do bà công tước gây nên; tuy nhiên anh thừa biết một nguyên nhân khác, cho nên không ngót buồn phiền.

Anh không vui gì với việc được trắng án, cũng không hứng thú với việc nhận những chức vụ cao, nhưng chức vụ được đảm nhiệm lần đầu trong đời, cả với địa vị tốt đẹp trong xã hội; cuối cùng anh cũng không có chút đắc ý nào với việc tất cả các vị chức sắc nhà thờ và các con chiên ngoan đạo trong địa phận đến chào anh một cách chuyên cần. Cái phòng xinh xắn của anh ở lầu đài Sanseverina không đủ chỗ nữa. Anh sung sướng được nữ công tước nhường cho cả tầng hai và hai buồng khách xinh đẹp ở tầng một, hai buồng ấy lúc nào cũng đầy ắp những nhân vật đến phiên mình để chào vị phó chủ giáo trẻ tuổi. Cái điều khoản kế thừa trong tương lai đã phát huy tác dụng một cách kỳ diệu ở trong nước, bấy giờ người ta cho những nét cương nghị trong tính tình Fabrice là những đức tốt, mà những nét ấy thì ngày trước từng làm cho những quan triều nghèo và khờ khạo bất phục sâu sắc.

Fabrice học được một bài triết lý lớn hơn lúc tự thấy mình hoàn toàn hờ hững trước những vinh dự đó và khổ sở trong cái phòng huy hoàng này với mười tên hầu mặc đồng phục nhà mình - khổ sở hơn nhiều so với trước kia ở cái buồng gỗ trong tháp Farnèse luôn luôn có những tên coi ngục góm ghieếc bao vây, và luôn luôn lo ngại cho tính mệnh. Mẹ anh và chị anh, nữ công tước V. đến Parme để được nhìn anh trong vinh quang, đều lấy làm ngạc nhiên về nỗi buồn sâu sắc của anh. Nữ hầu tước Del Dongo, bây giờ là người phụ nữ ít mơ mộng nhất, quá lo lắng đến nỗi cho là lúc anh ở tháp Farnèse, người ta đã phục cho anh một thuốc độc chậm ngấm. Mặc dù rất tế nhị, bà cũng thấy cần phải nói chuyện với Fabrice về vẻ phiền muộn lạ lùng ấy, nhưng Fabrice chỉ đáp lại bằng nước mắt.

Một loạt quyền lợi đi đôi với địa vị rực rỡ của anh chỉ có tác dụng làm cho anh bức bối. Người anh của anh, con người hóm hĩnh và thối tha vì ích kỷ đó, viết cho anh một bức thư chúc tụng gần như một công văn, và gửi kèm theo một ngân phiếu năm vạn quan để cho anh có

thể mua, vị tân hầu tước nói thế - một cỗ xe và mấy con ngựa xứng đáng với danh vị anh. Fabrice gửi số tiền ấy cho cô em gái lấy chồng nghèo.

Bá tước Mosca đã cho làm xong một bản dịch rất tốt bằng tiếng Ý cái gia phả họ Del Dongo ngày xưa do đức tổng giám mục xứ Parme, cũng tên là Fabrice, công bố bằng tiếng La tinh. Ông cho in rất sang trọng, với văn bản La tinh đối diện; các tranh vẽ đã được in lại rất đẹp bằng bản đá ở Paris. Bà công tước có cho in một bức chân dung đẹp của Fabrice đối diện với chân dung cố tổng giám mục. Bản sách này được ghi là công trình của Fabrice trong thời gian ngồi tù lần trước. Tuy nhiên ở nhân vật này của chúng ta, cái gì cũng đã tiêu ma hết kể cả tính hiếu danh rất tự nhiên ở người đời. Fabrice không buồn đọc một trang nào ở cái công trình gọi là của anh đó. Vị trí của anh trong xã hội bắt buộc anh dâng lên một bản đóng rất đẹp cho quận vương; thấy cần phải đền bù cho anh vì anh đã chạm cái chết ác nghiệt, ngài ban cho anh đặc quyền xuất nhập buồng ngự, một ân huệ đưa anh lên hàng đại thần.

CHƯƠNG XXVI

Trạng thái sầu muộn sâu sắc, chỉ có những phút đứng nấp sau tấm kính cửa sổ may chăng Fabrice mới thoát được; tấm kính ấy do chàng lắp thay tấm giấy dầu ở ô cửa buồng đối diện với lâu đài Contarini, nơi Clélia trú ngụ. Từ khi ra khỏi ngực thành chàng ít gặp Clélia, nhưng mỗi khi gặp, chàng đều rất buồn về một sự thay đổi rõ rệt, mà chàng cho là một triệu chứng xấu. Sau khi phạm lỗi, vẻ mặt nàng đượm một vẻ cao quý và nghiêm trang đáng chú ý, người ta tưởng nàng phải đến ba mươi tuổi. Trong sự thay đổi lạ thường ấy, Fabrice nhận thấy phản ánh của một ý định cương quyết nào đó. “Mỗi giây phút, chàng nghĩ thầm, Clélia vẫn tự hứa là phải giữ điều phát nguyện với Đức Mẹ và không bao giờ gặp lại ta nữa”.

Fabrice chỉ đoán được một phần tai họa của Clélia thôi. Nàng biết rằng ông bố thất sủng nặng nề chỉ có thể trở về Parme và xuất hiện ở triều đình (không đạt điều đó ông không sống nổi!) vào ngày hầu tước Crescenzi cưới nàng, cho nên nàng viết thư sang cho bố nói nàng mong đợi ngày cưới đó; tướng Conti lúc ấy trốn ở Turin và đang phát ốm vì phiền muộn. Phải nói rằng điều quyết định của Clélia có hậu quả làm nàng già đi mười năm.

Clélia đã phát hiện thấy Fabrice có một cửa sổ đối diện với lâu đài Contarini nhưng nàng chỉ có một lần phạm tội nhìn chàng. Mỗi khi thấy có một dáng mặt hay một bóng người hao hao giống chàng, nàng nhắm mắt lại tức khắc. Tính ngoan đạo sâu sắc và lòng tin vào sự cứu vớt của Đức Mẹ từ nay là nguồn an ủi duy nhất của nàng. Nàng đau đớn vì biết mình không mền phục bố, còn tư cách của ông chồng tương lai thì nàng thấy quá tầm thường chi ngang tầm với lối cảm nghĩ của giới thượng lưu; sau hết, nàng sùng bái một người mà nàng sẽ không bao giờ được nhìn mặt nữa, nhưng lại có những quyền hạn đối với nàng. Sự tổng hợp những số kiếp ấy, nàng thấy là một tai họa trọn vẹn, và chúng tôi cho rằng nàng nghĩ đúng. Lấy chồng rồi, chắc phải đi xa Parme hai trăm dặm mới sống nổi.

Fabrice biết Clélia rất khiêm tốn; chàng biết là một hành vi khác thường có thể làm đầu đề chuyện văn cho người đời, nếu bị khám phá chắc chắn sẽ làm cực lòng nàng. Tuy vậy, vì quá buồn phiền, vì đôi mắt của Clélia cứ tránh đi không đoái hoài đến chàng, cùng kể, chàng đánh liều mua chuộc hai tên người nhà của bà Contarini, cô nàng. Một hôm, vào lúc sẩm tối, Fabrice ăn mặc giả dạng một tư sản nông thôn, đến gõ cửa lâu đài, ở đó có một tên đầy tớ đã bị mua chuộc. Chàng nói là từ Turin đến, có mang tới cho Clélia thư từ của bố nàng. Tên người nhà đi báo tin rồi đưa chàng đến một phòng đợi mênh mông ở tầng một. Có lẽ ở nơi đó, Fabrice đã sống cái khoảnh khắc hồi hộp nhất trong đời mình. Nếu Clélia từ chối, chàng không còn hy vọng sống yên ổn nữa. “Nếu vậy thì để cắt ngang những bốn phận khó chịu mà địa vị mới bắt ta gánh vác, ta sẽ trừ một linh mục xấu cho nhà Thờ và đổi một tên giả, ta sẽ trốn vào một tu viện chartreuse[124] nào đó”. Mãi sau tên người nhà mới đến báo tiểu thư Clélia vui lòng tiếp. Bây giờ Fabrice mất cả can đảm; khi đi lên cầu thang tầng hai, chàng suýt ngã vì lo sợ.

Clélia đang ngồi trước một chiếc bàn con chỉ cắm một cây nến. Vừa nhận ra Fabrice dưới lốt cải trang nàng chạy trốn vào tận cuối phòng.

— Anh lo nghĩ cứu phần hồn của tôi như thế đấy, nàng thét lên và lấy hai bàn tay che mặt. Anh vốn biết khi cha tôi suýt chết vì thuốc độc tôi đã phát nguyện với Đức Mẹ là sẽ không bao giờ nhìn thấy anh nữa. Tôi chỉ vi phạm lời thề vào cái hôm khốn khổ nhất trong đời tôi là hôm tôi thấy có trách nhiệm phải cứu mạng anh. Theo một cách giải thích gò ép và có lẽ là tội lỗi, tôi chịu nghe anh nói đã quá lắm rồi.

Câu cuối cùng khiến Fabrice ngạc nhiên đến nỗi giây phút sau mới cảm thấy sung sướng. Trước đây chàng ngỡ Clélia sẽ nổi giận dữ dội và sẽ chạy đi mất. Chàng lấy lại bình tĩnh, thối tất phụt ngọn nến độc nhất. Mặc dù tin là đã hiểu rõ mệnh lệnh của Clélia, chàng vừa đi vừa run đến cuối phòng khách, nơi đó nàng đang nấp sau một trường kỷ. Chàng không biết hôn tay nàng có làm phật ý nàng không. Nàng run lên vì trù mẫn và ngã vào tay chàng. Nàng nói:

— Ôi, Fabrice thân thương! Sao lâu thế anh mới đến? Em chỉ có thể nói chuyện với anh được một lát thôi vì đây hẳn là một tội to. Vì khi em thề là sẽ không nhìn thấy anh nữa, hẳn em cũng hiểu rằng như thế có nghĩa là cũng không chuyện trò với anh. Tuy nhiên tại sao anh trừng phạt cha em một cách tàn nhẫn như vậy về cái ý định báo thù của người. Bởi vì ban đầu chính người ta suýt giết người bằng độc dược để cho anh dễ dàng trốn đi. Không phải anh cũng cần phải làm một cái gì vì em, người đã liều thân danh để cứu anh hay sao? Vả chẳng ngày nay anh đứng hoàn toàn trong hàng ngũ thiêng liêng những người phụng sự Chúa, anh không thể cưới em giả dụ em có tìm được cách nào tống cổ cái anh hầu tước đáng ghét đó đi nữa. Sau cùng, làm sao buổi chiều hôm rước thánh anh dám liều lĩnh muốn nhìn tận mặt em giữa thanh thiên bạch nhật? Bằng hành động đó, anh đã vi phạm một cách lộ liễu nhất lời phát thệ thiêng liêng của em trước Thánh Mẫu.

Fabrice ôm siết nàng trong tay, ngây ngất vì ngạc nhiên vì sung sướng.

Một cuộc chuyện trò bắt đầu bằng bấy nhiêu việc để trao đổi với nhau thì chắc là không thể nào kết thúc mau chóng, Fabrice thuật lại cho Clélia nghe sự thật về việc phát lưu bố nàng, nữ công tước không can dự gì vào đấy cả bởi cái lẽ lớn là bà không hề ngờ sáng kiến đầu độc lại do tướng Conti mà ra; bà luôn luôn nghĩ đó là một thủ đoạn trí thuật của cánh Raversi, chúng muốn đẩy bá tước Mosca đi. Chân lý lịch sử được khai triển miên man đó cho Clélia hết sức sung sướng; phải thù ghét một người thân của Fabrice thì nàng khổ tâm lắm. Bây giờ nàng không nhìn bà công tước với con mắt ghen tuông nữa.

Cái hạnh phúc mà buổi tối do xây dựng nên chỉ tồn tại trong mấy ngày.

Cha Cesare đôn hậu từ Turin trở về. Mạnh dạn vì tấm lòng mình hoàn toàn trung thực, ông đến xin yết kiến nữ công tước. Sau khi yêu cầu và được bà hứa hẹn sẽ không phụ lòng tin cậy của ông về điều tâm phúc mà ông sắp nói, ông thú nhận rằng anh ông làm lạc vì sĩ diện hão và tưởng mình bị thách thức, mình mất mặt trước dư luận vì sự vượt ngục của Fabrice, nên đã cho rằng mình cần phải trả thù.

Don Cesare nói chưa đầy hai phút đã đạt thắng lợi rồi. Đạo đức toàn thiện của cha đã làm cho bà công tước cảm động vì bà không quên gặp những cảnh như thế; bà thích thú vì tính chất mới lạ của cảnh tượng này.

— Cha hãy thúc đẩy cho lễ cưới xin giữa tiểu thư Conti và hầu tước Crescenzi được tiến hành mau chóng thì tôi cam đoan sẽ làm hết sức tôi để cho quan tướng được tiếp đón như người đi xa trở về. Tôi sẽ mời ông ấy ăn cơm; cha bằng lòng chưa? Chắc là lúc đầu còn có lạnh nhạt đấy và quan tướng cũng đừng nên vội xin lại làm trấn thủ ngục thành. Nhưng cha cũng biết rằng tôi có cảm tình với hầu tước và tôi sẽ không nuôi thù hằn đối với bố vợ ông ta đâu.

Bỏ bụng những lời hứa hẹn ấy, don Cesare đến nói với cô cháu là cô cầm tính mệnh bố cô trong tay, bố cô hiện ồm vì thất vọng. Từ nhiều tháng nay, ông không ra mặt giữa nơi đông đảo nào.

Clélia đi thăm bố, lúc ấy đội tên giả trốn ở một thôn gần Turin; ông tướng triều đình Parme yêu cầu triều đình Turin bắt ông và giao hoàn cho Parme để truy tố. Nàng thấy bố ồm và gần như điên rồ. Tối hôm đó, nàng viết cho Fabrice một bức thư vĩnh viễn đoạn tuyệt. Tính tình của Fabrice cũng phát triển y như tính tình người yêu, nhận được thư đó, chàng vào ẩn ở tu viện Velleja ở trong núi, cách Parme mười dặm, Clélia viết cho chàng một bức thư mười trang giấy. Ngày trước nàng đã thề với Fabrice là sẽ không bao giờ lấy hầu tước nếu chàng không đồng ý, bây giờ nàng yêu cầu chàng đồng ý và từ trong chỗ ẩn trú Velleja, Fabrice đã viết một lá thư chứa chan một tình trạng trong sạch để bày tỏ sự thuận tình của mình.

Phải thú nhận là cái tình bạn trong thư làm cho Clélia ấm ức; nhận được thư, Clélia tự mình định ngày tổ chức lễ cưới, lễ hội, yến tiệc trong đám cưới càng làm cho triều đình Parme thêm rục rịch trong mùa đông ấy.

Ranuce Ernest V tính vốn hà tiện, nhưng ông say mê nữ công tước và hy vọng giữ bà ở triều đình; ông yêu cầu mẹ nhận một số tiền lớn và tổ chức khánh tiết. Bà tổng quản lý sử dụng số bồi thu tài chính ấy một cách tài tình; những lễ hội ở Parme mùa đông ấy khiến người ta nhớ đến những ngày tươi đẹp của triều đình Milan và hoàng thân phó vương Eugène đáng yêu, mà tính hào hiệp để lại kỷ niệm lâu dài trong lòng người.

Nhiệm vụ phó chủ giáo bắt buộc Fabrice trở về Parme; nhưng chàng tuyên bố vì thành tâm mộ đạo, chàng sẽ tiếp tục sống thanh tịnh ở cái phòng nhỏ tại tòa tổng giám mục mà người đỡ đầu cho chàng, đức cha Landriani đã buộc chàng phải nhận; thế rồi chàng vào đây và đóng cửa lại, chỉ đem theo một người hầu. Thế là chàng không dự một lễ hội huy hoàng nào ở triều đình cả, và được dậy tiếng tăm là bậc thánh tăng ở Parme và trong địa phận hành giáo tương lai của chàng, Fabrice ẩn cư là vì buồn phiền quá sức và vô vọng, nhưng việc đó có một hậu quả bất ngờ, đức cha Landriani đôn hậu xưa nay vẫn quý mến Fabrice và trên thực tế đã có ý kiến cử chàng làm phó chủ giáo, nay lại đâm ra có chút ít ganh tị với chàng. Đức tổng giám mục nghĩ rất đúng là mình phải dự tất cả những lễ hội tại triều, theo tục lệ Ý. Trong những dịp đó, đức cha vận trang phục đại lễ, không khác mấy với trang phục hành lễ ở nhà thờ lớn của người. Hàng trăm kẻ hầu tụ tập ở phòng chờ của cung điện không quên đứng dậy xin Đức cha ban phước và ngài vui lòng đứng lại ban phước cho họ. Một lần, vào lúc cảnh im lặng long trọng đó đang diễn ra thì Đức Cha Landriani nghe có một người nói: “Đức tổng giám mục của chúng ta đi dự khiêu vũ, còn Đức cha Del Dongo thì không bước ra khỏi phòng!”.

Từ lúc đó Fabrice không được hưởng cảnh ân sủng dồi dào ở tòa tổng giám mục như xưa nữa. Nhưng chàng đã có thể bay với đôi cánh riêng của mình. Tuyệt vọng vì Clélia đi lấy chồng cho nên chàng đã hành động như vậy, nhưng người đời lại cho là vì lòng mộ đạo tự nhiên và cao quý, và các bà mộ đạo muốn xác định lòng tin, đã đọc bản dịch gia phả họ Del Dongo trong đó có một sự khoa trương cuồng nhiệt. Bọn hàng sách đem chân dung chàng in thạch bản, chỉ trong mấy hôm là bán sạch, kẻ mua đông đảo nhất là đám bình dân. Vì dốt nát, người thợ vẽ bảng đá đã vẽ chung quanh chân dung những trang trí đáng lẽ chỉ được có ở chân dung các vị giám mục, chứ phó chủ giáo thì không có quyền. Đức tổng giám mục trông thấy bức chân dung đó và nổi giận ghê gớm; người cho gọi Fabrice và khiển trách chàng một cách nghiêm khắc nhất bằng những lời lẽ đôi khi thô bạo vì hằn học.

Chắc ai cũng đoán biết Fabrice không mất công phu gì để xử sự như Fénelon có thể làm nếu ông ta gặp trường hợp tương tự. Chàng lặng nghe đức tổng giám mục một cách nhún nhường và kính cẩn hết sức và vì Đức Cha nói xong, chàng thuật lại tất cả việc phiên dịch gia phả mà người ta đã làm theo lệnh bá tước Mosca trong lần ở tù thứ nhất của chàng. Bá tước cho xuất bản nhằm một mục đích phô trương mà chàng vẫn thấy không hợp với chức nghiệp chàng. Còn về chân dung thì chàng hoàn toàn không biết đến khi xuất bản cũng như khi tái bản; người hàng sách đã gửi cho chàng hai mươi bốn bản trong kỳ tái bản gửi về tòa tổng giám mục trong lúc chàng ẩn cư, chàng đã cho người hầu đi mua một bức thứ hai mươi lăm; nhờ có cách ấy chàng biết giá bán mỗi bức là ba mươi xu cho nên chàng đã gửi một trăm quan để trả tiền cho hai mươi bốn bức chân dung trước.

Tất cả những lý lẽ ấy làm cho đức tổng giám mục giận đến phát khùng, mặc dù Fabrice đã trình bày với sự ôn tồn của một người đang có những điều phiền muộn lớn hơn nhiều trong tâm trí. Đức cha tức tối đến nỗi bảo Fabrice là giả dối:

“Những người xuất thân dân dã làm như thế đấy. Fabrice nghĩ thầm, dù họ thông minh cũng thế thôi!”.

Lúc đó chàng có một điều lo nghĩ quan trọng hơn, đó là những thư của bà cô, bà nhất thiết đòi chàng về ở cái phòng ở tòa lâu đài Sanseverina hay ít ra cũng thỉnh thoảng về thăm bà. Ở đấy thì chắc là Fabrice phải bị nghe nói đến những lễ hội lộng lẫy hầu tước Crescenzi tổ chức nhân lễ thành hôn của ông; mà chàng thì không dám tin là mình có thể nhìn cảnh tượng ấy mà vẫn có đủ bình tĩnh để khỏi làm trò lạ mắt cho thiên hạ.

Khi lễ cưới tiến hành thì Fabrice đã im lặng tuyệt đối, không nói năng gì trong tám ngày liền sau khi ra lệnh cho tên hầu và những người giúp việc trong tòa tổng giám mục có quan hệ với chàng đừng nói gì với chàng.

Đức tổng giám mục nghe nói đến điều giả dối mới này bèn cho gọi Fabrice đến nhiều hơn lệ thường và muốn nói chuyện nhiều với chàng; ngài lại buộc chàng tiếp mấy chanoines nông thôn đã cho là tòa tổng giám mục có những hành động làm thiệt đến quyền lợi của họ. Fabrice xem xét những việc ấy với sự hững hờ tuyệt đối của người đang bận tâm về những việc khác. “Có lẽ ta vào một viện ẩn tu thì hơn, chàng nghĩ thầm; ở trong núi đá Velleja ta ít đau khổ hơn”.

Chàng đi thăm nữ công tước và không cầm được nước mắt khi hôn bà. Bà công tước thấy chàng thay đổi nhiều quá, mắt chàng càng to thêm vì người quá gầy, có vẻ như lồi hẳn ra khỏi mặt, dáng dấp mảnh khảnh và khổ sở, với cái áo dài đen sờn chật hẹp của người cha cố bình thường; thoát nhìn chàng công tước phu nhân cũng khóc. Nhưng giây lát sau, bà tự bảo là tất cả sự thay đổi trên dáng dấp người thanh niên tuần tú ấy đều xảy ra do việc Clélia lấy chồng và bà đâm ra giận dữ không kém ông tổng giám mục mấy tí, tuy khéo che giấu hơn. Bà tàn nhẫn nói mãi mấy chi tiết ngoan mục đánh dấu các cuộc vui chơi hấp dẫn mà hầu tước tổ chức. Fabrice không trả lời, nhưng mắt chàng lim dim như bị co giật và mặt càng xanh tái thêm tuy đã nhợt nhạt hết sức rồi. Trong những giây phút đau đớn cực độ ấy, da mặt chàng từ tái nhợt, đã chuyển sang màu xanh lục.

Bá tước Mosca chợt đến, cảnh tượng khó tin mà ông chứng kiến đã làm tiêu tan hoàn toàn lòng ghen tuông chưa bao giờ dứt mà trước đây Fabrice làm nẩy ra. Con người khôn ngoan ấy dùng nhiều lời tế nhị và khéo léo để làm Fabrice quan tâm đến việc đời. Bình thường bá tước trọng Fabrice lắm và cũng khá mến chàng, ngày nay cảm tình đó không bị ghen tuông chống phá đã hóa nên gần như một tình bạn tận tụy. “Quả vậy, cái chức vị cao của hẳn, hẳn phải mua đấy!” bá tước tự nhủ khi ôn lại những tai họa của Fabrice. Lấy cớ đưa Fabrice đi xem bức tranh của họa sĩ Parmesan mà hoàng thân đã gửi biểu nữ công tước, bá tước kéo riêng chúng ra.

— Nào anh bạn, chúng ta hãy nói chuyện với nhau như những người đàn ông đi, tôi có thể giúp được gì cho anh không? Anh không ngại tôi hỏi anh vài điều chứ? Tiền bạc có ích gì cho anh không? Uy quyền có thể giúp anh được gì? Anh cứ nói, tôi sẵn sàng thi hành mệnh lệnh của anh; nếu anh thích viết hơn thì cứ viết thư cho tôi.

Fabrice ôm hôn bá tước âu yếm và nói về bức tranh. Bá tước trở lại với giọng nhẹ nhàng của những câu chuyện phòng khách:

— Hạnh kiểm của anh là một kiệt tác về loại chính trị tinh vi nhất; anh chuẩn bị cho anh một tương lai rất dễ chịu, quận vương biệt đãi anh, dân chúng sùng bái anh, cái áo đen sờn tội nghiệp của anh đã khiến đức cha Landriani băn khoăn, trăn trở. Tôi có ít nhiều kinh nghiệm về công việc và tôi có thể cam đoan với anh là tôi không biết khuyên anh gì nữa để cải tiến điều tôi nhìn thấy. Bước đầu tiên của anh trên đường đời vào lúc mới hai mươi lăm tuổi đã đạt trình độ hoàn thiện rồi. Người ta nói đến anh rất nhiều ở triều đình. Anh có biết nhờ đâu mà anh được quý trọng đặc biệt ở tuổi trẻ như thế không? Ở cái áo đen sờn chật hẹp đó. Nữ công tước và tôi được sử dụng, anh biết đấy, cái nhà cũ của Pétrarque trên một ngọn đồi đẹp đẽ giữa rừng, trong vùng sông Pô, nếu có khi nào anh chán những thủ đoạn xấu xa của bọn ganh tị, tôi tưởng anh có thể làm người kế nghiệp Pétrarque mà tiếng tăm sẽ làm cho người ta biết đến anh thêm.

Bá tước vất não để làm nẩy một nụ cười trên mặt ẩn sĩ đó, nhưng ông thất bại. Điều khiến cho sự thay đổi đập vào mắt người ta là trước đây, gương mặt Fabrice chỉ còn một nhược điểm là một đôi khi bừng lên một vẻ khoái lạc và hoan hỉ vô cớ.

Trước khi Fabrice ra về, bá tước còn nói mặc dù sống tĩnh cư, thứ bảy tới, ngày lễ sinh nhật của thái phi, Fabrice cũng nên có mặt kéo người ta có thể cho là kiểu cách. Câu ấy như một nhát dao đâm vào ngực Fabrice. “Chúa ôi! Con đến làm gì ở cái lâu đài này chứ!”. Chàng không

thể nghĩ đến cuộc gặp gỡ ở triều đình mà không rùng mình. Cái ý nghĩ ấy át tất cả những ý nghĩ khác, chàng cho là chỉ có một cách thoát là đến đúng lúc người ta mở cửa các phòng khách.

Quả vậy cái tên đức cha Del Dongo là một trong những tên được báo trước nhất trong buổi đại dạ hội và bà thái phi tiếp Fabrice một cách trân trọng nhất. Mắt chàng dán trên chiếc đồng hồ treo, và vào lúc chàng đến vừa đúng hai mươi phút, chàng đứng lên định cáo từ, thì quận vương vào phòng khách mẹ. Châu hầu hoàng thân được một lát, Fabrice vận động khéo léo để tiến ra phía cửa; lúc ấy xảy ra một sự việc cởn con vào loại mà bà tổng quản lý biết cách sắp đặt rất tài tình; quan nghi lễ trực ban chạy theo Fabrice nói với chàng là chàng được chọn để đánh bài whist với hoàng thân. Ở Parme, đó là một vinh dự lớn, quá tầm với của một phó chủ giáo nhiều lắm. Được đánh bài với quận vương là một vinh dự rõ rệt ngay cả đối với đức tổng giám mục. Nghe quan nghi lễ nói, Fabrice thấy nhói trong tim; mặc dù rất sợ làm trò lạ cho mọi người, chàng suýt bảo với quan nghi lễ là chàng bị choáng đột ngột; tuy nhiên chàng kịp nghĩ lại và thấy rằng bị hỏi han về bệnh tình, bị chúc bình phục còn khó chịu hơn là đánh bài nữa. Ngày hôm đó chàng rất sợ phải mở miệng nói năng.

May sao vị chủ chương giáo dòng tu ở Catanzara, một trong số những đại nhân vật đến châu hầu thái phi. Vì thầy tu thông thái đáng độ với những Fontana và Duvoisin ấy ngồi vào một góc cách biệt trong phòng khách, Fabrice đến đứng đối diện với ông để cho khỏi nhìn thấy cửa ra vào, và nói chuyện về thần học. Nhưng chàng không làm thế nào để khỏi phải nghe báo ngài hầu tước và bà lớn hầu tước Crescenzi đến. Chàng thấy giận bưng bưng, trái với sự phản ứng mà mình chờ đợi từ trước. Chàng nghĩ thầm:

“Nếu ta là Borso Valserra (đó là một tướng của quận công Sforce đầu tiên), ta đã đến đâm tên hầu tước nặng nề kia, chính với con dao cán ngà mà Clélia cho ta cái hôm hạnh phúc đó, và ta sẽ báo cho nó biết nó có nên hỗn láo cùng đi với ả nữ hầu tước kia đến một nơi có mặt ta hay không?”

Mặt chàng biến sắc quá, đến nỗi vị chủ chương giáo phải nói:

— Có lẽ Đức Cha thấy trong người khó chịu chăng?

— Tôi nhức đầu như búa bổ... đèn sáng quá làm tôi khó chịu... tôi nán lại chỉ vì được chỉ định hầu bài hoàng thân. Nghe đến đây, vị chủ chương giáo, vốn là một thị dân bị bất ngờ đến nỗi không biết làm gì, bèn cúi đầu chào Fabrice, về phần Fabrice, chàng càng lúng túng hơn và nổi lên nói thao thao một cách quái lạ, là vì chàng nghe thấy phía sau bỗng nhiên im ắng, mà chàng không muốn quay nhìn. Thành linh có tiếng một cái cung đàn gỗ lên bản gỗ. Người ta đánh một bản nhạc dạo rồi thì nữ danh ca P. hát bài hát của Cimarosa^[125] ngày xưa rất thịnh hành:

“Nghĩa tử khả át sao!”

Qua mấy nhịp đầu, Fabrice vẫn tự chủ, nhưng sau đó cơn giận của chàng tiêu tan và chàng thấy lòng nao nao, cứ muốn khóc. “Lạy chúa! Chàng tự nhủ, sẽ lỗi bịch biết bao nhiêu nếu khóc! Lại với cái áo này nữa chứ!” Chàng thấy cứ nói về mình là khôn ngoan hơn cả:

— Bệnh nhức đầu quá đáng này, Fabrice nói với vị chủ chương giáo, khi tôi mắc phải mà kiềm chế như tối hôm nay, thì nó kết thúc bằng những dòng nước mắt có thể làm cho người ta dị nghị đối với một người làm loại chức nghiệp của chúng ta. Vì vậy, xin Đức Cha cho phép tôi khóc trong khi nhìn người và đừng để ý đến nhiều hơn nữa.

— Cha viên trưởng tỉnh Catanzara của chúng tôi cũng mắc cái bệnh khó chịu ấy, vị chủ chương giáo nói. Và ông bắt đầu kể khe khẽ một câu chuyện bất tận.

Câu chuyện đưa Fabrice đến chi tiết những bữa ăn chiều của cha viên trưởng tỉnh nhỏ ấy, và tính cách lỗi bịch của nó khiến chàng mỉm cười, điều từ lâu không xảy ra. Nhưng rồi chàng không nghe vị chủ chương giáo nói nữa. Giọng hát của bà P. thật là thần tiên; bà hát một điệu của

Pergolèse (thái phi ưa những bản nhạc quá thời). Có tiếng đồng nhỏ ở cách Fabrice ba bước, lần đầu tiên trong buổi tối đó chàng quay nhìn lại; Nữ hầu tước Crescenzi ngồi ở ghế ghế bành vừa làm cho sàn nhà động khẽ. Mắt Clélia đầm lệ gặp ngay mắt của Fabrice cũng đầm đìa. Clélia cúi đầu Fabrice còn tiếp tục nhìn nàng mấy giây nữa; chàng làm quen với cái đầu tóc nặng trĩu kim cương đó, nhưng mắt chàng hẳn về cảm giận và khinh bỉ. Rồi chàng thầm nhắc: Và mắt ta không bao giờ lại nhìn em nữa rồi quay trở về với cha chương giáo, chàng nói:

— Tôi lại thấy khó chịu với cái chứng ấy hơn bao giờ hết.

Quả vậy, Fabrice khóc rờn rờn trong hơn nửa tiếng đồng hồ. May thay, một bản nhạc giao hưởng của Mozart đánh rất tồi như thường lệ ở Ý đã giải cứu cho chàng và giúp chàng ráo lệ.

Fabrice cố giữ bình tĩnh không đưa mắt về phía nữ hầu tước nữa. Nhưng rồi P. lại hát và tâm hồn chàng nhẹ nhõm vì khóc được đã đạt tới một trạng thái yên tĩnh hoàn toàn. Thế là cuộc đời hiện ra dưới một ánh sáng mới. Chàng tự nhủ: “Ta tưởng có thể quên ngay được nàng sao? Đâu có thể như thế!” Chàng lần đến ý nghĩ: “Ta có thể nào khổ sở hơn thời gian hai tháng qua? Và nếu không gì có thể làm tăng nỗi khắc khoải của ta thì tại sao ta phải cưỡng lại cái thú được nhìn nàng? Người ta đã quên lời thề, người ta nhẹ dạ, chẳng phải tất cả phụ nữ đều như thế hay sao? Nhưng mà ai lại không thấy nàng đẹp như tiên sa? Nàng có cái nhìn làm ta ngây ngất, trong khi ta phải tự cưỡng bức để nhìn lướt qua những phụ nữ được coi là đẹp nhất! Vậy thì tại sao ta lại không để cho ta say sưa ngây ngất? Ít ra cũng đỡ khổ được giây lát chứ!”.

Fabrice có hiểu biết chút ít về người đời nhưng không có kinh nghiệm gì về tình yêu! Nếu hiểu biết tình yêu, tất anh phải tự bảo rằng cái thú nhất thời mà anh tự cho phép đó sẽ làm cho những cố gắng trong hai tháng qua để quên Clélia trở nên vô ích.

Người thiếu phụ đáng thương ấy đi dự lễ chỉ vì chồng ép uống; nàng muốn chỉ dự trong nửa tiếng đồng hồ rồi về, lấy cớ là kém sức khỏe, nhưng hầu tước nói cho đánh xe ra trong lúc nhiều xe khác đang tới là một việc làm quá thất cách, có thể bị coi là một cách phê phán gián tiếp cuộc lễ của thái phi.

— Với tư cách là một kỵ sĩ danh dự, hầu tước nói tiếp, tôi phải ở trong phòng khách chờ lệnh của thái phi để thi hành cho đến lúc mọi người đã về hết. Bây giờ có thể cần và lấy nữa chắc chắn sẽ cần sai báo bốn tôi tớ, chúng nó lơ đãng lắm! Và phu nhân cam để cho một kỵ mã bình thường chiếm đoạt cái vinh dự đó chăng?

Clélia đành nhẫn nại, cho đến lúc đó, nàng chưa thấy Fabrice, nàng còn hy vọng là chàng không đến dự lễ này. Nhưng đến lúc sắp bắt đầu cuộc hòa tấu, bà thái phi cho phép các phụ nữ ngồi, thì Clélia, vốn luôn luôn chậm chạp trong những việc đó, để cho người ta giành hết những chỗ tốt bên cạnh bà thái phi và đành tìm một ghế bành ở tận cuối phòng, đứng ở cái xó mà Fabrice lẫn trốn. Đến đó, y phục của vị chương giáo dòng tu ở Catanzara rất lạ mắt ở nơi lễ lạt này khiến nàng để ý; thoát đầu nàng không trông thấy cái người mảnh khảnh chỉ mặc chiếc áo đen giản dị đang nói chuyện với ông ta; nhưng rồi có một linh tính nào báo cho nàng để mắt đến người ấy. Ai ở đây cũng mặc võ phục hoặc áo đen đơn sơ ấy là ai nhỉ? Nàng đang chăm chú nhìn thì một bà khách đến kiếm chỗ ngồi chạm phải ghế nàng, Fabrice ngoảnh lại; nàng không nhận ra chàng vì chàng thay đổi nhiều quá. Lúc đầu, nàng tự nhủ: “Đây là một người nào giống Fabrice, có lẽ anh của chàng chăng, nhưng anh chàng ta tưởng chỉ hơn chàng vài tuổi thôi chứ còn người này phải đến bốn mươi”. Đột nhiên miệng chàng động đậy và nàng nhận ra.

“Khổ thân chàng! Chàng đã buồn khổ bao nhiêu!”. Clélia tự nhủ như vậy và nàng cúi đầu vì thương cảm, chứ không phải để thực hiện lời nguyện. Lòng nàng thất vọng vì thương xót: “Chàng đâu có cái dáng ấy sau chín tháng ở tù!”. Nàng không nhìn chàng nữa. Tuy không đưa mắt về phía chàng, nhưng chàng cử động thế nào, nàng vẫn nhìn thấy hết.

Sau buổi hòa tấu, nàng thấy chàng đi lại gần bàn bài của hoàng thân, đặt cách ngài chỉ mấy bước. Fabrice đi ra xa nàng như thế, nàng mới thấy khỏi ngột thở.

Tuy nhiên hầu tước Crescenzi thấy vợ bị đẩy ra xa ngại bà thái phi thì ấm ức lắm. Suốt buổi tối, ông lo thuyết phục một bà lớn đổi ghế cho nữ hầu tước, ghế của bà lớn này chỉ cách bà thái phi có ba ghế, và ông chồng bà ta có mắc nợ hầu tước. Người đàn bà tội nghiệp ấy không chịu, lẽ tự nhiên, hầu tước đi tìm ông chồng là con nợ của mình, ông chồng nói cho bà vợ nghe lọt tai tiếng nói thâm hại của lẽ phải và cuối cùng hầu tước được thỏa mãn trong việc đổi chác. Ông đi tìm vợ ông.

— Phu nhân sao cứ luôn luôn quá khiêm tốn như thế? Ông nói. Sao cứ cúi mặt mà đi như thế? Người ta sẽ lầm phu nhân với một mù tư sản nào đó, một trong những mù tư sản lấy làm kinh ngạc được đến đây và người ta cũng ngạc nhiên trông thấy ở đây. Bà tổng quản lý nông trường này thì cứ hay chơi những trò như thế đấy! Thế mà, người ta lại bàn phải hãm sự phát triển của chủ nghĩa Jacobins lại! Phu nhân hãy nhớ lại chồng phu nhân chiếm địa vị cao nhất trong hàng nam giới ở triều đình thái phi; vì dù bọn cộng hòa làm cách nào mà hủy bỏ được triều đình, hủy bỏ cả giới quý tộc đi chẳng nữa, thì chồng bà lớn cũng còn là người giàu có nhất trong quốc gia này. Đó là một ý niệm mà phu nhân chưa thấm vào đầu óc.

Chiếc ghế bành mà hầu tước sung sướng đặt bà vợ vào cách bàn bài của hoàng thân có sáu bước. Clélia chỉ nhìn thấy Fabrice ở dáng nghiêng, nhưng vẫn thấy chàng gây quá, nhất là chàng có vẻ ở trên mọi việc xảy ra trong đời này, trong khi ngày xưa chàng không bỏ qua một sự biến nào mà không có ý kiến; rồi cuộc nàng đã đi đến kết luận ghê gớm này: Fabrice đã thay đổi hoàn toàn, chàng đã quên nàng, chàng gây như vậy là vì đã chạy tình một cách nghiêm khắc bởi ngoan đạo. Sự tin tưởng ấy càng được củng cố khi nàng nghe lỏm lời của tất cả những kẻ ngồi gần mình; tên vị phó chủ giáo ở trong miệng mọi người; người ta tìm nguyên nhân cái ân huệ đặc biệt mà ông ta được ban; ông ta ít tuổi như thế mà đã được mời chơi bài với hoàng thân! Người ta khâm phục vẻ hờ hững lịch sự của ông và đáng cao đạo trong cử chỉ đánh con bài xuống, cả những khi cất bài của hoàng thân.

— Điều này thật quá sức tưởng tượng! Một số ông quan già kêu lên. Ân sủng của bà cô làm ông cháu choáng váng... nhưng ơn trời, tình trạng này sẽ không kéo dài đâu! Nhà vua không ưa, người ta có vẻ cao đạo như thế. Nữ công tước đi lại gần hoàng thân. Bọn triều thần đứng ở một quãng cách kính cẩn chỉ có thể nghe họa hoằn một vài tiếng trong cuộc đối thoại của hoàng thân, để ý thấy Fabrice đỏ mặt. Họ bảo với nhau: “Chắc là bà cô lên lớp ông cháu về cái đáng điệu kiêu kỳ phớt tỉnh của ông ta”.

Fabrice vừa nghe giọng nói Clélia, bà thái phi đi một vòng qua đám hội vũ đã dừng lại và hỏi han bà vợ người kỳ sĩ danh dự của mình, và Clélia trả lời. Đến lúc Fabrice phải đổi chỗ ở bàn bài thì chàng đứng đúng ngay trước mặt Clélia. Chàng ngấm nàng thoải mái và lấy làm sung sướng. Bà hầu tước tội nghiệp thấy chàng ngấm mình đắm ra mất hẳn tự chủ. Nhiều lúc nàng quên lời thề, muốn biết lòng dạ Fabrice thế nào, nàng nhìn chàng đắm đắm.

Cuộc chơi bài của hoàng thân chấm dứt, các bà lớn đứng lên để qua phòng ăn. Trong lúc có ít nhiều lộn xộn, Fabrice tình cờ đứng một bên Clélia. Chàng hãy còn rất cương quyết. Nhưng chàng vừa nhận ra mùi nước hoa thoảng nhẹ nàng quên ướp áo; cái cảm giác ấy lật nhào hết những điều chàng dự định. Chàng lại gần nàng và như tự nói với mình, đọc hai câu thơ của Pétrarque, mà chàng đã từ hồ Majeur gửi đến cho nàng, in trên một chiếc khăn tay lụa: “Hạnh phúc ta không gì lớn bằng khi kẻ tục cho là ta khổ sở, nhưng đến bây giờ thì số phận ta đã thay đổi biết bao nhiêu!”.

”Không, chàng không quên ta, Clélia sung sướng tự nhủ. Tâm hồn đẹp đẽ ấy không phụ tình phụ nghĩa đâu!”

“Hồi đôi mắt đẹp đã dạy ta yêu.

Không, các người sẽ không thấy ta thay lòng đổi dạ.”

Clélia dám tự nhắc với mình hai câu thơ đó của Pétrarque.

Sau bữa ăn, bà thái phi lui ngay. Hoàng thân tiễn mẹ đến tận buồng rồi không trở về phòng khách nữa. Khi nghe tin ấy, mọi người đều muốn ra về cùng một lúc. Trật tự mất hẳn ở các phòng chờ. Clélia đứng cạnh Fabrice, vẻ thiếu nể trên mặt chàng khiến nàng thương hại; nàng nói:

— Chúng ta phải quên dĩ vãng đi và chàng hãy giữ vật này làm kỷ niệm cái tình bạn của chúng ta.

Nàng vừa nói mấy lời ấy, vừa đặt chiếc quạt của nàng ở chỗ chàng có thể lấy được.

Mọi vật biến đổi trước con mắt Fabrice, trong một thoáng, chàng đã trở nên một người khác. Ngay hôm sau, chàng tuyên bố thời hạn tị cư của chàng đã chấm dứt và chàng trở về cái phòng lộng lẫy trong lâu đài Sanseverina. Đức tổng giám mục nói và cũng tin là ân huệ mà quận vương đã ban qua việc cho chàng hầu bài đã làm cho vị tân thánh đó hoàn toàn loạn óc. Nữ công tước thấy chàng và Clélia đã hòa hợp. Cái tư tưởng ấy hùn vào làm cho tai họa của phu nhân nghiêm trọng thêm, đó là cái họa phải nhớ tới một lời thề tai hại. Hai việc buồn khổ, chồng lên nhau xui bà quyết định từ giã triều đình một thời gian. Người ta khâm phục việc làm nông cuồng của bà. Thế nào! Rồi bỏ triều đình trong lúc được hưởng ân sủng không bờ bến như vậy ư? Bá tước hoàn toàn sung sướng từ khi thấy Fabrice và nữ công tước không yêu nhau, nói với người bạn gái:

— Ngài quận vương mới này là hiện thân của đạo đức, nhưng anh trót bảo: Chú bé con này, không biết rồi ra ông ta có tha thứ cho anh hay không? Anh chỉ thấy có một cách hòa giải tốt với ông mà thôi, là vắng mặt. Anh sắp chiều chuông ông và cung kính với ông hết sức, sau đó anh sẽ ốm và xin nghỉ việc. Em cho phép anh nhé, vì sự nghiệp của Fabrice đã bảo đảm. Nhưng em có đành làm sự hy sinh lớn lao này vì anh hay không, bá tước cười và nói tiếp, - là đổi cái danh hiệu nữ công tước tuyệt vời lấy một danh hiệu thấp hơn nhiều. Để đùa nghịch một tí chơi, anh sẽ để công vụ lại rồi bời như một mớ bông bong. Anh có bốn năm tay làm việc cù trong các bộ của anh, anh đã cho họ về và hưởng trợ cấp từ hai tháng nay vì đọc báo Pháp. Anh đã thay thế bằng những tên bất tài khó tưởng tượng nổi.

Sau khi chúng ta đi rồi, hoàng thân sẽ lâm vào cảnh lúng túng ghê gớm, đến nỗi dù rất tỏm tính cách Rassi, ông ta cũng buộc phải gọi nó về, và anh, anh chỉ đợi lệnh vị bạo chúa nắm vận mệnh của anh để viết một bức thư thăm tình bạn hữu cho ông bạn Rassi của anh, nói là anh có đủ lý do để hy vọng rằng không bao lâu nữa, người ta sẽ biết trọng dụng tài năng của ông ta.

CHƯƠNG XXVII

Cuộc trao đổi ý kiến nghiêm túc ấy diễn ra sau ngày Fabrice trở về lâu đài Sanseverina; lúc bấy giờ nữ công tước hãy còn ăm ức với nỗi vui sướng bộc lộ trong mỗi một hành động của Fabrice. Bà tự nhủ: “Thế là cái con bé ngoan đạo ấy đã lừa ta! Nó không thể cự tuyệt tình nhân của nó quá ba tháng”.

Ông hoàng thân trẻ tuổi nhu nhược đã có gan yêu vì tin rằng chuyện tình duyên này sẽ kết thúc tốt đẹp. Ông có biết ít nhiều về việc chuẩn bị đi xa xảy ra ở lâu đài Sanseverina. Viên hầu phòng người Pháp của ông vốn ít tin ở đức hạnh của các bà lớn, khuyến khích ông mạnh dạn đối với nữ công tước. Quận vương Ernest V đã làm một việc mà thái phi cũng như tất cả những người nghiêm chỉnh ở triều đình đều phê phán nghiêm khắc; dân chúng thì lại thấy ở đó dấu ấn của sự ân sủng kỳ lạ mà hoàng thân dành cho nữ công tước. Đó là việc hoàng thân đến gặp bà ở lâu đài bà.

Ông nói với giọng nghiêm trang mà nữ công tước thấy đáng ghét:

— Phu nhân đi. Phu nhân sắp lừa tôi và phản bội lời thề! Giá ngày ấy, tôi chuẩn y ân xá cho Fabrice chỉ chậm đi mười phút là y đã chết rồi. Thế mà giờ đây phu nhân bỏ mặc tôi đau khổ! Không có những lời thề ước của phu nhân, tôi đâu dám có cái can đảm yêu phu nhân như tôi đã yêu. Phu nhân không coi trọng danh dự rồi!

— Điện hạ ơi! Xin Người hãy suy nghĩ chín chắn đi. Suốt cả đời Người, đã có thời gian nào Người được có hạnh phúc như trong bốn tháng qua hay chưa? Vinh quang làm vua, và tôi dám tin rằng cả hạnh phúc được làm người tuần nhã nữa, cũng chưa bao giờ đạt đến điểm cao ấy ở Điện hạ trước kia. Xin đề nghị với hoàng thân một hiệp ước, nếu Người hạ cố chấp nhận thì tôi sẽ không là nhân tình của Điện hạ trong chốc lát thoắt qua để thực hiện một lời thề bị bắt ép vì lo sợ, nhưng tôi sẽ sử dụng tất cả năm tháng trong đời tôi để tạo hạnh phúc cho Điện hạ; tôi sẽ luôn luôn làm như tôi đã làm trong bốn tháng vừa qua và biết đâu tình yêu không đến nở hoa trên tình bạn? Tôi đâu dám cam đoan là sự việc sẽ không xảy ra như thế.

— Thế thì phu nhân hãy đóng một vai trò khác, Hoàng thân sung sướng nói. Phu nhân hãy làm hơn thế, hãy ngự trị trong lòng tôi và trên đất nước tôi, hãy là thủ tướng của tôi; tôi hiến dâng người một cuộc hôn nhân trong điều kiện những lễ nghĩa đáng buồn của địa vị tôi cho phép. Chúng ta đã có một ví dụ ở gần ta, quốc vương Naples vừa cưới nữ công tước Partana. Tôi hiến phu nhân tất cả gì tôi có thể làm, nghĩa là một cuộc hôn nhân theo kiểu ấy. Tôi nói thêm một toan tính chính trị dung tục để chúng tỏ với phu nhân tôi không phải là một trẻ con nữa và tôi đã nghĩ đến mọi việc. Tôi không kể công với phu nhân về cái điều kiện tôi đặt cho mình là phải làm ông vua cuối cùng trong dòng họ, cũng như về nỗi buồn thấy liệt cường xử lý quyền kế vị mình trong lúc mình đang còn sống. Tôi cảm ơn những điều khó chịu thực sự đó bởi vì nó giúp tôi chứng minh niềm quý trọng và lòng say đắm của tôi đối với phu nhân.

Nữ công tước không chút nào do dự, quận vương thì chán ngắt còn bá tước thì bà thấy hoàn toàn đáng ưa; ở trên đời này, chỉ có mỗi một người có thể đáng ưa hơn bá tước mà thôi. Và chẳng, bà điều khiển bá tước còn hoàng thân thì do địa vị đòi hỏi, sẽ ít nhiều chỉ huy bà. Rồi thì hoàng thân có thể chán bà và lo kiếm nhân tình. Sự chênh lệch về tuổi tác, trong ít năm nữa sẽ công nhận cho người cái quyền đó.

Ngay từ đầu, cái triển vọng buồn chán đã quyết định tất cả. Tuy nhiên, muốn nhã nhận, nữ công tước xin phép được để cho mình suy nghĩ.

Thuật lại ở đây những lời gần như âu yếm và những tiếng vô cùng êm dịu mà nữ công tước dùng để gói ghém sự từ khước e quá dài dòng. Hoàng thân nổi giận, ông thấy hạnh phúc của mình sắp tuột mất. Khi nữ công tước bỏ triều đình của ông ra đi thì ông sẽ thế nào đây? Và lại, bị từ chối thì nhục quá: “Rồi tên hầu phòng Pháp sẽ nói thế nào khi ta thuật lại sự thất bại của

ta?”.

Nữ công tước có cái thuật làm cho quận vương bình tĩnh và kéo cuộc thương lượng trở về trong giới hạn thích đáng.

— Nếu Điện hạ vui lòng đừng thúc giục tôi thực hiện một điều hứa hẹn tai hại mà tôi ghê tởm vì nó khiến tôi tự khinh bỉ mình, thì tôi sẽ sống ở triều đình ngài và cái triều đình đó sẽ luôn luôn như trong mùa đông vừa qua. Tôi sẽ tận dụng ngày giờ của tôi để góp phần tạo nên cho Điện hạ hạnh phúc làm người và vinh quang làm vua. Nếu ngài đòi tôi thực hiện lời hứa thì ngài sẽ làm ô nhục những ngày còn lại trong đời tôi và tôi sẽ tức khắc rời bỏ đất nước của ngài để không bao giờ trở lại. Ngày tôi bị nhục cũng sẽ là ngày cuối cùng tôi được gặp Điện hạ.

Nhưng hoàng thân gan lì như những người bạc nhược. Vả chăng có lòng tự ái vừa của người đàn ông vừa của bậc vua chúa, ông lấy làm bất bình vì việc cầu hôn của mình bị bác bỏ. Ông nghĩ đến tất cả những khó khăn ông phải vượt qua để làm cho cuộc hôn nhân được chấp nhận, những khó khăn mà ông định kiên quyết khắc phục.

Suốt ba tiếng đồng hồ, hai bên lặp lại những lý lẽ đã trao đổi, một đôi khi xen những tiếng khá bực dọc. Hoàng thân kêu:

— Phu nhân muốn tôi nghĩ rằng phu nhân không quý trọng danh dự hay sao? Nếu tôi cũng do dự lâu như vậy trong cái ngày tướng Conti đầu độc Fabrice thì ngày hôm nay, phu nhân đang phải lo xây mộ cho hắn trong một nhà thờ nào đó ở Parme rồi.

— Chắc là không ở Parme, cái xứ của những kẻ đầu độc này.

— Thế thì bà cứ đi đi, hoàng thân giận dữ đáp, và bà sẽ mang theo sự khinh bỉ của tôi.

Khi hoàng thân ra cửa, nữ công tước thấp giọng bảo:

— Thế thì ngài hãy đến đây lúc mười giờ tối, trong bí mật tuyệt đối, và ngài sẽ thua lỗ trong việc mua bán này mà thôi. Ngài sẽ gặp tôi một lần cuối mà thôi, trong khi tôi có thể hiến dâng cả cuộc đời tôi để làm cho ngài trở thành ông vua chuyên chính sung sướng nhất ở thời đại những người Jacobins này. Và ngài hãy tưởng tượng cái triều đình của ngài sẽ như thế nào khi tôi không còn ở đây nữa để lôi nó ra khỏi sự tầm thường ti tiện, sự độc ác cố hữu của nó.

— Về phần phu nhân, phu nhân đã từ chối ngai vàng xứ Parme và một cái gì còn hơn là ngai vàng nữa, bởi vì phu nhân sẽ không là một vương phi tầm thường cưới xin vì lý do chính trị, và không được yêu chuộng. Trái tim tôi là của phu nhân, và phu nhân sẽ làm chủ tuyệt đối những hành động của tôi cũng như của triều đình tôi.

— Vâng, nhưng mà lúc thái phi lệnh mẫu sẽ có quyền khinh bỉ tôi như là một người xúc xiểm xấu xa.

— À, nếu thế thì tôi sẽ phát lưu biệt xứ thái phi với một món trợ cấp.

Họ có nhiều lời đối đáp chua cay với nhau trong bốn mươi lăm phút nữa. Có một tâm hồn tế nhị, hoàng thân do dự, không dám dùng quyền của mình, cũng không cam để cho nữ công tước đi mất. Người ta từng nói với ông rằng vô luận bằng cách nào, hễ đã chung chạ với ta một lần đầu rồi thì thế nào người đàn bà cũng sẽ trở lại.

Bị nữ công tước bất bình xua về, ông đánh liều trở lại, run rẩy và khổ sở, vào lúc mười giờ kém ba phút. Đến mười giờ rưỡi; nữ công tước lên xe đi Bologne. Ra khỏi đất nước quận vương, bà viết thư ngay cho bá tước:

“Cuộc hiến sinh đã hoàn thành. Trong vòng một tháng nữa, đừng bảo em vui vẻ lên. Em không gặp lại Fabrice nữa. Em đợi anh ở Bologne và em sẽ là nữ bá tước Mosca lúc nào đó thì

tùy anh. Em chỉ yêu cầu anh một điều là đừng buộc em trở lại cái đất nước mà em vừa rời bỏ, và anh cần nhớ là đáng lẽ có một trăm năm mươi ngàn livres lợi tức, anh sắp chỉ có ba mươi hay bốn mươi ngàn là nhiều nhất. Những đứa ngu sẽ há hốc mồm nhìn anh và anh sẽ chỉ được kính trọng trong chừng mực anh chịu khó hạ mình xuống thông cảm với tất cả những tư tưởng ti tiện của chúng. Bụng làm dạ chịu thôi bá tước ạ”. [126]

Tám hôm sau, hôn lễ được cử hành ở Pérouse, trong một nhà thờ có những ngôi mộ của tổ tiên bá tước. Quận vương thất vọng. Nữ công tước có nhận được của ông ta, bốn phong thư, phong nào bà cũng gửi trả lại nguyên xi, không bóc, Ernest V đã tặng bá tước một số tiền rất lớn và ban huân chương thượng đẳng của mình.

Bá tước nói với tân bá tước phu nhân Mosca Della Rovere:

— Cái làm cho tôi thích nhất trong cuộc chia tay với người là khoản ấy đấy. Chúng tôi từ biệt nhau như những người bạn hữu thân nhất trên đời. Người đã ban cho tôi một huân chương Tây Ban Nha thượng đẳng và một số kim cương cũng đáng quý ngang với huân chương kia. Người nói giá người không dành phương tiện ấy để thỉnh phu nhân trở về Parme thì người đã phong tước công cho tôi. Thế là tôi được ủy thác tuyên bố với phu nhân - sự vụ này quả là đẹp mắt cho một người chồng! - Là nếu phu nhân hạ cố trở về Parme, dù chỉ trong một tháng thôi, thì tôi sẽ được phong công tước, với danh hiệu phu nhân sẽ chọn, và phu nhân sẽ có một thái ấp lớn.

Bà công tước khước từ điều đó một cách ghê tởm.

Sau sự việc xảy ra trong vũ hội ở triều đình, một sự việc hầu như có tính cách quyết định. Clélia có vẻ không nhớ gì đến mối tình mà nàng đã có lúc chia xẻ. Tâm hồn trong sạch và tin Chúa đó đang bị giày vò bởi những ân hận kịch liệt nhất. Fabrice hiểu rõ điều đó và mặc dù chàng cố tìm hết cách để hy vọng, chàng cũng thấy một tai ương đen tối đang xâm chiếm tâm hồn. Tuy nhiên, lần này tai họa không đưa chàng đến tỉnh cư, như vào dịp hôn lễ Clélia.

Bá tước đã nhờ cháu ông báo cáo tường tận cho ông mọi việc xảy ra ở triều đình. Fabrice bắt đầu hiểu mình đã nhờ bá tước nhiều lắm cho nên tự hứa làm nhiệm vụ này một cách chu đáo, cũng như những người khác trong thành phố và ở giữa triều đình. Fabrice tin rằng bá tước có ý định trở lại nội các với nhiều uy quyền hơn trước nữa. Những dự kiến của bá tước không bao lâu sau đều tỏ ra là đúng, ông đi chưa đến sáu tuần thì Rassi trở thành thủ tướng. Fabio Conti bộ trưởng Bộ chiến tranh, và các nhà tù mà bá tước hầu như đã quét trống, nay lại đầy. Hoàng thân muốn đưa những người này lên để báo thù nữ công tước, ông say mê phu nhân đến như điên dại và ghét bá tước Mosca trước hết vì là một tình địch.

Fabrice rất bận. Đức cha Landriani đã bảy mươi hai tuổi, mắc bệnh mệt mỏi biếng lười, hầu như không đi ra khỏi dinh nữa, vị phó chủ giáo phải cáng đáng hầu hết mọi nhiệm vụ.

Nữ hầu tước Crescenzi đầy lòng hối hận và bị cha rửa tội hăm dọa nên lo sợ, đã tìm thấy một cách tuyệt diệu để tránh Fabrice. Lấy có có thai con so, nàng trốn trong lâu đài của mình. Nhưng tòa lâu đài ấy lại có một cái vườn rộng mênh mông. Fabrice tìm cách vào được trong vườn và đặt ở con đường mà Clélia thích nhất những bó hoa xếp đặt để cho nó một ngôn ngữ, cũng như trước kia trong những ngày cuối Fabrice ở tù trong tháp Farnèse, Clélia gửi hoa đến cho chàng mỗi tối.

Nữ hầu tước rất bức tức về hành động ấy. Tâm hồn nàng lúc thì bị lòng hối hận giữ lại, lúc thì bị tình yêu cuốn đi. Suốt mấy tháng, bà tự kiềm chế, không ra vườn một lần nào. Bà cần thận đến nỗi không nhìn xuống vườn nữa.

Fabrice bắt đầu nghĩ rằng chàng phải vĩnh viễn xa nàng, và tuyệt vọng cũng bắt đầu xâm chiếm tâm hồn chàng. Thế giới mà chàng sống, chàng chán đến chết đi được; nếu chàng không tin sâu sắc là bá tước không thể có sự yên tĩnh của tâm hồn nếu không ở trong nội các, thì

chàng đã lui vào ẩn cư trong cái phòng nhỏ của chàng ở tòa tổng giám mục rồi. Giá được sống hoàn toàn với cảm nghĩ của mình và không phải nghe tiếng người, ngoài những lúc chính thức thực hiện nhiệm vụ, thì thú biết bao nhiêu! Chàng tự nhủ: “Nhưng mà, vì quyền lợi của bá tước Mosca và phu nhân, không ai thay thế ta được”.

Hoàng thân vẫn đối xử với chàng một cách đặc biệt quý, sự quý trọng này đưa chàng lên hàng đầu trong triều đình và ân huệ ấy phần lớn do tự chàng tranh thủ được, Fabrice hết sức dè dặt trong cư xử, vì chàng hồ hững đến ngán ngấm đối với những tình cảm hay dục vọng nhỏ nhen choán hết cuộc sống của một con người; tính dè dặt ấy kích thích tính khoe khoang của ông hoàng thân trẻ tuổi, ông thường nói Fabrice cũng thông minh ngang với cô chàng. Tâm hồn ngây thơ của hoàng thân đã gần như ý thức được một sự thực, đúng là không một người nào có tấm lòng thành của Fabrice khi giao thiệp với ông. Có một điều không ai không nhận thấy, dù đó là một quan triều tằm thường nhất, là sự trọng vọng mà Fabrice đạt được không phải là sự tôn trọng đối với một phó chủ giáo bình thường, nó đã vượt lên trên cả sự trọng vọng mà hoàng thân dành cho đức tổng giám mục. Fabrice viết thư cho bá tước nói nếu có khi nào hoàng thân đủ sáng suốt để nhận thấy mó bông bong mà bọn quan thượng Rassi, Conti, Zurla và một lũ nữa cân tài cân sức đã gây ra trong công vụ, thì Fabrice sẽ là một trung gian để ông tiến hành một cuộc vận động không thương tổn đến lòng tự ái lắm.

Giá không nhớ cái tiếng tai hại chú bé ấy - Fabrice viết cho nữ bá tước Mosca - cái tiếng do một nhân vật thiên tài dùng để nói về một đáng chí tôn, thì đáng chí tôn kia đã kêu lên: “Hãy về ngay và đuổi hộ tôi cái bọn khổ rách ấy đi”. Ngay ngày hôm nay, nếu bà vợ nhân vật thiên tài ấy hạ cố vận động, dù vận động nhẹ nhàng gọi là cho có, người ta cũng sẽ vờ bá tước về một cách hăng hái. Nhưng bá tước sẽ về qua một cái cửa đẹp đẻ hơn nhiều nếu ông vui lòng đợi cho quả chín muồi đã. Ngoài ra họ chán ngấy các phòng khách của thái phi; ở đấy họ chỉ biết lấy sự điên dại của Rassi làm điều tiêu khiển, vì này từ khi được phong bá tước thì đâm ra mắc bệnh si quý tộc. Người ta vừa ra những lệnh nghiêm ngặt để cho những ai không chứng minh được là mình đã qua tám đời quý tộc thì không dám đến dự những tối tiếp khách của thái phi nữa (nguyên bản viết rõ như vậy). Tất cả những ai đã từng được vào cung buổi sớm và đứng chầu vua lúc ngài ra đi dự lễ ở nhà nguyện thì vẫn được tiếp tục giữ đặc ân kia, nhưng những người mới đến thì phải chứng minh tám đời quý tộc. Người ta nói thế rõ ràng là Rassi không có “đời quý tộc nào”.

Tất ai cũng đoán biết những thư từ như thế không gửi qua đường bưu điện. Từ Naples, nữ bá tước trả lời:

“Ở đây mỗi thứ năm có hòa nhạc, mỗi chủ nhật có tiếp khách. Các phòng khách của cô chủ đông đến không có chỗ tựa quây. Bá tước thích mê những cuộc khai quật của ông, ông bỏ ra mỗi tháng một nghìn francs chỉ tiêu vào việc đó, và mới đây, ông gọi thợ từ dãy núi Abruzzi đến, họ chỉ lấy tiền công hai mươi ba xu mỗi ngày. Anh nên đến đây chơi với cô chú. Ấy, tôi đã kêu gọi ông đến hơn hai mươi lần, ông bắt nghĩa vô ơn ạ”.

Fabrice có khi nào vâng chịu! Bức thư thông thường chàng gửi hàng ngày cho bá tước hay phu nhân, chàng đã thấy như một khổ dịch khó chịu nổi rồi. Người ta sẽ tha thứ cho chàng nếu người ta biết rằng đã một năm tròn sống như thế, chàng vẫn không làm cách nào nói được với Clélia một câu. Tất cả những cố gắng của chàng để trao đổi thư từ đều bị cự tuyệt một cách ghê tởm. Sự im lặng thường ngày và bất cứ ở đâu, trừ trong việc thờ Chúa và việc triều đình, im lặng vì chán đời cộng với lối sống tuyệt đối trong sạch đã khiến Fabrice được sùng kính phi thường, cho nên cuối cùng chàng quyết định làm theo lời khuyên của bà cô. “Quận vương sùng kính anh quá - bà công tước đã viết - cho nên anh phải nghĩ đến một sự thất sủng xảy ra trong không lâu nữa. Ông sẽ tỏ ra hết sức hồ hởi, và sự khinh bỉ ghê gớm của quần thần sẽ đi liền theo sự khinh bỉ của ông. Những ông vua chuyên chế còn con ấy, dù lương thiện bao nhiêu, cũng thường thay đổi như thời trang và vì lý do tương tự: Chán. Anh chỉ có thể tìm thấy đủ sức chống tính tùy hứng của nhà vua trong sự thuyết pháp. Anh ứng tác thơ rất cừ mà! Hãy thử giảng nửa giờ đạo lý xem sao. Lúc đầu anh có thể lạc vào tà thuyết. Nhưng hãy thù lao cho một

nhà thần học thông thái và kín đáo để hấn dự các buổi giảng của anh và lưu ý anh về những lỗi lầm. Ngày hôm sau anh sẽ sửa chữa những lỗi lầm đó”.

Khi tìm người ta mang nỗi đau khổ của một mối tình bị ngăn trở thì mọi công việc bắt người ta chú ý và phải hoạt động đều trở thành một khổ dịch ghê gớm. Tuy nhiên Fabrice tự nhủ nếu chàng gây được uy tín trong công chúng thì uy tín đó một ngày kia sẽ có thể có ích cho cô chàng và bá tước; đối với hai người này, lòng sùng kính của chàng cứ ngày càng tăng lên, khi qua công việc, chàng càng nhận thấy sự độc ác của người đời.

Fabrice quyết định thuyết pháp. Nhờ thân thể gầy gò và áo quần sờn cũ góp sức trước vào, sự thành công của Fabrice phải công nhận là không tiền khoáng hậu. Người nghe tìm thấy trong bài giảng của chàng một hương vị sâu tư sâu sắc, hương vị đó gộp với gương mặt đáng yêu và những huyền thoại về cảnh ân sủng vô thương của chàng tại triều, đã chinh phục trái tim của tất cả phụ nữ. Họ sáng tạo ra là chàng đã từng là một trong các vị tướng chỉ huy dũng cảm nhất trong quân đội hoàng đế Napoléon. Không bao lâu sau, cái chuyện vô lý đó được người ta tin răm rắp. Người ta giữ chỗ trước ở những nhà thờ chàng sắp giảng. Những người nghèo đến từ lúc năm giờ sáng, choán ghế để bán lại chỗ ngồi.

Fabrice thành công quá nên cuối cùng, chàng nảy ra một ý kiến làm thay đổi tất cả trong tâm hồn chàng, chàng nghĩ rằng một ngày kia, dù chỉ vì tò mò mà thôi, nữ hầu tước Crescenzi có thể đến nghe một bài thuyết pháp của chàng. Cho nên bỗng nhiên công chúng vui sướng nhận thấy tài hoa của chàng tăng tiến bội phần; khi chàng cảm động, chàng đánh bạo sử dụng những hình ảnh có thể làm cho những diễn giả thành thạo nhất cũng phải rùng mình vì sự táo tợn của nó; những khi khác, chàng quên mực thước và đắm đuối trong cảm hứng, thế là cả cử tọa ứa nước mắt. Tuy nhiên chàng mất công chịu mài tìm trong hàng nghìn gương mặt hướng về diễn đàn cái gương mặt có thể là một biến cố lớn trong đời chàng.

“Tuy nhiên, nếu ta được có diễm phúc ấy, chàng tự bảo, thì ta sẽ lìm đi, hoặc là ta lú lờ không nói được nữa”. Đề phòng nguy hại thứ hai, chàng đã đặt ra một bài cầu nguyện trù mền và thiết tha mà chàng luôn luôn đặt một bên diễn đàn, trên một chiếc ghế đầu. Chàng dự định nếu mà nữ hầu tước đến khiến chàng luống cuống không nghĩ ra lời để nói, thì chàng sẽ đọc bài cầu nguyện đó.

Một hôm, những tên người nhà của hầu tước đã nhận thù lao của chàng, cho chàng biết người ta ra lệnh chuẩn bị buồng lô nhà họ Crescenzi ở nhà hát lớn cho ngày hôm sau. Đã một năm qua, nữ hầu tước không dự một cuộc biểu diễn nào; nàng phá lệ là vì lần này, người biểu diễn là một danh ca giọng cao làm mọi người say khướt và nhà hát đầy ắp mỗi tối. Thoạt tiên Fabrice vui mừng khôn xiết kể. “Thế là ta được ngắm nhìn nàng cả một buổi tối. Người ta nói nàng xanh xao lắm”. Và chàng cố hình dung xem cái gương mặt đáng yêu kia đã trở nên như thế nào với những màu sắc phai nhạt sau các cuộc bão táp trong lòng.

Anh bạn Ludovic sững sờ trước sự điên rồ liều lĩnh của ông chủ, tìm được, nhưng phải vất vả lắm, một buồng lô ở dãy thứ tư, hầu như đối diện với buồng của hầu tước phu nhân. Fabrice nảy ra một sáng kiến: “Ta hy vọng gọi được cho nàng cái ý muốn đi nghe thuyết pháp và ta sẽ chọn một nhà thờ rất nhỏ, để có thể nhìn nàng được tường tận”.

Thường thường don Cesare thuyết pháp vào lúc ba giờ. Từ sáng sớm cái hôm nữ hầu tước định dự buổi ca nhạc, chàng cho loan báo là vì nhiệm vụ, chàng phải có mặt ở tòa tổng giám mục suốt cả ngày, cho nên lần này chàng sẽ cá biệt thuyết pháp lúc tám giờ rưỡi tối, ở tại nhà thờ nhỏ Đức bà Visitation nằm đối diện một chái của lâu đài Crescenzi. Ludovic thay mặt chàng đem đến hiến các bà xơ ở nhà thờ đó một số nệm rất lớn, yêu cầu các bà thắp sáng rực nhà thờ lên trong đêm thuyết pháp. Người ta phái đến cho chàng cả một đại đội lính thủ pháo trong đội cấm vệ, và người ta đặt ở trước nhà nguyện một lính gác, súng cầm lưỡi lê, để đề phòng trộm cắp.

Cuộc thuyết pháp được báo bắt đầu lúc tám giờ rưỡi, nhưng mới hai giờ, nhà thờ đã đầy ắp

người, người ta có thể hình dung cái phở vẳng về ở đó nổi bật kiểu kiến trúc nguy nga của tòa lâu đài Crescenzi, hôm nay trở nên huyền ảo như thế nào. Fabrice có cho báo là để tỏ lòng sùng kính đối với Đức Mẹ Tình Thương, chàng sẽ thuyết giáo về lòng thương xót mà một tâm hồn quảng đại cần có đối với một kẻ đau khổ, ngay cả khi kẻ ấy phạm tội.

Trá hình hết sức cẩn thận, Fabrice đến buồng lô của mình ở nhà khi cửa vừa mở và chưa có ngọn đèn nào thấp lên. Buổi ca nhạc bắt đầu vào lúc tám giờ. Mấy phút sau, chàng được hưởng cái thú không trí tuệ nào hình dung được, nếu tự nó không được hưởng, chàng thấy cửa buồng lô Crescenzi mở và giấy lát sau, nữ hầu tước đi vào. Fabrice chưa hề được nhìn nàng rõ như vậy từ cái hôm nàng tặng chàng cây quạt. Chàng mừng tưởng như đến nghẹt thở. Chàng cảm thấy trong người có những biến chuyển kỳ lạ đến nỗi phải nghĩ thầm: “Có lẽ ta sắp chết! Chấm dứt cuộc đời đáng buồn theo kiểu này thì cũng mê thật! Có thể ta sẽ ngã xuống trong cái buồng này. Những con chiên tập hợp ở nhà thờ Visitation sẽ không thấy ta đến, và ngày mai họ sẽ biết là vị tổng giám mục tương lai của họ đã phạm giới trong một buồng lô nhạc viện, lại đã hóa trang làm một tên người hầu, mặc đồng phục người hầu nữa chứ! Thôi thì xong đời cái danh tiếng của ta! Nhưng danh tiếng để mà làm gì kia chứ?”

Tuy nhiên, đến tám giờ bốn mươi lăm, Fabrice miễn cưỡng rời bỏ buồng lô hàng thứ tư và phải khó nhọc lắm mới đi bộ đến được nơi đã bố trí để trút bỏ quần áo người hầu nhà quan và mặc y phục đúng đắn. Cho đến khoảng chín giờ, chàng mới đến nhà thờ Visitation, trong tình trạng xanh xao và yếu một đến nỗi người ta đồn là đức cha phó chủ giáo tối nay không thuyết giáo được. Người ta có thể đoán các bà xơ săn sóc đức cha sốt sắng như thế nào, ở cổng nhà tiếp khách trong, là nơi cha tạm nghỉ. Các bà xơ ấy nói chuyện huyền thuyên; Fabrice yêu cầu để yên cho chàng ngồi một mình trong mấy phút, rồi chàng chạy đến diễn đàn. Một phụ tá của chàng từ hồi ba giờ đã báo cho chàng biết nhà thờ Visitation chật ních người, nhưng toàn là người ở tầng lớp cổ cùng, chắc là vì thấy có hoa đăng rực rỡ mà kéo tới. Lên diễn đàn, Fabrice ngạc nhiên một cách vui vẻ khi thấy các hàng ghế đầu đầy những thanh niên phong nhã và những nhân vật quyền quý nhất.

Chàng bắt đầu bài thuyết pháp bằng vài lời tạ lỗi được chào đón bằng những tiếng rít khe khâm phục. Rồi chàng diễn tả nồng nhiệt con người khốn khổ cần phải thương xót để tỏ lòng sùng thương Đức Mẹ Tình Thương. Người cũng đã chịu biết bao đau khổ trên quả đất này. Diễn giả rất xúc động. Có những lúc chàng chỉ có thể nói vừa đủ nghe cho mọi người ở mọi nơi trong cái nhà thờ nhỏ ấy. Trước con mắt của tất cả phụ nữ và một số khá đông trong nam giới, thì đức cha trông như chính là con người đau khổ cần được thương xót đó, bởi vì mặt cha xanh xao nhợt nhạt quá. Mấy phút sau những câu thanh minh bắt đầu bài giảng, người ta đã nhận thấy đức cha phó chủ giáo khác thường, tối hôm nay người buồn rười rượi, buồn sâu thương hơn mọi lần. Có lúc thấy mắt người rớm lệ, tức thời trong cử tọa nổi lên những tiếng nấc đều khắp và ồ ào đến nỗi phải ngừng giảng.

Sau lần gián đoạn này, còn đến mười lần khác nữa. Thính giả kêu lên vì khâm phục, lại có khi khóc rung rức. Từng lúc người ta nghe những tiếng suýt xoa: “Đức Thánh Mẫu ôi!” “Ôi! Lạy Chúa!” Trong đám cử tọa thượng lưu ấy, sự xúc động đều khắp và không cưỡng được; không ai thấy xấu hổ vì kêu to và những người ngồi cạnh họ cũng không thấy lỗi bịch, buồn cười.

Trong giờ nghỉ theo lệ ở giữa buổi thuyết pháp, có người nói với Fabrice là không còn một ai ở buổi ca nhạc nữa, chỉ còn một phụ nhân ngồi trong buồng lô của mình, đó là bà hầu tước Crescenzi. Trong giờ nghỉ đó, thỉnh thoảng người ta nghe có tiếng ồn ào lớn trong buồng, do các con chiên, họ biểu quyết dựng một tượng đài cho đức cha phó chủ giáo. Sự hoan nghênh của cử tọa đối với phần giảng thứ hai của bài thuyết pháp sôi sục và có tính cách phù hoa quá, những hưng phấn tín ngưỡng nhường chỗ cho những tiếng kêu reo có vẻ phàm tục: “Del Dongo muôn năm!”

Fabrice vội vã xem đồng hồ của mình và chạy đến cái cửa sổ có chấn song lấy ánh sáng cho buồng để phong cầm ở trong tu viện. Vì phép lịch sự đối với đám đông bất thường, đồng hồ

tường ở đường phố, người gác cổng ở lâu đài Crescenzi đã đặt một tá đuốc trong những nắm tay sắt nhô ra ở các bức tường tiền điện của mấy lâu đài xây dựng từ thời Trung thế kỷ, sau mấy phút trong khi những tiếng reo hò còn kéo dài mãi về sau nữa, sự kiện mà Fabrice hồi hộp chờ đợi đã xảy ra, xe nữ hầu tước từ nhà hát về hiện ra trên đường phố, người đánh xe buộc phải dừng lại, và phải cho ngựa nhích từng bước, rồi phải hò hét nhiều, xe mới đến được cổng lâu đài.

Âm nhạc tuyệt vời ở nhà hát đã khiến nữ hầu tước vô cùng xúc động, cũng như mọi tâm hồn đau khổ, nhưng phu nhân còn cảm động hơn vì cảnh vắng vẻ hoàn toàn của nhà hát, khi bà nghe giải thích nguyên nhân của sự vắng vẻ đó. Giữa màn hai, trong khi danh ca giọng cao nổi tiếng ra sân khấu, công chúng, kể cả công chúng ở tầng nền đã đột ngột bỏ trống các hàng ghế để đi cầu may đến cổ chen vào nhà thờ Visitation. Thấy công chúng đông quá, xe mình đến trước cổng mà không đi lên được nữa, hầu tước phu nhân khóc và tự nhủ: “Quả ta chọn không lầm!”

Tuy nhiên, cũng vì phút cảm động ấy mà nàng cương quyết chống lại những lời khuyên bảo của hầu tước và tất cả bạn bè của gia đình, họ không quan niệm được có thể là nàng không đi nghe một nhà thuyết giáo lạ lùng như vậy. “Chung quy, ông ta ăn đứt danh ca giọng cao xuất sắc nhất của nước Ý”. Người ta bảo vậy. Clélia tự nhủ: “Nếu ta nhìn thấy chàng thì ta nguy mất!”

Tài hoa của Fabrice ngày càng rực rỡ, chàng còn thuyết giáo ở cái nhà thờ nhỏ ấy nhiều lần nữa, nhưng cũng hoài công; không bao giờ chàng nhìn thấy Clélia. Hơn thế, cuối cùng Clélia nói tức về việc chàng kiên trì đến quấy rối cảnh yên tĩnh ở đường phố hiu quạnh của mình, sau khi đã đuổi khỏi vườn mình.

Nhìn qua những gương mặt phụ nữ đến nghe mình giảng đạo, đã từ khá lâu, Fabrice để ý thấy một cô bé tóc đen rất xinh, mắt long lanh ánh lửa. Đôi mắt tuyệt vời đó hể cứ đến câu thứ chín thứ mười bài thuyết pháp là đắm lệ. Khi chàng buộc phải nói dài dòng và nói những điều chán ngắt đối với riêng mình, thì chàng vui lòng nhìn vào gương mặt trẻ măng đáng mến ấy để cho mắt được nghỉ ngơi. Chàng được biết người thiếu nữ đó tên là Anetta Marini con một và là người thừa kế gia tài của người buôn len dạ giàu nhất Parme mới chết mấy tháng trước.

Không bao lâu cái tên Anetta Marini, con gái người buôn len dạ đã ở trên cửa miệng mọi người, người ta nói cô chết mê chết mệt Fabrice. Khi những cuộc thuyết pháp bắt đầu, cuộc hôn nhân của cô với Giacomo Rassi, con trưởng vị bộ trưởng bộ tư pháp đã được quyết định; cô cũng có cảm tình với chàng trai đó. Nhưng chỉ mới nghe Đức cha Fabrice nói hai lần, cô đã tuyên bố không muốn lấy chồng nữa; khi người ta hỏi vì sao có sự thay đổi ý kiến lạ lùng như vậy, cô nói một người con gái lương thiện mà chịu lấy một người làm chồng trong khi say mê một người khác là không xứng đáng. Lúc đầu, gia đình cô ta tìm kiếm xem người khác đó là ai, nhưng vô hiệu.

Nhưng rồi những giọt nước mắt nóng bỏng mà Anetta nhỏ ra trong các buổi nghe giảng đạo đã đưa họ vào con đường chân lý. Mẹ và các chú, các cậu cô thiếu nữ hỏi có phải cô yêu Đức cha Fabrice không, cô mạnh dạn trả lời rằng vì người ta đã khám phá ra sự thực, nên cô không đành hạ mình nói dối. Cô nói thêm là đã không có hy vọng gì lấy người mà cô yêu thì ít ra cô cũng không muốn gai mắt phải nhìn bộ mặt lỗ bịch của công tử Rassi. Con trai của một người mà tất cả thị dân thành Parme ghen tị đã bị cô gái coi là dơ dáy, việc đó mấy hôm sau đã trở thành đầu đề cho sự bàn nhào trong thành phố. Người ta thấy câu trả lời của Marini rất thú vị, nên ai cũng thuật lại. Ở lâu đài Crescenzi, người ta nói đến chuyện này cũng như ở khắp mọi nơi.

Clélia hẳn là giữ miệng không nói gì về việc này trong phòng khách của mình. Nhưng nàng hỏi dò chị hầu phòng, và chủ nhật sau, khi xem lễ ở nhà nguyện trong lâu đài xong, nàng cho chị hầu phòng lên xe đi theo nàng để đến một buổi lễ thứ hai ở giáo khu cô Marini. Nàng thấy

đã có mặt đông đủ tất cả những chàng trai trẻ của thành phố, họ đều đến đó vì cùng một duyên cớ. Các vị ấy đang đứng gần cửa ra vào. Giây lát sau có một sự chuyển động lớn trong đám thanh niên ấy và Clélia hiểu rằng tiểu thư Marini đang đi vào nhà thờ. Nơi Clélia đứng rất thuận lợi để nhìn cô thiếu nữ; mặc dù ngoan đạo, nàng không chú ý gì đến cuộc hành lễ. Nàng tìm thấy ở cô gái thị dân xinh đẹp ấy một vẻ tự thị mà nàng cho là cùng lắm cũng chỉ có thể hợp với một phụ nữ đã có chồng nhiều năm. Tuy nhiên, thân hình nhỏ nhắn của cô rất cân đối và đôi mắt linh hoạt có vẻ như người xứ Lombardie nói, “trò chuyện với những vật mà nó nhìn”. Nữ hầu tước ra về trước khi cuộc hành lễ chấm dứt.

Từ ngày hôm sau những bạn bè nhà Crescenzi - những người này tối nào cũng đến chơi ở đây kể thêm một chuyện lổ lảng mới của cô bé Marini. Sợ cô làm những điều điên rồ liều lĩnh, mẹ cô chỉ cho cô ít tiền thôi, cô đến trao một chiếc nhẫn kim cương rất đẹp cho ông Hayez trừ danh, lúc đó đang ở Parme để lo trang trí các phòng khách lâu đài Crescenzi; chiếc nhẫn đó là tặng phẩm của cha cô, cô đến đưa cho Hayez để nhờ ông ta cho mình một bức chân dung ngài Del Dongo. Nhưng cô muốn chân dung ấy mặc áo đen bình thường chứ không khoác y phục cha cố. Thế mà ngày hôm trước, mẹ cô đã lấy làm ngạc nhiên, hơn nữa bất bình khi tìm thấy trong buồng con gái mình một bức chân dung của Fabrice Del Dongo rồi, một chân dung lộng lẫy lồng trong chiếc khung thiếp vàng đẹp nhất trong số được làm ra ở Parme hai mươi năm qua.

CHƯƠNG XXVIII

Bị lôi cuốn theo các biến cố, chúng tôi không có thì giờ phác họa cái nòi giống hài hước những triều thần nhúng nhúc trong cung đình Parme chúng bình luận rất lố lảng về những sự kiện chúng tôi đã kể. Ở cái xứ này, một anh quý tộc nhỏ nhoi, có ba bốn nghìn francs lợi tức đã xứng đáng được mang bút tất đen dự nghị lễ thức giấc của quận vương nếu trước hết, anh không hề đọc Voltaire hay Rousseau, điều kiện này thỏa mãn không khó. Sau đó anh phải biết nói một cách cảm khái đến chứng nghet mũi của nhà vua hoặc là nói về thùng khoáng sản ngài mới nhận được từ xứ Saxe gửi tới. Nếu sau những cái đó mà anh không vắng mặt một buổi xem lễ nào ở nhà thờ và anh có vài tu sĩ cỡ lớn là bạn thân thiết thì anh có thể được hoàng thân hạ cố hỏi đến mỗi năm một lần, mười lăm hôm trước hoặc mười lăm hôm sau ngày mồng một tháng Gênes; điều đó làm cho anh nổi bật lên trong bản hạt, và người viên chức sở thuế không dám quấy rầy anh quá nhiều nếu anh chậm trả khoản thuế đồng niên một trăm francs đánh vào những thổ địa ít ỏi của anh.

Ông Gonzo là một kẻ nhỏ nhoi loại ấy, một người rất quý tộc, ngoài chút ít tài sản ra, còn nhờ thế lực hầu tước Crescenzi mà có được một chức vụ về vang thu thuế bổng một nghìn một trăm năm mươi francs. Anh chàng ấy có thể ăn cơm ở nhà đằng hoàng, nhưng anh có một say mê, anh ta chỉ thấy thoải mái và sung sướng khi nào được ở trong phòng khách của một nhân vật quyền quý thỉnh thoảng mắng anh: "Im đi Gonzo, anh chỉ là một thằng ngốc." Ông chủ nhà nói như vậy là vì bức tức chữ thực ra hầu như lúc nào Gonzo cũng thông minh hơn ông lớn đó. Về việc gì ý kiến của hãn cũng thức thời và khá thông sáng; hơn thế hãn sẵn sàng thay đổi ý kiến khi thấy ông chủ nhà nhăn mặt. Nói cho đúng thì dù hãn rất khéo chăm sóc quyền lợi riêng, hãn cũng không có một ý kiến nào gọi là của hãn và khi quận vương không nhúc nhúc đầu nghet mũi thì cũng lắm khi hãn lúng túng khi bước vào một phòng khách. Ở Parme, Gonzo nổi tiếng là nhờ một cái mũ ba góc đồ sộ cầm một chiếc lông chim đen hơi sồn, mà hãn đội cả những khi mặc lễ phục; nhưng cần phải thấy hãn đội cái lông chim ấy trên đầu hoặc cầm trên tay kia, con người tài hoa và quan trọng hiện ra ở đấy. Hãn thực sự lo ngại khi hỏi thăm sức khỏe con chó nhỏ của nữ hầu tước. Nếu lâu đài bị hỏa hoạn, hãn sẽ không ngần ngại hy sinh tính mệnh để cứu một trong những chiếc ghế bành đã bao năm nay móc kéo dài quần chèn bằng hàng tơ đen, khi họa hoãn hãn dám ngồi vào chốc lát.

Bảy tám nhân vật vào loại ấy mỗi tối đến phòng khách nữ hầu tước vào lúc bảy giờ. Họ vừa ngồi xuống thì một tên hầu mặc đồng phục sang trọng màu vàng nhạt với nhiều tua bạc, ngoài khoác một áo vét đỏ để cho thêm sang trọng, đến cầm mũ và can của họ. Ngay sau đó một người hầu phòng bưng tới một tách cà phê nhỏ xíu, chân bằng chì bạc quăn; cứ nửa giờ một lần, một đầu bếp mang gươm và áo rực rỡ theo kiểu Pháp đến mời một món kem đông lạnh.

Sau các anh triều thần nhỏ bé và cũ kỹ đó nửa giờ thì có năm sáu sĩ quan đến, họ nói to, họ có dáng điệu nhà võ và thường thường họ tranh luận với nhau về số lượng cúc và loại cúc cần có trên một áo lính để cho tướng tổng tư lệnh chiến thắng. Trong phòng khách đó, viện dẫn báo Pháp ra là đại, bởi vì dù cái tin dân ra có làm vui lòng người ta bao nhiêu đi nữa - chẳng hạn: Có năm mươi tên tự do bị bắn ở Tây Ban Nha! Thì anh cũng cứ bị xem là đã đọc báo Pháp. Kiệt tác trong tài hoa của họ là tranh thủ được sự gia tăng bổng lộc một trăm năm mươi francs mỗi chu kỳ mười năm. Quận vương chia với quý tộc cái thú ngự trị trên nông dân và thị dân như thế đó.

Nhân vật chính trong phòng khách bà hầu tước rõ ràng là hiệp sĩ Foscarini, không nói khác được; hoàn toàn lương thiện cho nên dưới chế độ nào ông cũng có ở tù một ít. Ông nguyên là đại biểu trong viện dân biểu Milan, cái viện nổi tiếng vì đã bác khước luật đăng ký quân tịch của Napoléon, một việc hiếm thấy trong lịch sử. Hiệp sĩ Foscarini sau khi là bạn của thân mẫu hầu tước trong hai mươi năm vẫn còn là người có ảnh hưởng nhất trong gia đình. Ông luôn có một chuyện vui nhộn để kể, nhưng lại không có gì lọt qua được con mắt tinh tế của ông; cho nên bà hầu tước non trẻ, trong thâm tâm thấy mình tội lỗi, đã run sợ trước mặt ông.

Vì Gonzo mê tí các quan to, họ thường mắng hằn, văng tục với hằn và cho hằn khóc một vài lần mỗi năm, cho nên hằn rất ham tìm cách giúp đỡ họ trong những việc lặt vặt. Giá những thói quen của một người kiết xác không làm hằn tê liệt thì một lượng tinh tế nhất định cộng với một lượng trâng tráo lớn hơn nhiều.

Gonzo đã như vậy cho nên coi thường nữ hầu tước Crescenzi vì cả đời nàng chưa hề nói với hằn một tiếng thiếu lễ độ. Nhưng dù sao, bà vẫn là vợ ông hầu tước Crescenzi nổi tiếng, kị sỹ danh dự của thái phi, một người cứ mỗi tháng một đôi lần mắng hằn: “Im đi, Gonzo, anh chỉ là một con lừa”.

Thường thường, nữ hầu tước ở trong trạng thái mơ màng và lơ đãng, cho đến khi có tiếng đồng hồ đánh mười một giờ thì bà pha trà và gọi tên từng người hiện diện mời uống trà. Gonzo để ý thấy mỗi khi người ta nói đến cô bé Anetta Marini thì nữ hầu tước tỉnh ra một lát khỏi trạng thái mơ màng đó. Sau bữa trà, lúc sắp được trở về buồng riêng, hình như nữ hầu tước có vui lên, và người ta chọn lúc ấy để đọc cho bà nghe những bài thơ trào phúng.

Ở Ý người ta làm thơ châm biếm rất hay, đó là thể loại văn học còn có ít nhiều sinh lực. Thực ra, loại văn chương này không bị kiểm duyệt. Những tân khách của nhà họ Crescenzi bao giờ cũng rao bài thơ của mình bằng câu: “Hầu tước phu nhân có vui lòng cho phép tôi đọc trước mặt phu nhân một bài thơ rất dở hay không?” Khi bài thơ làm cho người ta cười và đã được đọc đi đọc lại hai ba lần thì bao giờ cũng có một sĩ quan kêu lên:

— Ông bộ trưởng bộ công an đáng lẽ phải lo bắt những tác giả các thứ ô trọc này mà treo cổ xử chơi.

Giới thị dân trái lại đón nhận những bài thơ ấy với sự khâm phục chân tình nhất và bọn thư ký của các biện lý đem sao ra bán.

Căn cứ trên lối tọc mạch riêng của nữ hầu tước, Gonzo tưởng là người ta tán dương sắc đẹp của con bé Marini thái quá trước mặt bà, và con bé lại có đến bạc triệu nữa, cho nên bà ganh ghét. Vì Gonzo luôn có nụ cười trên môi và hoàn toàn coi thường những ai không quý tộc, cho nên hằn có thể chui vào khắp mọi nơi. Ngay hôm sau, hằn đội cái mũ có lông chim một cách đắc thắng thể nào đó mà đến nhà nữ hầu tước, cách đội mũ ấy người ta chỉ thấy hằn dùng một lần trong năm, những khi quận vương vừa nói với hằn: Nhà người về nhé, Gonzo.

Sau khi kính cẩn chào nữ hầu tước, hằn không lui ra xa như thường lệ để ngồi vào cái ghế bành mà người ta đẩy tới cho hằn. Hằn đứng giữa đám đông, kêu lên thô bạo: “Tôi đã thấy bức chân dung của Đức cha Del Dongo”. Clélia ngạc nhiên đến nỗi phải tựa vào tay vịn của chiếc ghế bành; nàng đương đầu với bão táp, nhưng rồi cũng phải mau chóng bỏ phòng khách mà đi. Một sĩ quan vừa ăn xong cốc kem thứ tư lớn lối kêu:

— Anh Gonzo tội nghiệp ạ, phải công nhận là anh vụng về một cách hiếm có. Thế nào mà anh lại không biết đức phỏ chủ giáo, nguyên là một đại tá gan dạ nhất của Napoléon, trước đây y đã chơi một vở rất cay cho thân sinh nữ hầu tước, khi ông trốn khỏi ngục thành do tướng Conti trấn giữ, dễ dàng như đi ra khỏi nhà thờ Steccata? (nhà thờ chính ở Parme?)

— Đúng là tôi không biết rất nhiều chuyện, ông đại úy thân yêu ạ, và tôi là một thằng ngốc đáng thương cả ngày chỉ những lầm cùng lẫn.

Lời đáp đúng khẩu vị Ý ấy làm cho mọi người cười chê anh sĩ quan tài hoa. Nữ hầu tước lại trở vào ngay, nàng lấy lại can đảm và không phải không có mối hy vọng mập mờ tự mình được ngắm nghía bức chân dung của Fabrice, mà người ta đồn là đẹp tuyệt vời. Nàng khen tài họa sĩ Hayez, người đã vẽ bức chân dung. Nàng hướng những nụ cười duyên dáng về phía Gonzo mà không biết Gonzo nhìn viên sĩ quan một cách ranh mãnh. Vì tất cả những thị thần ở nhà này cũng đều làm theo Gonzo một cách thích thú, cho nên viên sĩ quan kia phải chuồn đi, nhưng không quên khắc dạ mối thù không đội trời chung với Gonzo. Gonzo đại thắng, và buổi tối, lúc

cáo từ, hẳn được mời đến ăn trưa vào hôm sau.

Ngày hôm sau, khi ăn xong và bọn tôi tớ đã ra ngoài. Gonzo vùng la lên:

— Lại còn chuyện này nữa chứ! Phải chăng đức phó giáo chủ của chúng ta cũng đâm ra cảm con bé Marini rồi!

Có thể đoán được nỗi xúc động trong lòng Clélia khi nghe câu nói lạ lùng đó. Ngay đến ông hầu tước cũng xúc động:

— Ấy! Gonzo anh bạn ạ, anh lại lẩn thẩn rồi. Anh cần phải dè dặt hơn khi nói về một quan chức đã có được vinh dự hầu bài điện hạ mười một lần.

— Ồ! Thưa hầu tước. Gonzo trả lời thô bỉ như những kẻ loại đó. Tôi có thể cam đoan là đức cha cũng thích được hầu cô bé Marini lắm! Nhưng mà hầu tước đã không ưa chi tiết đó thì thôi, nó không tồn tại đối với tôi nữa, tôi chỉ muốn trước hết không muốn làm phật lòng ngài hầu tước kính yêu của tôi.

Sau bữa cơm bao giờ hầu tước cũng đi ngủ. Hôm đó ông không chịu làm giấc trưa. Tuy vậy Gonzo thà là cắt lưỡi chứ không chịu nói thêm một tiếng nào về cô bé Marini, nhưng mà lúc nào hẳn cũng bắt đầu những câu nói của hẳn cách thế nào để cho hầu tước cứ hy vọng là hẳn sắp trở lại với chuyện yêu đương của cô bé thị dân. Tay Gonzo có cái tài đó của người Ý ở mức cao, tài lui lại một cách khoái trá, cái cách ném ra câu mà mọi người ao ước. Ông hầu tước tội nghiệp suýt chết vì tọc mạch buộc phải mở lối, ông nói với Gonzo là khi ông được hưởng cái thú ngồi ăn với hẳn, ông ăn gấp đôi. Gonzo không hiểu, lại lao vào tả phòng tranh mà nữ hầu tước Balbi, nhân tình của cố quận vương đã tạo nên. Ba bốn lần hẳn nói đến Hayez, nói chậm rãi như người khâm phục ông sâu sắc nhất. Hầu tước tự nhủ: Tốt lắm! Hẳn sắp đi đến bức chân dung mà con bé Marini đặt vẽ đây! Nhưng đó là điều mà Gonzo tránh cầu thân. Đồng hồ buông năm tiếng làm ông hầu tước rất bức tức, vì ông có thói quen hể cứ đến năm giờ rưỡi, sau giấc trưa, là đi chơi ở con đường dạo mát của thành phố.

— Anh cứ như thế đấy với những chuyện dớ dẩn của anh! Hầu tước nói cục cằn với Gonzo, anh làm cho tôi phải tới nơi dạo mát sau thái phi dù tôi là kị sĩ danh dự của bà, và bà có thể sai bảo tôi việc nọ việc kia. Nào, mau lên! Nếu có thể, hãy vắn tắt kể cho tôi nghe chuyện gì mà anh gọi là chuyện yêu đương của ngài phó giáo!

Nhưng Gonzo lại muốn dành câu chuyện cho nữ hầu tước là người đã mời cơm hẳn. Vậy nên hẳn vội vàng kể rất sơ lược cái chuyện hầu tước đòi hỏi, xong, hầu tước mắt riu lại, chạy đi ngủ. Tay Gonzo xử sự khác hẳn đối với bà hầu tước tội nghiệp. Trong giàu sang, Clélia vẫn cứ non trẻ và ngây thơ như xưa, cho nên tưởng phải sửa chữa sự thô bỉ trong lời lẽ của chồng đối với hẳn. Say sưa với thắng lợi đó, Gonzo lấy lại được hết tài hùng biện của mình và kể sự việc cho phu nhân nghe với những chi tiết bất tận, coi đó là một thú vui vừa là một bổn phận.

Cô bé Anetta Marini tới một xó cạnh một chỗ ngồi mà người ta giữ cho cô ở buổi thuyết pháp, lúc nào cô cũng đến với hai bà dì và người thủ quỹ cũ của ông bố. Những chỗ ngồi ấy cô bảo giữ từ hôm trước và thường thường bắt chọn như thế nào cho gần như đối diện với bục giảng, nhưng hơi chếch về phía đại hương án, vì cô để ý thấy vị phó chủ giáo thường quay nhìn hương án. Thế mà, điều này công chúng cũng để ý thấy đôi mắt biết nói của vị giảng sư trẻ cũng không hiếm lúc ưa dừng lại trên người cô thừa kế đẹp mặn mà; và rõ ràng là cha cũng có ít nhiều chú ý vì hể mắt cha đăm đăm nhìn cô bé là bài thuyết giáo của cha trở nên uyên bác, lời dẫn kinh truyện tuôn ra dồi dào, người ta không nghe thấy nữa những náo nức của tâm hồn. Và các bà, các cô vì thế mà tức khắc hết say bài giảng, xoay ra ngắm nhìn cô Marini và nói xấu cô.

Clélia bắt lặp lại đến ba lần những chi tiết lạ lùng đó. Đến lượt thứ ba, nàng trở nên nghĩ ngợi. Nàng nhắm tính thấy đã mười bốn tháng rồi nàng không thấy mặt Fabrice. Nàng tự nhủ:

“Vào nhà thờ một giờ không phải để nhìn Fabrice mà để nghe một bài giảng đạo nổi tiếng có phải là tội lỗi lớn lắm không? Vả chẳng, ta sẽ ngồi xa bục giảng và chỉ nhìn Fabrice một lần khi vào và một lần khi nghe xong bài giảng... Không, có phải ta đi ngắm Fabrice đâu, ta sẽ đi nghe một giảng sư lạ lùng!” Giữa những lý lẽ đó, phu nhân vẫn còn hồi hận mười bốn tháng qua, thái độ của mình đã rất đẹp đẽ mà! Để có chút yên tĩnh trong, tâm hồn, bà tự nhủ: “Thôi thì thế này, nếu người phụ nữ đầu tiên đến nhà ta chiều nay là người đã có đi nghe đức cha Del Dongo thuyết giáo thì ta sẽ đi nghe; nếu người ấy chưa từng đi thì ta cũng không đi”.

Đã quyết định như thế nên Clélia làm cho Gonzo khôn xiết vui mừng khi bảo hân:

— Anh hãy cố gắng hỏi cho biết đức Cha phó chủ giáo sẽ giảng vào ngày nào kỳ tới và ở nhà thờ nào? Tối nay, trước khi anh ra về, có lẽ tôi có việc muốn nhờ anh.

Gonzo vừa ra khỏi để đi đến đường dạo mát thì Clélia xuống vườn cho thoáng khí. Nàng không tự dằn vặt mình với cái ý nghĩ vì sao sáu tháng nay nàng không xuống. Nàng nhanh nhẹn, sinh động, hồng hào. Buổi tối đó một tên chán phè nào vào phòng khách cũng khiến nàng hồi hộp. Cuối cùng, kẻ hầu báo có Gonzo đến và anh này liếc mắt qua đủ thấy mình sẽ là con người cần thiết trong tám hôm. “Nữ hầu tước ghen với cô bé Marini, hân tự nhủ, và vở kịch này sẽ hay lắm nếu phu nhân thủ vai chính, con bé Anetta đóng nàng hầu và đức cha Del Dongo giữ vai chàng si tình. Nói thật, giá vé có lên tới hai francs cũng còn là rẻ!” Gonzo khôn xiết vui mừng và buổi tối, hân hót lời tất cả mọi người, kể những chuyện vô duyên nhất (chẳng hạn chuyện nữ diễn viên nổi tiếng và hầu tước Pequigny mà hân mới nghe hôm trước, từ miệng một khách du lịch Pháp). Về phần mình hầu tước phu nhân cũng không ngồi yên được, bà đi lại trong phòng khách, bà sang phòng kế cận ở đó hầu tước chỉ chịu bày những bức tranh giá hơn hai vạn francs mỗi bức. Những bức tranh đó tối hôm ấy tự báo ý nghĩa rõ ràng quá khiến phu nhân thấy tim quặn đau vì xúc động. Cuối cùng, Clélia nghe tiếng hai cánh cửa mở toang, nàng chạy ngay trở về phòng khách, đó là nữ hầu tước Raversi. Khi nói những câu chào mừng theo lễ, Clélia cảm thấy mình nghẹn lời. Nữ hầu tước bắt nàng nói lại câu hỏi mà lần đầu bà không nghe rõ:

— Phu nhân nghĩ thế nào về cha giảng đạo được mọi người ưa chuộng?

— Trước tôi tưởng ông ta chỉ là một anh chàng trẻ tuổi đầy những mưu đồ tính toán, xứng đáng là cháu bà bá tước Mosca lấy lòng, quả thế. Nhưng lần ông thuyết pháp vừa rồi ở, vâng, ở nhà thờ Visitation đối diện với lâu đài phu nhân đây, ông ta tỏ ra kỳ diệu, tuyệt vời, khiến tôi quên hết hân học mà coi ông là người hùng biện nhất trong những người mà tôi được nghe.

— Thế phu nhân đã có dự một buổi thuyết pháp của cha à? Clélia run lên vì sung sướng, hỏi:

— Thế nào? Bà hầu tước cười, nói. Phu nhân không nghe tôi vừa nói ư? Có cho gì tôi cũng không chịu vắng mặt! Người ta nói đức cha đau phổi và chẳng bao lâu nữa, người sẽ không giảng được.

Bà hầu tước vừa đi khỏi thì Clélia gọi Gonzo qua phòng tranh và nói:

— Tôi hầu như đã quyết định phải đi nghe nhà thuyết pháp được tâng bốc đó. Ngày nào ông ta sẽ giảng vậy?

— Thứ hai sau, nghĩa là trong ba hôm nữa. Tuồng như ông ta đã đoán được dự định của bà lớn vì ông sẽ đến giảng ở nhà thờ Visitation.

Còn có những điều cần giải thích, nhưng Clélia không nói được nữa. Nàng đi năm sáu vòng trong phòng tranh, không nói thêm một lời nào. Gonzo thầm nghĩ: “Lòng hân thù đang dày vò bà ta đây. Phải chú! Sao có thể hỗn láo đến mức vượt ngục, nhất là khi mình có vinh dự được một vị anh hùng như tướng Fabio Conti canh giữ”.

Hắn lại mĩa mai một cách tế nhị: “Vả lại, phải nhanh chân mới được. Cha mắc bệnh phổi rồi. Tôi nghe bác sĩ Rambo nói cha không sống nổi một năm nữa. Chúa đã phạt cha về tội hủy bỏ hạn cấm cố bằng cách trốn khỏi ngục thành một cách phản phúc”.

Clélia ngồi xuống chiếc trường kỷ ở phòng tranh và ra hiệu cho Gonzo làm theo. Lát sau nàng đưa cho hắn một túi nhỏ trong đó có mấy đồng sequins.

— Anh giữ cho tôi bốn chỗ.

— Gã Gonzo tội nghiệp này có được phép theo hầu bà lớn không ạ?

— Hắn chứ! Giữ cho tôi năm chỗ ngồi... Tôi chẳng muốn ngồi gần bức giảng, nàng nói thêm, nhưng tôi muốn được xem mặt tiểu thư Marini, mà người ta đồn là xinh lắm.

Hầu tước phu nhân có vẻ như người mất hồn trong ba ngày phải chờ đợi, cho đến cái ngày thứ hai vang dội kia là ngày có giảng đạo.

Được người ta thấy mình tùy tùng một bà lớn quyền quý như vậy, Gonzo cho là một vinh dự có một không hai, cho nên đã mặc y phục kiểu Pháp và đeo gươm. Cũng chưa hết, lợi dụng việc lâu đài Crescenzi ở gần nhà thờ, hắn cho mang từ lâu đài sang một chiếc ghế thiếp vàng sáng chói để cho nữ hầu tước ngồi, điều này những người thị dân coi là quá đổi xác láo. Có thể tưởng tượng bà hầu tước đáng thương lúng túng như thế nào khi trông thấy chiếc ghế bành ấy, hơn nữa, thấy người ta đặt nó đối diện với bức giảng. Clélia xấu hổ quá, cúi mặt và nép mình vào một xó trong chiếc ghế bành rộng mênh mông; nàng không có đủ can đảm để nhìn đến ngay cả cô bé Marini nữa, mà Gonzo lấy tay chỉ trở một cách trắng trợn khiến cho nàng vô cùng kinh ngạc. Những ai không là quý tộc thì cũng không là gì cả dưới con mắt của tên thị thần đó.

Fabrice hiện ra trên diễn đàn. Chàng gầy quá, xanh quá, héo hắt quá, khiến cho đôi mắt Clélia lập tức giàn giụa lệ. Chàng nói đôi lời rồi ngừng dường như bị tắt tiếng đột ngột; chàng cố bắt đầu lại nói mấy câu nữa nhưng vô hiệu. Chàng quay lại cầm một tờ giấy có viết chữ.

— Các đồng bào ơi! Có một linh hồn khổ sở đáng cho đồng bào rủ hết lòng thương, nhờ tiếng nói của tôi xin đồng bào cầu nguyện cho nó thoát khỏi những đau đớn dày vò chỉ chấm dứt khi đời nó chấm dứt mà thôi.

Chàng đọc phần sau trên tờ giấy, rất chậm rãi. Nhưng âm hưởng của giọng chàng không biết thế nào mà chưa tới giữa bài cầu nguyện, mọi người đều khóc, kể cả anh chàng Gonzo. “Nhờ vậy mà không ai để ý đến ta”, Clélia nghĩ thầm và thổn thức.

Trong khi đọc trên giấy, Fabrice tìm được hai ba ý về tình trạng người khốn khổ mà chàng đến đây xin con chiên cầu nguyện cho. Rồi thì ý kiến hiện lên hàng loạt. Chàng có vẻ nói với công chúng kỳ thực chỉ nói với Clélia. Chàng nghĩ giảng hơi sớm hơn thường lệ, vì cổ hết sức cũng không ngăn được dòng nước mắt cứ dâng lên khiến chàng nghẹn ngào, không nói rõ thành tiếng. Những người công minh nhận thấy bài thuyết pháp này khác thường, nhưng vì lâm ly cảm động cho nên ít ra cũng ngang giá trị với bài thuyết pháp nổi tiếng nhất thực hiện trong xán lạn. Về phần Clélia, nàng vừa nghe được mười dòng trong lời cầu nguyện mà Fabrice đọc lên, thì đã thấy là mình để trôi qua mười bốn tháng trời không gặp Fabrice là phạm một tội ác. Về đến nhà nàng đi nằm ngay để được tha hồ nghĩ đến người yêu, và ngày hôm sau, vào sáng sớm, Fabrice nhận được một mảnh giấy viết.

“Người ta tin vào lòng quý trọng danh dự của ông, hãy tìm bốn người dũng cảm mà ông có thể tin cậy ở tính kín đáo, và đến mai, lúc chuông đồng hồ nhà thờ Steccata đánh mười hai tiếng, hãy chờ ở gần một cái cửa nhỏ mang số 19, phố Saint Paul. Chớ quên rằng ông có thể bị tấn công, cho nên đừng đi một mình”.

Nhận ra nét chữ thần tiên kia, Fabrice quì xuống và khóc. Chàng kêu to:

— Thế là cuối cùng... sau những mười bốn tháng tám ngày! Vĩnh biệt những cuộc thuyết pháp.

Nếu diễn tả hết những điều kiện điên dại mà Fabrice và Clélia đã để cho lòng mình buông theo thì dài lắm. Cái cửa nhỏ nói trong thư chẳng qua là cửa vườn cam ở lâu đài Crescenzi mà trong ngày hôm đó Fabrice kiếm có tới xem có đến mười bận. Chàng mang theo dao, súng và trước lúc nửa đêm một ít, chàng đi một mình, bước nhanh, đi qua gần cái cửa sổ đó và không biết vui mừng khi nghe quen thuộc thắm thì:

— Hãy vào đây, bạn lòng ơi.

Fabrice rón rén đi vào đã thực sự lọt vào nhà che cây cam, nhưng đối diện với một cửa sổ có chấn song khỏe, cao hơn mặt đất khoảng hơn một thước. Đêm tối mờ, Fabrice nghe có tiếng động ở cửa ấy, anh đưa tay sờ chấn song và cảm thấy có một bàn tay luồn qua song nắm bàn tay anh đưa lên môi hôn. Một giọng thân yêu nhỏ nhẹ nói:

— Em đây anh ạ, em đến đây để nói em yêu anh và để hỏi anh có chịu nghe lời em không.

Ai cũng có thể đoán được lời đáp, sau những phút bồng bột ban đầu. Clélia nói:

— Em đã phát nguyện với Đức Mẹ, như anh biết là không bao giờ được nhìn thấy anh. Bởi vậy, em tiếp anh trong bóng tối đầy đặc này. Em muốn nói cho anh biết rằng có khi nào anh bắt phải nhìn anh giữa ban ngày ban mặt thì thôi đấy, giữa chúng ta không còn có quan hệ gì với nhau nữa. Nhưng mà trước hết, em không muốn anh giảng đạo trước mặt con Anetta Marini nữa. Và anh đừng nghĩ rằng tự em đã cho mang một chiếc ghế bành vào nhà Chúa.

— Thiên thần của anh ạ, anh sẽ không giảng đạo nữa trước bất kỳ ai; anh chỉ giảng để mong có một ngày được thấy mặt em mà thôi.

— Đừng nói như thế với em, hãy nghĩ rằng em không được phép nhìn thấy anh đâu.

Đến đây, chúng tôi xin phép cho trôi qua một thời gian ba năm, không nói một tiếng nào đến khoảng đó.

Vào thời kỳ mà chúng tôi kể tiếp đây thì bá tước Mosca đã trở về Parme từ lâu, làm thủ tướng và có quyền thế hơn bao giờ hết.

Sau ba năm hạnh phúc thần tiên, Fabrice bỗng nảy ra trong lòng một ham muốn yêu thương khiến cho mọi việc thay đổi.

Bà hầu tước có một đứa con trai hai tuổi rất kháu khỉnh, tên là Sandrino, nguồn vui của mẹ nó. Nó luôn luôn theo mẹ, hoặc là chơi trên đầu gối của hầu tước Crescenzi. Trái lại, Fabrice hầu như không bao giờ gặp nó. Chàng không muốn con mình quen âu yếm một người cha khác. Chàng nảy ra ý định bắt con về trước khi ký ức của nó có khả năng ghi nhớ rõ ràng sự việc.

Trong những giờ phút dài dằng dặc ban ngày, Clélia không thể gặp bạn, thì Sandrino là nguồn an ủi của nàng. Bởi vì chúng tôi phải thú nhận một điều có vẻ kỳ quặc lắm đối với người ở phía bắc dãy núi Alpes, mặc dù làm một việc tội lỗi như vậy, nàng vẫn giữ lời nguyên; nàng đã thề với Đức Mẹ, chắc ai cũng còn nhớ, là không bao giờ nhìn thấy Fabrice; đó là nguyên văn lời thề của nàng; do đó nàng chỉ tiếp Fabrice vào đêm, và không khi nào để đèn lửa trong phòng.

Tối nào Fabrice cũng được người yêu tiếp đón. Điều đáng phục là ở giữa cái triều đình ồm đở vì buồn chán, và vì bệnh tọc mạch những biện pháp đề phòng của Fabrice đã được tính toán khéo léo đến nỗi không bao giờ thiên hạ nghi ngờ là có cái “tình bạn” [\[127\]](#) ấy, theo cách người ta vẫn nói ở Lombardie. Mỗi tình này nồng nàn quá cho nên không thể không có bất hòa. Clélia rất dễ ghen, tuy nhiên hầu hết những xích mích đã xảy ra vì một duyên cớ khác. Fabrice lợi

dùng một vài vụ lễ bái công khai để đến cùng một nơi với Clélia và ngắm nhìn nàng, tức thời nàng kiểm soát để nhanh chóng rời khỏi nơi đó và cấm cửa bạn một thời gian dài.

Đám triều thần ở Parme lấy làm lạ sao một phụ nữ đẹp đến thế, thông minh và có học thức đến thế lại không có một quan hệ yêu đương thầm kín nào. Nàng làm nảy sinh những say đắm gây nên nhiều hành động điên dại và Fabrice cũng nhiều khi ghen tuông.

Đức giám mục Landriani đôn hậu đã qua đời lâu rồi. Lòng thành tín, tác phong đạo đức gương mẫu và tài hùng biện của Fabrice đã khiến thiên hạ quên đức cố tổng giám mục từ lâu. Người anh cả của chàng cũng qua đời, tất cả tài sản gia đình đều qua tay chàng. Từ ngày ấy, mỗi năm chàng phân phát cho các cha xứ trong địa phận số bổng lộc hơn một trăm nghìn francs về chức vụ tổng giám mục mà chàng được hưởng.

Thật khó mà mơ ước đến một cuộc sống được quý trọng hơn, danh giá hơn và có ích hơn cuộc sống của Fabrice! Tuy nhiên mọi việc đã bị đảo lộn bởi cái khát vọng tình cảm tai hại của chàng.

Một hôm Fabrice nói với Clélia:

— Vì lời phát nguyện mà anh tôn trọng nhưng đã làm anh đau khổ suốt đời bởi em không muốn gặp anh vào ban ngày, anh buộc lòng phải luôn sống cô đơn, chỉ lấy công việc làm khuây khỏa; thế mà công việc cũng thiếu. Trong khi dùng cái cách khắc khổ và buồn bực đó để sống cho qua những giây phút dằng dặc mỗi ngày, anh bỗng nghĩ tới một điều dầy vò lòng anh, mà từ sáu tháng nay anh xua đuổi đi không được; con anh sẽ không yêu anh; nó không nghe nói đến anh bao giờ. Nuôi dưỡng trong cảnh xa hoa êm ái ở lâu đài Crescenzi, nó biết mặt anh đã may! Những lần hiếm hoi anh gặp con, anh nghĩ đến mẹ nó, vì nó gợi nhớ cái nhan sắc tiên nga của em mà anh không được phép nhìn ngắm; tất thẳng bé cho anh là nghiêm nghị, nghĩa là buồn bực, theo cảm nghĩ của trẻ con.

— Ấy, Clélia nói, qua những lời lẽ khiến anh sợ hãi đó, anh định đạt đến mục đích gì?

— Muốn có lại được đứa con anh. Anh muốn nó ở với anh; anh muốn được nhìn thấy nó ngày ngày, muốn nó tập yêu mến anh và anh cũng được tha hồ âm yếm nó. Bởi một tiền định khe khắt có một không hai trong thiên hạ đã tước mất của anh cái hạnh phúc mà bao nhiêu tâm hồn triu mến được hưởng, và anh không được sống gần gũi người anh yêu quý, anh muốn ít ra là có bên cạnh mình một sinh linh nhắc nhở với lòng anh hình ảnh em, hầu như thay thế em. Trong cảnh cô đơn bắt buộc, công việc mà con người đối với anh là gánh nặng; em đã biết tham vọng đối với anh là một chữ không có nghĩa từ khi anh có diễm phúc được Barbone tổng lao, và cái gì không phải là cảm khái của tâm hồn đối với anh đều buồn cười, vô nghĩa trong cảnh sống phiền muộn xa em.

Chúng ta có thể hiểu nỗi đau đớn mà sự âu sầu của Fabrice gây ra trong tâm hồn Clélia; càng cảm thấy Fabrice nói có lý, nàng càng buồn thấm thía. Có lúc nàng đã toan nghĩ đến việc thử cởi bỏ lời thề. Thế rồi nàng sẽ tiếp Fabrice giữa ban ngày cũng như bất cứ một nhân vật nào khác và cái tiếng tiết hạnh của nàng đã quá vững, sẽ không ai có điều dị nghị gì. Nàng tự nhủ nếu bỏ ra nhiều tiền chắc có thể khiến người ta cởi giải lời thề cho mình, nhưng nàng cảm thấy cách giải quyết có tính chất phù hoa đó sẽ không đem lại yên tĩnh trong tâm hồn nàng và có lẽ trời cảm giận sẽ trừng phạt nàng về tội lỗi mới này.

Mặt khác, nếu nàng chiều theo lòng ham muốn rất tự nhiên của Fabrice, nếu nàng tìm cách giải khổ cho con người đa cảm mà nàng hiểu sâu sắc lòng dạ, con người mà lời phát thệ lạ lùng của nàng đã làm cho cuộc sống mất yên tĩnh một cách dị thường, thì cũng có thể dẫu mơ hồ là qua việc cướp con của một nhân vật quyền quý nhất nước Ý, điều gian dối của hai người lại không bị phát hiện? Hầu tước Crescenzi sẽ tuôn tiền ra như nước, sẽ tự mình điều khiển việc tìm kiếm và không sớm thì muộn, việc bắt cóc sẽ bại lộ. Chỉ có một cách đề phòng là mang nó đi xa. Edimbourg chẳng hạn, hoặc là Paris, nhưng lòng triu mến của người mẹ không đành làm

thể. Cách thứ hai, do Fabrice đề nghị, trên thực tế là cách hợp lý nhất nhưng tự nó lại như mang một điềm tiên báo thảm khốc còn đáng kinh hãi hơn đối với người mẹ lạc hồn phách đó. Fabrice nói phải bày ra một cơn bệnh giả, đứa bé phải ngày càng ốm nặng, rồi thì chết trong lúc hầu tước Crescenzi vắng nhà.

Clélia ghê tởm việc ấy, tởm đến kinh hoàng, và họ bất hòa với nhau, nhưng cũng không bất hòa được lâu.

Clélia cho là không nên thách thức Chúa, đứa con thân yêu ấy là con của tội lỗi, nếu bây giờ còn chọc Chúa giận nữa thì Chúa không khỏi bắt nó về trời. Fabrice lại nói về số kiếp đặc biệt của chàng.

— Chúc phận mà ngẫu nhiên anh được ban, chàng nói với Clélia, cùng với mối tình của anh đã buộc anh sống vĩnh viễn trong cô đơn, anh không thể như phần lớn bạn đồng nghiệp, có được một cảnh gần gũi êm ái, bởi em chỉ muốn tiếp anh trong bóng tối, khiến cho phần thời gian sống bên cạnh em chỉ còn là những khoảnh khắc.

Nước mắt đã tuôn nhiều. Clélia phát ốm. Nhưng quá yêu Fabrice, nàng không thể từ chối mãi sự hy sinh mà chàng đòi hỏi ở nàng. Người ta làm như là Sandrino ốm; hầu tước vội vã cho mời những thầy thuốc trứ danh nhất và từ lúc đó, Clélia đã gặp một rắc rối ghê gớm mà nàng không dự kiến, làm thế nào đây để đứa con yêu quý không uống một thứ thuốc nào hết do thầy thuốc chỉ định, đó không phải là một việc nhỏ.

Bị bắt buộc nằm nhiều hơn hạn độ cần thiết cho sức khỏe của nó, đứa trẻ đó ốm thực sự. Làm sao bảo cho thầy thuốc biết nguyên nhân bệnh này? Bị xâu xé giữa quyền lợi trái ngược nhau của hai người chí thân, Clélia suýt mất trí. Cô nên vờ cho là con đã bình phục và vất bỏ kết quả của một sự xếp đặt đối trá mất nhiều thì giờ và công sức? Về phần Fabrice, chàng không thể tự tha thứ việc mình bức bách người yêu, cũng không thể bỏ dự định của mình. Chàng tìm được cách đêm đêm vào bên giường chú bé ốm, điều này gây một rắc rối khác. Clélia đến săn sóc con và một đôi khi Fabrice buộc phải nhìn thấy nàng dưới ánh nến, điều này, trái tim đau yếu khổ sở của Clélia coi là một tội lỗi ghê gớm, nó báo trước cái chết của Sandrino. Nhiều nhà thần học nổi tiếng nhất, khi được hỏi về trường hợp nếu thực hiện một lời phát nguyện mà kết quả có hại rõ ràng thì thế nào, đã trả lời rằng việc hủy bỏ lời nguyện sẽ không bị coi như một tội lỗi nếu người phát nguyện từ bỏ lời nguyện, không vì sắc dục mà để tránh một tai hại tất yếu; sự lý giải đó không có hiệu lực đối với Clélia, nàng vẫn đau đớn tuyệt vọng. Và Fabrice sắp thấy ý muốn kỳ quặc của mình mang cái chết đến cho Clélia và con chàng.

Fabrice nhờ cậy người bạn thân của mình là bá tước Mosca; vị thủ tướng này tuy già cũng cảm thấy xúc động trước mối tình kia mà ông chỉ mới biết một phần nhỏ.

— Tôi sẽ vì anh mà cho ông hầu tước đi vắng ít nhất là năm sáu hôm. Anh muốn vào lúc nào?

Ít lâu sau, Fabrice đến báo cho bá tước biết mọi việc đã được chuẩn bị để lợi dụng thời gian hầu tước vắng mặt.

Hai ngày sau, trong lúc hầu tước đi ngựa từ một trang ấp ở vùng Mantoue về, có mấy tên cướp, có vẻ như do một cá nhân có thù hằn thuê, đã bắt cóc ông nhưng không hành hung gì; họ đặt ông vào một chiếc thuyền và cho thuyền xuôi dòng sông Pô mất ba ngày, lại cuộc hành trình mà Fabrice đã thực hiện ngày trước, trong vụ Giletti nổi tiếng. Ngày thứ tư, bọn cướp cho hầu tước lên bộ tại một hòn đảo hoang vu trên sông Pô, sau khi cướp hết của cải của ông, không để cho ông một đồng tiền nào hay một vật gì có chút giá trị. Hầu tước phải mất hai ngày mới về đến lâu đài của mình ở Parme. Ông thấy lâu đài chẳng vắng vẻ và tối tăm gì cả.

Cuộc bắt cóc thực hiện một cách tài tình đó đã mang đến một hậu quả rất tai hại; Sandrino được nuôi dưỡng bí mật trong một ngôi nhà lớn và đẹp ở đây bà hầu tước đến thăm con hầu

như hàng ngày, nhưng Sandrino chết sau mấy tháng điều dưỡng, Clélia nghĩ rằng nàng đã bị trừng phạt đích đáng vì không giữ lời nguyện với đức mẹ; nàng đã nhìn Fabrice khá nhiều lần trong ánh sáng và hai lần giữa cả ban ngày, trong sự sôi nổi âu yếm, vào thời gian mà Sandrino đau ốm! Nàng chỉ sống thêm được mấy năm sau khi đưa con yêu quý qua đời; tuy nhiên nàng có được sự an ủi tất thảy trên tay người yêu.

Fabrice si tình quá và ngoan đạo [\[128\]](#) quá cho nên không tự tử để tự giải thoát; chàng hy vọng được gặp lại Clélia ở một thế giới tốt đẹp hơn, nhưng chàng cũng đủ thông minh để cảm thấy là còn phải sửa chữa, đền bồi nhiều nữa.

Sau khi Clélia mất không lâu, Fabrice ký nhiều văn kiện qua đó chàng cấp cho mỗi tôi tớ một món trợ cấp đồng niên là một nghìn francs và dành cho mình cũng chừng ấy. Chàng biếu nữ bá tước Mosca một số đất đai có lợi tức khoảng mười vạn francs, cũng một số tiền như thế cho nữ hầu tước Del Dongo, bà mẹ, còn lại bao nhiêu trong gia tài bố thì chàng cho cô em lấy chồng nghèo. Ngày hôm sau, chàng gửi đơn xin từ chức tổng giám mục đến những nơi có thẩm quyền và cũng xin từ tất cả những chức vị gì mà ân sủng của Ernest V và cảm tình của vị thủ tướng đã ban cho chàng; rồi chàng vào Tu viện dòng Chartreuse ở Parme trong những khu rừng cạnh sông Pô, cách Sacca hai dặm.

Nữ bá tước Mosca phu nhân trước đây rất tán thành việc chồng trở về làm thủ tướng, nhưng phu nhân không khi nào chịu trở về trên đất nước quận vương Ernest V. Phu nhân có triều đình riêng của mình ở Vignano cách Casal Maggiore một phần tư dặm trên tả ngạn sông Pô, tức là đất Áo. Trong tòa lâu đài tráng lệ mà bá tước xây dựng tại Vignano cho bà, cứ đến ngày thứ năm mỗi tuần, bà tiếp tất cả xã hội thượng lưu thành Parme, còn ngày thường bà tiếp những bạn bè đông đảo của bà. Thế tất rồi Fabrice cũng đến Vignano một ngày kia. Tóm lại bá tước phu nhân có đủ vẻ của một người có hạnh phúc, nhưng bà không sống thêm được bao nhiêu lâu sau khi Fabrice, người mà bà yêu quý qua đời, Fabrice chỉ sống được một năm trong tu viện Chartreuse.

Các nhà tù công quốc Parme trống rỗng, bá tước Mosca giàu không kể xiết, Ernest V được thần dân sùng bái vì chính quyền của ngài với chính quyền của các đại công tước Toscane.

Chú thích:

[1] *Stendhal* là bút danh của nhà văn Pháp Henri Beyle (1783-1842). Ông sinh ra ở thị trấn Grenoble, thuộc miền đông nước Pháp, ở cách biên giới Ý khoảng 100km. Ông từng cư trú nhiều lần ở Ý và có lúc hoạt động cho sự nghiệp giải phóng và thống nhất nước Ý. Tác phẩm chính của ông: *Rome, Naples và Florence Về tình yêu* (1822), *Racine và Shakespeare, Đỏ và Đen* (1830), *Cuộc đời Henri Beyle, Tu viện thành Parme* 1839. Giới văn học Pháp và Liên Xô hiện nay đặt ông ngang hàng Balzac. Xem tiểu sử *Stendhal* ở đầu bản dịch *Đỏ và Đen* (NXB. Văn học).

[2] Một cô gái trẻ đã tỏ tình với *Stendhal* khi ông 47 tuổi, về sau nhiều lần gặp lại vẫn yêu ông, mãi cho đến lúc ông chết (1842).

[3] Chanoine: Linh mục cao cấp, hội viên của một hội đồng linh mục bên cạnh một vị giám mục, tổng giám mục hoặc giáo chủ.

[4] Tác giả viết Zambajon; bản dịch tiếng Nga của Nem, Chinôva viết Zambaione với nguyên chữ cái Pháp. Từ điển Pháp hiện nay đều không có Zambajon hoặc Zambaione. Chỉ có Sambayon hoặc Sabayon. Từ điển Robert chú giải từ Sabayon. "cùng viết Sambayon;

[5] ... 1880; Sabaillon; tiếng Ý: Sabayon = Món kem làm bằng lòng đỏ trứng gà đánh với rượu vang, đường và hương liệu. Có lẽ *Stendhal* viết theo âm địa phương hoặc chính tả thời đó.

[6] Tiếng Ý trong nguyên bản, không có khái niệm tương đương trong tiếng ta.

[7] Bonaparte (về sau là hoàng đế Napoléon 1769-1821, lúc bấy giờ 27 tuổi, được chính phủ Cộng hòa cách mạng Pháp cử làm tổng tư lệnh mặt trận Ý. Đạo quân Bonaparte chỉ huy đánh bại đạo quân của hoàng đế Áo đang thống trị đất nước Ý, bằng một loạt chiến thắng lừng lẫy, trong đó có chiến tích vượt cầu Lodi (Bản dịch này do người dịch chú thích, số chú thích cũ của tác giả đều được ghi rõ).

[8] César: Tướng lĩnh và nhà độc tài cổ La Mã. Alexandre: Vua xứ Macedonia (ở phía bắc Hy Lạp). Hai người này được coi là những nhà quân sự kiệt xuất thời cổ đại ở Tây phương.

[9] Quân của hoàng đế Áo và của tiêu vương Milan, chư hầu của hoàng đế Áo.

[10] Lombardie (Lombards-Lombarde) Một xứ ở Bắc Ý, kinh thành là Milan. Milan đã chống quân Đức xâm lược một cách bền bỉ, cuối cùng bị hoàng đế Đức Frédéric Barberousse, phá hủy (thế kỷ XII), sau này mới được xây dựng lại.

[11] Tư tưởng tự do, khoa học, vô thần... thấm nhuần bộ Bách khoa toàn thư do các nhà triết học, khoa học, văn học... soạn vào quãng giữa thế kỷ XVIII ở Pháp.

[12] Voltaire: Một trong những nhà văn, nhà triết học Pháp lớn nhất thế kỷ XVIII, mà tư tưởng nhân bản luôn bảo vệ cho tự do, công lý, tiến bộ xã hội (1694 - 1778).

[13] Đất Hungari bấy giờ là một thành phần lãnh thổ chính của đế quốc Áo - Hung.

[14] Gros: Họa sĩ Pháp nổi tiếng, một trong những nhà khai sáng của chủ nghĩa lãng mạn Pháp (1771-1835) trong hội họa.

[15] Trong các tước vị ở châu Âu, ngoài tước công thông thường (duc) còn có đại công tước (grandduc) và thượng công tước (archiduc), nữa để gọi các hoàng thân con cháu vua Áo. Chúng tôi thấy cần dịch thượng công tước để hiểu sự chơi chữ của tác giả.

[16] Chính phủ cộng hòa Pháp, thành lập sau khi viện Khế ước giải tán, gồm có 5 vị Đốc chính ở trung ương, Viện này bị tướng Bonaparte lật đổ bằng cuộc đảo chính vào tháng sương

mù (1799). (Tên Pháp: viện Đốc chính: Directoire; viện Khế ước: Convention).

[17] Nơi quân Pháp, lần này cũng do Bonaparte chỉ huy, đánh quân Áo đại bại năm 1800. Marengo là một phần trên đất nước Ý.

[18] Eugène de Beauharnais: Con đời chồng trước của hoàng hậu Joséphine vợ Napoléon được Napoléon phong phó vương Ý. Là một chỉ huy xuất sắc trong các trận chiến đấu thời đế chế (1781-1824).

[19] Ronsard: Nhà thơ Pháp lớn nhất thế kỷ XVI (1524-1585).

[20] Abbé: Đối với một số từ về nhà thờ Gia tô, ở ta thường có hai từ tương đương: Một do mượn từ người Trung Quốc đã dịch, một do phiên âm trực tiếp. Khi từ dịch mượn không chính xác (ví dụ: abbé = tu viện trưởng) thì chúng tôi dùng từ phiên âm.

[21] Nghĩa là: Chào đức bà Maria, Kính cầu phúc và tạ ơn.

[22] Trong cuộc viễn chinh đánh vào Nga bị bại, lúc lui quân vượt sông Berezina, quân đội của Napoléon bị đuổi đánh đã mất một phần quan trọng vì mắc nghẽn ở bờ bên kia và chết đuối mặc dù đội công binh đã dùng cảm lảm hết cách. Việc xảy ra cuối tháng 11-1812.

[23] Năm 1814 Napoléon từ đảo Elbe còn trở về đuổi vua Louis XVIII đi, trị vì 100 ngày, rồi thua trận Waterloo và đổ hãn năm 1815.

[24] Jacobins: Những người cách mạng dân chủ hăng hái nhất. Trong cuộc Cách mạng dân quyền Pháp, những người hăng hái nhất nhóm họp ở tu viện dòng Jacobins, do đó họ lấy tên là Câu lạc bộ những người Jacobins. Tiếng này về sau có xu hướng trở thành danh từ chung như tác giả đã dùng.

[25] Tiền vàng thời các vua Louis, về sau vẫn dùng. Giá trị độ 20 francs.

[26] Nước cộng hòa do Bonaparte giúp thành lập năm 1797. Năm 1802 nó đổi thành nước Cộng hòa Ý và từ 1804 đến 1814, thành vương quốc Ý thủ đô là Milan.

[27] Với người Pháp và người Ý tiến bộ thời ấy, Hoàng đế chỉ Napoléon. Hoàng đế của những người thân Áo là hoàng đế Áo.

[28] Đồng vàng có khắc chân dung Napoléon, trị giá hai mươi francs.

[29] Đây là lời một nhân vật nồng nhiệt, anh ta đổi thành văn xuôi mấy câu thơ của nhà thơ Monte, nhà thơ Ý nổi tiếng về hùng ca và kịch thơ (1754 - 1828).

[30] Tiếng lóng để chỉ tiền bạc, vì thời trước Pháp có phát hành loại bạc khác hình con gà (kê: gà) biểu trưng của nước Pháp. Nguyên văn dùng guibus là tiếng bình dân để chỉ bạc đã đúc thành tiền tiêu dùng.

[31] Sau trận đại bại ở Nga, Napoléon bắt nhiều lính mới ở Pháp và trên những đất nước ngoài mà ông còn kiểm soát. Năm 1814 bị thua trên đất Pháp và bị nội phản, ông thoái vị, quân đội tan rã thì đa số tân binh được giải ngũ, một số lần nữa làm ăn trên đất Pháp. Năm 1815, Napoléon trở về, lấy lại ngôi vua và lại bắt họ ra lính.

[32] Écu: đồng tiền bằng bạc xưa trị giá 3 francs. Có thời có đồng écu đổi trị giá 5 hoặc 6 francs.

[33] Theo một truyện thơ cổ Pháp, bốn anh em Aymon cùng cưỡi trên một con ngựa to, nhanh khỏe vô song để đi đánh giặc và lánh nạn. Con ngựa ấy tên là Bayard.

[34] Ney: Tướng lĩnh xuất sắc của Napoléon, được phong công tước, vương tước và được hoàng đế mệnh danh là "Người dũng cảm trong những kẻ dũng cảm". Được Louis XVIII lưu dụng sau khi Napoléon mất ngôi lần thứ nhất (1814). Thống chế Ney dẫn đạo quân nhà vua quay cò đón Napoléon khi hoàng đế đổ bộ. Sau khi Napoléon sụp đổ hẳn (1815), Ney bị xử bắn.

[35] Machiavel: Nhà chính trị lớn và sử gia Ý, đồng thời là một nhà văn yêu nước (1469-1527). Phương châm chính trị của ông là: Nếu mục đích tốt thì phương tiện gì cũng dùng được.

[36] Tasse: Nhà thơ Ý bất hủ (1565-1635), tác giả thiên anh hùng ca Jerusalem giải phóng. Arioste: Nhà thơ lớn Ý thời Phục hưng (1474-1533) tác giả bản trường ca Roland cuồng nộ.

[37] Nguyên văn La tinh: Gratis pro Deo.

[38] Fénelon: Tổng giám mục Cambrai và là một nhà đạo đức một nhà văn, có cái nhìn đúng đắn về thời ông, thời đại Louis XIV rực rỡ nhưng kiêu xa, hiếu chiến, gây đói khổ cho nhân dân (1651-1715).

[39] Cosaques: Lính kỵ người Ukraine trong quân đội Nga, nổi tiếng chiến đấu giỏi và tàn ác đã gây nhiều thiệt hại cho quân Pháp khi họ rút chạy ở Nga năm 1812. Thực ra, trong trận Waterloo không có lính kỵ đó, chỉ có kỵ binh Phổ.

[40] Vùng này trên đất Bỉ. Người Bỉ một nửa nói tiếng Pháp, một nửa nói tiếng flamand như người Hà Lan. Thời Napoléon, đất Bỉ thuộc Pháp, nhưng vào lúc nói ở trên liên quân Anh, Đức, đã tiến vào kiểm soát rồi.

[41] Tức là lính an ninh. Ông Pellico đã làm cho địa danh này được biết khắp châu Âu, đó là tên con đường phố Milan có dinh thự và các nhà lao của tổ chức an ninh (chú thích của tác giả), Sylvio Pellico là nhà văn Ý thuộc đảng Carbonari (đảng tự do và thống nhất Ý); bị cầm tù, ông đã viết cuốn hồi ký "Những nhà ngục của tôi" rất cảm động và có giá trị tố cáo lớn (1789-1854).

[42] Bayard: Tướng Pháp thế kỷ XV-XVI, nổi tiếng về tài dùng binh, lòng dũng cảm và đạo đức trong sạch.

[43] Nguyên văn: Tu, đành dịch tạm như vậy. Ở ta trong mức độ quan hệ giữa nam và nữ như hai người này, mà bỗng nhiên nữ gọi nam là anh thì nam cũng cảm thấy có chút ầu ỹm.

[44] Nguyên văn tiếng Ý: Secatore.

[45] Corrège: Họa sĩ lớn người Ý, có tài làm sống lại da thịt trên vải (1494 - 1535).

[46] Michele Sanmicheli (1484-1559) Họa sỹ kiến trúc sư Virona Ý.

[47] Alfieri. Tác giả bi kịch thơ Ý nổi tiếng thế kỷ XVIII; Dante: Thi hào Ý, đã viết tác phẩm bất hủ Thần khúc (1265-1321).

[48] Cassandre: Nhân vật hài kịch Ý, biểu hiện bằng một ông già cả tin bị một người lừa phỉnh.

[49] Trước khi một người Anh phát minh ra cách lấy bưu phí qua con tem mà người gửi mua dán lên thư, thì bưu phí do người nhận thư trả khi nhận thư. Không muốn nhận thư thì không trả tiền.

[50] Tức năm 1793, năm cách mạng dân quyền Pháp đưa vua Pháp (Louis XVI) lên đoạn đầu bài.

[51] Joseph II: Hoàng đế Đức khoảng cuối thế kỷ XVIII

[52] La Fronde: Đám giặc nhỏ bọn quý tộc gây ra chống triều đình trong lúc Lui XIV vị thành niên.

[53] Nguyên văn: Chevalier, tước quý tộc ở cuối bảng, dưới tước nam (baron) mà nhiều triều đại châu Âu sử dụng. Sách ta quen dịch hiệp sĩ, không cần đương sự có tinh thần nghĩa hiệp hay không.

[54] Ở Ý những thanh niên có đỡ đầu hoặc thông thái trở thành monsignor (đức ông) và prêlat (cha cố cấp cao) nhưng vẫn không là giám mục, họ mang bút tắt tím. Họ chưa thề nguyện và có thể bỏ bút tắt tím và cưới vợ (chú thích của tác giả).

[55] Túc quận vương Ernest IV. Parme là thủ phủ của công quốc Parme - Plaisance (Duché Del Dongo Parme et Plaisance) thành lập từ giữa thế kỷ XVI, đến 1859 thì hòa mình quốc gia Ý lần đầu tiên thống nhất. Vì lãnh chúa ở đây tước truyền đời là quận công, nhưng trị vì một đất nước tự trị, cho nên triều thần gọi quận công, công tước, hoàng thân, "vương tước, quận vương, vương chủ, tiền vương, đức vua đều được. Tác giả đã dùng thay đổi và thường thường nhại quần thần, dùng những danh vị cao nhất.

[56] Tartufe: nhân vật giả đạo nổi tiếng trong vở hài kịch cùng tên của Molière.

[57] Décimus: Hoàng đế La Mã thế kỷ thứ III, nổi tiếng vì đã sát hại nhiều người theo đạo Gia tô.

[58] Một thanh niên hy sinh tình yêu, địa vị để chết vì đạo mà nhiều tác giả đã đem vào kịch bản của mình, trong đó có Corneille, người Pháp tác giả vở bi kịch Polyeuter (thế kỷ XVIII). Vở nhạc kịch mà nữ công tước nhắc đến là của nhạc sĩ Ý Doninetti (thế kỷ XVIII), viết dựa theo bi kịch của Corneille.

[59] Nguyên văn: le terzo incomodo. Mấy câu sau dịch và sắp xếp y nguyên văn của tác giả.

[60] Vợ Putiphar cố cám dỗ Joseph gia trưởng của chồng không được bèn lấy cái áo khoác người thanh niên ấy bỏ quên lại làm tang vật để vu cáo chàng trai chộc ghẹo mình, Joseph bị vào tù oan uổng (theo Kinh Thánh).

[61] Goldoni: thi sĩ trào phúng và tác giả hài kịch Ý, người thành phố Venise, có viết cả kịch bằng tiếng Pháp (17-7-1793)

[62] Arlecun: nhân vật hề trong hài kịch Ý, đã thành công thức khắp Tây Âu

[63] Nguyên văn: Mammicio (tiếng Ý)

[64] Đại từ của ta phong phú hơn và cũng rắc rối hơn của Pháp vô cùng, nếu không thay đổi đại từ theo vị trí tương quan của các nhân vật, trạng huống tâm lý, tình cảm... mỗi lúc thì khó nói là đã dịch ra tiếng Việt

[65] Brutus: Nhà chính trị và quan toà của La Mã, nổi tiếng công minh và nghiêm khắc, đã xử tử chính con mình vì chúng liên kết với bạo chúa (thế kỷ VI trước Công Nguyên)

[66] John Bull: Nhân vật tượng trưng dùng để tượng trưng nước Anh, cũng như chú Sam (Uncle Sam) tượng trưng cho Mỹ, bác Jắc thật thà (Jacques Bonhomme) tượng trưng cho Pháp, John Bull là một người buôn bán, cẩn thận, thực tế, tính toán, lạnh lùng.

[67] Thémistocle : Một tướng nổi tiếng của Hy Lạp cổ (thế kỷ IV trước Công Nguyên). Ông chiến thắng quân Ba Tư, về sau bị Hy Lạp xử phạt lưu, ông chạy sang Ba Tư và được đối đãi tốt. Sau khi thua trận Waterloo, Napoléon tính trốn sang Mỹ, sau lại tìm Anh nộp kiếm và đưa thư xin làm khách của Anh. Ông bị Anh đày ở đảo Saint Hélène

[68] Don Quichotte : nhân vật chính trong truyện trào phúng cùng tên của văn hào Tây Ban Nha Cervantès. Don Quichotte đọc truyện kiếm hiệp nhiều quá hoá nên loạn óc, đã thuyết phục một nông dân Sancho Panza, làm bảo mã đi theo mình chu du thiên hạ tìm những điều bất công bất bình trong xã hội để khắc phục, Don Quichotte phiêu lưu, ảo tưởng bao nhiêu thì Sancho Panza cẩn thận và thực tế bấy nhiêu.

[69] Nguyên văn: Vetturino (tiếng Ý)

[70] Bacchus: Thần rượu nho. Cérès: Nữ thần ngũ cốc theo thần thoại Hy Lạp.

[71] Cicéron: nhà hùng biện lớn của cổ La mã (thế kỷ I trước công nguyên) vừa hoạt động về tư pháp vừa hoạt động về chính trị. Văn ông hùng hồn, có nhịp điệu, nhưng hơi rườm rà và kêu.

[72] Buonaparté: Người đảo Corse, nơi nguyên quán của Napoléon, viết và đọc như thế, cho nên những kẻ chống Napoléon vẫn gọi ông ta một cách chế nhạo bằng cái tên đó. Người Pháp viết Bonaparte.

[73] Napoléon từng lấy tước hiệu: Hoàng đế của những người Pháp quốc vương Ý.

[74] Tác giả viết tiếng Ý: Awtamento và chữa bằng tiếng Pháp trong ngoặc đơn: Khách hàng.

[75] Nhân vật chính trong vở bi kịch cùng tên của Shakespeare.

[76] Tancrède: Một anh hùng trong trường ca Jérusalem giải phóng của thi hào Ý Le Tasse (thế kỷ XVI) Tancrède yêu say đắm nữ tướng Clorinde, của đối phương, ông tuyệt vọng sau khi biết mình đã giết người yêu cải trang giả trai trong chiến đấu.

[77] Trong trường ca Odyssée của Homère, trên đường viễn chinh về Ulysse đến một hòn đảo ở đó các bạn đường của ông bị nữ thần Circé biến thành lợn. Về sau Circé yêu Ulysse nên trả lại hình người cho họ.

[78] Nguyên văn: prepotenze (tiếng Ý).

[79] Nguyên văn: Buli (tiếng Ý).

[80] Pierre Louis quận vương đầu tiên của dòng họ Farnèse, nổi tiếng về đức độ của mình, là con hoang của giáo hoàng Phaolô III, như người ta đã biết (chú thích ở nguyên bản).

[81] Nguyên văn: canmerlere (tiếng Ý).

[82] Nhân vật hài kịch Ý, đã thành một mẫu hề.

[83] Tiếng La tinh, tương đương với ngạn ngữ ta: Người khôn nói ít hiểu nhiều.

[84] Nguyên văn tiếng Ý: voi

[85] Nguyên văn La Tinh: ad hoc.

[86] Guido Reni cũng gọi là Le Guide: họa sỹ Ý vẽ về người duyên dáng và rất tươi màu sắc (1575-1642).

[87] Figaro, Almaviva, hai nhân vật trong ba vở kịch của Beaumarchais' (thế kỷ XVIII Pháp) mà hai là những hài kịch có giá trị lớn: Anh thợ cạo thành Seville và Đám cưới chàng Figaro, Figaro là một anh thợ cạo thông minh, có học, láu cá, thủ hạ của bá tước Anmaviva, nhưng coi thường y. *Stendhal* muốn nói Rassi là người hèn hạ và láu lỉnh, khi bị kẻ bề trên vạch trần thì hóa liều lĩnh, và trắng trợn.

[88] Armide: Nữ nhân vật trong thiên anh hùng ca Jérusalem giải phóng của thi hào Ý Le Tasse (thế kỷ XVI). Khi tướng Godefroy de Bouillon dẫn đạo quân thập tự viễn chinh thứ nhất đánh thành Jérusalem để giải phóng nơi an nghỉ của Chúa Jesus, ông gặp một nữ địch thủ có pháp thuật và rất đẹp đã mê hoặc nhiều tướng kiệt xuất của ông, nàng Armide, về sau Armide mê tướng Renaud và cải quy đạo Gia tô.

[89] Sẽ có phân giải ở một đoạn sau.

[90] Tiếng La tinh ở nguyên bản motu prorle.

[91] Theo đúng nguyên văn, ở chương XIV, Rassi nói hai mươi năm cấm cố ngục thành.

[92] Aquetta.

[93] Tác giả tính độ cao bằng một đơn vị cũ, (pied, dài gần 0,33m). Chúng tôi chuyển thành sải (có khi thì thước) để bạn đọc dễ ý niệm.

[94] Theo truyền thuyết cổ Hy Lạp mà nhiều tác giả kịch đã viết thành kịch bản trong đó có kiệt tác bi kịch Phèdre của Racine (Pháp, thế kỷ XVII) thì Phèdre, kể thất của Thésée (anh hùng, vua cổ Athènes) yêu thầm người con riêng của chồng, Hippolyte đã tỏ tình với chàng và bị cự tuyệt.

[95] Alexandre Farnèse, tướng Ý dưới quyền hoàng đế Tây Ban Nha, đã liên minh với quân công Pháp đánh Louis vua Pháp Henri IV trước cửa thành Paris (thế kỷ XVI). Họ Farnèse là một vọng tộc từng có giáo hoàng, hoàng hậu, và nhiều quận vương chuyên chính ở công quận Parme cho đến 1731. Hai quận vương trong tiểu thuyết này do *Stendhal* tưởng tượng ra.

[96] Alfieri: tác gia bi kịch lớn nhất nước Ý (1741-1803) sinh ở thị trấn Asti (xứ Piedmont, Bắc Ý) nơi có rượu vang trắng ngon.

[97] Ở những nhà quá cao mà chân trời thoáng, nếu nhà quay về hướng này thì người ta làm "mái che nắng" theo kiểu này để tránh ánh mặt trời chiếu ngang và từ dưới lên. Mái che ở đây lại có mục đích cách ly hẳn Fabrice.

[98] Charlotte Corday. Thiếu nữ Pháp đã đâm chết Jean-Paul Marat, một lãnh tụ kiên quyết của cách mạng Pháp vì cho là ông giết hại quá nhiều người. Cô tên đoạn đầu dài năm 1793.

[99] Cassandre: Nhân vật hài kịch Ý, điển hình của ông lão cả tin bị con cháu và mọi người lừa phỉnh.

[100] Chế độ lao tù hà khắc như thế, tướng Conti thụ mệnh quận vương giữ gìn Fabrice nghiêm ngặt như thế, mà Fabrice lại được mang súng, gươm và vàng theo người, lại có chỗ cất trong buồng gỗ của mình thì cũng lạ! Nhà văn lớn thường có những đăng trí nhỏ.

[101] Nguyên văn: alphabetalla Monaca.

[102] Nguyên văn La tinh: sine qua non.

[103] Nguyên văn La tinh: in petto.

[104] Nguyên văn: A l'ave Maria.

[105] Laudanum: Thuốc giảm thống, gây mê chế từ thuốc phiện ra.

[106] Nguyên văn La tinh: Te deum.

[107] Sĩ quan từng phục vụ đế chế Napoléon hoặc các triều đình cùng cánh với Napoléon

đều bị cho về vườn với nửa lương tại chức nếu không tỏ thái độ tích cực ủng hộ chế độ mới.

[108] Hình như tác giả cố ý lập.

[109] Pétrarque (1304 - 1374) có làm những bài thơ tình nổi tiếng về người yêu của mình, tên là Laure. Tập thơ chia làm hai phần: thơ lúc Laure còn sống và thơ sau khi Laure chết. Xem bản dịch tập thơ (bản dịch ra tiếng Pháp nhan đề là văn thơ) thì thấy hình như *Stendhal* muốn nói đến bài thơ thiết tha và tình tứ "Cầu trời cho nhà thơ chết trước người yêu", trong đó nhà thơ chơi chữ trên tên Laure. Cái chữ Fabrice đổi đây có lẽ là Laure.

[110] Nguyên văn Champs-Elysées tức là nơi mà những người có đạo đức được ở sau khi chết, theo thần thoại Hy Lạp (tương đương với Thiên đường hoặc cõi Cực lạc).

[111] Tiếng Ý, ghi y nguyên bản. Tác giả có khi dùng tiếng Ý rồi chữa tiếng Pháp ra sau trong dấu ngoặc đơn, có khi dịch ra tiếng Pháp xong vẫn chữa tiếng Ý

[112] Vua nước Pháp, nổi tiếng là tốt bụng nhu nhược. Bị vợ và triều thần lái, ông phạm sai lầm bội phản và bị cách mạng xử tử năm 1793.

[113] Câu ghi đề từ tập II tác phẩm này không giống y như câu này về hình thức, và cũng khác về ý nghĩa mặc dù tác giả ghi xuất xứ chương XXIII.

[114] Tiếng Ý, có thể dịch tạm: Kịch cương.

[115] Tức là chính thể cộng hòa.

[116] Jean de La Fontaine: Nhà thơ ngụ ngôn lớn nhất của nước Pháp, một trong tác giả truyện ngụ ngôn lớn nhất thế giới (1621 - 1695) có lối thơ tự sự thân tình.

[117] *Stendhal* chép y nguyên văn (bài thứ 4, quyển thứ IV, toàn bộ: 12 quyển) nhưng tuy nói trọn, ông đã cắt đi 24 câu. 18 câu trích ở đây diễn tả việc lãnh chúa trêu ghẹo con gái chủ vườn và cả đoàn ăn uống tha hồ ở nhà chủ.

[118] Sáu câu trích ở đây diễn tả cảnh cả đoàn săn trong vườn xong, đuổi theo thợ, người ngựa phá tung rào chạy ra đồng.

[119] Marie de Médicis: Thái hậu mẹ vua Louis XIII, làm phụ chính, lúc Louis vị thành niên. Khi mà vua trưởng thành, ông lấy Richelieu làm thủ tướng; trong một ngày gọi là Ngày lật lọng, trước nhà vua nghe lời mẹ toan cách chức Richelieu, sau lại nghe theo Richelieu phát lưu mẹ.

[120] Lò sưởi và ống khói không được thông thường xuyên thường đọng nhiều muội. Khi đốt lửa lớn và có không khí lưu thông, muội đó cháy lên, phát nhiệt, gây nên lửa ngọn và khói gần như cháy nhà.

[121] Đêm lễ thánh Barthélemy năm 1572, với sự khuyến khích của triều đình, những người công giáo Pháp đã tàn sát những người theo đạo Cải cách trong đó có nhiều nhân tài.

[122] Người dịch văn phải dịch sát mặc dù thấy tác giả có sơ ý: Nếu xin bà công nương ở rốn bốn phút thì bốn phút ấy sẽ ở "ngoài" chứ làm sao ở "trong" tám phút đó? Và bà sẽ bị chậm 12 phút.

[123] Tiếng Anh trong nguyên tác: Gentleman

[124] Trong đạo Gia tô có nhiều dòng tu và thường ở một thành phố lớn châu Âu, có nhiều tu viện thuộc nhiều dòng tu khác nhau, Dòng Chatreuse là một dòng tu khổ hạnh và biệt cư do Thánh Bruno lập ra và dựng nên tu viện đầu tiên ở thị trấn Chartreues. Về sau các tu viện dòng này đều được gọi là Chatreuse. Nhan đề La Chartreuse de Parme muốn dịch thật chính xác thì

phải là Tu viện dòng Chatreuse ở Parme.

[125] Cimarosa Domenico, nhạc sĩ Ý (1749-1801), thuộc số *Stendhal* say mê, tác giả vở Opéra: "Hôn nhân bị mất" (il matrimonio segreto) trong đó có bài hát nói trên.

[126] Nguyên văn: "Tu l'as voulu, George Dandin", nếu dịch từng chữ thì: "Mày đã muốn thế mà George Dandin!". Câu này ở miệng nhân vật George Dandin trong một vở kịch cùng tên của Molière, Dandin cố lấy cho được một người vợ anh ưa thích, về sau thất vọng tự an ủi bằng câu ấy "Nữ công tước muốn lưu ý bá tước là lấy nàng. Mosca phải bỏ chức thủ tướng để theo nàng, thu hoạch sẽ sứt nhiều và không được trọng vọng nữa (xem hai câu trên). Nhưng đã tự nguyện thì chớ ân hận."

[127] Nguyên văn: Aggrottato (tiếng Ý).

[128] Đạo Gia tô lên án việc tự sát, cho dù là tự sát sẽ mất linh hồn, nghĩa là sa xuống địa ngục. Như thế nếu Fabrice tự sát thì sẽ không thể nào gặp lại Clélia.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>